



**TÀI LIỆU ĐÀO TẠO
GIẢNG VIÊN
GIỚI VÀ THÍCH ỨNG
VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**



EmPower
Women for Climate-Resilient Societies

@2021 ARROW và UN Women. Đã đăng ký Bản quyền.

Các ý kiến được trình bày trong ấn phẩm này là của (các) tác giả và những người đóng góp ý kiến và không nhất thiết đại diện cho quan điểm của ARROW, UN Women, Liên hợp quốc hoặc bất kỳ tổ chức liên kết nào. Ấn phẩm này đã được xây dựng trên cơ sở thông tin có tại thời điểm xuất bản. Trách nhiệm đối với các quan điểm được thể hiện trong sách và tính chính xác của các phân tích thuộc về (các) tác giả. Để biết danh sách bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào được tìm thấy sau khi xuất bản, vui lòng truy cập trang web EmPower của chúng tôi.

UN Women trân trọng cảm ơn Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) đã hỗ trợ tài chính cho việc soạn thảo và biên soạn tài liệu đào tạo này, như một phần của dự án của UN Women về *Tăng cường quyền con người và bình đẳng giới thông qua hành động biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (EmPower)*.

BẢN QUYỀN VÀ SỰ CHO PHÉP



Tác phẩm này được cấp phép theo Giấy phép Quốc tế Creative Commons Đóng góp phi thương mại 4.0. Để xem bản sao của giấy phép này, hãy truy cập <http://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/>. Bất kỳ phần nào trong nội dung xuất bản đều có thể được sao chụp, sao chép, lưu trữ theo một hệ thống truy xuất, hoặc có thể được truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào bằng bất kỳ phương tiện nào, hoặc có thể được điều chỉnh và dịch để đáp ứng nhu cầu địa phương, hoặc phi thương mại và không vì mục đích lợi nhuận. Tuy nhiên, quyền sao chép đối với hình ảnh thuộc về chủ sở hữu bản quyền tương ứng. Tất cả các hình thức sao chép, tái tạo, phóng tác và dịch thông qua các phương tiện cơ học, điện hoặc điện tử phải ghi nhận nguồn của tài liệu là ARROW. Một bản sao của việc tái bản lại, chuyển thể và / hoặc dịch phải được gửi đến ARROW hoặc UN Women. Trong trường hợp sử dụng cho mục đích thương mại, phải liên hệ với ARROW hoặc UN Women để xin phép tại arrow@arrow.org.my hoặc info.th@unwomen.org và phải đáp ứng các điều kiện sau:

Ghi nhận - Vui lòng trích dẫn tác phẩm là:

Chauhan, Dharmistha. 2021. *Tài liệu Tập huấn về Giới và Thích ứng với Biến đổi Khí hậu. Kuala Lumpur và Bangkok: Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW) và Cơ quan Phụ nữ Liên hợp quốc Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.*

Bản dịch - nếu bạn dịch tài liệu này, vui lòng thêm tuyên bố từ chối trách nhiệm sau cùng với ghi nhận tác giả:

Bản dịch này không phải của ARROW hoặc UN Women và không nên được coi là bản dịch chính thức của ARROW hoặc UN Women. ARROW hoặc UN Women sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ nội dung hoặc sai sót nào trong bản dịch này.

Bản chuyển thể - Nếu bạn sử dụng và chuyển thể tài liệu này, vui lòng thêm tuyên bố từ chối trách nhiệm sau cùng với ghi nhận tác giả.

Đây là bản chuyển thể từ nguyên tác tài liệu của ARROW và UN Women. Quan điểm và ý kiến thể hiện trong bản chuyển thể là trách nhiệm duy nhất của tác giả hoặc các tác giả của bản chuyển thể và không được ARROW và UN Women xác nhận.

Nội dung của bên thứ ba - ARROW và UN Women không nhất thiết phải sở hữu từng thành phần của nội dung có trong tác phẩm. ARROW và UN Women do đó không đảm bảo việc sử dụng một phần hoặc từng phần riêng lẻ thuộc sở hữu của bên thứ ba trong tài liệu sẽ không vi phạm bản quyền của các bên thứ ba đó. Rủi ro khiếu nại do vi phạm đó hoàn toàn thuộc về bạn. Nếu bạn muốn sử dụng lại một thành phần của tài liệu, bạn có trách nhiệm xác định xem có cần sự cho phép để sử dụng phần đó hay không và xin phép chủ sở hữu bản quyền. Ví dụ về các phần có thể được bao gồm, nhưng không giới hạn, bảng, số liệu hoặc hình ảnh.

TÁC GIẢ

Dharmistha Chauhan

BIÊN TẬP

Prakriti Naswa (ARROW)

RÀ SOÁT VÀ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Biplabi Shrestha, Deepa Chandra, Evelynne Gomez, Sai Jyothirmai Racherla, and Sivananthi Thanenthiran (ARROW)
Bobe Lee, Inkar Kadyrzhanova, Katherine Gifford, Pairach Homtong, Paulene Maria Isabelle Santos, and Riina Haavisto (UN Women)
Amy Reggers, Annette Wallgren, Parimita Mohanty, and Prashanthi Subramaniam (UNEP)

BIÊN TẬP VỀ NGÔN NGỮ

Faye F.Melegrito (bản tiếng anh) Lê Văn Sơn (bản tiếng việt)

THIẾT KẾ ĐỒ HỌA VÀ DÀN TRANG (BẢN TIẾNG ANH)

Nicolette de Lange Mallari

HÌNH ẢNH

Ảnh bìa: UN Women/Lã Nhật Tân; Mô-đun 1: UN Women/Nguyễn Lương Sáng; Mô-đun 2: UN Women/Nguyễn Văn Thái; Mô-đun 3: UN Women/Huỳnh Mỹ Thuận. Mô-đun 4: UN Women/Hoàng Hiệp; Mô-đun 5: UN Women/Lê Văn Vinh; Và Mô-đun kết luận: UN Women/Phạm Quốc Hùng

Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW)

1&2 Jalan Scott, Brickfields, Kuala Lumpur, Malaysia, 50470

Email : arrow@arrow.org.my
Web : arrow.org.my
Facebook : facebook.com/ARROW.Women
Instagram : [arrow_women](https://instagram.com/arrow_women)
Twitter : [@ARROW_Women](https://twitter.com/ARROW_Women)

Văn phòng UN Women khu vực Châu Á và Thái Bình Dương

United Nations building, Rajdamnern Nok Avenue
Bangkok, Thailand 10200

Email : info.th@unwomen.org
Web : asiapacific.unwomen.org
Facebook : [@unwomenasia](https://facebook.com/@unwomenasia)
Instagram : [@unwomenasia](https://instagram.com/@unwomenasia)
Twitter : [@unwomenasia](https://twitter.com/@unwomenasia)

MỤC LỤC

PHẦN GIỚI THIỆU

- 4 - Lời nói đầu, UN Women và ARROW
- 6 - Giới thiệu tài liệu
- 6 - Chữ viết tắt
- 11 - Giới thiệu

MÔ-ĐUN 1

14 GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- 15 - Mô-đun 1: Kế hoạch học phần A
- 16 - Quyền con người và Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền
- 18 - Không để lại ai phía sau
- 20 - Bình đẳng giới và sự chùng lóp phân biệt đối xử
- 25 - Kế hoạch học phần B
- 26 - Rủi ro khí hậu toàn cầu, Thích ứng, Xây dựng khả năng chống chịu và Giảm thiểu rủi ro thiên tai
- 34 - Kế hoạch học phần C
- 35 - Các khía cạnh giới của Biến đổi khí hậu Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Xây dựng khả năng chống chịu
- 44 - Lồng ghép giới trong Tích hợp giới trong Biến đổi khí hậu Giảm thiểu rủi ro thiên tai và Xây dựng khả năng chống chịu
- 51 - Bài tập cho Mô-đun 1
- 63 - Tài liệu phát tay cho Mô-đun 1

MÔ-ĐUN 2

80 LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI VÀ XÂY DỰNG KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

- 81 - Kế hoạch học phần A
- 82 - Khung chính sách giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu toàn cầu
- 85 - Khung quốc gia về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Lồng ghép giới
- 91 - Kế hoạch học phần B
- 92 - Khoảng trống và thách thức đối với lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch quốc gia
- 95 - Các chiến lược về Lồng ghép giới và Điểm đầu vào cho các tổ chức xã hội dân sự
- 106 - Bài tập cho Mô-đun 2
- 114 - Tài liệu phát tay cho Mô-đun 2

MÔ-ĐUN 3

132 CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI

- 133 - Kế hoạch học phần A
- 134 - Lồng ghép giới và phân tích giới
- 145 - Công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới
- 156 - Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới
- 161 - Kế hoạch học phần B
- 162 - Quy trình Thực hiện có nhận thức về giới
- 169 - Giám sát và Đánh giá có nhạy cảm giới
- 172 - Bài tập cho Mô-đun 3
- 180 - Tài liệu phát tay Mô-đun 3

MÔ-ĐUN 4

195 GIỚI TRONG CÁCH TIẾP CẬN THÍCH ỨNG VÀ KẾ HOẠCH NGÀNH

- 196 - Kế hoạch Học phần A
- 197 - Mô hình thích ứng và giới
- 209 - Kế hoạch Học phần B
- 210 - Lĩnh vực 1: Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực
- 215 - Lĩnh vực 2: Biến đổi khí hậu, Y tế công cộng và Dịch bệnh
- 221 - Lĩnh vực 3: Biến đổi khí hậu và các vùng ven biển
- 226 - Bài tập cho Mô-đun 4
- 234 - Tài liệu phát tay cho Mô-đun 4

MÔ-ĐUN 5

275 TÀI CHÍNH KHÍ HẬU CHO CÁC HÀNH ĐỘNG KHÍ HẬU CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

- 276 - Kế hoạch học phần B
- 277 - Bối cảnh tài chính khí hậu toàn cầu
- 283 - Các Quỹ Thích ứng Chính và Phạm vi cho Sự Tham gia của CSO
- 291 - Kế hoạch học phần B
- 292 - Tổng quan về lập ngân sách có trách nhiệm giới (GRB)
- 295 - Ứng dụng lập ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính Khí hậu Trong nước
- 299 - Các công cụ và kỹ thuật lập ngân sách có trách nhiệm giới và Điểm đầu vào cho các tổ chức xã hội dân sự
- 302 - Lập ngân sách có trách nhiệm giới cho Tài chính Khí hậu: Báo cáo Ngân sách Giới và Khí hậu
- 304 - Bài tập cho Mô-đun 5
- 310 - Tài liệu phát tay cho Mô-đun 5

PHẦN KẾT LUẬN

- 325 - Ứng dụng kiến thức – Xây dựng dự án biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai có trách nhiệm giới
- 326 - Bài tập
- 327 - Tài liệu phát cho Phần kết luận

330 PHỤ LỤC

343 TÀI LIỆU THAM KHẢO



LỜI NÓI ĐẦU

Trong 25 năm kể từ khi Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thông qua, đã có những thay đổi tích cực đáng kể trong nhiều khía cạnh của bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Tuy nhiên, những thách thức vẫn còn tồn tại trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là vấn đề lồng ghép giới trong các chính sách về biến đổi khí hậu.

Lồng ghép bình đẳng giới trong biến đổi khí hậu đặc biệt quan trọng đối với Châu Á - Thái Bình Dương, một trong những khu vực dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa trên thế giới. Phụ nữ và trẻ em gái ở khu vực này đã phải chịu đựng các hệ thống cơ cấu mất cân bằng và bất bình đẳng giới đã được thể chế hóa. Do đó, các yếu tố đan xen này làm tăng tính dễ bị tổn thương của họ trước các tác động của biến đổi khí hậu. Khi thảm họa xảy ra, phụ nữ và trẻ em gái thường bị vi phạm các quyền, bạo lực trên cơ sở giới, xung đột và căng thẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực, tảo hôn và hôn nhân ép buộc, di cư cưỡng bức do khí hậu và buôn bán người. Một phần lớn phụ nữ ở Châu Á và Thái Bình Dương kiếm sống từ ngành nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên nhạy cảm với khí hậu, điều này khiến họ nhạy cảm hơn với các tác động của biến đổi khí hậu. Năng lực, kỹ năng và kiến thức của phụ nữ để giải quyết hiệu quả biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai thường chưa được khai thác do định kiến phân biệt đối xử và các chuẩn mực xã hội làm giảm giá trị kiến thức của họ và dẫn đến việc họ bị loại khỏi quá trình ra quyết định. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của họ bị hạn chế do vị trí yếu thế của họ.

Văn phòng UN Women khu vực châu Á và Thái Bình Dương đã làm việc với nhiều bên liên quan để thực hiện chương trình nghị sự Bắc Kinh + 25, đồng thời nỗ lực để lồng ghép giới trong các hành động, chính sách và kế hoạch về khí hậu cũng như hỗ trợ các hành động của cộng đồng. Chúng tôi biết những áp lực mà những người dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu phải đối mặt và cuộc đấu tranh của họ đã trở nên trầm trọng hơn như thế nào trước bối cảnh đại dịch toàn cầu. Chúng tôi đã và đang hợp tác chặt chẽ với phụ nữ

ở các cộng đồng trong phục hồi COVID-19, nhận thức được tầm quan trọng của phục hồi xanh và toàn diện, ngăn việc quay trở lại các hoạt động không bền vững và gây tổn hại, đồng thời đảm bảo an ninh tốt hơn và khả năng sẵn sàng đối phó với thiên tai và các rủi ro khác, bao gồm cả các mối đe dọa toàn cầu đối với sức khỏe cộng đồng.

Chúng tôi tin rằng khi tất cả mọi người ở mọi nơi trong xã hội của chúng ta cùng hành động vì biến đổi khí hậu, chúng ta có thể cùng nhau xây dựng một thế giới bền vững và chống chịu tốt hơn. Khi phụ nữ và trẻ em gái cùng nhau tập hợp lại và xây dựng cơ quan đại diện của riêng họ, tiếng nói của họ được trao quyền và được lắng nghe, hành động của họ được tăng cường. Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng hành động vì khí hậu sẽ mang lại hiệu quả khi tất cả chúng ta nỗ lực hết mình, bao gồm cả phụ nữ và nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai, và tất cả nhân loại không phân biệt xu hướng tính dục, tuổi tác, tình trạng khuyết tật và chủng tộc. Nếu không có sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các khía cạnh của quá trình ra quyết định, các giải pháp để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu sẽ luôn luôn không đầy đủ.

Tài liệu tập huấn về lồng ghép giới trong biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai dành cho các tổ chức xã hội dân sự là một bước quan trọng để chuẩn bị cho mọi người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái, trở thành những người tạo ra sự thay đổi ở mặt trận hành động khí hậu.

MOHAMMAD NACIRI

Giám đốc khu vực

Văn phòng UN Women khu vực châu Á-Thái bình dương



arrow



LỜI NÓI ĐẦU

Tác động của biến đổi khí hậu không phân biệt giới tính. Tình trạng dễ bị tổn thương do phân biệt giới phát sinh do địa vị xã hội của phụ nữ trong xã hội, do họ ít khả năng tiếp cận các nguồn lực, ít đại diện trong các cơ quan hoạch định chính sách, có trình độ kỹ năng và kiến thức thấp. Các tác động không cân xứng của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ và trẻ em gái ở mọi khía cạnh khác nhau bao gồm việc thiếu khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục; gia tăng tình trạng tảo hôn, hôn nhân ở trẻ em và hôn nhân ép buộc; bạo lực trên cơ sở giới; bị gạt ra ngoài lề về xã hội và kinh tế; khó khăn trong tiếp cận đến giáo dục; và nhiều thứ khác nữa. Những tác động này là biểu hiện của tình trạng bất bình đẳng giới, và tình trạng này sẽ trở nên trầm trọng hơn nếu các giải pháp khí hậu mù về giới.

Bất bình đẳng tồn tại sâu sắc, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Đồng thời, có đủ bằng chứng cho thấy việc trao quyền cho phụ nữ cũng mở rộng trao quyền cho gia đình và cộng đồng của họ, từ đó giúp họ thích ứng với biến đổi khí hậu. Chúng ta phải tạo điều kiện cho các nữ lãnh đạo tại cộng đồng, xây dựng kỹ năng và năng lực của họ, đồng thời góp tiếng nói vào sự tham gia của họ trong việc hoạch định chính sách. Phụ nữ với tư cách là người tạo ra sự thay đổi đóng một vai trò quan trọng trong các hành động cơ bản để giảm thiểu và quản lý rủi ro khí hậu và thiên tai; và chúng tôi cần các tổ chức xã hội dân sự (CSO) được trao quyền để giúp biến điều này thành hiện thực.

Công việc và nghiên cứu của chúng tôi với các tổ chức xã hội dân sự (CSO) ở Nam và Đông Nam Á cho thấy rằng các CSO nhận thức được khoảng cách giới và bất bình đẳng giới trong biến đổi khí hậu cũng như các chính sách và chương trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, họ gặp nhiều rào cản về năng lực trong việc lồng ghép giới, trong các hoạt động cấp dự án của họ hoặc trong việc vận động chính sách ở cấp địa phương và cấp quốc gia. Việc lấp đầy những khoảng cách năng lực này của các tổ chức xã hội dân sự có thể tăng cường mối liên kết về lồng ghép ở các cấp khác nhau và cũng trình bày một cách hiệu quả hơn các vấn đề của địa phương trong quá trình xây dựng chính sách ở tất cả các cấp.

Tài liệu đào tạo này là một sản phẩm kiến thức toàn diện được xây dựng trong dự án Empower. Đây là kết quả của việc đánh giá nhu cầu chi tiết được thực hiện tại ba quốc gia thí điểm - Bangladesh, Campuchia và Việt Nam - nơi chúng tôi đã làm việc với một số CSO để xác định khoảng trống về năng lực và nhu cầu của họ. Tài liệu hướng dẫn này được thiết kế để các CSO ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương làm việc với các cộng đồng về vấn đề giới, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, quyền con người và giảm thiểu rủi ro thiên tai. Nó bao gồm các khái niệm, vấn đề, khuôn khổ chính sách và thực tiễn chính trong các lĩnh vực này, sử dụng phương pháp tiếp cận theo định hướng thực hành mà có thể được nhân rộng trong các tình huống thực tế nhằm nâng cao khả năng ra quyết định, tăng cường khả năng phục hồi của phụ nữ dựa vào cộng đồng, vận động cho việc lồng ghép giới và thiết kế các dự án có trách nhiệm giới. Các ví dụ và nghiên cứu điển hình trong sổ tay này vượt ra ngoài phạm vi các quốc gia thí điểm, khiến nó phù hợp để sử dụng trong bối cảnh rộng hơn của toàn Châu Á - Thái Bình Dương.

Thông qua tài liệu này, chúng tôi cũng đặt quyền và sức khỏe tình dục và sinh sản lên hàng đầu, một vấn đề quan trọng thường bị bỏ sót trong các hoạt động phát triển. Có quyền tự chủ về cơ thể và tiếp cận với các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục là không thể thiếu đối với bình đẳng giới và quyền sức khỏe, và do đó là nền tảng để xây dựng các xã hội thích ứng với khí hậu. Mục tiêu dài hạn là áp dụng rộng rãi tài liệu hướng dẫn này trong việc thúc đẩy hành động khí hậu có trách nhiệm giới trên thực tế và trao quyền cho phụ nữ với tư cách là những người tạo ra sự thay đổi trong xã hội. Chúng tôi hy vọng các tổ chức xã hội dân sự sẽ thấy tài liệu này hữu ích để thúc đẩy công việc của họ trong các hành động thích ứng với biến đổi khí hậu có trách nhiệm giới.

SIVANANTHI THANENTHIRAN

Giám đốc điều hành

Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW)

VỀ TÀI LIỆU

Tài liệu Đào tạo Giảng viên này được thiết kế dành cho các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) ở châu Á làm việc với cộng đồng nhằm nâng cao kiến thức về giới, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Mục tiêu của tài liệu nhằm tăng cường hiểu biết về mối liên quan giữa giới và biến đổi khí hậu, kỹ năng và năng lực của các CSOs nhằm tăng cường khả năng chống chịu dựa vào cộng đồng và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của phụ nữ. Mục tiêu lâu dài là để thúc đẩy các hành động chống chịu với biến đổi khí hậu ở cấp cộng đồng, trong đó có đưa khía cạnh giới vào ngay từ ban đầu.

TỪ VIẾT TẮT

°C	Độ C	BCCRF	Quỹ chống chịu với biến đổi khí hậu Bangladesh
100 RC	100 thành phố chống chịu	BCCSAP	Chiến lược và Kế hoạch hành động Biến đổi khí hậu Bangladesh
ACCCRN	Mạng lưới các thành phố châu Á chống chịu với biến đổi khí hậu	BCCT	Ủy thác Biến đổi khí hậu Bangladesh
ADB	Ngân hàng phát triển châu Á	BCCTF	Quỹ Ủy thác Biến đổi khí hậu Bangladesh
AE	Tổ chức có chứng nhận	BCFA	Cơ quan ủy thác Biến đổi khí hậu Bangladesh
AF	Quỹ Thích ứng	BPFA	Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh
APF	Khung chính sách thích ứng	CAG	Nhóm hành động cộng đồng
APR	Báo cáo tiến độ hàng năm	CBA	Thích ứng dựa vào cộng đồng
APRCM	Cơ chế tham gia của các CSO khu vực châu Á Thái Bình Dương	CBD	Công ước về Đa dạng sinh học
AR	Báo cáo đánh giá (Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu)	CBO	Các tổ chức dựa vào cộng đồng
ARC	Chữ thập đỏ Úc	CBVAT	Công cụ đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương dựa vào cộng đồng
ARROW	Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực châu Á – Thái Bình Dương cho Phụ nữ	CC	Biến đổi khí hậu
ASAP	Chương trình Thích ứng cho các hộ sản xuất nông nghiệp nhỏ	CCA	Thích ứng với Biến đổi khí hậu
ASHA	Các nhà hoạt động sức khỏe xã hội được chứng nhận	CCAFS	Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực
BCAS	Trung tâm nghiên cứu cao cấp Bangladesh	CCCCO	Văn phòng điều phối Biến đổi khí hậu (Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

CCCSP	Chiến lược Biến đổi khí hậu Cambodia	DRR	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
CCDRR	Biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	EBA	Thích ứng dựa vào hệ sinh thái
CCGAP	Kế hoạch hành động biến đổi khí hậu và giới	EGI	Chỉ số Giới và Môi trường
CCS	(Khung) nguyên nhân, hậu quả và giải pháp	EIAS	Đánh giá tác động môi trường
CEDAW	Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ	EPSC	Chuẩn bị trước động đất vì các cộng đồng an toàn hơn
CERF	Quỹ ứng phó khẩn cấp trung tâm của Liên hợp quốc	ESS	Bảo vệ môi trường và xã hội
CETF	Khung theo dõi chi tiêu cho biến đổi khí hậu	EU	Liên minh châu Âu
CFF	Khung tài chính khí hậu	FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc
CFU	Cập nhật tài chính khí hậu	FCPF	Quỹ Carbon rừng
CFW	Cấp tiền qua công việc	FGDS	Thảo luận nhóm tập trung
CIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada	FIP	Chương trình đầu tư rừng
CIF	Quỹ Đầu tư Khí hậu	GACSA	Liên minh toàn cầu vì Nông nghiệp thích ứng Biến đổi khí hậu
COP	Hội nghị các bên	GAD	Giới và Phát triển
CPEIR	Rà soát thể chế và chi tiêu công về khí hậu	GAM	Ma trận phân tích giới
CPI	Sáng kiến chính sách khí hậu	GAP	Kế hoạch hành động giới
CRFS	Trường học đầu bờ chống chịu với khí hậu	GBS	Tuyên bố Ngân sách giới
CSA	Nông nghiệp thông minh với khí hậu	GBV	Bạo lực trên cơ sở giới
CSOS	Các tổ chức xã hội dân sự	GCBS	Tuyên bố ngân sách giới và biến đổi khí hậu
CTF	Quỹ công nghệ sạch	GCCA	Liên minh biến đổi khí hậu toàn cầu
CVA	(Khung) đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương	GCCC	Ủy ban Biến đổi khí hậu và giới (Cambodia)
DAE	Cơ quan tiếp cận trực tiếp	GCCI	Sáng kiến biến đổi khí hậu toàn cầu (Mỹ)
DALY	Năm sống được điều chỉnh theo khuyết tật	GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
DFAT	Cơ quan Đối ngoại và Ngoại thương Úc	GCPF	Quỹ đối tác khí hậu toàn cầu
DFID	Cơ quan Phát triển quốc tế	GCVCA	Đánh giá năng lực và tính dễ bị tổn thương do khí hậu có nhận thức về giới
DFIS	Các Viện Tài chính phát triển Development Finance Institutions	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
DRM	Quản lý rủi ro thiên tai	GEF	Quỹ Môi trường toàn cầu
		GESI	Bình đẳng giới và bao trùm xã hội

GFDRR	Quỹ toàn cầu về Giảm nhẹ và Khôi phục sau thiên tai	IPS	Kế hoạch đầu tư
GGCA	Liên minh toàn cầu về Giới và Khí hậu	ISET	Viện chuyển đổi về Xã hội và Môi trường
GHG	Khí nhà kính	IUCN	Hiệp hội quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên
GTZ	Hợp tác kỹ thuật Đức	IVRS	Dịch vụ phản hồi bằng giọng nói tương tác
GMMX	Ma trận giám sát giới	KFW	Ngân hàng phát triển Đức
GNA	Đánh giá nhu cầu giới	KKPKP	Kagad Kach Patra Kashtakari Panchayat
GOB	Chính phủ Bangladesh	LAPAS	Kế hoạch hành động thích ứng địa phương
GOI	Chính phủ Ấn Độ	LDCF	Quỹ các nước kém phát triển
GON	Chính phủ Nepal	LDCS	Các nước kém phát triển nhất
GRAS	Thang đánh giá trách nhiệm giới	LGBTIQ	Đồng tính nữ, Đồng tính nam, Lưỡng tính, Chuyển giới, Người khác giới và Người đồng tính
GRB	Ngân sách có trách nhiệm giới	LNOB	Không bỏ ai lại phía sau
HBS	Heinrich-Böll-Stiftung	LWPG	Chương trình làm việc Lima về Giới
HFA	Khung Hành động Hyogo	M & E	Giám sát đánh giá
HH	Hộ gia đình	MCRAM	Cơ chế đánh giá nhanh nhiều lĩnh vực
HIIEWS	Hệ thống Cảnh báo Sớm Thông tin Y tế	MDB	Ngân hàng phát triển đa phương
HIMAP	Đối tác thích ứng ở vùng núi cao	MDF	Quỹ Ủy thác đa tài trợ
HRBA	Tiếp cận dựa vào quyền con người	MEA	Đánh giá Hệ sinh thái Thiên niên kỷ
IAE	Cơ quan tiếp cận quốc tế	MIE	Cơ quan triển khai nhiều bên
IASC	Ủy ban thường trực liên cơ quan	MNC	Hợp tác đa quốc gia
ICCCAD	Trung tâm quốc tế về Biến đổi khí hậu và Phát triển (Bangladesh)	MOF	Bộ Tài chính
ICPD	Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển	MOWA	Bộ Các vấn đề phụ nữ
IDPS	Người bị di dời nội địa	MRCS	Chữ thập đỏ Myanmar
IFRC	Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế	NAMA	Kế hoạch Giảm nhẹ phù hợp với Quốc gia
IIED	Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế	NAPA	Kế hoạch Hành động Thích ứng Quốc gia
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế	NAPCC	Kế hoạch Hành động Biến đổi khí hậu Quốc gia (Ấn Độ)
INDCS	Đóng góp do quốc gia tự quyết định dự kiến	NAPS	Các kế hoạch thích ứng Quốc gia
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu	NDA	Các cơ quan quốc gia được Ủy quyền
		NDCS	Đóng góp do quốc gia tự quyết định

NDMA	Cơ quan Quản lý Thiên tai Quốc gia	SAP	Đề án thí điểm quy trình phê duyệt được đơn giản hóa
NGOS	Các tổ chức phi chính phủ	SCCF	Quỹ Biến đổi khí hậu Đặc biệt
NIE	Cơ quan thực hiện quốc gia	SCF	Quỹ khí hậu chiến lược
NTFP	Sản xuất rừng ngoài gỗ	SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
OCHA	Văn phòng cơ quan điều phối của Liên hợp quốc về Cứu trợ Nhân đạo	SFVC	Cam kết tự nguyện Khung Sendai
ODA	Viên trợ phát triển nước ngoài	SGP	Chương trình tài trợ nhỏ
ODI	Viên phát triển hải ngoại	SIDA	Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế	SMART	Cụ thể, có thể đo lường, có thể đạt được, phù hợp và có thời hạn
OHCHR	Văn phòng Cao ủy Quyền con người Liên hợp quốc	SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
PCP	Lập kế hoạch chiến dịch có sự tham gia	SREP	Mở rộng Chương trình Năng lượng Tái tạo
PCVA	Phân tích năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương có sự tham gia	SRHR	Quyền sức khỏe tình dục và sinh sản
PKSF	Quỹ Palli Karma-Sahayak	SURE	Tăng cường khả năng chống chịu và gắn kết của đô thị
PLA	Học tập và Hành động có sự tham gia	SWOT	Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức
PNPM	Chương trình Nasional Pemberdayaan Masyarakat Mandiri	TMI	Viện Núi
PPCR	Chương trình thí điểm về chống chịu biến đổi khí hậu	ULBS	Cơ quan đô thị địa phương
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia	UN	Liên hợp quốc
PTSD	Rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý	UN DESA	Cơ quan Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc
RB	Xây dựng sức chống chịu	UN WOMEN	Tổ chức Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ
REDD	Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng	UNCCD	Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa
REE-CALL	Khả năng phục hồi thông qua Trao quyền kinh tế, Thích ứng với khí hậu, Lãnh đạo và Học hỏi	UNCED	Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển
RGC	Chính phủ Hoàng gia Cambodia	UNCHE	Hội nghị Liên hợp quốc về môi trường con người
RIE	Các cơ quan thực hiện cấp vùng	UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
SADDD	Số liệu phân tách giới, tuổi và tình trạng khuyết tật	UNDRR	Văn phòng Liên hợp quốc về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
SAN	Mạng lưới cố vấn các bên	UNECE	Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về Châu Âu

UNEP	Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc	WGWLO	Nhóm làm việc về quyền sở hữu đất của phụ nữ
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu	WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc	WID	Phụ nữ trong Phát triển
UNIFEM	Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên hợp quốc	WIL	Phụ nữ trong Lãnh đạo
UNISDR	Chiến lược quốc tế của Liên hợp quốc về giảm nhẹ thiên tai	WMG	Nhóm đa số của Phụ nữ
UNSDG	Các mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc	WOCAN	Phụ nữ tổ chức để thay đổi trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ	WOREC	Trung tâm phục hồi cho phụ nữ
USD	Đô la Mỹ	WRI	Viện tài nguyên thế giới
USP	Điểm bán hàng độc đáo	WRI	Chỉ số chống chịu của phụ nữ
VDC	Ủy ban thiên tai của làng	WU	Hội Liên hiệp Phụ nữ (Việt Nam)
VDMC	Ban quản lý thiên tai của làng		
VRA	Đánh giá giảm tính dễ bị tổn thương		
VTRC	Ủy ban khôi phục di tích làng		
WASH	Nước sạch và vệ sinh		
WCC	Hội nghị Khí hậu Toàn cầu		
WDF	Quỹ dành cho đại biểu nữ		
WDR	Báo cáo phát triển quốc tế		
WEDO	Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ		
WGC	Cơ quan bầu cử Phụ nữ và Giới		

GIỚI THIỆU

Biến đổi khí hậu đã được ghi nhận là một mối đe dọa toàn cầu (IPCC AR 5 2015). Hầu hết các quốc gia ở châu Á đều dễ bị ảnh hưởng bởi rủi ro khí hậu và thiên tai, nhiều quốc gia trong khu vực nằm trong số những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới theo đánh giá của báo cáo rủi ro toàn cầu (IPCC AR5: Asia 2014). Trên phạm vi toàn cầu và quốc gia, các nhà hoạch định chính sách, nhà khoa học, nhà nghiên cứu và những người làm vận động chính sách từ các tổ chức xã hội dân sự đang nỗ lực xây dựng các kế hoạch hành động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Thật không may, cho đến vài năm gần đây, phụ nữ hầu như chưa được xem là tác nhân chính trong các cuộc đàm phán về khí hậu và các khía cạnh giới chưa phải là nội dung ưu tiên của một số chính phủ trong quá trình ra quyết định.

Điều quan trọng là phải kết hợp các cân nhắc về giới và các cách tiếp cận có đáp ứng giới trong việc lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động chống chịu với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (DRR). Điều này bao gồm việc đánh giá rủi ro khí hậu từ góc độ giới; thể chế hóa các cơ chế để lắng nghe quan điểm của nam giới và phụ nữ; công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới với tư cách là các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch và ra quyết định; chia sẻ công bằng các lợi ích về tài chính khí hậu và các ưu tiên hành động; giám sát và đánh giá mức độ đáp ứng giới. Các tổ chức xã hội dân sự (CSO) có vai trò chính trong việc thực hiện điều này ở tất cả các cấp trong quá trình ra quyết định liên quan đến chống chịu với khí hậu. (UN Women 2016).

Mô-đun này được thiết kế chủ yếu để tăng cường vai trò của các CSO, đặc biệt là những người làm việc về giới và quyền của phụ nữ, giúp hiểu rõ tầm quan trọng của việc lồng ghép giới vào các chính sách, chương trình và ngân sách khí hậu ở cấp khu vực, quốc gia và địa phương.

MỤC TIÊU

Mục tiêu chính của tài liệu là nâng cao hiểu biết về mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu, kỹ năng và năng lực của các CSO để tăng cường khả năng phục hồi và thích ứng với biến đổi khí hậu của phụ nữ theo cách tiếp cận dựa vào cộng đồng. Lợi ích thiết thực của việc này là thúc đẩy các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thực tế, trong đó quan điểm bình đẳng giới được đặt lên hàng đầu. Với quan điểm này, Tài liệu hướng dẫn này sẽ sử dụng các ví dụ từ các quốc gia/các trường hợp điển hình trong khu vực, nếu có. Tài liệu hướng dẫn này được xây dựng dựa trên các tài liệu/khóa đào tạo hiện có, bổ sung thêm cho những tài liệu hiện có và được phát triển thành một tập tài liệu đào tạo toàn diện dành cho người mới bắt đầu và các giảng viên đã có kinh nghiệm. Mặc dù tập trung vào giới, số tay hướng dẫn này cũng bao gồm các yếu tố đan xen khác nhau có liên quan đến khía cạnh giới, bao gồm tuổi tác, xu hướng tình dục (tất cả LGBTIQ), (không) khuyết tật, địa vị xã hội và những yếu tố khác.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Tài liệu này được sử dụng để đào tạo các CSO làm việc ở cấp cộng đồng về giới và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu/GNRRTT. Trọng tâm là khu vực Châu Á, tập trung vào các nước Nam và Đông Nam Á như Bangladesh, Campuchia và Việt Nam, nhưng không giới hạn trong các quốc gia này.

PHẠM VI

Tài liệu này bao gồm các vấn đề sau:

- > Các cân nhắc về giới và quyền con người;
- > Tình hình khí hậu và hồ sơ về tình trạng dễ bị tổn thương/thiên tai (bao gồm cả mức độ dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ và trẻ em gái);
- > Khung chính sách và Kế hoạch hành động nhằm tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu/GNRRTT ở cấp khu vực và quốc gia;
- > Các công cụ tài chính khí hậu được lựa chọn và các cơ hội đầu tư ở cấp độ toàn cầu và quốc gia;
- > Phương pháp tiếp cận để lập kế hoạch / hành động thích ứng và phục hồi dựa vào cộng đồng; và
- > Cơ chế thu thập và giám sát dữ liệu cho Hành động Khí hậu

NỘI DUNG

Tài liệu này được chia thành 5 mô-đun, với nhiều phần như bên dưới:

MÔ-ĐUN 1: Giới và Khả năng thích ứng với Khí hậu: Các khái niệm cơ bản

Phần A: Quyền con người, Không để ai bị bỏ lại phía sau (LNOB) và Bình đẳng giới

Phần B: Biến đổi khí hậu và các rủi ro liên quan, khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai

Phần C: Mối liên hệ giữa giới, biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (GNRRTT)

MÔ-ĐUN 2: Xây dựng chính sách CCDRR và kế hoạch quốc gia

Phần A: Tìm hiểu Bối cảnh Chính sách Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và GNRRTT

Phần B: Lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch quốc gia

MÔ-ĐUN 3: Các công cụ để Lồng ghép giới

Phần A: Khung và Công cụ Lồng ghép Giới cho các Tổ chức Xã hội Dân sự (Phân tích, Đánh giá và Lập kế hoạch)

Phần B: Khung và Công cụ Lồng ghép Giới cho các Tổ chức Xã hội Dân sự (Thực hiện, Giám sát và Đánh giá)

MÔ-ĐUN 4: Giới trong các phương pháp tiếp cận thích ứng và hành động theo ngành

Phần A: Mô hình thích ứng và giới

Phần B: Các phương pháp tiếp cận thích ứng theo ngành và giới

MÔ-ĐUN 5: Tài chính khí hậu cho Hành động khí hậu có trách nhiệm giới

Phần A: Tìm hiểu cơ chế Tài chính Khí hậu Toàn cầu và các Yếu tố Giới có liên quan

Phần B: Lập ngân sách đáp ứng giới trong Tài chính Khí hậu

Phần kết luận: Thiết kế Dự án Biến đổi khí hậu/Giảm nhẹ rủi ro thiên tai có đáp ứng Giới

PHỤ LỤC

- > Danh sách bảng kiểm được đề xuất để thiết kế các chương trình đào tạo khác nhau
- > Mẫu chương trình đào tạo cho khóa đào tạo cơ bản bốn ngày
- > Mẫu chương trình đào tạo cho khóa đào tạo nâng cao năm ngày
- > Công cụ đánh giá khóa học
- > Tài liệu tham khảo

LƯU Ý CHO NGƯỜI SỬ DỤNG

Tài liệu này được thiết kế theo từng mô-đun và được thiết kế cho hai loại khóa học - cơ bản và nâng cao. Giảng viên có thể chọn các chủ đề và bài tập theo nhóm đối tượng và thời lượng của mỗi khóa tập huấn. Phụ lục bao gồm một chương trình đào tạo mẫu cho một khóa đào tạo cơ bản bốn ngày. Tài liệu cũng bao gồm một bảng kiểm để hướng dẫn việc lựa chọn chủ đề dựa vào từng nhóm đối tượng người học. Trong mỗi kế hoạch của buổi học đều có các khuyến nghị và gợi ý để hỗ trợ thêm cho các giảng viên.

Mỗi mô-đun bao gồm các phần: tổng quan, mục tiêu, kế hoạch phần học và các thông điệp chính. Trong mỗi phần đều có giải thích thêm về nội dung, tài liệu yêu cầu, đề cương phần học, dự kiến về thời gian để giảng viên tham khảo và có ghi chú hướng dẫn. Mỗi buổi học cũng sẽ có ghi chú kỹ thuật (dành cho giảng viên) và có thể được sử dụng để làm thành các bài trình bày PowerPoint/ Bài giảng cho các khóa đào tạo. Tài liệu cũng có những diễn giải về nội dung để nâng cao nền tảng kiến thức của giảng viên. Giảng viên nên đọc toàn bộ nội dung; và dựa trên đối tượng tập huấn, đưa ra quyết định xem cần đưa những khía cạnh nào vào bài thuyết trình. Hãy nhớ sử dụng thông tin có liên quan đến bối cảnh mà học viên làm việc hàng ngày, cho dù ở địa phương, quốc gia hay khu vực, vì điều này sẽ giúp khóa đào tạo hiệu quả hơn trong việc giúp người học nhớ được các nội dung kiến thức. Nội dung kỹ thuật cũng bao gồm các điểm thảo luận và các lưu ý hỗ trợ cho một chương trình đào tạo hấp dẫn hơn.

Kế hoạch bài giảng của các phần cũng bao gồm một số bài tập và nhiệm vụ nhóm được thiết kế để giúp học viên hiểu rõ các khái niệm và có kinh nghiệm thực tế để áp dụng các công cụ và lý thuyết.

Phần giải thích cho các bài tập trong mô-đun được trình bày sau ghi chú kỹ thuật của mỗi phần. Tài liệu này cung cấp nhiều bài tập khác nhau với các bước chi tiết mà giảng viên muốn sử dụng trong khóa đào tạo. Tuy nhiên, những bước này chỉ là những gợi ý mà giảng viên cần phải điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và mục đích của mình. Các tài liệu cho các bài thực hành (trò chuyện, câu hỏi đố vui, nghiên cứu tình huống và các hình thức khác) được cung cấp dưới dạng tài liệu phát tay.

Tất cả các tài liệu phát tay được gộp vào một phần của tài liệu và có thể được sao chép và cung cấp cho học viên theo yêu cầu. Ở cuối sách hướng dẫn này là danh sách tài liệu có thể được sử dụng để đọc và tham khảo thêm.

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

MÔ ĐUN

GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI
KHÍ HẬU

1

MÔ-ĐUN 1: GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

KẾ HOẠCH PHẦN HỌC:

Học phần này được chia thành ba phần. Mỗi phần có một ghi chú kỹ thuật chi tiết, với một tập hợp các bài tập / nhiệm vụ nhóm được kết nối với nhau để tạo ra một môi trường học tập thuận lợi hơn.

PHẦN A : Quyền con người, Không để ai ở lại phía sau, và Bình đẳng giới

PHẦN B : Biến đổi khí hậu và các rủi ro liên quan, Chống chịu với Biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai

PHẦN C : Mối liên quan giữa Giới, Biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Học phần này tập trung vào việc giới thiệu các khái niệm cơ bản liên quan đến quyền con người, giới, khả năng chống chịu với khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (DRR). Phần học này bắt đầu bằng việc củng cố ba giá trị phổ quát của Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) - Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người để Không một ai bị bỏ lại phía sau (LNOB), Bình đẳng Giới và Trao quyền cho Phụ nữ. Sau đó, nội dung trọng tâm sẽ chuyển sang chỉ ra các tác động đa dạng của biến đổi khí hậu ở khu vực Châu Á, và nó sẽ tác động đến mọi người khác nhau như thế nào dựa trên các tác động xã hội hiện có và cấu trúc bất bình đẳng tồn tại trong khu vực này. Với tình trạng bất bình đẳng giới ngày càng lan rộng và dai dẳng trên khắp thế giới, đặc biệt là phụ nữ, có nhiều khả năng chịu tác động khác biệt của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, phụ nữ không phải là một nhóm đồng nhất; do đó, trong khi bình đẳng giới cần phải là một chủ đề xuyên suốt của tất cả các hành động về biến đổi khí hậu và GNRRTT, điều quan trọng là phải xác định ảnh hưởng của các yếu tố khác - tuổi tác, nơi cư trú, tầng lớp xã hội, chủng tộc và tình trạng khuyết tật - trong khi đánh giá mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu. Điều quan trọng không kém đó là cần xem phụ nữ không chỉ là nạn nhân mà còn là đối tác bình đẳng, tác nhân và là người đóng góp trong hành động ứng phó với khí hậu; việc đánh giá cao giá trị quan điểm và cách tiếp cận này cần được bổ sung trong các nỗ lực giải quyết vấn đề khí hậu. Do đó, cần tăng cường sự tham gia, khả năng lãnh đạo và năng lực của phụ nữ để họ trở thành những người tiên phong trong tiến trình thay đổi.






Mục tiêu của Mô-đun:

- > Hiểu được tầm quan trọng của việc áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người là không để ai bị bỏ lại phía sau, tập trung vào bình đẳng giới để thúc đẩy phát triển bền vững;
- > Nhận biết các rủi ro và tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu ở khu vực Châu Á; Thừa nhận tính dễ bị tổn thương trên cơ sở giới của các rủi ro khí hậu mới nổi và các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ; và
- > Xác định những khoảng trống, thách thức và nhu cầu nâng cao năng lực đối với hành động khí hậu có trách nhiệm giới, đặc biệt là để tạo điều kiện cho phụ nữ trở thành "Tác nhân Thay đổi".

Các thông điệp chính:

- > Quyền con người là các quyền phổ quát vốn dành cho tất cả mọi người, không phân biệt quốc tịch, nơi cư trú, giới tính, nguồn gốc quốc gia hay dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ hoặc bất kỳ địa vị nào khác.
- > Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp và gián tiếp đến việc thực hiện các quyền con người, đặc biệt là những người ít gây ra tình trạng này nhất, dẫn đến bất công về khí hậu.
- > Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA) đối với phát triển bền vững xem xét tất cả các khía cạnh của sự bất bình đẳng trong quá trình xây dựng chương trình và có thể thực sự tạo ra những chuyển biến nếu được thực hiện.
- > Rủi ro về khí hậu có thể dẫn đến việc đẩy lùi tiến độ phát triển đã đạt được hiện nay và đẩy nhiều người vào cảnh nghèo đói vì chúng cũng cản trở những thành tựu trong việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).
- > Điều quan trọng là khi thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH, GNRRTT và nâng cao khả năng chống chịu của các nhóm dễ bị tổn thương, lưu ý sự cần thiết phải giải quyết các tác động khác biệt và tác động sâu sắc của BĐKH đối với phụ nữ và người nghèo.
- > Phụ nữ và trẻ em gái đặc biệt dễ bị tổn thương nhất do vai trò, trách nhiệm và cơ cấu quyền lực có sự khác biệt về giới trong hầu hết các xã hội.
- > Bất bình đẳng giới dẫn đến việc phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt với tình trạng nghèo đói cả về thời gian và thu nhập, cũng như thiệt hại về sinh mạng, sinh kế và tài sản. Quyền con người của phụ nữ, trẻ em gái và các giới khác thường không được thực hiện khi các chính sách về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai không lồng ghép các khía cạnh giới theo cách tiếp cận dựa trên quyền con người.
- > Bình đẳng giới là quan trọng theo đúng nghĩa của nó; nhưng nó cũng là một thành phần quan trọng tạo nên thành công của các hoạt động thích ứng và giảm thiểu rủi ro. Phụ nữ cần được tham gia với tư cách là đối tác và chủ thể bình đẳng trong các quá trình xây dựng khả năng phục hồi toàn diện.

MÔ-ĐUN 1 PHẦN A:

3:00:00		QUYỀN CON NGƯỜI, KHÔNG ĐỂ AI Ở LẠI PHÍA SAU VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI	
TỔNG QUAN 	Vào cuối học phần này, học viên có thể hiểu và giải thích được các khái niệm về Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA) và Không để ai bị bỏ lại phía sau (LNOB) trong khuôn khổ phát triển bền vững. Học viên cũng hiểu được tầm quan trọng của bình đẳng giới và các mối tương quan đan xen lẫn nhau trong bối cảnh tiếp cận dựa trên quyền và Không bỏ ai lại phía sau.		
NỘI DUNG 	a) Tuyên bố phổ quát về Quyền con người - Biến đổi khí hậu và Quyền con người b) Tiếp cận dựa trên quyền - Bất bình đẳng và tiếp cận dựa trên quyền c) Không bỏ ai lại phía sau d) Bình đẳng giới và bất bình đẳng đan xen - Thực hiện tiếp cận dựa trên quyền và Không bỏ ai lại phía sau với Lăng kính giới		
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Thiết bị để xem phim trên YouTube > Không gian mở hoặc trò chơi bàn cờ > Trò chuyện về khái niệm giới tính > Trò chuyện về khái niệm giới > Bảng trắng và bút viết bảng > Giấy to và bút viết > Tài liệu phát tay 		
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ về tổng quan và nội dung phần học	
	40 phút	Phát triển mạng lưới "Quyền con người" (Xem bài tập 1)	
	15 phút	Bài trình bày PowerPoint hoặc bài giảng về "Quyền con người và cách tiếp cận dựa trên quyền"	
	45 phút	Trò chơi 'Bước đi quyền lực' (Xem bài tập 2)	
	15 phút	Bài trình bày PowerPoint về "Không bỏ ai lại phía sau"	
	30 phút	Thảo luận "Khái niệm Giới" (Xem Bài tập 3 và Tài liệu phát tay 1)	
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu học phần này với việc giới thiệu các mục tiêu của mô-đun, tổng quan và nội dung học phần. Nói với học viên rằng buổi học sẽ bắt đầu bằng một bài tập để giúp họ biết về nhau và những kiến thức cơ bản của khóa đào tạo tốt hơn. Bắt đầu với "Bài tập trên web về Quyền con người" (Xem Bài tập 1). Kết thúc bài tập bằng các bài thuyết trình PowerPoint với nội dung kỹ thuật về "Tuyên ngôn thế giới về quyền con người", "Biến đổi khí hậu và quyền con người" và "Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người". Tùy thuộc vào giảng viên, cũng có thể sử dụng bài giảng, vì nó sẽ giúp tạo ra một không khí thoải mái hơn cho buổi đào tạo và giúp người học lắng nghe tốt hơn. Sử dụng các điểm thảo luận để thu hút học viên trong quá trình.</p> <p>Nếu có thời gian và không gian, hãy đưa học viên ra ngoài để tham gia "Bài tập Bước đi Quyền lực" hoặc sử dụng tips bàn cờ (Xem Bài tập 2). Tiếp theo đó là bài trình bày PowerPoint sử dụng nội dung kỹ thuật về "Để không ai bị bỏ lại phía sau (LNOB)". Sử dụng PowerPoint sẽ giúp hiển thị các chỉ số Không ai bị bỏ lại phía sau và kết quả của các quốc gia. Nếu học viên đến từ một hoặc hai quốc gia, hãy đánh dấu kết quả của các quốc gia đó trong một slide riêng và hỏi những người tham gia xem họ nghĩ gì về tình trạng thực tế của quốc gia họ liên quan đến những kết quả này. Điều này sẽ làm cho học phần hấp dẫn hơn.</p> <p>Một khía cạnh quan trọng đối với việc lồng ghép giới trong Tiếp cận dựa trên quyền và Không bỏ ai lại phía sau là sự hiểu biết về thuật ngữ liên quan đến giới tính và giới. Tài liệu phát tay 1 tập hợp một số khái niệm chính liên quan đến giới, sẽ hữu ích trong việc áp dụng các quá trình lồng ghép giới. Mặc dù chúng ta mong đợi rằng hầu hết các học viên biết về những khái niệm này, nhưng nhắc lại những khái niệm này trong một số trường hợp nhất định có thể sẽ hữu ích. Để làm điều này, hãy sử dụng "Trò chuyện về giới" (Xem Bài tập 3 và Tài liệu phát tay 1). Làm rõ rằng cuộc thảo luận này không thay thế cho việc đào tạo nhạy cảm giới, mà lý tưởng phải được tiến hành như một bài tập bắt buộc trong tất cả các chương trình và dự án. Sau đó, sử dụng bài PowerPoint với nội dung kỹ thuật về "Bình đẳng giới cho quyền con người và phát triển" và "Thực hiện Tiếp cận dựa trên quyền và Không bỏ ai lại phía sau bằng lăng kính giới". Sử dụng đồ họa thông tin trong Tài liệu phát 2 cho bài thuyết trình này. Kết thúc phần học này bằng việc thảo luận về các ví dụ về lồng ghép giới và các dự án mang tính chuyển biến về giới.</p>		

Quyền con người và Tiếp cận dựa trên quyền con người

Tuyên bố phổ quát về Quyền con người

Quyền con người là những quyền cơ bản / tự nhiên / vốn có đối với tất cả con người, không phân biệt quốc tịch, nơi cư trú, giới tính, nguồn gốc quốc gia hay dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ hoặc bất kỳ địa vị nào khác. Quyền con người là các quyền phổ biến được bảo đảm bởi luật pháp quốc tế và các hiệp ước được các chính phủ của các quốc gia phê chuẩn. Tất cả các Chính phủ đã phê chuẩn ít nhất một hiệp ước về quyền con người và 80% các Quốc gia đã phê chuẩn bốn hoặc nhiều hơn các hiệp ước quyền con người về quyền con người cốt lõi, phản ánh sự đồng ý của họ, điều này tạo ra các nghĩa vụ pháp lý cho họ và là những thể hiện cụ thể về tính phổ quát. Luật pháp quốc tế quy định các nghĩa vụ của chính phủ phải hành động theo những cách nhất định hoặc không thực hiện các hành vi nhất định, nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của mọi cá nhân. Được nhấn mạnh lần đầu tiên trong Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người năm 1948, những điều này đã được nhắc lại trong nhiều công ước, tuyên bố và nghị quyết quốc tế về quyền con người, chủ yếu là Hội nghị Thế giới về Quyền con người năm 1993 tại Vienna.

Các tuyên bố về quyền con người bao gồm, các quyền dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội, và các quyền khác, như:

1. Quyền được sống, quyền tự do, an toàn và bảo đảm nhân phẩm;
2. Quyền bình đẳng trước pháp luật; điều trần công bằng, độc lập và công khai và có biện pháp khắc phục hiệu quả;
3. Quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo, quan điểm và biểu đạt;
4. Quyền có quốc tịch, quyền tự do cư trú, đi lại và xin tị nạn; và
5. Quyền được học hành, phúc lợi (thực phẩm, sức khỏe, nước, vệ sinh, nhà ở), việc làm và an sinh xã hội.

Các quyền con người này không chỉ mang tính phổ quát và không thể bị tước đoạt mà còn có mối liên hệ với nhau, phụ thuộc lẫn nhau và không thể phân chia. Một ví dụ quyền được sống bao gồm quyền kinh tế, quyền an sinh xã hội và quyền phát triển. Trên thực tế, việc tước bỏ một quyền này ảnh hưởng xấu đến các quyền khác, trong khi sự tiến bộ của một quyền này lại tạo điều kiện cho sự tiến bộ của một các quyền khác.

Biến đổi khí hậu và Quyền con người

Biến đổi khí hậu có những tác động tiêu cực trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc thực hiện đầy đủ các quyền con người. Nó có tác động sâu sắc đặc biệt đến quyền sống và quyền nhân phẩm và những quyền liên quan đến phát triển, việc làm,

lương thực, sức khỏe, nước và vệ sinh và nhà ở. Các chính phủ với tư cách là những người có nghĩa vụ phải ngăn chặn và giảm thiểu các tác động của khí hậu và đảm bảo rằng các quyền của con người được bảo vệ, đặc biệt là những người đã góp phần gây ra biến đổi khí hậu ít nhất nhưng có khả năng bị ảnh hưởng nhiều nhất. Khái niệm công bằng khí hậu liên kết quyền con người và phát triển theo cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm đối với biến đổi khí hậu. Cách tiếp cận dựa trên Quyền đối với biến đổi khí hậu, tập trung vào việc tất cả mọi người đạt được ít nhất các điều kiện tối thiểu để sống có phẩm giá, thông qua việc thực hiện các quyền con người của họ. Điều này cần được thúc đẩy ở cấp quốc gia và địa phương. Các cân nhắc chính hướng dẫn cách tiếp cận này đã được biên soạn kỹ lưỡng trong bản đề trình từ OHCHR (2015) lên COP 21. Chúng bao gồm:

- > Để giảm thiểu biến đổi khí hậu và ngăn chặn các tác động tiêu cực đến quyền con người
- > Đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có năng lực cần thiết để thích ứng với biến đổi khí hậu
- > Đảm bảo trách nhiệm giải trình và biện pháp khắc phục hiệu quả đối với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đến quyền con người
- > Huy động tối đa các nguồn lực sẵn có để phát triển bền vững dựa trên quyền con người
- > Thúc đẩy hợp tác quốc tế và ứng phó toàn cầu, được củng cố bởi tinh thần đoàn kết quốc tế
- > Để đảm bảo công bằng trong hành động khí hậu
- > Để đảm bảo rằng mọi người đều được hưởng những lợi ích của khoa học và các ứng dụng của nó
- > Để bảo vệ quyền con người khỏi những tác hại từ hoạt động kinh doanh
- > Đảm bảo bình đẳng và không phân biệt đối xử
- > Để đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa và được cung cấp đầy đủ thông tin

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Phần này bao gồm các khái niệm cơ bản và quan trọng trong các chương trình định hướng cho các thành viên của cộng đồng, những người vận động chính sách ở cơ sở và những người khác. Đối với các khóa học nâng cao, giảng viên có thể xem xét

bỏ qua phần trình bày này và thay thế phiên bản một cuộc thảo luận nhanh sử dụng video về "Lồng ghép quyền con người, không để ai bị bỏ lại phía sau và bình đẳng giới vào các Khuôn khổ Hợp tác của Liên hợp quốc" từ <https://unsdg.un.org/2030-agenda/Universal-values>. và thảo luận về các câu hỏi sau:

- a) Mối liên hệ giữa Tiếp cận dựa trên quyền, Không bỏ ai lại phía sau và Phát triển bền vững / Biến đổi khí hậu là gì?
- b) Các dạng bất bình đẳng phổ biến nhất cần được giải quyết trong cách tiếp cận Tiếp cận dựa trên quyền, Không bỏ ai lại phía sau là gì?
- c) Vai trò của 'người chịu trách nhiệm' trong việc thực hiện điều này là gì?

ĐIỂM THẢO LUẬN

Thuật ngữ “bên mang quyền – người có quyền” và “bên đáp quyền - người có nghĩa vụ bảo đảm quyền” thường được nhắc đến khi đề cập đến quyền con người. Hỏi học viên họ hiểu gì về các khái niệm này.

Gợi ý cho giảng viên

- > Bên mang quyền hay người có quyền là tất cả các cá nhân được hưởng các quyền con người phổ quát, không thể tước đoạt mà không có bất kỳ sự phân biệt nào.
- > Bên đáp quyền - người có nghĩa vụ đảm bảo các quyền con người bao gồm Chính phủ hoặc Nhà nước thường được đại diện thông qua các cơ quan công quyền, có nghĩa vụ đảm bảo và thực hiện các quyền con người của mọi người.

Tiếp cận dựa trên Quyền con người

Chiến lược thực hiện quyền con người được gọi là Phương pháp Tiếp cận Dựa trên Quyền Con người (HRBA). Đây là một trong những nguyên tắc chỉ đạo chính của Khung Hợp tác Phát triển Bên vững của Liên hợp quốc. Phương pháp Tiếp cận Dựa trên Quyền Con người là một khung khái niệm về “quá trình phát triển con người dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người một cách chuẩn mực và hoạt động nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Nó tìm cách phân tích những bất bình đẳng nằm ở trung tâm của các vấn đề phát triển và giải quyết các hành vi phân biệt đối xử và phân bổ quyền lực không công bằng cản trở tiến bộ phát triển và thường dẫn đến việc các nhóm người bị bỏ lại phía sau.” (Trang web UNSDG).

Có hai lý do chính cho cách tiếp cận dựa trên quyền con người: i) lý do nội tại, thừa nhận rằng cách tiếp cận dựa trên quyền con người là điều đúng đắn phải làm, về mặt đạo đức hoặc pháp lý; và ii) cơ sở lý luận cụ thể, thừa nhận rằng cách tiếp cận dựa trên quyền con người dẫn đến các kết quả phát triển con người tốt hơn và bền vững hơn. Trên thực tế, lý do để theo đuổi cách tiếp cận dựa trên quyền con người thường là sự kết hợp của hai điều này (OHCHR 2006).

Tiếp cận dựa trên quyền con người đòi hỏi:

- i) Bất kỳ và tất cả các chương trình phải nhằm mục đích thực hiện và thúc đẩy các quyền con người của nhóm đối tượng liên quan;
- ii) Giai đoạn lập kế hoạch và giai đoạn triển khai thực hiện của tất cả các chương trình phải được hướng dẫn bởi các nguyên tắc quyền con người về tính phổ biến, không thể phân chia, bình đẳng và không phân biệt đối xử, sự tham gia và trách nhiệm giải trình; và
- iii) Tất cả các chương trình nên tập trung vào việc xây dựng năng lực của cả ‘người đáp quyền’ để đáp ứng nghĩa vụ của họ và ‘người mang quyền’ để đòi hỏi quyền của họ.

Chuyển thành hành động thực tế, điều này có nghĩa là nhận ra những bất bình đẳng đang tồn tại trong xã hội thông qua việc thu thập dữ liệu tách biệt; tăng cường trao quyền và sự

tham gia của các nhóm bị phân biệt đối xử trong quá trình lập kế hoạch và ra quyết định; phân bổ các nguồn lực cụ thể để giải quyết các mối quan tâm của các nhóm này và loại bỏ các rào cản mang tính cấu trúc đối với sự bất bình đẳng.

Bất bình đẳng và Tiếp cận dựa trên Quyền con người

Trọng tâm chính của Tiếp cận dựa trên Quyền con người là nhận ra rằng bất bình đẳng gia tăng là một mối quan tâm lớn đối với xã hội. Những điều này không chỉ tác động đến các sáng kiến xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế mà còn làm suy yếu quyền con người, sự gắn kết xã hội, hòa bình và phát triển bền vững.

Những bất bình đẳng này có nhiều hình thức:

- i) Bất bình đẳng về của cải và thu nhập;
- ii) Bất bình đẳng về cơ hội và hưởng lợi liên quan đến giáo dục, y tế, an ninh lương thực, việc làm, nhà ở và các dịch vụ y tế; và
- iii) Bất bình đẳng do chủng tộc, dân tộc, tôn giáo, tuổi tác, khuyết tật, xu hướng tình dục và bản dạng giới.

Những bất bình đẳng này được thúc đẩy bởi các động lực mang tính cấu trúc và các rào cản trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa đô thị và môi trường, và thường dẫn đến: i) bất lợi mang tính hệ thống; ii) sự phân biệt đối xử kéo dài nhiều thế hệ; và iii) phân bổ quyền lực, nguồn lực và cơ hội không đồng đều. Những bất bình đẳng này đe dọa quyền được phát triển và việc giải quyết chúng là rất quan trọng để hiện thực hóa Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững. Tuy nhiên, giải quyết những bất bình đẳng này đòi hỏi phải giải quyết các rào cản mang tính cấu trúc và thách thức về luật pháp, chính sách, chuẩn mực xã hội và khuôn mẫu phân biệt đối xử. Điều này chỉ có thể thực hiện được bằng cách đưa chương trình nghị sự về quyền con người lên hàng đầu trong tất cả các chương trình phát triển.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên xem họ nghĩ đâu là dạng bất bình đẳng phổ biến nhất cần được giải quyết trong cách tiếp cận dựa trên quyền con người.

Gợi ý cho giảng viên

- > Hình thức bất bình đẳng phổ biến nhất là phân biệt đối xử về giới diễn ra phổ biến ở tất cả các vùng và đã được nêu rõ trong CEDAW. (Nói với học viên rằng bạn sẽ trao đổi về CEDAW nhiều hơn thông qua một bài tập trong Phần C.)
- > Ấn sâu vào văn hóa, thực tiễn xã hội và đôi khi thậm chí cả luật pháp, những định kiến, khuôn mẫu và tập quán có hại về giới ngăn cản việc thực hiện đầy đủ các quyền con người của phụ nữ.
- > Đặc biệt nổi bật trong số này là những hạn chế trong việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, thông tin và giáo dục, hạn chế về cơ hội có việc làm đảm bảo và mức lương phù hợp; và thiếu đại diện trong các cơ quan và quá trình ra quyết định.
- > Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người bổ sung và củng cố lồng ghép giới - hoặc lồng ghép quan điểm giới trong các hoạt động phát triển.
- > Tiếp cận dựa trên quyền con người cần phải có một thành phần cụ thể bao gồm quyền con người của phụ nữ và nghiêm cấm phân biệt giới tính.

Không để ai lại phía sau

Hiểu về Nguyên tắc Không để ai lại phía sau

Không để ai phía sau (LNOB) là lời hứa trọng tâm, mang tính chuyển đổi của Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Không để ai ở lại phía sau yêu cầu "không chỉ tiếp cận những người nghèo nhất trong số những người nghèo mà còn chấm dứt sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng khiến mọi người không nhận ra tiềm năng đầy đủ của họ". (Trang web UNSDG). Không để ai lại phía sau rất quan trọng, vì để bất kỳ ai bị bỏ lại phía sau trong cảnh nghèo đói mà không được tiếp cận với nước, nhà ở, giáo dục, bảo trợ xã hội và những vấn đề khác là vi phạm nghiêm trọng quyền con người. Tuy nhiên, đó cũng là một mối lo ngại về phát triển, vì bất bình đẳng ngày càng tăng không chỉ dẫn đến tăng trưởng kinh tế chậm hơn mà còn có thể tạo ra căng thẳng xã hội và bất ổn chính trị, do đó làm chậm tiến độ đạt được các Mục tiêu Phát triển bền vững (UNSDG 2019).

Nguyên tắc chính của Không để ai lại phía sau là không chỉ tập trung vào tổng số và con số trung bình khi đo lường tiến độ của các chỉ số phát triển và đảm bảo rằng tất cả các nhóm dân cư đều được hưởng lợi từ tiến độ này. Điều này đòi hỏi phải có dữ liệu tách biệt để lập kế hoạch nhằm xác định những đối tượng bị loại trừ hoặc bị phân biệt đối xử, hiểu các rào cản mang tính cấu trúc đối với nguồn lực và cơ hội, đồng thời giải quyết nguyên nhân gốc rễ của việc bị loại trừ (UNSDG 2019). Nói tóm lại, Không để ai lại phía sau buộc chúng ta phải tập trung vào sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng (thường là đa dạng và đan xen nhau) làm suy yếu tính đại diện của con người với tư cách là người có quyền (Trang web của UNSDG).

UNDP (2018) đã công nhận 5 yếu tố chính ảnh hưởng đến Không để ai lại phía sau. Những yếu tố này được nêu rõ trong Hình 1-1 và bao gồm: phân biệt đối xử, địa lý, các cú sốc và tình trạng dễ bị tổn thương, quản trị và tình trạng kinh tế xã hội.

Vận hành Nguyên tắc Không để ai lại phía sau yêu cầu một cách tiếp cận tích hợp để xác định ai đang bị bỏ lại phía sau và tại sao; mục tiêu của các chương trình; xác định các biện pháp hữu hiệu để giải quyết các nguyên nhân gốc rễ; theo dõi và đo lường tiến độ; và đảm bảo trách nhiệm giải trình cho Không để ai lại phía sau (UNSDG 2019). Chúng được tóm tắt thành ba cấp độ:

- i) **Kiểm tra** lý do tại sao có người bị để lại phía sau - thu thập và sử dụng nhiều hơn và tốt hơn dữ liệu được phân tách và thông tin về con người.
- ii) **Trao quyền** cho những người bị bỏ lại phía sau - đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của họ vào quá trình ra quyết định và thiết lập các cơ chế an toàn và toàn diện cho sự tham gia của người dân.
- iii) **Ban hành** các chính sách, luật pháp, cải cách, can thiệp - hạn chế bất bình đẳng và duy trì các tiêu chuẩn tối thiểu về sự thịnh vượng.

Tuy nhiên, yếu tố quan trọng nhất đối với vấn đề này là tạo điều kiện cho các cá nhân và nhóm bị thiệt thòi và đang ở ngoài lề tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp độ của chương trình. Thành công của các chính sách và chương trình mục tiêu cũng như những chính sách giải quyết bất bình đẳng mang tính cấu trúc sẽ phụ thuộc phần lớn vào mức độ tham gia hiệu quả và sự tham vấn có ý nghĩa của đối tượng mục tiêu thực sự.

HÌNH 1: CÁC YẾU TỐ ĐỂ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU



Nguồn: UNDP (2018).

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên, ai là người bị để lại phía sau?

Gợi ý cho giảng viên

- > Những người bị tụt hậu trong quá trình phát triển thường bị loại trừ về mặt kinh tế, xã hội, địa lý và/hoặc chính trị (ví dụ, do dân tộc, chủng tộc, giới tính, tuổi tác, khuyết tật), dẫn đến phân biệt đối xử đa chiều.
- > Họ thường không có tiếng nói (ví dụ, trẻ em, cộng đồng bản địa) và bị ngắt kết nối với các thể chế xã hội, thiếu thông tin để tiếp cận các thể chế, mạng lưới và hệ thống hỗ trợ kinh tế và xã hội đó để cải thiện tình hình của họ, và không được những người nắm quyền tham vấn.
- > Họ không được tính riêng (ví dụ, phụ nữ, người già, người tàn tật) hoặc hoàn toàn không được tính đến (ví dụ, người nhập cư bất hợp pháp và người tị nạn) trong dữ liệu chính thức - họ bị bỏ qua trong quá trình xây dựng các chính sách và chương trình.

Chỉ số Không để ai lại phía sau

ODI (2019) đã rà soát sự sẵn sàng của 159 quốc gia 'để không ai bị bỏ lại phía sau.' Kể từ năm 2018, chỉ số này cũng có thêm một chỉ số chính sách về khả năng chống chịu. Nó bao gồm một điểm số kết quả đầu ra mới "không để ai bị bỏ lại phía sau" cho mỗi quốc gia để ghi lại mức độ cải thiện

kết quả đầu ra trong thế giới thực về việc không để ai bị bỏ lại phía sau. Chỉ số cho thấy 81 quốc gia 'sẵn sàng' đáp ứng cam kết 'không để ai ở phía sau', 54 quốc gia 'sẵn sàng một phần', 12 quốc gia hiện 'chưa sẵn sàng' và 12 quốc gia 'không đủ dữ liệu.' (Bảng 1-1) cho thấy rằng hầu hết các quốc gia vẫn ở trong danh mục Sẵn sàng hoặc Sẵn sàng một phần.

BẢNG 1-1: CHỈ SỐ KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU

	Số liệu (Điều tra hộ gia đình)	Chính sách (tiếp cận bình đẳng đến việc làm, đất và y tế)	Tài chính (giáo dục, y tế và an sinh xã hội)	Điểm tổng cho sự sẵn sàng "để không ai bỏ lại phía sau"	Điểm kết quả đầu ra (tỷ lệ tử vong dưới 5 tuổi, suy dinh dưỡng, khả năng tiếp cận tài chính và điện)
QUỐC GIA					
Bangladesh	Sẵn sàng	Chưa sẵn sàng	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần
Cambodia	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần
Trung Quốc	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Đúng tiến độ
Ấn Độ	Sẵn sàng	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần
Indonesia	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần
Malaysia	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng	Đúng tiến độ
Nepal	Sẵn sàng	Chưa sẵn sàng	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần
Philippines	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần
Sri Lanka	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng	Đúng tiến độ
Việt Nam	Sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Chưa sẵn sàng	Sẵn sàng một phần	Sẵn sàng một phần

Nguồn: Chattopadhyay and Manea (2019).

Bình đẳng giới và sự đan xen giữa các đặc điểm xã hội**Bình đẳng giới cho Quyền con người và Phát triển**

Không phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính và bản dạng giới là một nguyên tắc cơ bản của quyền con người, nên điều cốt yếu là phải tập trung vào bình đẳng giới trong các chính sách và chương trình phát triển (UN Women 2014). Bên cạnh đó, nó còn là tiền đề để thúc đẩy các chương trình nghị sự phát triển chính (Ngân hàng Thế giới 2012):

i) Nâng cao năng suất quốc gia và tăng trưởng kinh tế bền vững;

ii) Cải thiện các kết quả phát triển xã hội và con người, đặc biệt là về lương thực, dinh dưỡng, giáo dục, sức khỏe và phúc lợi gia đình; và

iii) Cải thiện các quyết định chính sách cần thiết cho các xã hội hòa bình và công bằng hơn.

Vi vậy, đạt được bình đẳng giới là một mục tiêu xuyên suốt các thực hành phát triển quốc tế (UN Women 2014). Trong những năm qua, nhiều điều lệ và công ước quốc tế đã tán thành và củng cố sự cần thiết phải tập trung vào trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giới. (Xem Bảng 1-2.)

BẢNG 1-2: CAM KẾT QUỐC TẾ CHÍNH VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI	NĂM PHÊ CHUẨN	CÁC NGUYÊN TẮC/NGHỊ QUYẾT CHÍNH ĐƯỢC THÔNG QUA
HIẾN CHƯƠNG LIÊN HỢP QUỐC	1945	Quyền bình đẳng nam nữ. Điều 1 của Hiến chương “Để đạt được sự hợp tác quốc tế... trong việc thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hoặc tôn giáo.”
CÔNG ƯỚC VỀ XÓA BỎ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ (CEDAW)	1979	Được ra đời để phục vụ việc thực hiện quyền con người của phụ nữ. Công ước tạo cơ sở cho việc thực hiện bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới thông qua việc đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng và các cơ hội bình đẳng của phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng - bao gồm quyền bầu cử và ứng cử - cũng như giáo dục, y tế và việc làm. Các quốc gia thành viên đồng ý thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp, bao gồm cả luật pháp và các biện pháp đặc biệt tạm thời, để phụ nữ có thể hưởng tất cả các quyền con người và các quyền tự do cơ bản của họ. Công ước là hiệp ước về quyền con người duy nhất khẳng định quyền sinh sản của phụ nữ và hướng tới văn hóa và truyền thống như những lực lượng có ảnh hưởng trong việc định hình vai trò giới và quan hệ gia đình. Năm 2018, Ủy ban CEDAW cũng đã thông qua Khuyến nghị chung số 37 về các khía cạnh liên quan đến giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu. (Điều này đã được thảo luận trong phần bình đẳng giới, Phần C.)
HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN (ICPD)	1992	Đã thông qua một chương trình hành động, nêu bật mối liên hệ không thể thiếu giữa dân số và phát triển, nhấn mạnh vai trò cơ bản của quyền lợi của phụ nữ trong các vấn đề dân số. ICPD cũng đưa ra các khái niệm về sức khỏe tình dục và sinh sản và quyền sinh sản.
TUYÊN BỐ VÀ CƯƠNG LĨNH HÀNH ĐỘNG BẮC KINH	1995	Gắn liền bình đẳng giới và quyền của phụ nữ trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Cương lĩnh hành động hình dung một thế giới nơi mỗi phụ nữ và trẻ em gái có thể thực hiện các quyền tự do và lựa chọn của mình, đồng thời hiện thực hóa tất cả các quyền của mình, chẳng hạn như được sống không bị bạo lực, được đến trường, được tham gia vào các quyết định và được trả công bình đẳng cho công việc. Cương lĩnh hành động bao gồm 12 lĩnh vực quan tâm quan trọng phù hợp cho thế giới hiện nay cũng như 20 năm trước: nghèo đói; giáo dục và đào tạo; sức khỏe; bạo lực; xung đột vũ trang; nền kinh tế; quyền lực và ra quyết định; cơ chế thể chế; quyền con người; phương tiện truyền thông; môi trường; và trẻ em gái.
CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS)	2017	Bao gồm một mục tiêu cụ thể (SDG 5) về bình đẳng giới nhấn mạnh sự cần thiết phải công nhận đây là một mục tiêu phát triển và bao gồm các mục tiêu về chấm dứt bạo lực trên cơ sở giới, xóa bỏ tảo hôn và cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ, và đảm bảo tiếp cận sức khỏe sinh sản và tình dục; đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng, mở rộng cơ hội kinh tế của phụ nữ và giảm gánh nặng của công việc chăm sóc không được trả công cho phụ nữ và trẻ em gái. Nó cũng cam kết “tăng đáng kể đầu tư để thu hẹp khoảng cách giới và tăng cường hỗ trợ cho các thể chế liên quan đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ ở cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia”.

Nguồn: Adapted from UN Women (2014).

**GỢI Ý CHO
GIẢNG VIÊN**


Bạn có thể sử dụng một số đồ họa thông tin có thể chia sẻ từ Tài liệu Phát tay 2 để trình bày. Tài liệu phát tay 2 tập hợp một số đồ họa thông tin quan trọng từ báo cáo này, làm nổi bật những khoảng cách chính về giới.

Bảo vệ quyền con người của tất cả phụ nữ và xóa bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở giới là trách nhiệm của tất cả các chính phủ với tư cách là “người đáp quyền”. Tuy nhiên, phân biệt đối xử trên cơ sở giới vẫn là hình thức vi phạm về quyền phổ biến nhất trên toàn thế giới, như đã được nêu rõ trong báo cáo gần đây (Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu 2020). Nhiều phụ nữ vẫn chưa được hưởng đầy đủ các quyền bình đẳng và thường bị từ chối các cơ hội trong giáo dục, y tế, việc làm và sở hữu tài nguyên. Họ cũng tiếp tục bị thiếu đại diện trong các vai trò nắm quyền và ra quyết định. Những điều này không chỉ cản trở sự phát triển của chính họ mà còn khiến thế giới mất cơ hội được hưởng lợi từ tiềm năng của phụ nữ với tư cách là tác nhân thay đổi về kinh tế, xã hội và phát triển bền vững.

Do đó, việc trao quyền cho phụ nữ là rất quan trọng để mở rộng tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển xã hội và thiết lập các xã hội ổn định và công bằng hơn. Trao quyền cho phụ nữ đã trở thành một cách tiếp cận quan trọng trong tất cả các cách tiếp cận phát triển.

Tuy nhiên, khi tiến tới việc tạo ra một xã hội bình đẳng hơn, điều quan trọng là phải vượt ra ngoài việc trao quyền cho phụ nữ để tập trung vào bình đẳng giới.

- > Điều này đòi hỏi tư duy không chỉ dành cho phụ nữ và hướng tới việc loại bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở giới và giới tính đối với các cá nhân đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới và liên giới (LGBTIQ). Điều quan trọng là phải thừa nhận rằng thuật ngữ giới tính đã đa dạng hóa bản thân nó, vượt ra ngoài quan niệm nhị phân về nam và nữ. Điều quan trọng là phải có quan điểm về nữ quyền, đồng tính và sự phân biệt đối xử đan xen trong khi giải quyết các mối quan tâm về giới.
- > Cũng cần phải thừa nhận rằng phụ nữ không phải là một cộng đồng đồng nhất, và một số nhóm phụ nữ phải đối mặt với các hình thức phân biệt đối xử phức tạp - do các yếu tố như tuổi tác, dân tộc, khuyết tật hoặc tình trạng kinh tế xã hội - bên cạnh các giới tính khác. Ví dụ, phụ nữ bản địa thường trải qua các kiểu phân biệt đối xử khác nhau nhưng đan xen. Phụ nữ bản địa sống trong các cộng đồng nghèo, vùng sâu vùng xa và ít được giáo dục chính quy có khả năng phải chịu nhiều hơn một hình thức phân biệt đối xử và thiệt thòi.

Do đó, cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với bình đẳng giới sử dụng lăng kính phân biệt giới, thừa nhận rằng phụ nữ có những trải nghiệm và quan điểm khác nhau dựa trên các khía cạnh về bản dạng của họ, bao gồm chủng tộc, giai cấp, đẳng cấp, dân tộc, xu hướng tình dục và bản dạng giới, khuyết tật, tôn giáo, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, tình trạng bản địa và tình trạng di cư. Sau đó, trọng tâm là tiếp cận các nhóm yếu thế nhất và giải quyết các loại bất bình đẳng khác nhau như một phần của Không để ai lại phía sau. Điều này rất có ý nghĩa từ góc độ giới, vì nó có thể làm nổi bật những phụ nữ phải trải qua nhiều hình thức phân biệt đối xử và đã từng bị loại ra ngoài lề trong quá khứ. Khái niệm về các hình thức đa phân biệt đối xử và sự giao nhau mô tả sự chồng chéo của các loại bất bình đẳng dựa trên bản dạng, có thể tạo ra các hình thức phân biệt đối xử bổ sung.

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



You can also refer to Session 2 of ARROW's Intersectionality module for more details. It can be downloaded from https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2019/03/E-Module_InterSEXuality.pdf.

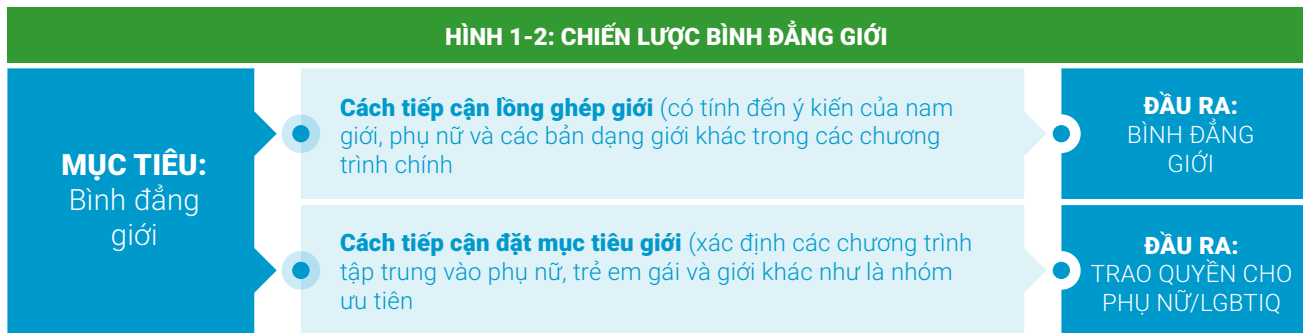
ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên tại sao họ nghĩ rằng điều quan trọng là phải vượt ra ngoài việc nhận dạng giới tính nhị phân sang giới tính và sự phân biệt đối xử mang tính đan xen.

Gợi ý cho giảng viên

- > Khi nói đến bình đẳng giới giữa nam và nữ, mọi người thường có xu hướng bỏ qua nhu cầu và mối quan tâm của những người LGBTIQ (những người có xu hướng và bản dạng tính dục khác). Các nhóm này cũng có những mối quan tâm riêng, không thể đánh đồng với bất kỳ một bản dạng giới nhị phân nào. Ví dụ, ở nhiều xã hội châu Á, người chuyển giới không có quyền tiếp cận với các nơi tránh trú chính thức và/hoặc thường bị buộc phải ở chung với nam giới khiến họ bị quấy rối tình dục.
- > Ngoài ra, phụ nữ không phải là một nhóm đồng nhất. Ngay cả trong các cuộc thảo luận về giới, quan niệm truyền thống về phụ nữ thường có xu hướng đánh đồng tất cả phụ nữ đều là phụ nữ da trắng, là phụ nữ thẳng, có thân hình đẹp, và trong độ tuổi sinh đẻ. Vai trò, trách nhiệm và định kiến về giới không hoàn toàn giống nhau cho tất cả mọi phụ nữ; do đó, điều quan trọng là phải hiểu vai trò và trách nhiệm liên quan đến phụ nữ thuộc các chủng tộc, dân tộc, xu hướng tình dục, tình trạng khuyết tật và độ tuổi khác nhau. Những phân tích như vậy không chỉ giúp hiểu được những quan ngại thực tế mà những phụ nữ này phải đối mặt mà còn làm sáng tỏ những thiếu thốn và phân biệt đối xử mà họ phải chịu đựng. Ví dụ, những thách thức mà một trẻ em gái vị thành niên (khuyết tật) từ một cộng đồng dân tộc thiểu số phải đối mặt sẽ khác (và thường nhiều hơn) so với các em gái vị thành niên từ các cộng đồng đa số cũng như khác các trẻ em gái và phụ nữ khác trong chính cộng đồng của mình.

HÌNH 1-2: CHIẾN LƯỢC BÌNH ĐẲNG GIỚI



Nguồn: Soạn lại từ (UN Women 2014)

Thực hiện Nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền con người và Không để ai lại phía sau dưới lăng kính giới

Việc áp dụng lăng kính giới không phải lúc nào cũng có nghĩa là đối xử đặc biệt với phụ nữ và các nhóm giới tính khác. Điều cần thiết là gạt bỏ Định kiến về Giới hoặc “Góc nhìn nam giới” trong tất cả các giai đoạn của chương trình dự án và nhạy cảm với những nhận định chưa được kiểm chứng rõ ràng về nam giới và phụ nữ, mà có thể dẫn đến kết quả không mong muốn là đưa ra các quyết định thiên lệch. Khi đã đạt được sự nhạy cảm này, nó cần được củng cố bằng các phân tích giới. Để làm được điều này, cần có dữ liệu phân tách theo giới tính, độ tuổi và sự đa dạng. Các dữ liệu trên cần thừa nhận tính đa dạng của vấn đề này khi thừa nhận nhiều bản dạng giới, vai trò giới và các nhu cầu giới khác nhau, thay vì coi giới chỉ là một nhóm phụ nữ đồng nhất. Sau đó, phân tích này cần được áp dụng để đánh giá tác động của bất kỳ hành động dự kiến nào, bao gồm luật pháp, chính sách hoặc chương trình dành cho nam giới và phụ nữ cũng như các giới và bản dạng xã hội khác. Các hành động / biện pháp bảo vệ bổ sung cần được xây dựng trong chương trình để đảm bảo rằng tất cả các giới và các nhóm xã hội được hưởng lợi.

Tất cả các quá trình này cần phải là một phần trong thiết kế chương trình dự án cơ bản và không được thực hiện bằng cách thêm vào sau. Quá trình lồng ghép giới đòi hỏi phải đưa những điều này vào như một thông lệ thiết kế chương trình/ dự án chuẩn ở mọi cấp và mọi ngành. Theo định nghĩa của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc (1997), Lồng ghép giới là “quá trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ, nam giới (và các bản dạng giới khác) của bất kỳ hành động dự kiến nào, bao gồm luật pháp, chính sách hoặc chương trình, trong mọi lĩnh vực và tất cả các cấp. Đây là một chiến lược nhằm biến các mối quan tâm và trải nghiệm khác biệt về giới trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong việc thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, sao cho mọi người đều được hưởng lợi bình đẳng và bất bình đẳng không còn kéo dài”.

Cùng với đó, UN Women (2014) cũng khuyến nghị: để đạt được các mục tiêu này, bên cạnh việc lồng ghép giới, cần có một mục tiêu bình đẳng giới độc lập nhằm giải quyết các vấn đề sau: chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; bình đẳng giới trong việc phân bổ khả năng; và bình đẳng giới trong việc ra quyết định trong tất cả các lĩnh vực của đời sống công và tư.

Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính chuyển đổi về giới nhấn mạnh rằng “cam kết về bình đẳng giới phải được phổ cập; giải quyết các nguồn gốc mang tính cấu trúc của bất bình đẳng trên cơ sở giới, bao gồm cả ba khía cạnh của phát triển bền vững - xã hội, kinh tế và môi trường; và đảm bảo trách nhiệm giải trình” (UN Women 2014). Để làm được điều này, cần phải hiểu các động lực mang tính cấu trúc, quyền lực và chính trị đang đẩy một số nhóm cụ thể lùi lại xa hơn và làm sâu sắc thêm bất bình đẳng. Cũng cần có một gói chính sách và chương trình toàn diện, bao gồm bảo trợ xã hội toàn dân và các dịch vụ thiết yếu để đảm bảo mức sống phù hợp, các chính sách thuế giúp tái phân bổ và tiến bộ để giải quyết bất bình đẳng thu nhập.

Mục tiêu cuối cùng của cả hai cách tiếp cận này là Bình đẳng giới. Tuy nhiên, hầu hết các tổ chức phát triển đã áp dụng cả hai phương pháp để thúc đẩy bình đẳng giới, trong đó tập trung vào việc lồng ghép các mối quan tâm về giới cũng như trao quyền cho các nhóm phụ nữ cụ thể và những người có bản dạng giới khác.

Bình đẳng giới - Một cách để khắc phục những thất bại của thị trường

Bình đẳng giới là một vấn đề phức tạp về mặt chính trị. Một mặt, nhận thức và sự chấp nhận về sự cần thiết phải đảm bảo bình đẳng giới ngày càng tăng. Mặt khác, các quyết định chính sách thực tế ủng hộ việc phân phối công bằng các nguồn lực giữa các giới vẫn còn một chặng đường dài phía trước. Mặc dù thực tế bình đẳng giới không chỉ là "vấn đề của phụ nữ" mà còn là vấn đề quyền con người và cần được coi là điều kiện tiên quyết và là chỉ số của sự phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm.

Phát triển bền vững là dựa trên việc chấm dứt phân biệt đối xử về giới và mang lại cơ hội bình đẳng cho mọi người, đặc biệt là về giáo dục và việc làm. Để đạt được các mục tiêu SDG và Chương trình nghị sự 2030 đòi hỏi phải lồng ghép giới một cách triệt để và cần phải có một cách tiếp cận chuyển đổi về giới cho tất cả các chính sách và chương trình công. Lợi ích, nhu cầu và ưu tiên của cả phụ nữ và nam giới sẽ cần được xem xét trong tất cả các thiết kế chương trình, đồng thời cũng ghi nhận sự đa dạng của các nhóm phụ nữ và nam giới khác nhau.

Tuy nhiên, mối liên hệ nội tại của bình đẳng giới với việc ra quyết định trong hộ gia đình là một thách thức, vì các chính phủ cố gắng để không can thiệp vào các lựa chọn cá nhân và ở một mức độ nào đó là một cách chấp thuận các chuẩn mực giới văn hóa xã hội hiện hành. Tuy nhiên, cần giải quyết tình trạng bất bình đẳng giới trong phân bổ nguồn lực trong hộ gia đình bằng cách hiểu rằng những bất bình đẳng này bị ảnh hưởng bởi các thông tin từ thị trường và các chuẩn mực thể chế không mang lại lợi ích đầy đủ cho xã hội khi đầu tư vào bình đẳng cuộc sống của phụ nữ. Điều này thường tạo ra rào cản đối với hiệu quả kinh tế và tăng trưởng. Các chính sách công cần phải bù đắp cho những thất bại này của thị trường bằng cách đảm bảo nguồn lực cho những khoản đầu tư đó với lợi nhuận xã hội cao nhất và cân bằng cơ hội cho các giới và các nhóm xã hội khác nhau. Nếu không giải quyết được vấn đề bất bình đẳng hiện có, thì phát triển bền vững và quyền con người sẽ không phát huy được hết tiềm năng của nó.






ĐIỂM THẢO LUẬN

Kết thúc phiên bằng cách yêu cầu những người tham gia chia sẻ các ví dụ về lồng ghép giới và các dự án chuyển đổi giới.

Gợi ý cho giảng viên

- > Cung cấp các khóa đào tạo về sinh kế, việc làm của phụ nữ trong khi xây dựng dự án, sự tham gia của phụ nữ trong việc lập kế hoạch, tài chính vi mô cho phụ nữ, cơ sở vật chất riêng cho phụ nữ và nam giới - trường học, nhà tạm trú, nhà vệ sinh và những thứ khác - là những ví dụ về lồng ghép giới trong các dự án. Ví dụ, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã tài trợ cho Dự án Phát triển các Thị trấn Hành lang Kinh tế Phía Nam Tiểu vùng Mekong mở rộng của Campuchia nhằm cung cấp các biện pháp phòng chống lũ lụt liên quan đến biến đổi khí hậu cho phụ nữ, đồng thời giảm nhẹ gánh nặng dọn dẹp sau lũ lụt và chăm sóc cho các thành viên trong gia đình mắc các bệnh do nguồn nước gây ra. Về cơ sở hạ tầng thích ứng, các con đường được xây dựng trong các chương trình phòng chống lũ lụt sẽ giúp phụ nữ tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ và thị trường cũng như cải thiện khả năng di chuyển của họ. Hai dự án giao thông công cộng đô thị ở Việt Nam - Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho tuyến metro số 3 của Hà Nội dành không gian cho các cửa hàng của phụ nữ và phụ nữ bán hàng, đồng thời có quy định về chỗ ngồi ưu tiên cho phụ nữ và lên lịch trình dựa trên nhu cầu đi lại của phụ nữ; và Giao thông đô thị bền vững cho tuyến vận tải nhanh số 2 của Thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế với không gian chờ chỉ dành cho phụ nữ, hệ thống chiếu sáng đảm bảo an toàn, nhà vệ sinh riêng biệt và không gian cửa hàng cho các doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ hoặc điều hành. (ADB 2016)
- > Các dự án dạy kỹ năng sống cho trẻ em gái và trẻ em trai vị thành niên và sự tham gia tích cực của các bên liên quan chính (giáo viên, đại diện chính quyền địa phương, nhà cung cấp dịch vụ y tế) để hiểu và thách thức các thực hành phân biệt đối xử về giới, giải quyết bạo lực trên cơ sở giới và tạo cơ chế ứng phó mang tính thể chế; tạo điều kiện cho phụ nữ có quyền sở hữu đất đai, nhà ở và các tài sản khác sẽ tạo ra các dự án mang tính chuyển đổi về giới. Ví dụ, dự án Trao quyền cho Phụ nữ Dân tộc thiểu số của CARE Quốc tế tại Việt Nam tập trung vào việc trao quyền cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Giải pháp khí hậu có công bằng giới 2016).

MÔ-ĐUN 1 PHẦN B:

2:00:00		RỦI RO KHÍ HẬU, KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI	
TỔNG QUAN 	Vào cuối phần học này, các học viên sẽ có thể hiểu tác động của biến đổi khí hậu ở châu Á và có thể kết nối bức tranh vĩ mô với những rủi ro khí hậu và thảm họa xảy ra ở khu vực địa lý họ. Những người tham gia cũng sẽ có thể phân định giữa các khái niệm về các căng thẳng và cú sốc liên quan đến khí hậu và sự cần thiết phải đưa cả hai vào chiến lược tổng thể về khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro tai.		
NỘI DUNG 	<ul style="list-style-type: none"> a) Thực tế của sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu b) Các nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu ở châu Á c) Rủi ro khí hậu, thiên tai và phát triển bền vững d) Bất bình đẳng hiện có và tính dễ bị tổn thương trước các rủi ro khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> e) Thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu f) Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, Thích ứng với Biến đổi Khí hậu và Xây dựng Khả năng chống chịu cho các Cộng đồng nghèo - Lập bản đồ các Rào cản 	
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Thiết bị để xem phim trên YouTube > Biểu đồ được dán trên tường hoặc các bản copy > Bảng trắng và bút viết bảng > Tài liệu phát tay 		
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ về phần Tổng quan và Nội dung phần học	
	40 phút	Biểu đồ về biến đổi khí hậu (Xem Bài tập 4).	
	45 phút	Xem video “Báo cáo đánh giá lần thứ năm của IPCC (AR5),” tiếp theo là thảo luận nhóm về “Những thay đổi và tác động khí hậu quan sát được” bằng Tài liệu phát tay 3 (khuyến nghị cho khóa học cơ bản).	
		HOẶC Bản trình bày PowerPoint về “Rủi ro khí hậu toàn cầu, Thích ứng, Xây dựng khả năng chống chịu và Giảm thiểu rủi ro thiên tai” (khuyến nghị cho khóa học nâng cao).	
	30 phút	“Quan sát Biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và các khái niệm về khả năng phục hồi” (Xem Bài tập 5 và Tài liệu phát tay 4).	
30 phút	Bài trình bày PowerPoint “Bình đẳng giới và tình trạng bất bình đẳng đan xen” (Xem Tài liệu phát tay 2)		
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu phiên bằng cách chia sẻ tổng quan và nội dung. Đảm bảo rằng biểu đồ được dán trước lên tường hoặc các bản copy được phát cho học viên để họ có thể thảo luận nhóm nhỏ. Điều hành “Bài tập biểu đồ” (Xem Bài tập 4).</p> <p>Đối với khóa học cơ bản, hãy tiếp tục với việc xem video về “Báo cáo đánh giá lần thứ năm của IPCC (AR5)” có tại https://www.youtube.com/watch?v=fGH0dAwM-QE&feature=youtu.be . Nhấn mạnh quan điểm rằng biến đổi khí hậu là có thật và sẽ tác động đến tất cả chúng ta. Cung cấp bản copy của Tài liệu 3 cho tất cả những người tham gia và điều hành thảo luận nhóm nhỏ 30 phút về chủ đề này.</p> <p>Đối với nhóm nâng cao, hãy tiếp tục bằng bài trình bày PowerPoint sử dụng nội dung kỹ thuật về “Rủi ro khí hậu toàn cầu, thích ứng, xây dựng khả năng thích ứng, chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai”.</p> <p>Kết thúc phần học với một bài tập có sự tham gia để giúp họ hiểu rõ hơn về các khái niệm khả năng chống chịu phục hồi (Xem Bài tập 5 và Tài liệu phát tay 4).</p>		

Rủ ro khí hậu toàn cầu, Thích ứng, Xây dựng khả năng chống chịu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai

THỰC TẾ VỀ TÌNH HÌNH NÓNG LÊN TOÀN CẦU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Chúng ta thường đưa ra những nhận xét như “Thật là một ngày đẹp trời!” “Trời lạnh quá, ngón tay tôi rụng rời!” “Hôm nay nóng hơn hôm qua rất nhiều”, “Bạn nghĩ hôm nay trời có mưa không?”. Những câu này liên quan đến thời tiết. **Thời tiết là những gì chúng ta cảm thấy vào ban ngày hoặc ban đêm.** Thời tiết thay đổi vào các thời điểm khác nhau trong ngày và từ mùa này sang mùa khác.

Chúng ta biết thời tiết sẽ như thế nào:

- > Cho từng mùa - Trời nóng vào mùa hè; Các ga trên đồi mát hơn vào mùa hè; và
- > Cho các khu vực - Mưa ở vùng núi nhiều hơn ở ven biển; Tuyết rơi trên dãy Himalaya trong mùa đông.

Khả năng dự đoán điều kiện thời tiết trong một mùa, một tháng hoặc địa điểm cụ thể là ‘khí hậu’ của khu vực đó. **Khí hậu là thời tiết trung bình của một vùng hoặc khu vực nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.** Khí hậu ở bất kỳ đâu trên hành tinh của chúng ta có thể được mô tả như là kết quả của sự cân bằng tinh tế giữa mặt trời, khí quyển, đại dương, hệ thống nước, thực vật, sinh vật sống và địa hình. Các yếu tố quan trọng nhất được tính đến là mưa, nắng, độ ẩm, gió và nhiệt độ.

Biến đổi khí hậu bao gồm những thay đổi của điều kiện thời tiết trung bình trong một vùng hoặc khu vực nhất định.

Chúng bao gồm những thay đổi về nhiệt độ, kiểu gió và lượng mưa. Sự thay đổi mang ý nghĩa toàn cầu và liên quan đến trái đất nói chung. Phần lớn những thay đổi này được cho là do sự nóng lên toàn cầu.

Sự nóng lên toàn cầu là sự gia tăng nhiệt độ của bề mặt trái đất và không khí trong một khoảng thời gian.

Bề mặt trái đất và không khí đã từ từ ấm lên trong hàng nghìn năm do nhiều nguyên nhân tự nhiên khác nhau. Tuy nhiên, trong thế kỷ qua, hành tinh của chúng ta đang ấm lên nhanh hơn bao giờ hết do sự gia tăng nồng độ khí nhà kính.

Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), thông qua các Báo cáo Đánh giá (AR) khác nhau của mình, xác nhận rằng ảnh hưởng của con người đối với hệ thống khí hậu là rõ ràng và ngày càng gia tăng, và đây là một trong những nguyên nhân chính gây ra sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. IPCC đã nêu trong Báo cáo Đánh giá lần thứ Năm (2015) rằng “*Nhiều thay đổi quan sát được kể từ những năm 1950 là chưa từng có trong nhiều thập kỷ đến thiên niên kỷ trước. IPCC hiện chắc chắn 95% rằng con người là nguyên nhân chính gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu.*” Những

thay đổi quan trọng được đánh dấu trong Báo cáo Đánh giá 5 là:

1. Sự nóng lên toàn cầu do các hoạt động của con người đã khiến nhiệt độ toàn cầu tăng khoảng 1,0 ° C so với mức trước công nghiệp hóa.
2. Từ năm 1901 đến năm 2010, mực nước biển trung bình toàn cầu đã tăng 0,19 mét. Tốc độ mực nước biển dâng từ giữa thế kỷ 19 lớn hơn tốc độ trung bình trong hai thiên niên kỷ trước và rất có thể mực nước biển dâng cao như bão đã gia tăng kể từ năm 1970.
3. Tổn thất trực tiếp và được bảo hiểm từ các thảm họa liên quan đến thời tiết đã tăng lên đáng kể trong những thập kỷ gần đây, cả trên toàn cầu và ở các khu vực.

Với sự tin tưởng rất cao, báo cáo tiếp tục khẳng định, rằng, “Tác động từ các hiện tượng cực đoan liên quan đến khí hậu gần đây, chẳng hạn như sóng nhiệt, hạn hán, lũ lụt, lốc xoáy và cháy rừng, cho thấy tính dễ bị tổn thương và phơi nhiễm của một số hệ sinh thái và nhiều hệ thống của con người trước biến đổi khí hậu.” Báo cáo Đánh giá lần thứ 5 (IPCC AR 5 2015) và báo cáo của nhóm công tác liên quan (Các rủi ro khẩn cấp và tình trạng dễ bị tổn thương của IPCC 2014) tiếp tục nhấn mạnh các rủi ro khí hậu chính, đặc biệt là những rủi ro cần quan tâm.

NHẬN THỨC RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở CHÂU Á

Phần lớn khu vực châu Á rất dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Sự nóng lên toàn cầu tiếp tục sẽ không chỉ kéo lùi những thành tựu gần đây trong tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra thêm những thách thức đối với việc giảm nghèo bền vững và phát triển con người.

Thông thường, khu vực này được dự báo sẽ chứng kiến sự gia tăng nhiệt độ trung bình cao, xu hướng lượng mưa bất thường với những tác động lớn hơn nhiều đến nguồn nước và tăng nguy cơ lũ lụt. Nhiệt độ cao hơn và điều kiện khô hạn hơn hoặc lũ lụt gây ra mối đe dọa cho nông nghiệp, và đặc biệt cho an ninh lương thực, ở một khu vực mà suy dinh dưỡng đã là một quan ngại lớn. Mực nước biển dâng và sự gia tăng các xoáy thuận nhiệt đới và triều cường sẽ ảnh hưởng hơn nữa đến quá trình đô thị hóa, phá hủy hệ thống hỗ trợ cơ sở hạ tầng vốn đã ít ỏi ở nhiều quốc gia.

Trong khu vực châu Á, Nam và Đông Nam Á sẽ thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn khi đã chứng kiến tần suất và cường độ gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan

HÌNH 1-3: NHỮNG THAY ĐỔI QUAN SÁT ĐƯỢC CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở NAM VÀ ĐÔNG NAM Á**MỨC NƯỚC BIỂN**

Mức nước biển đã tăng 1-3 mm hàng năm trong 50 năm qua ở Đông Nam Á, dẫn đến gia tăng các trận lụt / bão, đặc biệt là ở Philippines. Mức nước biển trung bình được dự báo sẽ tăng 70 cm, khiến hơn 500 triệu người dọc theo bờ biển bị phơi bày trước các thảm họa.

Nam Á đã có những thay đổi về tần suất hoặc cường độ lốc xoáy. Tuy nhiên, các khu vực ven biển thấp, đông dân cư ở Nam Á, chủ yếu là Ấn Độ và Bangladesh, sẽ có nguy cơ gia tăng các đợt triều cường.

**SỰ KIỆN MƯA TIÊU CỰC**

Đông Nam Á đang có xu hướng giảm lượng mưa. Indonesia, Thái Lan và Việt Nam dự kiến sẽ phải trải qua điều kiện thời tiết ngày càng khô hạn hơn trong 2-3 thập kỷ tới, mặc dù xu hướng này có khả năng đảo ngược vào giữa thế kỷ này.

Những ngày mưa lớn và thường xuyên hơn được dự báo trên các khu vực của Nam Á. Nguy cơ lũ lụt, thiệt hại về người và tài sản liên quan đến lũ lụt, là cao nhất ở Ấn Độ và Bangladesh.

**NHIỆT ĐỘ TĂNG**

Nhiệt độ trung bình của Đông Nam Á đã tăng với tốc độ 0,1–0,3°C mỗi thập kỷ và nhiệt độ trung bình hàng năm dự kiến sẽ tăng trung bình 4,8°C vào năm 2100 so với mức năm 1990.

Nam Á cũng đang chứng kiến tần suất ngày và đêm nóng tăng lên và giảm số ngày và đêm lạnh.

Nguồn: Dựa trên dữ liệu tổng hợp từ Báo cáo Đánh giá 5 của IPCC (IPCC AR5: Asia 2014)

như sóng nhiệt, hạn hán, lũ lụt và xoáy thuận nhiệt đới trong những thập kỷ gần đây. Một số thay đổi quan trọng về Khí hậu trong khu vực được trình bày trong Hình 1-3.

Tác động tiêu cực của những sự kiện này sẽ càng gia tăng khi tình trạng thiếu nước ngày càng tăng; sản xuất nông nghiệp bị kìm hãm với năng suất cây trồng ngày càng giảm, đe dọa an ninh lương thực; cháy rừng và mất rừng giàu; lũ lụt; suy thoái bờ biển và thiệt hại tài nguyên ven biển; rủi ro sức khỏe lớn hơn với sự bùng phát của các bệnh từ nước và các bệnh lây truyền qua vật trung gian gia tăng; và các thiệt hại kinh tế và con người liên quan. Báo cáo Đánh giá 5 của IPCC đã nêu bật các tác động sau đây của biến đổi khí hậu ở Châu Á:

Sự khan hiếm nước dự kiến sẽ là một thách thức lớn đối với hầu hết các khu vực do nhu cầu sử dụng nước tăng lên và thiếu quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Khu vực này đang căng thẳng với tình trạng thiếu nước, đặc biệt là ở Nam Á, nơi mà ngày nay một lượng lớn dân số thậm chí còn thiếu các dụng cụ cơ bản để lấy nước uống. Bất kỳ sự suy giảm nào nữa về nguồn cung cấp nước sẽ làm gia tăng các vấn đề trong khu vực. Mặc dù xu hướng dự báo lượng mưa trong khu vực sẽ xuống thấp, nhưng sự suy giảm nguồn nước ngọt dự kiến không chỉ do lượng mưa thấp mà còn do nhiệt độ tăng sẽ ảnh hưởng đến sự tan chảy của sông băng ở khu vực Himalaya, đây là một nguồn đáng kể cung cấp nước ngọt cho nhiều nước Nam Á.

Tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất lương thực và an ninh lương thực ở châu Á sẽ khác nhau tùy theo khu vực, trong đó nhiều khu vực bị sẽ bị sụt giảm năng suất.

Hai loại cây ngũ cốc quan trọng nhất trong khu vực - Lúa ở Đông Nam Á và Nam Á và Lúa mì ở đồng bằng Indo-Gangetic của Nam Á - dự kiến sẽ giảm năng suất do thời gian sinh trưởng ngắn hơn vì nhiệt độ cao hơn, hạn hán thường xuyên dẫn tới khan hiếm nước trong nông nghiệp, gia tăng lũ lụt ven biển và nước biển dâng sẽ nhấn chìm các vùng đồng bằng trồng lúa

Các hệ thống ở ven biển và biển ở Châu Á đang chịu áp lực ngày càng tăng từ các tác nhân khí hậu và phi khí hậu.

Có khả năng mực nước biển dâng trung bình sẽ góp phần vào xu hướng đi lên của mực nước cao ven biển. Rừng ngập mặn, đầm lầy mặn và thảm cỏ biển có thể suy giảm trừ khi chúng có thể di chuyển vào đất liền, trong khi các đầm lầy và đầm lầy nước ngọt ven biển sẽ dễ bị xâm nhập mặn với mực nước biển dâng cao. Đã có báo cáo về thiệt hại đối với các rạn san hô và thiệt hại này được dự đoán sẽ tăng lên cùng với sự ấm lên và axit hóa đại dương.

Các hiện tượng khí hậu cực đoan sẽ có tác động ngày càng tăng lên sức khỏe con người, an ninh, sinh kế và nghèo đói, với hình thức và mức độ tác động khác nhau trên toàn châu Á.

Sự gia tăng tần suất và cường độ của các đợt nắng nóng trên khắp châu Á, đặc biệt là ở Nam Á, sẽ làm tăng tỷ lệ tử

vong và tỷ lệ mắc bệnh ở người già, trẻ em, đặc biệt là trẻ sơ sinh, lao động khu vực phi chính thức và cư dân khu ổ chuột. Mưa lớn và nhiệt độ gia tăng cũng sẽ làm tăng nguy cơ mắc các bệnh truyền qua đường nước và vật trung gian như tiêu chảy, sốt xuất huyết và sốt rét. Theo ước tính gần đây của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO 2014), tử vong do nắng nóng trong khu vực ở người già (trên 65 tuổi) được cho là tăng khoảng 20.000 trường hợp do biến đổi khí hậu vào những năm 2030 và khoảng 52.000 trường hợp vào những năm 2050. Những điều này cho thấy tỷ lệ tử vong liên quan đến các bệnh lây truyền qua vật trung gian (sốt rét và sốt xuất huyết) cũng được ước tính vào khoảng 3.000 ca tử vong hàng năm trong những năm 2030 và 10.000 ca tử vong hàng năm vào những năm 2050 trong khu vực. Các rối loạn tâm thần và hội chứng căng thẳng sau khủng hoảng cũng đã được quan sát thấy ở các khu vực thường xảy ra thảm họa.

Tình trạng nghèo nông thôn ở Nam Á dự kiến sẽ tiếp tục phổ biến hơn nghèo ở thành thị trong nhiều thập kỷ tới.

Ví dụ, ở Bangladesh, những yếu tố này sẽ làm gia tăng tỷ lệ nghèo thực lên 15% vào năm 2030 (IPCC AR5: Châu Á 2014). Gia tăng lũ lụt và hạn hán sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói ở nông thôn do tác động tiêu cực đến sản xuất lương thực, dẫn đến tăng giá lương thực và chi phí sinh hoạt. Theo đánh giá tương tự của WHO, khoảng 26.000 ca tử vong hàng năm ở trẻ nhỏ dưới 5 tuổi liên quan đến suy dinh dưỡng (thấp còi) do biến đổi khí hậu trong những năm 2030 trên toàn khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. Tuy nhiên, tình trạng mất an ninh lương thực liên quan đến biến đổi khí hậu cũng sẽ ảnh hưởng đến quá trình đô thị hóa Nam Á. Người nghèo thành thị cũng có thể bị tăng giá lương thực. Một số nhóm cư dân thành thị, chẳng hạn như những người làm công ăn lương ở thành thị, có thể đặc biệt dễ bị tổn thương. Nhiều căng thẳng do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng gây ra sẽ nghiêm trọng hơn do biến đổi khí hậu.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hầu hết người dân ở những vùng này từ lâu đã phải đối mặt với các mối đe dọa liên quan đến các hiện tượng liên quan đến thời tiết như nhiệt độ khắc nghiệt và lượng mưa lớn (có thể gây ra lũ lụt). Hỏi những người tham gia tại sao họ nghĩ rằng biến đổi khí hậu đột ngột tạo ra sự khác biệt cho cuộc sống của họ.

Gợi ý cho giảng viên

Để hiểu được điều này, người ta phải xem xét hai thành phần quan trọng của bất kỳ rủi ro nào :

- > Xác suất xảy ra thảm họa hoặc sự kiện bất lợi; và
- > Hậu quả và tác động tiềm tàng của sự kiện.

Biến đổi khí hậu làm tăng khả năng xảy ra các sự kiện cực đoan như lũ lụt, triều cường, sóng nhiệt; do đó làm tăng số lượng các sự kiện bất lợi xảy ra. Thứ hai, biến đổi khí hậu làm tăng cường độ của các sự kiện này và kết hợp các rủi ro liên quan thông qua các tương tác gián tiếp với các rủi ro khác.

Vì vậy, trong trường hợp trên, tần suất và cường độ của các hiện tượng liên quan đến thời tiết như lũ lụt sẽ tăng lên do biến đổi khí hậu, không chỉ với sự thay đổi về lượng mưa mà còn do xói mòn bờ biển và nước biển dâng. Thời tiết nóng hơn sẽ góp phần làm tăng lượng ôzôn trên mặt đất (khói bụi) ở các khu vực ô nhiễm, làm trầm trọng thêm mối đe dọa hiện có đối với sức khỏe con người, đặc biệt là đối với người già và trẻ nhỏ và những người có sức khỏe kém. Hơn nữa, các tác động cũng có thể dội lại qua việc làm hỏng cơ sở hạ tầng quan trọng như hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng, điều này sẽ làm giảm khả năng ứng phó của các cộng đồng bị ảnh hưởng.

RỦI RO KHÍ HẬU, THIÊN TAI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Những hiểm họa thiên nhiên (động đất, sóng thần, lũ lụt, lốc xoáy, hạn hán và những nguy cơ khác) đã xảy ra từ thời xa xưa và gây ra những ảnh hưởng bất lợi đến cuộc sống và sinh kế của con người. Trong những năm qua, các mô hình phát triển trên khắp thế giới đã đưa ra một khuôn mẫu trong đó cho thấy các thiên tai này đã trở thành những thảm họa tiềm tàng. Dữ liệu về rủi ro thiên tai cho thấy hàng năm có hơn 226 triệu người bị ảnh hưởng bởi các thảm họa có liên quan đến thiên tai và khoảng 81% trong số này là các thảm họa liên quan đến thời tiết (lũ lụt, lốc xoáy, hạn hán và các thảm họa khác). Những thảm họa liên quan đến thời tiết này cũng gây ra 23% số người chết và 72% thiệt hại về kinh tế thường khiến nhiều người rơi vào cảnh nghèo đói. Báo cáo Đặc biệt của IPCC về Các Sự kiện Cực đoan cũng như Báo cáo Đánh giá 5 đã tái khẳng định rằng biến đổi khí hậu đang dẫn đến các hiện tượng thời tiết cực đoan thường

xuyên hơn và/hoặc dữ dội hơn và sẽ chỉ làm trầm trọng thêm những thiên tai này trong những thập kỷ tới.

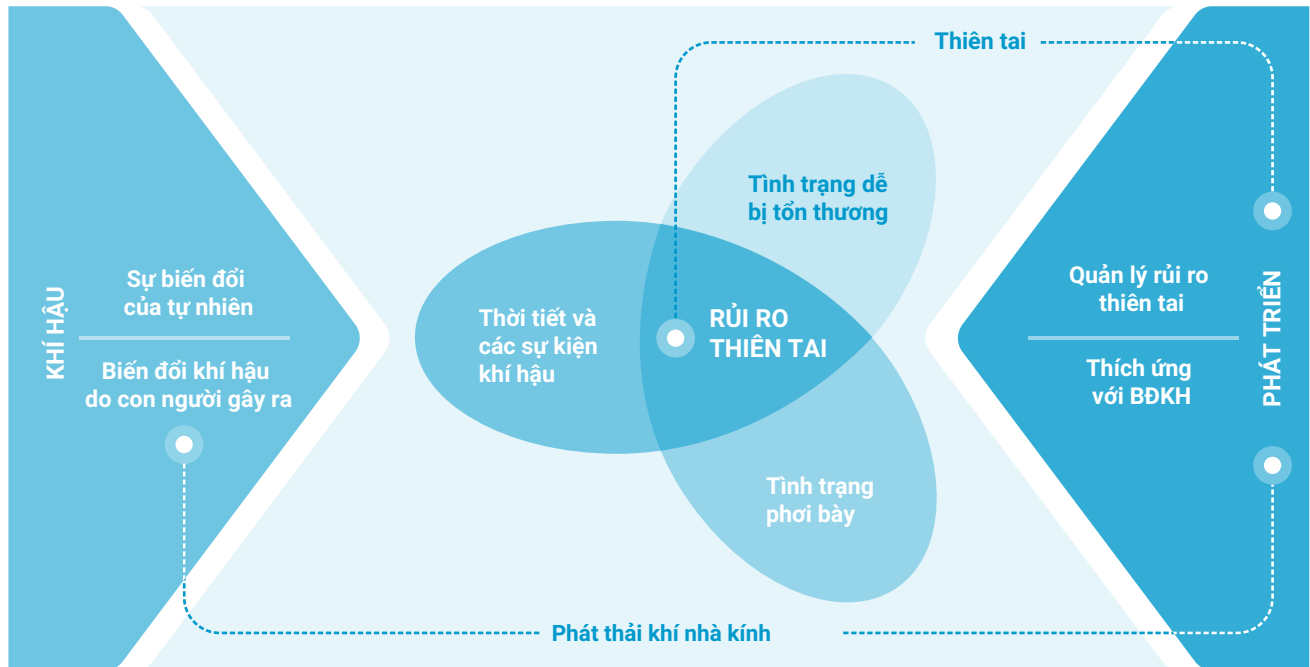
Đây sẽ là một thảm họa tiềm tàng, cản trở tiến trình phát triển trong nhiều thập kỷ và gây khó khăn nghiêm trọng trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Nhiều SDGs (xem Bảng 1-3) sẽ bị ảnh hưởng đáng kể, phụ thuộc vào việc hiện tượng nóng lên toàn cầu có ổn định ở 1,5 độ C hay vượt trên mức đó. Báo cáo Đánh giá 5 của IPCC (2015) tuyên bố rõ ràng rằng việc hạn chế sự nóng lên ở mức 1,5 độ C sẽ giúp dễ dàng đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đối với xóa đói giảm nghèo, tiếp cận nguồn nước, thành phố an toàn, an ninh lương thực, cuộc sống lành mạnh, tăng trưởng kinh tế toàn diện, và sẽ giúp bảo vệ đất liền, hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Hơn nữa, nhiều SDGs đòi hỏi có các biện pháp an sinh xã hội quan trọng và phát triển cơ sở hạ tầng cũng sẽ bị ảnh hưởng đáng kể bởi thiên tai.

BẢNG 1-3: TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU LÊN SDGS

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	TÌNH TRẠNG NẾU NÓNG LÊN Ở MỨC 1.5°C	TÌNH TRẠNG Ở MỨC 2°C	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDG) BỊ ẢNH HƯỞNG
SỰ KHAN HIẾM NƯỚC	496 triệu người (nhiều hơn 4%) tiếp xúc với căng thẳng về nước.	586 triệu người (nhiều hơn 8%) tiếp xúc với căng thẳng về nước.	SDG 6: Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững về nước sạch và vệ sinh cho tất cả mọi người.
HỆ SINH THÁI	Khoảng 7% diện tích đất trải qua sự thay đổi quần xã sinh vật. 70-90% Rạn san hô có nguy cơ bị tẩy trắng.	Khoảng 13% diện tích đất trải qua sự thay đổi quần xã sinh vật. 90% Rạn san hô có nguy cơ bị tẩy trắng.	SDG 15: Bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn; quản lý rừng bền vững; chống sa mạc hóa; ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái đất; và ngăn chặn mất đa dạng sinh học
CÁC THÀNH PHỐ VEN BIỂN	31-69 triệu người bị ngập lụt ven biển. Ít thành phố chịu ảnh hưởng của mực nước biển dâng và các sự kiện cực đoan	32-72 triệu người bị ngập lụt ven biển. Nhiều thành phố và người dân bị ngập lụt hơn.	SDG 11: Làm cho các thành phố và các khu định cư của con người trở nên toàn diện, an toàn, linh hoạt và bền vững.
HỆ THỐNG THỰC PHẨM	Năng suất cây trồng giảm đáng kể khiến 32-36 triệu người trồng có năng suất thấp hơn	Năng suất cây trồng trung bình giảm, khiến 330-396 triệu người bị giảm năng suất.	SDG 2: Chấm dứt nạn đói, đạt được an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, và thúc đẩy nông nghiệp bền vững.
Y TẾ	Giảm nguy cơ mắc bệnh do nhiệt độ. Phạm vi khu vực có muỗi nhỏ hơn. 3546-4508 triệu người tiếp xúc với sóng nhiệt.	Nguy cơ mắc bệnh và tử vong do nhiệt độ cao hơn. Phạm vi khu vực có muỗi lớn hơn. 5417-6710 triệu người tiếp xúc với sóng nhiệt.	SDG 3: Đảm bảo cuộc sống lành mạnh và tăng cường sức khỏe cho mọi người ở mọi lứa tuổi.

Nguồn: Theo IPCC, Báo cáo đánh giá lần thứ 5 (AR5), (2015)

HÌNH 1-4: MÔ TẢ MỐI LIÊN HỆ GIỮA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, RỦI RO THIÊN TAI VÀ PHÁT TRIỂN



Nguồn: IPCC -AR5 (2014c).

Những can thiệp này cần có quan điểm thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu lồng ghép vào quy hoạch phát triển, huy động nguồn lực và bảo trợ xã hội cũng như các cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng. Do đó, điều cực kỳ quan trọng là cả giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đều được lồng ghép trong tất cả các SDG và không giới hạn ở SDG 13 - hành động khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, RỦI RO THIÊN TAI VÀ PHÁT TRIỂN

Khí hậu Trái đất liên tục thay đổi kể từ khi nó được hình thành. Quá trình tự nhiên này, được gọi là biến đổi tự nhiên của khí hậu, khác với biến đổi khí hậu. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) định nghĩa biến đổi khí hậu là “sự thay đổi của khí hậu, do các hoạt động của con người trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra và làm thay đổi thành phần của bầu khí quyển toàn cầu.” Quá trình này cộng với sự biến đổi tự nhiên của khí hậu quan sát được trong các khoảng thời gian có thể so sánh được. Những thay đổi do con người gây ra thường được gọi là “biến đổi khí hậu do con người gây ra” là kết quả của các hoạt động công nghiệp gia tăng, đặc biệt là từ cuộc cách mạng công nghiệp, đã đóng góp cho lượng phát thải khí nhà kính (GHG).

Cả sự biến đổi tự nhiên và biến đổi khí hậu do con người gây ra đều dẫn đến các sự kiện hoặc hiểm họa liên quan đến thời tiết và khí hậu. IPCC định nghĩa các hiểm họa này là “Khả năng xảy ra một sự kiện vật lý do tự nhiên hoặc con người có thể gây ra thiệt hại về tính mạng, thương tật hoặc các tác động sức khỏe khác cũng như thiệt hại và tổn thất

đối với tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế, cung cấp dịch vụ và tài nguyên môi trường”.

Những thay đổi về lượng khí thải dự trữ do các hoạt động của con người, dẫn đến những thay đổi trong phân bố của các biến khí hậu. Rất khó để quy liệu rằng một hiểm họa là kết quả của sự biến đổi tự nhiên hay do tác động con người. Tuy nhiên, có bằng chứng khoa học rằng tần suất và cường độ của các thảm họa đã tăng lên do biến đổi khí hậu.

Những hiểm họa này gây ra rủi ro cho các hệ thống kinh tế và xã hội của chúng ta. Rủi ro là khả năng bị tổn thất. Tác động cuối cùng của một rủi ro có thể phụ thuộc vào tần suất và cường độ của hiểm họa, mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương của hệ thống. IPCC định nghĩa phơi bày là “Sự hiện diện của con người; sinh kế; dịch vụ môi trường và tài nguyên; cơ sở hạ tầng; hoặc tài sản kinh tế, xã hội hoặc văn hóa ở những nơi có thể bị ảnh hưởng tiêu cực.” Một hiểm họa có thể có cường độ cao, nhưng nếu nó ảnh hưởng đến một địa điểm không có người và cơ sở hạ tầng, thì tác động sẽ thấp. Mặt khác, tính dễ bị tổn thương là một hiện tượng phức tạp hơn và thể hiện tính nhạy cảm của hệ thống, phụ thuộc vào các điều kiện phổ biến như xã hội, kinh tế, văn hóa, lịch sử, thể chế, v.v. Nó được định nghĩa là “xu hướng hoặc xu hướng bị ảnh hưởng bất lợi. Tính dễ bị tổn thương bao gồm nhiều khái niệm và yếu tố khác nhau bao gồm tính nhạy cảm hoặc tính dễ bị tổn hại và thiếu khả năng ứng phó và thích ứng”.

Khi có một rủi ro thiên tai, chúng thường dẫn đến tác động và ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển. Mô hình phát triển của chúng ta là mô hình đóng góp vào lượng khí thải, do đó góp phần vào biến đổi khí hậu. Đây cũng chính là ranh giới mà hoạt động giảm nhẹ hoặc giảm phát thải KNK,

quản lý thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu do các lựa chọn chính sách của cá nhân và tập thể. (Nhóm công tác II của IPCC 2014)

CÁC BẤT BÌNH ĐẲNG HIỆN CÓ VÀ TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRƯỚC CÁC RỦI RO KHÍ HẬU

Mối đe dọa của rủi ro khí hậu được ghi nhận ở cấp toàn cầu, nhưng mức độ dễ bị tổn thương trước rủi ro sẽ theo ngữ cảnh cụ thể và phụ thuộc nhiều hơn vào các yếu tố phi khí hậu và bất bình đẳng tồn tại từ trước. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi Báo cáo đánh giá 5 của IPCC nhấn mạnh rằng phụ nữ, người nghèo, người già, trẻ em, cộng đồng bản địa, dân cư ven biển và những người có khuyết tật sẽ dễ bị tổn thương hơn trước các rủi ro khí hậu. Và mặc dù không có nghiên cứu/thông tin về tính dễ bị tổn thương của các cộng đồng LGBTQI, với sự phân biệt đối xử tổng thể mà họ phải đối mặt, sẽ không sai khi cho rằng họ cũng sẽ chịu tác động tiêu cực, đặc biệt là trong trường hợp thiên tai.

Ví dụ, mật độ dân số đô thị cao ở Nam và Đông Nam Á dễ bị ảnh hưởng hơn cả bởi những thay đổi tiêu cực của khí hậu, đặc biệt là nhiệt độ khắc nghiệt, lũ lụt và các bệnh truyền nhiễm; những người dễ bị tổn thương nhất là những người sống trong các khu định cư không chính thức. Những rủi ro do nhiệt độ cao sẽ tác động nhiều hơn đến những người sống mà không có thiết bị thông gió thích hợp hoặc những người làm công việc ngoài trời như bán hàng rong. Tương tự như vậy, lũ lụt trong đất liền và ven biển, cũng như triều cường sẽ ảnh hưởng đến những cộng đồng sống ở các khu vực trũng thấp và khu vực bị phơi bày. Tình trạng khan hiếm nước và các bệnh liên quan sẽ tăng lên đối với những người không được tiếp cận với các dịch vụ và cơ sở hạ tầng cơ bản.

Trẻ em và người cao tuổi thường có nguy cơ mắc bệnh cao hơn do hạn chế vận động, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm, chịu nhiệt kém và thường bị tách biệt về xã hội; trẻ nhỏ có nhiều khả năng tử vong hoặc bị tổn thương nghiêm trọng do các bệnh tiêu chảy và lũ lụt. Người cao tuổi cũng bị tổn hại về thể chất và tử vong do nắng nóng, hạn hán và cháy rừng.

Những đặc điểm bị tổn thương này thường liên quan trực tiếp đến sự bất bình đẳng hiện có, đó là lý do tại sao cần có cách tiếp cận dựa trên quyền con người để thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai. Cách tiếp cận này yêu cầu phân tích sâu về rủi ro, mức độ phơi nhiễm và tính dễ bị tổn thương của các cộng đồng cụ thể đối với biến đổi khí hậu. Dưới đây là một số yếu tố quyết định quan trọng đến sự bất bình đẳng hiện có sẽ tác động đến biến đổi khí hậu đã được thảo luận ở đây:

i) **Phơi bày về địa lý:** sống ở những khu vực dễ xảy ra nguy hiểm - những vùng đất trũng thường xuyên bị lũ lụt hoặc ở những nơi cao như đồi núi và có mực nước ngầm thấp. Thiếu đảm bảo về quyền sử dụng đất càng cản trở việc đầu tư vốn vào những khu dân cư này. Bốn trăm năm mươi triệu người dễ bị lũ lụt sẽ phải đối mặt với tần suất lũ lụt tăng gấp đôi, và nguy cơ lũ lụt toàn cầu sẽ tăng lên đáng kể. (Arnell và Gosling 2014)

ii) **Phơi bày về mặt nghề nghiệp:** phụ thuộc vào các ngành nghề đòi hỏi lao động thể chất nặng nhọc; công việc ngoài trời như xây dựng, bán hàng tự động trên đường phố và / hoặc sinh kế không chính thức như buôn bán theo mùa, làm việc tại nhà, có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai. Mỗi lần tăng thêm 1°C có thể làm giảm năng suất làm việc từ 1% đến 3% đối với những người làm việc ngoài trời hoặc không có điều hòa nhiệt độ, thường là nhóm lực lượng lao động nghèo hơn. (Park và cộng sự 2015, tham khảo từ (Roy, và cộng sự 2018)). Tương tự, những người phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và nông nghiệp cũng sẽ bị tổn thương do mất sinh kế. Ví dụ như ở Bangladesh, các hộ nghèo phụ thuộc vào nguồn cá nước ngọt có thể bị thiệt hại do không có khả năng di chuyển, tiếp cận đất đai hạn chế và phụ thuộc nhiều vào các hệ sinh thái địa phương. (Dasgupta và cộng sự 2017)

iii) **Cơ sở hạ tầng nghèo nàn:** sống trong các khu định cư thiếu hệ thống thoát nước, năng lượng và thông tin liên lạc, những nơi này sẽ cảm thấy rõ rệt hơn tác động của một sự kiện như lũ lụt hoặc hạn hán. Chất lượng nhà ở của họ thấp, với hệ thống thông gió hạn chế và các thiết bị làm mát không đủ khiến họ dễ bị ảnh hưởng bởi khí hậu bất thường như nắng nóng kéo dài.

iv) **Tính dễ bị tổn thương về tài chính:** hạn chế về nguồn thu nhập, đất đai, các tài sản tự nhiên khác, khả năng tiếp cận tín dụng và bảo hiểm; thường buộc phải sử dụng hết các khoản tiết kiệm hoặc tài sản ít ỏi của mình để ứng phó. Với nền tảng sinh kế thấp và các lựa chọn dự phòng hạn chế, khả năng chống chịu với áp lực và các cú sốc về khí hậu bị hạn chế, khiến họ dễ bị mắc vào "bẫy nghèo" - họ sẽ trở nên nghèo hơn do biến đổi khí hậu nhưng không thể đầu tư để phục hồi vì họ nghèo và các giải pháp dài hạn dường như không khả thi về mặt kinh tế. Báo cáo Đánh giá 5 cũng kết luận, rằng người nghèo sẽ tiếp tục chịu những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và biến đổi khí hậu sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói. Hallegatte và Rozenberg (2017) báo cáo rằng vào năm 2030, với nhiệt độ tăng lên xấp xỉ 1,5 độ C, thêm 122 triệu người có thể gặp phải tình trạng nghèo cùng cực, chủ yếu do giá lương thực cao hơn và sức khỏe giảm sút, với 20% người nghèo nhất trên 92 quốc gia sẽ mất nguồn thu nhập chủ yếu.

v) **Ở ngoài lề về mặt xã hội:** có ít lựa chọn dự phòng nhất, hạn chế về nguồn lực và khả năng tiếp cận thông tin nhưng chủ yếu hạn chế sự công nhận là công dân và con người. Ví dụ, các khu ổ chuột và các khu định cư không chính thức thường bị loại khỏi hệ thống cảnh báo sớm hoặc cơ sở hạ tầng phòng chống lũ lụt. Hơn nữa, hầu hết các nhóm dễ bị tổn thương đều bị biến mất trong một xã hội "chuẩn mực nam giới" hoặc hệ thống phân tích dữ liệu tổng hợp để lập kế hoạch. Hệ thống sơ tán thường không được thiết kế để lưu ý đến nhu cầu của người già và người khuyết tật. Nghèo đói và dễ bị tổn thương về kinh tế sẽ dẫn đến gia tăng dòng người di cư, vào những thời điểm và địa điểm cụ thể, thường tạo ra những nguy cơ cụ thể về xung đột và bạo lực.

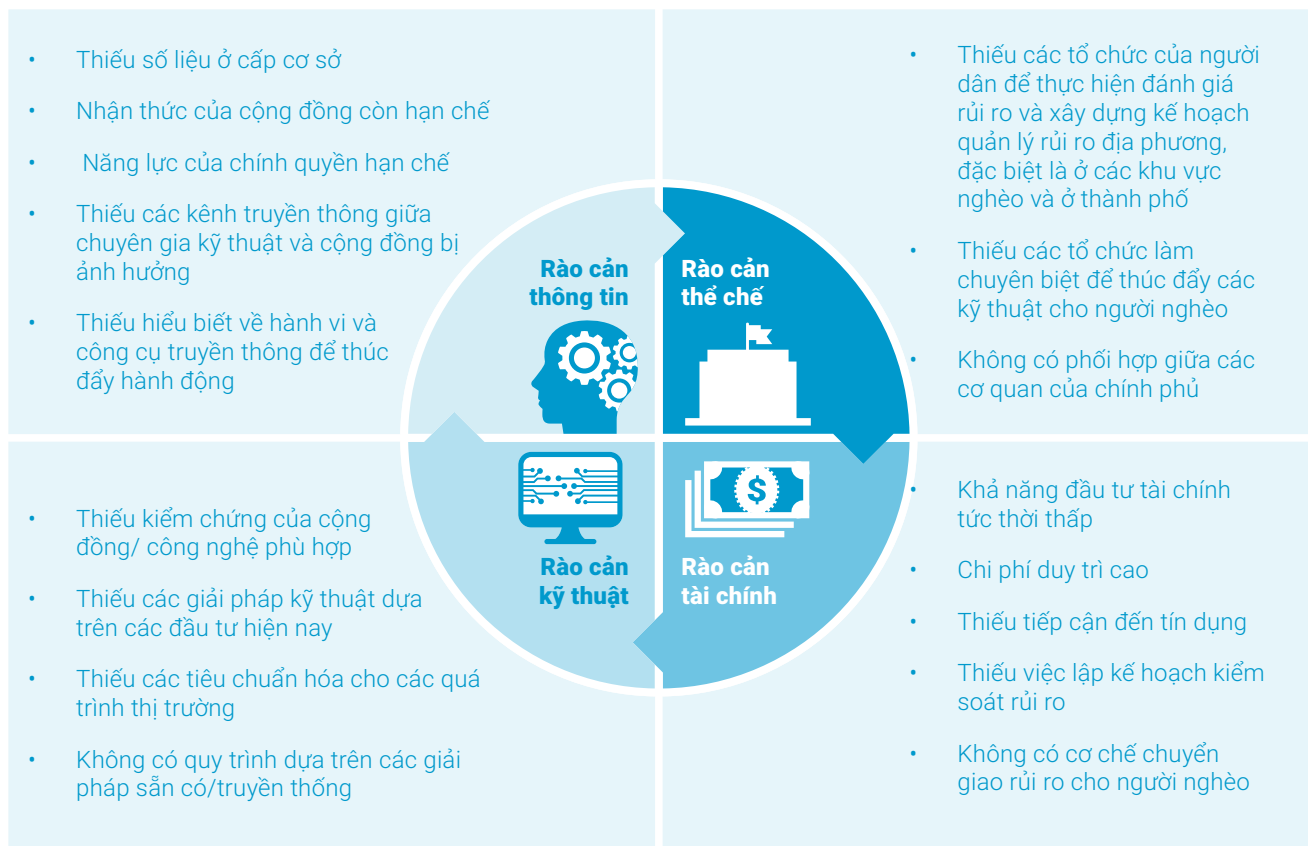
F) **Phân biệt đối xử về giới:** với vai trò giới hiện nay trong các xã hội, đặc biệt là các trách nhiệm trong gia đình như lấy nước, an ninh lương thực và chăm sóc, phụ nữ thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn và chịu gánh nặng kép của các sự kiện liên quan đến khí hậu này. Phụ nữ không chỉ thiệt thòi hơn nam giới về thu nhập mà còn ít có khả năng tiếp cận an sinh xã hội và các dịch vụ tài chính hơn nam giới. Họ sẽ thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn. Trên toàn cầu, phụ nữ kiếm được 77% số tiền mà nam giới kiếm được, với khoảng cách lương theo giới ước tính là 23%. (UN Women 2018). Văn phòng Lao động Quốc tế (Women at Work Trends 2016) nhấn mạnh rằng, trên toàn thế giới, khoảng 40% phụ nữ làm công ăn lương không được tiếp cận với bảo trợ xã hội. Tương tự, cơ sở dữ liệu Findex toàn cầu của Ngân hàng Thế giới-2014 (Demircuc-Kunt, và cộng sự 2015) báo cáo rằng trong khi 65% nam giới có tài khoản tại các tổ chức tài chính và / hoặc ngân hàng, chỉ 58% nữ giới có tài khoản tương tự. Hơn nữa, phụ nữ và trẻ em gái cũng dễ bị bạo lực trên cơ sở giới hơn, đặc biệt là bạo lực gia đình, buôn bán người, tảo hôn và các vấn đề khác.

(IFRC 2015). Bạo lực tình dục đối với phụ nữ, trẻ em gái và người LGBTIQ cũng thường gia tăng sau thảm họa (Mian và Namasivayam 2017).

Giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng khả năng chống chịu cho các cộng đồng nghèo - Lập bản đồ các rào cản

Mặc dù các chiến lược xây dựng khả năng thích ứng/chống chịu với biến đổi khí hậu hoặc giảm nhẹ rủi ro thiên tai được phê duyệt, thì việc đạt được kết quả đòi hỏi các cộng đồng mục tiêu phải nhận thức được các dự báo và rủi ro khí hậu; tiến hành đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương của riêng họ; và lồng ghép quan điểm rủi ro khí hậu, đặc biệt là các quan điểm liên quan đến khả năng phòng ngừa thiên tai, sử dụng đất/tài nguyên và lập kế hoạch tài chính cấp hộ gia đình. Tuy nhiên, các cộng đồng nghèo, đặc biệt là phụ nữ, phải đối mặt với nhiều thách thức về thông tin, kỹ thuật, hành vi, thể chế và tài chính để xây dựng khả năng chống chịu với khí hậu. (Hình 4).

HÌNH 1-5: RÀO CẢN TRONG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU VÀ XÂY DỰNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CHO NGƯỜI NGHÈO



Nguồn: Soạn lại từ Mahila Housing SEWA Trust (2015).

Rào cản thông tin - Các cộng đồng đang phải đối mặt với hai loại rào cản kiến thức - thứ nhất là sự hiểu biết hạn chế về nguy cơ tiềm ẩn của biến đổi khí hậu do thiếu dữ liệu cấp vi mô và khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến khí hậu, và thứ hai là thiếu kỹ năng đánh giá khoa học về rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương. Ngoài ra, khoảng cách về mặt kỹ năng giữa các chính quyền địa phương và các nhà khoa học khí hậu trong làm việc với sự tham gia của cộng đồng càng cản trở các quá trình làm việc có sự tham gia. Preston và cộng sự (2011), thông qua đánh giá 45 bài tập lập bản đồ tính dễ bị tổn thương, phát hiện ra rằng chỉ 40% bản đồ có bao gồm sự tham gia của các bên liên quan nêu bật những thách thức về kỹ thuật, chuyên môn, nguồn lực và thể chế đối với việc thực hiện các quy trình có sự tham gia.

Rào cản áp dụng công nghệ - Trong khi đổi mới công nghệ là rất quan trọng, một loạt các giải pháp chống chịu với khí hậu để chống nóng (thiết kế thông gió, vật liệu thay thế, cảnh quan xanh) và quản lý nước (thu nước mưa, các công trình lấy nước nhỏ, quy hoạch nước hệ sinh thái, bộ dụng cụ kiểm tra nước và những thứ khác) đã có sẵn. Tuy nhiên, chúng không được cộng đồng chấp nhận do thiếu nhận thức. Ngoài ra, chúng thường không thể tiếp cận và thiết kế mẫu không phù hợp để đáp ứng các nhu cầu cụ thể của cộng đồng (Nagrath 2013). Thông thường, công nghệ được cung cấp không đồng bộ với cơ sở hạ tầng hiện có hoặc không gian hạn chế hiện có. Ngoài ra, người ta cũng cần hiểu rằng người nghèo thích các giải pháp công nghệ dựa trên các đầu tư hiện có của họ. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi sự tham gia của cộng đồng với các nhà khoa học xã hội và chuyên gia kỹ thuật để thiết kế các giải pháp hiệu quả và tùy chỉnh. Hơn nữa, với bối cảnh kinh tế xã hội của họ, người nghèo buộc phải suy nghĩ và đưa ra quyết định dựa trên các nhu cầu ngắn hạn hơn là lợi ích dài hạn, và do đó, họ thường nói đến những hành vi rất khác biệt điển hình khi đối phó với rủi ro. Sự không thể đoán trước của các rủi ro liên quan đến khí hậu có nhiều khả năng làm xuất hiện các hành vi bất thường như chán ghét mất mát, suy nghĩ sai lệch về hiện trạng và/hoặc thu hẹp lại. Do đó, thông tin đơn thuần sẽ không tạo ra sự thay đổi hành vi hoặc sự áp dụng. Cần phải có các phần thưởng riêng biệt (không nhất thiết là tài chính) cho việc này (WHO và IFRC 2010). Điều này đòi hỏi một nghiên cứu về các động lực văn hóa cũng như xã hội, cùng với các mô hình hành vi của người nghèo - một cách tiếp cận rất cụ thể theo bối cảnh (Nygaard và Hansen 2015)

Rào cản về thể chế - Việc lập kế hoạch thích ứng và GNRRTT thường không bao trùm và người nghèo nói riêng thậm chí còn ít tham gia hơn. Một yêu cầu rất quan trọng đối với khả năng chống chịu là phát triển vốn xã hội hoặc các thể chế của người dân ở các khu ổ chuột và thành phố, đặc biệt là những khu ổ chuột bao gồm phụ nữ và những người có khả năng tạo ra áp lực cho những thay đổi trong chính phủ (Boonyabancha, S., Mitlin, D. 2012). Đồng thời, cần có chính quyền địa phương và các nhà cung cấp dịch vụ địa phương để đáp ứng nhu cầu của người nghèo. Tuy nhiên, hầu hết các chính quyền địa phương thiếu năng lực và sự phối hợp giữa các bộ phận để xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động chống chịu với biến đổi khí hậu có sự tham gia của người nghèo. IPCC (2014) cũng nhấn mạnh những thiếu hụt quan trọng trong quan hệ đối tác giữa các chuyên gia kỹ thuật, chính quyền địa phương và cộng đồng để thực hiện đánh giá rủi ro có sự tham gia và thiết kế các giải pháp kỹ thuật chung.






Rào cản tài chính - Các công nghệ giảm nhẹ thiên tai và chống chịu thường đắt tiền, đòi hỏi đầu tư vốn và chi phí bảo trì cao, khiến các cộng đồng nghèo không thể tiếp cận được. Chính quyền địa phương cũng không đầu tư vào các giải pháp cơ sở hạ tầng như vậy cho người nghèo, vì phần lớn ngân sách được phân bổ là dành cho các hoạt động phúc lợi và bảo trợ xã hội - rất cần thiết nhưng chỉ giải quyết các vấn đề hiện tại. Rào cản tài chính thậm chí còn gay gắt hơn ở các khu vực thành thị, nơi người nghèo thường tập trung ở các khu ổ chuột và các khu định cư phi chính thức, do đó thường hoàn toàn nằm ngoài tầm ngắm đầu tư cơ sở hạ tầng của chính quyền các thành phố.

(Phỏng theo (Mahila Housing SEWA Trust 2015))

MÔ-ĐUN 1 PHẦN C:

3:30:00

MỐI LIÊN HỆ GIỮA GIỚI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO THIÊN TAI

TỔNG QUAN 	<p>Vào cuối buổi học này, học viên sẽ được nâng cao nhận thức về các tác động khác biệt về giới của biến đổi khí hậu và các thảm họa liên quan. Họ cần được thuyết phục để lồng ghép các mối quan tâm về giới trong tất cả các chương trình thích ứng, chống chịu và quản lý thiên tai với biến đổi khí hậu.</p>	
NỘI DUNG 	<p>a) Các khía cạnh giới của Biến đổi khí hậu và Giảm thiểu rủi ro Thiên tai (CCDRR)</p> <p>b) Biến đổi khí hậu làm trầm trọng thêm Bất bình đẳng giới</p> <p>c) Vai trò của giới và các tác động khác biệt của biến đổi khí hậu</p> <p>d) Bất bình đẳng giới về năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai và</p>	<p>xây dựng khả năng chống chịu</p> <p>e) Cần lồng ghép các chính sách về giới trong biến đổi khí hậu và GNRRTT</p> <p>f) Các chiến lược, khoảng cách và thách thức hiện có đối với việc lồng ghép giới</p> <p>g) Phụ nữ với tư cách là đối tác bình đẳng và chủ thể hành động vì khí hậu</p>
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Thẻ vai trò giới > Áp phích về Giới và GNRRTT/Thích ứng BĐKH > Bảng trắng và bút đánh dấu > Giấy và bút vẽ biểu đồ > Tài liệu phát tay > Thiết bị để xem phim trên YouTube 	
ĐỀ CƯƠNG 	5 Phút	Chia sẻ nội dung và cấu trúc của học phần
	40 Phút	Các Thẻ Đối sánh” về Vai trò Giới và Các Tác động Khác biệt (Xem Bài tập 6 và Tài liệu Phát tay 5) (được khuyến nghị cho khóa học cơ bản).
	HOẶC	Khung Moser’ để Lập bản đồ Rủi ro Khí hậu theo Giới (Xem Bài tập 7) (được khuyến nghị cho khóa học nâng cao).
	60 Phút	Trình bày Hình vẽ về “Các khía cạnh giới của GNRRTT/BĐKH” sử dụng Hình 5 (khuyến nghị cho khóa học cơ bản).
	HOẶC	Trình bày PowerPoint về “Các khía cạnh giới của GNRRTT/BĐKH” (khuyến nghị cho khóa học nâng cao).
	45 Phút	Bài thuyết trình PowerPoint về “Tích hợp giới trong GNRRTT/BĐKH”.
	60 Phút	Đánh giá nghiên cứu điển hình “Phụ nữ là tác nhân thay đổi” (Xem Bài tập 8 và Tài liệu phát tay 6)
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu phiên bằng cách chia sẻ nội dung và cấu trúc. Giải thích rằng biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (GNRRTT/BĐKH) không phân biệt giới tính. Các vai trò giới hiện có - nhu cầu và sở thích liên quan cũng như sự bất bình đẳng trong việc chia sẻ nguồn lực và quyền ra quyết định - ảnh hưởng đến cách thức mà mọi người từ các nhóm xã hội khác nhau và bản dạng giới khác nhau trải qua tác động của biến đổi khí hậu và ứng phó với những điều này. Các khía cạnh giới, tuổi và nghèo ảnh hưởng đặc biệt đến tính dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Kết quả là biến đổi khí hậu sẽ thực sự làm tăng bất bình đẳng giới hiện có. Nói với người học rằng những khái niệm này sẽ được tìm hiểu qua một số bài tập. Đối với khóa học cơ bản, hãy bắt đầu với nhiệm vụ ghép các thẻ cho phù hợp với Vai trò và Tác động của Giới (Xem Bài tập 6) và kết thúc bằng phần trình bày hình vẽ về các khía cạnh giới của GNRRTT/BĐKH. Đối với khóa học nâng cao, hãy bắt đầu với chia sẻ về Khung Moser (Xem bài tập 7), sau đó là bài trình bày PowerPoint chi tiết để giải thích các khía cạnh giới của GNRRTT/BĐKH.</p> <p>Phần tiếp theo của học phần sẽ tập trung nhiều hơn vào cung cấp thông tin, do đó, cần sử dụng bài trình bày PowerPoint để giải thích sự cần thiết phải lồng ghép giới trong GNRRTT/BĐKH và xây dựng khả năng chống chịu cũng như các chiến lược, khoảng trống và thách thức hiện có để thực hiện điều này. Đảm bảo có thời gian thảo luận để người học có thể tham gia. Kết thúc phần trình bày với tổng quan về phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi. Sau đó, chia những người tham gia thành ba nhóm cho bài tập đánh giá trường hợp điển hình về “Phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi” (Xem Bài tập 8).</p>	

Các khía cạnh giới của Biến đổi khí hậu và Giảm thiểu rủi ro Thiên tai (GNRRTT/BĐKH) và Xây dựng khả năng chống chịu

TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRÊN CƠ SỞ GIỚI VÀ TÁC ĐỘNG KHÁC BIỆT CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI

Biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng khác nhau đến giới tính và bản dạng xã hội khác nhau, điều này thường khiến cho phụ nữ và những người LGBTIQ dễ bị tổn thương hơn (Hình 1-6). Sự ảnh hưởng khác nhau không phải do bất kỳ sự khác biệt sinh học nào tạo ra mà do vai trò và trách nhiệm xã hội được phân biệt theo giới tính xảy ra trong hộ gia đình và cộng đồng (Neumayer và Plümpner 2007). Tình trạng dễ bị tổn thương trên cơ sở giới càng trở nên trầm trọng hơn do sự bất bình đẳng giới hiện có, đặc biệt là khả năng tiếp cận đất đai và các nguồn lực khác, tham gia vào cơ cấu quản trị và ra quyết định, và quan trọng hơn là tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế, khuyến nông và tài chính. Tính dễ bị tổn thương nghiêm trọng trên cơ sở giới do biến đổi khí hậu và thiên tai đã được thảo luận ở đây:

A) Gia tăng Công việc Gia đình và Nghèo về Thời gian

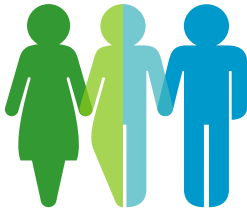
Trong các hệ thống xã hội phức tạp, vai trò chăm sóc do người phụ nữ thực hiện là cần thiết. Điều này càng đúng hơn trong bối cảnh châu Á khi mà phụ nữ thường là người đảm nhận công việc chăm sóc và công việc gia đình không được trả lương, cao gấp 4 lần nam giới (ILO 2018), so với con số toàn cầu là 2,6 lần (UN Women 2018). Đo lường mức lương tối thiểu, Báo cáo của Oxfam (Coffey và cộng sự 2020) cho thấy giá trị về tiền của công việc chăm sóc không được trả lương trên toàn cầu có thể vào khoảng 10,8 nghìn tỷ đô la Mỹ. Vai trò chăm sóc và công việc không được trả lương của phụ nữ sẽ tăng lên gấp nhiều lần do biến đổi khí hậu, đặc biệt là trong các tình huống thiên tai. Phụ nữ nghèo và những người ở nông thôn tham gia nhiều hơn vào công việc chăm sóc không chính thức (ILO 2018) sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất. Một số vai trò giới quan trọng trong việc chăm sóc sẽ tác động nhiều hơn đến phụ nữ bao gồm:

- i) **Quản lý an ninh lương thực:** Khi các nguồn lương thực truyền thống trở nên khan hiếm và khó lường hơn, cùng với việc tăng giá lương thực, phụ nữ sẽ gặp khó khăn trong việc quản lý an ninh lương thực trong gia đình của họ. Phụ nữ nghèo có khả năng tiếp cận đất đai, dịch vụ khuyến nông và tiền bạc hạn chế sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất.
- ii) **Tim, lấy nước uống và nước sinh hoạt:** Các khía cạnh giới trong quản lý nước đã được chỉ ra khá rõ. Trong hầu hết xã hội, phụ nữ và trẻ em gái là người chịu trách

nhiệm chính trong việc lấy nước sinh hoạt và nước uống. Ở nhiều nơi ở Nam Á, tình trạng khan hiếm nước và thiếu cơ sở hạ tầng cung cấp nước phù hợp dẫn đến phụ nữ phải đi bộ hàng kilomet hoặc phải xếp hàng chờ hàng giờ để lấy nước. Với hơn hai tỷ người trên thế giới dự kiến sẽ phải đối mặt với tình trạng thiếu nước vào năm 2025 (Hameeteman 2013), điều này đặc biệt sẽ có tác động tiêu cực hơn với phụ nữ và trẻ em gái. Ở những vùng bị hạn hán, thời gian lấy nước của phụ nữ và trẻ em gái sẽ tăng lên gấp nhiều lần, vì họ phải đi những quãng đường dài hơn trong cùng một khoảng thời gian. Tại các khu vực dễ bị ngập lụt, thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng cấp nước hiện có sẽ làm giảm khả năng tiếp cận nước của nhiều cộng đồng, đặc biệt là những người sống trong các khu ổ chuột ở đô thị, điều này sẽ khiến phụ nữ bị tổn thương nhiều hơn.

- iii) **Chuẩn bị thức ăn cho gia súc:** Do áp lực về đất đai để sản xuất các loại cây trồng, nhiên liệu sinh học và năng lượng tái tạo tăng lên, diện tích đất chăn thả sẽ giảm. Với tình trạng phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc lo thức ăn cho gia súc, đặc biệt là những gia súc nhỏ mà họ thường có quyền kiểm soát, sự suy giảm nguồn cung thức ăn gia súc sẽ ảnh hưởng đến cả vấn đề nghèo thời gian (để lo chuẩn bị thức ăn gia súc) và nghèo về thu nhập (mất chăn nuôi) của phụ nữ.
- iv) **Nhiên liệu để nấu nướng:** Các biện pháp bảo vệ rừng nghiêm ngặt cũng như các chính sách giảm phát thải cũng sẽ ảnh hưởng hơn nữa đến nguồn nhiên liệu để nấu nướng, đặc biệt là đối với phụ nữ nghèo không có khả năng mua các nguồn năng lượng sạch. FAO ước tính rằng nhiều nước đang phát triển trên thế giới vẫn sử dụng củi để đáp ứng tới 90% nhu cầu năng lượng. Hơn nữa, vai trò và sự phân biệt đối xử về giới sẽ cản trở phụ nữ tham gia vào các quyết định liên quan đến quá trình quản lý rừng ở địa phương, điều này sẽ hạn chế sự sẵn có của các nguồn nhiên liệu và dẫn đến việc phụ nữ phải đi xa hơn để lấy củi từ các khu rừng không được bảo vệ.
- v) **Quản lý chất thải sinh hoạt:** Các chính phủ trên toàn thế giới đang cố gắng giải quyết vấn đề quản lý chất thải tại các bãi chôn lấp lộ thiên và hệ thống đường ống dẫn nước. Vì phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý chất thải trong gia đình, nên họ sẽ chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ vai trò phân loại và tái chế chất thải.

HÌNH 1-6: POSTER VỀ CÁC KHÓA CẠNH GIỚI CỦA BĐKH/GNRRTT



Phụ nữ và các nhóm LGBTIQ chịu tác động nặng nề hơn do biến đổi khí hậu và thiên tai



TĂNG CÔNG VIỆC NỘI TRỢ VÀ TÌNH TRẠNG EO HÉP VỀ THỜI GIAN

- Công việc nội trợ và chăm sóc không được trả lương của phụ nữ châu Á sẽ tăng lên, mặc dù hiện nay công việc này đã cao hơn nam giới 4 lần.
- Với tình trạng sản xuất lương thực giảm và giá lương thực tăng, phụ nữ nghèo sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì an ninh lương thực
- Với khoảng hơn 2 triệu người đối mặt với tình trạng thiếu nước vào năm 2025, phụ nữ và trẻ em gái sẽ phải đi xa hơn và dành nhiều thời gian hơn để lấy nước.
- Thiệt hại cho hệ thống hạ tầng cung cấp nước trong lũ lụt và bão sẽ gây tác động tiêu cực đến phụ nữ ở khu vực đô thị.
- Áp lực lên đất đai để có lương thực và chất đốt, đất trồng cỏ sẽ giảm, dẫn tới tăng gánh nặng cho phụ nữ trong tìm thức ăn cho gia súc.
- Các chính sách bảo vệ rừng và năng lượng sạch sẽ ảnh hưởng tới sự sẵn có của chất đốt và gỗ - vật liệu cung cấp 90% nguồn năng lượng cho phụ nữ nghèo.



TĂNG GÁNH NẶNG VỀ SỨC KHỎE VÀ TRÁCH NHIỆM CHĂM SÓC

- Sự phân chia thức ăn chênh lệch trong hộ gia đình thường dẫn tới việc phụ nữ và trẻ em gái bị giảm khẩu phần thức ăn và dinh dưỡng cơ bản.
- Phụ nữ thường bị tiếp xúc nhiều hơn với nước do trách nhiệm đi lấy nước sẽ có nguy cơ bị các bệnh lây qua nguồn nước.
- Đặc điểm sinh học cũng khiến phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ mang thai, dễ lây nhiễm các bệnh lây truyền như sốt rét.
- Uống nước mặn hơn (do nước biển xâm nhập) sẽ có những tác động nghiêm trọng, đặc biệt cho phụ nữ mang thai, do tỉ lệ tăng huyết áp và tiền sản giật tăng cao.
- Sau thiên tai, nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của phụ nữ thường ít được chú ý.



NGUY CƠ TỬ VONG, BỊ THƯƠNG VÀ BỊ BẠO LỰC TĂNG CAO

- Phụ nữ và trẻ em có khả năng bị tử vong hoặc bị thương trong thiên tai cao hơn 14 lần so với nam giới do bất bình đẳng giới.
- Bắt buộc phải ngủ ở những ngôi nhà hoặc trung tâm sơ tán khẩn cấp không an toàn, thiếu sự riêng tư và các nhà vệ sinh, phụ nữ và các nhóm LGBTIQ rất dễ bị quấy rối tình dục.
- Phụ nữ và trẻ em gái cũng thường phải đối mặt với tình trạng bạo lực gia tăng nếu họ phải đi một quãng đường xa để lấy nước, củi hoặc chất đốt sau thiên tai.
- Trẻ em gái vị thành niên báo cáo mức độ bạo lực tình dục cao sau thiên tai. Nguy cơ và khả năng tảo hôn tăng.
- Khủng hoảng tâm lý sau cú sốc trong nhóm nam thường dẫn tới tình trạng khủng hoảng nam tính bá quyền, dẫn tới gia tăng bạo lực so với trước đó.
- Phụ nữ và trẻ em cũng thường đối mặt với rủi ro tăng cao về buôn bán người và bị ép buộc vào mua bán tình dục.



TĂNG KHẢ NĂNG MẤT SINH KẾ VÀ TÀI SẢN

- Phụ nữ thường bị phụ thuộc hơn vào các sinh kế dựa vào nguồn lực tự nhiên và do vậy sẽ đối mặt với nhiều thiệt hại hơn do hạn hán, lũ lụt...
- Phụ nữ thường tham gia vào canh tác nhỏ lẻ và là nguồn lao động chính trong nông nghiệp, sinh kế của họ bị ảnh hưởng nhiều hơn do thiệt hại mùa do gây ra bởi tình trạng thiếu nước.
- Phụ nữ cũng thường chăn nuôi gia súc nhỏ như gà, vịt, dê, thường không được cứu, và dễ bị bán để lấy tiền sau thiên tai, dẫn đến việc mất các tài sản vốn đã ít ỏi của họ.
- Với ngày càng nhiều phụ nữ làm việc trong khu vực phi chính thức, với các công việc được trả công thấp và thiếu an sinh xã hội, việc mất sinh kế sẽ tác động tiêu cực đến họ hơn.
- Do phụ nữ thường không được tiếp cận đến đất đai và nguồn lực, tình trạng dễ bị tổn thương của họ sẽ trầm trọng hơn.

Lũ lụt, Lốc xoáy và các thảm họa khác phá hủy tài nguyên thiên nhiên và cơ sở hạ tầng của các dịch vụ cơ bản như: nước, củi đốt và các dịch vụ khác. Phụ nữ và trẻ em gái, người thường chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý công việc này, thường phải đi quãng đường xa hơn để có được những dịch vụ này. Giờ làm việc của phụ nữ tiếp tục tăng lên để dành cho việc chăm sóc những người bị thương và bị bệnh tật do thiên tai và công việc phục hồi sau thiên tai. Tất cả những điều này đều có tác động sâu sắc đến sự nghèo về thời gian của phụ nữ.

Theo ghi nhận của UN Women và BCAS (Bangladesh) vào năm 2014 "... khí hậu [thay đổi] đang tàn phá sinh kế của những phụ nữ dễ bị tổn thương. Từ lũ lụt, đến hạn hán, lốc xoáy, độ mặn gia tăng, xói mòn và ngập úng, ngày của phụ nữ được quyết định bởi khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và họ dựa vào những điều này để chăm sóc gia đình và cộng đồng. Hầu như tất cả những thay đổi về khí hậu đều tang thêm việc cho phụ nữ, đặc biệt khi nó liên quan đến tiếp cận với nguồn nước, nhiên liệu và thực phẩm sạch và an toàn" (UN Women 2016).

B) Tăng gánh nặng và trách nhiệm chăm sóc sức khỏe

i) **Gia tăng gánh nặng sức khỏe:** Sự phân biệt đối xử về giới trong hộ gia đình, đặc biệt là trong cung cấp thực phẩm và dinh dưỡng, tiếp cận với nước an toàn và các vấn đề khác cũng làm tăng rủi ro sức khỏe của phụ nữ. Phân phối thực phẩm trong hộ gia đình thiếu chặt chẽ sẽ dẫn đến việc phụ nữ và trẻ em gái thậm chí bị thiếu hụt về lượng thực phẩm cơ bản và dinh dưỡng. Nước đọng có thể gây ra mối đe dọa sức khỏe đáng kể đối với con người thông qua các bệnh truyền qua nguồn nước như sốt thương hàn và dịch tả, hoặc các bệnh truyền nhiễm bao gồm sốt rét, sốt xuất huyết, sốt vàng da và chikungunya. Phụ nữ thường tiếp xúc với các khu vực có nước đọng nhiều hơn nam giới do các vai trò được giao cho họ là lấy nước uống, chế biến thức ăn hoặc chăm sóc các thành viên trong gia đình và gia súc. Ngoài ra, phụ nữ đôi khi dễ mắc các bệnh truyền nhiễm qua vật truyền hơn nam giới do đặc điểm sinh lý. Ví dụ, phụ nữ mang thai có nguy cơ thu hút muỗi cao gấp đôi, và loài muỗi khiến hơn một triệu người chết mỗi năm. Tương tự, uống nước mặn hơn (tác động trực tiếp của mực nước biển dâng) có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe - đặc biệt là đối với phụ nữ mang thai, khiến tỷ lệ tăng huyết áp và tiền sản giật ở một số vùng bắt đầu tăng cao. Ví dụ như ở ven biển Bangladesh, một nghiên cứu năm 2011 nhấn mạnh rằng mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu gây ra tác động nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân địa phương, đặc biệt là phụ nữ mang thai (Khan và cộng sự 2011).

ii) **Chăm sóc trẻ em, người ốm và người già:** Với tư cách là những người chăm sóc chính, phụ nữ và trẻ em gái

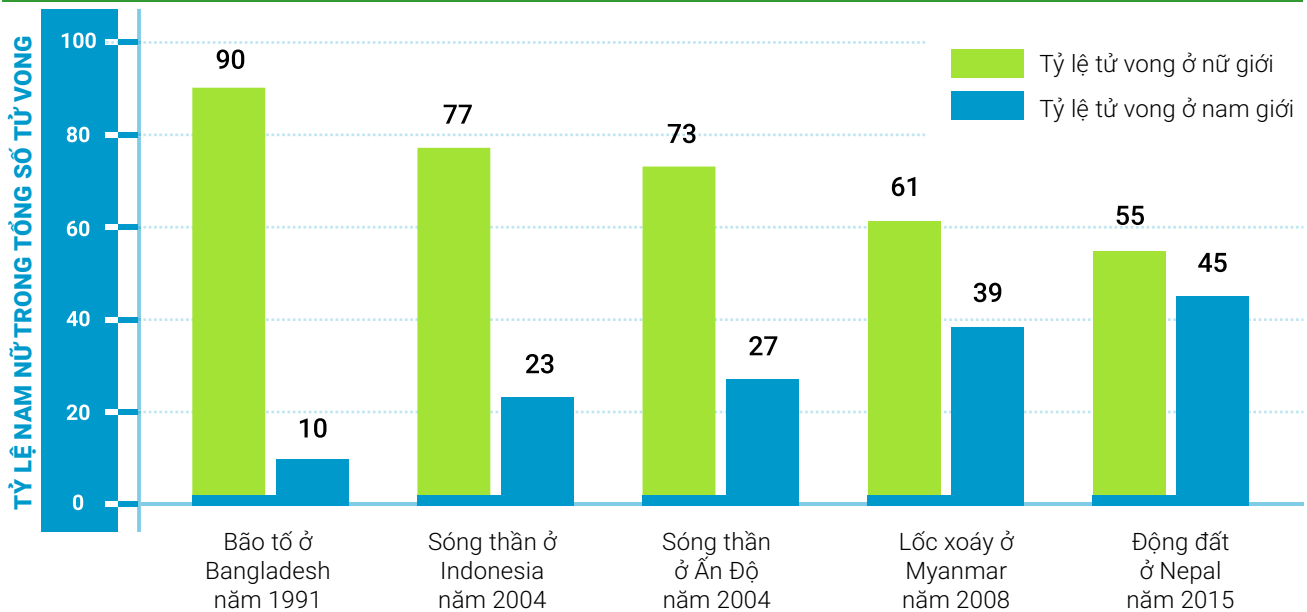
cũng sẽ thấy trách nhiệm chăm sóc sức khỏe của mình được tăng lên do các thành viên trong gia đình sẽ tiếp xúc nhiều hơn với các bệnh lây truyền qua vật truyền và nguồn nước như sốt rét, sốt xuất huyết, tả và bệnh tật do căng thẳng về nhiệt.

iii) **Mối quan tâm về sức khỏe sinh sản và tình dục (SKSS / SKTD) của phụ nữ:** Sau thảm họa, các quyền về sức khỏe sinh sản và tình dục của phụ nữ thường bị gạt ra ngoài lề. Các nghiên cứu từ Nam và Đông Nam Á đã chỉ ra rằng các quá trình cứu trợ thiên tai không bao gồm các nhu cầu về sức khỏe sinh sản và tình dục của phụ nữ. Phụ nữ từ các cộng đồng ngư dân ở Philippines cho biết tỷ lệ sinh tăng sau các thảm họa và đó như như một cơ chế để đối phó với việc giảm thu nhập từ đánh bắt cá đang bị tác động bởi biến đổi khí hậu (Castro và Hernandez 2015). Một nghiên cứu từ Nepal đã tiết lộ những lời kể của những phụ nữ kể lại rằng sau thảm họa, nhiều phụ nữ mang thai không nhận được thực phẩm dinh dưỡng thích hợp, dẫn đến thiếu dinh dưỡng và các vấn đề khi sinh con (Singh 2015). Tại Maldives, phụ nữ báo cáo rằng bộ cứu trợ không bao gồm các đồ dùng thiết yếu dành riêng cho các giới. Các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục trở nên hạn chế và thực tế không thể tiếp cận được ở các đảo của Maldives sau thảm họa (Shazly và Mohamed 2015). Trong một nghiên cứu về phụ nữ nông thôn và vùng sâu vùng xa của Lào, việc tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục cơ bản thậm chí là không thể do đường và cầu không thể đi được trong mùa mưa hoặc sau thiệt hại do lũ lụt gây ra. Vào mùa hè, phụ nữ phải đi bộ từ 12 đến 20 km đi bộ dưới cái nóng để tiếp cận các dịch vụ này tại các trung tâm y tế (Thikeo và Sychareun 2015). Khối lượng công việc gia đình và không được trả lương tăng lên sau thảm họa và các cơ sở vệ sinh xuống cấp ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ (Bisan và I 2015). Ở Bangladesh, nhiều nơi trú ẩn do lốc xoáy không đáp ứng các nhu cầu cụ thể về giới, như lối đi đến nơi trú ẩn, lối vào nhà vệ sinh hoặc không gian riêng cho phụ nữ và bà mẹ đang cho con bú. Phụ nữ từ Pakistan đã báo cáo các vấn đề về an toàn và quyền riêng tư khi đi đến những nơi tránh trú (Hussain 2015). Các trường hợp mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn ngày càng tăng sau các thảm họa.

C) Nguy cơ tử vong, thương tật và bạo lực cao hơn

i) **Phụ nữ dễ tử vong trong thảm họa hơn nam giới:** Phụ nữ có nguy cơ thiệt mạng trong thiên tai hơn nam giới. Tỷ lệ tử vong liên quan đến thiên tai được thể hiện trong Hình 1-7 cho thấy rõ ràng sự khác biệt này (UN Women 2016). Một nghiên cứu khác (Neumayer và Plümper 2007) cũng chỉ ra rằng phụ nữ và trẻ em có nguy cơ tử vong hoặc bị thương trong thảm họa cao gấp 14 lần so với nam giới. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng điều này

HÌNH 1-7: SỰ KHÁC BIỆT VỀ GIỚI TRONG TỶ LỆ TỬ VONG TRONG CÁC THẢM HỌA



Nguồn: UN Women (2016).

không phải do tự nhiên hay suy nhược cơ thể mà phần lớn là do bất bình đẳng giới. Dựa trên đánh giá về giới và thảm họa ở 141 quốc gia, nghiên cứu năm 2007 này cho thấy rõ ràng rằng khi các quyền kinh tế và xã hội được phân bổ đồng đều, tỷ lệ tử vong là tương đương nhau. Những phân biệt đối xử về giới đóng vai trò quan trọng được nêu rõ ở đây:

- Sau trận sóng thần ở châu Á năm 2004, nhiều phụ nữ và trẻ em bị thiệt mạng hơn vì họ bị mắc kẹt trong nhà (do vai trò giới) trong khi nam giới ở ngoài trời. UN Women (Dankelman 2016) cũng nhấn mạnh rằng tỷ lệ tử vong này có thể cao hơn ở phụ nữ nghèo như thế nào vì những ngôi nhà họ ở thường được xây dựng kém và thiếu biện pháp bảo vệ chống lại thiên tai.
- Phụ nữ có tiếp cận hạn chế đến thông tin và cũng ít có khả năng nhận được thông tin cảnh báo sớm kịp thời (Oxfam 2005). Phụ nữ mù chữ sẽ bị hạn chế hơn nữa trong việc đọc và hành động khi có cảnh báo thiên tai (Aguilar, et al 2015).
- Ngay cả khi họ nhận được thông báo sơ tán, những hạn chế về văn hóa như trách nhiệm đối với người già và trẻ em, không thể đưa ra quyết định nhanh chóng, không thể di dời mà không có người thân nam giới, là một vài trong số các tình huống khác, có thể dẫn đến việc phản ứng chậm trễ. Ví dụ, có tài liệu cho rằng phụ nữ ở Bangladesh không rời khỏi

nhà khi lũ lụt do hạn chế về văn hóa đối với việc di chuyển của phụ nữ; và họ thường không biết bơi trong nước lũ (Rohr, U 2006 tham khảo từ (Esplen 2008)).

- Trong một số xã hội, văn hóa ăn mặc kín (không tiếp xúc với nam giới) quy định mức độ mà phụ nữ và trẻ em gái có thể rời khỏi nhà để tìm nơi trú ẩn (Sultana 2018). Nhiều bậc cha mẹ cho rằng nơi trú ẩn là không an toàn cho trẻ em gái và muốn để chúng ở nhà hơn là để chúng chịu tác hại tiềm tàng từ chỗ ngủ chung và thiếu các khu vực vệ sinh riêng và đầy đủ (Swarup, et al 2011).
 - Phụ nữ và trẻ em gái thường ít hoặc không được đào tạo về ứng phó với thiên tai (ví dụ, bơi lội và leo cây), và các hạn chế về quần áo (như mặc sarees) có thể cản trở sự di chuyển tự do của phụ nữ và trẻ em gái trong các thảm họa. Một nghiên cứu năm 2009 tại Gujarat (Ấn Độ) cho thấy hầu hết phụ nữ không thể bơi mặc dù 40% nam giới có thể. (Ahmed 2009)
 - Hơn nữa, phụ nữ, đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, đồng giới và đồng tính luyến ái (LGBTIQ) cũng phải đối mặt với những hậu quả tiêu cực do thiên tai, đặc biệt liên quan đến các nỗ lực cứu trợ và phục hồi (UN Women 2016).
- ii) **Gia tăng bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực tình dục:** Thường bị buộc phải ngủ trong những ngôi nhà không

an toàn và nơi tránh trú khẩn cấp thiếu sự riêng tư và các khu vực vệ sinh riêng biệt, phụ nữ và những người LGBTIQ đặc biệt dễ bị tấn công tình dục và thể xác. Trẻ em gái vị thành niên báo cáo mức độ quấy rối và lạm dụng tình dục cao hơn sau thảm họa (Bartlett 2008). Phụ nữ và trẻ em gái cũng phải đối mặt với mức độ bạo lực gia tăng nếu họ phải đi một quãng đường dài để lấy nước, củi hoặc thực phẩm sau thảm họa.

Hơn nữa, cảm giác căng thẳng và bất lực gia tăng - do mất mát, mất tài sản và mất sinh kế, thường gây ra các vấn đề sức khỏe tâm thần như rối loạn căng thẳng sau các cú sốc, khan hiếm các khoản dự phòng cơ bản và các yếu tố khác dẫn đến khủng hoảng nam tính bá quyền - làm tăng thêm mức độ bạo lực vốn đã tồn tại trước đó ở nam giới. Điều này thường xảy ra do mất sự bảo vệ từ các thành viên gia đình đã chết hoặc di cư, cũng như sự lỏng lẻo về mặt luật pháp (UN Women 2016).

Tình trạng nghèo đói gia tăng và việc chặt vật kiểm sống cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em gái chưa đủ tuổi kết hôn sớm và bị ép buộc kết hôn. Phụ nữ và trẻ em cũng có nguy cơ bị buôn bán cao nhất trong thời điểm thiên tai, và họ phải đối mặt với nguy cơ trở thành mục tiêu cho hoạt động bóc lột, nô lệ và lao động tình dục (Nelleman, et al 2011). Cũng có bằng chứng (IFRC 2015) cho thấy lao động mại dâm tăng trong thời kỳ khủng hoảng khí hậu.

D) Khả năng mất sinh kế và tài sản cao hơn

Có một số khác biệt quan trọng trong mô hình sinh kế của nam giới và phụ nữ ở hầu hết các xã hội. Mặc dù có sự khác biệt theo bối cảnh, nhưng các yếu tố cơ bản là:

- i) **Phụ nữ phụ thuộc nhiều hơn vào sinh kế dựa vào tài nguyên thiên nhiên so với nam giới:** Phụ nữ cũng có xu hướng sở hữu ít tài sản hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào tài nguyên thiên nhiên cho sinh kế của họ. Mất sinh kế, đặc biệt của nông dân quy mô nhỏ và những người có sinh kế dựa vào nông nghiệp, cũng tạo ra các tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới. Phụ nữ thường tham gia vào việc canh tác cây lương thực tự cung tự cấp và làm việc trong ngành nông nghiệp có nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi mất sản lượng cây trồng và tình trạng khan hiếm nước. Họ có đóng góp lao động lớn trong các hoạt động chung như chăn nuôi gia súc, phụ nữ thường chỉ sở hữu và kiểm soát các vật nuôi nhỏ hơn như gà, vịt và dê. Trong các thảm họa, chúng ít có khả năng được cứu hơn do những hạn chế trong hoạt động giải cứu. Thủy sản, một lĩnh vực khác sử dụng nhiều phụ nữ ở châu Á, sẽ bị ảnh hưởng bởi sự suy thoái của các hệ sinh thái biển do biến đổi khí hậu.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên xem họ có biết về bất kỳ trường hợp nào mà họ đã quan sát thấy sự gia tăng bạo lực tình dục và giới trong các thảm họa hay không.

Gợi ý cho giảng viên

- > Sau trận lốc xoáy Bangladesh năm 1991, nhiều phụ nữ trẻ đã bị bắt cóc và lạm dụng, đặc biệt là ở những nơi không có chỗ ngủ, thay đồ, tắm rửa và nhà vệ sinh an toàn riêng biệt.
- > Kết hôn trẻ em luôn là một vấn đề ở Bangladesh; nhưng gần đây có mối liên hệ giữa thảm họa và nạn tảo hôn. Điều này là do các gia đình nghèo thường coi cô gái là giảm bớt một miệng ăn, trong khi nhà trai coi cô như thêm một tay làm việc. Hơn nữa, các tệ nạn xã hội như của hồi môn, giá cô dâu thường khiến các cô gái trẻ bị bán cho người chồng tương lai.
- > Các nghiên cứu thực địa tại Bangladesh và Indonesia của ARROW (Mian và Namasivayam 2017) đã báo cáo rằng phụ nữ và trẻ em gái có nguy cơ bị bạo lực tình dục do biến đổi khí hậu cao hơn, phải đi bộ quãng đường xa hơn để lấy nước, củi, thực phẩm và những thứ khác.
- > Sự gia tăng bạo lực đối với phụ nữ sau thiên tai và trong thời tiết nắng nóng cũng đã được ghi nhận ở Việt Nam (OXFAM 2009).
- > Trong một nghiên cứu của Action Aid (Chantry và Samchan 2014), số trường hợp bạo lực gia đình được báo cáo tăng gần gấp đôi ở các tỉnh Banteay Meanchey và Svay Rieng (Lào), sau lũ so với trước.
- > Sau trận động đất ở Nepal năm 2015, nhiều hộ gia đình do phụ nữ làm chủ cho biết họ cảm thấy không an toàn trong các lều tạm, đặc biệt là do nam giới uống rượu ngày càng nhiều.
- > Nepal cũng chứng kiến sự gia tăng của nạn buôn người từ con số ước tính 3.000-5.000 người mỗi năm vào năm 1990 lên 12.000-20.000 người mỗi năm sau trận động đất.
- > Ở Tây Bengal (Ấn Độ) có một mô hình quan sát được giữa nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái và lũ lụt hàng năm. Các báo cáo tương tự cũng xuất hiện sau cơn bão Phallin vào năm 2013.
- > Cũng có một số bằng chứng cho thấy buôn bán người là một mối quan ngại lớn sau cơn bão Haiyan ở Philippines năm 2013.
- > Sau trận sóng thần năm 2005, Sri Lanka cũng báo cáo các trường hợp bị quấy rối và ngược đãi.
- > Việc đóng cửa do Covid-19 vào năm 2020 cho thấy sự gia tăng các trường hợp bạo lực gia đình trên khắp thế giới.

- ii) **Sự liên quan đến các ngành:** Ngoài nông nghiệp và các hoạt động chăn nuôi chung, phụ nữ đặc biệt là phụ nữ nghèo ở châu Á thường tập trung trong các công việc sản xuất trong ngành may mặc và khách sạn/du lịch. Ngành công nghiệp may mặc sẽ đặc biệt chịu tác động của biến đổi khí hậu, thứ nhất là do sản lượng bông ở châu Á giảm và thứ hai là do tác động của các đợt nắng nóng lên năng suất. Ví dụ ở Campuchia, các nghiên cứu cho thấy xu hướng giảm năng suất trong những ngày nắng nóng hơn có ý nghĩa thống kê trong ngành may mặc (Kjellstrom và Phan 2017). Những người lao động làm việc tại nhà cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn bởi sóng nhiệt. Các cuộc thảo luận nhóm tập trung của Mahila Housing Sewa Trust với những phụ nữ làm việc tại nhà ở 50 khu ổ chuột đô thị ở Ấn Độ, Bangladesh và Nepal, đã có phụ nữ cho biết năng suất giảm tới 30% trong những tháng hè do các đợt nắng nóng (Mahila Housing SEWA Trust 2015). Hơn nữa, những người lao động làm việc tại nhà cũng dễ bị tổn thương hơn do mất nguyên vật liệu và nơi làm việc, khi nhà cửa bị ngập trong lũ lụt và/hoặc bị phá hủy trong các thảm họa lớn khác.
- iii) **Mất mát tài sản:** Phụ nữ cũng bị số mất tài sản ít ỏi của mình trong và sau thảm họa. Ví dụ, ở Nepal, phụ nữ kiểm soát đàn gia súc nhỏ hơn, được cha mẹ trao cho họ khi lập gia đình mới. Cần lưu ý rằng hậu quả của trận động đất năm 2015, để đối phó với thiên tai, các hộ gia đình phải bán bớt tài sản và họ có xu hướng bán các vật nuôi nhỏ hơn, chẳng hạn như dê và gà, thường do phụ nữ làm chủ và kiểm soát. Tương tự, trong trận lũ lụt ở Myanmar năm 2015, phụ nữ mất 80% tổng số động vật bị chết trong trận lũ, trong khi nam giới thiệt hại 20% về trâu, bò và lợn (UN Women 2016). Tại Ấn Độ, có nhiều báo cáo nhấn mạnh rằng việc bán gia súc nhỏ hơn là chiến lược đối phó đầu tiên với hạn hán được các gia đình nghèo áp dụng. Việc phá hủy các tòa nhà trong nhà trong lũ lụt không chỉ là dấu hiệu của việc mất nhà mà còn là dấu hiệu chấm dứt sinh kế dựa vào gia đình của phụ nữ. Những thực hành như vậy chắc chắn sẽ hủy hoại sinh kế và khả năng đối phó với những căng thẳng trong tương lai của họ. Nhiều phụ nữ ở Nam Á không sử dụng ngân hàng mà cất giấu tiền mặt/đồ trang sức trong nhà, có thể bị mất trong trường hợp sơ tán khẩn cấp và/hoặc được sử dụng để trang trải các chi phí trước mắt, do đó khiến phụ nữ mất thêm khoản tiết kiệm ít ỏi. Một hạn chế nữa là phụ nữ cũng không có bảo hiểm hoặc chi trả bảo hiểm để đáp ứng những thiệt hại liên quan đến thiên tai này, và những thiệt hại này cũng không được tính đến trong đánh giá thiệt hại kinh tế sau thiên tai.
- iv) **Phụ nữ có xu hướng làm việc trong khu vực phi chính thức nhiều hơn, với công việc được trả lương thấp và thiếu an sinh xã hội:** Ở hầu hết các quốc gia, khả năng tiếp cận công việc chính thức của phụ nữ bị hạn chế do những ràng buộc về luật pháp, giáo dục và xã hội. Ngay cả hiện nay, chỉ có tám trong số 190 quốc gia đảm bảo quyền hợp pháp bình đẳng cho phụ nữ trong việc làm. Những nước còn lại có luật cản trở cơ hội kinh tế của phụ nữ - không cho làm việc trong nhà máy, không làm việc vào ban đêm, phải xin phép chồng đi làm và những điều khác (Ngân hàng Thế giới 2020). Khả năng tiếp cận giáo dục của phụ nữ ít hơn và gánh nặng gia đình tăng thêm, vai trò sinh con và chăm sóc con cái, cùng với sự phân biệt đối xử về giới hiện nay càng hạn chế khả năng tiếp cận của họ với các công việc và vị trí được trả lương cao hơn. Trên toàn cầu, khoảng cách tiền lương theo giới là 50% (tỷ lệ giữa tổng tiền lương và thu nhập ngoài lương của phụ nữ so với nam giới) và chỉ có 36% các nhà quản lý cấp cao của khu vực tư nhân và cán bộ khu vực công là phụ nữ (khoảng 2 phần trăm cao hơn so với con số được báo cáo năm ngoái) (Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu năm 2020).
- v) **Sự phân biệt đối xử về quyền tài nguyên và tiếp cận dịch vụ càng làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương trên cơ sở giới:** Các phong tục tập quán và truyền thống trong các xã hội phụ hệ ở châu Á là rào cản lớn đối với việc tiếp cận đất đai và tài nguyên (nước và lâm sản) của phụ nữ. Phụ nữ thiếu khả năng tiếp cận đất đai (và các nguồn lực khác có sẵn trên đất) vì họ thường bị thua thiệt trong quyền thừa kế đối với sở hữu đất so với các thành viên nam trong gia đình. Không có đất (bao gồm cả đất nông nghiệp), an ninh lương thực hộ gia đình, đặc biệt là đối với hộ do phụ nữ làm chủ hộ, sẽ bị ảnh hưởng vì hầu hết dân số nông thôn ở châu Á là xã hội nông nghiệp. Sự phân biệt đối xử về giới hiện nay trong quyền sở hữu, kiểm soát và quản lý các nguồn tài nguyên, đặc biệt là đất, vật nuôi, nước và rừng, sẽ làm trầm trọng thêm tác động đối với cách biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến các mô hình sinh kế của phụ nữ và nam giới. Để trích dẫn một vài ví dụ:
- Do có sự cạnh tranh về tài nguyên đất đai khan hiếm, việc phụ nữ thiếu quyền sở hữu đất có thể đồng nghĩa với việc họ sẽ mất quyền kiểm soát đối với lợi nhuận thậm chí nhỏ từ đất mà họ hiện đang canh tác.
 - Phụ nữ nói chung sở hữu những vật nuôi nhỏ như dê, phụ thuộc vào các bãi chăn thả chung - vốn cũng sẽ trở nên khan hiếm do tác động của khí hậu. Gia cầm cũng có nhiều khả năng bị ảnh hưởng do tỷ lệ tử vong và bệnh tật liên quan đến nhiệt.
 - Khi nước trở nên khan hiếm, nước có nhiều khả năng được chuyển sang sử dụng trong công nghiệp và/hoặc cho các sản phẩm nông nghiệp thu được tiền như bông, làm vườn và các loại cây trồng tương tự đóng góp nhiều hơn vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia. Những phụ nữ làm nghề nông tự cung tự cấp sẽ dễ bị mất mùa do thiếu nước. Việc phụ nữ không có tên trên sở hữu đất có nghĩa là họ cũng sẽ không có tiếng nói trong các ủy ban thủy lợi

vốn thường liên quan đến người sở hữu đất, đặc biệt là ở Nam Á.

- FAO (2015) báo cáo rằng 25% dân số thế giới - 1,6 tỷ người, chủ yếu là cộng đồng bản địa, không có đất và phụ nữ - dựa vào rừng và các sản phẩm từ rừng để kiếm sống. Các chương trình bảo tồn nhằm mục đích bảo vệ các khu vực rừng khỏi nạn phá rừng có thể gây khó khăn cho phụ nữ bản địa khi tiếp cận các khu bảo tồn để thu hái các lâm sản ngoài gỗ mà để cung cấp an ninh lương thực cho gia đình họ.
- Phụ nữ thường làm công việc tại nhà, và do đó, mất nhà do thiên tai hoặc phải di dời do nước biển dâng sẽ có nghĩa là họ không chỉ mất nơi ở mà còn mất nơi làm việc. Hơn nữa, nguyên liệu thô và các thiết bị khác được lưu trữ tại nhà không được tính vào thiệt hại kinh tế do thiên tai gây ra, có nghĩa là họ sẽ phải chịu gánh nặng của những thiệt hại này.
- Tăng nhiệt cũng sẽ có tác động lớn đến sinh kế tại nhà của phụ nữ. Phụ nữ nghèo thường sống trong những ngôi nhà nhỏ, thường được làm bằng vật liệu dẫn nhiệt như tấm amiăng với ít hoặc không có hệ thống thông gió, đặc biệt là ở các khu ổ chuột ở Ấn Độ và Bangladesh. Khi nhiệt độ ban ngày tăng lên, nhiệt độ trong nhà trong những khu vực này tăng gấp nhiều lần, làm giảm năng suất của phụ nữ lên tới 30% (Mahila Housing SEWA Trust 2015).

Thiếu khả năng tiếp cận tín dụng, các dịch vụ khuyến nông và hạn chế di chuyển do các trách nhiệm trong gia đình sẽ đồng nghĩa với việc phụ nữ nghèo sẽ dễ bị tổn thương hơn do hạn hán, lũ lụt và mất tài nguyên thiên nhiên do biến đổi khí hậu. Hơn nữa, giá trị sản xuất của phụ nữ thường không được tính đến trong các số liệu thống kê quốc gia và các quá trình hoạch định chính sách liên quan. Khi biến đổi khí hậu liên quan đến những thay đổi trong mô hình sản xuất và các lựa chọn sinh kế, phụ nữ với quyền kiểm soát ít hơn và ít tham gia vào hoạch định chính sách sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn. Ngoài ra, phụ nữ có mức lương thấp hơn nam giới, khiến họ dễ bị tổn thương hơn trước những thay đổi của môi trường làm việc do các yếu tố bên ngoài. Điều tương tự cũng sẽ áp dụng đối với biến đổi khí hậu.

Thêm vào đó, việc ra quyết định ở cấp độ hộ gia đình thường do nam giới kiểm soát. Phụ nữ thường bị loại khỏi các quyết định quan trọng như bán đất, nhà và các tài sản khác có tác động quan trọng đến quyền sở hữu tài sản tổng thể của họ. Vấn đề về các nguồn lực bất động sản chính, đặc biệt là quyền đất đai và nhà ở, phải được đưa vào các cuộc thảo luận về khí hậu (Sultana (2014)) vì nó có tác động sâu sắc đến tính dễ bị tổn thương của phụ nữ. Hơn nữa, việc thiếu hiểu biết về các khía cạnh giới có thể cản trở việc phân phối hỗ trợ phục hồi một cách công bằng. Ví dụ, các chương trình hỗ trợ theo cách truyền thống thường ưu tiên nam giới hơn nữ giới, người có hồ sơ nhà, chủ tài khoản

ngân hàng và thường được coi là chủ hộ gia đình.

SỰ ĐAN XEN CỦA CÁC GIỚI VÀ GIẢM NHỆ RỦI RO THIÊN TAI/BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thảm họa và giới tính nam - Không chỉ phụ nữ mới bị tác động không cân xứng do vai trò giới. Những kỳ vọng về văn hóa trong hành vi chấp nhận rủi ro của nam giới thường khiến nam giới và trẻ em trai có nguy cơ tử vong và thương tích cao hơn trong thảm họa liên quan đến khí hậu. Ở Việt Nam, các bằng chứng cho thấy nam giới có nhiều khả năng bị thiệt mạng do phân công lao động theo nghề - ví dụ như làm ngư dân. Nam giới cũng có nhiều khả năng bỏ qua các cuộc gọi sơ tán hơn phụ nữ. Sự suy giảm về an ninh lương thực và các cơ hội sinh kế cũng có thể gây ra căng thẳng đáng kể cho nam giới và trẻ em trai, do xã hội mong đợi rằng họ sẽ cung cấp kinh tế cho gia đình. Thêm vào đó là thực tế là nam giới ít có xu hướng tìm kiếm sự giúp đỡ về các vấn đề căng thẳng và sức khỏe tâm thần hơn phụ nữ và trẻ em gái (Masika 2002), điều này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho họ. Điều này có thể được minh họa bằng cách đàn ông đau khổ đến mức tự tử ở Ấn Độ do mất mát nông nghiệp dẫn đến không có khả năng trả nợ (Keneddy và King 2014). Nam giới cũng có những nhu cầu cụ thể, chẳng hạn như căng thẳng, tư vấn về việc sử dụng rượu, hoặc hỗ trợ các kỹ năng để ứng phó với việc trở thành cha đơn thân sau thảm họa. Tất cả những điều này chỉ ra bản chất bối cảnh của giới và nhu cầu phân tích giới trong GNRRTT/BDKH.

LGBTIQ và Mối quan tâm về sức khỏe - Cuộc khủng hoảng COVID-19 gần đây đã ảnh hưởng đến sức khỏe của hàng triệu người trên toàn cầu. Tuy nhiên, những tác động này có khả năng tăng cao đối với một số nhóm dân số dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt là những người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, khác giới và đồng tính luyến ái (LGBTIQ) (Blog Ngân hàng Thế giới 2020). Sự bất bình đẳng đã có từ trước của họ có khả năng bị đại dịch làm trầm trọng hơn, khiến những người dân này khó tiếp cận các dịch vụ quan trọng - bao gồm chăm sóc sức khỏe và bảo trợ xã hội. Mặc dù không có dữ liệu cấp độ toàn cầu hoặc châu Á để hiểu rõ hơn các tác động tiêu cực tiềm ẩn của đại dịch COVID-19 đối với nhóm thiểu số về giới tính và giới, dữ liệu từ Western Balkans, do Ngân hàng Thế giới báo cáo, cho thấy chỉ có 12 phần trăm người LGBTIQ được khảo sát đã từ bỏ việc điều trị y tế cần thiết vì sợ sự phân biệt đối xử của các nhà cung cấp dịch vụ y tế. Tại Serbia, nghiên cứu trước đó của Ngân hàng Thế giới (2019) cũng cho thấy chỉ một phần ba số người LGBTIQ được hỏi đánh giá sức khỏe của họ là "rất tốt", so với 55% dân số nói chung. Những người chuyển giới gặp nhiều khó khăn hơn, với chỉ 18% đánh giá sức khỏe của họ là "rất tốt". Việc tự đánh giá sức khỏe của mình là xấu hoặc rất xấu tăng dần ở những người LGBTIQ, những người cho rằng mình bị thiếu thốn về vật chất (11%), rất thiếu thốn về vật chất (14%) và cực kỳ thiếu

thốn về vật chất (20%), so với 5% của tổng thể mẫu LGBTIQ. Điều quan trọng là phải phân tích các xu hướng tương tự trong bối cảnh địa phương vì rủi ro sức khỏe và biến đổi khí hậu dự kiến sẽ tăng lên trong thập kỷ tới. Trừ khi có các hành động để xóa bỏ phân biệt đối xử về giới và cải thiện hành vi tìm kiếm hoạt động chăm sóc sức khỏe của cộng đồng LGBTIQ, tác động sức khỏe của biến đổi khí hậu đối với các cộng đồng này thường tiêu cực hơn nhiều.

Biến đổi khí hậu và Người cao tuổi - Người cao tuổi thường được coi là nhóm đối tượng chịu rủi ro đặc biệt trong các đợt nắng nóng như trong đợt nắng nóng năm 2003 ở châu Âu cũng như các thảm họa liên quan đến khí hậu khác (Kuzuya 2013). Tuy nhiên, họ thường không có mặt trong các kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu với tư cách là một nhóm đối tượng cụ thể. Phụ nữ cao tuổi có khả năng đặc biệt dễ bị tổn thương, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, nơi nguồn lực ít ỏi và mạng lưới an sinh xã hội hạn chế hoặc không tồn tại. Phụ nữ cao tuổi cũng có thể phải gánh vác những trách nhiệm gia đình và chăm sóc nặng nề, gây ra căng thẳng và mệt mỏi, đồng thời ngăn cản sự tham gia của họ vào các hoạt động xã hội và kinh tế; và thu nhập của họ có thể thấp vì họ không còn có thể đảm nhận công việc được trả lương. Họ cũng có thể không hiểu quyền của họ trong việc tiếp cận các dịch vụ của cộng đồng và khu vực tư nhân, chẳng hạn như các phòng khám địa phương. Ngay cả khi họ biết về những dịch vụ này, họ cũng không thể chi trả những khoản tiền nhỏ để khám bệnh và mua thuốc. Phụ nữ lớn tuổi sống ở nông thôn bị hạn chế hơn nữa, vì họ thường không thể di chuyển quãng đường dài đến cơ sở y tế gần nhất (WHO 2010). Nam giới cao tuổi cũng đặc biệt chịu thiệt thòi do họ có xu hướng ít tham gia vào mạng xã hội hơn phụ nữ và do đó không thể tìm kiếm sự trợ giúp từ cộng đồng khi họ cần (WHO 2010).

BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI TRẦM TRỌNG HƠN DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Bình đẳng giới là một quyền của con người và là một mục tiêu phát triển rất quan trọng. Trong nhiều thập kỷ qua, các tổ chức khác nhau bao gồm LHQ và các cơ quan quốc tế khác, chính quyền quốc gia và địa phương cũng như các tổ chức xã hội dân sự đã theo đuổi chương trình nghị sự về bình đẳng giới. Mặc dù vẫn còn một chặng đường dài phía trước, đặc biệt là hướng tới việc thực hiện đầy đủ SDG 5 vào năm 2030, thế giới đã đạt được nhiều tiến bộ về bình đẳng giới, so với vài thập kỷ trước đó.

Nhiều nghiên cứu khác nhau (Báo cáo xã hội thế giới 2020, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc 2019, Liên minh Khí hậu và Giới toàn cầu 2016) chỉ ra rằng biến đổi khí hậu sẽ thực sự kéo lùi tiến bộ đạt được bình đẳng giới trong những năm qua. Điều này có thể xảy ra do những lý do sau:

- i) Nhìn chung, mọi người nói chung sẽ nghèo hơn; và những phụ nữ có ít nguồn lực và các lựa chọn dự phòng hơn sẽ cảm thấy tác động nhiều hơn.
- ii) Tác động sẽ đặc biệt là đối với tài nguyên thiên nhiên - đất, nước, lương thực, năng lượng, sức khỏe, ảnh hưởng đến việc sử dụng thời gian và mô hình sinh kế của phụ nữ và trẻ em gái. Ví dụ, phụ nữ và trẻ em gái có thể phải dành nhiều thời gian hơn để lấy nước, chăm sóc người bệnh và người bị thương và / hoặc đảm nhận các công việc phục hồi sau thảm họa.
- iii) Khối lượng công việc tăng lên đồng nghĩa với việc phụ nữ có ít thời gian hơn cho các hoạt động tạo thu nhập, đặc biệt là các công việc toàn thời gian, mang lại cho họ an sinh xã hội cao hơn (Bradshaw và Linnekar, Thay đổi giới và môi trường ở các nước đang phát triển 2014).
- iv) Khối lượng công việc tăng lên đối với trẻ em gái cũng có thể buộc chúng phải bỏ học để làm việc nhà, dẫn tới việc xóa bỏ bình đẳng giới đã đạt được trong giáo dục nhiều thập kỷ qua (Davis, et al, 2005 tham khảo từ (UNDP 2009). Điều này sẽ làm tăng thêm chênh lệch về cơ hội việc làm của trẻ em gái so với trẻ em trai.
- v) Các hoạt động sinh kế dự kiến sẽ bị đảo lộn - theo đó các chuẩn mực và mạng lưới xã hội sẽ bị thay đổi và những kỳ vọng về vai trò giới truyền thống sẽ trở lại. Ví dụ, sau trận lũ lụt ở Myanmar năm 2015, phụ nữ nông thôn sống dựa vào lao động nông nghiệp để có thu nhập đã bị bỏ lại mà không có sinh kế thay thế trong khi nam giới chuyển đi tìm việc ở nơi khác (UN Women 2016).
- vi) Giáo dục và quyền lực kinh tế giảm, cùng với căng thẳng kinh tế gia tăng ở nam giới với tư cách là trụ cột gia đình, có khả năng làm gia tăng bạo lực gia đình sau thảm họa (Masson, et al 2016).
- vii) Mức độ phổ biến của các hình thức bạo lực trên cơ sở giới khác như buôn bán người và tảo hôn cũng có thể gia tăng, và việc loại bỏ các hình thức này rất quan trọng để đạt được SDG 5. Ví dụ, ở Bangladesh, Tổ chức Theo dõi Quyền con người phát hiện ra rằng thiên tai là một trong tám yếu tố góp phần dẫn đến tảo hôn/hôn nhân trẻ em (IFRC 2015, Mian và Namasivayam 2017).
- viii) Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra nguy cơ gia tăng bạo lực tình dục đối với trẻ em gái, phụ nữ và những người có bản dạng giới khác, đặc biệt là do hậu quả của thảm họa (Swarup và cộng sự 2011, Mian và Namasivayam 2017).
- ix) Ngoài ra còn có nguy cơ là hành động thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý thiên tai sẽ dẫn đến việc phân bổ

nguồn ngân sách của chính phủ cho y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội khác, vốn thực sự có thể có xu hướng gia tăng phân biệt giới trong nước (UNFPA và WEDO 2009).

Quan trọng hơn, những hành động này sẽ không hoạt động riêng rẽ mà sẽ có tác động như những tầng thác và thực sự có thể dẫn đến một vòng luẩn quẩn bất bình đẳng giới.

Bất bình đẳng giới về năng lực trong GNRRTT/BĐKH và nâng cao khả năng Chống chịu

Biến đổi khí hậu không chỉ tác động khác nhau đến nam giới và phụ nữ, mà quyền hạn, vai trò và trách nhiệm theo giới của họ cũng ảnh hưởng đến năng lực thích ứng và khả năng chống chịu của họ. Phụ nữ và nam giới có những cách ứng phó khác nhau với biến đổi khí hậu. Ví dụ, phụ nữ được cho là có nhận thức về rủi ro thiên tai tốt hơn so với nam giới; do đó, họ có xu hướng chú ý đến các cảnh báo sơ tán nhiều hơn và cũng truyền bá thông tin tốt hơn (UNDP và UN Women 2018).

Phụ nữ cũng hiểu rõ về nhu cầu và ưu tiên của họ; và với nền tảng kiến thức truyền thống, đã bắt đầu hành động về

thích ứng với biến đổi khí hậu. Mitchell, và cộng sự (2007) báo cáo cách phụ nữ từ các cộng đồng nông thôn ở lưu vực sông Ganga ở Bangladesh, Ấn Độ và Nepal đã chuyển canh tác sang các loại cây trồng chịu lũ và hạn hán, hoặc các loại cây có thể thu hoạch trước mùa lũ, hoặc các loại lúa sẽ mọc đủ cao để duy trì trên mặt nước khi lũ lụt đến. Tại các khu vực dễ bị lũ lụt ở Bangladesh, phụ nữ chuẩn bị các bệ có thể nâng cao cho các thành viên khuyết tật trong gia đình bằng cách sử dụng chouki (giường truyền thống) và tre. Họ cũng bảo quản nhiên liệu, diêm, lương khô (như gạo, đậu Hà Lan, gạo phồng, gạo tẻ và mật mía), dây thừng và thuốc tại nhà và chuẩn bị bếp di động để sử dụng trong tương lai. Phụ nữ thường lấy củi về để ở những nơi khô ráo để sử dụng sau này.

Thực tế vẫn là mặc dù bất bình đẳng giới đã tồn tại từ trước và vị trí xã hội thấp hơn của phụ nữ trong nhiều tình huống đã hạn chế khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của họ. Khả năng tiếp cận giáo dục và thông tin của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo chưa đầy đủ; quyền sở hữu và kiểm soát hạn chế đối với tài nguyên thiên nhiên, đất đai và tài chính; và những hạn chế đối với việc tham gia vào quá trình quản trị và ra quyết định cản trở năng lực của họ trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Yêu cầu những người tham gia liệt kê các ví dụ về việc vị trí xã hội của phụ nữ và bất bình đẳng giới hiện có ở khu vực của họ cản trở năng lực thích ứng của phụ nữ như thế nào.

Gợi ý cho giảng viên

- > Phụ nữ và trẻ em gái thường bị hạn chế tham gia vào các ủy ban địa phương về quản lý thiên tai hoặc thích ứng với biến đổi khí hậu. Ngay cả khi điều này không bị hạn chế, họ thường không thể tham gia do không có thời gian.
- > Việc phụ nữ không có quyền sở hữu đất thường dẫn đến việc họ không thể đưa ra các quyết định liên quan đến các mô hình canh tác mặc dù họ có thể muốn. FAO, trong bản tóm tắt về Phương pháp tiếp cận có trách nhiệm giới trong nông nghiệp thông minh với khí hậu (Nelson và Huyer 2016), đã báo cáo rằng ở Kenya, việc áp dụng cây trồng chịu hạn nhanh nhất là ở những phụ nữ có chồng đi vắng và không tham gia vào quyết định hàng ngày.
- > Phụ nữ có ít khả năng tiếp cận các cơ chế ra quyết định và ít có ảnh hưởng hơn nam giới trong việc định hình chính sách và xác định ưu tiên trong sử dụng tài chính khí hậu. Khi nhu cầu về các hành động thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu ngày càng tăng, việc phân bổ các nguồn tài chính liên quan sẽ tăng lên - khoảng cách tiềm tàng trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực giữa nam giới và phụ nữ cũng tăng lên trong các hệ thống và cơ chế hiện hành. Điều này sẽ càng cản trở năng lực thích ứng của phụ nữ.

Lồng ghép giới trong GNRRTT/BĐKH và nâng cao năng lực chống chịu

CẦN LỒNG GHÉP GIỚI TRONG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH GNRRTT

Tất cả các chính sách và biện pháp ảnh hưởng khác nhau đến phụ nữ và nam giới, đó là lý do tại sao việc phân tích giới và đưa các khía cạnh giới vào hoạch định chính sách là quan trọng. Lồng ghép giới giúp tìm cách giảm thiểu các nguy cơ có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới và đưa ra các cơ hội để tăng các kết quả tích cực. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, điều này có nhiều ý nghĩa.

Bình đẳng giới là một vấn đề quyền con người và là một mục tiêu phát triển. Biến đổi khí hậu sẽ không chỉ làm gia tăng bất bình đẳng giới mà còn gia tăng bạo lực đối với phụ nữ, tảo hôn và buôn bán trẻ em, tất cả đều là những hành vi vi phạm quyền con người nghiêm trọng (UN Women 2016). Phương pháp Tiếp cận Dựa trên quyền (HRBA) đòi hỏi việc bảo vệ các quyền con người này phải là trọng tâm trong tất cả các chương trình phát triển, thích ứng, giảm thiểu rủi ro và xây dựng khả năng chống chịu.

Hơn nữa, việc không tính đến phụ nữ và những người LGBTIQ cùng với nam giới trong các chính sách GNRRTT/BĐKH có nghĩa là bỏ qua một phần lớn nhóm người mà chúng ta đang tìm cách hỗ trợ. Điều này sẽ trái ngược với cách tiếp cận Không để ai phía sau (LNOB) mà hầu hết các quốc gia đã phê chuẩn trong Khuôn khổ Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững. Phụ nữ và trẻ em gái vẫn thuộc các nhóm yếu thế nhất của xã hội và đặc biệt dễ bị tổn thương trước rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu hiện tại và trong tương lai. Họ cần phải là mục tiêu chính của phương pháp Không để ai lại phía sau khi áp dụng cho GNRRTT/BĐKH. Việc áp dụng lăng kính giới vào GNRRTT/BĐKH có thể đạt được kết quả mong muốn trong những bối cảnh này.

Ví dụ, khi cơn bão Sidr tấn công Bangladesh vào năm 2007, không chỉ số người thiệt mạng giảm xuống còn khoảng 3.000 người mà khoảng cách giới về tỷ lệ tử vong cũng giảm xuống còn 5: 1. Điều này có thể xảy ra vì từ năm 1991 (khi cơn bão Gorky giết hàng nghìn người) đến năm 2007, Bangladesh đã đạt được những bước tiến lớn trong việc giám sát rủi ro, chuẩn bị cho cộng đồng và các nỗ lực ứng phó tổng hợp, cũng như tập trung giải quyết các nguyên nhân văn hóa khiến phụ nữ không muốn sử dụng các nơi trú ẩn sau cơn bão, đặc biệt chú ý đến việc thu hút phụ nữ tham gia vào những nỗ lực này vì những người vận động cộng đồng có khả năng được phụ nữ lắng nghe hơn và tạo ra những không gian dành riêng cho phụ nữ trong các khu tránh trú bão.

Áp dụng lăng kính giới không phải là hoạt động từ thiện dành cho phụ nữ mà, như Báo cáo Phát triển Thế giới (WDR 2012) đã nêu, là “kinh tế học thông minh”. Nếu tất cả các quốc gia có thể đảm bảo đạt được những tiến bộ về bình đẳng giới ở quốc gia họ bằng với tốc độ cải thiện về bất bình đẳng giới nhanh nhất trong khu vực, thì các quốc gia có thể bổ sung thêm 12 nghìn tỷ đô la Mỹ vào tăng trưởng GDP toàn cầu hàng năm vào năm 2025. Khuôn khổ WDR 2012 cũng khuyến khích cách tiếp cận toàn diện và hướng tới tương lai hơn đối với giới và biến đổi khí hậu.

Trong bối cảnh này, cũng cần hiểu rằng bất bình đẳng giới và vai trò giới đóng một vai trò quan trọng trong lựa chọn các chiến lược thích ứng của nam giới và phụ nữ, từ nhu cầu, chiến lược và cơ hội thích ứng và phục hồi khác nhau của họ. Trừ khi phụ nữ được tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch GNRRTT/BĐKH và giới được coi là một phần không thể thiếu của quá trình này, thì nhất định sẽ có sự thiên vị nam giới trong các chương trình, điều này có thể dẫn đến việc phân bổ không hiệu quả nguồn lực hiện có. Các hoạt động không quan tâm đến mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu và không xác định phụ nữ là nhóm mục tiêu cho các biện pháp cụ thể có thể phân bổ nguồn lực không hiệu quả. Ví dụ, giả định rằng nam giới là nông dân có thể khiến hầu hết các khóa đào tạo về công nghệ nông nghiệp tập trung vào họ. Những phụ nữ trên thực tế đang thực hiện hơn một nửa hoạt động nông nghiệp sẽ không được tiếp cận thông tin đó, điều này có thể dẫn đến tình trạng mù công nghệ (Tham khảo tóm tắt của Ủy ban điều hành công nghệ UNFCCC (GGCA và UNDP 2016)). Tương tự, việc cung cấp nước cho các loại cây trồng dựa trên ý kiến của nam giới sẽ làm tăng thêm tình trạng mất an ninh lương thực và ảnh hưởng không chỉ đến phụ nữ mà còn ảnh hưởng đến toàn xã hội. Điều này cũng sẽ làm gia tăng hơn nữa công việc tái sản xuất của phụ nữ (thời gian đi lấy nước), làm giảm khả năng sẵn sàng của phụ nữ cho các hoạt động sản xuất, một lần nữa cản trở mục tiêu phát triển chung và xóa nghèo.

Do đó, hoạt động GNRRTT/BĐKH có thể củng cố hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng nếu các hoạt động này bỏ sót nhu cầu khác biệt của những người thụ hưởng. Tuy nhiên, các hoạt động này cũng có thể chủ động khắc phục và chuyển đổi tình trạng bất bình đẳng giới trong khi xây dựng khả năng phục hồi của tất cả mọi người. Các chính sách, kế hoạch và dự án thích ứng với biến đổi khí hậu (và giảm thiểu rủi ro thiên tai) không tính đến các vấn đề và nhu cầu của phụ nữ có thể vô tình làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới hiện có. Mặt khác, hành động khí hậu cũng có thể là một cơ hội để tận dụng những khả năng, kiến thức và tài năng chưa được sử dụng (và chưa được công nhận) trước đây. Bằng cách xem xét những hạn chế

hiện có trong cấu trúc văn hóa - xã hội trong khi thiết kế các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, có thể xác định và giải quyết những bất bình đẳng giới tồn tại lâu nay.

Ví dụ:

- Các chính sách năng lượng carbon thấp, chẳng hạn, có thể tăng thêm chi phí cho phụ nữ đồng thời làm giảm các cơ hội sinh kế dựa vào rừng. Tuy nhiên, nếu được thực hiện với phương pháp tiếp cận vì người nghèo và đáp ứng giới, chúng cũng có nhiều tiềm năng mang lại cơ hội sinh kế và kinh doanh cho phụ nữ.
- Khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học và các chính sách công nghệ nông nghiệp tương tự có thể tăng hoặc giảm sản lượng lương thực do chuyển đổi loại đất so với mục đích sử dụng hiện tại.
- Các chính sách giao thông công cộng có thể giúp tiết kiệm thời gian cho phụ nữ hoặc tăng thêm chi phí cho họ.

Phụ nữ và các chính sách giảm nhẹ phát thải

Phụ nữ và nam giới có những ảnh hưởng khác nhau đến con đường phát thải carbon. Phụ nữ cũng có vai trò chính trong các hành động giảm nhẹ. Phụ nữ làm 'nội trợ' có thể được coi là một sự lựa chọn, do đó giảm thiểu công việc chăm sóc và nội trợ không được trả lương của họ. Chúng cũng ảnh hưởng đến các lựa chọn và mô hình tiêu dùng chính như sử dụng nhiên liệu nấu ăn, điện và nước, mua các sản phẩm thực phẩm, vật liệu đóng gói, quần áo và những thứ khác, những thứ cần được giải quyết cho các lộ trình phát triển ít phát thải. Tương tự, hầu hết phụ nữ là người quyết định mua sản phẩm thực phẩm nào và cách xử lý rác thải sinh hoạt. Chu trình quản lý chất thải có thể được thực hiện hiệu quả hơn nếu nam giới, phụ nữ và con cái của họ đều được thông báo về cách phân loại và xử lý chất thải ở cấp hộ gia đình và cộng đồng.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách trong lĩnh vực y tế cho các bệnh truyền nhiễm, so với đầu tư vào chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc sức khỏe trẻ em.
- Các chương trình bảo tồn rừng hạn chế sự tiếp cận của phụ nữ bản địa đối với các lâm sản ngoài gỗ mà phụ nữ cần để cung cấp an ninh lương thực và bổ sung thu nhập cho gia đình của họ.

Lập luận trên cho thấy phân tích giới cần được xem xét trong từng bối cảnh chính sách và tình huống cụ thể, cần được gắn với các cam kết quốc gia về Quyền con người và Bình đẳng giới, sau đó được lồng ghép vào các chính sách và kế hoạch hành động tiếp theo. Mặc dù, bình đẳng giới là một vấn đề riêng, nó cũng quan trọng đối với các hành

động ứng phó với biến đổi khí hậu hiệu quả (Ngân hàng Thế giới 2011).

Giới là một yếu tố quan trọng trong các nỗ lực giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu. Thứ nhất, kiến thức, kỹ năng và ý kiến của phụ nữ là rất quan trọng để xây dựng các chính sách và chiến lược thích ứng và GNRRTT phù hợp với bối cảnh. Mặc dù tính dễ bị tổn thương của phụ nữ hầu như luôn được tính đến, năng lực và đóng góp riêng của họ trong việc thích ứng và trong suốt chu trình quản lý thiên tai (giảm nhẹ, chuẩn bị, ứng phó và phục hồi) chưa được ghi nhận (Bradshaw và Fordham 2013). Trên thực tế, kiến thức và kinh nghiệm của cá nhân và cộng đồng phụ nữ trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động xã hội khác ở cấp hộ gia đình và cộng đồng đã trang bị cho họ những kỹ năng độc đáo có lợi cho các nỗ lực thích ứng và thiên tai ở các quy mô và lĩnh vực khác nhau (O'Neil, et al 2014).

Thứ hai, điều quan trọng là nếu phụ nữ cũng được cung cấp thông tin, chuẩn bị và trang bị nhiều như nam giới, các chiến lược thích ứng và GNRRTT sẽ được thực hiện một cách hiệu

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên nếu họ có thể xác định các ví dụ để hỗ trợ bất kỳ khía cạnh nào ở trên.

Gợi ý cho giảng viên

- > Thích ứng với biến đổi khí hậu đòi hỏi phải đánh giá lại các thực hành nông nghiệp trong khu vực. Phụ nữ, chiếm hơn 50% vai trò trong sản xuất nông nghiệp, nắm giữ một lượng lớn kiến thức quan trọng sẽ cung cấp thông tin cho những đánh giá lại cần thiết này. Hơn nữa, đại diện cho 43% lực lượng lao động nông nghiệp của thế giới, phụ nữ cũng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện các giải pháp.
- > Phụ nữ có vai trò chủ chốt trong việc ứng phó với thiên tai nhờ trách nhiệm gia đình của họ. Họ thấy trước rủi ro và có biện pháp phòng ngừa trước bằng cách làm bếp di động, dự trữ củi, tích trữ lương khô, tiết kiệm nước, mua sắm các mặt hàng thiết yếu, tiết kiệm tiền và xây dựng mạng lưới xã hội trong cộng đồng của họ.
- > Ở La Masica (Honduras), không có trường hợp tử vong nào được báo cáo sau cơn bão Mitch vì cơ quan thiên tai đã tổ chức những tập huấn có nhạy cảm giới, và cho phụ nữ và nam giới tham gia bình đẳng vào các hoạt động quản lý rủi ro, và phụ nữ nắm quyền kiểm soát hệ thống cảnh báo sớm. Điều này dẫn đến việc sơ tán nhanh chóng khi cơn bão ập đến (Newman và Stephenson 2010).

quả. Cuối cùng, lồng ghép giới trong hành động GNRRTT/BĐKH dẫn đến những thành tựu chung hiệu quả hơn. Cũng có bằng chứng mạnh mẽ ở cấp quốc gia rằng cải thiện bình đẳng giới trong các lựa chọn chính sách sẽ dẫn đến quản trị môi trường tốt hơn, cho dù thông qua việc tăng cường đại diện và tiếng nói của phụ nữ trong cộng đồng của họ, trong xã hội nói chung và ở cấp độ chính trị, hoặc thông qua việc tăng cường sự tham gia của lực lượng lao động. (Ngân hàng Thế giới 2011).

Ngân hàng Phát triển Châu Á, trong sổ tay tập huấn về giới và biến đổi khí hậu (ADB 2015), đã tóm tắt tầm quan trọng của hành động khí hậu có tính đến giới vào bốn thông số, có thể giúp cho các hành động này tốt hơn:

- > **Hiệu quả** hơn vì nó xác định được tất cả các nhóm mục tiêu phù hợp và các bên liên quan.
- > **Hiệu suất** cao hơn vì nó đạt được kết quả đầu ra lớn hơn với các nguồn lực được phân bổ.
- > **Công bằng** hơn vì nó xác định và giảm bớt sự bất bình đẳng.
- > **Bền vững** hơn vì nó dẫn đến sự phát triển kinh tế và xã hội lâu dài.

CÁC CHIẾN LƯỢC, KHOẢNG CÁCH VÀ THÁCH THỨC HIỆN TẠI ĐỐI VỚI VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI

Nhận thức được các khía cạnh giới của biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, các cơ quan bảo vệ quyền phụ nữ như UN Women, Liên minh Khí hậu và Giới Toàn cầu (GGCA), WEDO, v.v., cùng với các cơ quan quốc tế như UNDP, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, đã đang nỗ lực thúc đẩy hành động ứng phó với khí hậu và thiên tai.

Điều này dẫn việc UNFCCC – một cơ chế chính sách về biến đổi khí hậu toàn cầu - cũng đưa giới như một mục tiêu quan trọng trong chương trình nghị sự của mình, như một phần của nhiều Hội nghị các bên (CoP) khác nhau, đặc biệt như thông qua Chương trình làm việc Lima về giới trong COP 20 (2014) và nâng cao Kế hoạch hành động về giới trong COP 25 (2019). Khung Sendai về Giảm thiểu rủi ro thiên tai cũng có cam kết mạnh mẽ về giới. Các chính phủ khác nhau cũng đã và đang thực hiện các bước khác nhau để xây dựng các chính sách và kế hoạch GNRRTT/BĐKH trong nước. (Những điều này đã được thảo luận chi tiết hơn trong Học phần 2 Phần A.)

Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Các chiến lược lồng ghép giới quan trọng đang được áp dụng hiện nay và những lỗ hổng và thách thức trong quá trình thực hiện đang được thảo luận tại đây.

- i) **Các biện pháp chính sách:** Các chính phủ và các cơ quan phát triển quốc gia ngày càng có nhận thức tốt hơn về nhu cầu lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu. UN Women (Dankelman 2016) báo cáo rằng có rất nhiều quốc gia đề cập từ “giới” trong các luật, chính sách và chiến lược GNRRTT/BĐKH. Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra rằng “giới” phần lớn được hiểu là phụ nữ và được nói đến như là nạn nhân của biến đổi khí hậu và cần các biện pháp bảo vệ. Hơn nữa, bất chấp tất cả những tiến bộ này, nhiều chính phủ quốc gia thường không coi vấn đề giới là ưu tiên hàng đầu trong hành động khí hậu, khi họ phải quản lý nhiều vấn đề xuyên suốt. Do các chính phủ phải đối mặt với những khó khăn trong việc phân bổ các nguồn lực ít ỏi, các chính sách này thường vẫn nằm trên giấy và không được hỗ trợ bởi các chương trình và phân bổ ngân sách.

Các tổ chức xã hội dân sự có thể đi đầu trong việc thúc đẩy các cuộc đối thoại chính sách có lồng ghép giới và mang tính chuyển biến bằng cách sử dụng cam kết của CEDAW trong các quy trình lập kế hoạch về biến đổi khí hậu quốc gia. Các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể vận động ngân sách có trách nhiệm giới trong các lĩnh vực GNRRTT/BĐKH để chuyển các cam kết chính sách này thành phân bổ ngân sách.

- ii) **Cơ chế thể chế:** Thiếu sự nhất quán giữa các chiến lược quốc gia, kế hoạch GNRRTT/BĐKH quốc gia và các hiệp định quốc tế về giới như CEDAW mà họ đã phê chuẩn (Otzelberger 2011). Một trong những hạn chế lớn đối với vấn đề này là các chiến lược quốc gia do các bộ kế hoạch và tài chính chủ trì, các kế hoạch GNRRTT/BĐKH là của các bộ chuyên ngành như nông nghiệp, nước, rừng và môi trường, trong khi các chính sách giới là của các bộ xã hội và phụ nữ. Ở hầu hết các quốc gia, các bộ kế hoạch, tài chính và chuyên môn có rất ít hoặc không có hiểu biết về giới; trong khi các bộ xã hội và phụ nữ có nhiệm vụ về giới thì lại thiếu kiến thức về GNRRTT/BĐKH. Trừ khi có các cơ chế thể chế để gắn kết các bộ này lại với nhau trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách GNRRTT/BĐKH, các quy định về chính sách giới sẽ không thể áp dụng vào thực tế. Một lỗ hổng quan trọng hơn nữa trong cơ chế thể chế là thiếu không gian cho các tổ chức xã hội dân sự (CSO), đặc biệt là các nhóm phụ nữ, tham gia vào quá trình lập kế hoạch và phát triển đất nước.

Các tổ chức xã hội dân sự có thể hỗ trợ các bộ chuyên ngành thực hiện phân tích giới theo ngành đối với GNRRTT/BĐKH để giúp cho việc lập kế hoạch dựa trên bằng chứng. Các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể hợp tác với các Bộ chuyên ngành để nâng cao năng lực về lồng ghép giới.

iii) **Phân tích giới và quản lý tri thức:** Một ứng phó có nhạy cảm giới đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về những bất bình đẳng hiện có giữa phụ nữ và nam giới, và phân tích các cách mà biến đổi khí hậu có thể làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng này trong từng bối cảnh. Ví dụ, trong khi phụ nữ có thể bị thiệt mạng nhiều hơn trong lũ lụt và bão ở Bangladesh vì lý do văn hóa, thì nam giới có thể chết nhiều hơn ở Việt Nam vì lý do nghề nghiệp. Để có được mức độ phân tích giới này, đòi hỏi phải có sự thu thập dữ liệu phân tích theo giới cũng như sự tham gia của cộng đồng vào đánh giá rủi ro và phân tích tính dễ bị tổn thương. Thật không may, cả hai điều này đều đang chưa được thực hiện ở cấp cộng đồng, quốc gia và khu vực, và nó đang hạn chế việc lập kế hoạch và phân tích giới dựa trên bằng chứng (UN Women 2016).

Tin tốt là hiện có một nhóm làm việc về giới và biến đổi khí hậu đang không ngừng mở rộng trên các lĩnh vực nhạy cảm 'trực tiếp' với khí hậu như an ninh lương thực và nông nghiệp, lâm nghiệp, nước, thiên tai, cũng như các lĩnh vực xã hội như y tế và giáo dục. Tuy nhiên, ở các lĩnh vực mà các khía cạnh giới có vẻ ít rõ ràng hơn - chẳng hạn như giao thông và cơ sở hạ tầng, tiếp cận năng lượng, nhà ở và việc làm chính thức hoặc phi chính thức - lại ít được tìm hiểu hơn. Thậm chí, các nghiên cứu về mối liên quan phức tạp mới nổi hiện nay còn ít hơn, như sự liên hệ không chắc chắn của biến đổi khí hậu đối với bình đẳng giới, củng cố vai trò giới, bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới, tảo hôn, v.v. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi UN Women (Dankelman 2016) báo cáo rằng việc xây dựng và quản lý tri thức vẫn là những rào cản chính đối với việc đưa bình đẳng giới vào GNRRTT/BĐKH một cách có ý nghĩa.

Một hoạt động chính trong lĩnh vực này là tiến hành nghiên cứu, đặc biệt là trong các lĩnh vực mà tác động giới không trực tiếp nhìn thấy - giao thông, việc làm phi chính thức, di cư, v.v. Các tổ chức xã hội dân sự có thể cung cấp các số liệu thống kê và các kiến thức nêu bật các khía cạnh giới trong ngành, để nâng cao nhận thức về nhu cầu lồng ghép giới và là một tài liệu hữu ích có thể được các Bộ Kỹ thuật sử dụng trực tiếp.

iv) **Quản trị có trách nhiệm giới với sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ:** Yếu tố quan trọng nhất trong hành động vì khí hậu có trách nhiệm giới là sự tham gia và vai trò lãnh đạo của chính cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái. Các chính phủ cần áp dụng các quy trình có sự tham gia, đặc biệt là ở cấp địa phương, để các chiến lược và can thiệp GNRRTT/BĐKH có thể thực sự xác định và đáp ứng nhu cầu của những người mà họ muốn hỗ trợ. Bằng cách này, các quy trình có thể được xây dựng để đáp ứng với thực tế địa phương và góp phần cho một tầm nhìn rộng hơn về giảm tốc độ biến đổi khí hậu. Sự nhạy cảm về giới và sự tham gia của phụ nữ cũng cần thiết trong tất cả các quá trình có sự tham gia

này, như quá trình tham vấn và ra quyết định liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu. Điều này không chỉ là tạo không gian cho phụ nữ hiện diện mà còn phải công nhận năng lực của họ và kiến thức mà họ có thể đóng góp vào các quá trình như vậy. Phụ nữ đặc biệt cần tham gia vào việc xác định và giám sát các rủi ro khí hậu, bao gồm xây dựng bản đồ, dữ liệu rủi ro và nguy cơ, xác định các khía cạnh cụ thể về giới của rủi ro, tính dễ bị tổn thương và xây dựng các ứng phó với rủi ro. Phụ nữ phải tham gia đầy đủ vào các nhóm/ủy ban hành động khí hậu cấp cộng đồng, diễn tập ứng phó với thiên tai và các hoạt động liên quan.

Các tổ chức xã hội dân sự có thể tăng cường hiểu biết về bối cảnh địa phương và huy động sự tham gia để nắm bắt ý tưởng và kiến thức của nam giới, phụ nữ và những người có bản dạng giới khác. Việc hình thành và củng cố các nhóm và hiệp hội phụ nữ địa phương để thảo luận về GNRRTT/BĐKH ở cả khu vực nông thôn và thành thị có thể là các hoạt động quan trọng của CSO.

Ngoài ra, điều quan trọng là phải trao quyền cho cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ, nói lên các vấn đề và mối quan tâm của họ trong các chính sách và kế hoạch GNRRTT/BĐKH quốc gia. Một điểm khởi đầu dễ dàng cho việc này có thể là tăng cường sự tham gia và ảnh hưởng của các tổ chức xã hội dân sự nhằm thúc đẩy quyền của phụ nữ trong các khung GNRRTT/BĐKH quốc gia và các quy trình hoạch định chính sách. Hiện tại, trong khi các tổ chức xã hội dân sự như vậy có tiếng nói ở cấp khu vực, sự tham gia của họ vào quá trình ra quyết định quốc gia còn hạn chế. Hiện nay vẫn đang thiếu một cơ chế mang tính thể chế để giúp sự tham gia hiệu quả của các CSO hoặc của chính phụ nữ trong quá trình ra quyết định.

Hơn nữa, hiện nay phụ nữ tham gia chính trị vẫn còn rất thấp ở châu Á và trên thế giới. Phụ nữ vẫn chỉ nắm giữ 25% số ghế toàn cầu trong các nghị viện quốc gia (Báo cáo Khoáng cách giới toàn cầu 2020). Thúc đẩy quản trị có trách nhiệm giới và có nhiều phụ nữ lãnh đạo hơn trong các vị trí bầu cử và điều hành trong chính phủ, là cần thiết để tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe, được đưa vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện các sáng kiến và chiến lược GNRRTT/BĐKH. Điều này cũng có thể bắt đầu thực hiện ở cấp địa phương. Ví dụ, ở Ấn Độ, có một quy định trong hiến pháp đảm bảo rằng ít nhất một phần ba số đại biểu được bầu và lãnh đạo trong các cơ quan địa phương ở nông thôn và thành thị là phụ nữ.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên xem họ nghĩ đâu là những vấn đề chính cần được ghi nhớ khi thực hiện phân tích giới hoặc tạo điều kiện cho phụ nữ lãnh đạo và tham gia vào quá trình ra quyết định về khí hậu.

Gợi ý cho giảng viên

- > Điều rất quan trọng là phải đảm bảo rằng các mối quan tâm về giới không chỉ giới hạn ở nam giới và phụ nữ, tất cả các bản dạng giới cần được phân tích trong bối cảnh địa phương trong khi thực hiện phân tích giới, thu thập dữ liệu giới hoặc lấy đại diện giới trong quá trình ra quyết định. Ví dụ, trong khi phân tích bạo lực tình dục do hậu quả của một thảm họa, nó nên được phân tích trên tất cả các giới tính và không giới hạn ở phụ nữ và trẻ em gái. Đánh giá nhu cầu giới nên bao gồm đánh giá nhu cầu của những người LGBTIQ về quyền riêng tư và các khu vực vệ sinh riêng biệt. Tương tự, áp lực văn hóa đối với nam giới trong việc kiếm tiền hoặc chấp nhận rủi ro có thể làm tăng căng thẳng cho họ, điều này cũng cần được tính đến để thiết kế các biện pháp can thiệp như tư vấn liên quan đến sử dụng rượu sau thảm họa.
- > Tương tự, các điểm khác biệt khác liên quan đến tuổi tác, dân tộc, đẳng cấp, giai cấp hoặc bản sắc xã hội cũng cần được xem xét. Ví dụ, dữ liệu về tỷ lệ tử vong trong các thảm họa phải bao gồm thông tin theo độ tuổi cụ thể để hiểu liệu có thêm bất kỳ vấn đề nào liên quan đến trẻ em gái, trẻ em gái vị thành niên hoặc phụ nữ cao tuổi hay không. Khi cho phép sự đại diện của phụ nữ trong các cơ chế ra quyết định, không nên giới hạn ở một nhóm phụ nữ có học thức mà cần bao gồm phụ nữ bản địa, phụ nữ (không có khả năng tiếp cận), phụ nữ thuộc các nhóm nghề nghiệp khác nhau, sống ở nông thôn và thành thị.

Các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể hỗ trợ sự tham gia của các nữ lãnh đạo, đặc biệt là của những người thuộc nhóm nghèo và bị thiệt thòi, trong các cuộc đàm phán quốc tế và quốc gia về khí hậu có trách nhiệm giới. Xác định và đào tạo các nữ lãnh đạo từ các cộng đồng dễ bị tổn thương để họ trình bày trực tiếp các vấn đề và mối quan tâm của họ nên là một hoạt động quan trọng của CSO.

- v) **Lồng ghép giới và các phương pháp tiếp cận mang tính chuyển đổi về giới:** Lồng ghép giới vào các quy trình chính sách, chương trình và dự án có thể giúp đảm bảo rằng các quy trình đó mang lại lợi ích công bằng cho tất cả mọi người như được đề ra trong phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và không để ai lại phía sau, các nguyên tắc rất quan trọng để đạt được các SDG. Tuy nhiên, trong khi các biện pháp này có thể thúc đẩy chính sách xã hội (bao gồm cả bình đẳng giới), không phải lúc nào chúng cũng tạo ra sự thay đổi về cơ cấu mang tính chuyển biến trong quan hệ giới. Đề cập đến vấn đề này, điều quan trọng là trong khi giới được lồng ghép trong các kế hoạch và biện pháp ứng phó, nó không chỉ tập trung vào giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương mà còn khai thác các cơ hội tiềm năng để thúc đẩy các mục tiêu bình đẳng giới. Đồng thời, điều này cũng kêu gọi sự cần thiết không chỉ tập trung vào phụ nữ mà còn tập trung vào nam giới và các giới tính khác trong khi lập kế hoạch và thực hiện các chương trình GNRRTT/BĐKH.

Vận động lồng ghép giới trong các chính sách và chương trình quốc gia, các tổ chức xã hội dân sự có thể tập trung vào việc thiết kế và thí điểm các dự án mang tính chuyển đổi về giới. Dự án được thực hiện với cấu phần đánh giá tốt, sẽ có tiềm năng được chính phủ thông qua để mở rộng quy mô.

- vi) **Đưa vào các kế hoạch và biện pháp ứng phó:** Nhận thức về việc các kế hoạch và biện pháp ứng phó CCDRR cần tính đến các rủi ro, tính dễ bị tổn thương và sự khác biệt về năng lực trên cơ sở giới ngày càng tăng. Thật không may, trên thực tế, các kế hoạch và chương trình vẫn bị chi phối trước bởi các giải pháp công nghệ và kinh tế, vốn được coi là trung tính về giới - mặc dù chúng thường dựa trên chuẩn mực của nam giới. Ví dụ, khi các cảnh báo sớm được cung cấp qua điện thoại di động, nó mang lại lợi ích cho nam giới nhiều hơn nữ giới, không chỉ do sự khác biệt trong tiếp cận công nghệ di động mà còn do những hạn chế trong văn hóa của việc đưa ra quyết định nhanh chóng. Vẫn cần tập trung vào tất cả các biện pháp ứng phó được đánh giá từ góc tiếp cận đến các giới và tập trung vào việc đưa các biện pháp này vào các kế hoạch và các biện pháp ứng phó GNRRTT/BĐKH. Tuy nhiên, các chính sách và biện pháp chỉ tập trung vào tình

trạng dễ bị tổn thương theo giới có nguy cơ chỉ coi phụ nữ là nạn nhân. Do đó, điều quan trọng là nam giới, phụ nữ và những người có bản dạng giới khác đều phải tham gia trực tiếp vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện. Các chương trình GNRRTT/BĐKH dựa vào cộng đồng do Phụ nữ lãnh đạo nên là phương pháp tiếp cận lồng ghép giới quan trọng. Thật không may, vấn đề này không chỉ chưa được ghi nhận đầy đủ trong các chính sách và chương trình quốc gia mà còn có rất ít nguồn tài trợ từ các nhà tài trợ để thực hiện và nhân rộng các chương trình như vậy, và điều này rất quan trọng đối với việc lồng ghép giới.

Các tổ chức xã hội dân sự nên tập trung vào việc xây dựng và thực hiện các dự án GNRRTT/BĐKH dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo và / hoặc tập trung vào các nhóm dân số dễ bị tổn thương cụ thể - người già, người khuyết tật, LGBTIQ, cộng đồng bản địa, dân tộc thiểu số, người di cư / tị nạn.

Vii) Giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương bên cạnh yếu tố khai thác cơ hội: Các phương pháp tiếp cận lồng ghép giới hiện nay cũng tập trung mạnh vào các yếu tố dễ bị tổn thương riêng của phụ nữ và các can thiệp phần lớn tập trung vào việc đưa phụ nữ vào giai đoạn cuối của các chương trình thích ứng. Phần lớn, các chương trình này chưa giải quyết được bất bình đẳng giới gốc rễ tạo ra sự khác biệt về tình trạng dễ bị tổn thương, và thiếu cân nhắc về vai trò, sở thích, nhu cầu, kiến thức và năng lực của nam và nữ, trẻ em trai và trẻ em gái ở mọi cấp độ, đặc biệt là ở cấp quốc gia và cấp khu vực. Điều quan trọng là các quốc gia, CSO và cộng đồng phải xem xét kỹ hơn nguồn gốc mang tính cấu trúc của bất bình đẳng giới và thực hiện các chương trình thích ứng với khí hậu như một phương tiện để giải quyết những vấn đề này. Các Cơ hội về Giới như vậy đề cập đến tiềm năng ứng phó với biến đổi khí hậu, có tính đến vai trò, quan điểm, ý tưởng, nhu cầu và năng lực của nam giới và phụ nữ để i) thúc đẩy bình đẳng giới, ii) giảm nghèo và iii) đóng góp vào thành công của các chiến lược thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu (Otzelberger 2011). Một chiến lược quan trọng là thúc đẩy các lựa chọn sinh kế đa dạng cho phụ nữ để tăng khả năng chống chịu với thiên tai và đảm bảo rằng các rủi ro mà phụ nữ phải đối mặt không bị trầm trọng hơn do các chính sách và thực tiễn phát triển không phù hợp (Ngân hàng Thế giới 2011)

Các tổ chức xã hội dân sự có thể nâng cao hiểu biết về các tác động giới của biến đổi khí hậu theo bối cảnh từng quốc gia và địa phương và các chiến lược ứng phó phù hợp thông qua các chương trình đào tạo và hội thảo về giới và GNRRTT/BĐKH. Hợp tác lâu dài với các viện đào tạo của chính phủ tập trung vào GNRRTT/BĐKH sẽ thậm chí còn hiệu quả hơn.

viii) Tài chính Khí hậu: Một yếu tố quan trọng khác của hành động khí hậu có trách nhiệm giới là cung cấp các nguồn tài chính. Có một số tiến bộ trong xây dựng các cơ chế tài chính khí hậu có trách nhiệm giới, đặc biệt là giới là một cấu phần được các nhà tài trợ yêu cầu trong các khoản đầu tư của họ. Tuy nhiên, do cơ cấu kinh tế hiện có, các nguồn lực tài chính để hỗ trợ giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu dành cho phụ nữ không nhiều như nam giới (Ngân hàng Thế giới 2011). Phân bổ ngân sách cho việc thực hiện GNRRTT/BĐKH bất kể quy mô và lĩnh vực cần được ưu tiên cho các hành động giải quyết các nhu cầu về giới. Hơn nữa, việc đảm bảo sự tham gia của phụ nữ và các giới khác trong việc ra quyết định về tất cả các khía cạnh của tài chính liên quan đến khí hậu, rất quan trọng đối với hiệu lực và hiệu quả, cũng như tính công bằng của các nguồn lực. Tuy nhiên để đạt được vấn đề này vẫn còn một chặng đường dài phía trước.

Tạo các công cụ về giới và biến đổi khí hậu trong toàn bộ chu kỳ chương trình với trọng tâm cụ thể là giám sát và báo cáo

ix) Giải quyết vấn đề Dữ liệu phân tách Giới, Tuổi, Khuyết tật (SADDD): Một vấn đề xuyên suốt của tất cả những điều trên là việc thiếu số liệu có tách biệt giới, tuổi và khuyết tật trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến biến đổi khí hậu và đặc biệt là trong các thiên tai. Rủi ro từ các thiên tai thường trở nên trầm trọng hơn do sự khác biệt về tính dễ bị tổn thương của nam và nữ, xu hướng tính dục, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, chủng tộc, dân tộc và những yếu tố khác. (GFDRR nd). Thật không may, hầu hết các đánh giá thiên tai không tập trung vào việc đánh giá có sự phân tách số liệu, với hơn 90% các quốc gia báo cáo cho Hiệp định khung Hyogo không thu thập số liệu phân tách giới, tuổi và khuyết tật (UNDRR 2015). Nếu không có các dữ liệu để đánh giá các mức độ dễ bị tổn thương khác nhau trên các khía cạnh xã hội này, việc thực hiện các chính sách và chương trình đáp ứng về giới và toàn diện xã hội sẽ luôn là một thách thức.

x) Tập trung vào nam giới và các bản dạng giới khác: Cuối cùng, cần lưu ý là cách tiếp cận theo giới đối với biến đổi khí hậu không nên chỉ đơn giản là về phụ nữ. Nam giới và trẻ em trai và những người có bản dạng giới khác cũng dễ bị tổn thương bởi tác động của biến đổi khí hậu nhưng thường theo những cách khác nhau, và những điều này cần được xác định và truyền thông. Thật không may, như đã báo cáo trong UN Women (Dankelman 2016), các chính sách khí hậu hiện tại vẫn có xu hướng đánh đồng "giới tính" với "phụ nữ".

NĂNG LỰC LỒNG GHÉP GIỚI

Những nỗ lực của các cơ quan khác nhau trong những năm qua đã giúp nâng cao nhận thức, cam kết chính sách và thực hiện các dự án thí điểm để giải quyết các vấn đề giới. Thậm chí đã có một số chương trình rất sáng tạo do phụ nữ lãnh đạo được thực hiện với sự hỗ trợ của các cơ quan đa phương và các nhà tài trợ. Tuy nhiên, hầu hết trong số này, mặc dù đã có kế hoạch để nhân rộng, nhưng không được mở rộng quy mô chủ yếu do thiếu năng lực ở cấp quốc gia. Như đã đề cập trước đó, hầu hết các bộ kỹ thuật có rất ít hoặc không có hiểu biết về giới, và do đó thiếu năng lực để lồng ghép giới một cách có hệ thống trong công tác GNRRTT. Vì vậy, ngay cả khi tồn tại một quy định về giới, nó thường không gắn liền với thực tiễn. Thường có sự khác biệt về giới trong các chu kỳ dự án và chương trình - giữa một mặt là phân tích giới tương đối tốt trong phần khái niệm và lập kế hoạch dự án, và mặt khác, việc lồng ghép các quan điểm về giới trong thực hiện, giám sát và đánh giá các sáng kiến GNRRTT/BĐKH còn hạn chế. Một trong những thách thức lớn nhất đối với lồng ghép giới là xây dựng năng lực của các bộ kỹ thuật để lồng ghép giới trong các chính sách và chương trình liên quan đến GNRRTT/BĐKH.

PHỤ NỮ VỚI TƯ CÁCH LÀ ĐỐI TÁC BÌNH ĐẲNG VÀ CHỦ THỂ TRONG HÀNH ĐỘNG VÌ KHÍ HẬU

Phụ nữ có thể là tác nhân mạnh mẽ của sự thay đổi trong hành động vì khí hậu. Thật không may, tiềm năng này vẫn chưa được khai thác do thiếu lồng ghép giới trong lập kế hoạch hành động với biến đổi khí hậu và quan trọng hơn là do thiếu cơ chế để phụ nữ tham gia lập kế hoạch và ra quyết định hoặc đi đầu trong việc thực hiện các hành động khí hậu. Phụ nữ có thể là tác nhân quan trọng của sự thay đổi; tất cả các hành động về khí hậu, đặc biệt là ở cấp quốc gia và địa phương, đều có sự tham gia của phụ nữ với tư cách là đối tác và chủ thể bình đẳng. Họ chỉ cần được trao quyền để hưởng lợi từ những nỗ lực phục hồi.

Có nhiều ví dụ mà việc trao quyền cho phụ nữ thực hiện vai trò lãnh đạo trong cộng đồng của họ góp phần vào khả năng chống chịu với khí hậu. Điều quan trọng là phải biết và học hỏi từ những câu chuyện về phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi này.

Phụ nữ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho thiên tai. Ví dụ, khi mực nước dâng cao, một số phụ nữ di chuyển đến các vị trí cao gần nhất và làm nơi trú ẩn tạm thời để đảm bảo an toàn cho họ và gia đình của họ. Những người khác tìm nơi trú ẩn tại nhà của người thân hoặc bạn bè trên vùng đất cao hơn. Những người có nguồn

lực thì tồn sà nhà hoặc trang trại của họ lên. Để bảo vệ tài sản và sinh kế của mình, phụ nữ cố gắng cất giữ hạt giống ở những nơi cao ráo trước khi lũ đến, để có thể nhanh chóng trồng lại sau khi lũ rút. Gia súc đôi khi được đưa lên vùng đất cao hơn, nhưng thường khó tìm những nơi an toàn cho gia súc. Phụ nữ cũng chuyển đổi các mô hình nông nghiệp của họ, như tăng cường nỗ lực trong sản xuất nông nghiệp và tìm kiếm các lựa chọn sản xuất phi nông nghiệp. Một số nông dân nữ đã chuyển sang canh tác các loại cây có thể thu hoạch trước mùa lũ, hoặc các loại lúa mọc đủ cao để có thể vượt trên mặt nước khi lũ đến.

Hầu hết các cuộc thảo luận về giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu đều tập trung vào việc tìm hiểu và làm nổi bật tính dễ bị tổn thương riêng biệt của phụ nữ trước các tác động của biến đổi khí hậu do vai trò và trách nhiệm giới của họ. Tuy nhiên, vì những vai trò và sự phụ thuộc của họ vào nguồn lực tự nhiên, phụ nữ thường có những hiểu biết độc đáo về môi trường tự nhiên của họ. Các nghiên cứu cho thấy phụ nữ bày tỏ mối quan tâm nhiều hơn về các thiên tai do khí hậu gây ra so với quan tâm của nam giới về các vấn đề môi trường. Vì vậy, phụ nữ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn môi trường, điều mà trước đây thường bị bỏ qua. Tại nhiều quốc gia Nam và Đông Nam Á - Ấn Độ, Nepal, Philippines - phụ nữ bản địa đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và quản lý rừng, là yếu tố thiết yếu trong giảm nhẹ, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiên tai.

Phụ nữ cũng đi đầu trong việc chống lại biến đổi khí hậu và giúp cộng đồng của họ thích ứng với những thay đổi của môi trường. Ngày càng có nhiều bằng chứng rằng khi phụ nữ được trao quyền để tạo ra các thể chế nhằm mở rộng tài sản, cơ quan đại diện và cơ hội của chính họ, gia đình và cộng đồng của họ, thì điều này có thể đóng vai trò là bàn đạp mạnh mẽ để xây dựng khả năng chống chịu với khí hậu nói chung.

Tại Việt Nam, phụ nữ - thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - lập kế hoạch và tổ chức các buổi cung cấp thông tin cho những phụ nữ khác ở cấp xã. Họ biểu diễn các vở kịch về GNRRTT, phòng chống dịch bệnh và tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức trong cộng đồng của họ. Phụ nữ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc kiên cố ngôi nhà của họ trước bão. Ở Campuchia, phụ nữ cho biết trong thời gian hạn hán, họ vay tiền từ các nhóm tiết kiệm của phụ nữ, đưa cho con trai họ để tìm việc ở thủ đô Phnôm Pênh hoặc ở các đồn điền trang trại. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải khám phá cách thức các hội nhóm này có thể trở thành nền tảng thúc đẩy sinh kế của phụ nữ.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 1: MẠNG LƯỚI QUYỀN CON NGƯỜI

Mục tiêu chính của cuộc bài tập này là giúp cho những người tham gia hiểu được tầm quan trọng của tính phổ quát và không thể chia tách của các quyền con người.

Vật liệu cần có:

Giấy A0, bút dạ, keo dính, thê, cuộn dây, giấy kẻ ô vuông và bút dạ. (Cũng có thể sử dụng bảng trắng và bút đánh dấu đơn giản nếu cần).

Tiến trình:

Bước 1: Yêu cầu mọi người đứng thành vòng tròn. Bạn cũng có thể sử dụng phòng họp tròn tiêu chuẩn với tất cả học viên ngồi trên bàn. Yêu cầu họ tự giới thiệu và chia sẻ hai điều quan trọng nhất về bản thân:

- Một điều mà họ cần trong cuộc sống để có thể thực hiện được hoặc được trao quyền.
- Một thứ khác mà nếu bị mất hoặc bị lấy đi sẽ khiến họ cảm thấy chán nản / bất lực.

Đây có thể là những nhu cầu cơ bản như thức ăn, nước uống, chỗ ở, sức khỏe, giáo dục, việc làm; và / hoặc các nhu cầu chiến lược như gia đình, sự chấp nhận của xã hội, sự di chuyển, biểu đạt ý kiến và những thứ tương tự.

Sau đó, cầm cuộn dây, giới thiệu bản thân theo cách tương tự và ném quả cầu cho người khác, đồng thời giữ phần cuối của sợi dây. Yêu cầu người đó tự giới thiệu bản thân và chuyền cuộn dây cho người khác trong khi cầm đầu dây của mình trên tay. Quá trình được làm với tất cả học viên và cuối cùng sẽ có một mạng nhện lớn của cuộn dây do tất cả học viên giữ.

Bước 2: Viết tất cả các ý được nói đến lên trên thê và dán chúng lên giấy A0 hoặc viết chúng lên bảng trắng theo hình tròn (Xem hình). Chuyển đổi các ý đó thành các ví dụ có ý nghĩa hơn và có thể áp dụng rộng rãi như dưới đây:

- Cần giáo dục
- Cần các phương tiện cấp nước
- Cần có sức khỏe tốt
- Cần có bạn bè / gia đình
- Cần có sinh kế tốt hơn
- Cần những tiện nghi cơ bản
- Cần thị trường
- Cần nhà riêng
- Cần an toàn an ninh
- Cần có quyền tự do di chuyển đến nơi tôi muốn
- Cần có quyền tự do nói những gì tôi muốn
- Cần tham gia vào việc ra quyết định ảnh hưởng đến tôi

- Cần có thời gian giải trí, để thư giãn, để tận hưởng
- Cần có tiền / tài sản của riêng tôi

Bước 3: Sau khi tất cả học viên đã hoàn thành, hãy hỏi họ xem mạng nhện mà họ đã tạo với nhau có bất kỳ liên kết nào đến các ý trên hay không. Hỏi họ: "Có nhóm nào liên quan đến nhau không? Ví dụ, một cái có tác động đến cái khác, hay ngược lại?" Nếu có, điều gì sẽ xảy ra nếu:

- Ai đó không nắm đầu dây của mình thì toàn bộ mạng nhện bị suy yếu - sự tham gia của tất cả mọi người là quan trọng
- Một người kéo đầu dây của mình, nó ảnh hưởng đến toàn bộ mạng nhện - không ai nên thống trị
- Hai người kéo đoạn dây giữa họ, điều đó làm xáo trộn tất cả người những người tham gia khác - Không nên có chủ nghĩa nhóm

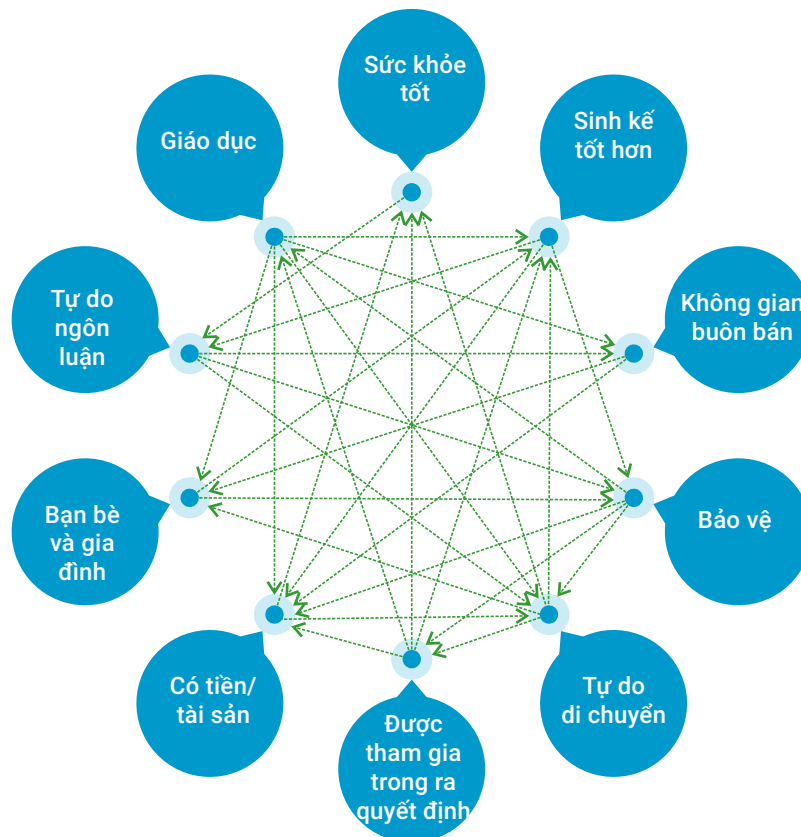
Yêu cầu họ nghĩ về mạng nhện này như một xã hội và giải thích sự tương tự giữa các quy tắc trong mạng lưới này với những gì xảy ra trong xã hội. Bây giờ yêu cầu học viên rời khỏi mạng nhện và đến chỗ bảng.

Bước 4: Hỏi họ xem hai điểm nào trong các điểm trên bảng là bổ sung cho nhau hay không, tức là chúng ta không thể có điểm này nếu không có điểm còn lại. Ví dụ, nếu không có sự tự do di chuyển thì khó có giáo dục; và khó có khả năng di chuyển nếu không có sự hỗ trợ của xã hội. Vẽ sự kết nối giữa các điểm trên bảng trắng. Bây giờ hãy hỏi họ xem có bất kỳ điểm nào khác như vậy có thể được kết nối với nhau không. Họ có thể vẽ một đường thẳng / mũi tên giữa tất cả các điểm như vậy trên bảng cho đến khi một mạng lưới xuất hiện. (Một ví dụ về cách sơ đồ cuối cùng sẽ trông như thể hiện trong Hình 1-8)

Bước 5: Yêu cầu họ liên hệ sơ đồ mạng lưới này với các quy tắc xã hội web và suy nghĩ cách phân phối những lợi ích này trong xã hội. Đặt những câu hỏi như:

- Có mối liên hệ nào giữa những điểm/nhu cầu này và quyền con người được quốc tế công nhận không?
- Điều gì sẽ xảy ra khi một người không được đáp ứng một nhu cầu/quyền của mình?
- Điều gì xảy ra khi một người có tất cả các quyền lợi?
- Có mối liên hệ nào giữa các quy tắc Xã hội/mạng lưới và Phương pháp Tiếp cận Phát triển Con người không?

HÌNH 1-8: SƠ ĐỒ MẠNG LƯỚI QUYỀN CON NGƯỜI



Nguồn: Dựa trên bài tập do tác giả thực hiện trong khóa đào tạo về nhạy cảm giới tại Chương trình Hỗ trợ Nông thôn Aga Khan (Ấn Độ)

Kết luận: Kết thúc cuộc thảo luận bằng cách nói rằng đây là lý do tại sao những vấn đề này được đảm bảo cho tất cả chúng ta như là Quyền con người và rằng “Mọi con người, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, giới tính, tôn giáo hay nơi cư trú, đều được hưởng những quyền con người này

mà không bị phân biệt đối xử. Đây là khái niệm phổ quát về quyền con người. Và sự phụ thuộc lẫn nhau của các vấn đề là lý do tại sao các quyền con người được coi là có mối quan hệ với nhau và do đó, không thể chia tách được”

BÀI TẬP 2: BƯỚC ĐI QUYỀN LỰC

Mục tiêu chính của bài tập này là giúp học viên hiểu được vai trò của các cấu trúc xã hội và giới trong bối cảnh của Không gian để ai lại phía sau.

Vật liệu: Không gian trống rộng rãi, tốt nhất là sân thoáng, đủ để người tham gia có thể đứng thành một đường thẳng và bước về phía trước từ 12 đến 15 bước. Những tờ giấy phân vai và 1 vài chai nước.

Ví dụ về vai trong Bước đi quyền lực (điều chỉnh theo bối cảnh quốc gia):

- > Nữ nghị sĩ 45 tuổi ở một thành phố lớn
- > Nam nông dân 35 tuổi có nhiều đất và canh tác cơ giới hóa
- > Nhân viên đồng tính nữ 30 tuổi làm việc trong một tập đoàn đa quốc gia (MNC)
- > Nam quan chức cấp cao 50 tuổi làm việc trong bộ tài chính
- > Nam tài xế taxi 25 tuổi nhập cư từ nước láng giềng
- > Công nhân nhà máy nam giới 35 tuổi bị khuyết tật về thể chất
- > Một nữ nông dân 45 tuổi có mảnh đất rất nhỏ và ba đứa con
- > Nữ công nhân nhà máy 30 tuổi có hai con sống trong khu ổ chuột
- > Nữ 15 tuổi chăm sóc mẹ và anh chị em ốm yếu
- > Trưởng thôn nam 60 tuổi có quan hệ chính trị tốt

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



If space is not available, you can use chessboard with different figures provided to the volunteers to move. Begin from one end of the board to reach the other side.

Tiến trình:

Bước 1: Đưa tất cả học viên đến không gian mở và mời 10 tình nguyện viên. Yêu cầu mỗi người trong số các tình nguyện viên chọn một tờ giấy đóng vai từ cái bát. Yêu cầu họ giữ bí mật về vai được giao của họ.

Bước 2: Phổ biến cho các tình nguyện viên về trò chơi này, cách xa những học viên khác. Yêu cầu họ tưởng tượng mình trong vai trò được giao, suy nghĩ về loại nhà và nơi họ sẽ sống, loại cơ sở vật chất họ có trong nhà, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng, bạn bè và xã hội, địa vị xã hội.

Bước 3: Chia học viên khác thành hai nhóm và yêu cầu họ đứng ở các phía khác nhau để tạo khoảng trống cho các tình nguyện viên có thể đi trên một đường thẳng giữa 2 nhóm. Nói với họ rằng họ phải quan sát hành động của các tình nguyện viên và cố gắng đoán xem địa vị xã hội và giới tính của người đó.

Bước 4: Yêu cầu các tình nguyện viên đứng thành một hàng thẳng giữa hai nhóm (tất cả đều bắt đầu bằng nhau). Giữ một vài (hai đến ba) chai nước ở phía bên kia. Khoảng cách giữa các tình nguyện viên và các chai là khoảng 12 đến 15 bước chân.

Bước 5: Nói với mọi người rằng bạn sẽ đọc một đoạn mô tả và nếu các tình nguyện viên nghĩ rằng đoạn có tác động tích cực đến họ, họ sẽ tiến thêm một bước, nếu không thì họ chỉ ở nguyên vị trí của họ. Cho họ biết không có câu trả lời đúng hay sai và đưa ra lựa chọn dựa trên những gì họ cho là phù hợp nhất với vai được giao trong bối cảnh đất nước của họ.

Bước 6: Từ danh sách trên, hãy chọn khoảng tám câu phù hợp nhất với đối tượng hoặc bối cảnh quốc gia. Tiếp theo, đọc từng câu một. Chỉ đọc câu tiếp theo sau khi tất cả những người tham gia đã lựa chọn. Sau khi tất cả các câu đã được đọc, yêu cầu các tình nguyện viên đứng tại chỗ của mình.

Bước 7: Hỏi khán giả xem họ nghĩ ai sẽ có thể thực sự đưa tay ra và lấy chai nước. Khi họ đã xác định được 2-4 người, hãy yêu cầu họ đoán lý lịch của người đó, dựa trên hành động phản ứng của họ với các câu tuyên bố.

Bước 8: Khi khán giả đã đoán xong, hãy yêu cầu họ xác định hoàn cảnh của ba người đứng cuối cùng mà họ cho rằng có ít cơ hội lấy được chai nước nhất. Yêu cầu họ nghĩ về lý do cho những suy đoán của họ. Bây giờ yêu cầu tất cả các tình nguyện viên chia sẻ vai của họ là gì và tại sao họ lại đứng sau. Lặp lại với những học viên khác, trao đổi về các vai trò xã hội và nguyên nhân nào dẫn đến việc mọi người tiến lên phía trước hoặc ở lại phía sau.

CÁC CÂU MÔ TẢ TRONG BƯỚC ĐI QUYỀN LỰC

(điều chỉnh theo bối cảnh quốc gia):

Tôi ăn hai bữa mỗi ngày bất kể mùa nào

Tôi không có nguy cơ bị cảnh sát quấy rối.

Tôi có tất cả các tiện nghi cơ bản - nước, nhà vệ sinh, điện và những thứ tương tự trong nhà của tôi

Tôi có thể gặp bất kỳ quan chức chính phủ nào theo yêu cầu.

Tôi có tất cả các giấy tờ cần thiết cho các trợ cấp an sinh xã hội của chính phủ.

Tôi có thể gây ảnh hưởng đến các quyết định trong cộng đồng / khu phố của tôi.

Tôi không có nguy cơ bị quấy rối hoặc lạm dụng tình dục

Tôi có thể kết hôn và kết hôn khi nào tôi muốn.

Tôi có quyền kiểm soát tài chính gia đình của mình.

Tôi có quyền tiếp cận tài chính và các khoản vay.

Tôi nhận mức lương / thu nhập tối thiểu theo luật.

Tôi đã học xong đại học.

Tôi không phải làm việc nhà hơn một giờ mỗi ngày.

Tôi có thể đi học /chi trả tiền học cho con tôi.

Tôi được tiếp cận tốt với các dịch vụ y tế.

Tôi không có khả năng phải đối mặt với bạo lực gia đình.

Tôi có thể đi bất cứ đâu và bất cứ khi nào tôi muốn.

Tôi có thời gian để thư giãn và tận hưởng sở thích của mình.

Bước 9: Kết thúc bằng cách yêu cầu các học viên chia sẻ về những câu hỏi sau:

- Họ có nghĩ rằng tất cả mọi người đều có thể tiếp cận bình đẳng đối các chai nước và giảng viên có đảm bảo thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử của cách tiếp cận dựa trên quyền trong trò chơi này không?
- Những người đứng sau có thực sự chịu trách nhiệm về vị trí của họ không? Nếu không, là gì?
- Có thể làm gì để giải quyết tình trạng này và mang lại sự không phân biệt đối xử và bình đẳng?

Kết luận: Kết thúc cuộc thảo luận bằng cách nói rằng “Đưa ra khả năng tiếp cận tự do với các nguồn lực và cơ hội (hoặc lợi ích của chương trình) sẽ không đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có thể tiếp cận với chúng. Điều quan trọng là phải xác định ai là những người bị bỏ lại phía sau nhiều nhất và tại sao. Sau đó, lập kế hoạch để đảm bảo rằng tất cả họ đều có quyền tiếp cận bình đẳng và không ai bị bỏ lại phía sau.”

BÀI TẬP 3: TRAO ĐỔI VỀ KHÁI NIỆM GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp những hiểu biết chung cho học viên về các khái niệm giới khác nhau

Vật liệu Yêu cầu: Bản ghi chú từ Tài liệu phát 1 (Chuẩn bị một bộ cho mỗi nhóm sử dụng phông chữ lớn hơn trên giấy khổ A2. Bao gồm phần giải thích, cũng có trong Tài liệu.) Giấy A0 và keo dán.

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành từng cặp hai (hoặc nhóm ba người) và cho họ một tờ ghi chú trong bất kỳ bộ tài liệu nào trong Tài liệu phát tay 1. Đảm bảo rằng tất cả các nhóm đều có một bộ, nếu có quá nhiều người, hãy mời họ tham gia các nhóm hiện có.

Bước 2: Yêu cầu học viên thảo luận trong nhóm về khái niệm được đưa ra. Hãy cho họ 10 phút để thảo luận và sau đó đưa ra lời giải thích đơn giản hơn về thuật ngữ đó, các ví dụ thực tế, cũng như bất kỳ yếu tố bổ sung/khác biệt nào mà họ biết.

Bước 3: Yêu cầu họ chia sẻ câu trả lời của họ khi quay lại lớp học và bổ sung cho câu trả lời bằng cách thêm thông tin từ Tài liệu 1.

Kết luận: Khi hoàn thành việc thảo luận, hãy dán các ghi chú này trên giấy A0 (dán trên tường) để học viên có thể nhìn thấy các thuật ngữ trong suốt khóa học. Tiếp tục chia sẻ về chúng khi được yêu cầu trong các học phần khác.

BÀI TẬP 4: BIỂU ĐỒ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Mục tiêu chính của bài tập này là giới thiệu chủ đề biến đổi khí hậu và giúp học viên nhận thức được quá trình biến đổi khí hậu.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Đối với những học viên từ các vùng khí hậu khác nhau, bạn cũng có thể thực hiện bài tập trong các nhóm nhỏ hơn bằng cách xác định một người điều hành cho mỗi nhóm và thông báo cho họ về quá trình này.

Tài liệu: Giấy A0 với thẻ Hình ảnh về những thay đổi và tác động quan sát được liên quan đến khí hậu được dán lên giấy A0 như trong Hình 1-9 và bút.

Tiến trình:

Bước 1: Bắt đầu bằng việc thảo luận về thời tiết trong ngày, nếu nó đúng theo mùa hoặc nếu nó khác. Hỏi các học viên xem họ đã quan sát thấy những thay đổi như vậy của khí hậu trong thời gian vừa qua.

Bước 2: Sau khi một vài ví dụ được nêu ra, hãy trải giấy A0 lên tường và nói với họ rằng bạn muốn ghi lại những thay đổi này một cách có hệ thống hơn (bạn cũng có thể sử dụng

HÌNH 1-9: BẢNG VÍ DỤ VỀ LỊCH SỬ THỜI TIẾT

CĂNG THẲNG	10 NĂM TRƯỚC	TÌNH HÌNH HIỆN NAY
		
		
		
		
		

Ảnh (từ trên xuống dưới): VladisChern; egd; think4photop; Zenobillis; and Witsawat.S./Shutterstock.

bảng trắng có viết sẵn tiêu đề nếu nhóm có nhiều người sẵn sàng chia sẻ hơn).

Bước 3: Chỉ ra bức tranh về sự kiện khí hậu đầu tiên - nhiệt độ - và hỏi họ những thay đổi nào mà họ đã quan sát thấy về nhiệt độ trong khu vực của họ trong mười năm qua (nếu nhóm có sự kết hợp giữa người trẻ và người già, sẽ tốt hơn nếu hỏi cho những thay đổi trong 20-30 năm qua). Ghi lại những thay đổi mà họ đề cập. Hướng dẫn học viên đưa ra câu trả lời theo các chỉ số như được sử dụng trong Tài liệu phát 2. Câu trả lời sẽ xuất hiện như hình dưới đây:


Bước 4: Tương tự, chuyển sang các vấn đề khác khác. Đôi khi học viên có thể chuyển sang các vấn đề khác nhau trong cuộc thảo luận. Không sao cả, chỉ cần đảm bảo rằng bạn đã ghi nó vào đúng ô và không lặp lại ý đó.

Bước 5: Sau khi hoàn thành bảng này, yêu cầu các học viên chia sẻ chung về các câu trả lời. Đặt những câu hỏi như

- Bạn có thực sự quan sát thấy xu hướng thay đổi thời tiết trong những năm qua không?
- Đó chỉ là thời tiết hay nó đang ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh kế của bạn?
- Bạn nghĩ tại sao điều này lại xảy ra?

Kết luận: Kết thúc cuộc thảo luận bằng cách nói rằng đó được hiểu là biến đổi khí hậu - “những thay đổi trong điều kiện thời tiết theo mùa cụ thể ở một khu vực. Các nguyên nhân tự nhiên cũng góp phần vào sự thay đổi này, hoạt động của con người chịu trách nhiệm chính cho sự biến đổi khí hậu”

HÌNH 1-10: VÍ DỤ VỀ CÁC CÂU TRẢ LỜI CHO HOẠT ĐỘNG NÀY

	10 NĂM TRƯỚC	TÌNH HÌNH HIỆN NAY
	Trước đây chưa bao giờ vượt quá 40°C	Hiện tại nó vượt quá 45°C vào mùa hè
	Mùa hè cao điểm chỉ có ba tháng	Những tháng mùa hè cao điểm đã tăng lên năm tháng
	Nó thường mát hơn vào buổi tối	Nhiệt độ không giảm cho đến đêm muộn
	Giáng sinh (hoặc bất kỳ lễ hội địa phương nào) sẽ rất lạnh	Nó không quá lạnh trong những ngày đó

Ảnh: VladisChern/Shutterstock.

BÀI TẬP 5: CÁC KHÁI NIỆM GNRRTT/BĐKH VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU PHỤC HỒI

Mục tiêu chính của bài tập này là làm rõ một số khái niệm cốt lõi liên quan đến GNRRTT/BĐKH và Khả năng chống chịu phục hồi.

Vật liệu yêu cầu: Bóng bay, Ghim, Bóng cao su, Slinky (cuộn lò xo nảy), Ly nước, Mảnh giấy, Mảnh bìa cứng, Mảnh nhựa.

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành các cặp gồm hai hoặc nhóm ba người và đưa cho họ bản copy của một khái niệm từ Tài liệu phát tay 4. Yêu cầu họ đọc định nghĩa khái niệm và đưa ra một ví dụ để giải thích khái niệm. Cho họ 10 phút để thảo luận.

Bước 2: Yêu cầu học viên quay trở lại với toàn lớp và chia sẻ các ví dụ. Xác thực hoặc sửa các ví dụ nếu cần.

Bước 3: Nói với học viên rằng đôi khi không có thuật ngữ chính xác nào về mức độ phơi nhiễm, tính dễ bị tổn thương,

khả năng phục hồi và những điều tương tự trong hầu hết các ngôn ngữ Châu Á. Đôi khi rất khó để có cách hiểu giống nhau ở cấp độ cộng đồng. Có thể sử dụng một số ví dụ để giải thích điều này.

Bước 4: Lấy một cốc nước và một mảnh giấy. Bây giờ hãy hỏi các học viên điều gì sẽ xảy ra nếu bạn đổ nước này lên bất cứ thứ gì. Câu trả lời chung là nó sẽ bị ướt. Bây giờ hãy hỏi họ, điều gì sẽ xảy ra nếu bạn đổ nước trên sàn nhà. Nó sẽ ảnh hưởng đến mẫu giấy như thế nào? Nó sẽ không bị ướt. Tuy nhiên, nếu giấy được đặt ở nơi có nước đổ vào thì giấy sẽ bị ướt và sũng nước. Giải thích rằng đây chính là “Phơi nhiễm” - trạng thái ở một nơi mà khả năng tiếp xúc với một thứ gì đó không được che đậy là rất cao. Bây giờ hãy hỏi họ điều gì sẽ xảy ra nếu bạn đặt miếng nhựa lên tờ giấy và sau đó đổ nước vào. Kết quả là giấy sẽ không bị ướt. Giải thích rằng đây là “Tính nhạy cảm” - khả năng bị ảnh hưởng hoặc tổn hại bởi một điều cụ thể. Vì vậy, trong ví dụ trên, giấy không được che đậy dễ bị ướt/hỏng hơn.

Bước 5: Đưa ra một miếng bìa cứng và hỏi, nếu bạn đổ nước vào cả tờ giấy và bìa cứng thì điều gì sẽ xảy ra. Phản ứng sẽ là cả hai sẽ bị ướt; nhưng bìa cứng sẽ bị sũng nước như thế nào sẽ phụ thuộc vào lượng nước được đổ vào, rất ít nước

sẽ không làm hỏng bìa cứng như có thể làm hỏng giấy. Giải thích rằng đây là "Tính dễ bị tổn thương" - mức độ dễ bị ảnh hưởng. Tính dễ bị tổn thương cũng thường dựa trên lượng tiếp xúc.

Bước 6: Lấy ghim và quả bóng nhựa hoặc bóng tennis/quả bóng bay. Hỏi họ điều gì sẽ xảy ra khi bạn dùng ghim đâm vào quả bóng nhựa/bóng tennis và quả bóng bay. Quả bóng nhựa sẽ hấp thụ lực của ghim trong khi quả bóng bay sẽ nổ khi bị đâm. Giải thích rằng nếu bị đâm chích được coi là một "thảm họa", thì "khả năng phục hồi" là khả năng của chúng ta để hấp thụ cú sốc. Vì vậy, trong khi quả bóng bay không thể sống sót sau thảm họa, quả bóng nhựa có thể hấp thụ chấn động và do đó, có khả năng phục hồi cao hơn. Thêm rằng đây là những gì chúng tôi muốn đạt được thông qua xây dựng khả năng phục hồi - để tăng khả năng phục hồi. Sử dụng cuộn lò xo này để giải thích khái niệm "bật trở lại" - hoặc giữ lại vị trí ban đầu.

Kết luận: Kết thúc bài tập với ví dụ về bệnh tật. Giải thích về việc khi hai người đi chợ về và trời đổ mưa đột ngột thì cả hai đều hứng nước mưa. Tuy nhiên, nếu một người mở ô,

thì khả năng anh ta/cô ta bị ướt sẽ giảm và do đó, khả năng bị ốm cũng sẽ giảm theo. Hơn nữa, ngay cả khi cả hai đều bị ướt, thì tuổi tác, sức khỏe và thể lực, và các yếu tố khác cũng sẽ là các thông số khác nhau xác định mức độ dễ bị bệnh của người đó. Những thông số tương tự này cùng với khả năng (khả năng phục hồi) như khả năng tiếp cận các cơ sở y tế, chế độ dinh dưỡng tốt và nghỉ ngơi sẽ xác định mức độ nhanh chóng mà một người có thể trở lại trạng thái khỏe mạnh.

TRAINER'S TIP



Nếu có sẵn máy tính xách tay, bạn cũng có thể thực hiện bài tập này trên máy tính bằng cách sử dụng bản mềm của ảnh để tiết kiệm giấy.

BÀI TẬP 6: CÁC THỂ ĐỐI SÁNH CHO VAI TRÒ GIỚI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG KHÁC BIỆT CỦA GNRRTT/BĐKH

Mục tiêu chính của bài tập này là giúp học viên hiểu các vai trò giới hiện có và các tác động khác nhau của GNRRTT/BĐKH

Vật liệu Yêu cầu: Thẻ có ghi các vai trò giới khác nhau (Tham khảo Tài liệu phát 4 để biết các vai trò khác nhau, Không viết giới tính trên thẻ.), Giấy A0 khổ lớn, Keo dán, Băng keo.

Tiến trình:

Bước 1: Dán giấy A0 lên tường. Chia nó thành các cột và nhiều hàng như hình dưới đây:

HÌNH 1-11: BIỂU MẪU CHO HOẠT ĐỘNG 6

LĨNH VỰC	VAI TRÒ GIỚI		TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG THEO GIỚI
NƯỚC	Nam giới			
	Phụ nữ			
THỰC PHẨM	Nam giới			
	Phụ nữ			
CHĂN NUÔI	Nam giới			
	Phụ nữ			
NĂNG LƯỢNG	Nam giới			
	Phụ nữ			

Bước 2: Phát phiếu vai trò giới cho học viên. Yêu cầu họ đặt các thẻ vào cột nam hoặc nữ dựa trên vai trò giới thường gắn với nam và nữ ở quốc gia đó. Nói với họ rằng họ phải thảo luận theo nhóm và sau đó dán thẻ vào hàng liên quan đến lĩnh vực cụ thể. Chờ 15 phút để học viên dán tất cả các thẻ

Bước 3: Hãy hỏi họ xem họ nghĩ Biến đổi khí hậu sẽ tác động đến lĩnh vực cụ thể như thế nào. Ví dụ, nước hoặc an ninh lương thực hoặc năng lượng. Sau đó hỏi tác động này sẽ ảnh hưởng đến nam giới như thế nào và ảnh hưởng đến phụ nữ như thế nào. Viết câu trả lời vào các ô tương ứng. Làm tương tự cho một vài lĩnh vực và sau đó đưa cho họ bản sao của Tài liệu phát 4 để đọc thêm. Nói với họ rằng họ sẽ thảo luận chi

tiết hơn về vấn đề này trong phiên tiếp theo.

Kết luận: Kết thúc bằng cách nhắc lại quan điểm rằng các vai trò giới hiện có trong xã hội sẽ dẫn đến việc nam giới và phụ nữ bị tác động khác nhau bởi biến đổi khí hậu và thiên tai.

BÀI TẬP 7: KHUNG MOSER VỀ LẬP BẢN ĐỒ RỦI RO KHÍ HẬU TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập là hiểu cơ bản về mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và vai trò giới gắn với phụ nữ.

Vật liệu: Giấy khổ to và bút

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành bốn nhóm. Cố gắng duy trì sự đồng nhất trong các nhóm càng nhiều càng tốt. Bây giờ, yêu cầu mỗi nhóm suy nghĩ về một loại nghề nghiệp đặc biệt của phụ nữ trung niên, người có lối sống mà hầu hết các thành viên trong nhóm đều biết. Họ có thể chọn từ các danh mục - nông dân, ngư dân, người làm nghề chăn nuôi, bán hàng rong, công nhân tại nhà, công nhân may mặc. Yêu cầu họ thu hẹp vị trí địa lý của người phụ nữ này.

Bước 2: Yêu cầu mỗi nhóm liệt kê tất cả các hoạt động hàng ngày do người phụ nữ này thực hiện trong khoảng thời gian 24 giờ. Yêu cầu họ liệt kê tất cả các hoạt động trong tất cả các mùa liên quan đến yêu cầu công việc của người phụ nữ này.

Bước 3: Yêu cầu nhóm liệt kê các hoạt động trên theo bảng như sau:

Giải thích sự khác biệt giữa các hoạt động khác nhau - sản xuất hoặc tạo thu nhập là những hoạt động kiếm được tiền cho họ như trồng trọt, nuôi dê, sữa, tiếp thị cá, cắt may, quản lý thức ăn gia súc, thu hái lâm sản, nuôi ong và những thứ tương tự. Yêu cầu họ tính cả các hoạt động mà phụ nữ không được trả lương trực tiếp nhưng những hoạt động này đóng góp vào thu nhập chung của hộ gia đình. Các hoạt động nội trợ bao gồm tất cả những công việc cần làm để vận hành gia đình của họ bao gồm nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, lấy nước, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người già, chăm sóc người bệnh và những hoạt động tương tự. Các hoạt động xã hội bao gồm tham gia vào các lễ hội chung, đám cưới, đám tang, các cuộc họp cộng đồng và những hoạt động tương tự.

Yêu cầu học viên đặt câu hỏi nếu chưa rõ. Ví dụ, các học viên thường nghĩ các hoạt động của phụ nữ như dọn dẹp chuồng trại hoặc vắt sữa động vật là công việc gia đình, trong khi chúng thực sự nên được coi là hoạt động sản xuất. Yêu cầu họ để trống một cột ở giữa mỗi nhóm vì cột này sẽ được sử dụng trong phần sau của bài tập.

Bước 4: Yêu cầu học viên phân tích những vấn đề nổi lên và liệt kê các vấn đề. Ví dụ

- Công việc sản xuất của phụ nữ phần lớn không được công nhận và không được trả công.

HÌNH 1-12: BIỂU MẪU KHUNG MOSER CHO HOẠT ĐỘNG 7

THỜI GIAN TRONG NGÀY	HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN THU NHẬP/SẢN XUẤT		HOẠT ĐỘNG NỘI TRỢ/TÁI SẢN XUẤT		VAI TRÒ XÃ HỘI/NGHĨ NGÔI	
4-8H SÁNG						
8H SÁNG ĐẾN TRƯA						
TRƯA – 4H CHIỀU						
4H CHIỀU – 8H TỐI						
8H TỐI - ĐÊM						

- Nhìn chung, phụ nữ làm nhiều việc hơn và có ít thời gian để giải trí.
- Phụ nữ đóng vai trò ít hoặc không có vai trò trong hoạt động quản lý cộng đồng, và đây là lĩnh vực để đưa ra các quyết định và những điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

yêu cầu họ đánh dấu rủi ro nào sẽ ảnh hưởng đến các vai trò khác nhau của phụ nữ. Đây là những lĩnh vực mà họ thấy họ có thể thảo luận về sự liên quan giữa vai trò giới các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu. Họ cũng có thể xác định nhiều rủi ro khí hậu cho cùng một công việc. Điều này có thể được tích hợp vào biểu đồ trước đó như thể hiện trong ví dụ tiếp theo:

Bước 5: Yêu cầu họ liệt kê các rủi ro khí hậu khác nhau trong khu vực của họ. Có thể dùng bản tóm tắt từ phiên trước về rủi ro khí hậu. Khi họ đã xác định được tất cả các rủi ro, hãy

HÌNH 1-13: BIỂU MẪU KHUNG MOSER ĐƯỢC CẬP NHẬT PHẦN RỦI RO KHÍ HẬU

THỜI GIAN TRONG NGÀY	HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN THU NHẬP/SẢN XUẤT	RỦI RO KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG VIỆC	HOẠT ĐỘNG NỘI TRỢ/TÁI SẢN XUẤT	RỦI RO KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG VIỆC	VAI TRÒ XÃ HỘI/NGHỈ NGƠI	RỦI RO KHÍ HẬU/KHÔNG GIAN CHO HÀNH ĐỘNG KHÍ HẬU
4-8h sáng			Đi lấy nước	Thiếu nước		
8h sáng đến trưa	Cho gia súc ăn	Nắng nóng			Chăm sóc người ốm	Rủi ro sức khỏe
Trưa – 4h chiều	Chăm sóc lúa	Nắng nóng			Tham gia họp cộng đồng	Lên kế hoạch GNRRTT
4h chiều – 8h tối	May	Nóng Lũ lụt	Nấu ăn	Thiếu nhiên liệu		
8h tối - đêm					Ngủ	Nóng Thiếu nhiên liệu

Bước 6: Yêu cầu học viên thảo luận về những ý sau trong nhóm và trình bày lại trước toàn thể lớp họ theo biểu mẫu gợi ý

HÌNH 1-14: BIỂU MẪU CHO HOẠT ĐỘNG 7



Kết luận: Kết luận rằng “Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng không cân bằng đến phụ nữ, đặc biệt là những người thuộc các cộng đồng nghèo hơn và bị thiệt thòi hơn. Cần có sự tham gia của phụ nữ từ các cộng đồng này vào quá trình GNRRTT và các quá trình thích ứng/chống chịu với biến đổi khí hậu, để các đánh giá nhu cầu trở nên thực tế hơn và các kế hoạch của địa phương mang tính bao trùm hơn về giới”. Cũng nói với họ rằng Caroline Moser đã phát minh ra khung phân tích giới này vào năm 1979 và chúng tôi đang sử dụng một phiên bản đơn giản hóa, được điều chỉnh để chúng ta tham khảo.

TRAINER'S TIP

Instead of asking them to read the cases, you can also show them these short films and reflect. Divide them into two groups instead of three and share the links for these short videos to be seen on mobile phones.

- She is the Change at <https://youtu.be/1FN0k84DUB8> (Nepal Forestry Case).
- SWaCH Pune Seva Sahakari Sanstha at <https://www.youtube.com/watch?v=ybhX9e0K8KY> (India Waste Management Case).

BÀI TẬP 8: RÀ SOÁT TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH VỀ PHỤ NỮ VỚI TƯ CÁCH LÀ TÁC NHÂN CỦA SỰ THAY ĐỔI

Mục tiêu chính của bài tập này là làm nổi bật vai trò tích cực của phụ nữ trong việc xây dựng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai.

Vật liệu Yêu cầu: Bản copy trường hợp điển hình từ Tài liệu 5

- Có bất kỳ yếu tố tiếp cận dựa trên quyền/Không để ai lại phía sau nào được đưa vào trong các dự án này không?

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành ba nhóm và phát cho họ một câu chuyện về trường hợp bất kỳ từ Tài liệu 5 để đọc và thảo luận. Hãy cho họ 15 phút cho việc này.

Bước 2: Yêu cầu họ thảo luận cụ thể về các câu hỏi sau:

- Họ thấy vai trò của phụ nữ trong các dự án này như thế nào?
- Những vai trò này khác với các vai trò giới hiện có như thế nào?
- Các dự án này giải quyết các khoảng cách theo giới như thế nào?

Bước 3: Hãy cho họ 30 phút để thảo luận về những câu hỏi này và sau đó quay lại thảo luận chung. Cho mỗi nhóm năm phút để trình bày.

Kết luận: Kết thúc bằng cách tóm tắt rằng “Phụ nữ cũng đi đầu trong việc chống lại biến đổi khí hậu và giúp cộng đồng của họ thích ứng với những thay đổi của môi trường. Ngày càng có nhiều bằng chứng rằng nếu phụ nữ được trao quyền để tạo ra các thể chế nhằm mở rộng tài sản, cơ quan đại diện và cơ hội của chính họ, gia đình và cộng đồng của họ, điều này có thể đóng vai trò như một bàn đạp mạnh mẽ để xây dựng khả năng chống chịu với khí hậu nói chung”.

KIỂM TRA KIẾN THỨC

CÂU NÓI	ĐÚNG	SAI
1. Quyền con người được Chính phủ đảm bảo và do đó chỉ áp dụng cho các công dân.		✓
2. Một số quyền con người quan trọng hơn những quyền khác.		✓
3. Tăng trưởng kinh tế là chìa khóa của sự phát triển và sẽ giải quyết mọi hình thức bất bình đẳng.		✓
4. Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập nhiều hơn các dạng bất bình đẳng khác.		✓
5. Phụ nữ dễ bị tổn thương hơn trước biến đổi khí hậu	✓	
6. Tất cả phụ nữ và trẻ em gái sẽ bị tác động như nhau bởi biến đổi khí hậu		✓
7. Sản lượng gạo ở châu Á sẽ tăng lên khi trái đất nóng lên.		✓
8. GNRRTT và Thích ứng BĐKH là các thuật ngữ giống nhau và có thể được sử dụng thay thế cho nhau.		✓
9. Phụ nữ và trẻ em có nguy cơ tử vong gấp 10 lần so với nam giới trong các thảm họa.	✓	
10. Tài chính Khí hậu sẽ không ảnh hưởng đến tài chính phát triển.		✓

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

- Aguilar Revelo, L. (2009). *Tài liệu tập huấn về Giới và Biến đổi khí hậu*. IUCN, UNDP và GGCA. Truy cập tại <https://portals.iucn.org/library/sites/library/files/documents/2009-012.pdf>
- Dankelman, I. (2016). *Hành động chứ không phải lời nói: Giải quyết Bất bình đẳng giới thông qua Hành động Biến đổi Khí hậu và Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai ở Châu Á: Tổng quan về tiến bộ ở Châu Á với bằng chứng từ Bangladesh, Campuchia và Việt Nam*. Văn phòng UN Women khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. Truy cập tại http://www.wocan.org/sites/default/files/ActionNotWords_CCDRR_130317-s.pdf
- Liên minh Giới và Khí hậu Toàn cầu. (2016). *Giới và Biến đổi khí hậu: Xem xét kỹ hơn các bằng chứng hiện có*. WEDO, Oak Foundation, GGCA. Truy cập tại <https://wedo.org/wp-content/uploads/2016/11/GGCA-RP-FINAL.pdf>
- Nellemann, C., Verma, R., and Hislop, L. (2011). *Phụ nữ ở tuyến đầu của biến đổi khí hậu: Rủi ro giới và hy vọng. Đánh giá ứng phó nhanh*. Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc. Truy cập tại https://www.ipcc.ch/apps/njlite/ar5wg2/njlite_download2.php?id=9719
- OHCHR. (2015). *Hiểu biết về Quyền con người và Biến đổi khí hậu*. Văn phòng Cao ủy Quyền con người. Truy cập tại <https://www.ohchr.org/Documents/Issues/ClimateChange/COP21.pdf>
- Oppenheimer, M., M. Campos, R. Warren, J. Birkmann, G. Luber, B. O'Neill, and K. Takahashi. (2014). *Các rủi ro và các lỗ hổng chính. Trong: Biến đổi khí hậu 2014: Tác động, Thích ứng và Tính dễ bị tổn thương. Phần A: Toàn cầu*. Nhà xuất bản Đại học Cambridge. Lấy ra từ https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/WGIIAR5-Chap19_FINAL.pdf

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____ KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



A large grid of small dots covering the majority of the page, intended for taking notes.

CÁC KHÁI NIỆM VÀ
THUẬT NGỮ VỀ GIỚI

TÀI LIỆU PHÁT TAY

MÔ ĐUN

1

<p>GIỚI VÀ GIỚI TÍNH</p>	<p>GIỚI TÍNH đề cập đến các đặc điểm sinh học, thường xác định con người là nam hay nữ. Những điều này chủ yếu dựa trên di truyền, giải phẫu, sinh lý và khả năng sinh sản. Nó mang tính phổ biến, tự nhiên (con người sinh ra đã có), có tính lịch sử và hầu như không thay đổi, nếu không có điều trị y tế và/hoặc phẫu thuật.</p>
	<p>GIỚI đề cập đến tập hợp các vai trò và trách nhiệm do xã hội quy định liên quan đến việc trở thành con gái và con trai hoặc phụ nữ và nam giới, giới tính thứ ba hoặc giới tính khác. Nó bao gồm các đặc điểm và cơ hội kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa, liên quan đến những nhóm người nhất định dựa trên giới tính và tính dục của họ.</p> <p>Giới được học theo thời gian do kết quả của các quá trình xã hội hóa, vai trò giới rất khác nhau trong các xã hội, nền văn hóa và giai đoạn lịch sử khác nhau. Chúng còn phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế xã hội, tuổi tác, học vấn, dân tộc và tôn giáo. Mặc dù có nguồn gốc sâu xa, vai trò giới có thể thay đổi theo thời gian, vì các giá trị và chuẩn mực xã hội không cố định.</p>
<p>VÍ DỤ: Chỉ phụ nữ mới sinh được con và cho con bú. Đây là một sự khác biệt liên quan đến giới tính. Mặt khác, kỳ vọng nam giới trở thành người cung cấp kinh tế cho gia đình và phụ nữ trở thành người chăm sóc gia đình là một chuẩn mực giới, mặc dù phổ biến ở nhiều nền văn hóa, nhưng lại không phải là phổ quát.</p>	<p>ĐIỂM THẢO LUẬN THỰC TẾ-</p> <ul style="list-style-type: none"> > Khi mới sinh, sự khác biệt về đặc điểm sinh học giữa con trai và con gái là giới tính. Tuy nhiên, những đặc điểm sinh học này không loại trừ lẫn nhau và có những cá thể có cả đặc điểm nam và nữ. > Khi con người lớn lên, xã hội trao cho họ những vai trò, đặc điểm, cơ hội, đặc quyền và quyền lợi khác nhau, cuối cùng tạo ra sự khác biệt về mặt xã hội giữa nam và nữ. > Xu hướng tính dục, trong khi thường đề cập đến các điểm hấp dẫn tình dục hoặc lãng mạn của một người, cũng bao gồm bản dạng tình dục, hành vi tình dục và ham muốn tình dục.
<p>CHUYỂN GIỚI VÀ SỰ ĐAN XEN</p>	<p>CHUYỂN GIỚI là một thuật ngữ chung dùng để chỉ những cá nhân không xác định giới tính của mình giống giới tính họ khi sinh ra hoặc người có giới tính hoặc hành vi nằm ngoài các chuẩn mực giới tính khuôn mẫu.</p>
	<p>LIÊN GIỚI TÍNH, đề cập đến sự biến đổi sinh học về các đặc điểm giới tính, bao gồm nhiễm sắc thể, tuyến sinh dục và/hoặc bộ phận sinh dục không cho phép một cá nhân được xác định rõ ràng là nữ/nam khi sinh ra. Những người này bao gồm đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, lưỡng tính và chuyển giới.</p>
	<p>CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH, là những người xác định vai trò giới khác hoàn toàn với giới tính được chỉ định khi sinh và tìm cách sống lâu dài với vai trò giới mà họ mong muốn. Những người chuyển giới có thể có ý định trải qua, đang trải qua hoặc đã trải qua quá trình điều trị chuyển đổi giới tính (có thể có hoặc không liên quan đến liệu pháp hoóc môn hoặc phẫu thuật).</p>
	<p>TÍNH ĐAN XEN vượt ra ngoài quan niệm truyền thống về giới tính nhị phân - nam và nữ - và xem xét các hình thức phân biệt xã hội khác kết hợp, chòng chéo hoặc đan xen với phân biệt giới tính hiện có. Tính đan xen thừa nhận rằng các dấu hiệu nhận dạng (ví dụ: "nữ" và "có năng lực khác biệt") không tồn tại độc lập với nhau và điều này có tác động đến điều kia, thường tạo ra sự phức tạp của phân biệt đối xử. Sử dụng khung phân biệt đối xử đan xen có nghĩa là thừa nhận rằng một người hoặc một nhóm người bị ảnh hưởng bởi một số phân biệt đối xử và thường chịu nhiều nguồn áp bức: chủng tộc, giai cấp, đẳng cấp, bộ tộc, bản dạng giới, xu hướng tình dục, tôn giáo và bản sắc khác của họ.</p>
<p>VÍ DỤ: Nói một cách đơn giản, điều này có nghĩa là không thể mở xẻ sự phân biệt đối xử mà một phụ nữ khuyết tật phải đối mặt dựa trên tình trạng khuyết tật và giới tính của cô ấy, hai hình thức phân biệt đối xử này không chỉ cộng dồn mà còn khiến người đó rơi vào tình thế bất lợi hơn. Một ví dụ khác về tình trạng đan xen trong phân biệt đối xử là việc các cặp đôi đồng giới nữ được quyền cả nhận con nuôi và thụ tinh nhân tạo, trong khi thông thường các cặp đồng giới nam giới chỉ được phép nhận con nuôi.</p>	<p>ĐIỂM QUAN TRỌNG -</p> <ul style="list-style-type: none"> > Tất cả các cuộc khảo sát/bảng câu hỏi nên bao gồm lựa chọn giới tính thứ ba ngoài phụ nữ/nam giới (ví dụ: 'khác/không có', 'bản dạng giới khác' hoặc 'giới tính khác'). > Cũng tự hỏi bản thân những yếu tố cơ bản nào khác có thể liên quan (ví dụ: tuổi, chủng tộc, khu vực cư trú, dân tộc, tình trạng khuyết tật). > Trong khi lấy dữ liệu để phân tích từ các cơ quan khác, đặc biệt là chính phủ, hãy nhấn mạnh vào dữ liệu được phân tách không chỉ theo giới tính mà còn theo các biến số xã hội và giới tính khác.

**DỊ TÍNH LUYẾN ÁI
VÀ KỶ THỊ ĐỒNG TÍNH**

CHỦ NGHĨA DỊ TÍNH là giả định rằng tất cả mọi người đều là người dị tính và / hoặc niềm tin rằng những người dị tính có bản chất vượt trội hơn những người đồng tính và song tính. Nó dựa trên ý nghĩ rằng các mối quan hệ và cảm xúc lãng mạn và/hoặc tình dục giữa nam và nữ là được chấp nhận, và tất cả các mối quan hệ hoặc tình cảm khác đều không thể chấp nhận hoặc nằm ngoài "chuẩn mực".

KỶ THỊ ĐỒNG TÍNH là nỗi sợ hãi, ác cảm hoặc phân biệt đối xử phi lý đối với người đồng tính hoặc hành vi hoặc văn hóa của người đồng tính. Kỳ thị đồng tính cũng đề cập đến sự ghê tởm bản thân của những người đồng tính luyến ái, cũng như nỗi sợ hãi của những người đàn ông hoặc phụ nữ không sống theo tiêu chuẩn của xã hội về thể nào là "một người đàn ông đích thực" hoặc "một người phụ nữ đích thực".

VÍ DỤ:

Với những người theo chủ nghĩa dị tính – từ "đồng tính" được sử dụng theo cách tiêu cực (ví dụ: "thật đồng tính") ở trường học và văn phòng. Có nhà vệ sinh công cộng riêng biệt, dành riêng cho nam và nữ, nhưng không có nhà vệ sinh cho người chuyển giới. Tương tự là trường hợp của các cơ sở tránh trú khi thiên tai. Phụ nữ đồng tính nữ và song tính thường ít khi được làm xét nghiệm tế bào cổ tử cung hơn so với phụ nữ nói chung. Kỳ thị đồng tính bao gồm các phạm tội do thù hận xu hướng tình dục của nạn nhân, và cả tình trạng lạm dụng trong gia đình mà những người đồng tính và song tính phải đối mặt.

ĐIỂM VẬN DỤNG -

- > Xác định nhóm dân số chuyển giới trong cộng đồng của bạn và hỗ trợ họ.
- > Tạo các nhóm hỗ trợ đặc biệt cho họ để tiếp cận với giáo dục, chăm sóc sức khỏe và trong các hoạt động cứu trợ thiên tai.

Điều chỉnh và đối chiếu từ nhiều nguồn

KHOẢNG CÁCH TRONG KINH TẾ
BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ KINH TẾ



Khoảng cách giới trong trả lương ở toàn cầu là **16%**, ở một số quốc gia phụ nữ được trả thấp hơn **35%** so với nam giới

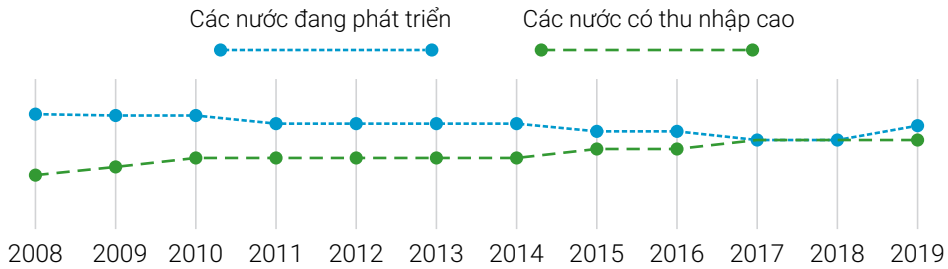


740 triệu

phụ nữ làm việc trong nền kinh tế phi chính thức trên toàn cầu

Với mỗi một đồng Đô la nam giới kiếm được, phụ nữ kiếm được...

TRẢ LƯƠNG CÔNG BẰNG CHO CÔNG VIỆC NHƯ NHAU



Lương công bằng cho công việc tương tự đã tăng ở các nước có thu nhập cao, và giảm ở các nước đang phát triển



Thu nhập trung bình của phụ nữ

11,5 nghìn/năm



Thu nhập trung bình của nam giới

21,5 nghìn/năm

Khoảng cách ở nơi làm việc



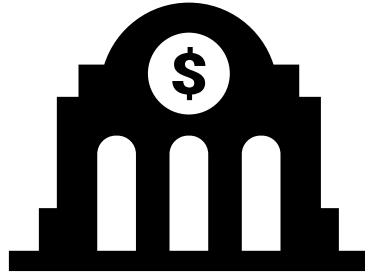
Nguồn: Đồ họa thông tin được truy xuất và điều chỉnh từ Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu, 2020 (WEF 2020) và Tóm tắt chính sách: Tác động của COVID-19 đối với phụ nữ (UN Women 2020b).

ĐỒ HỌA THÔNG TIN VỀ KHOẢNG CÁCH GIỚI

KHOẢNG CÁCH TRONG GIÁO DỤC

Toàn cầu

65%
phụ nữ



Có tài **khoảng** tại ngân hàng/tổ chức tài chính Năm 2017, so với



72%
Nam giới

Trên toàn cầu, phụ nữ từ **25 đến 34** tuổi có khả năng sống trong nghèo đói cùng cực cao hơn **25%** so với nam giới



125 phụ nữ

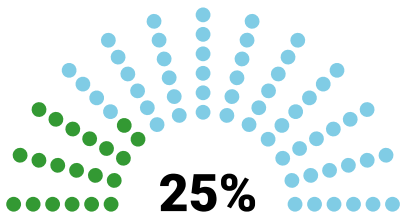


100 nam giới

BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ KINH TẾ

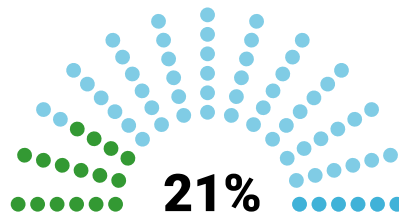
Trao quyền chính trị cho phụ nữ

Toàn cầu (153 quốc gia)
Quốc hội (ghế trong hạ viện)



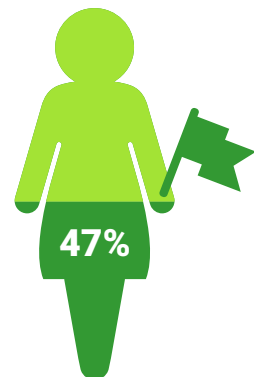
Tỉ lệ nữ đại biểu quốc hội

Các bộ trên toàn cầu (153 quốc gia)



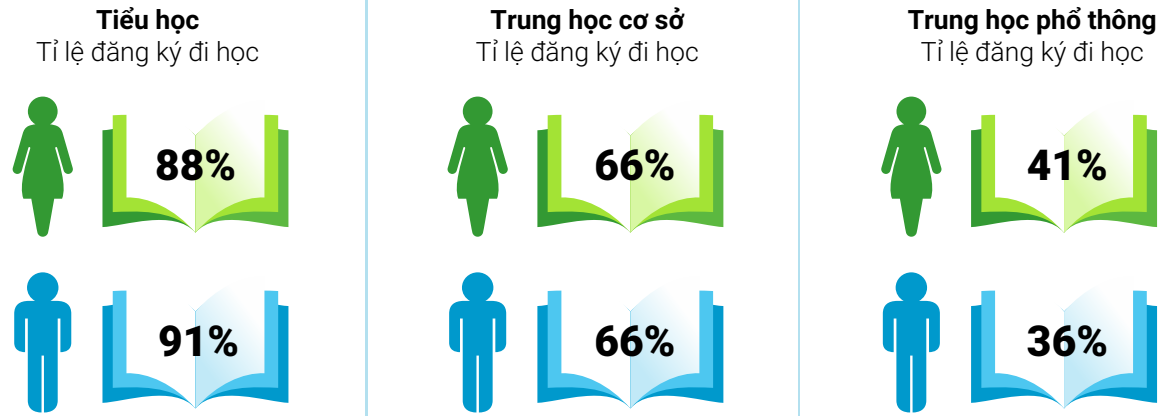
Tỉ lệ nữ bộ trưởng

Phần trăm các quốc gia có phụ nữ là lãnh đạo 1 nhất một lần trong vòng 50 năm qua



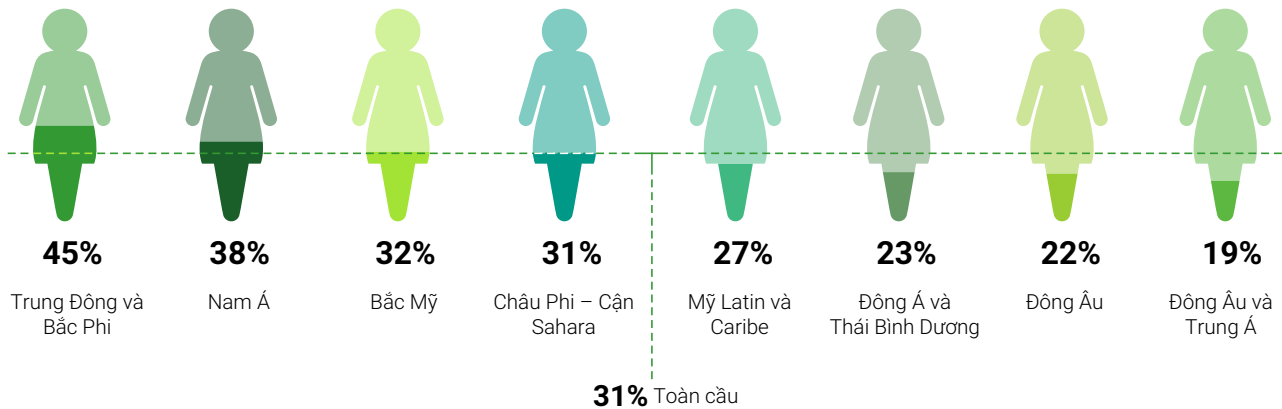
ĐỒ HỌA THÔNG TIN VỀ KHOẢNG CÁCH GIỚI

KHOẢNG CÁCH TRONG GIÁO DỤC



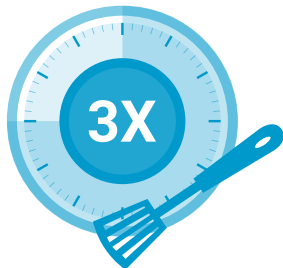
BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI

Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể chất và tình dục từ bạn tình



VAI TRÒ CHĂM SÓC

Số giờ phụ nữ sử dụng để làm công



việc chăm sóc và nội trợ không được trả công nhiều hơn nam giới gấp 3 lần. Điều này hạn chế tiếp cận của họ

Nhiều nam giới từ 25-45 tuổi trong **lực lượng lao động** hơn phụ nữ



THAY ĐỔI VÀ TÁC ĐỘNG KHÍ HẬU QUAN SÁT ĐƯỢC

SỰ THAY ĐỔI VỀ KHÍ HẬU	NHỮNG THAY ĐỔI VỀ KHÍ HẬU CÓ THỂ QUAN SÁT VÀ TIỀM NĂNG	RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN
<p>NHIỆT ĐỘ KHẮC NGHIỆT VÀ SỰ GIA TĂNG NHIỆT ĐỘ</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nhiều ngày có nhiệt độ cao/ khắc nghiệt; Thêm sóng nhiệt Nhiều ngày có nhiệt độ thấp/ khắc nghiệt; Nhiều đợt lạnh hơn Rất có thể các đợt nắng nóng sẽ xảy ra thường xuyên hơn và kéo dài hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ tử vong và tỷ lệ mắc bệnh trong thời kỳ nắng nóng khắc nghiệt, đặc biệt đối với các nhóm dân cư thành thị dễ bị tổn thương như những người sống trong những ngôi nhà nhỏ tồi tàn, những người làm việc ngoài trời ở khu vực thành thị hoặc nông thôn, người lớn tuổi và những người có vấn đề sức khỏe từ trước. Rủi ro từ các bệnh truyền nhiễm phát sinh do môi trường chăn nuôi do điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thay đổi. Giảm nguồn nước mặt và nước ngầm có thể tái tạo ở hầu hết các vùng cận nhiệt đới khô hạn
<p>THAY ĐỔI VỀ LƯỢNG MƯA</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tăng số ngày khô hạn; Thời gian khô hạn dài hơn Tăng lượng mưa mùa đông Tăng các trận mưa lớn trong một khoảng ngắn ngày hơn Mùa mưa bắt đầu muộn hơn Có nhiều khả năng hiện tượng mưa cực lớn sẽ trở nên dữ dội hơn và thường xuyên hơn trong tương lai. 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng tình trạng mất an ninh lương thực và sự phá vỡ hệ thống lương thực liên quan đến tình trạng nóng lên, hạn hán, lũ lụt, biến đổi lượng mưa và các hiện tượng cực đoan, đặc biệt đối với những nhóm dân cư nghèo hơn ở thành thị và nông thôn. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh kế bị gián đoạn đối với các nhóm dân cư đô thị lớn do lũ lụt cục bộ ở một số vùng Mất sinh kế và thu nhập ở nông thôn do không được tiếp cận đủ nước tưới và giảm năng suất nông nghiệp, đặc biệt đối với nông dân và những người chăn nuôi gia súc có rất ít vốn ở các vùng bán khô hạn
<p>NGẬP LỤT VEN BIỂN VÀ MỤC NƯỚC BIỂN DÂNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các hệ thống ven biển và các vùng trũng thấp sẽ ngày càng bị nhấn chìm, lũ lụt và xói mòn do nước biển dâng Add likelihood from IPCC 	<ul style="list-style-type: none"> Tử vong, thương tật, sức khỏe kém hoặc bị gián đoạn sinh kế ở các vùng đất trũng ven biển và các quốc gia đảo và đảo nhỏ đang phát triển do nước dâng do bão, lũ lụt ven biển và nước biển dâng. Các hệ sinh thái biển, đặc biệt là các rạn san hô và các hệ sinh thái vùng cực, có nguy cơ bị axit hóa đại dương. Mất các hệ sinh thái biển và ven biển, đa dạng sinh học, mất sản phẩm, chức năng và dịch vụ của hệ sinh thái giúp cung cấp sinh kế ven biển, đặc biệt là cho các cộng đồng ngư dân.
<p>LỐC XOÁY</p>	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi tần suất và cường độ của lốc xoáy Add likelihood from IPCC 	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro về sức khỏe do không đủ nước uống và nước sinh hoạt và suy giảm chất lượng nước dẫn đến các bệnh về nước Rủi ro hệ thống do các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt dẫn đến phá vỡ hệ thống cơ sở hạ tầng và các dịch vụ quan trọng như điện, nước, các dịch vụ y tế và khẩn cấp Nguy cơ mất các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, mất đa dạng sinh học và sản phẩm, chức năng và dịch vụ từ hệ sinh thái mà hiện đang là nguồn cung cấp sinh kế cho người dân.

Nguồn: (Các rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương mới nổi IPCC, 2014) (IPCC AR 5 2015)

CÁC KHÁI NIỆM GNRRTT VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI, THÍCH NGHI

KHÁI NIỆM	ĐỊNH NGHĨA
KHÍ HẬU	<p>Khí hậu theo nghĩa hẹp thường được định nghĩa là thời tiết trung bình, hay nói một cách chặt chẽ hơn, là mô tả thống kê về giá trị trung bình và sự biến đổi của các đại lượng có liên quan, trong một khoảng thời gian từ hàng tháng đến hàng nghìn hoặc hàng triệu năm. Theo định nghĩa của Tổ chức Khí tượng Thế giới, sự biến đổi là 30 năm. Các đại lượng liên quan thường là các hiện tượng bề mặt như nhiệt độ, lượng mưa và gió. Khí hậu theo nghĩa rộng hơn là trạng thái khí hậu, bao gồm một mô tả thống kê về hệ thống khí hậu.</p>
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	<p>Biến đổi khí hậu đề cập đến sự thay đổi trong trạng thái khí hậu có thể được xác định (ví dụ, bằng cách sử dụng các thử nghiệm mang tính thống kê) thông qua những thay đổi về giá trị trung bình và / hoặc sự biến đổi của các đặc tính khí hậu và tồn tại trong một thời gian dài, thường là nhiều thập kỷ hoặc lâu hơn.</p> <p>Tuy nhiên, UNFCCC tập trung vào biến đổi khí hậu do các hoạt động của con người và định nghĩa đó là sự thay đổi khí hậu do hoạt động của con người trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi thành phần của bầu khí quyển toàn cầu, và sự thay đổi này có thể quan sát được khi so với sự biến đổi khí hậu tự nhiên trong một khoảng thời gian tương đương.</p>
NÓNG LÊN TOÀN CẦU	<p>Sự nóng lên toàn cầu đề cập đến sự gia tăng dần dần nhiệt độ bề mặt toàn cầu, được quan sát hoặc được dự, như một trong những hậu quả của bức xạ từ phát thải do con người gây ra.</p>
THIÊN TAI	<p>Những thay đổi nghiêm trọng trong hoạt động bình thường của một cộng đồng hoặc một xã hội do các sự kiện vật lý nguy hiểm tương tác với các điều kiện xã hội dễ bị tổn thương, dẫn đến các tác động bất lợi trên diện rộng về con người, vật chất, kinh tế hoặc môi trường, đòi hỏi phản ứng khẩn cấp ngay lập tức để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của con người và có thể yêu cầu các tổ chức bên ngoài hỗ trợ phục hồi.</p> <p>UNISDR (2017) định nghĩa đó là sự gián đoạn nghiêm trọng hoạt động của một cộng đồng hoặc một xã hội ở bất kỳ quy mô nào do các sự kiện nguy hiểm tương tác với các điều kiện phơi nhiễm, tính dễ bị tổn thương và năng lực, dẫn đến tổn thất và tác động trong một hoặc nhiều các lĩnh vực sau: con người, vật chất, kinh tế và môi trường.</p>
MỐI NGUY HIỂM	<p>Khả năng xảy ra một sự kiện hoặc xu hướng tác động vật lý, do tự nhiên hoặc con người gây ra có thể gây ra thiệt hại về tính mạng, thương tật hoặc các tác động sức khỏe khác, cũng như thiệt hại và tổn thất đối với tài sản, cơ sở hạ tầng, sinh kế, cung cấp dịch vụ, hệ sinh thái và môi trường tài nguyên. Trong báo cáo này, thuật ngữ mối nguy hiểm thường đề cập đến các sự kiện hoặc xu hướng vật lý liên quan đến khí hậu hoặc các tác động vật lý của chúng.</p> <p>UNISDR (2017) định nghĩa nó là một quá trình, hiện tượng hoặc hoạt động của con người có thể gây ra thiệt hại về tính mạng, thương tật hoặc các tác động sức khỏe khác, thiệt hại tài sản, gián đoạn xã hội và kinh tế hoặc suy thoái môi trường.</p>
RỦI RO	<p>Khả năng xảy ra hậu quả khi thứ gì đó có giá trị đang bị đe dọa và có thể chưa chắc gây ra hậu quả, nhưng có thể nhận thấy sự đa dạng của giá trị. Rủi ro thường được biểu thị bằng xác suất hoặc khả năng xảy ra các sự kiện hoặc xu hướng thảm họa nhân với các tác động nếu các sự kiện hoặc xu hướng này xảy ra. Trong báo cáo này, thuật ngữ Rủi ro thường được sử dụng để chỉ khả năng gây ra những hậu quả bất lợi đối với cuộc sống, sinh kế, sức khỏe, hệ sinh thái và các loài, tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ môi trường) và cơ sở hạ tầng.</p> <p>Rủi ro thiên tai là thiệt hại tiềm ẩn về tính mạng, thương tật, phá hủy hoặc làm hỏng tài sản có thể xảy ra đối với hệ thống, xã hội hoặc cộng đồng trong một khoảng thời gian cụ thể, được xác định theo xác suất là một hàm của nguy cơ, mức độ phơi nhiễm, tính dễ bị tổn thương và năng lực.</p>
PHƠI NHIỄM	<p>Sự hiện diện của con người, sinh kế, các loài hoặc hệ sinh thái, chức năng, dịch vụ và tài nguyên liên quan đến môi trường, cơ sở hạ tầng hoặc tài sản kinh tế, xã hội hoặc văn hóa ở những nơi và bối cảnh có thể bị ảnh hưởng bất lợi.</p>

CÁC KHÁI NIỆM GNRRTT VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI, THÍCH NGHI

KHÁI NIỆM	ĐỊNH NGHĨA
TÌNH TRẠNG ĐỂ BỊ TỔN THƯƠNG	<p>Xu hướng hoặc khuynh hướng bị ảnh hưởng bất lợi. Tính dễ bị tổn thương bao gồm nhiều khái niệm và yếu tố khác nhau bao gồm tính nhạy cảm hoặc dễ bị tổn hại và thiếu khả năng ứng phó và thích ứng.</p> <p>UNISDR (2017) định nghĩa nó là các điều kiện được xác định bởi các yếu tố hoặc quá trình vật lý, xã hội, kinh tế và môi trường làm tăng tính nhạy cảm của một cá nhân, cộng đồng, tài sản hoặc hệ thống đối với tác động của các thảm họa.</p>
TÍNH NHẠY CẢM	Mức độ mà một cái gì đó sẽ bị ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực nếu nó tiếp xúc với tác nhân gây ra những vấn đề về khí hậu (USAID 2014)
CÁC CĂNG THẲNG/VẤN ĐỀ	Căng thẳng/ vấn đề được định nghĩa là 'áp lực cộng dồn và liên tục, chẳng hạn như thiếu đói theo mùa và biến đổi khí hậu, suy thoái đất, áp lực dân số (ODI 2010).
NHỮNG CÚ SỐC	Những cú sốc là những sự kiện xảy ra đột ngột như lũ lụt, dịch bệnh, hạn hán; và cả chiến tranh, đàn áp và bạo lực dân sự (ODI 2010).
TÁC ĐỘNG (CỦA GNRRTT)	Các ảnh hưởng đến hệ thống tự nhiên và con người. Trong báo cáo này, thuật ngữ Tác động được sử dụng chủ yếu để chỉ các tác động lên hệ thống tự nhiên và con người của các hiện tượng thời tiết và khí hậu khắc nghiệt và của biến đổi khí hậu. Tác động thường đề cập đến những ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh kế, sức khỏe, hệ sinh thái, nền kinh tế, xã hội, văn hóa, dịch vụ và cơ sở hạ tầng do sự tương tác của biến đổi khí hậu hoặc các sự kiện khí hậu nguy hiểm xảy ra trong một khoảng thời gian cụ thể và tính dễ bị tổn thương của một xã hội hoặc một hệ thống bị phơi nhiễm. Tác động cũng được gọi là hậu quả và kết quả. Các tác động của Biến đổi khí hậu lên hệ thống địa vật lý, bao gồm lũ lụt, hạn hán và nước biển dâng, là một tập hợp con của các tác động được gọi là tác động vật lý.
GIẢM NHỆ	<p>Một sự can thiệp của con người nhằm giảm thiểu các nguồn phát thải hoặc tăng cường sự hấp thụ khí nhà kính (GHG). Báo cáo này cũng đánh giá các biện pháp can thiệp của con người nhằm giảm thiểu các nguồn phát thải các chất khí có thể góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc hạn chế biến đổi khí hậu, bao gồm, ví dụ, giảm phát thải các chất dạng hạt có thể trực tiếp làm thay đổi cân bằng bức xạ (ví dụ, carbon đen) hoặc các biện pháp kiểm soát phát thải carbon monoxide, nitơ oxit, các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và các chất ô nhiễm khác có thể làm thay đổi nồng độ ôzôn đối lưu có ảnh hưởng gián tiếp đến khí hậu.</p> <p>Nói một cách đơn giản theo UNISDR (2017), đó là giảm bớt hoặc giảm thiểu các tác động bất lợi của một sự kiện nguy hiểm.</p>
QUẢN LÝ RỦI RO	<p>Các kế hoạch, hành động hoặc chính sách nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra và / hoặc hậu quả của rủi ro hoặc để ứng phó với hậu quả.</p> <p>UNISDR (2017) định nghĩa rõ hơn về quản lý rủi ro thiên tai là việc áp dụng các chính sách và chiến lược giảm nhẹ rủi ro thiên tai để ngăn ngừa các rủi ro thiên tai mới, giảm thiểu rủi ro thiên tai hiện có và quản lý rủi ro tồn đọng, góp phần tăng cường khả năng chống chịu và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Tất cả đều góp phần tăng cường khả năng chống chịu và do đó đạt được mục tiêu phát triển bền vững.</p>
THÍCH ỨNG	Quá trình điều chỉnh theo khí hậu thực tế hoặc dự kiến và ảnh hưởng của nó. Trong các hệ thống của con người, hoạt động thích ứng tìm cách tiết chế hoặc tránh gây hại hoặc khai thác các cơ hội có lợi. Trong một số hệ thống tự nhiên, sự can thiệp của con người có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh khí hậu dự kiến và các tác động của nó.
NĂNG LỰC THÍCH ỨNG	Khả năng của các hệ thống, tổ chức, con người và các sinh vật khác điều chỉnh với thiệt hại tiềm ẩn, tận dụng các cơ hội hoặc ứng phó với hậu quả

CÁC KHÁI NIỆM GNRRTT VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI, THÍCH NGHI

KHÁI NIỆM	ĐỊNH NGHĨA
CHIẾN LƯỢC ỨNG PHÓ	Khả năng của con người, tổ chức và hệ thống, sử dụng các kỹ năng và nguồn lực sẵn có, để xử lý các điều kiện bất lợi, rủi ro hoặc thiên tai. Năng lực ứng phó đòi hỏi sự nhận thức, nguồn lực và quản lý tốt và liên tục, cả trong thời gian bình thường cũng như trong các thảm họa hoặc điều kiện bất lợi. Năng lực ứng phó góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai.
CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI, THÍCH NGHI	<p>Năng lực của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường để ứng phó với sự kiện hoặc xu hướng nguy hiểm hoặc sự xáo trộn, ứng phó hoặc tổ chức lại theo những cách để chúng duy trì chức năng, bản sắc và cấu trúc thiết yếu của chúng, đồng thời duy trì khả năng thích ứng, học hỏi và chuyển đổi.</p> <p>UNISDR (2017) định nghĩa khả năng phục hồi là khả năng của một hệ thống, cộng đồng hoặc xã hội khi phơi nhiễm với các thảm họa có thể chống lại, hấp thụ, thích ứng, thích nghi, biến đổi và phục hồi sau các tác động của thảm họa một cách kịp thời và hiệu quả, bao gồm bằng cách bảo tồn và phục hồi các cấu trúc và chức năng cơ bản thiết yếu của nó thông qua quản lý rủi ro.</p>
NĂNG LỰC CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI, THÍCH NGHI	Khả năng tồn tại, thích ứng và tiến bộ của cộng đồng khi đối mặt với các căng thẳng, mà không bị kiệt sức hoặc mất mát tài sản, đồng thời cải thiện mức độ sinh kế và tình trạng sức khỏe hiện tại của họ.

VAI TRÒ GIỚI VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG KHÁC BIỆT GIỮA CÁC GIỚI

LĨNH VỰC	VAI TRÒ GIỚI CHÍNH*		TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG THEO GIỚI
Nước	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Tưới nước cho cây hoa màu Sản xuất công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng căng thẳng về nước do hạn hán, lượng mưa thất thường và nguồn nước ngầm suy giảm 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng xung đột do khan hiếm nguồn nước
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Nước uống và nước sử dụng trong hộ gia đình Tưới cây lương thực 		<ul style="list-style-type: none"> Tăng thời gian và khoảng cách di chuyển để lấy được nước an toàn Việc chuyển hướng nguồn nước sẽ dẫn đến ít nước hơn cho cây lương thực
Thực phẩm	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Tiền mua thực phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm sản lượng lương thực trên toàn cầu và kéo theo đó là giá lương thực tăng Các chính sách bảo tồn rừng sẽ làm giảm khả năng tiếp cận 	<ul style="list-style-type: none"> Nghèo đói gia tăng do tỷ trọng thực phẩm trong chi phí hộ gia đình tăng lên ** Tăng căng thẳng tinh thần để có thêm thu nhập và quản lý tài chính
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý thực phẩm và dinh dưỡng Nấu ăn 		<ul style="list-style-type: none"> Nghèo đói gia tăng do tỷ trọng thực phẩm trong chi phí hộ gia đình tăng lên ** Gia tăng căng thẳng về an ninh lương thực và dinh dưỡng trong gia đình Sự phân phối thức ăn trong nội bộ hộ gia đình bị thay đổi sẽ dẫn đến giảm lượng thức ăn và dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em gái Phụ nữ bản địa và phụ nữ nghèo sống phụ thuộc vào rừng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn
Thức ăn gia súc	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Mua thức ăn gia súc Chăn thả tự do 	<ul style="list-style-type: none"> Sự chuyển đổi tài nguyên đất, đặc biệt là đối với nhiên liệu sinh học có thể dẫn đến giảm lượng thức ăn gia súc 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng chi phí thức ăn gia súc
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Đi thu lượm thức ăn gia súc Chăn thả tự do 		<ul style="list-style-type: none"> Thời gian và công sức dành cho việc thu gom thức ăn gia súc tăng lên
Năng lượng	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Điện và Dầu thô cho máy móc và xe cộ 	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách năng lượng phát thải thấp sẽ làm tăng chi phí Các chính sách bảo tồn rừng sẽ làm giảm khả năng tiếp cận 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng chi phí năng lượng Gia tăng nghèo đói khi tỷ trọng hóa đơn năng lượng trong chi phí hộ gia đình tăng lên **
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Nhiên liệu và khí đốt để nấu ăn Điện cho gia đình và công việc 		<ul style="list-style-type: none"> Thời gian và công sức thu thập củi đốt tăng lên Gia tăng nghèo đói khi tỷ trọng hóa đơn năng lượng trong chi phí hộ gia đình tăng lên **
Sức khỏe	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Tiền chi phí y tế Bảo hiểm y tế 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng tỷ lệ mắc bệnh do nắng nóng Gia tăng các bệnh lây truyền qua đường nước và vật lây nhiễm 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng chi phí y tế có thể khiến các gia đình tái nghèo
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Chăm sóc người ốm 		<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng gánh nặng chăm sóc người bệnh 22% phụ nữ bị mất lương do nghỉ việc vì con ốm

VAI TRÒ GIỚI VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG KHÁC BIỆT GIỮA CÁC GIỚI

LĨNH VỰC	VAI TRÒ GIỚI CHÍNH*		TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG THEO GIỚI
Trồng trọt	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất và tiếp thị cây hoa màu Lao động trong ngành nông nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Năng suất cây trồng trung bình giảm, khiến hàng triệu nông dân đối mặt với tình trạng giảm năng suất 	<ul style="list-style-type: none"> Thu nhập từ nông trại giảm sẽ dẫn đến di cư cao hơn để có thu nhập thay thế
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Sản xuất và dự trữ cây lương thực Lao động trong ngành nông nghiệp 		<ul style="list-style-type: none"> Ít ngày công lao động hơn sẽ làm giảm thu nhập Năng suất cây lương thực giảm sẽ dẫn đến mất an ninh lương thực, đặc biệt là đối với nông dân tự cung tự cấp
Chăn nuôi gia súc	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý gia súc lớn và trang trại sữa 	<ul style="list-style-type: none"> Vật nuôi sẽ bị ảnh hưởng bất lợi khi nhiệt độ tăng, tùy thuộc vào mức độ thay đổi chất lượng thức ăn, lây lan dịch bệnh và nguồn nước sẵn có. 	<ul style="list-style-type: none"> Chăn nuôi đại gia súc có thể ít lợi nhuận hơn hoặc thậm chí không khả thi.
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ 		<ul style="list-style-type: none"> Tăng chi phí quản lý gia súc nhỏ, đặc biệt là thu xếp thức ăn gia súc và nước Tăng thời gian quản lý hoạt động chăn nuôi
Thủy sản	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Đánh bắt cá 	<ul style="list-style-type: none"> Tình trạng phá hủy của các hệ sinh thái sẽ làm giảm năng suất đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là ở các vĩ độ thấp 	<ul style="list-style-type: none"> Nhiều thời gian trên biển hơn Cần phải mạo hiểm ở vùng biển sâu sẽ làm tăng chi phí nhiên liệu và cần nhiều tàu thuyền được cơ giới hóa Tăng chi phí sẽ làm giảm lợi nhuận từ đánh bắt
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Chế biến và Tiếp thị Nuôi cá trong ao 		<ul style="list-style-type: none"> Nhiệt độ cao hơn sẽ làm cho việc chế biến và tiếp thị cá khó khăn hơn.
Công việc tại nhà	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Máy dệt tay và máy dệt điện 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng số ngày nắng nóng và các đợt nắng nóng Gia tăng lũ lụt ven sông và ven biển 	<ul style="list-style-type: none"> Nắng nóng sẽ làm giảm năng suất Chi phí năng lượng sẽ tăng Mất nguyên liệu và cơ sở hạ tầng do lũ lụt Mất nơi làm việc do thiên tai
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> May, Thêu, Chế biến thực phẩm, Làm nhang, Thủ công mỹ nghệ, v.v. 		<ul style="list-style-type: none"> Không được bảo hiểm rủi ro tài chính /không tiếp cận đến tín dụng sẽ đồng nghĩa với việc tái nghèo.
Vận tải	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Vận tải công cộng và tư nhân 	<ul style="list-style-type: none"> Các chính sách giao thông phát thải thấp sẽ được áp dụng 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng chi phí nhiên liệu và vận tải có thể làm giảm việc sử dụng phương tiện vận tải tư nhân/của gia đình ở các gia đình nghèo
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Giao thông công cộng an toàn 		<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng áp lực đối với giao thông công cộng sẽ ảnh hưởng đến sự an toàn của phụ nữ và khả năng tiếp cận phương tiện giao thông công cộng

VAI TRÒ GIỚI VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG KHÁC BIỆT GIỮA CÁC GIỚI

LĨNH VỰC	VAI TRÒ GIỚI CHÍNH*		TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG THEO GIỚI
Thiên tai ven biển	Nam giới	<ul style="list-style-type: none"> Hành vi mạo hiểm Cứu mạng sống và tài sản Cập nhật thông tin Bảo hiểm và Phục hồi 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng xâm nhập mặn, lũ lụt và thiệt hại cơ sở hạ tầng 	<ul style="list-style-type: none"> Thiệt mạng Rủi ro nghề nghiệp đối với ngư dân Gia tăng di cư Tăng căng thẳng và sức khỏe tâm thần Tỷ lệ nghiện rượu và tự tử có thể tăng lên
	Phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Lưu trữ các vật dụng gia đình và đồ đạc cho trường hợp khẩn cấp Công việc tái sản xuất - lấy nước, nấu ăn Chăm sóc trẻ em và người già Duy trì phẩm giá và giữ phong tục văn hóa 		<ul style="list-style-type: none"> Phụ nữ và trẻ em có nguy cơ tử vong / bị thương cao gấp 14 lần so với nam giới 80% số người phải di dời là phụ nữ Khối lượng công việc tái sản xuất tăng cao Những lo ngại về sức khỏe do uống nhiều nước muối Bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực tình dục gia tăng

*Các vai trò giới được đề cập ở đây không cố định và cần được thay đổi cho phù hợp với bối cảnh. Đây chỉ là ví dụ cho thấy sự khác biệt trong các vai trò giới.

** Các hộ gia đình mà chi phí cho lương thực và năng lượng nhiều hơn trong chi tiêu hộ gia đình thường nằm trong nhóm một phần tư hộ có thu nhập thấp hơn cả (hộ nghèo).

CÁC ĐIỂN HÌNH VỀ PHỤ NỮ LÀ TÁC NHÂN CỦA SỰ THAY ĐỔI

PHỤ NỮ ĐI ĐẦU TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC THIÊN TAI - TRƯỜNG HỢP CỦA BARISAL, BANGLADESH

Barishal, nằm trên bờ sông Kirtonkhola ở Bangladesh là một khu ổ chuột. Tình trạng nghèo đói cao đang trở nên tồi tệ hơn do điều kiện thời tiết - lốc xoáy và gió mùa tràn vào các bờ sông, tác động đến cơ sở hạ tầng của thành phố và làm tắc nghẽn nó với rác thải. Điều này có nghĩa là sự lây lan của dịch bệnh luôn là một mối đe dọa. Vào năm 2007, hơn 10.000 người đã chết khi cơn bão Sidr xuyên qua thành phố. Biến đổi khí hậu có nghĩa là tình hình ở đây sẽ chỉ trở nên tồi tệ hơn. Và đa phần, có rất ít nam giới ở lại cộng đồng để giúp phụ nữ đối phó với thảm họa; chính những người phụ nữ bị bỏ lại phải giải quyết vấn đề này.

Nhưng những người phụ nữ này là những người cứng cỏi. Josna và bạn của cô là Mahmuda, cùng với những phụ nữ địa phương khác, đã thành lập Đội phụ nữ - ủy ban quản lý thảm họa cộng đồng Hatkhola, với sự giúp đỡ của Hiệp hội Trăng lưỡi liềm đỏ Bangladesh. Các đội này được thành lập để giúp phụ nữ có một nơi để nói về những vấn đề quan trọng nhất đối với họ. Nhóm tập trung phát triển nơi ở của mình; cải thiện hệ thống đường sá, cống rãnh, nhà vệ sinh, cũng như đào tạo người dân cách ứng phó với thiên tai. Nhưng họ đã tiến xa hơn thế. Họ đã được đào tạo về quản lý thiên tai và sẵn sàng ứng phó với cơn Bão Bulbul khi nó đổ bộ vào khu vực này vào tháng 11 năm 2019.

Đội của Josna và Mahmuda đã ứng phó với cơn bão. Đội đã đảm bảo rằng trẻ em, người già, phụ nữ mang thai và người tàn tật đã được đưa đến một trung tâm sơ tán. Một trong số họ là Kobita, 18 tuổi và đang mang thai tháng tám khi cơn bão ập đến. Khi mực nước bắt đầu dâng cao và cuốn theo cánh cửa thiếc trong nhà của cô ấy, Kobita bắt đầu hoảng sợ. Nước ngập sâu đến mắt cá chân, cô đột nhiên nghe thấy tiếng micrô từ nhà thờ Hồi giáo địa phương kêu vang. Nhưng thay vì những lời kêu gọi cầu nguyện thông thường của người Hồi giáo - một giọng nói lớn, vang vọng đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp. May mắn thay, Biệt đội Hatkhola đã sớm có mặt và từ từ hộ tống Kobita đến nơi trú ẩn khẩn cấp. Josna nói: "Chúng tôi giữ một danh sách những người dễ bị tổn thương nhất." Kobita là một ưu tiên, vì vậy chúng tôi đến với cô ấy sớm nhất có thể." Hatkhola Women's Squad đã làm việc không mệt mỏi suốt đêm để đảm bảo mọi người trong khu ổ chuột đều đến được nơi trú ẩn. Họ hỗ trợ di dời những đứa trẻ nhỏ cho những người đang gặp khó khăn và cung cấp sự trấn an thường xuyên cho những gia đình đang sợ hãi.

Sau khi trận bão tồi tệ kết thúc, đội đảm bảo các nhà ở an toàn, dọn sạch các đổ nát và quyền góp thực phẩm để chuyển đến các gia đình cần. Sau khi cơn bão đi qua, những người phụ nữ đã giúp dọn dẹp các đổ nát và đưa các gia đình trở về nhà của họ. Họ cũng thu xếp để địa phương quyên góp lương khô cho những người nghèo và dễ bị tổn thương.

Những người phụ nữ cũng nhận được lời khen ngợi từ cảnh sát địa phương. Sĩ quan Abu Bakar Siddik nói, "Đội Hatkhola đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các cảnh báo sớm cho cộng đồng. Chúng tôi hy vọng điều này sẽ truyền cảm hứng cho nhiều phụ nữ ở Barishal tham gia vào các nhiệm vụ tìm kiếm và cứu hộ trong tương lai".

Nguồn: Phỏng theo (Chúng tôi trao quyền cho phụ nữ n.d.)

CÁC ĐIỂN HÌNH VỀ PHỤ NỮ LÀ TÁC NHÂN CỦA SỰ THAY ĐỔI**PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ RỪNG Ở NEPAL**

Ở Nepal, giống như các khu vực khác của Nam Á, phụ nữ chịu trách nhiệm thu hái và quản lý các lâm sản thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày của gia đình họ. Tuy nhiên, phụ nữ thường bị bỏ quên trong quá trình ra quyết định trong các cơ quan cấp cộng đồng về quản lý tài nguyên thiên nhiên. WWF và nhiều đối tác làm việc với chính phủ và cộng đồng địa phương để giúp cải thiện cuộc sống và phục hồi rừng như một phần của chiến lược tổng thể nhằm bảo tồn cảnh quan và động vật hoang dã quy mô lớn ở Nepal. Trọng tâm là trao quyền cho phụ nữ tham gia vào các quá trình ra quyết định ở địa phương và bảo vệ quyền của họ đối với tài nguyên rừng và những lợi ích mà rừng mang lại. Dự án cũng giới thiệu các phương pháp tiếp cận năng lượng sạch để giảm thời gian phụ nữ đi lấy củi và giảm bớt áp lực lên rừng. Các tiếp cận bao gồm khí sinh học (khí đốt được sản xuất từ các nguyên liệu thô như chất thải nông nghiệp và phân), điện mặt trời, nhà máy thủy điện nhỏ và bếp nấu ăn tiết kiệm nhiên liệu. Tất cả những điều này đều cải thiện cuộc sống và bảo tồn thiên nhiên - và phụ nữ là những người bảo vệ mạnh mẽ các khu rừng địa phương của họ.

Việc thừa nhận vai trò thiết yếu của phụ nữ trong quản lý rừng có thể tạo ra sự khác biệt về mặt bảo tồn rừng. Điều này xảy ra chủ yếu là do phụ nữ có những lợi ích tương hỗ và khác biệt so với nam giới trong ủy ban lâm nghiệp xuất phát từ sự khác biệt trong mối quan tâm và bản chất của sự phụ thuộc vào rừng của phụ nữ so với nam giới. Điều kiện rừng tốt hơn ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và phúc lợi của một bộ phận lớn người dân nông thôn sống dựa vào tài nguyên rừng.

Radha Wagle, người phụ nữ đầu tiên của Nepal, Thư ký chung kiêm Giám đốc Trung tâm Thực hiện REDD thuộc Bộ Lâm nghiệp và Môi trường, cũng đang nỗ lực để làm cho ngành lâm nghiệp trở nên bao trùm hơn cho phụ nữ và các nhóm yếu thế. Họ đã hoàn thiện Kế hoạch hành động về giới trong đó xác định các cách để làm cho các chương trình lâm nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của phụ nữ và khuyến khích sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các cấp chính quyền, xã hội dân sự và khu vực tư nhân, với sự hỗ trợ từ Quỹ Đối tác các-bon rừng của Ngân hàng Thế giới. Khi Wagle còn là một kiểm lâm trẻ ở khu vực phía đông của Nepal, cô nhận ra một nghịch lý trong lĩnh vực sử dụng đất. Với lượng thời gian đáng kể mà phụ nữ dành để thu thập củi đốt, thức ăn cho gia súc, cây thuốc và thảo mộc, cô thấy vai trò thiết yếu của phụ nữ trong nông nghiệp, sinh kế và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, cô ấy cũng đã quan sát - và tự mình trải nghiệm - làm thế nào mà phụ nữ hết lần này đến lần khác bị gạt ra ngoài lề trong lĩnh vực mà nam giới thống trị này. "Một số khách hàng sẽ yêu cầu một nam kiểm lâm cho dịch vụ mà họ tìm kiếm, chẳng hạn như lập kế hoạch quản lý rừng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc viết thư. Ngay cả khi tôi nói với họ rằng tôi có thể làm điều đó, họ sẽ từ chối và chờ đợi một nam kiểm lâm viên xuất hiện", Wagle kể lại. Nếu điều này thường xảy ra ở khu vực này, Wagle tin rằng nó đang xảy ra trên khắp đất nước, và cô quyết tâm làm điều gì đó để giải quyết vấn đề đó. Năm 2015, cô trở thành người phụ nữ đầu tiên là Thư ký chung của Bộ Rừng và Môi trường ở Nepal. Với vai trò này, cô đang tập trung nỗ lực vào việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ Nepal trong việc quản lý rừng.

Nguồn: Phỏng theo (Câu chuyện điển hình của Ngân hàng Thế giới 2019)

CÁC ĐIỂN HÌNH VỀ PHỤ NỮ LÀ TÁC NHÂN CỦA SỰ THAY ĐỔI

MÔ HÌNH SWACH VỀ SINH KẾ CHO PHỤ NỮ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PUNE, ẤN ĐỘ

Pune không phải là thành phố duy nhất gặp khó khăn trong việc giảm rác thải. Đó là một vấn đề phổ biến ở hầu hết các thành phố châu Á, nơi ngày càng có nhiều rác thải đổ ra các bãi chôn lấp, và đang trở thành mối quan tâm lớn về môi trường và khí hậu. Năm 2000, chính phủ Ấn Độ ban hành Quy tắc quản lý chất thải rắn thành phố đầu tiên, yêu cầu chính quyền địa phương thu gom rác đến từng cửa nhà, tách rác tái chế khỏi rác thải ướt và chấm dứt tình trạng đổ rác bừa bãi. Giống như hầu hết các thành phố của Ấn Độ, Pune không đủ trang thiết bị để làm theo. Tuy nhiên, thay vì đi theo mô hình dựa trên nhà thầu hoặc nhà máy xử lý chất thải thông thường, thành phố đã lựa chọn hình thức mô hình khuyến khích sinh kế cho người nghèo.

Ý tưởng nảy sinh từ thực tế là ở Pune, cũng như ở hầu hết các thành phố châu Á, phụ nữ là thành phần chính trong nhóm người nhặt rác trong thành phố. Nhưng Pune thì khác vì những người nhặt rác trong thành phố đã hợp nhất thành Kagad Kach Patra Kashtakari Panchayat (KKPKP), và đã vận động cho quyền của lực lượng lao động nhỏ lẻ và không có quyền lực này từ năm 1993. SWaCH do đó đã phát triển như một chương trình thí điểm của KKPKP và thành phố Pune vào năm 2005.

Trong SWaCH, mỗi người nhặt rác mua cổ phần trong hợp tác xã. Những người nhặt rác làm việc theo cặp để thu gom rác trực tiếp từ 150 đến 400 hộ gia đình. Họ phân loại và bỏ rác không tái chế tại các điểm trung chuyển do thành phố quản lý, kiếm sống bằng cách tính phí cho khách hàng và bán đồ tái chế cho các đại lý phế liệu địa phương. Những người phục vụ các hộ gia đình ở các khu ổ chuột nhận thêm trợ cấp theo hộ gia đình từ thành phố để bù đắp cho thực tế là có ít rác tái chế các khu vực thu nhập thấp. Một hội đồng được thành lập để vận động cho quyền của người lao động và thương lượng với thành phố về các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quyền lợi của người lao động, trang thiết bị, cơ sở phân loại và tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Cho đến nay, họ đã đàm phán hai hợp đồng dài hạn với Pune Municipal Corporation, và khoảng thời gian giữa hai hợp đồng, SWaCH đã có thể duy trì hoạt động chỉ dựa vào phí từ người dùng.

Pune ngày nay trông khác so với những năm 1990. Hơn 3.500 người nhặt rác đã gia nhập hàng ngũ của SWaCH, chủ yếu là phụ nữ có đẳng cấp thấp hơn và "Dalits", trước đây được gọi là "những người không thể chạm tới". Họ xử lý 1.000 tấn chất thải mỗi ngày và tái chế hơn 70.000 tấn vật liệu mỗi năm

Mini Shrinivasan, một khách hàng SWaCH cho biết: "Mọi người đã nhận thức rõ hơn về những người nhặt rác. Cuộc sống của họ đã trở nên quen thuộc hơn một chút đối với chúng tôi, và bây giờ mọi người bắt đầu nghĩ về họ như những phụ nữ đi làm." Ngoài việc kiếm được một vị trí được tôn trọng hơn trong xã hội, công nhân SWaCH đang kiếm được nhiều tiền hơn bao giờ hết. Sonawane cho biết cô kiếm được thu nhập hàng tháng là 13.000 rupee (188 đô la Mỹ) - nhiều hơn chồng - và nhận thêm 300-350 rupee mỗi tuần từ việc bán đồ tái chế mà cô thu thập được. "Tôi đã xây nhà bằng tiền tiết kiệm của mình," cô nói. "Tôi đã mua các thiết bị mà tôi cần và cũng để dành tiền cho việc học của con tôi." Lakshmi Narayan, đồng sáng lập của SWaCH cho biết: "Một người nhặt rác ngày nay ở SWaCH là chủ sở hữu của một doanh nghiệp mang lại cho cô ấy một sinh kế đàng hoàng." Nó tạo nên một thành phố hòa nhập theo nhiều cách."

Việc sắp xếp cũng mang lại lợi ích kinh tế cho thành phố. SWaCH ước tính rằng mô hình thu phí người dùng đã tiết kiệm cho Công ty Cổ phần Thành phố Pune 13 triệu đô la Mỹ vào năm ngoái, so với hệ thống thu gom rác truyền thống, chi trả bằng thuế. Hơn nữa, người dân hiện phân loại rác thải khô và ướt trong nhà của họ, một sự thay đổi lớn trong hành vi so với thói quen đổ rác ven đường trước đây. Kết quả là toàn bộ hệ thống thải hiệu quả hơn.

Nguồn: Phỏng theo (WRI Blog 2019)

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

MÔ ĐUN

**XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH
VÀ KẾ HOẠCH QUỐC
GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ
HẬU VÀ GIẢM NHẹ RỦI
RO THIÊN TAI.**

2



MÔ ĐUN 2: XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI.

KẾ HOẠCH PHẦN HỌC:

Mô-đun này được chia thành hai bài:

PHẦN A : Tìm hiểu bối cảnh chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai

PHẦN B : Lồng ghép giới trong các kế hoạch và chính sách quốc gia.

Mô-đun này cung cấp khái quát về bối cảnh chính sách khí hậu ở cấp độ toàn cầu và quốc gia, nhấn mạnh vai trò của các chính phủ trong việc đưa giới vào chính sách, tạo điều kiện và thương lượng với các bên liên quan về quy trình và các chính sách khí hậu mang tính bao trùm. Mô-đun này bắt đầu bằng tổng quan các cam kết và khuôn khổ chính sách quốc tế hiện có về Biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (BĐKH/GNRRTT) và giới, với trọng tâm là Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) và Khung Sendai về giảm thiểu rủi ro thiên tai (GNRRTT). Mô-đun này tiếp tục nhấn mạnh các khuôn khổ pháp lý toàn cầu ảnh hưởng như thế nào đến các cơ chế lập kế hoạch quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Tập trung cụ thể vào Các kế hoạch thích ứng quốc gia (KHTUQG) đang được xây dựng như thế nào. Sau đó mô-đun này nhấn mạnh ba chiến lược để lồng ghép giới trong các chính sách BĐKH/GNRRTT và KHTUQG: a) Thúc đẩy phân tích tình hình nhận thức giới và tính sẵn có của dữ liệu phân tách theo giới tính cho các nội dung liên quan; b) Đảm bảo cân bằng giới trong tham gia và lãnh đạo trong các cuộc đàm phán về khí hậu đang diễn ra; c) Đảm bảo việc báo cáo và truyền thông quốc gia có đáp ứng giới. Nhấn mạnh các phương pháp tiếp cận hoạt động trong đó có lồng ghép giới và vai trò của các tổ chức xã hội dân sự (CSOs).

MỤC TIÊU CỦA MÔ-ĐUN:

- > Cung cấp khái quát về bối cảnh chính sách khí hậu toàn cầu và các quy định về giới hiện có trong khuôn khổ quốc tế hiện có;
- > Tiếp cận với các công cụ cơ bản để lập bản đồ về chu trình chính sách và các diễn đàn ra quyết định;
- > Cung cấp khuôn khổ và bảng danh mục cho các CSOs để thực hiện đánh giá các điểm trọng tâm và khoảng trống trong các kế hoạch hành động bình đẳng giới, áp dụng các chiến lược lồng ghép giới trong các kế hoạch về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai để giúp xác định hướng làm cơ sở đầu vào cho các cuộc đàm phán và vận động chính sách.






THÔNG ĐIỆP CHÍNH:

- > Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu đánh dấu một sự thay đổi lớn trong bối cảnh chính sách toàn cầu bằng việc tăng cường hiểu biết về nhu cầu hợp tác đối với biến đổi khí hậu do con người gây ra. Hội nghị cũng chứng kiến sự thành lập UNFCCC. Ban đầu các cuộc đàm phán của UNFCCC thực hiện theo phương pháp tiếp cận từ trên xuống được hướng dẫn bởi hành động giảm thiểu và các cơ chế dựa trên thị trường được trình bày trong nghị định thư Kyoto.
- > Marrakesh COP 7 năm 2001 đã trở thành một bước ngoặt quan trọng khi vấn đề liên quan đến giới lần đầu tiên được

đưa vào quyết định 36/CP7 về việc cải thiện sự tham gia của phụ nữ trong cơ chế đại diện của các bên. COP 7 cũng tạo tiền đề cho cơ chế lập kế hoạch quốc gia đầu tiên do UNFCCC lãnh đạo thông qua Kế hoạch Hành động thích ứng Quốc gia (KHHĐTƯQG), kế hoạch này được hướng dẫn bởi các nguyên tắc bình đẳng giới.

- > Các phương pháp tiếp cận từ dưới lên đã tạo động lực trong các cuộc đàm phán về khí hậu kể từ Kế hoạch hành động Bali (COP 13,2007), với sự thừa nhận ngày càng cao về việc cần phải lồng ghép giới trong các cơ chế về biến đổi khí hậu quốc tế.
- > Chương trình làm việc Lima về Giới (LWPG) được COP 20 thông qua năm 2014 là một bước đột phá lớn trong tiến trình của UNFCCC.
- > Việc thông qua thỏa thuận Paris và nộp báo cáo “Đóng góp Quốc gia tự quyết định” (INDCs) vào năm 2015 đã cho thấy mức độ quan tâm ngày càng cao đối với vấn đề giới và biến đổi khí hậu.
- > COP 25 diễn ra năm 2019 tiến tới xây dựng Kế hoạch hành động về giới trong 5 năm được đề cao, tập trung vào: a) Nâng cao năng lực, kiến thức quản lý và truyền thông; b) Cân bằng giới, sự lãnh đạo và tham gia của phụ nữ; c) Thực hiện nhất quán và chặt chẽ các nhiệm vụ và hoạt động liên quan đến giới; d) Thực hiện có đáp ứng giới và các phương tiện trong việc thực hiện; và e) Báo cáo và giám sát.
- > Bối cảnh chính sách toàn cầu về GNRRTT đã có sự lồng ghép giới ở mức độ cao hơn, cả trong Khung hành động Hyogo và Khung hành động Sendai đều công nhận phụ nữ là những người đóng vai trò chính trong GNRRTT.
- > Quá trình toàn cầu hóa cũng có tác động đáng kể ở cấp quốc gia. Các nước kém phát triển nhất (LDCs) đã xây dựng và nộp KHHĐTƯQG của họ. Hơn nữa, ngày càng nhiều quốc gia đang xây dựng kế hoạch và chính sách quốc gia của họ về biến đổi khí hậu và GNRRTT. Quá trình KHTUQG sẽ tăng cường hơn nữa về vấn đề này.
- > Việc lồng ghép giới vào các chính sách và kế hoạch biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở cấp quốc gia là rất quan trọng. Một số chiến lược chính hướng đến vấn đề này gồm: a) Cân bằng giới trong sự tham gia và lãnh đạo; b) Tạo cơ chế mang tính thể chế để xác định trách nhiệm lồng ghép giới và phối hợp giữa các cơ quan; c) Tập trung chia sẻ kiến thức và nâng cao năng lực; d) Tạo ra các quy trình KHTUQG; e) Tạo ra các Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDCs); f) Phát triển các Kế hoạch Hành động về giới và biến đổi Khí hậu; g) Thực hiện, giám sát và đánh giá có đáp ứng giới; và h) Số liệu giới và thông tin phân theo giới tính.
- > Vai trò của cả chính phủ tại các quốc gia và CSOs là rất quan trọng đối với việc lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch BĐKH/GNRRTT.

MÔ-ĐUN 2 PHẦN A:

3:30:00		TÌM HIỂU VỀ BỐI CẢNH CHÍNH SÁCH GNRRTT VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.	
TỔNG QUAN 	Sau khi kết thúc học phần này, học viên nên hiểu về khung luật pháp quốc tế về BĐKH/GNRRTT và các nhiệm vụ về giới. Họ phải có khả năng liên kết các nhiệm vụ quốc tế này với các cơ chế lập kế hoạch quốc gia và xác định các điểm trọng tâm để lồng ghép giới trong tiến trình quốc gia.		
NỘI DUNG 	<ul style="list-style-type: none"> a) Các cam kết và khung chính sách quốc tế về BĐKH/GNRRTT. <ul style="list-style-type: none"> a. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) b. Khung Sendai về giảm thiểu rủi ro. b) Các khuyến nghị của BĐKH/GNRRTT về bình đẳng giới và công ước đa phương về quyền phụ nữ. c) Khung kế hoạch quốc gia về BĐKH/GNRRTT theo UNFCCC. 	<ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch hành động thích ứng Quốc gia. b. Kế hoạch thích ứng quốc gia c. Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDCs). d) Các khung quốc gia về BĐKH/GNRRTT và lồng ghép giới tại cấp độ quốc gia. <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu trường hợp tại quốc gia cụ thể - Bangladesh 	
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Giấy > Bảng và bút dạ 	<ul style="list-style-type: none"> > Bút và giấy vẽ biểu đồ > Tài liệu phát tay. 	
ĐỀ CƯƠNG 	<p>5 phút Chia sẻ tổng quan và nội dung buổi học.</p> <p>40 phút 'Cross and Knots' hay Tic Tac Toe trên khung BĐKH/GNRRTT quốc tế (xem bài tập 9 và tài liệu hướng dẫn 7)</p> <p>30 phút Trình bày PowerPoint về "Khung chính sách BĐKH/GNRRTT toàn cầu (khung Sendai và UNFCCC) và các Cam kết về giới"</p> <p>45 phút Thảo luận nhóm "áp dụng khung UNFCCC và Sendai ở cấp quốc gia" (Xem bài tập 10 và tài liệu hướng dẫn 8)</p> <p>45 phút Trình bày PowerPoint về "Khung quốc gia về BĐKH/GNRRTT và lồng ghép giới tại cấp độ quốc gia"</p> <p>45 phút Bài tập nhóm về phân tích giới của "KHTƯQG và NDC" sử dụng danh mục (Xem bài tập số 11 và tài liệu phát tay số 9) (được đề xuất cho khóa học cơ bản)</p> <p>HOẶC Bài tập nhóm về phát triển báo cáo bóng "CEDAW và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh" về thực trạng lồng ghép giới trong các chính sách CCDDR Quốc gia (Xem bài tập 12 và tài liệu phát tay 10) (được đề xuất cho khóa học nâng cao).</p>		
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu bài học bằng việc chia sẻ các mục tiêu của mô-đun này và kế hoạch của bài học. Phát tài liệu phát tay số 7 và dành cho họ 10 phút để hoàn thành (20 phút với khóa học cơ bản) Chia họ thành hai nhóm và thực hiện bài tập "Cross and Knots" (Xem bài tập số 9 và tài liệu phát tay 7). Lập lại bài tập này cho các khóa cơ bản và tóm tắt với một vài điểm bổ sung về "Khung chính sách BĐKH/GNRRTT toàn cầu (UNFCCC và khung Sendai) và các cam kết về giới". Đối với khóa học nâng cao, chuẩn bị một bài trình bày PowerPoint chi tiết về chủ đề tương tự. Chia những người tham gia thành bốn nhóm và nói với họ về việc họ sẽ tìm hiểu cách các khung này có thể được sử dụng tại cấp quốc gia. Tạo điều kiện thuận lợi trong thảo luận nhóm về "Áp dụng UNFCCC và khung Sendai tại cấp quốc gia" (Xem bài tập số 10 và tài liệu phát tay 8). Nếu tài liệu quá nhiều cho mỗi nhóm, mỗi phần có thể chia thành hai và 8 nhóm để thảo luận. Điều này sẽ đảm bảo cuộc thảo luận chi tiết hơn trong khung thời gian giới hạn, bao gồm tất cả các điểm.</p> <p>Chuẩn bị bài PowerPoint trình bày chi tiết về "Khung quốc gia về BĐKH/GNRRTT và lồng ghép giới ở cấp quốc gia". Một nghiên cứu điển hình của Bangladesh được cung cấp để tham khảo và đưa vào bài thuyết trình. Tuy nhiên, nếu người tham gia đến từ các quốc gia khác, có thể sử dụng trường hợp điển hình ở Bangladesh để cung cấp thông tin chi tiết về khung BĐKH/GNRRTT ở quốc gia của họ. Bạn có thể sử dụng các chính sách và kế hoạch dành riêng cho từng quốc gia được nêu rõ trong bảng 2-1: Xem xét lồng ghép giới đối với các kế hoạch ở các quốc gia châu Á được chọn làm tài liệu tham khảo cho vấn đề này". Kết thúc buổi học, với bài tập nhóm về "Đánh giá giới của NDCs/NAPs" "cho khóa học cơ bản và bài tập nhóm về "Báo cáo bóng của công ước CEDAW về BĐKH/GNRRTT" cho khóa nâng cao.</p>		

Khung chính sách về biến đổi khí hậu toàn cầu và giảm thiểu rủi ro thiên tai (BĐKH/GNRRTT)

CÔNG ƯỚC KHUNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (UNFCCC)

Mối quan tâm về môi trường và biến đổi khí hậu nằm trong chương trình nghị sự chính sách quốc tế từ đầu những năm 1970, bắt đầu từ Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường con người (UNCHE) vào năm 1972 và Hội nghị khí hậu thế giới lần thứ nhất (WCC) năm 1979. Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) đầu tiên được thành lập năm 1988 để xem xét và đánh giá các dữ liệu khoa học, kỹ thuật và kinh tế xã hội về biến đổi khí hậu. Những nỗ lực được tích lũy trong nhiều năm đã tạo ra những tác động cần thiết cho các vấn đề được nêu ra trong hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED) tổ chức tại Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992. Thường được biết với tên gọi "Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu", đây là nơi cộng đồng quốc tế nhất trí về Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC).

UNFCCC đã cung cấp một khuôn khổ pháp lý cho phép các cuộc đàm phán về các thỏa thuận khí hậu khác nhau hàng năm tại Hội nghị các bên (COP). Từ năm 1995, khi sự kiện COP đầu tiên được tổ chức, COP đã trở thành cơ quan ra quyết định cao nhất của UNFCCC và là một diễn đàn quan trọng cho tất cả các sự kiện khí hậu quốc tế. UNFCCC có mục tiêu chính là ổn định lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trên toàn cầu để ngăn chặn biến đổi khí hậu do con người gây ra. Hướng đến điều này, những đóng góp quan trọng nhất về vấn đề này là Nghị định thư Kyoto có hiệu lực vào năm 2005, Kế hoạch hành động Bali năm 2007 và Thỏa thuận Paris năm 2015.

Trong những năm qua, UNFCCC đã công nhận tính dễ bị tổn thương của các nước đang phát triển đối với biến đổi khí hậu và thừa nhận rằng quyền phát triển bền vững và tăng trưởng kinh tế của các quốc gia này phụ thuộc vào hành động khí hậu chung. Cách tiếp cận chủ yếu từ trên xuống đã diễn ra trong nhiều năm, tuy nhiên kể từ khi COP 13 diễn ra ở Bali đã thay đổi thành tiến trình tiếp cận từ dưới lên. Sự thay đổi rõ ràng này đã dẫn đến tăng sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự vào các cuộc đàm phán COP, đặc biệt là các tổ chức làm về các vấn đề liên quan đến phụ nữ, dẫn đến tăng cường quan tâm đến bình đẳng giới trong UNFCCC.

UNFCCC, vốn không có nhiệm vụ bình đẳng giới trong những năm đầu thành lập, và đã thông qua văn bản đầu tiên về bình đẳng giới đối với sự tham gia của phụ nữ, cùng với nhiệm vụ Kế hoạch Hành động thích ứng Quốc gia đã được hướng đến

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Đối với khóa cơ bản, nội dung về các khung quốc tế có thể được cô đọng bằng việc chia sẻ thông tin bị hạn chế trong phần kết luận của bài tập Tic Tac Toe/ Cross và Knots. Tuy nhiên học viên sẽ cần thêm thời gian, hơn những gì được đề xuất trong bài tập, để họ hoàn thành hết bài tập số 7. Ngoài ra hãy lặp lại bài tập ít nhất hai lần đối với khóa cơ bản

bình đẳng giới tại COP 7 ở Marrakesh, (Morocco). Với nhiều nỗ lực trong suốt chín năm, cuối cùng đã đạt đến sự thừa nhận bình đẳng giới và tham gia của phụ nữ như một yếu tố để hành động hiệu quả đối với tất cả các khía cạnh của biến đổi khí hậu tại COP 16 ở Doha (Qatar). Kể từ đó, các mối quan tâm về giới đã định hướng cho hầu hết hành động của UNFCCC và tính đến giữa năm 2015, UNFCCC đã có hơn 50 nhiệm vụ về bình đẳng giới (Aguilar, et al 2015).

COP hiện có một chương trình nghị sự về giới và biến đổi khí hậu. Tại COP 18 năm 2012, cũng đã đi đến quyết định duy trì cân bằng giới và sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các COP và các sự kiện liên quan. Thỏa thuận Paris, được COP thông qua UNFCCC vào năm 2015, cũng lưu ý trong phần mở đầu "Các bên khi hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu cần tôn trọng, thúc đẩy và cân nhắc các nghĩa vụ tương ứng của mình về quyền con người, quyền sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền được phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giữa các thế hệ" (UNFCCC COP 21 2014). Các bên tham gia Thỏa thuận Paris cũng thừa nhận rằng hoạt động thích ứng, bao gồm xây dựng năng lực trong các hành động giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, cần có đáp ứng giới, có sự tham gia và hoàn toàn minh bạch, có tính đến các nhóm, cộng đồng và hệ sinh thái dễ bị tổn thương (UN Women 2016).

Tuy nhiên, thông qua việc khởi động Chương trình Làm việc Lima về Giới (LWPG), quyết định mang tính bước ngoặt về giới được đưa ra tại COP 20 năm 2014. Chương trình Làm việc Lima về Giới (2014) đã thiết lập một chương trình làm việc hai năm bao gồm:

- i) Đánh giá việc thực hiện tất cả các nhiệm vụ liên quan đến giới của ban thư ký UNFCCC;
- ii) Đào tạo và nâng cao nhận thức cho các đại biểu về chính sách khí hậu có đáp ứng giới;

- iii) Đào tạo và nâng cao năng lực cho các đại biểu nữ;
- iv) Hai hội thảo trong phiên về giới (liên quan đến giám thiểu, công nghệ, thích ứng và nâng cao năng lực) tại Cơ quan phụ trách thực hiện (SBI) 42 và 44;
- v) Đề trình của các Bên về các hội thảo này;
- vi) Tài liệu kỹ thuật của ban thư ký về hướng dẫn thực hiện các lưu ý về giới trong các hoạt động biến đổi khí hậu; và
- vii) Bổ nhiệm một đầu mối cấp cao về giới tại ban thư ký UNFCCC.

Tính đến tháng 9 năm 2020, 73 bên, bao gồm cả Liên minh Châu Âu, đã đề cử các đầu mối về giới theo ủy quyền của Chương trình Làm việc Lima về Giới (UNFCCC Website 2020).

Tại COP 23 năm 2017, Chương trình Làm việc Lima về Giới đã tiến tới việc thông qua Kế hoạch Hành động về giới (GAP). Tại COP 23 năm 2019, Chương trình làm việc Lima nâng cao về giới và kế hoạch hành động về giới đã được phê duyệt. Kế hoạch GAP trong năm năm tới (UNFCCC 2019) đã được các chính phủ tán thành nhất trí bằng việc kêu gọi lãnh đạo hoặc đóng góp vào các hành động thúc đẩy bình đẳng giới trong tiến trình UNFCCC và hỗ trợ trong tất cả các hoạt động. GAP mới nhất được xây dựng dựa trên GAP đầu tiên và giải quyết các nhu cầu mới xuất hiện trong việc nhân rộng các giải pháp khí hậu có công bằng giới và triển khai nhiều hành động hơn. Các hoạt động này tập trung vào: i) Tính đến quyền con người trong hành động vì khí hậu, ii) Bao gồm những thách thức đặc biệt mà người bản địa phải trải qua và iii) Thúc đẩy hành động trong việc phát triển các giải pháp công nghệ khí hậu có tính đáp ứng giới và bảo tồn tri thức bản địa.

GAP đặt ra các mục tiêu và hoạt động trong năm lĩnh vực ưu tiên nhằm nâng cao kiến thức và hiểu biết về hành động khí hậu có đáp ứng giới và lồng ghép chặt chẽ vấn đề này trong việc thực hiện UNFCCC và công việc của các Bên, Ban thư ký, các tổ chức của Liên hợp quốc và tất cả các bên liên quan tại tất cả các cấp, cũng như sự tham gia có ý nghĩa, bình đẳng và đầy đủ của phụ nữ vào quá trình UNFCCC. Bao gồm:

- i) Xây dựng năng lực, kiến thức quản lý và truyền thông
- ii) Cân bằng giới, sự tham gia và sự lãnh đạo của phụ nữ
- iii) Thực hiện đồng bộ và nhất quán các nhiệm vụ và hoạt động liên quan đến giới
- iv) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm giới và các phương tiện thực hiện
- v) Báo cáo và giám sát

Các yếu tố thúc đẩy và chiến lược hình thành UNFCCC

Điều quan trọng là phải hiểu và học hỏi từ các yếu tố thúc đẩy góp phần vào việc lồng ghép giới trong UNFCCC. Một số yếu tố đóng góp chính bao gồm:

- i) Tăng sự ảnh hưởng của việc mở rộng các khung về quyền con người và phát triển bền vững trong cùng thời kỳ;
- ii) Tăng cường hiểu biết về nhu cầu bình đẳng giới như một bộ phận cấu thành của mô hình phát triển bền vững hiệu quả.
- iii) Nỗ lực tập hợp và phối hợp các bên bảo vệ cho bình đẳng giới bao gồm các cơ quan Liên hợp quốc, các tổ chức xã hội dân sự, học giả và nhà nghiên cứu bao gồm các mạng lưới hàng đầu như Liên minh toàn cầu về giới và Khí hậu (GGCA), GenderCC, LIFE e.V., etc.;
- iv) Gắn kết các nghiên cứu và bằng chứng về mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhấn mạnh là vai trò cơ chế của các tổ chức ảnh hưởng chiến lược đến các quy trình. Bao gồm:

- i) **Quỹ dành cho đại biểu phụ nữ (WDF):** Nhận thấy sự cần thiết phải hỗ trợ sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và vai trò lãnh đạo trong các cuộc đàm phán về khí hậu của Liên hợp quốc, đặc biệt là từ các quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu, Chính phủ Phần Lan đã hợp tác với Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO) dưới sự bảo trợ của GGCA để khởi động WDF vào năm 2009. WDF hoạt động để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong đoàn đại biểu quốc gia tham gia các cuộc đàm phán về khí hậu bằng cách cung cấp hỗ trợ đi lại, đặc biệt cho các đại biểu từ các nước kém phát triển nhất (LDCs) và bằng việc xây dựng kỹ năng lãnh đạo thông qua kiến thức và các vấn đề kỹ thuật nâng cao năng lực liên quan đến các cuộc đàm phán, truyền thông và các phương tiện truyền thông (Aguilar, et al 2015).
- ii) **Cơ quan bầu cử Phụ nữ và Giới (WGC):** Trong 15 năm đầu tham gia mang tính không chính thức, các tổ chức của phụ nữ đã hoạt động tích cực trong UNFCCC kể từ khi thành lập. Năm 2008, các tổ chức xã hội dân sự của phụ nữ đang hoạt động đã đăng ký đại biểu tạm thời để được công nhận chính thức và có các kênh chính thức để có thể cung cấp thông tin đầu vào cho quá trình đàm phán. Sự tham gia của WGC với vai trò đại biểu tạm thời được thực hiện từ năm 2009. WGC bắt đầu hoạt động chính thức vào năm 2015 và có thể đệ trình và tham gia Hội đồng quốc tế, cũng như tham gia vào một loạt các hội thảo và các sự kiện liên quan khác. Tổ chức này cũng hợp tác chặt chẽ với các đoàn đại diện khác, bao gồm thanh niên, người dân bản địa, công đoàn và các tổ chức phi chính phủ về môi trường (NGO) (Aguilar, et al 2015).

iii) **Động lực cho sự thay đổi - Phụ nữ vì Kết quả (W4R):** Vào năm 2012, ban thư ký của UNFCCC, với sự hỗ trợ từ Quỹ Rockefeller, đã đưa ra sáng kiến “Động lực cho sự thay đổi”, sáng kiến này công nhận các giải pháp đổi mới và chuyển đổi nhằm giải quyết cả biến đổi khí hậu và các thách thức kinh tế, xã hội và môi trường rộng hơn. Với hoạt động được gọi là Hoạt động Ngọn hải đăng, các dự án giành chiến thắng trong cuộc thi uy tín này nằm trong các hạng mục cụ thể, bao gồm một hạng mục được gọi là Phụ nữ vì Kết quả. Những dự án chiến thắng có cơ hội tham gia và giới thiệu dự án của họ tại COP năm tiếp theo. Các dự án này cũng được tiếp cận với các nhà hoạch định chính sách và các nhà tài trợ tiềm năng trong suốt hội nghị; sự công nhận của ban thư ký về Biến đổi khí hậu của LHQ; hỗ trợ quan hệ công chúng và đào tạo truyền thông; nhận các tài liệu tiếp thị, bao gồm cả video quảng cáo; một trang riêng về dự án của họ trên trang web của UNFCCC; và bộ ảnh chuyên nghiệp (UNFCCC website).

KHUNG SENDAI VỀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI (GNRRTT)

Khung hành động Hyogo 2005 (HFA), là một kế hoạch 10 năm để giảm thiểu rủi ro thiên tai, được phát triển tại Hội nghị Thế giới về Giảm thiểu rủi ro thiên tai (GNRRTT) ở Kobe (Nhật Bản) nhằm nâng cao khả năng chống chịu của các quốc gia và cộng đồng đối với thiên tai. Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai 2015-2030 - công cụ kế thừa của HFA, đã được thông qua tại Hội nghị Thế giới lần thứ ba của LHQ ở Sendai (Nhật Bản) vào năm 2015. Các đặc điểm chính của Khung Sendai bao gồm: i) Nhấn mạnh về tăng cường quản lý rủi ro thiên tai thay vì quản lý thiên tai; ii) Tập trung vào phòng ngừa, giảm thiểu, sẵn sàng, ứng phó, phục hồi và xây dựng lại như một phần của quản lý rủi ro thiên tai; iii) Công nhận biến đổi khí hậu là tác nhân làm trầm trọng hơn các thiên tai và cũng là nguyên nhân dẫn đến rủi ro thiên tai; và iv) Kêu gọi sự thống nhất trong hành động GNRRTT, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và các chính sách khác để nâng cao hiệu lực và hiệu quả. Khung Sendai (UNDRR 2015) cũng có một kết quả, mục tiêu, bốn ưu tiên và bảy mục tiêu toàn cầu được nêu rõ ràng trong các phần sau:

Kết quả: Giảm thiểu đáng kể nguy cơ thiên tai và thiệt hại về cuộc sống, sinh kế và sức khỏe.

Mục tiêu: Ngăn ngừa rủi ro thiên tai mới và giảm thiểu rủi ro thiên tai hiện tại bằng việc thực hiện các biện pháp tổng hợp và bao trùm nhằm ngăn ngừa và giảm mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai, tăng cường khả năng sẵn sàng ứng phó và phục hồi cũng như tăng cường khả năng tái tạo lại.

Ưu tiên:

- i) Xây dựng các chính sách và các thực hành thực hành về hiểu biết liên quan đến rủi ro thiên tai ở tất cả các khía cạnh của nó như các yếu tố dễ bị tổn thương, năng lực, mức độ ảnh hưởng của con người và tài sản, các đặc trưng của các mối nguy cơ và môi trường.
- ii) Tăng cường quản trị nguy cơ thiên tai ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu để quản lý khả thi và hiệu quả rủi ro thiên tai. Điều này cần có tầm nhìn, kế hoạch, năng lực, hướng dẫn rõ ràng và phối hợp trong và giữa các ngành, và sự tham gia của các bên liên quan.
- iii) Đầu tư vào giảm nhẹ rủi ro thiên tai nhằm nâng cao khả năng phục hồi về kinh tế, xã hội, sức khỏe và văn hóa của con người, cộng đồng, quốc gia và tài sản của họ, và môi trường.
- iv) Tăng cường khả năng sẵn sàng ứng phó với thiên tai để ứng phó hiệu quả và “Xây dựng lại tốt hơn” trong việc phục hồi và tái thiết sau thiên tai. Trao quyền cho phụ nữ và người khuyết tật để họ tham gia lãnh đạo cộng đồng và các biện pháp ứng phó giúp họ có thể tiếp cận được và thúc đẩy bình đẳng giới và các tiếp cận về tái thiết và phục hồi, ứng phó tiếp cận phổ biến, các cách tiếp cận khôi phục lại, phục hồi và khả năng ứng phó có thể tiếp cận được phổ biến là yếu tố chính giải quyết vấn đề thiên tai.

Các mục tiêu toàn cầu:

- i) Giảm đáng kể tỷ lệ tử vong do thiên tai toàn cầu vào năm 2030, hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong trung bình trên 100.000 người trên toàn cầu trong thập kỷ 2020-2030 so với giai đoạn 2005 – 2015.
- ii) Giảm đáng kể số người bị ảnh hưởng trên toàn cầu vào năm 2030, hướng tới mục tiêu hạ thấp con số trung bình trên 100.000 người trên toàn cầu trong thập kỷ 2020–2030 so với giai đoạn 2005–2015;
- iii) Giảm thiểu thiệt hại kinh tế do thiên tai trực tiếp so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu vào năm 2030;
- iv) Giảm đáng kể thiệt hại do thiên tai đối với cơ sở hạ tầng quan trọng và sự gián đoạn của các dịch vụ cơ bản, trong đó có các cơ sở y tế và giáo dục, thông qua phát triển khả năng phục hồi của các cơ sở hạ tầng này vào năm 2030
- v) Tăng đáng kể số quốc gia có chiến lược giảm thiểu rủi ro và thiên tai cấp quốc gia và địa phương năm 2020.
- vi) Tăng đáng kể sự hợp tác quốc tế với các nước đang phát triển thông qua hỗ trợ đầy đủ và bền vững để bổ sung cho các hành động quốc gia của họ nhằm thực hiện Khung hiện tại vào năm 2030; và

vii) Tăng cường đáng kể tính sẵn có về khả năng tiếp cận các hệ thống cảnh báo sớm các nguy cơ, thông tin và đánh giá rủi ro thiên tai cho người dân vào năm 2030.

HFA có mục tiêu giảm đáng kể thiệt hại do thiên tai vào năm 2015 và có nhiệm vụ rõ ràng về “quan điểm giới cần được lồng ghép vào tất cả các chính sách, kế hoạch và quy trình ra quyết định về quản lý rủi ro thiên tai, bao gồm cả những vấn đề liên quan đến đánh giá rủi ro, cảnh báo sớm, quản lý thông tin và đào tạo và giáo dục”

Khung Sendai mở rộng diễn ngôn về giới trong nội dung của khung về:

Công nhận các vấn đề về giới là ưu tiên để nâng cao khả năng sẵn sàng ứng phó với thiên tai - “Giảm thiểu rủi ro thiên tai đòi hỏi sự tham gia và hợp tác của toàn xã hội. Nó cũng đòi hỏi sự trao quyền và bao trùm, để tiếp cận và sự tham gia không phân biệt đối xử, đặc biệt chú ý đến những người bị ảnh hưởng quá mức bởi thiên tai, đặc biệt là những người nghèo nhất. Quan điểm về giới, độ tuổi, khuyết tật và văn hóa cần được lồng ghép trong tất cả các chính sách và thực tiễn, đồng thời khuyến khích sự tham gia lãnh đạo của phụ nữ và thanh niên. Trong bối cảnh này, cần đặc biệt chú ý đến việc cải thiện các hoạt động tự nguyện có tổ chức của công dân”.

Công nhận vai trò của phụ nữ là bên liên quan chính - “Phụ nữ và sự tham gia của họ là rất quan trọng trong thiết kế và quản lý hiệu quả rủi ro thiên tai, cung cấp nguồn lực, thực hiện kế hoạch và chương trình, các chính sách giảm nhẹ rủi ro thiên tai có nhạy cảm giới; và các biện pháp nâng cao năng lực thích hợp cần được thực hiện để trao quyền cho phụ nữ trong việc chuẩn bị cũng như nâng cao năng lực của họ để đảm bảo các giải pháp sinh kế thay thế trong các tình huống sau thiên tai”.

Cơ quan Liên hợp quốc về Giảm thiểu rủi ro thiên tai (UNDRR) được giao nhiệm vụ hỗ trợ việc thực hiện, theo dõi và đánh giá Khung Sendai. Hướng tới điều này, UNDRR đã phát động Các cam kết tự nguyện khung Sendai (SFVC) trên nền tảng trực tuyến vào năm 2018 nhằm mục đích huy động, giám sát và đánh giá các cam kết từ nhiều bên liên quan để thực hiện khung này. Năm 2019, Chiến lược Quốc tế của Liên hợp quốc về giảm nhẹ Thiên tai (UNISDR) đã công bố báo cáo đầu tiên về SFVC, tổng hợp và phân tích các cam kết tự nguyện được công bố cho đến nay. Báo cáo nêu rõ những khoảng trống trong việc thực hiện nhiệm vụ về giới. Chỉ có sáu cam kết tự nguyện; về khía cạnh Giới chỉ có 3% các chủ đề được đề cập trong các cam kết tự nguyện. Báo cáo nêu rõ, “Cần tăng cường tập trung vào Ưu tiên cho Hành động 3, Mục tiêu D và F, các chủ đề như trẻ em và thanh thiếu niên, giới và khoa học & công nghệ cùng với các mối nguy cơ có liên quan đến bối cảnh thực hiện các Cam kết tự nguyện” (UNDRR 2019)

Khung quốc gia về BĐKH/ GNRRT và Lồng ghép giới.

Thông qua các cơ chế và chương trình khác nhau được xác định theo UNFCCC, các quốc gia đã có cơ hội xác định các nhu cầu, ưu tiên, chiến lược và hành động về biến đổi khí hậu theo nhiều cách khác nhau. Quan trọng nhất trong số đó là Truyền thông Quốc gia, Kế hoạch Hành động thích ứng quốc gia (NAPA), Các kế hoạch Thích ứng Quốc gia và Đóng góp do Quốc gia tự quyết (NDCs). Phần này cung cấp tổng quan ngắn gọn về hai cơ chế liên quan đến lập kế hoạch, KHHĐTƯQG và NAPs.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THÍCH ỨNG QUỐC GIA

Marrakesh COP 2001 đã thiết lập chương trình làm việc của Các nước kém Phát triển nhất (LDCs), với mục đích hỗ trợ họ giải quyết các vấn đề dễ bị tổn thương. Điều này bao gồm Kế hoạch hành động thích ứng Quốc gia cung cấp một quy trình cho các nước kém phát triển để xác định các hoạt động ưu tiên đáp ứng các nhu cầu cấp bách và tức thời của họ về thích ứng với biến đổi khí hậu với bất kỳ phản ứng chậm trễ nào đối với các nhu cầu nói trên có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương hoặc dẫn đến chi phí cao hơn ở giai đoạn sau (UNFCCC website). Những đặc trưng chính của KHHĐTƯQG bao gồm:

- i) Xác định cụ thể các tính chất dễ bị tổn thương liên quan đến khí hậu và các nhu cầu thích ứng tức thời và khẩn cấp của các nước LDCs;
- ii) Cách tiếp cận đa ngành dựa trên các kế hoạch và chương trình hiện có với mục đích lồng ghép KHHĐTƯQG vào quy hoạch phát triển;
- iii) Không dựa trên nghiên cứu, với sự nhấn mạnh về các quy trình có sự tham gia. KHHĐTƯQG xây dựng dựa trên thông tin hiện có với ý kiến đóng góp của cộng đồng là một nguồn quan trọng;
- iv) Chứa danh sách các hoạt động và dự án thích ứng đã được xếp hạng ưu tiên, với các hồ sơ ngắn gọn của mỗi dự án để hỗ trợ trong xây dựng các đề xuất để thực hiện;
- v) Định hướng hành động, định hướng quốc gia, linh hoạt và dựa trên bối cảnh quốc gia; và;
- vi) Được trình bày dưới dạng đơn giản, dễ hiểu đối với cả những người ra quyết định ở cấp chính sách và công chúng.

Ngay khi KHHĐTƯQG được nộp lên ban thư ký UNFCCC, Các nước LDC đủ điều kiện để tiếp cận nguồn tài trợ từ Quỹ các nước kém phát triển nhất (LDCF), do Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) quản lý, để thực hiện KHHĐTƯQG. Tính đến tháng 12 năm 2017, 51 quốc gia đã hoàn thành và nộp KHHĐTƯQG tới Ban Thư ký UNFCCC (UNFCCC 2017)

KHHĐTƯQG đã được chuẩn bị tại các quốc gia ở Châu Á như: Afghanistan (2009), Bangladesh (2005; cập nhật 2009), Bhutan (2006), Cambodia (2007), Lao PDR (2009), Maldives (2008), Myanmar (2013), Nepal (2010), Timor-Leste (2011). Tất cả những nội dung này đều có tại trang <https://unfccc.int/topics/resilience/workstreams/national-adaptation-programmes-of-action/napas-received>

UNFPA và WEDO (2009) đã nhấn mạnh lý do tại sao phụ nữ hoặc những người ủng hộ bình đẳng giới nên quan tâm đến KHHĐTƯQG, đưa ra những câu hỏi quan trọng cần xem xét trong KHHĐTƯQG bao gồm:

- > Các yếu tố dễ bị tổn thương chính cần được xác định là gì?
 - o Các ưu tiên và mối quan tâm của phụ nữ ở cấp quốc gia đã được xác định và xem xét chưa?
- > Các hoạt động được ưu tiên trong KHHĐTƯQG tại các quốc gia là gì và ai sẽ được hưởng lợi từ hoạt động này?
 - o Sinh kế của nam giới và phụ nữ sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi những lựa chọn này?
 - o Có bao gồm các mối quan tâm về đói nghèo theo thời gian của phụ nữ không?
- > Các ý kiến đầu vào của cộng đồng đã được thu thập như thế nào trong giai đoạn chuẩn bị?
 - o Ai đã tham gia vào quá trình này?
 - o Phụ nữ và nam giới ở cấp cơ sở có tham gia vào quá trình tham vấn không?

Đã có một số kết quả đạt được tốt ở cấp quốc gia đối với những vấn đề này. Ví dụ:

- > Bangladesh đã đưa bình đẳng giới là một trong những tiêu chí để lựa chọn các hoạt động. Trong số 15 dự án được phác thảo, có ba dự án đưa phụ nữ vào trong nhóm đối tượng được hưởng lợi. Phụ nữ bản địa tham gia vào quá trình thực hiện KHHĐTƯQG.
- > Các nhóm phụ nữ đã tham gia vào việc xây dựng KHHĐTƯQG cho Eritrea. Một trong những dự án đặc biệt nhắm vào các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ.
- > Tại Malawi, các tổ chức phi chính phủ của phụ nữ đã được tham vấn trong quá trình chuẩn bị KHHĐTƯQG và giới là một trong tám tiêu chí để lựa chọn dự án. Các can thiệp được đề xuất bao gồm trao quyền cho phụ nữ thông

qua tiếp cận tài chính vi mô, đảm bảo tiếp cận dễ hơn với các nguồn nước và năng lượng, và phát triển chương trình điện khí hóa nông thôn. Ba trong số năm hoạt động ưu tiên sẽ phân tách người hưởng lợi theo độ tuổi và giới tính

Thật không may, không phải tất cả KHHĐTƯQG đều bao gồm trực tiếp phụ nữ hoặc việc tham gia của họ với tư cách là các bên liên quan. Nâng cao nhận thức trong cộng đồng về phân công lao động theo giới, đảm bảo học phí để trẻ em gái không phải bỏ học, làm việc trực tiếp với phụ nữ về các kỹ thuật hoặc hệ thống quyên góp bền vững, hoặc thậm chí thiết lập các sáng kiến tài chính vi mô cho phụ nữ và nam giới để xây dựng quỹ mua nước khẩn cấp điều này có thể đã được đưa vào KHHĐTƯQG bởi các hoạt động có nhạy cảm giới sẽ tăng cường tính hiệu quả mà dự án trước đó bị thiếu (UNFPA và WEDO 2009)

Vào tháng 4 năm 2009, Nhóm Cố vấn Giới tại Văn phòng cơ quan điều phối của LHQ về Cứu trợ Nhân đạo (OCHA) đã tiến hành xem xét 39 kế hoạch có hiệu lực khi đó. Đưa ra kết luận rằng mặc dù một số KHHĐTƯQG đề cập đến bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ như là các nguyên tắc, nhưng không có nội dung nào thể hiện cam kết rõ ràng đối với các nguyên tắc này bằng cách lồng ghép giới trong các tài liệu. Chỉ khoảng một nửa số KHHĐTƯQG xác định được các tác động có phân biệt theo giới do biến đổi khí hậu, và; hầu hết những phụ nữ được nhìn nhận là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương.

Ngoài ra, rất ít KHHĐTƯQG thể hiện cam kết về bình đẳng giới thông qua các dự án của họ, mặc dù một số tuyên bố rằng bình đẳng giới và/hoặc trao quyền cho phụ nữ đã được định hướng cho dự án. Ví dụ, cả KHHĐTƯQG đối với Bangladesh và Campuchia đều không bao gồm phụ nữ là bên liên quan hoặc tác nhân hoặc quan tâm cụ thể đến vị trí của phụ nữ và trẻ em gái trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Thay vào đó, phụ nữ được xác định là những nhóm dễ bị tổn thương nhất và cần được bảo vệ (UN Women 2016).

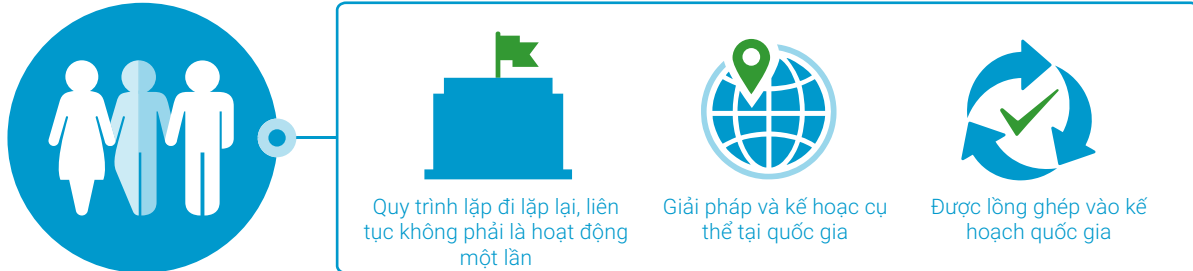
Mặc dù hầu hết KHHĐTƯQG đã được xây dựng, nhưng không phải tất cả các dự án đều đã được phê duyệt và vẫn có cơ hội ảnh hưởng đến quá trình đó, đặc biệt là ở cấp quốc gia và các cơ quan thực hiện. Việc phụ nữ thường xuyên được đưa vào danh sách nhóm "dễ bị tổn thương nhất" vì vậy nên họ trở thành mục tiêu chính của các dự án KHHĐTƯQG, cung cấp hướng dẫn vào để đảm bảo rằng nhu cầu cụ thể của họ được tính đến.

KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG QUỐC GIA

Tiến trình Kế hoạch Thích ứng Quốc gia được thành lập vào năm 2011 tại Durban (Nam Phi). Năm 2012, một nhóm chuyên gia của UNFCCC đã xây dựng một bộ hướng dẫn kỹ thuật NAP chi tiết để hỗ trợ các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất (LDCs), với việc lập kế hoạch thích ứng.

Quá trình NAPs được xây dựng dựa trên nguyên tắc lập kế hoạch thích ứng là một quá trình liên tục, phát triển và lặp

HÌNH 2-1: ĐẶC TRƯNG CHÍNH VỀ CÁCH TIẾP CẬN NAPs



Source: Adapted from McGray (2014).

đi lặp lại. Do đó, NAPs là một quá trình linh hoạt kết hợp các chiến lược và ưu tiên của địa phương theo các hướng dẫn quốc tế. NAPs hướng dẫn các quốc gia tiến hành lập kế hoạch toàn diện về thích ứng với khí hậu trung và dài hạn, dựa trên các hoạt động thích ứng hiện có của mỗi quốc gia và giúp lồng ghép biến đổi khí hậu vào quá trình ra quyết định của quốc gia.

Quy trình có bốn yếu tố chính, mỗi yếu tố bao gồm bốn đến năm bước. Bốn yếu tố KHTƯQG bao gồm:

- i) Đặt nền móng, bao gồm việc đánh giá nhu cầu, cơ hội, các điểm đầu vào và các nguồn lực chính để thích ứng. Nó cũng bao gồm việc thiết lập một khung thể chế quốc gia cho BĐKH/GNRRTT trong nước cùng với nhiệm vụ pháp lý hoặc hành chính để hợp pháp hóa quy trình. ii) Các yếu tố chuẩn bị bao gồm các hoạt động phân tích để lấp đầy những khoảng trống thông tin đã xác định ở trên. Điều này có thể bao gồm đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương, xem xét các lựa chọn thích ứng phù hợp, tổng hợp và kết hợp các kế hoạch thích ứng hiện có từ các bộ quản lý ngành hoặc chính quyền địa phương, giữa những bên khác.
- iii) Các chiến lược thực hiện xây dựng trên thông tin và tiêu chí từ yếu tố thứ hai để thiết lập các ưu tiên và quyết định trình tự các hoạt động. Những điều này có thể tập trung vào làm thế nào để đem lại sự thích ứng với các rủi ro thiên tai, xây dựng năng lực cần thiết và thiết lập vai trò và trách nhiệm để phối hợp thực hiện với các bên.
- iv) Cơ chế báo cáo, giám sát và rà soát.

Quá trình KHTƯQG đưa ra nhiệm vụ rõ ràng về bình đẳng, đồng thời khẳng định các quốc gia “tuân theo cách tiếp cận do quốc gia định hướng, nhạy cảm về giới, có sự tham gia và hoàn toàn minh bạch, có tính đến nhóm, cộng đồng và hệ sinh thái dễ bị tổn thương”.

Do đó, quá trình phát triển NAPs là một cơ hội quan trọng để thúc đẩy bình đẳng giới trong sự sẵn sàng và lập kế hoạch về khí hậu. UNFCCC và các tổ chức giới khác đã xây dựng các phương pháp tiếp cận và công cụ để thực hiện những điều này (được mô tả chi tiết trong phần tiếp theo).

NAPs không giống như KHHĐTƯQG

KHHĐTƯQG sử dụng một quy trình tám bước ít linh hoạt hơn, dẫn đến một danh sách những dự án rời rạc, không tạo thành một kế hoạch tổng thể. KHHĐTƯQG tập trung vào các nhu cầu thích ứng cấp bách và tức thời nhất của các nước LDCs, và được liên kết để tài trợ theo quỹ LDC của GEF.

Mặt khác, KHTƯQG là một quá trình lặp đi lặp lại tập trung vào việc lồng ghép BĐKH/GNRRTT trong khung kế hoạch phát triển quốc gia hiện tại. KHTƯQG tính đến các nhu cầu thích ứng trung hạn và dài hạn. KHTƯQG không được liên kết với bất kỳ nguồn tài trợ nào. Ngoài các nước kém phát triển, các nước đang phát triển cũng được khuyến khích xây dựng KHTƯQG tại quốc gia đó. Nguồn: đã xác định không hợp lệ

ĐÓNG GÓP DO QUỐC GIA TỰ QUYẾT ĐỊNH (INDCs)

Trước Thỏa thuận Paris vào năm 2015, mỗi quốc gia ký kết đã được mời phác thảo các hành động khí hậu trong nước mà họ dự định thực hiện theo thỏa thuận mới. Những phác thảo này được gọi là Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (INDCs). INDCs phản ánh khát vọng của một quốc gia bằng cách vạch ra các bước mà chính phủ sẽ thực hiện để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, tính toàn vẹn và năng lực về môi trường. Mục đích chính của INDC là khuyến khích các cam kết với mong muốn liên quan đến giảm nhẹ biến đổi khí hậu hoặc giảm phát thải GHG. Các bên cũng được mời tham gia một hợp phần thích ứng và bổ sung thông tin để “tạo điều kiện cho sự minh bạch, hiểu biết và rõ ràng” về INDC.

WEDO(2016) đã thực hiện phân tích giới của 190 INDCs đã nộp cho UNFCCC. Trong số 64 INDC có đề cập đến phụ nữ hoặc giới, 27 INDCs đã đề cập trong bối cảnh thích ứng, 12 INDCs đã đề cập trong bối cảnh giảm thiểu và chỉ 22 INDCs đã đề cập như là một vấn đề xuyên suốt. Hơn nữa, 34 quốc gia đề cập đến phụ nữ là đối tượng dễ bị tổn thương, khoảng

HÌNH 2-2: CÁC KHÓA CẠNH TRÁCH NHIỆM GIỚI TRONG NDCS



Nguồn: Điều chỉnh (GGA và UNDP 2016)

15 quốc gia coi phụ nữ là người ra quyết định và chỉ có sáu quốc gia coi phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi.

INDC chuyển thành Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) ngay khi một quốc gia tham gia chính thức Thỏa thuận Paris. GGCA và UNDP (2016) đã xác định xây dựng bốn khối cốt lõi trong quy trình NDC, có thể được sử dụng làm đầu vào để hình thành NDC. Được tập hợp lại trong Hình 2-2.

Ngoài ra còn có điều khoản về việc rà soát và cập nhật NDCs trong 5 năm. Tính đến tháng 9 năm 2020, 186 Bên đã nộp NDC đầu tiên và hai Bên đã nộp NDCs thứ hai của họ (UNFCCC Website 2020). Với chu kỳ rà soát 5 năm NDCs đang trong tiến trình thực hiện, đây là thời điểm thích hợp để lồng ghép bình đẳng giới vào kế hoạch và hành động quốc gia về biến đổi khí hậu, cùng với sự cân đối của kế hoạch và chính sách về giới và biến đổi khí hậu giữa các bộ, ngành khác nhau tại các quốc gia (GGCA và UNDP 2016).

CÁC CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH BDKH/GNRRTT TRONG NƯỚC

Tác động có thể xảy ra của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững đã được ghi nhận đầy đủ. Nhận thức được điều này, nhiều nước đang phát triển ở châu Á, đặc biệt là các nước kém phát triển, đã xây dựng nhiều chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai, bao gồm các chính sách, chiến lược và kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu. Nhiều nước LDCs cũng đã cam kết lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy trình và kế hoạch phát triển. Ví dụ, Bhutan đã bao gồm khả năng chống chịu khí hậu và mục tiêu trung hòa các-bon là kết quả chính ở cấp quốc gia và cấp ngành trong Kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ 11 (2013-2018) (Yangka, et al 2018).

Trong khi một số quốc gia đã đạt được một số tiến bộ, việc lồng ghép giới vào các chính sách và kế hoạch BDKH/GNRRTT cấp quốc gia này vẫn còn là một thách thức. Đánh giá của UN Women về các chính sách và kế hoạch chính của BDKH/GNRRTT chỉ ra rằng các quốc gia ở Nam và Đông Nam Á cho thấy sự tiến bộ trong việc lồng ghép bình đẳng giới ở cấp độ chính sách; mặc dù nhiều chiến lược và chính sách mô tả phụ nữ là nạn nhân dễ bị tổn thương và cần được trợ giúp hơn là những công dân có khả năng và bình đẳng về các quyền như nam giới (UN Women 2016). Bảng 4 tập hợp một số BDKH/GNRRTT chính về các chính sách và kế hoạch quốc gia ở châu Á cùng với các thành phần lồng ghép giới trong cùng một số nước.

Các chính sách giảm thiểu rủi ro thiên tai có xu hướng nâng cao về giới hơn so với chính sách về biến đổi khí hậu. Chiến lược quốc tế về giảm nhẹ thiên tai của Liên hợp quốc “để bao gồm giới đã thực hiện các bước cụ thể” vào Kế hoạch hành động quốc gia về giảm thiểu rủi ro thiên tai mà các quốc gia xây dựng theo (Aguilar, et al 2015).

BẢNG 2-1: ĐÁNH GIÁ LỒNG GHÉP GIỚI ĐỐI VỚI CÁC KẾ HOẠCH BDKH/GNRRTT Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á ĐƯỢC CHỌN

QUỐC GIA	BDKH/GNRRTT CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH/ CHÍNH SÁCH QUỐC GIA	KHIA CẠNH LỒNG GHÉP GIỚI
Afghanistan	KHHĐTƯQG (2009) Chiến lược phát triển quốc gia (2008- 2013)	Trình bày rất ngắn gọn với một tuyên bố rằng biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến phụ nữ theo cách khác nhau, nhưng không cụ thể
Bangladesh*	KHHĐTƯQG (2005, updated 2009) Kế hoạch hành động và chiến lược biến đổi khí hậu bangladesh (2008), Chiến lược quốc gia về giảm nghèo nhanh (2009-2011)	Lồng ghép vào chính sách và thiết kế dự án. Được thảo luận rộng rãi trong tài liệu, với các yếu tố dễ bị tổn thương cụ thể hoặc năng lực được xác định
Bhutan	KHHĐTƯQG (2006) Kế hoạch năm thứ 10 (2008-2013) Kế hoạch phát triển 5 năm lần thứ 11 (2013-2018)	Nhận thức hạn chế về khả năng và tính dễ bị tổn thương theo đặc trưng giới. Hầu hết các dự án đều nhằm vào cơ sở hạ tầng và giảm mức độ nguy hại, do đó, việc chú ý đến khía cạnh con người còn hạn chế
Cambodia*	KHHĐTƯQG (2006) Kế hoạch chiến lược biến đổi khí hậu ở Cambodia (CCCSP) (2014-18) Kế hoạch chiến lược về giới và biến đổi khí hậu (2013-2023) Kế hoạch chiến lược về biến đổi khí hậu ở Cambodia (2014-23)	Đã xác định bình đẳng giới là một trong những nguyên tắc chỉ đạo để giảm tính dễ bị tổn thương và xác định các mục tiêu chiến lược về giới và biến đổi khí hậu. Ba trong số tám mục tiêu của CCCSP đã coi các vấn đề về giới hoặc xác định phụ nữ là người thụ hưởng. Các vấn đề về giới cũng được lồng ghép trong phần giám sát và đánh giá
	Kế hoạch hành động quốc gia và giảm thiểu rủi ro thiên tai (2014-2018) Kế hoạch chiến lược về biến đổi khí hậu cho lĩnh vực quản lý thiên tai (2013) Luật quản lý thiên tai (2015)	Kế hoạch năm 2013 chỉ có một đề cập đến việc thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ. Kế hoạch năm 2014 đã ghi nhận tác động không tương xứng đối với phụ nữ và cũng có một cấu phần chiến lược để đánh giá sau thiên tai được phân tách theo giới. Điều 18 của Luật cũng đề cập đến sự cần thiết phải “quan tâm nhiều đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật và khuyết tật” trong trường hợp có thiên tai”.
Ấn Độ	Kế hoạch hành động biến đổi khí hậu Quốc gia (NAPCC) (2008), Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2007-2012)	Tác động khác biệt của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ đã được công nhận nhưng không được thảo luận trong tài liệu chính của NAPCC.
Nepal	KHHĐTƯQG (2010) Kế hoạch tạm thời 3 năm (2007-2010)	Năng lực và các yếu tố dễ bị tổn thương về giới được giải quyết là một vấn đề xuyên suốt trong chính sách. Nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương cụ thể về giới được thực hiện như một phần của quy trình chính sách.
Việt Nam	Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu 2011.	Mục tiêu cụ thể bao gồm các mối quan tâm ưu tiên của phụ nữ về lương thực, nước uống và bình đẳng giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Nguồn: Phỏng theo (UN Women 2016) và (Rggers và Lim 2019)

Bangladesh và Cambodia cũng đã xây dựng kế hoạch hành động về giới và biến đổi khí hậu (KHHĐG&BĐKH) sẽ được thảo luận trong phần tiếp theo.

KHUNG BDKH/GNRRTT QUỐC GIA TẠI BANGLADESH – SỰ KẾT HỢP CỦA CHÍNH SÁCH, KẾ HOẠCH VÀ CƠ CHẾ THEO DÕI.

Bangladesh là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu và thiên tai. Quốc gia này tham gia vào tất cả các quá trình phát triển của chương trình khí hậu quốc tế, đặc biệt là về lập kế hoạch thích ứng. Chính phủ Bangladesh đã thông qua nhiều bước để tăng cường cách tiếp cận nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, đồng thời lồng ghép các mối quan tâm về giới và phụ nữ vào cùng một cách tiếp cận.

A. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Chiến lược và kế hoạch hành động Biến đổi khí hậu Bangladesh (BCCSAP) có hiệu lực vào năm 2009 như là một phần mở rộng của KHHĐTƯQG. Kế hoạch tập trung vào các chiến lược trung hạn và dài hạn trong sáu lĩnh vực chủ đề:

i) An ninh lương thực, bảo trợ xã hội và sức khỏe, ii) Quản lý thiên tai toàn diện; iii) Cơ sở hạ tầng; iv) Nghiên cứu và quản lý tri thức; v) giảm thiểu và phát triển sản xuất các-bon thấp và vi) Nâng cao năng lực và tăng cường thể chế cho hỗ trợ về khí hậu.

BCCSAP ban đầu chỉ tập trung coi phụ nữ như nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, có nêu rõ: “Các nhu cầu của người nghèo và người dễ bị tổn thương, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em, sẽ được ưu tiên trong tất cả các hoạt động của Kế hoạch Hành động.” Năm 2013, KHHĐG&BĐKH đã được phát triển bởi Bộ Môi trường và Rừng (MoEF) của Bangladesh. KHHĐG&BĐKH cũng vạch ra các mục tiêu và hoạt động rõ ràng với các chỉ số có thể kiểm chứng được trong phạm vi của bốn trụ cột của BCCSAP 2009, và nêu rõ những đóng góp cụ thể mà phụ nữ có thể thực hiện. KHHĐG&BĐKH này được thiết kế tốt với sự hỗ trợ của Hiệp hội quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN), và cung cấp một phương tiện quan trọng để đảm bảo rằng giới được lồng ghép vào các khuôn khổ chính sách hiện có. Có hai lĩnh vực cụ thể của BCCSAP trong đó giới đóng vai trò chính: 1) T1P9, Bảo vệ sinh kế của các nhóm kinh tế xã hội dễ bị tổn thương (bao gồm phụ nữ), và 2) T6P4, Lồng ghép giới vào những vấn đề trong quản lý biến đổi khí hậu. Trong số 44 chương trình thuộc BCCSAP, 22 chương trình đề cao giới như một khía cạnh quan trọng.

B. CÁC CƠ CHẾ TÀI TRỢ

BCCSAP được thực hiện thông qua hai cơ chế tài trợ: 1) Quỹ ủy thác tài trợ đa bên về Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCRF) và 2) Quỹ Ủy thác về Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCTF). CCRF được hỗ trợ thông qua Sáng kiến Plus của Liên minh Biến đổi Khí hậu Toàn cầu (GCCA+); 80% kinh phí dành cho các bộ/ban ngành để thực hiện các dự án liên quan đến khí hậu, BCCTF được cung cấp tài trợ hàng năm bởi bộ tài chính và bộ này sẽ tài trợ cho các sáng kiến của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các cơ quan nghiên cứu về quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch hành động giới vẫn còn hạn chế do thiếu sự liên kết cụ thể với việc phân bổ ngân sách cho một số lượng lớn các bộ hoặc cơ quan.

C. CƠ CHẾ THEO DÕI:

Rà soát thể chế và chi tiêu công về khí hậu (CPEIR) đã được thực hiện trong năm tài chính 2012. Dựa trên các khuyến nghị CPEIR, chính phủ xây dựng Khung tài chính khí hậu (CFF) vào năm 2014 để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính về khí hậu trong nước và quốc tế trong quy trình ngân sách quốc gia. CFF thiết kế Khung theo dõi chi tiêu cho biến đổi khí hậu (CETF) cho phép theo dõi và giám sát các khoản chi liên quan đến khí hậu một cách có hệ thống và minh bạch. Trong năm 2012, CPEIR cũng đã xác định có tới 37 đơn vị và bộ. Mỗi Bộ chủ quản được yêu cầu giải thích riêng “từng mục tiêu chiến lược và các hoạt động liên quan đến mục tiêu đó sẽ đóng góp như thế nào đối với các mục tiêu của chính phủ về xóa đói giảm nghèo và sự phát triển của phụ nữ”. Đây là một động thái quan trọng trong việc hiểu được cách thức quỹ đóng góp vào sự phát triển của phụ nữ.

D. CÁC CƠ CHẾ THỂ CHẾ.






Bộ Môi trường và Lâm nghiệp (MoEF) là cơ quan chính của chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng, điều phối và thực hiện chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu, phối hợp với các tổ chức quốc gia và quốc tế liên quan. Cơ quan ủy thác Biến đổi khí hậu Bangladesh (BCFA) thuộc Bộ là cơ quan điều phối chính cho các dự án biến đổi khí hậu trên toàn quốc. Đối với Quỹ khả năng phục hồi, Hội đồng điều hành là cơ quan ra quyết định chính, do Bộ trưởng Bộ Môi trường và Lâm nghiệp chủ trì. Hội đồng này bao gồm sáu bộ trưởng và hai đại diện từ các đối tác phát triển, hai đại diện từ các tổ chức xã hội dân sự và Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới với tư cách là quan sát viên. Palli Karma-Sahayak Foundation (PKSF), một công ty phi lợi nhuận thuộc sở hữu nhà nước, công ty này đã tài trợ cho các chương trình tính dụng vi mô, được chính phủ Bangladesh giao nhiệm vụ điều phối 10% nguồn vốn đổ vào quỹ khả năng phục hồi cho các tổ chức phi chính phủ, CSO và các đối tác thực hiện tư nhân.

Tuy nhiên, sự phê phán chính đối với bối cảnh chính sách là sự thất bại trong việc tạo ra trách nhiệm pháp lý và cơ chế thể chế để đảm bảo lồng ghép giới trong việc phê duyệt các dự án, đặc biệt là trong việc phân bổ ngân sách. Cũng chưa có cơ chế thể chế để điều phối và hài hòa các can thiệp liên ngành trong các chương trình biến đổi khí hậu của các bộ liên quan. Hiện tại KHHĐG&BĐKH không triển khai. Một hạn chế lớn khác là việc thực hiện kế hoạch ở các cấp địa phương. Với mức độ lồng ghép giới ở cấp địa phương vẫn chưa rõ ràng, việc chuyển dịch chính sách quốc gia về bình đẳng giới thành hành động tại địa phương vẫn là một thách thức.

MÔ-ĐUN 2 PHẦN B:

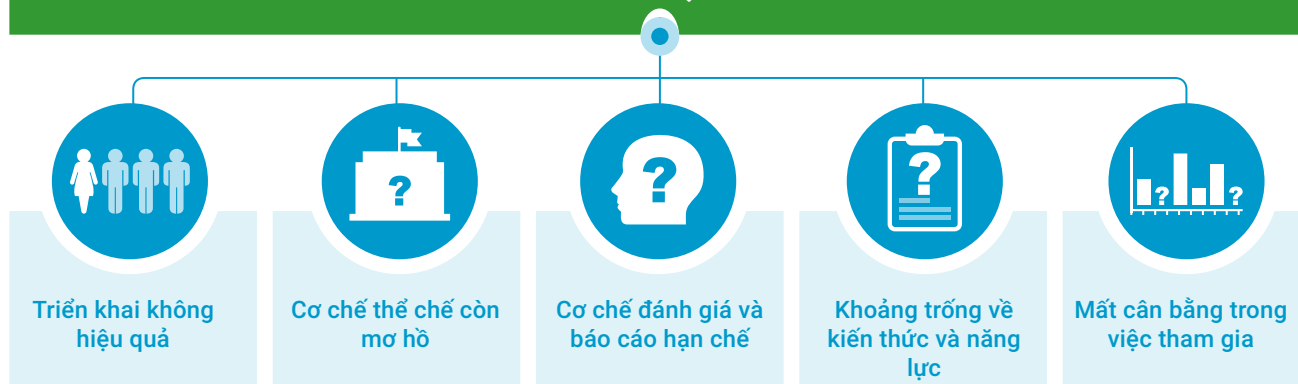
3:00:00

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH VÀ KẾ HOẠCH QUỐC GIA.

TỔNG QUAN 	<p>Sau phần này, các học viên sẽ có thể liên hệ được những thách thức đối với việc lồng ghép giới và xác định các chiến lược và điểm đầu vào trong chu trình lập kế hoạch và chính sách quốc gia ở quốc gia của họ. Học viên cũng phải có khả năng nhận thức được vai trò của các tổ chức xã hội dân sự với tư cách là người ủng hộ và tạo điều kiện cho việc lồng ghép giới trong các cơ chế lập kế hoạch BDKH/GNRRTT quốc gia và trong tất cả các hoạt động truyền thông quốc gia.</p>	
NỘI DUNG 	<p>a) Khoảng trống và thách thức đối với lồng ghép giới. b) Các chiến lược về lồng ghép giới. a. Cân bằng giới trong quản trị và thể chế. b. Lồng ghép giới vào xây dựng KHTUQG. c. Kế hoạch hành động với và biến đổi khí hậu. d. Đánh giá và giám sát về nhận thức giới. e. Nghiên cứu trường hợp quốc gia - Cambodia</p> <p>c) Vai trò của CSOs trong lồng ghép giới vào kế hoạch và chính sách BDKH/GNRRTT quốc gia. a. Các nghiên cứu trường hợp quốc gia - India và Sri Lanka</p>	
TÀI LIỆU 	<p>> Bài trình bày Power point > Bảng trắng và bút đánh dấu.</p> <p>> Giấy và bút viết bảng. > Tài liệu phát tay.</p>	
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ tổng quan và nội dung phần học.
	40 phút	Đóng vai với tiểu phẩm 'Batokas and Gonkas' về sự cần thiết lồng ghép giới trong chính sách (xem bài tập 13).
	30 phút	Bản trình bày PowerPoint về Khoảng trống và thách thức trong lồng ghép giới". (nên dùng cho khóa cơ bản). HOẶC Thảo luận nhóm nhỏ về "Khoảng trống và thách thức về lồng ghép giới", (Nên dùng cho khóa nâng cao)
	45 phút	Bài thuyết trình PowerPoint về "Chiến lược Lồng ghép giới vào quản trị và thể chế, các kế hoạch thích ứng Quốc gia (NAPs), kế hoạch hành động biến đổi khí hậu và giới (KHHĐG&BDKH)"
	60 phút	Thảo luận dựa trên trường hợp điển hình về: Hướng đầu vào cho CSOs- Xây dựng chính sách BDKH/GNRRTT Quốc gia (Xem bài 14 và tài liệu phát tay 11).
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu buổi học với chia sẻ tổng quan và nội dung bài học. Chia người tham gia vào hai nhóm và tạo điều kiện để học viên thực hành hoạt động đóng vai 'Batokas and Gonkas' (Xem bài tập 13). Hoạt động đóng vai này khiến người tham gia có các cảm xúc nhạy cảm hơn. Do đó, chia học viên thành các nhóm năng nổ và thụ động dựa trên hành vi của họ trong suốt quá trình đào tạo (mà không nói với họ điều đó). Giao cho họ các vai trò - nhóm thụ động sẽ là Batokas và nhóm năng nổ sẽ là Gonkas. Thông qua bài tập giảng viên chỉ muốn họ trải nghiệm cảm giác theo những gì diễn ra trong vở kịch.</p> <p>Đối với khóa học nâng cao, hãy chuyển sang thảo luận nhóm nhỏ bằng cách chia những người tham gia thành năm nhóm và cung cấp cho họ một chủ đề và nội dung liên quan từ các ghi chú kỹ thuật để thảo luận (xem phần gợi ý đối với giảng viên). Tiếp theo trình bày PowerPoint về "Các chiến lược để lồng ghép giới vào: Quản trị và thể chế, Các kế hoạch thích ứng quốc gia (NAPs), và Kế hoạch hành động biến đổi khí hậu và giới (KHHĐG&BDKH). Đối với các khóa học cơ bản, hãy kết hợp hai phiên thành một với một bài thuyết trình chung về "Khoảng trống và Thách thức" và "Chiến lược và Hướng đầu vào" (xem gợi ý cho giảng viên). Đưa ra nghiên cứu điển hình. Một nghiên cứu điển hình về Campuchia để tham khảo, đưa vào cả bài thuyết trình. Tuy nhiên, nếu học viên đến từ các quốc gia khác, hãy sử dụng trường hợp tại Bangladesh để cung cấp cho họ thông tin chi tiết về khung BDKH/GNRRTT tại quốc gia của họ. Bạn có thể sử dụng các chính sách và kế hoạch dành riêng cho từng quốc gia được nêu trong Bảng 4: Đánh giá Lồng ghép giới đối với các kế hoạch BDKH/GNRRTT ở các Quốc gia Châu Á được chọn làm tài liệu tham khảo cho nội dung này. Kết thúc phần thảo luận dựa trên nghiên cứu điển hình về "Xây dựng các Chính sách BDKH/GNRRTT Quốc gia - Hướng đầu vào cho CSOs" (Xem Bài tập 14 và Tài liệu hướng dẫn 11). Trọng tâm của cuộc thảo luận này nên là xây dựng một kế hoạch hành động về vai trò và trách nhiệm của các tổ chức xã hội dân sự trong việc lồng ghép giới vào các chính sách và chương trình BDKH/GNRRTT, cũng như xác định các bên liên quan tiềm năng để tạo ra một mạng lưới đưa giới vào các dự án BDKH/GNRRTT ở cả cấp độ địa phương và quốc gia.</p>	

Khoảng trống và các thách thức để lồng ghép giới trong các kế hoạch và chính sách quốc gia.

HÌNH 2-3: KHOẢNG TRỐNG VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CHÍNH SÁCH BDKH/ GNRRTT CỦA QUỐC GIA



Lồng ghép giới đòi hỏi phải đưa quan điểm về giới vào lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện, đánh giá và giám sát các chính sách, biện pháp quản lý và các chương trình chi tiêu. Các chính sách về BDKH/GNRRTT. Các chính sách BDKH/GNRRTT đã đi được một chặng đường dài từ những năm đầu, khi UNFCCC không có sự tham gia của phụ nữ và một nhiệm vụ về giới và phần lớn KHHĐTƯQG không bao gồm đầy đủ các mối quan tâm về giới. Ngày nay, những nghi ngờ xung quanh vấn đề giới và BDKH/GNRRTT đã được làm rõ; có những bằng chứng được ghi nhận lại cho thấy bình đẳng giới và các giải pháp về khí hậu đều có cùng lợi ích. Tuy nhiên việc thực hiện đủ các nỗ lực lồng ghép giới ở cấp quốc gia vẫn còn là một thách thức. Hình 2-3 nhấn mạnh những thách thức chính đã được trình bày trong phần tới.

MẤT CÂN BẰNG GIỚI TRONG THAM GIA VÀ RA QUYẾT ĐỊNH.

Ưu tiên và lựa chọn giữa các giải pháp thay thế có vai trò quan trọng trong tất cả các chính sách và quyết định của BDKH/GNRRTT. Do đó, ai được tham gia vào quá trình ra quyết định và do đó họ đại diện cho ai càng quan trọng hơn trong tương hợp của các chính sách BDKH/GNRRTT. Thật không may, phụ nữ không được đại diện trong tất cả các cấp ra quyết định của các cơ quan, ban ngành (Dkens và Daze 2019).

Một cuộc rà soát tại 193 quốc gia (Prebble, et al, IUCN, EGI và UN Women 2015) cho thấy:

- > Sáu trong số chín quy trình ra quyết định về môi trường được phân tích, phụ nữ đại diện ít hơn một phần ba trong số người ra quyết định.

- > Trong 890 bộ ngành môi trường ở 193 Quốc gia là thành viên Liên hợp quốc, chỉ có 12% là phụ nữ tham gia các bộ ngành môi trường.
- > Trong tổng số các chủ tịch hội đồng năng lượng thế giới, cứ 24 đại diện nam giới thì chỉ có một đại diện là phụ nữ.
- > Đối với các chương trình COP gần đây nhất, Công ước về Đa dạng sinh học (CBD) có tỷ lệ phụ nữ tham gia cao nhất, với trung bình 43% đại biểu chính phủ, thành viên văn phòng và đại diện tổ chức phi chính phủ. UNFCCC có mức trung bình là 36% đại biểu nữ tham gia và Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD) có mức trung bình là 30% đại biểu nữ tham gia.
- > Phụ nữ đại diện cho ít hơn một phần ba trong số 304 quốc gia đầu mối của Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF)

Xu hướng này cũng được duy trì trong cơ cấu quản lý của địa phương, bao gồm các cơ cấu quản lý đất đai, lâm nghiệp và thủy sản (Mạng lưới toàn cầu KHTƯQG và UNFCCC 2019). Ví dụ, mặc dù các nghiên cứu ở Ấn Độ và Nepal đã chỉ ra rằng sự tham gia của phụ nữ vào quản lý rừng ở địa phương không chỉ có lợi cho họ mà còn cải thiện môi trường rừng, (Agarwal 2009) trong một chương trình REDD + ở Nepal, chỉ 15% phụ nữ tham gia lãnh đạo (Khadka, et al.2014). Các nghiên cứu về phạm vi của phụ nữ tổ chức thay đổi trong nông nghiệp và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên (WOCAN), UNREDD and USAID-LEAF (2013) tại Cambodia, Philippines và Sri Lanka cho thấy rằng phụ nữ phải đối mặt với nhiều rào cản trong việc tham gia, bao gồm cả việc thiếu khả năng tiếp cận các hoạt động sinh kế rừng, thông tin kỹ thuật cung cấp cho phụ nữ về REDD + còn hạn chế quá mức, và không lồng ghép được giới vào các hoạt động hoạch định chính sách REDD +.

Hơn nữa, ngay cả khi các quốc gia như Bangladesh, Campuchia, Ấn Độ và Nepal đã ủy thác sự tham gia của phụ nữ ở cấp địa phương thông qua cải cách phân quyền, đặc biệt là trong các ủy ban quản lý thiên tai, các báo cáo đất đai từ cấp cộng đồng cho thấy sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong quá trình ra quyết định vẫn ở mức tối thiểu và thường không có (UN Women 2016).

Những điều này làm nhấn mạnh một thực tế các rào cản văn hóa xã hội đã ngăn cản sự tham gia của phụ nữ, cần có các khung chính sách mạnh hơn để lồng ghép hiệu quả tiếng nói của phụ nữ trong các cơ quan về thích ứng và biến đổi khí hậu và ủy ban ra quyết định tại cấp địa phương. Việc đánh giá thấp sự đóng góp của phụ nữ trong lĩnh vực này thường dẫn đến việc họ không được coi là các bên liên quan phù hợp, dẫn đến việc họ bị loại khỏi các quy trình và diễn đàn ra quyết định như vậy (Mbow, et al.2019).

CÁC CƠ CHẾ THỂ CHẾ CÒN MƠ HỒ.

Một thách thức khác trong việc lồng ghép giới ở châu Á là sự phức tạp của các cơ chế thể chế BĐKH/GNRRTT trong cơ cấu chính phủ. Ngay cả khi giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Bộ Môi trường, thì vẫn có nhiều bộ ngành và ban ngành có vai trò chủ đạo trong quá trình này. GNRRTT thậm chí còn phức tạp hơn, được đặt dưới các bộ khác nhau tùy thuộc vào quốc gia, chẳng hạn như Bộ Nội vụ (Ấn Độ), Bộ Quản lý và Cứu trợ Thiên tai (Bangladesh), hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Việt Nam). Quá nhiều các đơn vị cơ quan giải quyết các vấn đề tương tự về BĐKH/GNRRTT mà không có sự phối hợp thích hợp sẽ cản trở tiến độ lồng ghép giới trong khu vực (UN Women 2016).

Hơn nữa, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ thường được coi là nhiệm vụ và trách nhiệm của Bộ làm về các vấn đề của phụ nữ. Tuy nhiên, họ thường là những bộ yếu hơn, thiếu quyền lực chính trị và kiến thức kỹ thuật để lồng ghép và giải quyết một cách đầy đủ các vấn đề bình đẳng giới giữa các bộ khác (Ban kinh tế và xã hội của Liên hợp quốc 2007). Về mặt kỹ thuật, bộ làm về các vấn đề phụ nữ cần hỗ trợ lồng ghép giới trong các bộ khác. Tuy nhiên, việc thiếu vắng các nền tảng điều phối và cộng tác hiệu quả là thực tế có thể nhận thấy được, đặc biệt là trong bối cảnh châu Á. Ngay cả khi có phạm vi và trường hợp để lồng ghép giới, các bộ thường không có khả năng để nói về vấn đề giới để các bộ khác có thể dễ dàng hiểu và áp dụng (UN Women 2016).

Ngay cả khi tồn tại một số bằng chứng hạn chế về nơi áp dụng lồng ghép giới, thì thông tin này cũng không được chia sẻ để học hỏi và cải thiện. Ngoài ra, hàng loạt trách nhiệm đối với việc lồng ghép giới tiếp tục cản trở lồng ghép phù hợp (**OCED 2015**). Nhiệm vụ về giới và BĐKH/GNRRTT phải nằm trong các bộ làm về giới và CDDRR và các cơ chế thể chế để phối hợp giữa hai bên về vấn đề này phải được tạo ra với sự hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ.

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Đối với khóa nâng cao, thay vì việc giảng viên trình bày các nội dung qua PowerPoint, học viên có thể được chia thành năm nhóm ngẫu nhiên và được giao một chủ đề/thử thách, cùng với tài liệu phát tay. Sau đó, họ sẽ được yêu cầu thảo luận về thực trạng và khoảng trống trong việc lồng ghép giới ở Châu Á, tập trung vào các quốc gia của họ.

Đối với khóa học cơ bản, hãy kết hợp hai chủ đề “Khoảng trống và Thách thức” và “Chiến lược và các điểm trọng tâm” vào một bản trình bày PowerPoint. Tạo một trang trình chiếu về mỗi điểm trọng tâm sử dụng theo mẫu sau

Khoảng trống và thách thức

Các chiến lược quan

Hướng đầu vào cho CSO

Thêm quy trình KHTƯQG và KHHĐG&BĐKH làm các ví dụ quan trọng một cách chi tiết.

KHOẢNG TRỐNG KIẾN THỨC VÀ THIẾU NĂNG LỰC CẦN THIẾT.

Việc thiếu phân công nhiệm vụ thực hiện bình đẳng giới trong môi trường và các bộ về BĐKH/GNRRTT cũng đòi hỏi các bộ, ban phụ trách về các vấn đề của phụ nữ và các bộ khác phải có các năng lực phù hợp. Đối với các bộ phụ trách về các vấn đề của phụ nữ, cần đưa các phương tiện kỹ thuật chuyên môn để vận động thành công các khía cạnh bình đẳng giới trong BĐKH/GNRRTT, đó là những năng lực họ thường thiếu. Mặt khác, các bộ khác chỉ hiểu cơ bản rằng ‘giới có nghĩa là phụ nữ’; dẫn đến các chính sách và chiến lược coi phụ nữ là nạn nhân (WEDO 2016). Tuy nhiên, năng lực hiểu và giải quyết toàn diện mối quan hệ phức tạp giữa bình đẳng giới với biến đổi khí hậu và thiên tai là một thách thức lớn mà các cơ quan này phải đối mặt.

Vấn đề còn phức tạp hơn trong các cấu trúc quản trị phân quyền, nơi mức độ hiểu biết về giới thậm chí còn hạn chế hơn nữa. Có những mối quan tâm lớn trong toàn khu vực về việc triển khai thực tế các chính sách hiện có và các hành động đã lên kế hoạch ở cấp địa phương. Thách thức càng

trở nên trầm trọng hơn do sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ ở cấp địa phương còn thấp. Ở hầu hết các nước châu Á, các tổ chức xã hội dân sự thường có các chương trình / dự án cụ thể để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu hoặc GNRRTT và bình đẳng giới, có nghĩa là họ cũng có nhiều thông tin về tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với các nhóm xã hội khác nhau. Tuy nhiên, có rất ít diễn đàn có chức năng để phối hợp chiến lược các hoạt động, truyền đạt kết quả, hoặc chia sẻ dữ liệu hoặc các thực hành tốt nhất về lồng ghép cả bình đẳng giới và BĐKH/GNRRTT. Sự thiếu phối hợp giữa các chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự làm việc về BĐKH/GNRRTT dẫn đến việc không có cơ hội tổng hợp dữ liệu và các bằng chứng ở cấp độ cộng đồng để tạo thành một bức tranh chung về tác động của con người và thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai (UN Women 2016).

CÁC KẾ HOẠCH VÀ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN KHÔNG HIỆU QUẢ

Phải thừa nhận rằng trên khắp các vùng miền, các nỗ lực đưa các khía cạnh giới trong chính sách về BĐKH/GNRRTT đang được thực hiện. Tuy nhiên, sự mơ hồ trong phân công trách nhiệm cùng với khoảng trống về kiến thức và năng lực thường dẫn đến việc cải cách chính sách không thể chuyển thành các hành động và được thực hiện ở cấp cơ sở để có thể tạo ra thay đổi có ý nghĩa và thực chất trong cuộc sống của phụ nữ.

Ví dụ, ở Bangladesh, Chiến lược về biến đổi khí hậu ở quốc gia này được xây dựng từ năm 2009. Tuy nhiên, ngay cả khi tập trung mạnh vào 'phụ nữ dễ bị tổn thương' trong tài liệu chính sách BCCSAP, rất ít dự án do Quỹ Ủy thác Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCT) tập trung tài trợ vào việc giảm tính dễ bị tổn thương của phụ nữ, chưa nói đến một chương trình nghị sự về bình đẳng giới cấp tiến hơn. Trên thực tế, KHHĐG&BĐKH của Băng-la-đét, mặc dù đã được phát triển rất toàn diện, nhưng vẫn chưa đạt được hiệu quả ở cấp độ triển khai (UN Women 2016). Tương tự như vậy, mặc dù bối cảnh chính sách ở Campuchia đã bao quát và có nhiều thay đổi, vẫn có các vấn đề tồn tại trong quá trình thực hiện. Thiếu sự hiểu biết chung và sự phối hợp giữa các bên liên quan và các cơ quan thực hiện trong bối cảnh về giới và BĐKH/GNRRTT. (Reggers và Lim 2019)

Tình hình thậm chí còn tồi tệ hơn trong trường hợp GNRRTT. Phân tích các quỹ được phân bổ cho các vấn đề giới và bảo vệ trong "Flash Appeals" cho thấy giải quyết vấn đề bình đẳng giới trong ứng phó với thiên tai không phải là ưu tiên, vì những người hoạt động nhân đạo thường không nhận thấy sự cần thiết phải thúc đẩy bảo vệ và bình đẳng giới trong tình trạng khẩn cấp là 'đe dọa tính mạng'; Là tiêu chí chính để đủ tiêu chuẩn cho "Flash Appeals" và Quỹ Ứng phó Khẩn cấp Trung tâm của Liên hợp quốc (CERF) (UN Women 2016).

Trên thực tế, một số lượng đáng kể các nhà tài trợ lớn dành ít hơn 1% khoản tài trợ nhân đạo để thúc đẩy bình đẳng giới trong các trường hợp khẩn cấp (Báo cáo hỗ trợ nhân đạo toàn cầu 2014). Xu hướng này cũng giống như ở các quốc gia châu Á. Ví dụ, để đối phó với hai trận động đất ở Nepal, chỉ 4% kinh phí nhân đạo nhận được theo "Flash Appeal" được phân bổ cho các hoạt động giới và cụm bảo vệ. (UN Women 2016).

CƠ CHẾ BÁO CÁO VÀ RÀ SOÁT HẠN CHẾ.

Một thách thức lớn khác là việc báo cáo tiến độ về giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu không bắt buộc ở cấp độ toàn cầu. Chính phủ ở các quốc gia tùy ý quyết định, có rất ít báo cáo về giới và biến đổi khí hậu được đưa ra như một phần của INDC/NDC (WEDO 2016). Ngay cả khi có báo cáo, các báo cáo thường là câu trả lời có/không, chỉ dành phạm vi nhỏ trong báo cáo để đánh giá sự lồng ghép giới và kết quả thực tế. Ví dụ, các báo cáo giữa năm 2014 và 2015 về khung hành động Hyogo (HFA) cho thấy tám trong số 13 quốc gia (62%) đề cập đến hành động về giới; tuy nhiên, chỉ một nửa trong số này có hướng dẫn về giới trong các phương pháp đánh giá nhu cầu sau thiên tai của các Quốc gia này. Điều này cho thấy sự quan tâm hạn chế trong việc tiếp cận với phụ nữ nhưng không thực sự giải quyết các nhu cầu và ưu tiên về "giới". Ví dụ, mặc dù Thái Lan báo cáo rằng phụ nữ là nhân tố chính trong GNRRTT, nhưng nhu cầu của nam giới và phụ nữ được cho là như nhau, và chính phủ đã cung cấp các gói chung để ứng phó và cứu trợ thiên tai (UN Women 2016).

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi những người tham gia xem họ nghĩ chính phủ các Quốc gia có thể làm gì để giải quyết những khoảng trống này.

Gợi ý cho giảng viên

- > Tạo các diễn đàn chính thức và các cơ chế thể chế cho sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các cấp. Ví dụ bao gồm 33% chỉ tiêu trong chính quyền địa phương hoặc ưu tiên phụ nữ trong các cơ quan công quyền.
- > Thiết lập các cơ quan điều phối và không gian chính thức cho sự tham gia của CSO.
- > Hợp tác với các tổ chức và chuyên gia về giới tại địa phương, đặc biệt là sự kết nối cộng đồng, phát triển kỹ năng cho phụ nữ, nâng cao năng lực về giới và BĐKH/GNRRTT, lập kế hoạch và thực hiện dự án địa phương.
- > Cung cấp kinh phí cho hoạt động kết nối cộng đồng, xây dựng năng lực và hỗ trợ thực hiện.

Các chiến lược lồng ghép giới và trọng tâm đầu vào cho các tổ chức xã hội dân sự.

CÂN BẰNG GIỚI TRONG QUẢN TRỊ VÀ THỂ CHẾ.

Sự cần thiết đối với cân bằng giới trong việc tham gia và lãnh đạo trong quá trình ra quyết định BĐKH/GNRRTT đã thừa nhận rõ việc cung cấp không gian cho phụ nữ nói lên mối quan tâm của họ và đảm bảo các ưu tiên của họ được lồng ghép trong các quyết định. Sự lãnh đạo của phụ nữ mang lại kết quả tốt hơn trong quản lý khủng hoảng và môi trường. Chúng tôi đã thảo luận về các chiến lược thúc đẩy cân bằng giới ở cấp độ toàn cầu trong hộp thông tin 2.1. Các bài học và chiến lược chính có thể được điều chỉnh cho phù hợp với cấp quốc gia bao gồm:

- i) **Thành lập quỹ quốc gia về sự tham gia của phụ nữ** Ở cấp quốc gia, các tổ chức xã hội dân sự với sự hỗ trợ của các cơ quan Liên hợp quốc và chính phủ các quốc gia có thể tạo quỹ để cung cấp phương tiện đi lại và hậu cần cho phụ nữ từ các nhóm cơ sở tham gia vào quá trình lập kế hoạch quốc gia. Quỹ cũng có thể được mở rộng để hỗ trợ phát triển khả năng lãnh đạo, truyền đạt kiến thức kỹ thuật và tập huấn về kỹ năng đàm phán cho các lãnh đạo nữ ở các nhóm cơ sở. Ví dụ, một ngày trước hội thảo quốc gia hoặc khu vực, một cuộc họp riêng của phụ nữ có thể được tổ chức để cung cấp cho họ thông tin cập nhật, giúp họ phân tích và ưu tiên các mối quan tâm và vấn đề của họ và tạo cơ hội, điều kiện để họ nói lên tiếng nói của họ với tư cách tập thể để đàm phán cho quyền của họ trong các quyết định cuối cùng của quốc gia.
- ii) **Mạng lưới quốc gia về "Phụ nữ và BĐKH/GNRRTT"** Mô hình mạng lưới đại diện dựa trên liên đoàn, mô hình này đại diện cho phụ nữ từ mọi ngành nghề, lĩnh vực cùng tham gia với nhau, trao đổi kiến thức và thông tin và tham gia cùng nhau để tiếp tục thực hiện chương trình nghị sự về giới trong các chính sách và chương trình BĐKH/GNRRTT cấp địa phương, cấp khu vực và cấp quốc gia.

Ví dụ ở Campuchia, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) quản lý Liên minh Biến đổi Khí hậu Campuchia (CCCA), được thành lập với sự hỗ trợ của Liên minh Biến đổi Khí hậu Toàn cầu (GCCA) thuộc Liên minh Châu Âu (EU). Chương trình này thiết lập một cơ sở tài chính nhiều bên tài trợ để cung cấp các nguồn lực cho việc nâng cao năng lực về biến đổi khí hậu ở cấp chính quyền địa phương và quốc gia. Nó cũng cung cấp một cơ chế chia sẻ kiến thức và học hỏi về biến đổi khí hậu. Một diễn đàn như vậy dành cho phụ nữ có thể được hình thành. Ví dụ về các diễn đàn phụ nữ như vậy cũng tồn tại ở Ấn Độ trong chương trình Sứ mệnh Sinh kế Quốc gia và ở Bangladesh trong chương trình PKSF.

Nhiệm vụ BĐKH/GNRRTT có thể được lồng ghép trong chương trình nghị sự của các diễn đàn hiện có theo cách như vậy.

Các diễn đàn như vậy cũng có thể trở thành cơ sở cho tất cả các nỗ lực vận động với các chính phủ quốc gia. Cần có những nỗ lực bền vững để chính phủ công nhận chính thức các nhóm như vậy trong cả quá trình thực hiện.

- iii) **Công bố về Giới trong giải thưởng BĐKH/GNRRTT:** Việc xem xét các giải thưởng cấp quốc gia và cấp địa phương hiện có liên quan đến BĐKH/GNRRTT và trao quyền giới/phụ nữ và thiết lập danh mục giới và CBĐKH/GNRRTT trong cả hai giải thưởng này sẽ cung cấp những tác động cần thiết.
- iv) **Tạo không gian và cơ hội để phụ nữ tham gia trong tất cả các cơ quan ra quyết định ở địa phương:** Các quốc gia ở Châu Á đã và đang hành động để phụ nữ tham gia vào các ủy ban địa phương, đặc biệt là các ủy ban liên quan đến quản lý thiên tai (Bangladesh, Campuchia, Ấn Độ, Nepal); quản lý rừng (Ấn Độ, Nepal); quản lý nước (Ấn Độ); giáo dục, y tế và dinh dưỡng (Ấn Độ, Thái Lan). Điều quan trọng là phải mở rộng sự tham gia này ngoài các lĩnh vực hiện có sang nông nghiệp, thủy lợi, năng lượng, nhà ở và phát triển đô thị, vì không có lĩnh vực nào là trung lập về giới và phụ nữ cần được đại diện trong tất cả các lĩnh vực này.

Tuy nhiên, nếu chỉ bao gồm phụ nữ là người tham gia thì chưa đủ; phụ nữ cần được đưa vào các vị trí lãnh đạo và ra quyết định trong các cơ quan này. Ngoài ra, những hoạt động này cần được hỗ trợ mạnh mẽ bằng việc xây dựng năng lực và chung tay hỗ trợ từ các tổ chức xã hội dân sự để đạt được kết quả hiệu quả. Các cơ quan phát triển như LHQ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc này. Ví dụ ở Nam Á (Ấn Độ, Bhutan, Maldives và Sri Lanka), UN Women, với sự hỗ trợ của Chính phủ Na Uy, đã thực hiện một chương trình tập trung vào giới và quản trị địa phương, ưu tiên xây dựng vai trò lãnh đạo chính trị của phụ nữ và trao quyền cho phụ nữ với tư cách là công dân tham gia vào quá trình lập kế hoạch phát triển cấp thôn bản.

- v) **Sự đại diện của phụ nữ / các nhóm phụ nữ trong tất cả các cơ chế thể chế chính thức:** Tất cả các quốc gia đều có một **cơ quan hoạch định chính sách và lập kế hoạch quốc gia**, chẳng hạn như Sở Kế hoạch và Đầu tư ở Việt Nam và Campuchia hoặc Ủy ban Kế hoạch ở Bangladesh. Điều rất quan trọng là phải có một đơn vị tập trung vào phụ nữ / giới trong cơ quan lập kế hoạch

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi những người tham gia xem họ nghĩ điều gì có thể để phát huy vai trò của CSO trong việc thực hiện những điều trên. Yêu cầu họ cung cấp các ví dụ về các trường

hợp mà họ đã thực hiện hành động tương tự trong bối cảnh của BĐKH/GNRRTT hoặc bất kỳ lĩnh vực liên quan nào khác

Gợi ý người điều hành

- > Hợp tác để hình thành mạng lưới quốc gia về giới và BĐKH/GNRRTT.
- > Vận động chính phủ để cung cấp không gian chính thức trong các diễn đàn lập kế hoạch và ra quyết định.
- > Chia sẻ thường xuyên thông tin và kinh nghiệm.
- > Thực hiện các nghiên cứu và đánh giá chung, trong đó khung và phương pháp nghiên cứu được quyết định ở cấp quốc gia và được các CSO sử dụng để thu thập thông tin ở cấp địa phương. Thông tin được chia sẻ lại ở cấp quốc gia để phân tích và đối chiếu thành báo cáo quốc gia cũng như bản tóm tắt để hỗ trợ các CSO sử dụng cho công tác vận động chính sách ở cấp đại phương. Điều này cho phép tổng hợp các quỹ từ các CSO khác nhau để thực hiện một nghiên cứu lớn có phân tích sâu hơn, giá trị vận động và ảnh hưởng cao hơn thay vì nhiều báo cáo nhỏ với phân tích hạn chế.
- > Cùng hỗ trợ và nâng cao năng lực của phụ nữ tại cộng đồng để tham gia vào các ủy ban địa phương.

cao nhất của đất nước. Ví dụ, Ấn Độ có một đơn vị dành riêng cho phụ nữ và phát triển trẻ em trong cơ quan kế hoạch tối cao của họ, Niti Aayog (Ủy ban Kế hoạch Erstared).

- vi) **Thành lập ban chỉ đạo với các bộ được lựa chọn trong hội đồng để xây dựng các chính sách BĐKH/GNRRTT của họ, đặc biệt là Kế hoạch thích ứng Quốc gia:** Bộ làm về các vấn đề của phụ nữ hoặc cơ quan tương đương với bình đẳng giới cần được đưa vào Ban chỉ đạo này để đảm bảo rằng bình đẳng giới trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển. Vai trò chính của tổ chức này là cung cấp thông tin liên quan đến giới trong BĐKH/GNRRTT, đảm bảo sự hài hòa của KHTUQG với tất cả các luật và chính sách liên quan đến giới trong quốc gia bao gồm cả các cam kết CEDAW và SDG. Ban chỉ đạo này nên đóng vai trò là cầu nối giữa các nhóm phụ nữ và các tổ chức địa phương hoạt động về giới, đưa quan điểm của phụ nữ vào quá trình lập kế hoạch BĐKH/GNRRTT quốc gia.

- vii) **Có chuyên gia về giới trực tiếp hoặc hỗ trợ cho tất cả các cơ quan:** Ở các quốc gia có nhóm lập kế hoạch hoặc điều phối để xây dựng và thực hiện các kế hoạch BĐKH/GNRRTT, điều rất quan trọng là cơ quan này phải được hỗ trợ bởi chuyên gia giới. Một chiến lược khả thi là có **một chuyên gia về giới** trong toàn bộ quá trình lập kế hoạch, người có thể xác định rõ hơn các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong tham khảo ý kiến về từng chủ đề. Hơn nữa, vì giới là một vấn đề xuyên suốt, khi cần thiết một chuyên gia về giới cũng nên có nhiệm vụ tham gia thảo luận với các bộ liên quan khác. Ví dụ, ở Bangladesh, có sự hiểu biết ngày càng tăng trong Ủy thác Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCT) về việc phụ nữ nên được đưa vào các nhóm quản lý dự án và các ủy ban thực hiện.

- viii) **Thành lập các cơ quan đầu mối về giới để lồng ghép giới:** Đây là một thỏa thuận thể chế chung giữa các quốc gia Châu Á. Ví dụ, ở Bangladesh, mỗi bộ đều có đầu mối về biến đổi khí hậu và đầu mối là Phụ nữ trong phát triển, là người chịu trách nhiệm lồng ghép các vấn đề về biến đổi khí hậu và giới vào các quy trình và chương trình tương ứng của chính phủ. Tại Thái Lan, Nghị quyết của Nội các ngày 31 tháng 7 năm 2001 yêu cầu mọi bộ và ban ngành phải có một trong các giám đốc điều hành của họ được chỉ định làm Giám đốc Bình đẳng giới và có nguồn lực riêng của bộ đó làm đầu mối về giới. Cơ chế này nhằm nâng cao nhận thức về giới cho các bộ chuyên môn. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải có các quan chức cấp cao hơn và những người được đào tạo và có các kỹ năng phân tích giới cần thiết được bổ nhiệm làm đầu mối về giới.

- ix) **Có một thể chế được tuyên bố rõ ràng về nhiệm vụ lồng ghép giới và đại diện từ tất cả các lĩnh vực liên quan đến BĐKH/GNRRTT:** Mặc dù vẫn có một số thách thức, nhưng Campuchia đã đạt được sự tiến bộ bằng cách tạo ra các thể chế cụ thể để giải quyết các vấn đề bình đẳng giới và lồng ghép giới trong BĐKH/GNRRTT. Bộ các vấn đề phụ nữ chịu trách nhiệm lồng ghép giới trong các bộ chủ quản và **Ủy ban Biến đổi Khí hậu và giới (UBG&BĐKH)** được thành lập vào năm 2011. UBG&BĐKH có các cuộc họp hàng tháng với các cán bộ và có các tiểu ban về biến đổi khí hậu, GNRRTT, Tăng trưởng xanh và khu vực sông Mekong. Ủy ban cũng có kế hoạch tổng thể về chính sách 2014-2022 của mình.

Campuchia cũng có **Nhóm làm việc liên bộ về giới**, trong đó các cơ quan chính phủ khác nhau tham gia, hoạt động như cơ quan tư vấn và có tiềm năng quan trọng trong quá trình lồng ghép các vấn đề giới trong biến đổi khí hậu và GNRRTT. Tại Pakistan, các nhu cầu và mối quan tâm của các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già và khuyết tật, được giải quyết bởi một phòng trẻ em và giới chuyên trách, được thành lập tại Cơ quan Quản lý thiên tai Quốc gia (NDMA) với các đối tác cấp tỉnh tại DMA cấp tỉnh / khu vực.

- x) **Không gian cho sự tham gia của các bên liên quan và sự tham gia của xã hội dân sự:** Cũng cần cung cấp cho các nhóm phụ nữ địa phương và quốc gia một không gian để đối thoại, trao đổi kinh nghiệm, và phát triển các thực hành tốt nhất liên kết chiến lược với các yếu tố của kế hoạch và chính sách BĐKH/GNRRTT quốc gia. Quan trọng hơn, cần tạo điều kiện cho các không gian mở để có các cuộc đối thoại mang tính xây dựng giữa phụ nữ trong cộng đồng và những người ra quyết định để những nhu cầu, quan điểm và sức mạnh của phụ nữ với tư cách là các tác nhân và những người lãnh đạo của sự thay đổi trong các hành động biến đổi khí hậu được đề cập đến. Ở cấp quản trị địa phương, các ủy ban lập kế hoạch hoạt động và thực hiện dự án cần được thành lập để cung cấp không gian chính thức cho phụ nữ tham gia trong quá trình thực hiện.
- xi) **Sự tham gia của Thanh niên:** Một bước quan trọng theo hướng này là sự tham gia của trẻ em, trẻ em gái và thanh niên và phụ nữ trẻ vào quá trình này. Ví dụ, Tổng thư ký UNFCCC đã thành lập YOUNGO (Tổ chức Thanh niên UNFCCC), một nhóm cố vấn bao gồm các nhà

lãnh đạo trẻ, những người có thể đưa ra quan điểm và giải pháp để giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu ngày càng trầm trọng. Tại Ấn Độ, các Nghị viện Trẻ em ở cấp làng, thường được biết đến như Bal Sabhas, trong số các mối quan tâm khác, nhóm này đang được thúc đẩy, tập trung vào quản lý biến đổi khí hậu và thiên tai. Ở các khu vực thành thị, các tổ chức xã hội dân sự như Mahila Housing Sewa Trust và Trung tâm Giáo dục Môi trường đã và đang tập trung thu hút thanh thiếu niên và trẻ em gái tham gia vào các diễn đàn quản trị thành phố và lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng. Ở nhiều nước châu Á khác, trẻ em và thanh thiếu niên tại các trường học đã tham gia vào các hoạt động vì khí hậu, đặc biệt liên quan đến trồng cây, quản lý chất thải, giám sát dịch bệnh và sử dụng năng lượng hiệu quả.

- xii) **Nâng cao năng lực và lòng ghép giới trong BĐKH/GNRRTT:** Tầm quan trọng của nâng cao năng lực về lồng ghép giới trong BĐKH/GNRRTT đã được thừa nhận rõ ràng. Tuy nhiên, thay vì một chương trình nâng cao năng lực chung chung, cần phải có các nỗ lực tập trung vào nâng cao năng lực để các mối quan tâm về giới

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên họ nghĩ loại cơ chế thể chế nào sẽ phù hợp hơn cho mỗi quốc gia của họ và các tổ chức xã hội dân sự có thể đóng vai trò như thế nào trong việc tăng cường các cơ cấu thể chế này.

- > Liên hệ với Bộ/cơ quan làm về các vấn đề của phụ nữ/ Chuyên gia về giới trong nhóm lập kế hoạch và làm việc chặt chẽ với họ (sẽ tốt hơn nếu họ là một phần của mạng lưới quốc gia), cung cấp cho họ thông tin cơ bản và dữ liệu hỗ trợ hoặc thậm chí nghiên cứu điển hình về mối liên hệ giữa giới và BĐKH/GNRRTT.
 - > Các tổ chức xã hội dân sự có thể phân chia theo các lĩnh vực với nhau dựa trên các lĩnh vực trọng tâm và khả năng phân tích, đưa ra bản tóm tắt chính sách và chia sẻ với chuyên gia về giới để đàm phán với các bộ ngành.
 - > Dựa trên các lĩnh vực ưu tiên, các CSO có thể làm việc với các bộ ngành để nghiên cứu phân tích và nâng cao năng lực về giới và BĐKH/GNRRTT. Các bộ ngành thường xoay sở tốt hơn và cũng có nguồn ngân sách cho các nghiên cứu ở quy mô nhỏ. Thực hiện các nghiên cứu như vậy trong nhiều lĩnh vực sẽ không chỉ giúp cải thiện việc lồng ghép giới trong các lĩnh vực mà còn góp phần tăng cường hiểu biết về giới trong quá trình lập kế hoạch tổng thể.
 - > Đàm phán để có một không gian chính thức cho mạng lưới trong các ủy ban về giới và khí hậu. Tuy nhiên, cần phải có sự cân bằng giữa tính liên tục và tính đa dạng được duy trì ở cấp độ mạng lưới quốc gia cho việc này. Nếu mỗi lần chỉ có một CSO được đại diện, thì các CSO khác sẽ giảm sự quan tâm với mạng lưới. Mặt khác, việc
- thay đổi người đại diện liên tục sẽ làm mất uy tín của mạng lưới trên diễn đàn. Điều quan trọng đối với mạng lưới CSO là phải có một hệ thống để giải quyết vấn đề này. Một hệ thống được đề xuất có thể là cho phép một người tham dự hai cuộc họp liên tiếp, xây dựng một bản ghi chú chi tiết và chuyển giao cho người kế nhiệm. Bằng cách này, tất cả các cuộc họp cùng với các quan điểm của người tham gia sẽ được ghi lại để các tổ chức xem lại sau. Hơn nữa, trước mỗi cuộc họp ra quyết định quan trọng của diễn đàn, các thành viên mạng lưới nên có một cuộc họp nhỏ của riêng họ và tóm tắt cho người đại diện về các mối quan tâm và chương trình nghị sự mà mạng lưới muốn thúc đẩy trong cuộc họp. Thậm chí còn mong muốn viết điều này bằng văn bản và chia sẻ bản sao về các nội dung đầu vào chung của mạng lưới với diễn đàn thông qua người đại diện.
- > Các tổ chức chính quyền địa phương sẽ không trực tiếp đưa các CSO vào hệ thống lập kế hoạch trừ khi giữa họ có mối quan hệ lâu dài. Để thực hiện được điều này, ngay từ đầu các thành viên chính quyền địa phương nên được mời tham gia các cuộc họp của phụ nữ trong cộng đồng (những cuộc họp ngoài đơn vị cơ sở của thôn), và khuyến khích sự tương tác tích cực giữa lãnh đạo nữ và các cán bộ trong chính quyền nhà nước. Phụ nữ cũng cần được khuyến khích chuẩn bị kế hoạch hoạt động của họ và nộp các tổ chức địa phương để kết hợp vào các kế hoạch thực hiện. Một khi mối quan hệ được thiết lập, sự phối hợp giữa các bên có thể được thể chế hóa một cách chính thức. .

được đưa vào tất cả các chính sách và kế hoạch quốc gia. Có một dự án đổi mới được thực hiện như vậy, UN Women tại Bangladesh và Quỹ ủy thác Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCTF) năm 2015 đã tập trung xây dựng nhận thức, kiến thức và kỹ năng để các hướng trọng tâm về giới dựa trên các khía cạnh bình đẳng giới của biến đổi khí hậu. Hiện tại vẫn chưa biết các chương trình đào tạo như vậy đã thành công như thế nào trong việc tạo ra sự thay đổi. Tuy nhiên, sáng kiến này đã được các quan chức chính phủ hoan nghênh, cho thấy một hướng đi có khả thi để xây dựng kỹ thuật chuyên môn về lồng ghép giới trong các bộ khác nhau của chính phủ (UN Women, 2016). Các nỗ lực tương tự sẽ cần được đặt ra mục tiêu ở nhiều cấp độ với các khóa đào tạo được điều chỉnh như được chia sẻ trong bảng.

Trao đổi giữa các cấp khác nhau và nhiều bên liên quan có thể cung cấp thông tin cho cả việc xây dựng và thực hiện chính sách về giới. Ví dụ, các diễn đàn GNRRTT hàng năm được hỗ trợ bởi Chiến lược Quốc tế của Liên hợp quốc về giảm nhẹ Thiên tai (UNISDR) có thể tạo điều kiện lồng ghép bình đẳng giới trong chính sách và thực hành GNRRTT bằng cách mời các tổ chức làm việc về các vấn đề liên quan đến phụ nữ và CSO chia sẻ kinh nghiệm và hàm ý chính sách của họ. Các diễn đàn tương tự có thể được thành lập để thích ứng với biến đổi khí hậu, như GCCA ở Campuchia. Những diễn đàn này có thể được sử dụng để lồng ghép giới trong các chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu và kế hoạch thích ứng.

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG QUỐC GIA (NAPS)¹

Quy trình xây dựng KHTUQG của UNFCCC là cơ chế chính để xác định các hành động và ưu tiên thích ứng, xác định lại kế hoạch phát triển tổng thể và phân bổ nguồn lực cho khả năng ứng phó và phát triển bền vững. Việc xây dựng quy trình KHTUQG tạo cơ hội để đưa các mối quan tâm về giới vào các ưu tiên thích ứng với BĐKH, cũng như trong quá trình phát triển tổng thể và lập kế hoạch theo ngành. Đây có thể là một chiến lược quan trọng để giải quyết bất bình đẳng giới ở một quốc gia (Dekens và Daze 2019, Mạng lưới KHTUQG toàn cầu và UNFCCC 2019). Phần này nhấn mạnh các điểm đầu vào về giới quan trọng để tham gia vào quá trình KHTUQG. Cần lưu ý rằng trong khi KHTUQG là một tài liệu lập kế hoạch dự kiến, các điểm đầu vào có thể được áp dụng phù hợp cho tất cả các quá trình lập kế hoạch cấp quốc gia và cấp địa phương.

Bước 1: Giai đoạn chuẩn bị và phát động KHTUQG

Ngay từ đầu vấn đề giới nên là trọng tâm của quá trình KHTUQG. Việc tập trung vào giới cần được duy trì xuyên suốt.

Sử dụng các cam kết quốc tế, luật pháp và chính sách trong nước về bình đẳng giới, tăng **cường nhiệm vụ để quy trình**

KHTUQG có đáp ứng giới và thiết lập cam kết nhà nước ở mức cao cho quy trình này.

Xác định những **người ủng hộ bình đẳng giới** và thu hút họ tham gia với tư cách là đồng minh, vận động họ tham gia vào các quy trình KHTUQG và tạo cơ hội cho họ chia sẻ quan điểm của mình.

Lồng ghép các vấn đề giới trong **các tài liệu chiến lược** được xây dựng để hướng dẫn quy trình, chẳng hạn như lộ trình KHTUQG và/ hoặc khung KHTUQG.

Thành lập một **nhóm làm việc bình đẳng giới** để điều phối các tiến trình KHTUQG.

Các tổ chức xã hội dân sự nên duy trì liên hệ thường xuyên với các đầu mối quốc gia về giới và biến đổi khí hậu. Bất cứ khi nào, KHTUQG hoặc NDC đang được xem xét hoặc cập nhật, họ nên vận động hành lang để trở thành một phần của quá trình tham vấn.

Rà soát tất cả các chính sách và chiến lược về giới và biến đổi khí hậu của quốc gia, bao gồm cả các KHHĐG&ĐKH đã được xây dựng, triển khai và cập nhật dựa trên các thông tin, cơ chế và tài chính mới của UNFCCC.

Bước 2: Phân tích tình hình (Kiểm tra và đánh giá)

Kiểm tra và đánh giá là các phần hoạt động của tiến trình phát triển chiến lược và bao gồm xác định các vấn đề, nhu cầu và khả năng qua đó có thể đưa ra kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như tạo điều kiện cho việc phê duyệt các quyết định này. Đây cũng là cơ hội để đảm bảo rằng các quá trình KHTUQG được xây dựng dựa trên thông tin, kiến thức và năng lực hiện có liên quan đến giới.

1. Thực hiện **rà soát tài liệu ban đầu** về giới và biến đổi khí hậu trong nước, xem xét các phân tích giới có liên quan, dữ liệu phân tách theo giới và báo cáo trong các lĩnh vực khác, chẳng hạn như SDGs
2. Phân tích **thông tin sẵn có về động lực giới và sự khác biệt** trong các tác động liên quan đến khí hậu, tính dễ bị tổn thương, rủi ro và năng lực, đồng thời xác định các lĩnh vực thiếu hụt thông tin.
3. Thực hiện **các đánh giá về tính dễ bị tổn thương** do nhận thức về giới để lấp đầy các khoảng trống thông tin, đặc biệt là phân tích các vấn đề giới cơ bản về việc những vấn đề này khiến một số nhóm dễ bị tổn thương hơn những nhóm khác.
4. Đánh giá mức độ hiệu quả của **các vấn đề giới** được lồng ghép vào các hoạt động thích ứng **đang diễn ra và trong quá khứ**, đồng thời xác định **các công nghệ và giải pháp thích ứng giới**.

¹ Phần này chủ yếu bắt nguồn từ (Mạng lưới KHTUQG & UNFCCC 2019) và được xác định nguồn không hợp lệ.

Một đầu vào quan trọng từ các tổ chức xã hội dân sự trong tiến trình KHTUQG và NDC là thực hiện các đánh giá về tính dễ bị tổn thương do nhận thức về giới và các nghiên cứu về giới cụ thể theo lĩnh vực, đặc biệt là sơ đồ hóa các động lực về quyền lực giới liên quan đến biến đổi khí hậu và sử dụng tài nguyên trong các lĩnh vực chưa được khám phá. Thông tin về giới và tài nguyên áp dụng cho nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, lâm nghiệp, nước, y tế, nhiên liệu sinh học và các lĩnh vực khác đã có sẵn. Tuy nhiên, có một số lĩnh vực trong đó động lực của quyền lực về giới vẫn chưa được khám phá đầy đủ. Bao gồm các lĩnh vực chính như giao thông vận tải, quy hoạch đô thị, quản lý chất thải, năng lượng tái tạo và các lĩnh vực khác, có mối liên hệ chặt chẽ với biến đổi khí hậu nhưng động lực về giới chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng. Đưa những vấn đề này lên hàng đầu sẽ tạo ra một diễn ngôn mới về giới và BĐKH/GNRRRTT. Ngay cả những lĩnh vực cốt lõi liên quan đến phụ nữ như sức khỏe sinh sản và tình dục, bạo lực trên cơ sở giới và mối liên hệ của chúng với biến đổi khí hậu cũng chưa được nghiên cứu kỹ.

5. Tạo điều kiện thuận lợi **cho quá trình tham gia của các bên liên quan toàn diện và bình đẳng giới** bao gồm cả phụ nữ và nam giới, đại diện của nhóm yếu thế, trong việc tham gia đánh giá tính dễ bị tổn thương của khí hậu và xác định các phương án thích ứng.
6. Xác định **mục tiêu các phương án thích ứng** hướng đến phụ nữ, nam giới và các nhóm yếu thế, đảm bảo các phương án phù hợp với tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực của họ, có tính đến các trách nhiệm và vai trò mà họ được xã hội chấp nhận.

Tạo điều kiện cho các hội thảo tham vấn với các lãnh đạo nữ trong cộng đồng, đặc biệt là từ các nhóm dễ bị tổn thương. Các tổ chức xã hội dân sự cũng nên đi đầu trong việc chuẩn bị cho các lãnh đạo và nhóm phụ nữ có khả năng trình bày rõ các mối quan tâm và nhu cầu của họ trước các hội thảo như vậy

Lập kế hoạch giới theo lĩnh vực.

Nếu quốc gia của bạn đang áp dụng cách tiếp cận dựa trên lĩnh vực để lập kế hoạch thích ứng, hãy **phân tích các vấn đề giới cụ thể theo lĩnh vực** và tác động của các kế hoạch thích ứng theo lĩnh vực và **xác định các lựa chọn thích ứng theo giới trong các lĩnh vực** nếu phù hợp. Điều đặc biệt quan trọng là phải xem xét phạm vi của các chiến lược chuyển đổi mối quan hệ giới trong từng lĩnh vực.

Một ví dụ đáng chú ý là Quỹ ủy thác đa tài trợ (MDF) cho Aceh và Nias ở Indonesia. MDF là sự hợp tác giữa cộng đồng quốc tế, Chính phủ Indonesia và tổ chức xã hội dân sự để hỗ trợ các nỗ lực phục hồi ở Aceh và Nias sau trận động đất và sóng thần năm 2004. Trao quyền cho phụ nữ đã được đưa vào từng dự án phục hồi cộng đồng của MDF. Những nỗ lực về các dự án thí điểm không chỉ nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động lập kế hoạch cộng đồng và tìm cách đảm bảo tiếng nói của phụ nữ không chỉ được lắng nghe mà còn mang lại cơ hội giải quyết các bất bình đẳng về giới và vấn đề xã hội khác. Các hoạt động thí điểm bao gồm việc tăng cường trao quyền cho phụ nữ bằng cách dành các quỹ cụ thể cho các hoạt động do phụ nữ lựa chọn. Các dự án cũng hỗ trợ trao quyền cho phụ nữ thông qua việc cung cấp các cơ hội tài chính vì mô dành riêng cho phụ nữ. Họ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về quyền đất đai của phụ nữ và bằng cách hỗ trợ việc phân chia đất đai chung. Gần 30% quyền sở hữu đất được cấp trong dự án là do phụ nữ đứng tên chung hoặc do phụ nữ tự đứng tên. Dự án đã thúc đẩy khả năng tiếp cận việc làm của phụ nữ trong quá trình tái thiết, và mở ra cơ hội mới cho sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động trong các lĩnh vực phi truyền thống như xây dựng.

Phụ nữ cũng được hưởng lợi từ sự hỗ trợ sinh kế của MDF đối với các vai trò của nhóm phụ nữ ở cộng đồng như nông nghiệp, buôn bán và kinh doanh nhỏ, cũng như từ việc xây dựng năng lực và đào tạo nghề cho phụ nữ trong nhiều lĩnh vực. Các dự án này đưa ra một mô hình đáng chú ý về cách thức khuyến khích để tạo sự bình đẳng hơn trong việc tham gia lực lượng lao động thông qua các chương trình tái thiết của MDF. Các bài học từ việc lồng ghép giới vào các dự án hướng tới cộng đồng và các chương trình ứng phó với thiên tai ở Aceh và Nias đã được đưa vào Chương trình quốc gia đang diễn ra như chương trình Nasional Pemberdayaan Mandiri (PNPM) (Chương trình Quốc gia về Trao quyền cho Cộng đồng) các chương trình khác ở Aceh và Nias và trên khắp Indonesia (Quỹ tài trợ đa bên 2012).

Một ví dụ khác là từ Eurasia. Sau trận lụt ở Bosnia và Herzegovina và Serbia vào tháng 5 năm 2014, UNDP đã đưa các mối quan tâm về giới vào các chương trình khắc phục lũ lụt. Tại Bosnia và Herzegovina, UNDP ưu tiên phục hồi các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ và đảm bảo rằng phụ nữ được hưởng lợi từ các chương trình việc làm và hỗ trợ tiền mặt. Tổng cộng 132 cơ sở công đã được xây dựng lại, khôi phục đáng kể số lượng các công việc công do phụ nữ đảm nhận là chủ yếu. Tại Serbia, UNDP đã đưa thành phần về giới cụ thể vào các tiêu chí lựa chọn cho các chương trình tạo việc làm, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của phụ nữ trong hồi phục sinh kế an toàn và hiệu quả. Một phần ba tổng số việc làm trong dự án này là do phụ nữ tạo ra (UNDP 2017 n.d).

ĐIỂM THẢO LUẬN

Yêu cầu những người tham gia tóm tắt các điểm đầu vào cụ thể về giới trong quá trình KHTUQG, trong đó các CSO có thể đóng góp thêm. Sử dụng biểu đồ này từ weADAPT (Daze và Dekens 2017) để thảo luận về vấn đề tương tự.

Gợi ý cho người điều hành

BIỂU ĐỒ 2-4: MỘT QUY TRÌNH KHTUQG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI



Nguồn: weADAPT (Daze và Dekens 2017)

Bước 3: Đánh giá các kế hoạch thích ứng.

Sau khi các phương án thích ứng đã được xác định, thường cần có một quá trình sắp xếp thứ tự ưu tiên để xác định những hành động nào cần nguồn lực để thực hiện các hoạt động khẩn cấp nhất. Khi đáp ứng giới là một tiêu chí trong tiến trình ưu tiên và các hành động được xem xét, điều này sẽ giúp tạo ra một kế hoạch giải quyết các nhu cầu khác nhau của phụ nữ, nam giới và những người có bản dạng giới khác. Việc thực hiện các hành động ưu tiên sẽ mang lại những lợi ích công bằng.

1. Áp dụng **các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và bao trùm** để ưu tiên các hoạt động thích ứng được thực hiện (ví dụ, bằng cách tổ chức hội thảo giữa các bên liên quan cho các nhóm khác nhau và/hoặc ở các vùng khác nhau của quốc gia).
2. Tạo điều kiện **thuận lợi cho các quá trình ưu tiên riêng** cho những người thuộc các giới và các nhóm xã hội

khác nhau (ví dụ, thông qua các cuộc thảo luận song song trong hội thảo của các bên liên quan).

Xác định và tạo cơ sở dữ liệu về các phương án - công nghệ, dự án thích ứng có nhạy cảm giới, các hoạt động này sẽ thu hút sự chú ý của các bộ ngành đang tìm kiếm các giải pháp khác biệt và sáng tạo. Các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể tạo cơ hội cho phụ nữ chia sẻ kiến thức của họ với các chuyên gia về Biến đổi khí hậu và đồng thiết kế các giải pháp hiệu quả hơn và có tính đáp ứng giới.

3. Đảm bảo **tính minh bạch** trong quá trình ưu tiên bằng cách ghi lại cách thức xác định các ưu tiên và ai đã tham gia vào quá trình này
4. Phụ nữ và nam giới tham gia, bao gồm cả đại diện của các nhóm yếu thế, vào việc **xây dựng các tiêu chí** ưu tiên ở các mức độ khác nhau.

- Sử dụng tiêu chí “góp phần đạt được bình đẳng giới” như là một tiêu chí để xếp thứ tự ưu tiên, liên kết với kết quả phân tích giới và đánh giá mức độ mà các phương án thích ứng đưa ra để giải quyết các bất bình đẳng đã được xác định.

Bước 4: Biên soạn và truyền thông

Các tài liệu lập kế hoạch được xây dựng thông qua các vấn đề thích ứng trong khung quy trình KHTUQG và ghi lại các phương án, ưu tiên; và phương pháp tiếp cận sẽ được tiếp tục thực hiện để thúc đẩy các mục tiêu thích ứng trong nước. Sau đó, điều quan trọng là các vấn đề về giới phải được lồng ghép trong các tài liệu lập kế hoạch thích ứng.

- Do đó, khi viết về nội dung của kế hoạch thích ứng quốc gia phải
- Đảm bảo mỗi phần đều có quan điểm về giới
- Đánh giá xem tất cả các chiến lược và hành động được đề xuất có thúc đẩy bình đẳng giới hay làm trầm trọng hơn khoảng cách giới hiện có
- Sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính cho tất cả các phân tích.
- Sử dụng ngôn ngữ và thuật ngữ nhạy cảm về giới như “phụ nữ”, “nam giới”, “trẻ em gái” và “trẻ em trai”, nhấn mạnh các thuật ngữ này ở phía trước và ngăn chặn việc bỏ qua sự khác biệt đáng kể về cơ hội, quyền và nghĩa vụ dựa trên giới tính và tuổi
- Tham khảo hiến pháp quốc gia nếu bao gồm bình đẳng giới, “Đối xử bình đẳng / Hành vi không phân biệt đối xử” và chính sách quốc gia về bình đẳng giới, bao gồm các hành động đã và đang diễn ra. Cũng cần đề cập đến các cam kết quốc tế mà quốc gia này thực hiện theo CEDAW, chẳng hạn như Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, và các mục tiêu SDG.
- Nhấn mạnh rằng: trong thực tế giới là một vấn đề xuyên suốt nên cần tăng cường hiệu quả, hiệu lực và tính bền vững của các hoạt động về biến đổi khí hậu và các nỗ lực phát triển bền vững khác. Làm rõ về mục tiêu của lồng ghép giới là để trao quyền cho phụ nữ và giảm thiểu bất bình đẳng hiện có.

Các CSO cũng có thể đóng góp vào quá trình hoàn thiện / viết tài liệu. Nếu không có những không gian như vậy, hãy sử dụng Bảng kiểm KHTUQG / NDC (Tài liệu 9) để thực hiện phân tích giới của tài liệu và chia sẻ rộng rãi để kết hợp các mối quan tâm về giới.

CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (KHHĐG&BĐKH)²

Phương pháp luận về KHHĐG&BĐKH được xây dựng bởi IUCN, như một phần của chương trình GGCA, trình bày cách lồng ghép giới không phải việc làm theo cách tiếp cận thông thường, mà bằng cách xây dựng năng lực cho các nhóm liên quan để xây dựng các giải pháp phi thông thường, cụ thể, thiết thực, sáng tạo để phù hợp với các quốc gia. KHHĐG&BĐKH cũng tạo một cơ hội để vượt ra ngoài việc đóng khung phụ nữ là nạn nhân để bị tổn thương và hơn nữa cũng công nhận bình đẳng giới là động lực thúc đẩy sự thay đổi mang tính chuyển đổi các mối quan hệ giới.

Một KHHĐG&BĐKH có thể được bắt đầu khi có yêu cầu từ Bộ Môi trường. Các CSO với sự trợ giúp từ Bộ là về các vấn đề Phụ nữ, nên thúc đẩy Bộ Môi trường có KHHĐG&BĐKH. Sử dụng chỉ số giới và môi trường do UNEP và IUCN (2013) đã xây dựng để lập bản đồ hiện trạng quốc gia về lồng ghép giới và tạo ra trường hợp để KHHĐG&BĐKH

Các bước chính trong phương pháp KHHĐG&BĐKH bao gồm:

A. Hiểu về bối cảnh chính trị, quản trị, kinh tế xã hội và môi trường:

KHHĐG&BĐKH là kết quả của một loạt các hoạt động đầu vào: nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn các nhà hoạch định chính sách, tham vấn các bên liên quan và rà soát lại những đánh giá của đồng nghiệp, bên cạnh những hoạt động khác. Trọng tâm là các lĩnh vực chính đã được xác định, bao gồm nhưng không giới hạn, nước, nông nghiệp, y tế, giảm nhẹ (bao gồm năng lượng và rừng), giảm thiểu rủi ro thiên tai cơ sở hạ tầng, du lịch và quản lý vùng ven biển.

B. Nâng cao năng lực theo các chủ đề đã được hướng đến, đây là trọng tâm để đảm bảo sự tham gia và quyền làm chủ rõ rệt:

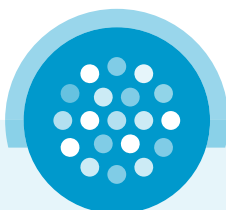
Một lĩnh vực trọng tâm chính là nâng cao năng lực của phụ nữ và các tổ chức của phụ nữ, cũng như các cơ quan và bộ ngành về môi trường và biến đổi khí hậu về mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu. Điều này được thực hiện thông qua một loạt các hoạt động hội thảo với phụ nữ địa phương, những phụ nữ được xác định là lãnh đạo trong cộng đồng của họ, cũng như với các tổ chức ủng hộ phụ nữ là các bên hỗ trợ quyền và sự phát triển của phụ nữ.

² Phần này chủ yếu bắt nguồn từ (Aguilar, và cộng sự 2015)

HÌNH 5: ĐẶC TRƯNG CỦA KHHĐG&BĐKH

Nguyên tắc cơ bản của KHHĐG&BĐKH là bản chất chuyển đổi của các can thiệp giới. Để đạt được điều này, sau đây là quá trình dựa trên trên 6 nguyên tắc, mà IUCN công nhận là cần thiết và hỗ trợ thực hiện thành công KHHĐG&BĐKH.

Các KHHĐG&BĐKH là:



Toàn diện

Bằng cách đảm bảo sự tham gia và tiếng nói của tất cả các nhóm, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, khu vực, tuổi tác hoặc giai cấp



Sáng tạo

Trong mục đích và quy trình của họ nhằm tiếp cận các giải pháp thông thường, truyền thống và tìm kiếm các công cụ và kỹ thuật mới và đầy cảm hứng, đồng thời mở rộng các khả năng tạo ra một cách tiếp cận toàn diện hơn, mạnh mẽ hơn đối với biến đổi khí hậu.



Cải thiện

Chất lượng cuộc sống của phụ nữ và nam giới liên quan đến cả nhu cầu cơ bản (Ví dụ: nước) và chiến lược (Ví dụ: như quyền sở hữu đất hoặc tham gia chính trị) nhưng cũng bằng cách công nhận các ưu tiên, vai trò và kiến thức có sự khác biệt về giới trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu



Tạo ra một tác động

Đối với mục tiêu chung là ứng phó với biến đổi khí hậu bằng cách giảm lượng khí thải do con người gây ra và cung cấp các cơ hội về khả năng phục hồi thích ứng cho cả phụ nữ và nam giới tham gia ở cấp địa phương khu vực và quốc gia



Đưa ra các chiến lược nhằm tăng cường

Phát triển bền vững và các kết quả biến đổi khí hậu bằng cách đảm bảo các giải pháp dựa vào thiên nhiên nằm trong giới hạn của hành tinh và quan trọng hơn là không vượt quá tài nguyên thiên nhiên của địa phương và khu vực



Khuyến khích sự thay đổi

Mang tính chuyển đổi bằng cách sắp xếp lại các tiếp cận với biến đổi khí hậu. Cung cấp các hội bình đẳng cho phụ nữ và nam giới trong việc thực hiện các giải pháp, nhưng cũng cung cấp các địa phương cần thiết để xây dựng ảnh hưởng và khả năng đảm bảo cuộc sống và sinh kế công bằng cho tất cả mọi người



Truyền cảm hứng

Cho những người thực hiện hiện ở tất cả các cấp để vượt ra khỏi lĩnh vực kinh doanh bình thường chứng minh rằng Việc thực hiện các cam kết về giới và biến đổi khí hậu là có thể thực hiện được

Nguồn: (Aguilar, et al 2015)

C. Tạo điều kiện để quá trình tham gia giữa các bên có ý nghĩa:

Quá trình này là duy nhất giữa nhiều bên và nhiều lĩnh vực, lần đầu tiên các cán bộ kỹ thuật thường đại diện cho các bộ khác nhau, chẳng hạn như các bộ về Nước, năng lượng hoặc phụ nữ, có cơ hội cùng xây dựng năng lực về các vấn đề chính liên quan đến giới và biến đổi khí hậu. Sự tham gia của các nhà tài trợ và các bên liên quan cũng là chìa khóa quan trọng, đặc biệt là các tổ chức và mạng lưới của phụ nữ cả lâu năm và mới về 'biến đổi khí hậu', do họ cũng đóng góp kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn trên cơ sở và bối cảnh thực tế cho việc hoạch định chính sách, cũng như những ý tưởng đổi mới để hành động, các hành động này thường được xây dựng dựa trên những người tham gia dự án hiện tại.

Sau đó, các tài liệu KHHĐG&BĐKH được soạn thảo trên cơ sở phân tích các ưu tiên hiện tại của quốc gia (ví dụ, các chính sách hoặc kế hoạch thuộc các lĩnh vực cụ thể hoặc báo cáo quốc gia và các thông tin tới UNFCCC), và rút ra bài học thực chất từ các cuộc thảo luận và kết quả của hai hội thảo đa bên có sự tham dự của đại diện các bộ, nhà tài trợ, cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự, bao gồm các tổ chức và mạng lưới của phụ nữ. Trong khi các hội thảo để xây dựng dự thảo không có dự thảo về KHHĐG&BĐKH là hội thảo đa lĩnh vực và đa bên liên quan, sau đó, một quá trình có hiệu lực được tiến hành ở cấp khu vực / địa phương để làm tăng thêm nguồn tài liệu dựa trên kết quả của quốc gia với những kinh nghiệm và bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực giới và biến đổi khí hậu, từ nhiều dự án và chương trình trải dài trên một quốc gia, để cải thiện và xác nhận tính hiệu quả của KHHĐG&BĐKH và truyền cảm hứng cho các quốc gia khác về việc quy trình được triển khai toàn diện.

Kết quả của việc 'Là' trở thành một phần không thể thiếu của mỗi KHHĐG&BĐKH, các chiến lược cũng bắt nguồn từ các đặc điểm riêng biệt, đặt các chiến lược trong khung riêng cho phát triển và ứng phó với biến đổi khí hậu bằng cách thu hút sự tham gia không chỉ phụ nữ mà toàn bộ cộng đồng, các ngành và chính phủ để xây dựng một cách tiếp cận gắn kết hơn và công bằng hơn trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH QUỐC GIA VỀ BĐKH/GNRRTT: MỘT TRƯỜNG HỢP Ở CAMPUCHIA

Các kế hoạch và chính sách khung của UNFCCC.

Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã nộp KHHĐTƯQG đầu tiên vào năm 2006, nhằm xác định các ưu tiên thích ứng thông qua quá trình tham vấn và tập trung vào "các nhóm dễ bị tổn thương" với tư cách là các bên liên quan chính. Tuy nhiên, thiếu việc xác định rõ ràng ai là người tạo thành các nhóm mục tiêu đã dẫn đến khả năng tiếp cận bị hạn chế. KHHĐTƯQG không đề cập đến vấn đề bình đẳng giới như

một ưu tiên và phụ nữ chỉ được công nhận là những nhân tố quan trọng trong ngành y tế để phòng chống và điều trị bệnh sốt rét.

Campuchia cũng nộp thông báo quốc gia đầu tiên vào năm 2002 và lần thông báo thứ hai vào năm 2015. Những thông tin này một lần nữa không bao gồm số liệu phân tách theo giới, tuổi tác, tình trạng khuyết tật và thiếu phân tích giới. Một lần nữa, phụ nữ chỉ được công nhận trong bối cảnh các can thiệp liên quan đến sốt rét. Tình hình tương tự cũng được quan sát thấy trong đóng góp quốc gia tự quyết định dự kiến (INDC) được nộp vào năm 2015, mặc dù báo cáo đã đưa ra nội dung "giảm Tình trạng Dễ bị tổn thương theo Giới" như là một phần của chiến lược thứ hai. Báo cáo rà soát mức độ sẵn sàng của khung Sendai của Campuchia được nộp vào năm 2017 cũng không báo cáo bất kỳ phân tích giới hoặc Số liệu phân tách theo giới, tuổi tác, tình trạng khuyết tật nào.

Chỉ trong báo cáo định kỳ thứ tư và thứ năm Campuchia nộp lên ủy ban CEDAW năm 2013, những thách thức đối với khả năng tiếp cận sinh kế của phụ nữ trong bối cảnh biến đổi khí hậu và những tác động không cân xứng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với phụ nữ mới được đề cập đến. Và trong khi báo cáo định kỳ thứ sáu được nộp vào năm 2018 nhấn mạnh những nỗ lực lồng ghép giới của các bộ ngành khác nhau như Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và các bộ khác, vẫn chưa có trọng tâm về lồng ghép giới trong khuôn khổ chính sách BĐKH/GNRRTT

Campuchia cũng từ chối báo cáo về tình trạng dễ bị tổn thương theo giới tính như một phần của báo cáo SDG 13.

Luật pháp và các kế hoạch trong nước.

ở phạm vi trong nước, hiến pháp Campuchia đặt nền tảng cho bình đẳng giới và quyền bình đẳng cho phụ nữ. Neary Rattanak IV (2014-18) được ban hành bởi Bộ/(Bộ các vấn đề phụ nữ, là hướng dẫn quốc gia về chính sách bình đẳng giới và xác định mối liên hệ giữa giới và biến đổi khí hậu như một phần của mục tiêu chiến lược 3.2 được đưa vào Chiến lược phát triển quốc gia. Hướng tới điều này, Bộ các vấn đề phụ nữ cũng thành lập Ủy ban Giới và Biến đổi Khí hậu để giám sát việc thực hiện vấn đề này.

Là một phần của Kế hoạch Chiến lược về Biến đổi Khí hậu Campuchia (2014-2018), Bộ các vấn đề phụ nữ cũng tiến hành phân tích bối cảnh chi tiết cho kế hoạch hành động theo ngành, nhấn mạnh mối liên hệ giữa bất bình đẳng giới và tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu và phác thảo sáu lĩnh vực hành động. Bộ các vấn đề phụ nữ cũng đã xây dựng Kế hoạch hành động về giới và biến đổi khí hậu (2014-2018) để triển khai kế hoạch chiến lược, thể hiện tầm nhìn và cam kết của Bộ các vấn đề phụ nữ và Bộ Môi trường. Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động này là thúc đẩy lồng ghép giới và các can thiệp thí điểm chiến lược. Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động này là thúc đẩy lồng ghép giới và các can thiệp chiến lược thí điểm.

Bộ Môi trường phối hợp với ban Biến đổi khí hậu cũng ban hành UBG&BĐKH và xây dựng Kế hoạch hành động về giới và biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2023. Mặc dù thiếu Số liệu phân tách theo giới, tuổi tác, tình trạng khuyết tật, nhưng tài liệu này có phân tích kỹ lưỡng về giới và về tình trạng dễ bị tổn thương trên cơ sở giới bao gồm vai trò tái sản xuất của phụ nữ và tầm quan trọng của họ trong nền kinh tế xanh. Tài liệu này tập hợp các chiến lược giới được nêu trong Kế hoạch chiến lược về biến đổi khí hậu Campuchia và các kế hoạch theo ngành của các bộ ngành khác.

Các yếu tố cốt lõi của các kế hoạch về giới này cũng có thể được áp dụng trong bối cảnh các quốc gia châu Á khác bao gồm:

- i) Thúc đẩy phụ nữ ra quyết định về thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, và quản lý thiên tai, ở tất cả các cấp và lĩnh vực. Nâng cao mức độ nhận thức về giới và biến đổi khí hậu, bao gồm cả thiên tai, trong cơ quan làm về phụ nữ và các văn phòng được phân quyền và các bên liên quan của các cơ quan này;
- ii) Nâng cao trình độ năng lực của các cơ quan làm về phụ nữ và các văn phòng phân quyền và các bên liên quan của các cơ quan này về tính dễ bị tổn thương và đánh giá năng lực lồng ghép giới, và lập kế hoạch các phương pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, và quản lý thiên tai.
- iii) Cung cấp các can thiệp có mục tiêu cho nhóm phụ nữ có mức độ dễ bị tổn thương cao, để tăng cường năng lực giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, và trao quyền cho họ (ví dụ: an ninh lương thực, dinh dưỡng, tiếp cận bền vững với nước sạch, sinh kế ở thành thị và nông thôn, quản lý chất thải, tiếp cận thông tin và hỗ trợ thành lập nhóm)
- iv) Tiến hành nghiên cứu và phát triển để tăng cường sự sẵn có của dữ liệu và thông tin về giới và biến đổi khí hậu; và
- v) Đưa ra các bài học và thực hành tốt nhất về giới và biến đổi khí hậu để nhân rộng, học hỏi và chia sẻ trên toàn quốc và khu vực.

Công cụ then chốt của quốc gia, Kế hoạch Chiến lược về Biến đổi Khí hậu Campuchia (2014-2023), được xây dựng bằng việc lồng ghép giới và các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Campuchia. Kế hoạch này ghi nhận tác động không cân xứng mà biến đổi khí hậu có thể gây ra đối với phụ nữ và cần lồng ghép giới vào các giải pháp và luật pháp, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xác định kế hoạch bình đẳng giới là một trong những nguyên tắc chủ đạo để “đảm bảo rằng ứng phó với biến đổi khí hậu là công bằng, nhạy cảm về giới, minh bạch, có trách nhiệm và phù hợp với văn hóa quốc gia”. Kế hoạch này đã làm giảm tính dễ bị tổn thương của phụ nữ trước biến đổi khí hậu đây cũng là một trong những mục tiêu của kế hoạch này. Kế hoạch này cũng có ba mục tiêu chiến lược về giới:

- i) Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương theo ngành, khu vực, giới và rủi ro sức khỏe trước các tác động của biến đổi khí hậu và ưu tiên tới nhu cầu của phụ nữ trong các hành động thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu;
- ii) Nâng cao năng lực, kiến thức và nhận thức về trọng tâm của biến đổi khí hậu, hướng đến các nhóm dễ bị tổn thương, phụ nữ, trẻ em, thanh niên và người dân tộc thiểu số; và
- iii) Thúc đẩy các phương pháp có sự tham gia và tiếp cận bảo trợ xã hội phù hợp và lồng ghép giới vào lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

Kế hoạch Hành động Quốc gia về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai (2014-2018) nhằm mục đích tăng cường các nỗ lực lồng ghép GNRRTT và Quản trị Rủi ro Thiên tai, đặc biệt là thông qua cải cách thể chế và nâng cao năng lực. Kế hoạch này có một thành phần chiến lược tập trung vào giới và nhằm mục đích đạt được “đánh giá nhu cầu trên thực tế và sự thiệt hại toàn diện sau thiên tai với thông tin phân tách giới. Kế hoạch Chiến lược về Quản lý Thiên tai với Biến đổi Khí hậu (2013) là một tài liệu chính sách khác thiết lập mối liên hệ giữa GNRRTT và thích ứng với Biến đổi khí hậu. Kế hoạch này cũng bao gồm một Khung ứng phó về giới cụ thể, công nhận tính dễ bị tổn thương của phụ nữ với biến đổi khí hậu và bao gồm đề xuất liên quan đến các chỉ số bình đẳng giới trong giám sát hành động phòng ngừa và ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

Luật Quản lý Thiên tai (2015) nhằm điều chỉnh việc quản lý thiên tai ở Campuchia, bao gồm phòng ngừa, thích ứng và giảm nhẹ trong giai đoạn trước thiên tai, ứng phó khẩn cấp trong thiên tai và phục hồi sau thiên tai. Mặc dù nhìn chung luật thừa nhận quyền được bảo vệ về tính mạng, nhân phẩm, tài sản và những người khác cũng như đối với mọi cá nhân, Điều 18 của luật này đặc biệt đề cập đến sự cần thiết phải “dành sự quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật” trong trường hợp xảy ra thiên tai.

Nguồn: (Reggers và Lim 2019); (Dankelman 2016).

TẬP TRUNG VÀO THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ.

Bản thân một kế hoạch sẽ không có tác dụng trừ khi kế hoạch đó được đưa vào thực hiện. Để đưa kế hoạch vào thực tế, cần phải có những biện pháp cụ thể. Dựa trên một kế hoạch đáp ứng giới, tại thời điểm này, điều cần thiết là phải xác định những hoạt động có thể đáp ứng các mục tiêu của kế hoạch thích ứng quốc gia. Các chiến lược thực hiện đáp ứng giới nhận ra các cơ hội và rào cản cụ thể về giới và hướng tới các hành động thích ứng có tính đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất, cho phép họ nhận ra tiềm năng của họ như là tác nhân của sự thay đổi trong gia đình và cộng đồng của họ.

Những điều này giúp đảm bảo rằng các hành động thích ứng được thực hiện ở những nơi cần thiết nhất và đảm bảo các lợi ích là công bằng:

1. Thực hiện quy trình có sự tham gia bình đẳng giới và hòa nhập để phát triển các chiến lược thực hiện.
2. Thu hút sự tham gia của các lãnh đạo nữ từ các nhóm bị ảnh hưởng và các tác nhân giới trong việc xây dựng các chiến lược thực hiện
3. Xác định các hoạt động liên quan trực tiếp đến các mục tiêu giới của kế hoạch thích ứng quốc gia.
4. Ưu tiên các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và những hoạt động mà họ dễ tiếp cận nhất.
5. Tạo ra các mục tiêu phân tách theo giới tính cho các hoạt động hướng đến lợi ích cá nhân.
6. Khi những giới hạn của xã hội có thể ngăn cản phụ nữ trở thành người thụ hưởng bình đẳng, hãy xác định những hành động giúp họ vượt qua rào cản xã hội. Những hành động này có thể ở dạng các hoạt động bổ sung hoặc thay đổi cách thức thực hiện các hoạt động hiện tại.
7. Mỗi mô tả hoạt động trong kế hoạch hành động cần bao gồm các yếu tố sau: tiêu đề của hoạt động, mục tiêu của hoạt động, mục tiêu trong bình đẳng giới, bối cảnh, mô tả, các tổ chức thực hiện, thời gian hoạt động, đầu vào, số liệu các mục tiêu thực tế và các thành phần về giới.

Đối với giám sát và đánh giá, các kế hoạch thích ứng quốc gia phải bao gồm việc phát triển các phương pháp tiếp cận có sự tham gia, các phương pháp này có khả năng đánh giá

sự phát triển về cả định lượng và định tính, đồng thời theo dõi việc thực hiện thành công các kế hoạch đó và đảm bảo rằng tất cả các vấn đề về giới được đề cập đầy đủ.

Các hệ thống Giám sát và Đánh giá (M&E) được thiết lập để theo dõi tiến độ đạt được về các kết quả trong thực tế của các mục tiêu, phạm vi nhóm thụ hưởng và hiệu quả của hoạt động. Việc lồng ghép các quan tâm về giới vào hệ thống giám sát và đánh giá có thể giúp đảm bảo đáp ứng sự khác biệt về giới trong việc tham gia vào các hành động thích ứng và nắm bắt được các lợi ích từ các khoản đầu tư cho các hoạt động thích ứng, và sự mất cân bằng có thể được khắc phục. Hệ thống này cũng giúp theo dõi tiến trình về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Các hành động sau đây là cần thiết đối với hệ thống giám sát và đánh giá có nhạy cảm về giới:

- A) **Xây dựng** các chỉ số cụ thể về giới là SMART - cụ thể, có thể đo lường, có thể đạt được, phù hợp và có thời hạn.
- B) **Thu thập** các dữ liệu phân tách theo giới tính và thực hiện phân tích dữ liệu về giới để đánh giá bình đẳng giới trong quá trình ra quyết định, tiếp cận các lợi ích và kết quả từ các hành động thích ứng.
- C) **Đánh giá** tác động khác biệt giới của các hành động thích ứng đối với phụ nữ, nam giới và các nhóm yếu thế khác.
- D) **Khuyến khích** đánh giá có sự tham gia và kiểm toán về giới trong các chương trình.

Sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình xây dựng các khuôn khổ giám sát và đánh giá là rất quan trọng đối với vấn đề này, các tổ chức xã hội dân sự địa phương, các nhóm phụ nữ và giới học thuật, và cộng đồng cũng nên tham gia vào quá trình này để đảm bảo thu thập dữ liệu công bằng và đáng tin cậy, đặc biệt là thông tin định tính.

Ngân sách là một trong những chỉ số quan trọng nhất của bất kỳ cam kết nào của những người ra quyết định. Khi xây dựng kế hoạch hành động, nhóm lập kế hoạch phải dành nguồn lực để tăng cường thúc đẩy bình đẳng giới. Lập ngân sách nhạy cảm về giới bao hàm những nội dung sau: thứ nhất, phân tích ngân sách của tất cả các hoạt động được đề xuất để xác định tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới liên quan đến các dòng ngân sách; thứ hai, phân bổ lại các nguồn lực để đạt được các kết quả bình đẳng giới từ các hoạt động đã được hoạch định.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 9: TRÒ CHƠI CROSS AND KNOTS

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho những người tham gia có khả năng tổng quan/rà soát nhanh chóng về bối cảnh chính sách toàn cầu về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Yêu cầu: Bảng trắng và bút dạ.

Các bước:

Bước 1: Chia những người tham gia thành hai nhóm - “X” và “O” - và phát cho họ mỗi người một bản Tài liệu phát tay số 7. Yêu cầu họ xem nhanh Tài liệu phát tay 7 trong 15 phút. (Trong trường hợp lớp nâng cao, bạn có thể bỏ qua bước này và chuyển trực tiếp sang bước tiếp theo.)

Bước 2: Nói với họ rằng bây giờ bạn sẽ chơi trò chơi thập tự giá cũ và giữa hai đội nhưng có sự thay đổi thành viên với nhau. Vẽ bảng ma trận chín ô lên bảng, viết ra một thuật ngữ liên quan đến các khung chính sách BĐKH/ GNRRTT vào mỗi ô như hình dưới đây:

UNFCCC	Nghị định thư Kyoto	Thỏa thuận Paris
Khung Sendai	NDCs	Hội nghị thượng đỉnh về trái đất
KHHĐTƯQG	IPCC	COP

Bước 3: Bây giờ cho các đội biết rằng họ phải chọn một thuật ngữ trong lượt của mình và đưa ra nội dung chi tiết của thuật ngữ đó. Các nhóm phải cung cấp ít nhất hai nội dung chi tiết, trong đó ít nhất một chi tiết phải liên quan đến nội dung chính (giảng viên sẽ xác định câu trả lời là đúng hay sai.). Cho họ biết rằng đối với mỗi câu hỏi, các đội sẽ cần một đại diện riêng để trả lời cho nhóm của họ. Đội nào có thể đưa ra định nghĩa cho ba câu trả lời đúng theo một đường thẳng hoặc đường chéo trên ma trận thì sẽ thắng trong trò chơi này

Bước 4: Cho phép nhóm đầu tiên chọn một từ/ô ngẫu nhiên và giải thích. Nếu câu trả lời đúng, hãy đánh dấu “X” và “O” của đội đó vào ô vuông. Nếu câu trả lời sai, họ phải bỏ qua lượt của mình. Quá trình này tiếp tục cho đến khi một đội có ba dấu thẳng hoặc chéo trên bảng như hình vẽ.

X	X	X

		O
	O	
O		

Bước 5: Lặp lại quá trình này với một tập hợp các thuật ngữ khác. Nếu không có đội nào có thể chiến thắng, hãy tiếp tục trò chơi với các ô còn lại và đội nào có số điểm tối đa trên bảng sẽ giành chiến thắng trong trò chơi.

Kết luận: Kết luận bằng cách cung cấp cho những người tham gia về đồng thời gian của các công ước và các thỏa thuận này đồng thời bổ sung bất kỳ điểm chính nào bị bỏ qua trong cuộc thảo luận.

BÀI TẬP 10: THẢO LUẬN NHÓM VỀ ÁP DỤNG NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA UNFCCC VÀ KHUNG SENDAI Ở CẤP QUỐC GIA.

Mục tiêu chính của bài tập này là đưa các cam kết về giới của UNFCCC và Khung Sendai thành các điểm có thể thực hiện được ở cấp quốc gia.

Tài liệu yêu cầu: Bản sao của Tài liệu phát số 8 sau khi xóa ghi chú của người điều hành buổi tập huấn.

Các bước:

Bước 1: Chia những người tham gia thành bốn nhóm. Đưa cho mỗi nhóm PHẦN A hoặc PHẦN B của Tài liệu phát tay số 8.

Bước 2: Yêu cầu những người tham gia thảo luận về các câu hỏi chính trong Tài liệu hướng dẫn 8 liên quan đến những điểm được đề cập. Yêu cầu họ chia thêm các vấn đề để cuộc thảo luận được hoàn thành đúng thời gian. Cho họ 30 phút để thảo luận.

Bước 3: Bây giờ yêu cầu họ chia sẻ câu trả lời của họ sau khi các nhóm đã thảo luận xong. Nếu thiếu bất kỳ điều gì, hãy bổ sung vào câu trả lời bằng cách sử dụng thông tin từ ghi chú của điều hành viên trong Tài liệu số 8.

Kết luận : Kết luận bằng cách nói rằng các khung này là tài liệu rất hữu ích để vận động cho việc lồng ghép giới trong hoạt động và chính sách BĐKH/GNRRTT trong nước. Tuy nhiên, điều quan trọng đối với các CSO là đưa những thông tin này vào các vấn đề có thể thực hiện các hoạt động và tiếp tục các hoạt động cụ thể phù hợp nhất ở cấp quốc gia.

BÀI TẬP 11: NHIỆM VỤ NHÓM VỀ ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC VỀ GIỚI ĐỐI VỚI NDCS VÀ NAPS.

Mục tiêu chính của bài tập này là giới thiệu bảng danh sách để đánh giá giới trong NDCs và NAPS tại cấp quốc gia và cung cấp cho họ thực hành trải nghiệm việc sử dụng công cụ này.

Yêu cầu: Bản sao của tài liệu phát tay 9 và laptop có kết nối Internet.

Các bước:

Bước 1: Chia những người tham gia thành bốn nhóm. Phát cho mỗi nhóm PHẦN A hoặc PHẦN B của Tài liệu phát tay số 9.

Bước 2: Yêu cầu họ chọn một quốc gia có tài liệu mà họ muốn phân tích. Chia sẻ các liên kết UNFCCC với học viên để họ truy cập các tài liệu NDC / KHTƯQG cần thiết để phân tích vấn đề ở quốc gia đó.

Bước 3: Yêu cầu họ rà soát lại tài liệu bằng cách sử dụng bảng danh sách và kinh nghiệm của riêng họ với tư cách là một nhóm trong một quốc gia. Yêu cầu họ chỉ tập trung vào nội dung tóm tắt và thích ứng trong bài tập. Cho họ 20 phút cho nhiệm vụ này. Yêu cầu họ chia sẻ báo cáo bằng bản trình bày PowerPoint hoặc tài liệu Word.

Bước 4: Sau khi các nhóm quay lại nhóm lớn của lớp, nói với họ rằng bạn sẽ đối chiếu các báo cáo và cung cấp các báo cáo này cho những người tham gia như một phần của báo cáo tập huấn. Vì vậy, cuộc thảo luận sẽ chỉ tập trung vào trải nghiệm sau khi thực hiện bài tập. Yêu cầu họ trả lời những câu hỏi sau:

- Họ tìm bảng danh sách dễ /khó như thế nào?
- Những thách thức (ngoài hạn chế về thời gian cho bài tập) gặp phải khi sử dụng bảng danh sách là gì?
- Những thông tin nào cần bổ sung để thực hiện bài tập này ở cấp quốc gia và xuất bản các báo cáo liên quan?
- Làm thế nào để những báo cáo đó có thể được sử dụng?

Kết luận: Kết luận bằng cách nói rằng các bảng danh sách này hữu ích trong việc đánh giá mức độ đáp ứng giới trong NDCs và NAPS. Nói với họ rằng bài tập chỉ cung cấp cho họ hình dung cơ bản về công cụ và họ sẽ cần thực hiện một phân tích sâu hơn để đưa ra được một báo cáo chính thức. Nói với họ rằng những báo cáo như vậy có thể là công cụ vận động hữu ích cho các CSO để theo đuổi sự cần thiết của việc lồng ghép giới trong các chính sách BĐKH/GNRRTT và cũng để chia sẻ với UNFCCC như một phần của kế hoạch hành động về giới của họ.

NDC link: <https://www4.unfccc.int/sites/NDCStaging/Pages/All.aspx>

NAP link: <https://www4.unfccc.int/sites/NAPC/Pages/national-adaptation-plans.aspx>

BÀI TẬP 12: BÀI TẬP NHÓM VỀ KHUYẾN NGHỊ CHUNG SỐ 37 CỦA CEDAW VÀ TUYÊN BỐ BẮC KINH (+25) CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG.

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp kinh nghiệm thực tiễn cho những người tham gia về việc sử dụng các diễn đàn rà soát định kỳ và báo cáo bóng trong CEDAW và Tuyên bố và cương lĩnh hành động Bắc Kinh để thúc đẩy hành động BĐKH/GNRRTT có đáp ứng giới.

Yêu cầu tài liệu: Bản sao của Tài liệu phát tay 10.

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành bốn nhóm. Các nhóm cố gắng bao gồm những người tham gia từ cùng một quốc gia / khu vực vào một nhóm. Phát cho mỗi nhóm PHẦN A hoặc PHẦN B của Tài liệu phát tay số 10.

Bước 2: Yêu cầu họ chọn một quốc gia để phân tích và chuẩn bị một bài thuyết trình ngắn về tình hình thực hiện CEDAW / Cương lĩnh hành động Bắc Kinh ở quốc gia đó. Bài thuyết trình nên được tập trung với một trang trình bày, mỗi trang trình bày theo các khía cạnh sau:

- Quốc gia đã làm gì để đạt được các mục tiêu/nghĩa vụ của Công ước/Tuyên bố đối với BĐKH/GNRRTT?
- Những khoảng trống trong hành động là gì? Những điều rất cần thiết và quan trọng nhưng không thực hiện được là gì?
- Khoảng trống giữa nguồn lực và thực thi là gì?
- Các hành động được khuyến nghị chính cho các chính phủ quốc gia là gì?

- Cung cấp một trường hợp thực tế làm bằng chứng để làm vững chắc quan điểm của nhóm đưa ra.

Bước 3: Cho họ 30 phút để thực hiện bài tập. Yêu cầu họ chia sẻ báo cáo trong bản trình bày PowerPoint hoặc word

Bước 4: Sau khi các nhóm quay lại nhóm lớn của lớp, nói với họ rằng bạn sẽ đối chiếu các báo cáo và cung cấp các báo cáo này cho những người tham gia như một phần của báo cáo tập huấn. Vì vậy, cuộc thảo luận sẽ chỉ tập trung vào trải nghiệm sau khi thực hiện bài tập. Yêu cầu họ trả lời những câu hỏi sau:

- Các bài học quan trọng đã rút ra được từ những bài tập là gì?
- Những thách thức nào (ngoài hạn chế về thời gian cho bài thực hành) phải đối mặt trong việc xây dựng bài thuyết trình?
- Làm cách nào để họ có thể giải quyết những thách thức này, đặc biệt là khi xây dựng một bài thuyết trình chính thức?
- Làm thế nào để những báo cáo đó có thể được sử dụng?

Kết luận: Kết luận bằng cách nói rằng cả CEDAW và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh đều cung cấp các nền tảng để rà soát thường xuyên, đây là không gian cho sự tham gia của các CSO, đặc biệt là các tổ chức làm về các vấn đề liên quan đến phụ nữ. Điều rất quan trọng là phải đưa chương trình nghị sự BĐKH/GNRRTT vào trong các cơ chế rà soát này, đặc biệt là bằng cách đóng góp cho báo cáo bóng CEDAW và các tài liệu đánh giá.

BÀI TẬP 13: ĐÓNG VAI BATOKAS VÀ GONKAS

Mục tiêu chính của bài tập này là khiến những người tham gia cảm thấy sự cần thiết phải đưa những vấn đề giới vào hoạch định chính sách và tầm quan trọng về sự tham gia của chính các nhóm bị ảnh hưởng trong quá trình xem xét và ra quyết định.

Yêu cầu: Bảng trắng và bút dạ.

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành ba nhóm. Thay vì phân nhóm ngẫu nhiên, hãy sử dụng theo quyết định của bạn và đặt tất cả những người tham gia chủ động/vượt trội hơn vào một nhóm và những người thụ động vào nhóm khác. Đặt tên cho nhóm chủ động là "batoka" và nhóm bị động là "gonka". Những người có khả năng phân tích cao hơn nên được chỉ định làm quan sát viên

Bước 2: Nói với họ rằng họ sẽ tiến hành một cuộc họp trong làng để thảo luận về việc thành lập Ủy ban Quản lý Thiên tai của Làng (VDMC) và xác định ba lĩnh vực quan tâm chính để VDMC làm việc. Cung cấp cho batokas một cái nhìn tổng

quan dựa trên hộp 1 và gonkas dựa trên hộp 2. Người đóng vai quan sát viên phải có cái nhìn tổng quan một cách đầy đủ. Điều chỉnh các nội dung theo bối cảnh của địa phương càng nhiều càng tốt.

Bước 3: Cho họ 10 phút để thảo luận và hoàn thiện các vai trò, và 15 phút nữa để tiến hành cuộc họp và quyết định xem ai sẽ là thành viên của VDMC và 3 mối quan tâm mà VDMC sẽ giải quyết là gì.

Bước 4: Yêu cầu những người tham gia quay lại nhóm lớn và hỏi họ những điều sau:

- Các Batokas cảm thấy thế nào và các gonkas cảm thấy thế nào?

- Quyết định được thực hiện như thế nào?
- Các quy tắc đã được quyết định như thế nào?
- Ai đã thắng và ai đã thua trong quá trình này?
- Sự phát triển sẽ đến được với cả hai cộng đồng hay khoảng cách sẽ được nói rộng?

Kết luận: Kết luận bằng cách chia sẻ rằng đây là điều sẽ xảy ra khi một nhóm bị bỏ qua trong tất cả quá trình ra quyết định và điều quan trọng là "nam giới, phụ nữ cũng như những người có bản dạng giới khác cần phải được đưa vào tất cả các quá trình ra quyết định. Điều này không chỉ được yêu cầu ở cấp làng xã mà ở tất cả các cấp, bao gồm cả cấp quốc gia và toàn cầu.

HỘP 1- BATOKAS	HỘP 2- GONKAS
<ul style="list-style-type: none"> > Một thành viên của Batokas là một nhân viên y tế và đã tham gia khóa tập huấn về quản lý thiên tai như một phần định hướng công việc của người này. > Một thành viên khác là giáo viên địa lý và được đào tạo để hướng dẫn về những thiên tai tại địa phương cho học sinh của trường học. > Bốn thành viên làm việc trên cánh đồng lúa đã bị ngập lụt từ hai năm nay. Sự mất mát của họ đồng nghĩa với việc họ phải đối mặt với tình trạng thiếu lương thực trong năm đó và đôi khi cũng phải di cư để tìm kiếm việc làm. > Phần lớn các Batokas không biết bơi. Một thành viên đã bị mất một đứa con vào năm ngoái vì cô ấy không biết bơi và đứa trẻ đã bị nước cuốn trôi. > Tất cả các Batokas và gia đình của họ phải đối mặt với tình trạng thiếu nước và nhiên liệu trong suốt thời gian xảy ra lũ lụt. > Sau trận lốc xoáy năm ngoái, tất cả thành viên đã phải trải qua hai tuần sống tại khu vực trú ẩn tạm thời tại địa phương, và hai người trong số họ 	<ul style="list-style-type: none"> > Một thành viên của Gonkas là trưởng làng và cũng có quan hệ tốt với các chính trị gia địa phương > Một thành viên khác là nhà thầu địa phương đảm nhận các dự án như xây dựng kè sông, đê chắn lũ lụt và các dự án khác. > Bốn thành viên sở hữu cánh đồng lúa bị ngập lụt từ hai năm nay. Họ nhận được một số khoản bồi thường nhưng không đủ để trang trải chi phí trong cuộc sống. Họ phải di cư để tìm việc cùng gia đình của họ. > Bốn thành viên khác cũng có ruộng nhưng ruộng của họ không bị ngập. Họ gặp vấn đề về bảo quản lúa sau thu hoạch vì trời thường mưa dẫn đến hỏng sản phẩm và khó để vận chuyển lúa ra thị trường. > Bốn thành viên khác đã bị mất nhà cửa trong ba trận lụt vừa qua và bị mất nhiều đồ đạc. > Trừ hai thành viên không biết bơi. Còn lại là người dân trong làng đều biết bơi

Cung cấp cho cả hai nhóm về bối cảnh tóm tắt về ngôi làng:

- > Có hai cộng đồng trong làng là batokas và gonkas.
- > Người batokas có địa vị xã hội thấp hơn, và những người gonkas là những người ưu tú và có địa vị cao hơn.
- > Người Gonkas sở hữu tất cả đất đai, và người batokas làm việc trên đất của người Gokas
- > Người Gonkas chiếm ưu thế trong các vị trí lãnh đạo ở ngôi làng và trong tất cả các cuộc họp, người batokas thường không được phép phát biểu trong những cuộc họp của làng.
- > Các Batokas cũng sợ Gonkas vì họ chiếm ưu thế hơn về mặt xã hội và tài chính.

BÀI 14: ĐÁNH GIÁ NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH ĐỂ XÁC ĐỊNH CÁC VAI TRÒ VÀ ĐIỂM ĐẦU VÀO CỦA CSOS THEO HƯỚNG LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CHÍNH SÁCH BĐKH/GNRRTT.

Mục tiêu chính của bài tập này là giúp các CSOs xây dựng kế hoạch hành động để lồng ghép giới trong các kế hoạch và chính sách quốc gia và xác định các bên quan trọng để hợp tác trong quá trình này.

Yêu cầu: Bản photo của tài liệu phát tay 11, giấy và bút vẽ bảng biểu.

Tiến trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành các nhóm từ bốn đến năm người. Đưa cho họ bản photo của Tài liệu phát tay 11. Yêu cầu họ cùng xem xét các trường hợp. Cho họ 15 phút để thực hiện việc này.

Bước 2: Yêu cầu họ thảo luận về các đặc điểm chính của lồng ghép giới trong các trường hợp và các chiến lược được sử dụng để có khả năng thực hiện trong trường hợp tương tự. Cho họ 15 phút để thảo luận.

Bước 3: Yêu cầu họ liên hệ những đặc trưng và chiến lược này trong bối cảnh của họ, bổ sung thêm các bài học từ các phần và kinh nghiệm của bản thân họ để xây dựng các kế hoạch hành động có sự tham gia của CSOs trong lồng ghép giới. Bản trình bày phải ở theo hình thức sau:

Mục đích/ mục tiêu	Chiến lược	Hoạt động	Hợp tác với các bên liên quan khác

Bước 4: Dán các kế hoạch hành động lên tường, đề cập đến nội dung này khi được yêu cầu trong các buổi học sắp tới. Bạn sẽ cần chỉ ra những công cụ đặc biệt nào sẽ có thể áp dụng cho hoạt động nào trong Học phần 3 Phần A về Lồng ghép giới trong chu trình dự án.

Kết luận: Vào cuối buổi học, những người tham gia nên có một khung mà họ có thể lấy lại để chỉnh sửa và phát triển các kế hoạch hành động của riêng họ.

KIỂM TRA KIẾN THỨC CỦA BẠN

Hoàn thành nhận định dưới đây bằng cách đánh dấu vào phương án mà bạn lựa chọn.

Nghị định thư Kyoto về các cơ chế thị trường đối với môi trường.	Là cách tiếp cận từ trên xuống không được thiết kế để mang lại lợi ích cho phụ nữ	Sẽ có lợi cho phụ nữ nếu được thực thi đúng cách
Kế hoạch thích ứng quốc gia	Giống như KHHĐTƯQG cho các nước kém phát triển nhưng không phải là cơ chế cho các nước đang phát triển khác	Là một quá trình đưa vào lập kế hoạch phát triển quốc gia cho các nước kém phát triển và các nước đang phát triển.
Cân bằng giới trong sự tham gia và lãnh đạo là quan trọng	đó là nhiệm vụ của UNFCCC và quan trọng đối với quốc gia.	Vì phụ nữ có quyền đại diện cho bản thân và nói lên mối quan tâm của họ.
Các kế hoạch BĐKH/ GNRRTT để đảm bảo bình đẳng giới cần:	Giải quyết tính dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ trong biến đổi khí hậu và thiên tai.	Giải quyết các nguyên nhân cơ bản về bình đẳng giới và xã hội.
Sự tham gia của phụ nữ là quan trọng	Hơn cả ở cấp địa phương / thôn và huyện	Ở tất cả các cấp thể chế

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

- 1) Dazé, A., & Dekens, J. (2017). *Khung cho các quá trình trong Kế hoạch Thích ứng Quốc gia có Ứng phó với Giới. Mạng lưới toàn cầu KHTƯQG*. Tham khảo từ <https://www.weadapt.org/sites/weadapt.org/files/2017/august/napgn-en-2017-gender-considerations-adaptation-planning1.pdf>
- 2) Dekens, J., & Dazé, A. (2019). *Thực hiện Phân tích Giới để cung cấp thông tin cho các Quá trình của Kế hoạch Thích ứng Quốc gia. Mạng lưới toàn cầu KHTƯQG*. tham khảo từ <https://www.iisd.org/system/files/publications/napgn-en-2019-conducting-gender-analysis-to-inform-nap-processes.pdf>
- 3) KHTƯQG Global Network & UNFCCC. (2019). *Bộ công cụ cho một quá trình đáp ứng giới để hình thành và thực hiện các kế hoạch thích ứng quốc gia*. Dazé, A., và Church, C. (tác giả chính). Winnipeg: Viện Phát triển Bền vững Quốc tế. tham khảo từ <https://www4.unfccc.int/sites/NAPC/Documents/Supplements/NAPGenderToolkit2019.pdf>
- 4) GGCA and UNDP. (2016). *Bình đẳng giới trong hành động vì khí hậu quốc gia: Lập kế hoạch cho các đóng góp do quốc gia quyết định có trách nhiệm với giới. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc*. tham khảo từ https://www.undp.org/content/dam/undp/library/gender/Gender%20and%20Environment/Gender_Equality_in_National_Climate_Action.pdf
- 5) UNFCCC. (2019). *Chương trình làm việc Lima tăng cường về giới và giới của nó. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; COP 25*. tham khảo UNFCCC: https://unfccc.int/sites/default/files/resource/cp2019_L03E.pdf

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



Lined writing area for notes, consisting of multiple horizontal lines for text entry.

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



A large grid of small dots for taking notes, spanning the width of the page below the header and above the footer.

THAM GIA CHÍNH SÁCH
BĐKH/GNRRTTVÀ QUỐC GIA

TÀI LIỆU PHÁT TAY

MÔ ĐUN

2

KHUNG CHÍNH SÁCH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU

TÊN	TỔNG QUAN
HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH TRÁI ĐẤT	Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED), Rio (1992) còn được gọi là Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất, là một trong những hội nghị lịch sử và quan trọng nhất liên quan đến phát triển bền vững. Chính Hội nghị thượng đỉnh Trái đất đã dẫn đến việc khởi động: a) Công ước của Liên hợp quốc về Đa dạng sinh học (CBD); b) Công ước của Liên hợp quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD); và c) Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC).
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) là cơ quan của Liên hợp quốc để đánh giá khía cạnh khoa học liên quan đến biến đổi khí hậu. Được thành lập vào năm 1988, mục tiêu của IPCC là cung cấp cho chính phủ các cấp thông tin khoa học mà họ có thể sử dụng để xây dựng các chính sách khí hậu. Các Báo cáo Đánh giá của IPCC (AR) cũng là đầu vào quan trọng trong các cuộc đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu. Cho đến nay, IPCC đã nộp năm Báo cáo Đánh giá và Báo cáo Đánh giá thứ sáu đang được xử lý.
UNFCCC	Trong khi một số hiệp định đa phương về môi trường và các khuôn khổ chính sách quốc tế khác có liên quan đến việc chống và ứng phó với biến đổi khí hậu, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã được xây dựng để giải quyết cụ thể vấn đề cấp bách của biến đổi khí hậu, với mục tiêu cuối cùng là ổn định Nồng độ khí nhà kính (GHG) "ở mức có thể ngăn chặn sự can thiệp nguy hiểm của con người với hệ thống khí hậu." Khi các Bên phê chuẩn công ước, và làm cho nó có hiệu lực, Công ước sẽ đưa ra một khuôn khổ pháp lý cho các hành động tiếp theo.
COP	Hội nghị các Bên (COP) là cơ quan ra quyết định tối cao của UNFCCC. Kể từ năm 1995, tổ chức này họp hàng năm để đánh giá việc thực hiện UNFCCC và các công cụ pháp lý liên quan. Nhiệm vụ chính của COP cũng là xem xét các thông tin truyền thông quốc gia và kiểm kê phát thải do các Bên đệ trình. Tất cả các Quốc gia là Thành viên của Công ước đều có đại diện tại COP
KYOTO PROTOCOL	Với những thách thức của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có hành động quyết định, cộng đồng quốc tế đã thiết lập Nghị định thư Kyoto (KP) ràng buộc về mặt pháp lý đối với các nước phát triển đã ký kết, chịu trách nhiệm chính về phát thải KNK, nhằm giảm lượng phát thải đó. Thời gian cam kết đầu tiên của KP là 2008-2012 và lần thứ hai là 2013-2020. KP đã biến KNK thành một mặt hàng có thể giao dịch. Một mặt các quốc gia phải đạt được mục tiêu giảm thiểu chủ yếu thông qua các biện pháp ở trong nước, KP đã đưa ra ba cơ chế thị trường linh hoạt cho phép các quốc gia đạt mục tiêu của mình bằng cách khuyến khích giảm thiểu KNK ở những nơi có hiệu quả về chi phí tốt nhất, chẳng hạn như ở các nước đang phát triển. Mục đích là giảm lượng khí thải tổng thể từ bầu khí quyển của hành tinh, đồng thời kích thích tăng trưởng kinh tế bền vững và chuyển giao công nghệ ở các nước đang phát triển. Ba cơ chế của Kyoto là: <ul style="list-style-type: none"> » Giao dịch phát thải » Cơ chế phát triển sạch (CDM) » Thực hiện chung (JI) Những cơ chế này là một phần của cái được gọi là thị trường carbon.
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG BALI	Một trong những câu hỏi chính mà các nhà đàm phán về khí hậu phải đối mặt, khi giai đoạn cam kết đầu tiên dự kiến kết thúc vào năm 2012, là làm thế nào để thay đổi cấu trúc của các hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu để thu hút các nước đang phát triển không thuộc Phụ lục I, nhưng không ràng buộc họ vào các mục tiêu từ trên xuống và cái thời gian biểu mà có thể làm chậm quá trình phát triển của họ. Câu trả lời cho câu hỏi này được đưa ra trong các cuộc đàm phán tại COP13 ở Bali (Indonesia). Kế hoạch Hành động Bali, thỏa thuận quan trọng từ COP13, bao gồm các điều khoản kêu gọi các bên là nước đang phát triển thực hiện các Hành động Giảm nhẹ Phù hợp Quốc gia (NAMA) trong bối cảnh phát triển bền vững để đổi lấy tài chính, công nghệ và xây dựng năng lực theo cách có thể đo lường, báo cáo được, và có thể kiểm chứng. Kế hoạch Hành động Bali cũng đánh dấu một bước ngoặt lớn trong các cuộc đàm phán của UNFCCC, với sự chuyển đổi từ cách tiếp cận kỹ trị từ trên xuống sang cách tiếp cận từ dưới lên.

<p>THỎA THUẬN PARIS</p>	<p>Thỏa thuận Paris (2015) là một hiệp định môi trường mang tính bước ngoặt đã được hầu hết các quốc gia thông qua vào năm 2015 nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và các tác động tiêu cực của nó. Thỏa thuận này nhằm mục đích giảm đáng kể lượng phát thải KNK toàn cầu trong nỗ lực hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu trong thế kỷ này lên 2 độ C so với mức trước công nghiệp, đồng thời theo đuổi các biện pháp nhằm hạn chế mức tăng nhiệt độ lên trong khoảng 1,5 độ C. Thỏa thuận bao gồm các cam kết từ tất cả các nước phát thải lớn nhằm cắt giảm ô nhiễm làm thay đổi khí hậu của họ và củng cố các cam kết đó theo thời gian. Hiệp ước cung cấp một lộ trình để các quốc gia phát triển hỗ trợ các quốc gia đang phát triển trong các nỗ lực giảm thiểu và thích ứng với khí hậu, đồng thời tạo ra khuôn khổ cho việc giám sát, báo cáo minh bạch và tập hợp các mục tiêu khí hậu cá nhân và tập thể của các quốc gia. Hiện tại, 197 quốc gia đã thông qua Hiệp định Paris.</p>
<p>KHUNG HYOGO</p>	<p>Khung hành động Hyogo 2005 (HFA) được xây dựng tại Hội nghị thế giới về giảm thiểu rủi ro thiên tai. Nó cung cấp các hướng dẫn và kế hoạch chi tiết toàn cầu để giảm thiểu các nguy cơ dễ bị tổn thương trước các hiểm họa tự nhiên, thông qua một kế hoạch hành động 10 năm. HFA đã hỗ trợ các nỗ lực của các quốc gia và cộng đồng trở nên kiên cường hơn và đối phó tốt hơn với các hiểm họa đe dọa thành quả phát triển của họ.</p>
<p>KHUNG SENDAI</p>	<p>Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai 2015-2030 đã được các Quốc gia Thành viên Liên Hợp Quốc thông qua vào ngày 18 tháng 3 năm 2015 tại Hội nghị Thế giới lần thứ Ba của Liên Hợp Quốc về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai. Khung Sendai nhằm đạt được mục tiêu giảm đáng kể rủi ro thiên tai và thiệt hại về sinh mạng, sinh kế và sức khỏe cũng như tài sản kinh tế, vật chất, xã hội, văn hóa và môi trường của con người, doanh nghiệp, cộng đồng và quốc gia trong vòng 15 năm tới. Khung Sendai là thỏa thuận lớn đầu tiên của chương trình nghị sự phát triển sau năm 2015, với bảy mục tiêu và bốn ưu tiên hành động.</p>
<p>NAPS</p>	<p>Quy trình Kế hoạch Thích ứng Quốc gia giúp các quốc gia tiến hành lập kế hoạch toàn diện về thích ứng với khí hậu trung và dài hạn. Đây là một quá trình linh hoạt được xây dựng dựa trên các hoạt động thích ứng hiện có của mỗi quốc gia và giúp lồng ghép biến đổi khí hậu vào quá trình ra quyết định của quốc gia. Các Bên tham gia UNFCCC đã thiết lập quy trình KHTUQG vào năm 2011 tại Durban (Nam Phi).</p>
<p>KHHĐTƯQG</p>	<p>Kết quả của COP7 tại Marrakech (Maroc) bao gồm một thỏa thuận rằng các nước kém phát triển (LDCs) sẽ xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thích ứng. KHHĐTƯQG cung cấp một quy trình cho các nước kém phát triển để xác định các hoạt động ưu tiên, đáp ứng các nhu cầu cấp bách và trước mắt của họ về thích ứng với biến đổi khí hậu mà việc đáp ứng chậm các nhu cầu đó có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương hoặc dẫn đến chi phí cao hơn ở giai đoạn sau.</p>
<p>NDCS</p>	<p>186 quốc gia - chịu trách nhiệm cho hơn 90% lượng khí thải toàn cầu - đã đệ trình các mục tiêu giảm thiểu carbon, được gọi là "những đóng góp dự kiến do quốc gia quyết định" (INDCs), trước hội nghị Paris. Các mục tiêu này nêu ra các cam kết của mỗi quốc gia về việc hạn chế phát thải (bao gồm thông qua việc bảo tồn các bể chứa các-bon) đến năm 2025 hoặc 2030, bao gồm cả các mục tiêu cắt giảm các-bon trên toàn nền kinh tế và các cam kết riêng lẻ của khoảng 2.250 thành phố và 2.025 công ty.</p>
<p>HÀNH ĐỘNG GIẢM NHẸ PHỤ HỢP QUỐC GIA (NAMAS)</p>	<p>Theo Hiệp ước Copenhagen, kết quả phi cam kết của COP 15 năm 2009, Các Hành động Giảm nhẹ Phụ hợp Quốc gia (NAMA) sẽ được xác định bởi các quốc gia đang phát triển thành viên của UNFCCC và "sẽ được ghi vào sổ đăng ký cùng với công nghệ, tài chính và hỗ trợ nâng cao năng lực."</p>
<p>CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC LIMA VỀ GIỚI (LWPG)</p>	<p>Năm 2014, Hội nghị các Bên (COP) với UNFCCC đã thông qua Chương trình Làm việc Lima về Giới (LWPG), trong đó thiết lập một kế hoạch "thúc đẩy cân bằng giới và đạt được chính sách khí hậu đáp ứng giới, được xây dựng với mục đích hướng dẫn sự tham gia của phụ nữ vào các cơ quan được thành lập theo Công ước."</p>
<p>GIỚI VÀ COP</p>	<p>Đôi khi được gọi là 'Giới và COP' vì các vấn đề giới thu hút được rất nhiều sự chú ý, COP 18 năm 2012 đã đưa ra một quyết định thúc đẩy cân bằng giới và sự tham gia của phụ nữ, đồng thời kêu gọi tổ chức hội thảo kỹ thuật trong các phiên về vấn đề giới trong năm tiếp theo.</p>

ỨNG DỤNG NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA KHUNG GNRRTT/BĐKH TOÀN CẦU

PHẦN A: UNFCC

LĨNH VỰC TRONG KHUNG HÀNH ĐỘNG	CÁC ĐIỂM CHO CÁC HÀNH ĐỘNG CẤP QUỐC GIA ĐƯỢC YÊU CẦU ĐỂ LỒNG GHÉP GIỚI ¹	HÀNH ĐỘNG ĐƯỢC THỰC HIỆN THỰC TẾ Ở CẤP QUỐC GIA
Tăng cường các nỗ lực nâng cao năng lực cho các chính phủ và các bên liên quan khác trong việc lồng ghép giới trong việc xây dựng, giám sát, thực hiện và rà soát các chính sách và kế hoạch quốc gia về biến đổi khí hậu,	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập các đơn vị về giới trong tất cả các cơ sở đào tạo GNRRTT/BĐKH quốc gia và địa phương Phân bổ kinh phí cho việc nâng cao năng lực về giới và GNRRTT/BĐKH 	
Thu hút sự tham gia của các nhóm phụ nữ, phụ nữ địa phương và các tổ chức giới trong quá trình xây dựng, thực hiện và cập nhật các chính sách, kế hoạch, chiến lược và hành động về khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> Tạo nền tảng thể chế và diễn đàn cho sự tham gia của các nhóm phụ nữ Tiến hành các cuộc hội thảo và hội thảo trên web để tham khảo ý kiến của các nhóm phụ nữ 	
Nâng cao năng lực thu thập, phân tích và áp dụng dữ liệu phân tách theo giới và phân tích giới trong bối cảnh biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét các cơ chế thu thập dữ liệu hiện tại để tích hợp Dữ liệu Phân tách Giới, Tuổi, Khuyết tật 	
Tăng cường sự sẵn có của dữ liệu phân tách theo giới để phân tích giới	<ul style="list-style-type: none"> Quy định nhiệm vụ mang tính pháp lý / chính sách để đảm bảo sự sẵn có của số liệu phân tách giới, tuổi và tình trạng khuyết tật Thực hiện các cuộc điều tra mới để thu thập số liệu phân tách giới, tuổi và tình trạng khuyết tật 	
Tăng cường cơ sở bằng chứng và hiểu biết về các tác động khác nhau của biến đổi khí hậu đối với nam giới và phụ nữ và vai trò của phụ nữ với tư cách là tác nhân tạo ra sự thay đổi và cơ hội cho phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các nghiên cứu về các khía cạnh giới trong các lĩnh vực khác nhau Tạo nền tảng để chia sẻ, đối chiếu và kiểm chứng các nghiên cứu hiện có và các cơ sở bằng chứng được tạo ra ở cấp quốc gia 	
Thúc đẩy việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, tài nguyên web và các công cụ truyền thông sáng tạo để truyền đạt hiệu quả kế hoạch hành động về giới và bình đẳng giới tới công chúng, đặc biệt là tới phụ nữ.	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các chiến dịch Thông tin, Giáo dục và Truyền thông (IEC) về giới và biến đổi khí hậu thông qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, cũng như nghệ thuật dân gian địa phương và đài phát thanh cộng đồng 	
Nâng cao năng lực cho các đại biểu nữ về kỹ năng lãnh đạo, đàm phán và tạo thuận lợi để tăng cường sự tham gia của phụ nữ	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị - hội thảo trước khi tham vấn, những hoạt động khác, bao gồm hội thảo trên web và đào tạo trong phiên đàm phán 	
Tăng cường tài trợ đi lại như một phương tiện hỗ trợ sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và người bản xứ trong tất cả các phái đoàn quốc gia tại các phiên họp của UNFCCC	<ul style="list-style-type: none"> Tài trợ đi lại ở cấp quốc gia để hỗ trợ sự tham gia ngay cả trong các cuộc tham vấn quốc gia Tổ chức các cuộc đối thoại để thảo luận về việc nâng cao vai trò lãnh đạo của cộng đồng địa phương và phụ nữ 	
Tăng cường phối hợp về giới giữa các cơ quan trong Thỏa thuận Paris và các tổ chức liên quan khác, đặc biệt là Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ các báo cáo bóng về giới và biến đổi khí hậu như một phần của báo cáo quốc gia CEDAW và SDG 	

¹ The details in this section needs to be removed before sharing the handout with participants for the exercise

ỨNG DỤNG NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA KHUNG GNRRTT/BĐKH TOÀN CẦU

LĨNH VỰC TRONG KHUNG HÀNH ĐỘNG	CÁC ĐIỂM CHO CÁC HÀNH ĐỘNG CẤP QUỐC GIA ĐƯỢC YÊU CẦU ĐỂ LỒNG GHÉP GIỚI ¹	HÀNH ĐỘNG ĐƯỢC THỰC HIỆN THỰC TẾ Ở CẤP QUỐC GIA
Chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ nâng cao năng lực về lập ngân sách đáp ứng giới (GRB)	<ul style="list-style-type: none"> • Thể chế hóa lập ngân sách có trách nhiệm giới ở cấp quốc gia, tỉnh và địa phương và mở rộng phạm vi sang tài chính khí hậu quốc tế • Cung cấp kinh phí cho việc xây dựng năng lực và nghiên cứu về lập ngân sách có trách nhiệm giới • Thu hút các nhóm phụ nữ làm chuyên gia về ngân sách có trách nhiệm giới trong các bộ kỹ thuật 	
Nâng cao nhận thức về hỗ trợ tài chính và kỹ thuật sẵn có để thúc đẩy tăng cường lồng ghép giới vào các chính sách khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố tất cả các quỹ tài chính khí hậu trong nước trong một diễn đàn • Lập bản đồ khung quản lý tài chính khí hậu của quốc gia và tạo hệ thống truy cập dữ liệu trực tuyến 	
Nâng cao nhận thức về các thực hành tốt để tạo điều kiện tiếp cận tài chính khí hậu cho các tổ chức của phụ nữ, người dân bản địa và cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo sổ tay hướng dẫn đơn giản cho các hệ thống tiếp cận quỹ • Hội thảo cho các tổ chức phi chính phủ về xây dựng đề xuất ứng phó với biến đổi khí hậu và về cơ chế gây quỹ • Xuất bản các nghiên cứu điển hình về các thực tiễn hiện có 	
Thúc đẩy việc triển khai các giải pháp công nghệ đáp ứng giới để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định và xuất bản các nghiên cứu điển hình về các giải pháp công bằng giới • Tạo hệ thống để xác nhận và các bằng chứng về sự phát triển các giải pháp địa phương 	
Thúc đẩy sự tham gia và lãnh đạo đầy đủ của phụ nữ và trẻ em gái trong khoa học, công nghệ, nghiên cứu và phát triển liên quan đến biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> • Các chương trình tài trợ để thí điểm các giải pháp đồng sáng tạo với các nhà nghiên cứu, cộng đồng và các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân 	
Hỗ trợ thu thập và củng cố thông tin và chuyên môn về giới và biến đổi khí hậu trong các ngành và lĩnh vực chuyên đề	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định và tạo ra một đội ngũ chuyên gia về giới và biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia • Thúc đẩy nền tảng kiến thức về giới và biến đổi khí hậu 	
Tăng cường giám sát và báo cáo về phụ nữ ở các vị trí lãnh đạo trong quá trình UNFCCC	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố số liệu thống kê quốc gia về thành phần giới trong các phái đoàn quốc tế và các cuộc đàm phán / tham vấn về khí hậu quốc gia 	
Theo dõi và báo cáo việc thực hiện các chính sách, kế hoạch, chiến lược và hành động về khí hậu có đáp ứng giới	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Công bố các đánh giá hai năm một lần và tiến độ về các mục tiêu giới trong các kế hoạch và chính sách khí hậu quốc gia 	

Nguồn: (UNFCCC 2019)

ỨNG DỤNG NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA KHUNG GNRRTT/BĐKH TOÀN CẦU

PHẦN B: KHUNG FRAMEWORK

LĨNH VỰC TRONG KHUNG HÀNH ĐỘNG	CÁC ĐIỂM CHO CÁC HÀNH ĐỘNG CẤP QUỐC GIA ĐƯỢC YÊU CẦU ĐỂ LỒNG GHÉP GIỚI ¹	HÀNH ĐỘNG ĐƯỢC THỰC HIỆN THỰC TẾ Ở CẤP QUỐC GIA
Thu thập, phân tích, sử dụng và phổ biến dữ liệu liên quan có tính đến nhu cầu của các nhóm người dùng khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả dữ liệu nên được phân tách theo giới và tuổi Hiểu được các rào cản văn hóa về quản lý rủi ro thiên tai trong xã hội Cần tính đến nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái trong các thảm họa 	
Đánh giá một cách có hệ thống, ghi lại, chia sẻ và tính toán công khai về những thiệt hại do thiên tai gây ra và hiểu các tác động về kinh tế, xã hội, sức khỏe, giáo dục và các tác động khác	<ul style="list-style-type: none"> Giải thích cho tình trạng nghèo thời gian của phụ nữ do tăng vai trò chăm sóc và nội trợ Giải thích cho việc phụ nữ bị mất thu nhập từ các nguồn không chính thức - công việc tại nhà, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi dê và những công việc khác 	
Nâng cao kiến thức và năng lực của cán bộ chính quyền các cấp, xã hội dân sự, cộng đồng và tình nguyện viên	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các khóa đào tạo và các hoạt động nâng cao năng lực nên bao gồm cả vấn đề nhạy cảm giới Tất cả các sản phẩm tri thức phải có phân tích giới tính 	
Thúc đẩy các chiến lược quốc gia để tăng cường giáo dục và nhận thức cộng đồng trong việc giảm nhẹ rủi ro thiên tai	<p>Nhận thức của cộng đồng cần tính đến các nhu cầu cụ thể của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ cao tuổi, mù chữ và khuyết tật, đặc biệt là những người khiếm thị và khiếm thính</p>	
Phân công vai trò và nhiệm vụ rõ ràng cho đại diện cộng đồng trong các thể chế và quy trình quản lý rủi ro thiên tai và ra quyết định thông qua các khuôn khổ pháp lý liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Phụ nữ nên tham gia tất cả các cuộc họp và tham gia vào ủy ban quản lý thảm họa (rủi ro) ở tất cả các cấp 	
Thực hiện tham vấn cộng đồng và cộng đồng toàn diện trong quá trình xây dựng các luật và quy định đó để hỗ trợ việc thực hiện chúng	<ul style="list-style-type: none"> Nên thúc đẩy sự tham gia tích cực của phụ nữ và có các cuộc tham vấn riêng với phụ nữ và trẻ em gái nếu cần 	
Thiết lập và củng cố các diễn đàn điều phối của chính phủ bao gồm các bên liên quan ở cấp quốc gia và địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Cần đảm bảo cân bằng giới trong tất cả các diễn đàn 	
Thúc đẩy các cơ chế chuyển giao và bảo hiểm rủi ro thiên tai, chia sẻ và bảo tồn rủi ro và bảo vệ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Các cơ chế tài chính cho kinh doanh nhỏ và phi chính thức mà phụ nữ tham gia cũng cần được đưa vào 	
Thúc đẩy khả năng chống chịu rủi ro thiên tai của nơi làm việc thông qua các biện pháp công trình và phi công trình	<ul style="list-style-type: none"> Nhà nên được coi là nơi làm việc, đặc biệt là khi một số lượng lớn phụ nữ làm việc tại nhà 	
Tăng cường thiết kế và thực hiện các chính sách bao trùm và cơ chế mạng lưới an toàn xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét tất cả các chương trình hỗ trợ tăng cường sinh kế và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, bao gồm sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em, sức khỏe tình dục và sinh sản, an ninh lương thực và dinh dưỡng, nhà ở và giáo dục, hướng tới xóa đói giảm nghèo, để tìm ra các giải pháp thích hợp trong giai đoạn sau thảm họa đối với phụ nữ 	

ỨNG DỤNG NHẬN THỨC VỀ GIỚI CỦA KHUNG GNRRTT/BĐKH TOÀN CẦU

LĨNH VỰC TRONG KHUNG HÀNH ĐỘNG	CÁC ĐIỂM CHO CÁC HÀNH ĐỘNG CẤP QUỐC GIA ĐƯỢC YÊU CẦU ĐỂ LỒNG GHÉP GIỚI ¹	HÀNH ĐỘNG ĐƯỢC THỰC HIỆN THỰC TẾ Ở CẤP QUỐC GIA
<p>Đầu tư, phát triển, duy trì và củng cố các hệ thống dự báo và cảnh báo sớm cho nhiều loại thiên tai, đa lĩnh vực lấy con người làm trung tâm, rủi ro thiên tai và các cơ chế thông tin liên lạc khẩn cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Các hệ thống cảnh báo sớm và thông tin liên lạc khẩn cấp cần được kiểm tra tính nhạy cảm về giới ở cấp địa phương 	
<p>Thúc đẩy khả năng phục hồi của cơ sở hạ tầng quan trọng mới và hiện có để đảm bảo rằng chúng vẫn an toàn, hiệu quả và hoạt động trong và sau thảm họa</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ sở hạ tầng về nước, vệ sinh, y tế và giáo dục phải được ưu tiên hàng đầu 	
<p>Thành lập các trung tâm cộng đồng để nâng cao nhận thức cộng đồng và dự trữ các vật dụng cần thiết để thực hiện các hoạt động cứu hộ và cứu trợ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Các trung tâm cộng đồng như vậy có thể được thúc đẩy với mục đích kép như một nơi làm việc và kho chứa hàng và cho phụ nữ trong những thời điểm không xảy ra thiên tai 	
<p>Đào tạo lực lượng lao động hiện có và lao động tình nguyện trong ứng phó với thiên tai và tăng cường năng lực kỹ thuật và hậu cần để đảm bảo ứng phó tốt hơn trong các trường hợp khẩn cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ➢ Phụ nữ và trẻ em gái nên là một phần của các tình nguyện viên và được đào tạo về các cơ chế ứng phó với thiên tai. 	

Nguồn: (Hội nghị Thế giới của Liên hợp quốc về Giảm thiểu rủi ro thiên tai 2015)

BẢNG KIỂM ĐỂ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH GIỚI CỦA NDC VÀ KHTƯQG

Phần A: Đánh giá giới trong NDCs²

- > **Sự tồn tại của bất kỳ đề cập nào đến giới tính hoặc phụ nữ trong chính sách;**
 - Xác định các nhóm và lĩnh vực bị ảnh hưởng trong nước - “ai” là các bên liên quan và hưởng lợi chính;
 - Tuyên bố về mục tiêu hoặc tầm nhìn dài hạn và liệu bình đẳng giới có được bao gồm hay không;
 - Chiến lược, chính sách hoặc sáng kiến quốc gia hiện có liên quan đến giới và biến đổi khí hậu mà INDC có thể xây dựng hoặc kết nối;
 - Các quan điểm hoặc đối tác chiến lược để thúc đẩy sự thay đổi về vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới trong nước;
 - Tuyên bố về những khoảng cách, rào cản và nhu cầu của phụ nữ và nam giới;
 - Giám sát và đánh giá bằng cách sử dụng phân tích giới, dữ liệu phân tách theo giới tính hoặc các chỉ số giới tính;
 - Mức độ bình đẳng giới được lồng ghép vào các chính sách, chiến lược và chương trình về biến đổi khí hậu;
 - Mức độ bình đẳng giới được xem xét trong các hành động ưu tiên của lĩnh vực biến đổi khí hậu; và
 - Đưa phụ nữ vào làm mục tiêu của các cấu trúc và cơ chế phát triển năng lực và hỗ trợ.
- > **Bản chất của việc đề cập, bao gồm:**
 - Bối cảnh cho việc đề cập, ví dụ, các cam kết giảm thiểu (M), thích ứng (A), xây dựng năng lực, thực hiện hoặc liệu giới có được đề cập xuyên suốt hay không. Khi chính phủ cam kết lồng ghép giới hoặc xem xét giới trong một hoặc nhiều thành phần của INDC, thì điều này được ghi nhận là nhạy cảm về giới (GS).
 - Cách thức mà phụ nữ được định vị trong NDC. Điều này bao gồm định vị phụ nữ là nhóm dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu (WVG); với tư cách là người thụ hưởng các dự án hoặc chính sách (B); là tác nhân của sự thay đổi (AC); hoặc với tư cách là các bên liên quan, tức là có liên quan trong quá trình ra quyết định liên quan đến biến đổi khí hậu (S).
- > **Sự tồn tại của ngân sách đáp ứng giới trong NDC;**
- > **Sự tồn tại của quá trình lập kế hoạch có sự tham gia của người dân đối với NDC; và**
- > **Sự tồn tại của một cơ chế hoặc quy trình giám sát hoặc thực hiện NDC.**

² Source: (WEDO 2016) and (GGCA and UNDP 2016)

BẢNG KIỂM ĐỂ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH GIỚI CỦA NDC VÀ KHTƯQG

Phần B: Đánh giá giới trong quá trình Thích ứng quốc gia³

> **Bảng kiểm để lồng ghép giới trong các cơ chế mang tính thể chế**

- Sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các thể chế về ĐDKH có được đảm bảo không?
- Có sự đại diện cân bằng giữa phụ nữ và nam giới trong cấp quản lý cao không?
- Ban Chỉ đạo có bao gồm: i) đại diện của Bộ Phụ nữ hoặc tương đương; ii) đại diện của các tổ chức phi chính phủ chính về bình đẳng giới; iii) số lượng bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới?
- Giám đốc Dự án Quốc gia /Quản lý /Tur vấn Trưởng có: i) "nhạy cảm về giới"; ii) được hỗ trợ bởi các chuyên gia về giới?
- Có tổ chức đào tạo về giới cho nhân viên không?

> **Bảng kiểm để Đánh giá sự tham gia của phụ nữ**

- Sự đại diện của phụ nữ có được đảm bảo cả trong các hội thảo cấp quốc gia và khu vực, và những người tham gia là phụ nữ có đại diện từ các khu vực chính phủ, dân sự và doanh nghiệp không?
- Có đảm bảo cân bằng giới trong các hội thảo không?
- Sự tham gia của phụ nữ có được hỗ trợ không?
- Bình đẳng giới có phải là một trong những tiêu chí chính để đánh giá các phương án đề xuất và là điều kiện phê duyệt không?
- Phụ nữ có tham gia vào việc xác định các phương án khả thi để đạt được các mục tiêu không?
- Các nhu cầu và quan tâm của phụ nữ có được xem xét như của nam giới trong việc phân tích những lợi thế và bất lợi của các phương án không?
- Các tổ chức sau có được mời không?
 - Đầu mối về giới ở các bộ, ban, ngành khác;
 - Các đối tác phát triển có nhiệm vụ bình đẳng giới;
 - Một nhà kinh tế thuộc chính phủ hoặc độc lập có chuyên môn về giới;
 - Nam và nữ đại diện cho lợi ích của khu vực tư nhân;
 - Một tổ chức đại diện của các Tổ chức Phi chính phủ của phụ nữ (NGO);
 - Các tổ chức phi chính phủ hoặc các nhóm vận động có chuyên môn về giới;

- Bất kỳ tổ chức phi chính phủ hoặc nhóm cộng đồng nào đại diện cho lợi ích giới của nam giới;
- Các tổ chức phi chính phủ trong ngành hoặc "đặc biệt" có mối quan tâm hoặc kinh nghiệm về các vấn đề giới;
- Các nhóm hoặc những người ủng hộ quyền con người;
- Các nhà tư vấn hoặc các nhà phân tích chính sách có kinh nghiệm và chuyên môn về các vấn đề giới; và
- Các học giả hoặc nhà nghiên cứu từ (các) phòng Nghiên cứu Giới của trường đại học.

> **Bảng kiểm để lồng ghép giới trong Kiểm kê và Đánh giá tính dễ bị tổn thương**

- Dữ liệu về việc sử dụng và tiếp cận các nguồn tài nguyên sinh vật, được phân tách theo giới tính – ai sử dụng những gì, phụ nữ hay nam giới?
- Dữ liệu về tình trạng dễ bị tổn thương và tác động khác nhau của thiên tai đến phụ nữ và nam giới;
- Tất cả các số liệu thống kê về các cá nhân được thu thập và trình bày có được phân tách theo giới tính không?
- Có những nỗ lực cụ thể nào để xác định các vấn đề giới và xây dựng các khái niệm và định nghĩa để nắm bắt sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong mọi khía cạnh của cuộc sống không?
- Kiến thức và nhận thức truyền thống của phụ nữ có được đưa vào các phân tích và đánh giá về đặc điểm của các rủi ro chính không;
- Xác định năng lực và các nguồn lực sẵn có để quản lý và giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương;

> **Bảng kiểm để đánh giá lồng ghép giới trong tài liệu KHTƯQG**

- Giới có được đưa vào KHTƯQG như một trong những vấn đề xuyên suốt không?
- Có giải thích khái niệm về giới rõ ràng?
- Trình bày lập luận thuyết phục không?

³ Adapted from (KHTUQG Global Network & UNFCCC 2019) and (Dekens and Dazé 2019)

CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ GIỚI VÀ GNRRTT/BĐKH

Phần A: Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) - Khuyến nghị chung 37

Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) năm 1979 là một trong những hiệp ước quyền con người cốt lõi, trong đó các chính phủ ký kết có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ pháp lý nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ. Đây cũng là một trong những hiệp ước quyền con người được tán thành rộng rãi nhất, được 187 quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập.

CEDAW có ý nghĩa trực tiếp đối với việc thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai, vì tất cả các chính phủ có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp thích hợp để giải quyết sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong các chính sách và chương trình GNRRTT/BĐKH. Bên cạnh đó, CEDAW cũng đảm bảo quyền cho phụ nữ tham gia vào tất cả các quá trình ra quyết định liên quan đến GNRRTT/BĐKH. Ủy ban CEDAW đã tán thành lập trường này từ năm 2009, và đến năm 2018 đã đưa ra Khuyến nghị chung số 37 về các khía cạnh liên quan đến giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu (CEDAW/C/GC/37).

Khuyến nghị yêu cầu các Chính phủ đảm bảo rằng tất cả các chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, ngân sách và các hoạt động khác liên quan đến giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu phải đáp ứng giới và dựa trên các nguyên tắc quyền con người, bao gồm;

1. Bình đẳng và không phân biệt đối xử; ưu tiên các nhóm phụ nữ và trẻ em gái bị thiệt thòi nhất, chẳng hạn như những người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số bản địa, chủng tộc, dân tộc và giới tính, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, thanh thiếu niên, phụ nữ lớn tuổi, phụ nữ đơn thân, các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ, góa phụ, phụ nữ và trẻ em gái sống trong cảnh nghèo đói ở cả nông thôn và thành thị, phụ nữ mại dâm, và phụ nữ bị di dời, không quốc tịch, tị nạn, di cư;
2. Sự tham gia và trao quyền, thông qua việc áp dụng các quy trình hiệu quả và phân bổ các nguồn lực cần thiết để đảm bảo rằng các nhóm phụ nữ đa dạng có cơ hội tham gia vào mọi giai đoạn trong xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách ở mỗi cấp chính quyền từ địa phương đến quốc gia, cấp khu vực và quốc tế;

3. Trách nhiệm giải trình và tiếp cận công lý, đòi hỏi phải cung cấp thông tin và cơ chế phù hợp, chính xác để đảm bảo rằng tất cả phụ nữ và trẻ em gái mà các quyền của họ bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp do thiên tai và biến đổi khí hậu được tiếp cận các biện pháp khắc phục kịp thời và đầy đủ.

Ngoài ra, ủy ban CEDAW cũng khuyến nghị các nguyên tắc công ước cụ thể trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu liên quan đến: i) đánh giá tính dễ bị tổn thương và thu thập dữ liệu; ii) sự nhất quán giữa các chính sách về bình đẳng giới, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; iii) các nghĩa vụ ngoài lãnh thổ, hợp tác quốc tế và phân bổ đầy đủ và hiệu quả các nguồn lực tài chính và kỹ thuật để phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu có trách nhiệm giới; iv) sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân; và v) cho phép phát triển năng lực và tiếp cận công nghệ. Ủy ban cũng nêu rõ sáu lĩnh vực quan tâm cụ thể của phụ nữ và trẻ em gái bao gồm: i) Quyền được sống không bị bạo lực trên cơ sở giới; ii) Quyền đối với giáo dục và thông tin; iii) Quyền làm việc và bảo trợ xã hội; iv) Quyền được đảm bảo sức khỏe; v) Quyền có mức sống đầy đủ; và vi) Quyền tự do đi lại.

Ủy ban CEDAW (Khuyến nghị chung số 37 về các khía cạnh liên quan đến giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu 2018) đã chi tiết hóa thêm về từng nguyên tắc và lĩnh vực quan tâm này, đưa ra khoảng 63 nghĩa vụ cho các Quốc gia thành viên thực hiện. Bao gồm:

1. Xây dựng các chỉ số phân tách và nhạy cảm giới cũng như cơ chế giám sát, thiết lập hoặc xác định các cơ chế quốc gia và địa phương hiện có để thu thập, phân tích, quản lý và áp dụng dữ liệu phân tách về giới, tuổi, khuyết tật, dân tộc và khu vực;
2. Thực hiện đánh giá tác động giới trong các giai đoạn thiết kế, thực hiện và giám sát các kế hoạch và chính sách giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu, tham gia vào kiểm toán toàn diện về giới đối với các chính sách và chương trình trong tất cả các lĩnh vực và trong từng lĩnh vực khác nhau bao gồm khí hậu, thương mại và đầu tư, môi trường và quy hoạch, nước, thực phẩm, nông nghiệp, công nghệ, bảo trợ xã hội, giáo dục và việc làm;

CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ GIỚI VÀ GNRRTT/BĐKH

Phần A: Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) - Khuyến nghị chung 37

3. Tăng cường phân bổ ngân sách dành riêng cho giới và GNRRTT/BĐKH và đầu tư vào khả năng thích ứng của phụ nữ bằng cách xác định và hỗ trợ các sinh kế có khả năng chống chịu với thiên tai và biến đổi khí hậu, bền vững và nâng cao vị thế, cùng với các dịch vụ có trách nhiệm giới để phụ nữ có thể tiếp cận và hưởng lợi từ các sinh kế này;
4. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong việc xây dựng các kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu bằng cách hỗ trợ năng lực kỹ thuật của họ, cung cấp đầy đủ các nguồn lực cho mục đích này, thể chế hóa vai trò lãnh đạo của phụ nữ trong việc phòng ngừa, chuẩn bị thiên tai (bao gồm cả việc xây dựng và phổ biến hệ thống cảnh báo sớm), phục hồi, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ở mọi cấp độ;
5. Đảm bảo rằng phụ nữ được tiếp cận với công nghệ để ngăn ngừa và giảm thiểu tác động bất lợi của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với cây trồng, vật nuôi, gia đình và doanh nghiệp, đồng thời họ có thể sử dụng và hưởng lợi ích kinh tế từ các công nghệ thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, bao gồm cả những công nghệ liên quan đến năng lượng tái tạo và sản xuất nông nghiệp bền vững;
6. Xây dựng các chính sách và chương trình để giải quyết các yếu tố nguy cơ hiện có và nguy cơ mới của bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ - bao gồm bạo lực gia đình, bạo lực tình dục, bạo lực kinh tế, buôn bán người và hôn nhân cưỡng bức - trong bối cảnh giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu và thúc đẩy phụ nữ sự tham gia và lãnh đạo vào sự phát triển của họ;
7. Xây dựng các kế hoạch và chính sách phát triển có sự tham gia và có trách nhiệm giới, tích hợp cách tiếp cận dựa trên quyền con người để đảm bảo tiếp cận bền vững với nhà ở, thực phẩm, nước và vệ sinh. Cần ưu tiên đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ cho tất cả phụ nữ; và
8. Cung cấp đào tạo, nhạy cảm giới và nâng cao nhận thức cho chính quyền, cán bộ cứu trợ khẩn cấp và các nhóm khác về các hình thức bạo lực trên cơ sở giới, sức khỏe của phụ nữ và quyền con người phổ biến trong các tình huống thiên tai cũng như cách ngăn chặn và giải quyết những hình thức này. Khóa đào tạo này cần bao gồm các quyền và nhu cầu của phụ nữ và trẻ em gái, cả những người thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và bản địa, phụ nữ khuyết tật và đồng tính nữ, song tính, chuyển giới và phụ nữ và trẻ em gái khác giới và thông tin về cách họ có thể bị ảnh hưởng khác nhau.

CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ GIỚI VÀ GNRRTT/BĐKH

Phần B: Cương lĩnh hành động của Bắc Kinh, 1995 và Tuyên bố Bắc Kinh (+25) của khu vực Châu Á Thái Bình Dương, 2019

Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động năm 1995 là một trong những khuôn khổ chính sách toàn cầu toàn diện nhất để thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Được ký bởi 189 Chính phủ, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh bao gồm 12 lĩnh vực quan trọng cần quan tâm, trong đó phụ nữ và môi trường là một trong số đó. Tài liệu nhấn mạnh sự bất bình đẳng giới trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, kêu gọi tập trung vào việc tìm hiểu các mức độ dễ bị tổn thương trên cơ sở giới đối với các rủi ro và thảm họa môi trường, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của việc i) Thu hút phụ nữ tích cực tham gia ra quyết định về môi trường ở tất cả các cấp; ii) Lồng ghép các quan tâm và quan điểm về giới trong các chính sách và chương trình phát triển bền vững; và iii) Tăng cường hoặc thiết lập các cơ chế ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế để đánh giá tác động của các chính sách phát triển và môi trường đối với phụ nữ (Cương lĩnh hành động Bắc Kinh 1995).

Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động cũng được Đại hội đồng LHQ xem xét, cụ thể là vào năm 2000 (B + 5) và 2015 (B + 20), trong đó chính phủ nhất trí về các hành động tiếp theo để đẩy nhanh việc thực hiện. Đặc biệt, các cơ chế rà soát này có thể là cánh cửa cho các CSO vận động lồng ghép giới trong chương trình nghị sự về biến đổi khí hậu ở cấp khu vực và quốc gia. Năm 2019, các quốc gia thành viên của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về Châu Âu (UNECE) đã tiến hành các cuộc họp rà soát cấp khu vực trong bối cảnh chuẩn bị cho đợt rà soát Bắc Kinh + 25 toàn cầu vào năm 2020.

Cuộc họp rà soát khu vực Châu Á Thái Bình Dương được tổ chức tại Bangkok vào tháng 11 năm 2019, nhằm đánh giá những tiến bộ đã đạt được, những thách thức cần giải quyết và các chính sách trong tương lai sẽ ban hành nhằm đẩy nhanh việc thực hiện Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh Hành động ở Châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh của

Chương trình nghị sự 2030. (Rà soát việc thực hiện Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh + 25 năm 2019). Tiếp theo đó, vào tháng 12 năm 2019, Tuyên bố khu vực Châu Á Thái Bình Dương về Thúc đẩy Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ: Rà soát Bắc Kinh + 25 đã được thông qua, trong đó cũng bao gồm một phần về Bảo vệ môi trường, hành động khí hậu và xây dựng khả năng phục hồi, nêu bật sự cần thiết phải “Đưa vào và lồng ghép quan điểm về giới trong bảo tồn, bảo vệ và phục hồi môi trường, và thúc đẩy hành động khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng phục hồi có trách nhiệm giới ... đã tạo ra sự khác biệt, tác động đáng kể đến tất cả phụ nữ và trẻ em gái” (UNESCAP 2019).

Tuyên bố tập trung cụ thể vào những điểm sau:

1. Vai trò của phụ nữ với tư cách là người nắm giữ kiến thức và là tác nhân của sự thay đổi;
2. Nhu cầu về sự lãnh đạo và tham gia đầy đủ và bình đẳng của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách và ra quyết định;
3. Thông qua và thực hiện các chiến lược có trách nhiệm giới về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc thúc đẩy tiếp cận bình đẳng với cơ sở hạ tầng thiết yếu và công nghệ nông nghiệp thông minh với khí hậu, năng lượng sạch, tài chính và công nghệ phù hợp, hỗ trợ nhân đạo, thực phẩm và dinh dưỡng, nước uống an toàn và vệ sinh, quản lý chất thải, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, nhà ở đầy đủ và công việc ổn định, an sinh xã hội, và các hệ thống dự báo và cảnh báo sớm nhạy cảm về giới;
4. Giám sát và đánh giá có trách nhiệm giới; và
5. Sự cần thiết phải tập trung vào phụ nữ khuyết tật, phụ nữ cao tuổi và trẻ em gái, những người ở nông thôn và vùng sâu vùng xa và những người từ các cộng đồng bản địa và địa phương. (UNESCAP 2019)

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ CHIẾN LƯỢC LỒNG GHÉP GIỚI

Để tiếng nói và số phiếu bầu của phụ nữ được tính đến: Nghiên cứu điển hình từ UN Women, Ấn Độ

Để tiếng nói và phiếu bầu của phụ nữ được tính đến là một dự án kéo dài hai năm rưỡi (2013-2015) do UN Women và Bộ Quốc gia về Trao quyền cho Phụ nữ (Chính phủ Ấn Độ) tài trợ, với mục đích nâng cao năng lực của những đại diện phụ nữ được bầu từ các cơ quan địa phương ở khu vực nông thôn, và tăng cường mối liên kết giữa phụ nữ được bầu và các tổ hợp tác của phụ nữ, để xây dựng một khu vực bầu cử chính trị của phụ nữ ở cơ sở và lồng ghép giới vào cơ cấu, quy trình và chương trình quản trị địa phương. Dự án nhằm mục đích sử dụng một mô hình dựa trên Công nghệ Thông tin (ICT) để hỗ trợ một lượng lớn phụ nữ tham gia quản trị địa phương, xây dựng một nền tảng cho sự hỗ trợ lẫn nhau và xây dựng những đối thoại về quản trị và chính trị có quan điểm về quyền của phụ nữ.

Ba CSO khác nhau từ ba khu vực: i) IT for Change in Mysore (Karnataka); ii) Kutch Mahila Vikas Sangathan ở Kutch (Gujarat); và iii) Các Sáng kiến Phát triển và xây dựng mạng lưới khu vực ở Bhavnagar (Gujarat), đã tham gia vào dự án bằng cách sử dụng cùng một chiến lược, cơ chế giám sát và báo cáo nhằm giúp hiểu rõ những hạn

chế và khả năng mở rộng của mô hình. Các chiến lược như vậy đặc biệt hữu ích cho các CSO muốn làm việc chuyên sâu nhiều hơn nhưng đồng thời cũng sẵn sàng trong hợp tác và báo cáo có hệ thống để có thể huy động nguồn tài trợ bằng cách chứng minh khả năng nhân rộng và mở rộng.

Dự án này đã hướng tới ba kết quả sau:

1. Tăng cường kết nối giữa những Phụ nữ được bầu cử, tạo điều kiện cho họ tham gia tích cực cùng với các nhóm phụ nữ địa phương trong quá trình quản trị có trách nhiệm giới;
2. Tăng cường hiện thực hóa sự đòi hỏi về quyền và quyền lợi của phụ nữ ở Gujarat và Karnataka; và
3. Vận động chính sách và các chiến dịch ở cấp địa phương và cấp thể chế, tạo điều kiện cho sự thay đổi trong quan điểm của người dân địa phương về bình đẳng giới.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ CHIẾN LƯỢC LỒNG GHÉP GIỚI

Mạng lưới vì tiếng nói của phụ nữ: Nghiên cứu điển hình từ các quan hệ đối tác toàn cầu, khu vực và quốc gia

Nhóm chính của phụ nữ (WMG) vì sự phát triển bền vững (SD) được thành lập như là kết quả của Hội nghị thượng đỉnh Trái đất năm 1992, với nhiệm vụ và trách nhiệm chính là tạo điều kiện cho phụ nữ được chia sẻ các quan điểm xã hội của mình trong không gian chính sách và các quá trình của Liên hợp quốc liên quan đến phát triển bền vững. Nhóm chính của phụ nữ là đầu mối của UN DESA (Ban Kinh tế và Xã hội), về tất cả các chính sách Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc bao gồm cả SDG 2030. Nhóm chính của Phụ nữ đã tạo ra một liên minh mở bao gồm hơn 1300 tổ chức và cá nhân năm 2017, Nhóm mang đến một kênh chính thức cho : i) tham gia trực tiếp hoặc online vào các cuộc họp toàn cầu và khu vực quan trọng; ii) quan sát và phát biểu trong các phiên họp liên chính phủ chính thức; iii) tham gia vào hoạt động vận động chính sách chung và chiến lược với những người ra quyết định; iv) đóng góp cho các tuyên bố, phân tích và khuyến nghị chính sách chung được công bố trên trang web của Liên hợp quốc cho các Nhóm chính; v) tham gia vào các nỗ lực báo cáo và trách nhiệm giải trình; vi) xây dựng năng lực; và vii) quyền truy cập vào các tài liệu và thông tin. (xem thêm tại <https://sustainabledevelopment.un.org>)

Tổ chức Phụ nữ và Giới (WGC), được thành lập năm 2009, là một trong chín bên liên quan của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). WGC đại diện cho các tổ chức xã hội dân sự vì môi trường và phụ nữ, đồng thời tích cực hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới và quyền con người của phụ nữ là một phần không thể thiếu trong các cuộc đàm phán. Một trong những phương thức mà WGC sử dụng để thu hút sự tham gia tích cực của các thành viên là thông qua các nhóm trực tuyến. Các nhóm trực tuyến này được sử dụng để chia sẻ thông tin, điều phối các sự kiện, đóng góp thông tin đầu vào cho các cuộc đàm phán, khơi dậy các vấn đề mới nổi. Các nền tảng chi phí thấp và dễ vận hành như vậy có thể được sử dụng hiệu quả để huy động mạng lưới CSO. Các nhóm này có thể được sử dụng để xây dựng mạng lưới CSO trong phạm vi vùng / quốc gia hoặc trong các nhóm / chương trình làm việc theo chủ đề cụ thể. (xem thêm tại <http://womensgenderclimate.org>).

Cơ chế tham gia của CSO khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APRCM) là một nền tảng xã hội dân sự cho phép phối hợp chặt chẽ hơn giữa tổ chức dân sự xã hội và đảm bảo rằng tất cả các tiểu vùng của Châu Á Thái Bình Dương đều được lắng nghe trong các quá trình liên chính phủ ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Nền tảng này được khởi xướng, sở hữu và thúc đẩy bởi các CSO, đồng thời tìm kiếm hợp tác với các cơ quan Liên hợp quốc và các Quốc gia Thành viên trong chương trình nghị sự sau năm 2015 cũng như các vấn đề/quy trình liên quan đến phát triển khác. Là một cơ chế mở, bao trùm và linh hoạt, RCEM được thiết kế để tiếp cận với số lượng lớn nhất các tổ chức xã hội dân sự trong khu vực, khai thác tiếng nói của các phong trào cơ sở và người dân để thúc đẩy công bằng phát triển nhằm giải quyết sự bất bình đẳng về của cải, quyền lực, nguồn lực giữa các quốc gia, giữa người giàu và người nghèo và giữa nam và nữ. (xem thêm tại <http://asiapacificrcem.org/>)

Nhóm Công tác về Quyền sở hữu đất và Phụ nữ (WGWLO) là một mạng lưới không chính thức và chưa đăng ký gồm 40 nhóm xã hội dân sự và các tổ chức dựa vào cộng đồng ở Gujarat (Ấn Độ), hoạt động thông qua một ban thư ký nhỏ luân phiên từ năm 2002. Nó gây ảnh hưởng đến các chính sách và kế hoạch ở cấp tỉnh và quốc gia. Mạng lưới gây quỹ chung từ các nhà tài trợ khác nhau và hỗ trợ cho các thành viên theo từng hoạt động. Các thành viên mạng đóng góp thông qua những hiểu biết cho các nghiên cứu và sử dụng chung các tài liệu truyền thông. (xem thêm tại <http://wgwlo.org/>)

Giải thưởng Phụ nữ Truyền cảm hứng do Phụ nữ Lãnh đạo (WIL) tổ chức tại Bangladesh nhằm công nhận những phụ nữ truyền cảm hứng và lãnh đạo trong khu vực doanh nghiệp của Bangladesh, dưới các hạng mục khác nhau, từ đó xác định những hình mẫu truyền cảm hứng cho phụ nữ. Hơn nữa, WIL công nhận các tổ chức kinh doanh có chính sách và điều kiện làm việc thân thiện nhất với phụ nữ. Việc phân chia thành các hình mẫu khác nhau sẽ thuyết phục những phụ nữ truyền cảm hứng khác tiến lên và thể hiện vai trò của họ trong xu hướng phát triển quốc gia. (xem thêm tại <http://bbf.digital/iwa-2020>)

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ CHIẾN LƯỢC LỒNG GHÉP GIỚI

Áp dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và không để ai phía sau để khắc phục hậu quả của sóng thần: Nghiên cứu điển hình từ UNDP, Sri Lanka

Trong khi đảm bảo lồng ghép giới trong các kế hoạch GNRRTT/BĐKH, điều quan trọng là phải đưa Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA) và quan điểm Không để ai phía sau (LNOB) vào quá trình thực hiện các chiến lược và kế hoạch hoạt động. Phần này là tóm tắt về một số dự án Phục hồi Sóng thần từ góc độ Tiếp cận dựa trên quyền con người và Không để ai lại phía sau do UNDP hỗ trợ.

Tham vấn người dân - Trong nỗ lực đảm bảo rằng tiếng nói của người dân bị ảnh hưởng bởi sóng thần được ghi nhận và họ có thể bày tỏ những điều không hài lòng về quá trình khắc phục hậu quả, UNDP đã tiến hành tham vấn cộng đồng toàn diện ở tất cả các huyện bị ảnh hưởng bởi sóng thần. Sản phẩm cuối cùng là báo cáo Tham vấn Người dân, và hai tài liệu tiếp theo dựa trên các cuộc tham vấn là phân tích các phát hiện và đánh giá tính dễ bị tổn thương đã đưa ra một bản báo cáo chi tiết cho từng huyện về các mối quan tâm và ưu tiên chính của người dân bị ảnh hưởng bởi sóng thần.

Quản lý rủi ro thiên tai cấp cộng đồng (DRM) – Thực hiện các cuộc hội thảo và tham vấn giữa các bên liên quan để đưa ra các quy định pháp luật nhằm đảm bảo rằng các biện pháp quản lý rủi ro thiên tai được sử dụng ở cấp độ cơ sở. Các hoạt động lập kế hoạch dự phòng cho cộng đồng do các tình nguyện viên từ một số tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO), các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các đơn vị Grama Niladhari tiến hành nhằm nâng cao năng lực đối phó với thiên tai của cộng đồng.

Giám sát dự án có sự tham gia - AidWatch là một phần của dự án VỊ TRÍ MẠNH MẼ nhằm trao quyền cho người thụ hưởng để yêu cầu người thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về khoản viện trợ đã được phân phối cho họ. Các ủy ban AidWatch, bao gồm những người thụ hưởng, được thành lập để thông báo cho mọi người về các quyền và lợi ích viện trợ của họ, đồng thời cho phép họ giám sát các khoản viện trợ đến trong cộng đồng của họ và quy trách nhiệm cho những người thực hiện nhiệm vụ. Phương pháp này đã được thực hiện thí điểm với những người hưởng lợi từ các dự án nhà ở của UNDP, nơi họ được khuyến khích tham gia giám sát và đối thoại với những người có trách nhiệm liên quan.

Tiếp cận thông tin - Một số sáng kiến đã được thực hiện đồng thời để thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chương trình phục hồi của UNDP:

1. Các bảng thông báo công khai nhằm thông báo cho cộng đồng về các khoản viện trợ của UNDP ở huyện đó được đặt ở các vị trí nổi bật
2. Tờ rơi dự án giải thích về các dự án và phân tích ngân sách đã được phân phát cho những người hưởng lợi cũng như cho các nhà báo và quan chức chính phủ
3. Tập huấn cho các cộng đồng thụ hưởng về các quyền và khoản hỗ trợ để họ nhận thức được những gì dành cho họ
4. Sử dụng các hình thức truyền thông khác nhau để phổ biến thông tin về các dịch vụ sẵn có cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi sóng thần

Xây dựng năng lực cho các nhà báo – Tổ chức tập huấn về tiếp cận thông tin cho các nhà báo trong khu vực để đảm bảo rằng họ có thể theo dõi và báo cáo về việc hoạt động viện trợ và các mối quan tâm cụ thể ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi sóng thần, bao gồm nêu rõ những khác biệt trong hoạt động viện trợ và đưa các vấn đề cần được chú ý mà có thể bị bỏ qua.

Bàn trợ giúp Quyền con người - Tiếp nối với hoạt động Tham vấn Người dân, Bàn trợ giúp đã được thiết lập tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi sóng thần để giải quyết các khiếu nại liên quan đến quyền con người từ các cộng đồng bị ảnh hưởng. Các Bộ phận Trợ giúp này làm việc với Đơn vị Giám sát Cứu trợ Thiên tai của Ủy ban Quyền con người Sri Lanka và nằm trong các văn phòng tại hiện trường của Ủy ban Quyền con người (hoặc, nằm trong Ủy ban Trợ giúp Pháp lý, ở 3 quận), các Bộ phận Trợ giúp này đã đăng ký và điều tra các khiếu nại và đưa ra các khuyến nghị về cách giải quyết các khiếu nại. Ngoài ra, họ thông báo cho cộng đồng về các tiêu chuẩn và quyền con người cũng như liên lạc với các tổ chức dựa vào cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ địa phương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) và các quan chức chính phủ nhằm thúc đẩy các nguyên tắc quyền con người để công việc khắc phục hậu quả và phục hồi được tiến hành theo cách tôn trọng quyền con người và có sự tham gia, bình đẳng, không phân biệt đối xử, minh bạch và có trách nhiệm.

Tập huấn về HRBA – Tổ chức tập huấn cho những người thực hiện nhiệm vụ về các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (UNDP, Bộ Quản lý Thiên tai và Quyền con người, RADA, Đơn vị Giám sát Cứu trợ Thiên tai, các quan chức chính quyền địa phương và những người khác).

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ CHIẾN LƯỢC LỒNG GHÉP GIỚI

KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU – TRAO QUYỀN CHO NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Phát triển Doanh nghiệp Vi mô - Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Vi mô nhằm mục tiêu đến những người bị ảnh hưởng bởi sóng thần, đặc biệt là các gia đình nghèo và thu nhập trung bình (đặc biệt là phụ nữ, cùng với các nhóm dễ bị tổn thương khác như Người mất nơi cư trú (IDP) và những người trở về, những người thất nghiệp và người khuyết tật), bằng cách cung cấp cho họ cơ hội xây dựng lại sinh kế. Nó cung cấp các khoản vay quy mô nhỏ để giúp khởi động lại các doanh nghiệp nhỏ (ví dụ: sợi coiryarn, ren, mặt nạ, hàng thủ công mỹ nghệ, mía, cây gai dầu và các loại khác) và liên kết chúng với các phòng thương mại địa phương để giúp họ phát triển doanh nghiệp và tìm thị trường cho hàng hóa của họ .

Thủy sản - Chương trình Thủy sản tập trung vào việc khôi phục và cải thiện sinh kế cộng đồng bao gồm xây dựng các cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ (ví dụ: trung tâm cộng đồng, nhà máy nước đá và các cửa hàng bán lẻ nhằm vào ngư dân quy mô nhỏ), xây dựng và phát triển năng lực (ví dụ: thiết lập hợp tác xã thủy sản), bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (đào tạo nâng cao nhận thức về giới cũng như kỹ năng lãnh đạo, làm việc và kinh doanh cho phụ nữ với mục tiêu bổ sung là huy động sự tham gia của các nhóm phụ nữ trong ngành thủy sản).

Quản lý Rủi ro Thiên tai – Thực hiện các kế hoạch dự phòng thảm họa trong tương lai tại một số làng dễ bị tổn thương. Điều này đã giúp chỉ ra các nguồn lực, các con đường sơ tán thay thế cũng như các vị trí an toàn và dễ bị tổn thương. Cơ chế lập kế hoạch khẩn cấp cho phép những người bên ngoài hỗ trợ những người dân bị ảnh hưởng một cách hiệu quả, nó cũng trao quyền cho người dân trong làng để ứng phó một cách có tổ chức nếu tình huống khẩn cấp xảy ra. Ngoài ra, một số cá nhân từ các tổ chức tình nguyện, các tổ chức phi chính phủ địa phương và thanh niên được lựa chọn ở cấp thôn bản để đào tạo về các hoạt động ứng phó khẩn cấp như sơ cứu, bơi lội, chữa cháy, cứu người, tìm kiếm và cứu nạn và các hoạt động khác.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ CHIẾN LƯỢC LỒNG GHÉP GIỚI

Lập kế hoạch chiến dịch có sự tham gia cho thông điệp và kiến thức về GNRRTT một cách toàn diện ở Nepal

Chương trình Tăng cường khả năng chống chịu và gắn kết của đô thị (SURE) do Hiệp hội Chữ thập đỏ Nepal (NRCS) phối hợp với Hội Chữ thập đỏ Anh (BRC) thực hiện tại bảy thành phố, nhằm vào bốn nhóm dễ bị ảnh hưởng bởi thảm họa ở mỗi thành phố để nâng cao nhận thức của họ về tình trạng rủi ro trước các thảm họa khác nhau và các biện pháp giảm thiểu mà họ có thể thực hiện. Rút kinh nghiệm từ chương trình Chuẩn bị trước Động đất cho Cộng đồng An toàn hơn (EPSC), người ta phản ánh rằng việc phổ biến các thông điệp chung cho toàn bộ người dân là không hiệu quả trong tạo ra sự thay đổi hành vi. Do đó, chương trình SURE đã xây dựng quy trình Lập kế hoạch Chiến dịch có sự tham gia (PCP) để hiểu thông điệp và phương tiện truyền thông nào sẽ hiệu quả nhất với các nhóm mục tiêu khác nhau của chương trình. Phương pháp PCP được phát triển bởi nhóm SURE của Hội Chữ thập đỏ Anh và Hiệp hội Chữ thập đỏ Nepal và được nhóm chương trình triển khai tại mỗi thành phố. Một hội thảo riêng biệt kéo dài một ngày đã được tổ chức với tổng số 28 nhóm mục tiêu của chương trình.

Các hội thảo có sự tham gia và dựa trên từng hoạt động, tìm cách xác định

- > Các thảm họa mà các nhóm người dân cảm thấy mang lại rủi ro lớn nhất với họ
- > Kiểm tra các thông điệp chính hiện có để hiểu xem các nhóm có nghĩ rằng các thông điệp này có hiệu quả trong việc thay đổi hành vi hay không, và nếu không, tại sao không
- > Lập bản đồ các rào cản đối với sự thay đổi hành vi
- > Hiểu mạng xã hội của người tham gia và hiểu các cơ hội tốt nhất để chia sẻ thông tin
- > Hiểu các phương tiện giao tiếp hiệu quả nhất
- > Hiểu các nhóm người dân khác nhau thích đưa ra phản hồi như thế nào

Sau hội thảo, nhóm chương trình đã thực hiện phân tích chi tiết và xây dựng các thông điệp chính cụ thể cho từng nhóm đối tượng dựa trên kết quả nghiên cứu. Các nguyên tắc chính được áp dụng trong dự án bao gồm:

1. Sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất ở khu vực thành thị và làm việc với họ để xây dựng khả năng chống chịu với thiên tai;
2. Trao quyền cho chính quyền địa phương và cộng đồng thông qua các nguồn lực, khuyến khích và trách nhiệm ra quyết định khi thích hợp; và

3. Việc ra quyết định cần phải có tính toàn diện và dựa trên thông tin về rủi ro, sử dụng phương pháp tiếp cận đa nguy cơ. Quy trình lập kế hoạch chiến dịch có sự tham gia kiểm tra các thông điệp về các thảm họa đã được xác định trước đây, cả thảm họa gây ra bởi con người và tự nhiên. Quá trình Lập kế hoạch chiến dịch có sự tham gia được thực hiện cả với các nhóm mù chữ và nhóm người khuyết tật, và nhằm vào những nhóm thường bị loại trừ hoặc bị gạt ra bên lề trong quá trình ra quyết định như phụ nữ độc thân (góa bụa) và không có đất.

BÀI HỌC TỪ HỘI THẢO:

XEM XÉT ĐẾN THU NHẬP – Nhiều người tham gia lập kế hoạch nhấn mạnh rằng họ nghèo và thiếu các nguồn lực cần thiết để chống chịu với thảm họa bao gồm tài sản và vật dụng. Do đó, các thông điệp thúc đẩy việc sử dụng các nguồn lực, chẳng hạn như chuẩn bị trước vật liệu cứu hộ và xây dựng một ngôi nhà theo quy tắc xây dựng, sẽ không dẫn đến thay đổi hành vi.

TÍNH SẴN CỐ – Trong trường hợp các thông điệp liên quan đến tai nạn đường bộ, người khuyết tật sẽ phản đối và cho rằng sẽ khó thực hiện theo các thông điệp yêu cầu họ đi trên lối đi bộ vì lối đi bộ không thân thiện với người khuyết tật. Tương tự, những người dân sống trên các bờ sông cho biết các thông điệp đề nghị người dân chuyển đến nơi trú ẩn tạm thời khi lũ lụt là không hiệu quả vì họ không có nơi trú ẩn.

TIẾP CẬN - Cũng cần quan tâm đến những người khuyết tật. Ví dụ, cảnh báo lũ lụt được phổ biến qua còi báo động và đài phát thanh không hiệu quả đối với những người bị khiếm thính.

ĐỊA VỊ XÃ HỘI - Các nhóm Dalit nói rằng họ không thể làm theo thông điệp yêu cầu họ đến nơi trú ẩn an toàn trong thảm họa vì họ bị loại trừ về mặt xã hội và không được phép tránh trú cùng với những người khác ở tầng lớp được gọi là cao cấp hơn.

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

MÔ ĐUN

CÔNG CỤ
LỒNG GHÉP GIỚI

3

MÔ-ĐUN 3: CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI

KẾ HOẠCH PHẦN HỌC:

Mô-đun này được chia thành hai phiên, xây dựng trên cùng một chủ đề là các khung và công cụ lồng ghép giới nhưng nhằm vào các giai đoạn khác nhau của chu kỳ dự án. Phiên đầu tiên tập trung vào phân tích giới, chuẩn bị và thiết kế dự án; trong khi phiên thứ hai về thực hiện, giám sát và đánh giá.

PHẦN A	Các khung và công cụ lồng ghép giới cho các tổ chức xã hội dân sự (Phân tích, Đánh giá và Lập kế hoạch)
PHẦN B	Khung và Công cụ Lồng ghép Giới cho các Tổ chức Xã hội Dân sự (Thực hiện, Giám sát và Đánh giá)

Mô-đun này sẽ giới thiệu cho học viên các công cụ lồng ghép giới khác nhau để phân tích vấn đề có nhận thức về giới, chuẩn bị và thiết kế dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá. Mô-đun này được xây dựng dựa trên khung thể chế và cơ cấu tổ chức được đề cập trong mô-đun trước đó, nó tập trung vào các công cụ để đánh giá thực tế phức tạp của cộng đồng địa phương từ góc độ giới, xây dựng kế hoạch hành động về giới và các hệ thống giám sát và đánh giá có nhạy cảm giới.

MỤC TIÊU CỦA MÔ-ĐUN:






- > Cung cấp tổng quan về các công cụ lồng ghép giới để phân tích vấn đề, thiết kế, thực hiện dự án và giám sát, đánh giá;
- > Cung cấp hướng dẫn từng bước để áp dụng các công cụ lồng ghép giới trong bối cảnh Biến đổi khí hậu và Giảm thiểu rủi ro thiên tai (GNRRTT/BĐKH); và
- > Cung cấp hướng dẫn cho phép lựa chọn các công cụ phù hợp nhất với ngữ cảnh.

THÔNG ĐIỆP CHÍNH:

- > Lồng ghép giới là "... quá trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ và nam giới của bất kỳ hành động đang lên kế hoạch nào, bao gồm luật pháp, chính sách hoặc chương trình, trong mọi lĩnh vực và mọi cấp độ ..." (Báo cáo của Hội đồng Kinh tế và Xã hội năm 1997). Điều này bao gồm tất cả bốn giai đoạn của chu trình dự án - xác định vấn đề, thiết kế dự án, thực hiện, giám sát và đánh giá.
- > Phân tích giới được định nghĩa là phân tích tập trung vào sự phân bổ "nguồn lực, cơ hội, ràng buộc và quyền lực" tương đối giữa các giới trong một bối cảnh nhất định. (SIDA 2015). Mục đích của phân tích giới là xây dựng các giải pháp để khắc phục tình trạng bất bình đẳng theo giới nhằm hỗ trợ con người đạt được tiềm năng đầy đủ của họ.

- > Phân tích giới là chìa khóa để lồng ghép giới, bao gồm việc thu thập dữ liệu phân tách theo giới có liên quan cũng như xác định các vấn đề giới liên quan liên quan đến vai trò của nam giới và phụ nữ, cũng như vị trí, năng lực và sự bất bình đẳng giữa họ. Có một số khung và công cụ để thực hiện phân tích giới. Chúng bao gồm: i) Khung Moser; ii) Khung phân tích Harvard; iii) Đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới; và iv) Đánh giá Không Để Ai Phía sau (LNOB).
- > Thiết kế một dự án có trách nhiệm giới đòi hỏi phải tiến hành phân tích giới trước và lồng ghép các phát hiện / nhu cầu về giới vào mục tiêu, kết quả, đầu ra và hoạt động của dự án. Khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp và Khung Phân tích Năng lực và Tính dễ bị tổn thương có thể là những công cụ hữu ích cho việc này.
- > Triển khai thực hiện có nhạy cảm về giới bao gồm: i) phân tích các bên liên quan và sự tham gia có ý nghĩa của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là phụ nữ; ii) tạo điều kiện cho việc xây dựng kế hoạch hành động dựa vào cộng đồng; và iii) đảm bảo truyền thông, chuyển giao kiến thức và nâng cao năng lực phù hợp.
- > Điều quan trọng không kém là đảm bảo rằng tiến độ lồng ghép giới được giám sát cả về quy trình và kết quả. Có thể thông qua cách tiếp cận dựa trên kết quả sử dụng các chỉ số có nhận thức về giới hoặc sử dụng các tín hiệu cảnh báo như một phần của ma trận giám sát giới.
- > Lồng ghép giới nên được xem như một quá trình lặp đi lặp lại liên tục và không phải là một hành động đơn lẻ. Đảm bảo sự tham gia của phụ nữ với tư cách là các bên liên quan và đối tác bình đẳng trong tất cả các giai đoạn của chu trình dự án là một công cụ quan trọng để lồng ghép giới.

MÔ-ĐUN 3 PHẦN A:

4:00:00		CÁC KHUNG VÀ CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ (PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ LẬP KẾ HOẠCH)	
TỔNG QUAN 	Vào cuối học phần này, học viên sẽ có kiến thức cơ bản về một loạt các công cụ và kỹ thuật lồng ghép giới có thể áp dụng trong toàn bộ chu trình dự án. Học viên sẽ biết quy trình từng bước để áp dụng các công cụ này và có thể xác định các công cụ phù hợp nhất để ứng dụng trong công việc của họ.		
NỘI DUNG 	<ul style="list-style-type: none"> a) Lồng ghép giới vào chu kỳ dự án b) Phân tích giới, chìa khóa để lồng ghép giới <ul style="list-style-type: none"> a. Khung Moser b. Khung phân tích Harvard c. Ma trận phân tích giới tính (GAM) c) Các công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới cho các dự án GNRRTT/BĐKH <ul style="list-style-type: none"> a. Khung phân tích năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương b. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương có nhận thức về giới c. Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ d. Công cụ đánh giá giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương <ul style="list-style-type: none"> e. Đánh giá khủng hoảng f. Nghiên cứu phạm vi theo ngành g. Đánh giá Để không ai bỏ lại phía sau (LNOB) d) Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới <ul style="list-style-type: none"> a. Công cụ thang đo đánh giá mức độ có trách nhiệm giới (GRAS) b. Khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp (CCS) 		
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Bảng trắng và bút dạ > Giấy và bút vẽ biểu đồ > Bản sao của tài liệu phát tay 		
ĐỀ CƯƠNG 	20 phút	Bài giảng về Lồng ghép giới trong chu kỳ dự án	
	20 phút	Bài trình bày PowerPoint "Phân tích giới: Nhu cầu, Tiến trình và Lựa chọn các Công cụ"	
	40 phút	Thực hành về "Khung lập kế hoạch Moser" (Xem Bài tập 15) (khuyến nghị cho khóa học cơ bản)	
		HOẶC Thực hành về "Khung phân tích Harvard" (Xem bài tập 16) (khuyến nghị cho khóa học nâng cao)	
	60 phút	Trình bày PowerPoint về "Công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới cho các dự án GNRRTT/BĐKH" (khuyến nghị cho khóa học nâng cao)	
	30 phút	Thảo luận nhóm nhỏ "Ví dụ về đánh giá giới" (Xem Bài tập 17 và Tài liệu phát tay 12)	
	30 phút	Bản trình bày PowerPoint về "Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới"	
	60 phút	Thực hành về "Khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp" (Xem Bài tập 18) (khuyến nghị cho khóa học cơ bản)	
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu phần học với việc chia sẻ định nghĩa về lồng ghép giới và thảo luận về mối liên hệ giữa lồng ghép giới với chu trình dự án. Sau đó, sử dụng Hình 3-1, liệt kê các phương pháp và công cụ lồng ghép giới khác nhau cho các dự án khí hậu. In hình dưới dạng áp phích để thu hút học viên tốt hơn. Cho học viên biết rằng, các điểm đầu vào về lồng ghép giới ở cấp thể chế và chính sách đã được thảo luận trong Học phần 2, thì học phần này tập trung vào các điểm đầu vào khác ở các cấp chương trình / dự án. Chia sẻ rằng học viên sẽ thảo luận về ba giai đoạn đầu tiên của chu kỳ dự án trong học phần này và những giai đoạn sau trong học phần tiếp theo. Hỏi học viên nếu họ biết về bất kỳ khung hoặc công cụ nào giúp lồng ghép giới. Khuyến khích họ chia sẻ các ví dụ về cách họ đã sử dụng các công cụ. Sau đó, sử dụng Tài liệu hướng dẫn 12, đưa ra ví dụ về cách các công cụ lồng ghép giới khác nhau đã được sử dụng trong các dự án GNRRTT/BĐKH. Nói với học viên rằng bây giờ họ sẽ xem qua một số công cụ này để hiểu quá trình áp dụng và sau đó họ sẽ có kinh nghiệm thực tế về việc áp dụng một số công cụ.</p> <p>Chuẩn bị bài trình bày PowerPoint về "Phân tích giới: Sự cần thiết, Quy trình và Lựa chọn Công cụ" tập trung vào nhu cầu phân tích giới, cũng như các khung Moser và Harvard. Tiếp tục với một phiên thực hành trên bất kỳ một trong hai khung dựa trên cấp độ khóa học - Moser cho khóa học cơ bản (Xem Bài tập 15) và Harvard cho khóa học nâng cao (Xem Bài tập 16). Nhắc học viên khóa học nâng cao rằng họ đã thực hành Khung Moser trong Học phần 1, Phần C (Bài tập 7).</p> <p>Đối với khóa học nâng cao, chuẩn bị bài trình bày PowerPoint về "Công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới cho các dự án GNRRTT/BĐKH". Cung cấp cho họ một cái nhìn tổng quan về tất cả các công cụ có sẵn trong mô-đun. Đừng đi sâu vào chi tiết tất cả các công cụ mà hãy chọn hai hoặc ba công cụ bất kỳ dựa trên mức độ và sự quan tâm của học viên, xem họ là người triển khai dự án hay theo hướng nghiên cứu/chính sách (Xem Bảng 3-1 hướng dẫn đưa ra lựa chọn).</p> <p>Tiếp theo là thảo luận nhóm nhỏ về "Ví dụ Đánh giá Giới" (Xem Bài tập 17 và Tài liệu phát tay 12). Đối với khóa học cơ bản, hãy bỏ qua phần trình bày và chuyển ngay đến phần bài tập. Nếu bạn muốn nghỉ ngơi, đây là thời điểm bạn có thể nghỉ một chút.</p> <p>Chuyển sang phần tiếp theo với Bản trình bày PowerPoint về "Chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới." Đối với khóa học nâng cao, hãy kết thúc phần học bằng bài thuyết trình. Nói với học viên rằng họ sẽ học cách áp dụng công cụ GRAS sau này trong Học phần 4, Phần A. Tuy nhiên, đối với khóa học cơ bản, bạn cần cho một buổi thực hành để áp dụng "Khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp". (Xem bài tập 18).</p>		

Lồng ghép giới và Phân tích giới

LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CHU TRÌNH DỰ ÁN

Lồng ghép giới là "... quá trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ và nam giới của bất kỳ hành động được lên kế hoạch nào, bao gồm luật pháp, chính sách hoặc chương trình, trong mọi lĩnh vực và ở mọi cấp độ. Đây là một chiến lược nhằm biến những mối quan tâm và trải nghiệm của phụ nữ cũng như nam giới trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong việc thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội để phụ nữ và nam giới được hưởng lợi bình đẳng và từ đó không còn bất bình đẳng. Mục tiêu cuối cùng là đạt được bình đẳng giới". (Báo cáo của Hội đồng Kinh tế và Xã hội năm 1997). Ở đây cần lưu ý rằng việc sử dụng ngôn ngữ nhị phân (nam và nữ) để đánh giá các tác động đối với nam giới và phụ nữ qua nhiều năm đã thay đổi để bao gồm cả các bản dạng giới khác (LGBTIQ). Hơn nữa, phụ nữ không phải là một nhóm đồng nhất và việc lồng ghép giới cũng cần bao gồm lăng kính phân biệt giới và tập trung vào các nhóm phụ nữ cụ thể dựa trên độ tuổi, khuyết tật, giai cấp, chủng tộc, dân tộc, địa vị xã hội và những nhóm khác.

Lồng ghép giới cần được xem xét ở tất cả các cấp - thể chế, chính sách, chương trình / dự án - và trong tất cả các giai đoạn - xác định dự án, phân tích tình hình, đánh giá và lập kế hoạch, thực hiện cũng như giám sát và đánh giá. Mỗi điểm vào yêu cầu một chiến lược khác nhau được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và các đối tác liên quan.

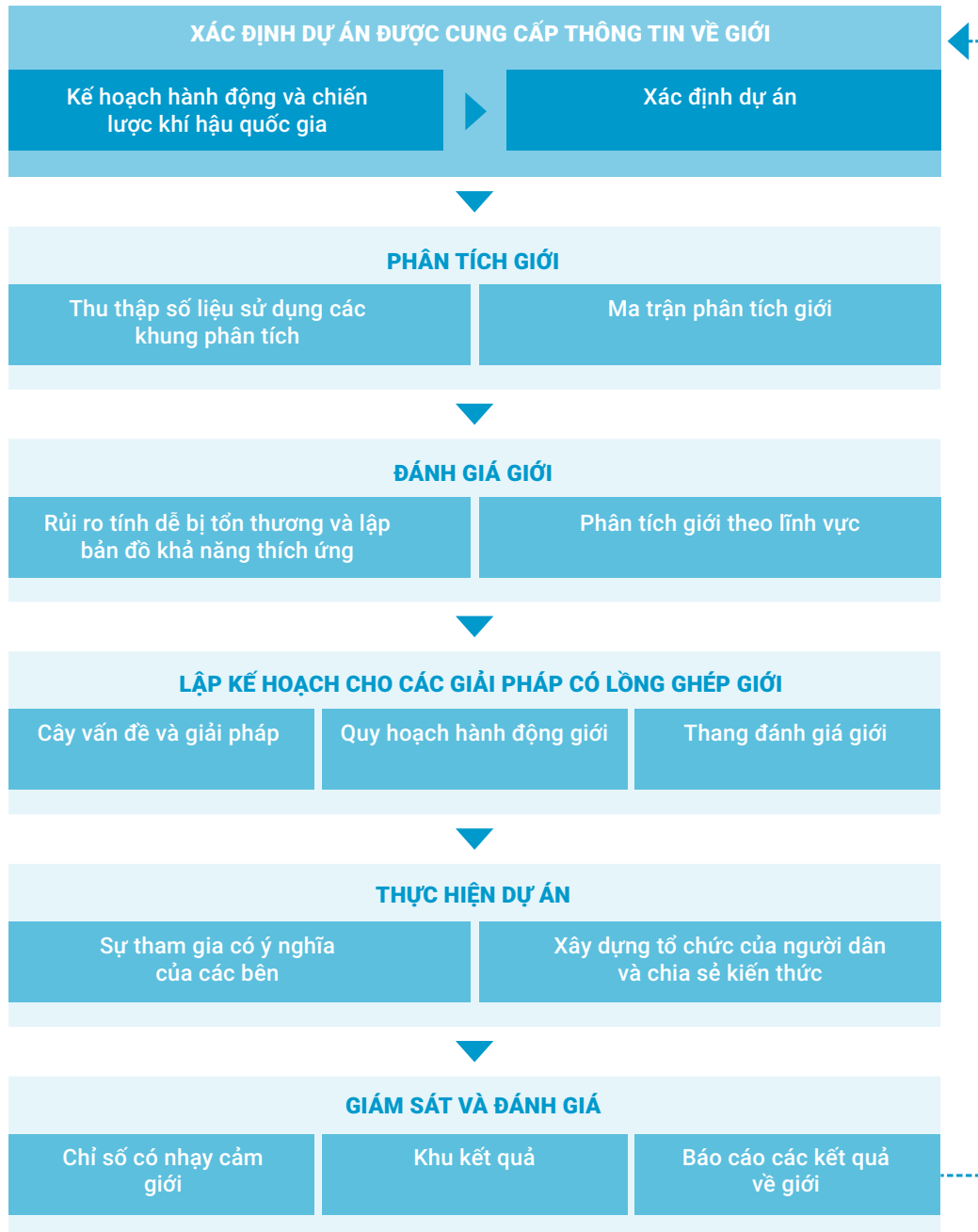
ĐIỂM THẢO LUẬN

Yêu cầu những người tham gia suy nghĩ về cách tiếp cận chu trình dự án và chia sẻ cách xem xét các vấn đề về giới ở mỗi giai đoạn.

Gợi ý cho giảng viên

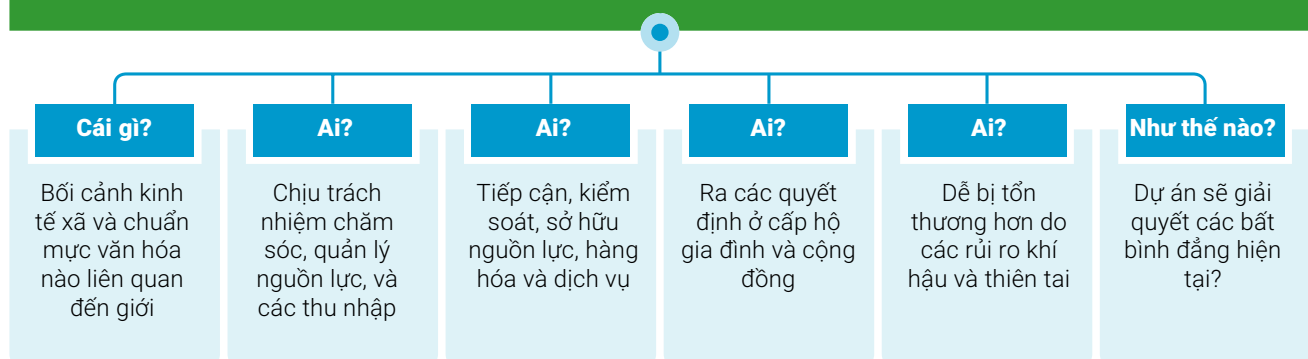
- > Đảm bảo phân tích giới là một phần quan trọng của giai đoạn xác định vấn đề và đánh giá rủi ro, thu thập dữ liệu phân tách theo giới.
- > Đánh giá các tác động khác nhau của các can thiệp dự kiến đối với nam giới, phụ nữ và những người có bản dạng giới khác. Áp dụng lăng kính về sự đan xen chồng chéo để xác định những người dễ bị tổn thương nhất. Đảm bảo rằng các hoạt động giải quyết vấn đề bình đẳng giới được ưu tiên và có đủ ngân sách.
- > Đảm bảo rằng phụ nữ tham gia bình đẳng và tích cực bên cạnh nam giới và được tạo điều kiện để đảm nhận các vị trí lãnh đạo trong suốt chu trình dự án. Điều này bao gồm việc đảm bảo quyền tiếp cận thông tin và đào tạo bình đẳng của họ. Cũng có thể yêu cầu thành lập các tổ chức hoặc ủy ban dành riêng cho phụ nữ.
- > Theo dõi và đánh giá những thay đổi trong quan hệ giới bằng các chỉ số nhạy cảm về giới.
- > Ngoài ra, đảm bảo rằng sự cơ cấu thể chế các tổ chức thực hiện dự án có hỗ trợ bình đẳng giới bằng cách đảm bảo rằng có một đội ngũ cân cán bộ bằng giới và đủ chuyên môn về giới ở tất cả các cấp trong tổ chức và giải quyết các vấn đề văn hóa, chẳng hạn như văn hóa tổ chức, thái độ của nhân viên, hệ thống học tập; và bảo vệ tất cả các bên liên quan là phụ nữ không bị bóc lột và lạm dụng tình dục.

HÌNH 3-1 TẬP HỢP CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN GNRRTT/BĐKH.



Nguồn: v (Glemarec, et al 2016)

HÌNH 3-2: CÂU HỎI CHÍNH CHO PHÂN TÍCH GIỚI



Phân tích giới, chìa khóa để lồng ghép giới

SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÂN TÍCH GIỚI

Phân tích giới được định nghĩa là phân tích tập trung vào sự phân bổ tương đối giữa các giới trong “nguồn lực, cơ hội, hạn chế và quyền lực trong một bối cảnh nhất định”. (SIDA 2015). Mục đích của phân tích giới là để xây dựng các giải pháp để khắc phục tình trạng bất bình đẳng theo giới nhằm đạt được tiềm năng đầy đủ của con người.

Phân tích giới cần được thực hiện như một trong những bước đầu tiên của quá trình lồng ghép giới, để xác định vai trò, nhu cầu, lợi ích và bất bình đẳng giới. Điều này bao gồm việc thu thập dữ liệu có phân tách theo giới, xác định các vấn đề giới liên quan đến vai trò của nam giới và phụ nữ cũng như vị trí, năng lực và sự bất bình đẳng của họ. Phân tích giới giúp hiểu không chỉ các khía cạnh giới của biến đổi khí hậu mà còn cả các bất bình đẳng về kinh tế xã hội, văn hóa và cấu trúc gắn liền với tác động của các biện pháp can thiệp và các chiến lược thích ứng.

Phân tích giới phải giải quyết các câu hỏi sau (Hình 3-2):

1. **Bối cảnh kinh tế - xã hội và các chuẩn mực văn hóa liên quan đến bình đẳng giới là gì?**

Phân tích bối cảnh kinh tế xã hội và vấn đề giới

- Bối cảnh nhân khẩu học, luật pháp, xã hội và kinh tế và các chuẩn mực liên quan đến bình đẳng giới hình thành hành vi của mọi người trong khu vực / cộng đồng là gì?
- Nếu có sự khác biệt về giới và xã hội, các yếu tố thể chế, kinh tế và xã hội làm cơ sở, hỗ trợ hoặc ảnh hưởng đến những khác biệt giới này là gì?

2. **Ai chịu trách nhiệm cho công việc chăm sóc, quản lý tài nguyên và thu nhập bằng tiền mặt?**

Phân tích vai trò và trách nhiệm giới

- Ai làm gì?
- Vai trò, trách nhiệm và ưu tiên của nam giới và phụ nữ trong lĩnh vực công và tư có khác nhau không?
- Ai tham gia vào quản lý tài nguyên?
- Ai làm việc với các nguồn lực có thể tạo ra thu nhập bằng tiền mặt?
- Ai tham gia vào các hoạt động tự cung tự cấp và sinh kế?
- Ai cung cấp dịch vụ chăm sóc trong gia đình?
- Trách nhiệm, nhu cầu, lợi ích và năng lực của cả phụ nữ và nam giới là gì?

3. **Ai có quyền tiếp cận, kiểm soát và sở hữu tài nguyên, hàng hóa và dịch vụ?**

Phân tích quyền đối với các nguồn lực theo giới

- Ai có quyền và được hưởng các nguồn lực và dịch vụ?
- Ai sở hữu cái gì?
- Ai kiểm soát cái gì?
- Ai có quyền tiếp cận vào cái gì?

- Quyền lợi là gì (ví dụ, giáo dục, y tế, quyền sở hữu đất đai) và ai là người được nhận các quyền lợi này?

- Hàng hóa và dịch vụ được phân phối như thế nào?

4. **Ai là người đưa ra mọi quyết định ở cấp hộ gia đình và cộng đồng?**

Phân tích các quy trình ra quyết định

- Ai là người tham gia lãnh đạo và có quyền ra quyết định ở tất cả các cấp (các chính sách, hiệp định và thích ứng điều chỉnh từ cấp địa phương đến quốc tế)?
- Ai có quyền tiếp cận thông tin?
- Ai có quyền kiểm soát việc phân phối các nguồn lực?
- Ai phân bổ trợ cấp?
- Có sự khác biệt giữa nam và nữ không?
- Hệ thống thể chế và luật pháp có hỗ trợ sự bình đẳng không?

5. **Ai dễ bị tổn thương hơn do biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai?**

Phân tích giới về tình trạng rủi ro và tính dễ bị tổn thương

- Ai là những người dễ bị tổn thương nhất trước rủi ro thiên tai và khí hậu?
- Có sự khác biệt về rủi ro, tính dễ bị tổn thương, khả năng thích ứng và khả năng phục hồi giữa phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai ở tất cả các cấp không?
- Có thêm rủi ro nào do sự khác biệt về độ tuổi, tầng lớp, địa vị, chủng tộc, đẳng cấp, sắc tộc hoặc cộng đồng bản địa không?
- Quyền tự chủ của phụ nữ và nam giới trong việc ứng phó với rủi ro là gì?

6. **Dự án sẽ giải quyết những bất bình đẳng hiện có như thế nào?**

Phân tích giải pháp của dự án

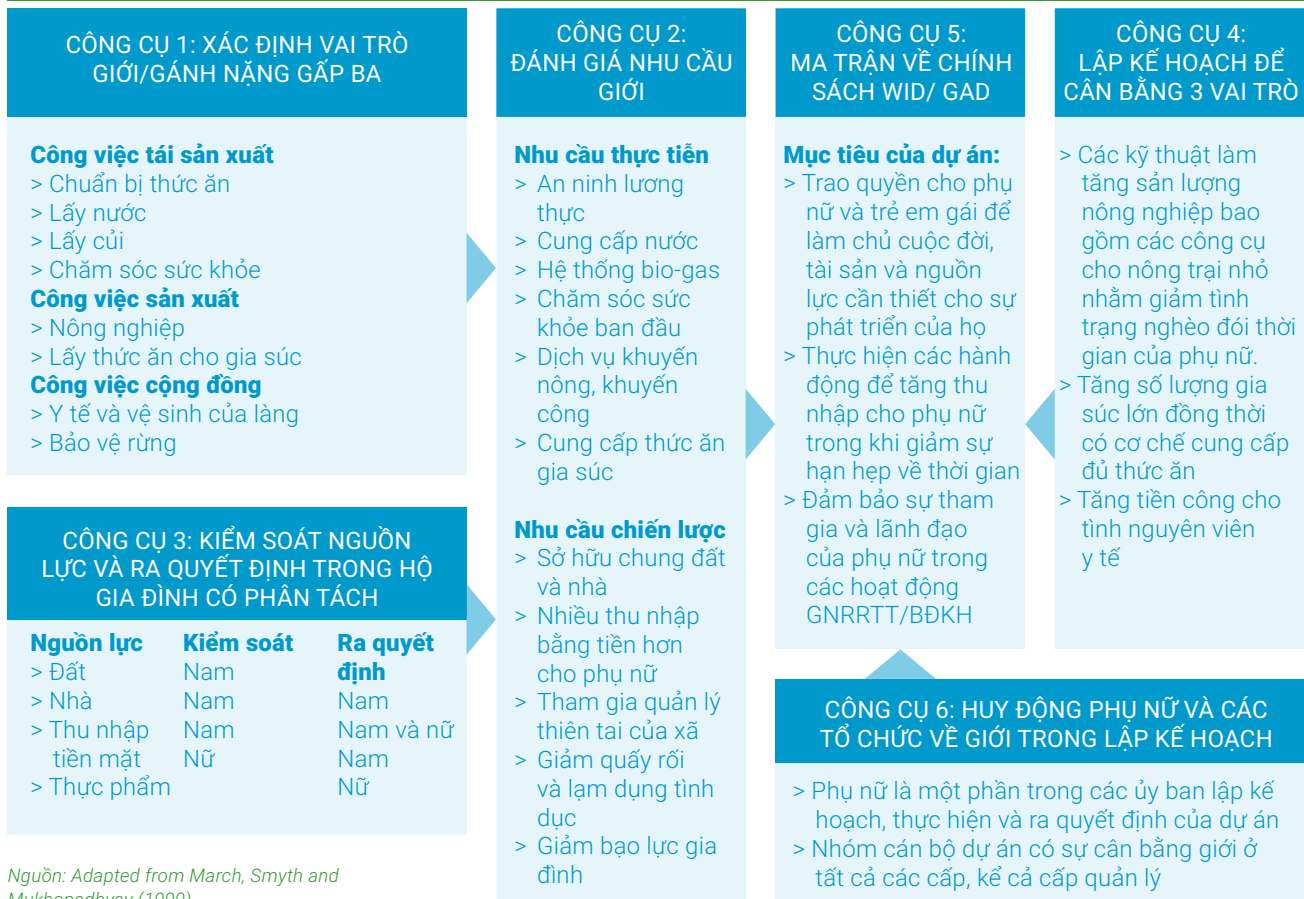
- Dự án sẽ đảm bảo thiết kế, thực hiện và giám sát có trách nhiệm giới như thế nào?
- Các điểm đầu vào để đảm bảo sự tham gia và lợi ích bình đẳng là gì?
- Dự án có thể thực hiện những biện pháp nào để giải quyết khoảng cách / bất bình đẳng giới liên quan và đảm bảo rằng dự án mang lại lợi ích cho cả nam và nữ?

Phân tích giới thường bao gồm hai phần:

- a) Nghiên cứu tài liệu về các khuôn khổ pháp lý, xã hội và văn hóa
- b) Nghiên cứu thực địa để xác định vai trò, quan hệ giới và những bất bình đẳng có thể xảy ra liên quan cụ thể đến dự án hoặc chính sách mục tiêu. Nghiên cứu thực địa có thể bao gồm đánh giá nhanh và nghiên cứu phạm vi thông qua khảo sát hoặc phương pháp tiếp cận có sự tham gia như thảo luận nhóm tập trung và sử dụng các bài tập.

Có nhiều khung phân tích được xây dựng trong nhiều năm có thể được sử dụng để phân tích giới. Trong phần dưới đây sẽ thảo luận chi tiết một số công cụ.

HÌNH 3-3: ÁP DỤNG KHUNG MOSER TRONG CÁC DỰ ÁN GNRRTT/BĐKH



Nguồn: Adapted from March, Smyth and Mukhopadhyay (1999).

KHUNG MOSER

Khung Moser do Caroline Moser xây dựng vào đầu những năm 1980 nhằm mục đích biến việc lập kế hoạch giới trở thành một hoạt động độc lập theo đúng nghĩa của nó (Oxfam 1999). Khung bao gồm sáu công cụ dựa trên ba khái niệm cơ bản:

- Xác định vai trò giới và gánh nặng gấp ba lần của phụ nữ (các công việc sản xuất, tái sản xuất và cộng đồng);
- Nhu cầu thực tế và nhu cầu giới chiến lược; và
- Các phương pháp tiếp cận chính sách theo hình thức Phụ nữ trong Phát triển (WID) và Giới và Phát triển (GAD).

Các công cụ sẽ được thảo luận bên dưới, Hình 3-3 tóm tắt quá trình từng bước áp dụng và trình bày phân tích giới dựa trên Khung Moser trong lập kế hoạch GNRRTT/BĐKH.

Công cụ 1: Xác định vai trò giới / Gánh nặng công việc gấp ba của phụ nữ. Công cụ này giúp xác định gánh nặng công việc gấp ba của phụ nữ:

- Vai trò tái sản xuất** liên quan đến việc chăm sóc và duy trì hộ gia đình và các thành viên của hộ gia đình, bao gồm việc sinh con và chăm sóc con, chuẩn bị thức ăn, lấy nước và nhiên liệu, dọn dẹp và giặt quần áo, mua sắm, trông nhà và chăm sóc sức khỏe gia đình.

- Vai trò sản xuất** bao gồm sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng và thương mại (có việc làm và tự kinh doanh cũng như trong các khu vực chính thức và phi chính thức).
- Công việc cộng đồng** bao gồm tổ chức tập thể của sự kiện và dịch vụ xã hội - các buổi lễ và lễ kỷ niệm, các hoạt động cải thiện cộng đồng, tham gia vào các nhóm và tổ chức, các hoạt động chính trị địa phương và những hoạt động khác.

CÁC BƯỚC LẬP BẢN ĐỒ GIỚI Ở CẤP ĐỊA PHƯƠNG

- Lập biểu đồ riêng biệt về thói quen 24 giờ hàng ngày trong cuộc sống của một người phụ nữ và đàn ông ở cộng đồng mà bạn đang nhắm đến
- Đảm bảo bạn hỏi họ làm gì mỗi giờ và cố gắng trình bày chi tiết từng hoạt động
- Phân loại mỗi hoạt động này thành ba loại: sản xuất, tái sản xuất, cộng đồng
- Thêm bất kỳ công việc nào khác mà họ làm theo bất kỳ phân loại nào
- Kết quả đầu ra sẽ giúp bạn xác định ba vai trò của phụ nữ
- So sánh vai trò của phụ nữ và nam giới giúp xác định vai trò giới.

Phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có khả năng tham gia vào từng công việc này; nhưng trong hầu hết các xã hội, nam giới ít tham gia vào công việc tái sản xuất hơn nhiều. Hơn nữa, mặc dù cả phụ nữ và nam giới đều có thể tham gia vào các hoạt động sản xuất, nhưng chức năng và trách nhiệm của họ thường khác nhau. Công việc sản xuất của phụ nữ thường ít được nhìn thấy và ít được coi trọng hơn công việc của nam giới. Ngoài ra, phụ nữ thường tham gia nhiều vào các công việc quản lý cộng đồng như quản lý tài nguyên nước, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Mặt khác, nam giới thường tham gia và phụ trách hoạt động chính trị cộng đồng và các quá trình ra quyết định chính thức.

Công cụ 2: Đánh giá nhu cầu giới. Ý tưởng về nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược của phụ nữ ban đầu được Maxine Molyneux xây dựng vào những năm 1980 và sau đó được Caroline Moser phát triển.

- Nhu cầu giới thực tế** là những nhu cầu mà nếu được đáp ứng, sẽ hỗ trợ phụ nữ trong các hoạt động hiện tại của họ mà không gây trở ngại cho sự phân công lao động theo giới hiện có. Chúng bao gồm: i) Cung cấp nước; ii) Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe; iii) Cơ hội kiếm thu nhập để hỗ trợ cho hộ gia đình; iv) Cung cấp nhà ở và các dịch vụ cơ bản; v) Phân phối thực phẩm; và những nhu cầu khác. Những nhu cầu này được chia sẻ bởi tất cả các thành viên trong gia đình, tuy nhiên phụ nữ thường xác định đó là nhu cầu cụ thể của họ vì phụ nữ là người chịu trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu của gia đình họ.
- Nhu cầu giới chiến lược** là những lợi ích tồn tại do địa vị xã hội thấp hơn của phụ nữ. Nếu được đáp ứng, chúng sẽ cho phép phụ nữ chuyển đổi sự mất cân bằng quyền lực hiện có giữa phụ nữ và nam giới. Những vấn đề này liên quan đến sự phân công lao động, quyền lực và kiểm soát theo giới, và có thể bao gồm các vấn đề như quyền, bạo lực gia đình, tiền lương bình đẳng và quyền kiểm soát của phụ nữ đối với cơ thể của họ.

Công cụ 3: Kiểm soát các nguồn lực và ra quyết định trong hộ gia đình. Công cụ này liên kết việc phân bổ các nguồn lực trong hộ gia đình (nội bộ trong hộ gia đình) với các quá trình thương lượng để quyết định điều này. Ai có quyền kiểm soát những nguồn lực nào trong hộ gia đình, và ai có quyền ra quyết định?

Công cụ 4: Lập kế hoạch để cân bằng ba vai trò. Công cụ này xem xét tác động từ can thiệp của dự án đối với gánh nặng công việc gấp ba của phụ nữ. Khung lập kế hoạch theo ngành, vốn chỉ tập trung vào một vai trò, thường có xu hướng bỏ qua ảnh hưởng đối với các vai trò khác của phụ nữ. Những người sử dụng khung phân tích này sẽ xem xét liệu một chương trình hay một dự án có làm tăng khối lượng công việc của một người phụ nữ ở một trong những vai trò của cô ấy, có gây tổn hại đến các vai trò khác của cô ấy hay không. Ví dụ, việc cung cấp nước tưới sẽ tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động nông nghiệp trong khi hạn chế thời gian dành cho các hoạt động gia đình hoặc có thể làm tăng khối lượng công việc lấy nước do chuyển hướng nguồn nước ngọt từ sử dụng trong gia đình sang tưới tiêu.

Công cụ 5: Phân biệt giữa các mục đích can thiệp khác nhau.

Công cụ này giúp xác định cách tiếp cận mà một dự án đã sử dụng hoặc sẽ sử dụng (nếu được sử dụng để đánh giá) bằng cách hỏi xem các cách tiếp cận khác nhau đáp ứng nhu cầu giới thực tế và/hoặc nhu cầu giới chiến lược ở mức độ nào. Moser đã phân loại các cách tiếp cận chính sách khác nhau thành năm loại dựa trên điều này:

- Cách tiếp cận phúc lợi** tập trung vào nhu cầu giới thực tế và coi phụ nữ là người thụ hưởng thụ động của các can thiệp phát triển;
- Cách tiếp cận bình đẳng** tập trung vào các nhu cầu giới chiến lược và công nhận phụ nữ là những người tham gia tích cực vào sự phát triển;
- Cách tiếp cận chống đói nghèo** tập trung vào các nhu cầu giới thực tế và đảm bảo rằng phụ nữ nghèo thoát khỏi nghèo đói bằng cách tập trung vào tăng năng suất của họ;
- Cách tiếp cận hiệu quả** thừa nhận cả ba vai trò nhưng tập trung vào nhu cầu giới thực tế để tăng cường sự đóng góp kinh tế của phụ nữ; và
- Cách tiếp cận trao quyền** tập trung vào nhu cầu giới chiến lược thông qua việc hỗ trợ các sáng kiến của chính họ, do đó thúc đẩy tính tự lực. Cách tiếp cận này thừa nhận sự phụ thuộc của phụ nữ không chỉ là kết quả của sự đàn áp của nam giới mà còn là hệ quả của sự áp bức do chế độ thuộc địa và tân thuộc địa.

Công cụ 6: Sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức có nhận thức về giới và các nhà hoạch định trong việc lập kế hoạch.

Cuối cùng, khung Moser yêu cầu người dùng suy nghĩ về tầm quan trọng của việc huy động sự tham gia của phụ nữ, các tổ chức có nhận thức về giới và bản thân các nhà lập kế hoạch trong việc lập kế hoạch. Điều này cần được thực hiện ở tất cả các cấp - trong việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát và đánh giá.

KHUNG PHÂN TÍCH HARVARD

Khung phân tích Harvard về phân tích giới được xây dựng vào năm 1985 nhằm mục đích đưa ra các bằng chứng về kinh tế trong việc phân bổ nguồn lực cho phụ nữ và nam giới. Đây là thời điểm cách tiếp cận hiệu quả đang chiếm ưu thế (Oxfam 1999). Khung có bốn thành phần chính - ba công cụ để phân tích giới và bảng kiểm để kiểm tra xem một đề xuất hoặc can thiệp dự án từ góc độ giới, sử dụng dữ liệu phân tách theo giới và nắm bắt các tác động khác nhau của thay đổi xã hội lên nam giới và phụ nữ. Ba công cụ để phân tích giới sẽ được trình bày ngắn gọn trong tài liệu này:

Công cụ 1: Hồ sơ hoạt động Công cụ này xác định tất cả các nhiệm vụ sản xuất và tái sản xuất có liên quan và trả lời câu hỏi: ai làm gì? Tùy thuộc vào bản chất của dự án, bạn sẽ xem mình cần chi tiết đến mức độ nào. Nên thêm khía cạnh thời gian - cụ thể hóa phần trăm thời gian được phân bổ cho mỗi hoạt động, cho dù nó được thực hiện theo mùa hay hàng ngày; hoặc khía cạnh kỹ năng và công nghệ - xác định liệu hoạt động chỉ liên quan đến lao động chân tay hay các kỹ năng và công cụ cụ thể để thực hiện. Phân tích được trình bày theo hình thức sau:

HÌNH 3-4: BIỂU MẪU CHO KHUNG PHÂN TÍCH HARVARD VỀ PHÂN TÍCH GIỚI (HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG)

Hoạt động	Phụ nữ/Trẻ em gái	Nam giới/Trẻ em trai
Hoạt động sản xuất > Nông nghiệp - Hoạt động 1 - Hoạt động 2 > Chăn nuôi - Hoạt động 1 - Hoạt động 2 > Công việc tại nhà - Hoạt động 1 - Hoạt động 2		
Hoạt động tái sản xuất > Liên quan đến nước - Hoạt động 1 - Hoạt động 2 > Liên quan đến chất đốt - Hoạt động 1 - Hoạt động 2 > Liên quan đến sức khỏe - Hoạt động 1 - Hoạt động 2		
Hoạt động cộng đồng > Xã hội > Phát triển > Chính trị		

Nguồn: Adapted from March, Smyth and Mukhopadhyay (1999).

Công cụ 2: Hồ sơ về việc Tiếp cận và Kiểm soát (Nguồn lực và Lợi ích) Công cụ này cho phép người dùng liệt kê những nguồn lực mà mọi người sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ được xác định trong Hồ sơ hoạt động. Công cụ này giúp xác định phụ nữ hay nam giới có quyền tiếp cận các nguồn lực hay không, ai kiểm soát việc sử dụng các nguồn lực và

ai kiểm soát lợi ích của việc sử dụng nguồn lực của hộ gia đình (hoặc cộng đồng). Tiếp cận đơn giản có nghĩa là bạn có thể sử dụng một nguồn lực. Người kiểm soát nguồn lực là người cuối cùng có thể đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn lực đó, bao gồm cả việc có thể bán nguồn lực đó hay không.

HÌNH 3-5: KHUNG PHÂN TÍCH HARVARD VỀ PHÂN TÍCH GIỚI (TIẾP CẬN VÀ KIỂM SOÁT)

Nguồn lực/Lợi ích	Tiếp cận		Kiểm soát/Sở hữu	
	Phụ nữ/Trẻ em gái	Nam giới/Trẻ em trai	Phụ nữ/Trẻ em gái	Nam giới/Trẻ em trai
Nguồn lực > Đất > Lao động > Công cụ/thiết bị > Tiền mặt > Tín dụng > Giáo dục/Đào tạo > Chăm sóc sức khỏe				
Các lợi ích > Các nhu cầu cơ bản (thức ăn, quần áo, chỗ ở) > Thu nhập bên ngoài/Tiền mặt > Sở hữu tài sản > Quyền lực và Uy tín				

Nguồn: Adapted from March, Smyth and Mukhopadhyay (1999).

Công cụ 3: Các yếu tố ảnh hưởng Công cụ này giúp lập biểu đồ các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt trong phân công lao động theo giới, tiếp cận và kiểm soát, như được liệt kê trong hai Hồ sơ trên (Công cụ 1 và 2). Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm tất cả những yếu tố định hình mối quan hệ giới, và xác định các cơ hội và rào cản khác nhau đối với nam giới và phụ nữ.

Các yếu tố này có tầm ảnh hưởng sâu rộng, và có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Công cụ này nhằm giúp xác định những rào cản và cơ hội bên ngoài mà bạn nên xem xét khi lập kế hoạch cho các dự án can thiệp của mình.

HÌNH 3-6: BIỂU MẪU CHO KHUNG PHÂN TÍCH HARVARD VỀ PHÂN TÍCH GIỚI (CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG)

Các yếu tố ảnh hưởng	Rào cản	Cơ hội
<ul style="list-style-type: none"> > Chuẩn mực cộng đồng và hệ thống phân cấp xã hội > Thực hành văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo > Yếu tố nhân khẩu học > Cơ cấu thể chế > Những yếu tố kinh tế > Yếu tố chính trị > Các thước đo về pháp lý > Đào tạo > Thái độ của cộng đồng đối với người làm phát triển 		

Nguồn: Adapted from March, Smyth and Mukhopadhyay (1999).

TIẾN TRÌNH TỪNG BƯỚC CHO KHUNG PHÂN TÍCH CÔNG CỤ 1 VÀ 2

Công cụ 1. Hồ sơ Hoạt động

- > Xác định lĩnh vực hoặc hoạt động chính cần được nhắm đến (ví dụ: chăn nuôi bò sữa)
- > Xác định danh sách các nhiệm vụ cần phải thực hiện cho hoạt động/chương trình này (ví dụ: lập biểu đồ chu trình

hoàn chỉnh của chăn nuôi bò sữa từ mua bò đến bán sữa và bán những con bò thừa)

- > Đối với mỗi nhiệm vụ, hãy xác định ai là người thực hiện phần lớn công việc
- > Danh sách đưa ra là một bức tranh rõ ràng về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực này và giúp xác định các lĩnh vực can thiệp với phụ nữ cho các nhu cầu thực tế của họ

HÌNH 3-7: VÍ DỤ VỀ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI BÒ SỮA Ở BỐI CẢNH NAM Á (HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG)

HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI BÒ SỮA	PHẦN LỚN CÔNG VIỆC ĐƯỢC LÀM BỞI	
	Nam giới	Phụ nữ
Thu xếp khoản vay để mua bò	✓	
Mua bò	✓	
Dọn dẹp		✓
Tắm rửa		✓
Cho ăn		✓
Vắt sữa		✓
Đưa bò đi ra ngoài ăn cỏ		✓
Cắt cỏ từ ngoài cánh đồng	✓	
Mua thức ăn		✓
Bán sữa	✓	
Thu tiền từ việc bán sữa	✓	
Bảo hiểm cho bò	✓	
Thực hiện các dịch vụ thú y	✓	
Bán bò	✓	

Công cụ 2. Hồ sơ Tiếp cận và Kiểm soát

- > Xác định danh sách các công cụ, nguồn lực và các quyết định cần thiết cho hoạt động trên
- > Xác định xem việc tiếp cận, kiểm soát và sở hữu các nguồn lực / quyết định này là của nam giới và / hoặc phụ nữ
- > Điều này giúp bạn xác định vị trí của phụ nữ trong lĩnh vực này
- > Xác định các hoạt động có thể giúp thay đổi vị trí này - đây là những nhu cầu chiến lược của phụ nữ.

HÌNH 3-8: VÍ DỤ VỀ HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI BÒ Ở BỐI CẢNH NAM Á (TIẾP CẬN VÀ KIỂM SOÁT)

CÔNG CỤ/NGUỒN LỰC/QUYẾT ĐỊNH CẦN THIẾT	TIẾP CẬN		KIỂM SOÁT/SỞ HỮU	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Công cụ và Nguồn lực				
Tín dụng để mua bò	✓	✓	✓	✓
Con bò	✓	✓	✓	
Chuồng bò	✓	✓	✓	
Các dịch vụ thức ăn	✓	✓	✓	
Các dịch vụ thú y	✓		✓	
Dịch vụ thụ tinh	✓		✓	
Thức ăn	✓	✓	✓	
Đất trồng cỏ/đất chung	✓	✓	✓	
Dịch vụ khuyến nông	✓		✓	
Thành viên trong hợp tác xã sữa	✓	✓	✓	✓
Giữ vị trí trong hợp tác xã sữa	✓		✓	
Thành viên trong hiệp hội sữa (cấp huyện)	✓		✓	
Quyết định cần đưa ra				
Mua giống bò nào	✓		✓	
Giữ bao nhiêu con bò	✓		✓	
Bỏ những con bò không có sữa	✓		✓	
Duy trì những vùng đất trồng cỏ	✓		✓	
Trồng cỏ và thức ăn trên những cánh đồng của họ		✓	✓	
Khi nào thị gọi cán bộ thú ý, hay sử dụng cách điều trị truyền thống	✓		✓	
Khi nào thì bán bò con	✓		✓	
Bán bao nhiêu sữa, và giữ lại bao nhiêu cho gia đình dùng		✓		

MA TRẬN PHÂN TÍCH GIỚI (GAM)

Ma trận phân tích giới (GAM) được Rani Parker xây dựng năm 1993 để tìm ra những tác động khác nhau của các dự án phát triển tới phụ nữ và nam giới thông qua kỹ thuật dựa vào cộng đồng để xác định và phân tích sự khác biệt về giới (Oxfam 1999). Công cụ cũng hỗ trợ cộng đồng xác định và

thách thức các giả định của họ về vai trò giới một cách xây dựng. Phân tích được thực hiện ở bốn cấp độ xã hội: phụ nữ, nam giới, hộ gia đình và cộng đồng. GAM xem xét tác động trên bốn lĩnh vực: lao động, thời gian, nguồn lực và các yếu tố văn hóa xã hội. GAM mô tả hai khái niệm chính này trên một ma trận tập trung vào tác động của các dự án phát triển được đề xuất.

HÌNH 3-9: BIỂU MẪU MA TRẬN PHÂN TÍCH GIỚI

DỰ ÁN ĐỀ XUẤT	LAO ĐỘNG	THỜI GIAN	NGUỒN LỰC	VĂN HÓA
Nam giới				
Phụ nữ				
Hộ gia đình				
Cộng đồng				

Nguồn: Adapted from Parker (1993).

Công cụ Ma trận Phân tích Giới 1: Phân tích giới ở 4 “cấp độ” xã hội Ma trận phân tích giới cho phép phân tích một dự án ở bốn cấp độ: nam giới, phụ nữ, hộ gia đình và cộng đồng. Các cấp độ phân tích xuất hiện theo chiều dọc trên ma trận:

- **Nam giới:** Đại diện cho nam giới ở mọi lứa tuổi trong nhóm đối tượng hoặc tất cả nam giới trong cộng đồng.
- **Phụ nữ:** Đại diện cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi trong nhóm đối tượng hoặc tất cả phụ nữ trong cộng đồng.
- **Hộ gia đình:** Đại diện cho tất cả phụ nữ, nam giới và trẻ em sống chung dưới một mái nhà (hoặc đại gia đình) như được định nghĩa trong văn hóa.
- **Cộng đồng:** Đại diện cho tất cả mọi người trong cộng đồng.

Điều quan trọng nữa là điều hành viên phải tính đến nhóm tuổi, giai cấp, thành phần dân tộc, hệ thống xã hội (đẳng cấp) và các yếu tố quan trọng khác trong cộng đồng.

Công cụ Ma trận Phân tích giới 2: Phân tích tác động Ma trận Phân tích giới kiểm tra tác động trên bốn vấn đề, xuất hiện theo chiều ngang trên ma trận:

- > **Lao động:** Nhằm bắt những thay đổi trong công việc (Phụ nữ có đảm nhận công việc của nam giới trong lĩnh vực này không?), Trình độ kỹ năng (giáo dục, đào tạo chính thức) cần thiết, số lượng người tham gia vào hoạt động này và nhu cầu về lao động bổ sung.
- > **Thời gian:** Nhằm bắt những thay đổi về yêu cầu thời gian để hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể.
- > **Nguồn lực:** Nhằm bắt những thay đổi trong khả năng tiếp cận các nguồn lực (thu nhập, đất đai, thông tin khuyến nông) và mức độ kiểm soát các nguồn lực (tăng hoặc giảm) như là kết quả của dự án.
- > **Yếu tố Văn hóa** - Xã hội: Nhằm bắt những thay đổi về vai trò hoặc địa vị giới do kết quả của dự án. Lưu ý bất kỳ rào cản văn hóa nào đối với việc sử dụng các biện pháp can thiệp được đề xuất.

HÌNH 3-10: MA TRẬN PHÂN TÍCH GIỚI CHO SỨC KHỎE

	CÁC YẾU TỐ SINH HỌC	CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI HỌC (bao gồm vai trò và chuẩn mực giới và phân công lao động theo giới)	TIẾP CẬN VÀ KIỂM SOÁT CÁC NGUỒN LỰC VÀ RA QUYẾT ĐỊNH
Các yếu tố rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương			
Tiếp cận và Sử dụng các Dịch vụ Y tế			
Hành vi chăm sóc sức khỏe			
Trải nghiệm đối với các cơ sở y tế			
Kết quả và Hậu quả về Sức khỏe và Xã hội			

Nguồn: (WHO 2011)

QUY TRÌNH MA TRẬN PHÂN TÍCH GIỚI

Ma trận phân tích giới nên được sử dụng với các nhóm thành viên cộng đồng (với sự đại diện đầy đủ giữa các giới tính và các nhóm xã hội), do một người làm về phát triển điều hành. Khi điền thông tin vào Ma trận, nhóm sẽ thảo luận về những phát hiện bằng cách đặt những câu hỏi sau:

- Các hiệu ứng được liệt kê trên Ma trận có phải là các kết quả mong muốn không? Chúng có phù hợp với mục tiêu của chương trình không?
- Sự can thiệp từ dự án ảnh hưởng đến những người không tham gia như thế nào?
- Kết quả nào là bất ngờ? (Những điều này sẽ xuất hiện trên các Ma trận trong và sau khi triển khai.)

Sau khi đã điền vào các ô với những thay đổi do dự án mang lại, các thành viên trong nhóm nên quay lại ma trận và làm thêm những điều sau:

- dấu cộng (+) nếu kết quả phù hợp với mục tiêu dự án;
- dấu trừ (-) nếu kết quả trái với mục tiêu của dự án;
- một dấu chấm hỏi (?) Nếu họ không chắc liệu nó nhất quán hay trái ngược.

Những dấu này nhằm đưa ra một bức tranh về các tác động khác nhau của sự can thiệp; chúng không nhằm mục đích cộng thêm vào những nỗ lực xác định ảnh hưởng thực của nó.

Dựa trên công cụ này, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO 2011) đã xây dựng Ma trận Phân tích giới cho sức khỏe. Ma trận Phân tích giới cho sức khỏe đặt các yếu tố sinh học và các cơ chế khác nhau của bất bình đẳng trên cơ sở giới ở các cột và các kết quả khác nhau liên quan đến sức khỏe ở các hàng.

Mỗi ô trong ma trận đại diện cho một câu hỏi về tác động của yếu tố sinh học hoặc giới tính đối với sức khỏe. Ví dụ, ô thứ hai ở hàng đầu tiên, nơi giao nhau giữa các yếu tố xã hội học và các yếu tố nguy cơ và tính dễ bị tổn thương, sẽ cho câu hỏi là: Các yếu tố nguy cơ và tính dễ bị tổn thương đối với vấn đề sức khỏe cụ thể này có bị ảnh hưởng bởi vai trò và chuẩn mực giới hay sự phân công lao động theo giới không? Giả sử chúng ta đang tiến hành phân tích giới của vụ tai nạn giao thông đường bộ. Chúng ta sẽ tìm kiếm bằng chứng cho tác động này và nhận thấy rằng nam giới có nguy cơ cao hơn do sự liên quan giữa nam tính với các hành vi nguy cơ trên đường và vì nam giới có nhiều khả năng là người lái xe hơn do phân công lao động theo giới.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên xem họ nghĩ đâu là điểm mạnh và điểm yếu của các khung Moser và Harvard và Ma trận Phân tích giới (GAM)?

HÌNH 3-11: GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN – ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU VÀ TIỀM NĂNG SỬ DỤNG CỦA KHUNG MOSER, KHUNG HARVARD VÀ GAM

	ĐIỂM MẠNH	HẠN CHẾ	TIỀM NĂNG SỬ DỤNG
MOSER	<ul style="list-style-type: none"> > Hiệu quả đối với các nhóm không có hiểu biết sâu sắc về tình hình địa phương, đặc biệt là vai trò của phụ nữ > Hữu ích như một công cụ có sự tham gia để giúp phụ nữ và nam giới xác định nhu cầu của chính họ > Cung cấp thông tin địa phương, do đó, có thể lập kế hoạch cấp địa phương; cung cấp lập luận phản bác cho lý thuyết rằng mọi thứ đã thay đổi 	<ul style="list-style-type: none"> > Đòi hỏi phải làm việc ở thực địa, do đó, có thể không phải lúc nào các quan chức chính phủ cũng quan tâm > Những thành kiến cố hữu hoặc cách tiếp cận "Tôi biết mọi thứ" cản trở phân tích chất lượng > Công cụ 1 chỉ giúp xác định các hoạt động phục vụ nhu cầu thực tế. Các công cụ cho các nhu cầu chiến lược quá phức tạp đối với người không làm về giới 	<ul style="list-style-type: none"> > Để phân tích tổng thể về giới > Để giúp nhạy cảm hóa với giới và đào tạo > Để làm nổi bật vai trò không được trả lương của phụ nữ > Để làm nổi bật vai trò tái sản xuất của phụ nữ và sự cần thiết phải đưa những vai trò này vào kế hoạch
HARVARD	<ul style="list-style-type: none"> > Giúp cho công việc của phụ nữ trở nên rõ ràng > Ứng dụng và mục tiêu liên quan đến xây dựng chương trình dự án khiến người thực hiện thích thú > Sau khi xác định một lĩnh vực cụ thể trong một khu vực nhất định, nó có thể trở thành tài liệu dự án để sử dụng chung thay vì làm lại mỗi lần > Giúp xác định các điểm đầu vào từ góc độ hiệu quả và có thể có sự đồng tình nhanh chóng trong phân bổ nguồn lực > Tập trung vào các nhu cầu thực tế và chiến lược > Cũng có thể được sử dụng để đánh giá các dự án 	<ul style="list-style-type: none"> > Thoạt nhìn có vẻ phức tạp > Đòi hỏi trình độ điều hành cao để xác định ai thực sự làm những gì - thường thì câu trả lời là cả hai. > Trong khi nó đưa ra một bức tranh về các nhu cầu chiến lược, nó không đưa ra lý do > Nó dựa trên cách tiếp cận hiệu quả nhiều hơn là cách tiếp cận trao quyền 	<ul style="list-style-type: none"> > Để phân tích theo ngành - Nông nghiệp, Quản lý nước, Y tế và các ngành khác > Giúp làm nổi bật vai trò của phụ nữ trong một hoạt động cụ thể > Có thể giúp nâng cao hiệu quả và xác định vai trò của phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi trong một lĩnh vực
MA TRẬN PHÂN TÍCH GIỚI (GAM)	<ul style="list-style-type: none"> > Đơn giản và có hệ thống; sử dụng các khái niệm quen thuộc. > Khuyến khích "phân tích từ dưới lên" thông qua sự tham gia của cộng đồng. > Phương pháp tiếp cận mang tính chuyển đổi và kỹ thuật, kết hợp nâng cao nhận thức về bất bình đẳng giới với phát triển các kỹ năng thực hành. > Đưa nam giới vào như một yếu tố và có thể được sử dụng trong các can thiệp nhằm vào nam giới. 	<ul style="list-style-type: none"> > Cần có một người điều hành tốt. > Việc phân tích phải được lặp lại để nắm bắt những thay đổi theo thời gian. > GAM không nói rõ phụ nữ và nam giới nào có nhiều khả năng phải chịu tác động tích cực hoặc tiêu cực nhất. > Nó không bao gồm phân tích vĩ mô hoặc thể chế. > Hữu ích hơn như một công cụ học tập liên tục 	<ul style="list-style-type: none"> > Ứng dụng dựa trên dự án > Sử dụng nhiều hơn cho các lĩnh vực nông nghiệp (an ninh lương thực), y tế và dinh dưỡng > Có thể được sử dụng bởi những cán bộ địa phương khi cần.

Công cụ Đánh giá Tình trạng Dễ bị tổn thương có nhận thức giới

Đánh giá tính dễ bị tổn thương là một bước quan trọng trong tất cả các kế hoạch về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Điều rất quan trọng là phải thực hiện các đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới để cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách về nhu cầu của đối tượng mục tiêu và những can thiệp chính sách nào có hiệu quả hơn trong việc giúp cả nam và nữ thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu (Care International 2014). Có một số công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức

về giới đã được xây dựng. Hầu hết những công cụ này được xây dựng dựa trên thông tin thu thập được trong giai đoạn phân tích giới bằng cách sử dụng các công cụ và khung phân tích khác nhau và đưa ra cách tiếp cận để liên kết những thông tin này với biến đổi khí hậu và tình trạng dễ bị tổn thương do thiên tai. Bảng 3-1 tập hợp các công cụ đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và giới khác nhau, với mục đích của chúng và khi nào thì công cụ này phù hợp nhất cho các CSO.

BẢNG 3-1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ GIỚI VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

CÔNG CỤ	MỤC ĐÍCH CHÍNH	CSO CÓ THỂ SỬ DỤNG
KHUNG PHÂN TÍCH NĂNG LỰC VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG	> Được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động can thiệp nhân đạo và chuẩn bị cho thiên tai. Giúp các cơ quan bên ngoài lập kế hoạch viện trợ trong trường hợp khẩn cấp để các biện pháp can thiệp giúp đáp ứng nhu cầu trước mắt, tăng cường các nỗ lực của địa phương và hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội lâu dài.	> Hoạt động cứu trợ thiên tai nhằm cung cấp thực phẩm khẩn cấp, quần áo, vật dụng gia đình, nước, vệ sinh và hỗ trợ y tế > Thiết kế các chương trình phục hồi, đặc biệt là phục hồi sinh kế > Phù hợp hơn cho các nhà lập kế hoạch và triển khai dự án.
ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CÓ NHẬN THỨC GIỚI	> Được thiết kế để lập bản đồ tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu theo bối cảnh, đặc biệt là để tạo ra hiểu biết về khí hậu đang và tác động của nó đến cuộc sống của những người dễ bị tổn thương.	> Điểm bắt đầu lý tưởng cho chương trình thích ứng và phát triển dựa vào cộng đồng có tính đến biến đổi khí hậu và thiên tai. > Để đánh giá kiến thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu. > Phù hợp hơn cho những người lập kế hoạch và thực hiện dự án cũng như nghiên cứu và tác động chính sách khi có Dữ liệu Phân biệt Giới tính, Tuổi tác, Khuyết tật (SADDD).
CHỈ SỐ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA PHỤ NỮ	> Một công cụ tương tác trên web cung cấp thông tin về tình hình Khả năng phục hồi của Phụ nữ cho một số quốc gia ở Nam Á. Xây dựng dựa trên một tập hợp các chỉ số và cơ sở dữ liệu để đưa ra điểm số về khả năng phục hồi.	> Hữu ích cho các đánh giá định lượng và làm nổi bật các khoảng cách về địa điểm/ khu vực. Phù hợp hơn cho nghiên cứu và tác động chính sách.
ĐÁNH GIÁ GIỚI NHANH SAU THẢM HỌA	> Công cụ tóm lược để phân tích giới tính chi tiết trong các tình huống khẩn cấp.	> Đánh giá tình hình ngay sau thiên tai và đại dịch. > Phù hợp hơn cho những người lập kế hoạch và triển khai dự án.
NGHIÊN CỨU PHẠM VI THEO NGÀNH	> Sử dụng nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp để phân tích trong các ngành.	> Cung cấp đầu vào cho các Kế hoạch Thích ứng Quốc gia (Ngành) và để tác động đến ngân sách của ngành. > Phù hợp hơn cho nghiên cứu và tác động chính sách.
ĐÁNH GIÁ KHÔNG ĐỂ AI PHÍA SAU	> Một tập hợp năm bước để phân tích, hành động, giám sát, trách nhiệm giải trình và sự tham gia có ý nghĩa nhằm Không để ai lại phía sau, có thể áp dụng trong bối cảnh của Hệ thống Liên hợp quốc.	> Hữu ích khi kết hợp các công cụ đánh giá hiện có dưới dạng các câu hỏi hướng dẫn để đảm bảo rằng tất cả các giới tính và các nhóm dễ bị tổn thương đều được xem xét.

KHUNG PHÂN TÍCH NĂNG LỰC VÀ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG (CVA)

Khung đánh giá năng lực và tính dễ bị tổn thương (CVA) (UNDP nd) được thiết kế trên tiền đề rằng điểm mạnh (hoặc năng lực) và điểm yếu (hoặc tính dễ bị tổn thương) hiện có

của mọi người quyết định tác động của thảm họa tới họ và cách họ phản ứng với thảm họa. Nó đặc biệt hữu ích cho việc lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai. CVA phân biệt giữa ba loại năng lực và mức độ dễ bị tổn thương, sử dụng ma trận phân tích được trình bày trong Bảng 3-2.

BẢNG 3-2: MA TRẬN CVA: CÂU HỎI CHÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP/CÔNG CỤ PHÂN TÍCH GIỚI

BA LOẠI TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG & NĂNG LỰC	TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG**		NĂNG LỰC**	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
<p>Thể chất hoặc Vật chất (bao gồm các đặc điểm về khí hậu, đất đai và môi trường nơi mọi người đang sống hoặc đã sống trước khi xảy ra khủng hoảng; sức khỏe, kỹ năng, công việc của họ; nhà ở, công nghệ, nguồn cung cấp nước và thực phẩm; khả năng tiếp cận vốn và các tài sản khác của họ):</p> <p>Các câu hỏi chính cần xem xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> Những cách mà nam giới và phụ nữ trong cộng đồng đã/ đang/ có thể bị tổn thương về thể chất hoặc vật chất? Những nguồn lực sản xuất, kỹ năng và các mối rủi ro đã tồn tại/ đang tồn tại/ có thể tồn tại? Ai (nam và/hoặc nữ, nam nào và nữ nào) đã/ đang/ có thể kiểm soát các nguồn lực này? 	Ví dụ: câu cá ở biển	Ví dụ: Chết nhiều hơn	Ví dụ: Kiến thức về các giống chịu lũ	Ví dụ: Quản lý nước và thực phẩm
<p>Xã hội hoặc tổ chức (bao gồm hệ thống gia đình và cộng đồng, hệ thống chính trị chính thức và hệ thống không chính thức mà qua đó mọi người đưa ra quyết định, thiết lập quyền lãnh đạo hoặc tổ chức các hoạt động xã hội và kinh tế khác nhau):</p> <p>Các câu hỏi chính cần xem xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấu trúc xã hội của cộng đồng trước thảm họa như thế nào, và nó đã phục vụ họ như thế nào khi đối mặt với thảm họa này? Tác động của thảm họa đối với tổ chức xã hội là gì? Ảnh hưởng của các thảm họa trong tương lai đối với các cấu trúc xã hội và hệ thống là gì? Mức độ và chất lượng tham gia vào các cấu trúc này là gì? 	Ví dụ: Di cư để tìm việc	Ví dụ: Hạn chế về thông tin	Ví dụ: Đảng phái chính trị	Ví dụ: Ủy ban Lâm nghiệp ở địa phương
<p>Động lực và hành vi (bao gồm các yếu tố văn hóa và tâm lý có thể dựa trên tôn giáo, lịch sử thảm họa của cộng đồng, trên kỳ vọng được cứu trợ khẩn cấp của họ):</p> <p>Các câu hỏi chính cần xem xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nam giới và phụ nữ trong cộng đồng nhìn nhận bản thân họ và khả năng ứng phó của họ với môi trường xã hội/chính trị như thế nào? Niềm tin và động lực của mọi người trước thảm họa là gì và thảm họa đã ảnh hưởng đến họ như thế nào? Điều này bao gồm niềm tin về vai trò và quan hệ giới. Mọi người có cảm thấy họ có khả năng xây dựng cuộc sống của họ không? Nam và nữ có cảm thấy mình có khả năng như nhau không? 	Ví dụ: Hành vi chấp nhận rủi ro	Ví dụ: Bạo lực gia đình	Ví dụ: Tiếp cận tín dụng	Ví dụ: Cơ hội giao lưu và học hỏi

*Thuật ngữ này đề cập đến các yếu tố dài hạn làm suy yếu khả năng của con người trong đối phó với các thiên tai diễn biến nhanh hoặc các trường hợp khẩn cấp xảy ra. Chúng cũng làm cho con người nhạy cảm với thảm họa hơn. Tình trạng dễ bị tổn thương tồn tại trước thiên tai, góp phần làm tăng mức độ nghiêm trọng của chúng, khiến việc ứng phó hiệu quả với thiên tai trở nên khó khăn hơn và tiếp tục kéo dài sau thảm họa.

** Thuật ngữ này đề cập đến những điểm mạnh hiện có của các cá nhân và nhóm xã hội. Chúng liên quan đến nguồn lực thể chất và vật chất của con người, nguồn lực xã hội cũng như niềm tin và thái độ của họ. Năng lực được xây dựng theo thời gian và xác định khả năng của mọi người trong ứng phó với thảm họa và phục hồi sau thảm họa.

Ma trận CVA có lồng ghép giới cho phép nhà phân tích 'lập bản đồ' một tình huống thực tế phức tạp và làm nổi bật mối quan hệ giữa các yếu tố khác nhau. Nó vượt ra ngoài các yếu tố vật chất và khuyến khích việc xem xét các tương tác xã hội trong một cộng đồng (ví dụ, sự gắn kết xã hội và lãnh đạo) và lĩnh vực tâm lý (ví dụ, mất hy vọng vào tương lai).

CVA rất linh hoạt và có thể được sử dụng trước, trong hoặc sau thảm họa hoặc can thiệp. Công cụ này không chỉ là ngắn hạn, do đó khuyến khích một tầm nhìn dài hạn bằng cách nêu bật mức độ cần thiết của việc giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường năng lực.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi học viên cách họ sẽ lấy thông tin cho các mục trên.

Gợi ý cho giảng viên

Một số công cụ mà họ có thể sử dụng để phân tích bao gồm:

- > Hồ sơ Thể chất - hoạt động, Hồ sơ Tiếp cận và Kiểm soát
- > Phân tích xã hội - các bên liên quan, Lập bản đồ thể chế
- > Tạo động lực - Quan sát, Phỏng vấn mở và Thảo luận Nhóm tập trung

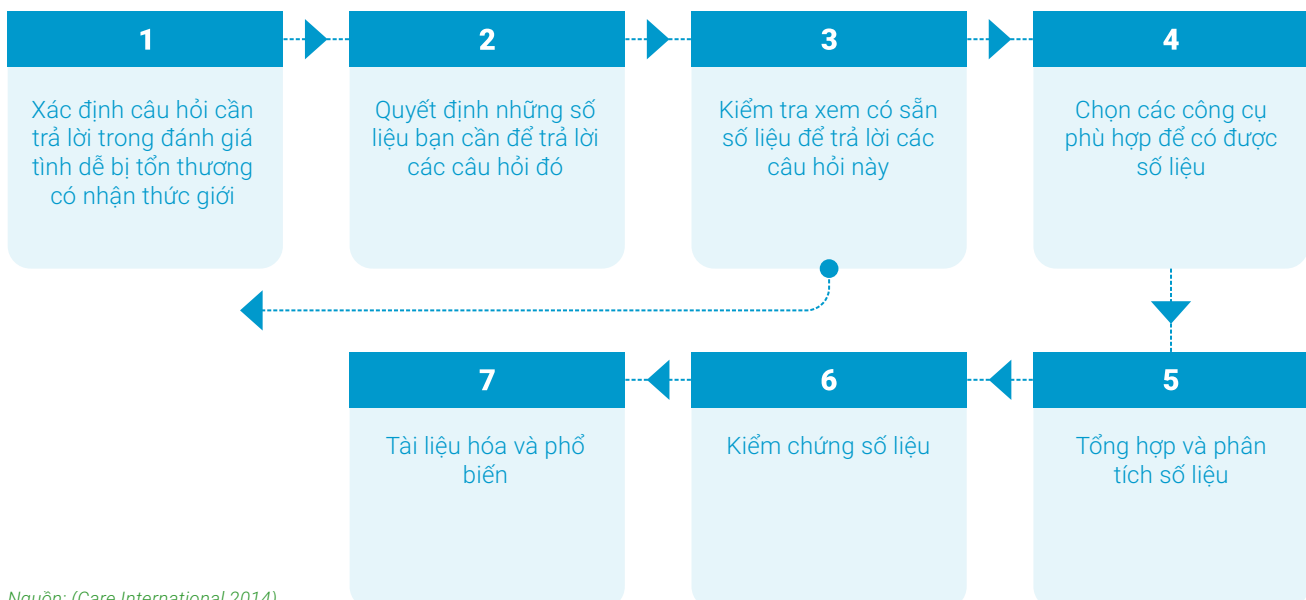
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CÓ NHẬN THỨC VỀ GIỚI (GCVCA)

Sách hướng dẫn đánh giá tính dễ bị tổn thương do khí hậu và năng lực có nhận thức về giới (GCVCA) (Care International 2014) đưa ra một khung để phân tích tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng khả năng chống chịu với thiên tai ở cấp cộng đồng, đặc biệt tập trung vào các động lực xã hội và giới. Quy trình GCVCA sử dụng một loạt các câu hỏi hướng dẫn

để phân tích thông tin về biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai và tính dễ bị tổn thương ở cấp quốc gia, chính quyền địa phương/cộng đồng và hộ gia đình/cá nhân. Nó có thể được tiến hành bằng cách sử dụng các công cụ có sự tham gia và nghiên cứu phân tích chính sách thứ cấp. Có bảy bước chính trong việc thiết kế một GCVCA như trong Hình 3-12.

Các câu hỏi hướng dẫn chính cho GCVCA ở cấp địa phương và các công cụ khả thi để thu thập dữ liệu được nêu trong Bảng 3-3.

HÌNH 3-12: BẢY BƯỚC TRONG CHU TRÌNH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CÓ NHẬN THỨC GIỚI (GCVCA)



Nguồn: (Care International 2014)

BẢNG 3-3: CÂU HỎI HƯỚNG DẪN CHÍNH CHO GCVCA Ở CẤP ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC CÔNG CỤ KHẢ THI ĐỂ THU THẬP DỮ LIỆU

CẤP	MỤC ĐÍCH	CÂU HỎI	CÔNG CỤ THU THẬP SỐ LIỆU
Bối cảnh rộng lớn hơn			
A. SỰ CẦN THIẾT	A1. Bối cảnh thiên tai và Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> > Những thời tiết khắc nghiệt nào (nhiệt độ, lượng mưa, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, và những thời tiết khác) được coi là bình thường? Những điều này đã thay đổi chưa? > Con người đã quan sát thấy những thay đổi nào về khí hậu và thời tiết trong nhiều thập kỷ và những năm gần đây? > Những nguy cơ nào xảy ra trong khu vực; khi nào, mức độ thường xuyên và độ mạnh của chúng? Có quan sát thấy những thay đổi khi xảy ra những mối nguy hiểm này không (tần suất, cường độ và những nguy cơ khác)? 	<ul style="list-style-type: none"> > Lịch theo mùa > Dòng lịch sử > Thảo luận nhóm tập trung > Xếp hạng vấn đề theo cộng đồng
	A2. Bối cảnh xã hội	<ul style="list-style-type: none"> > Các nguồn lực sinh kế quan trọng nhất đối với các nhóm khác nhau trong cộng đồng là gì? > Ai là người khá giả và ai là người nghèo hơn trong cộng đồng? Các nhóm giàu có khác là ai? Các nhóm dân tộc và tôn giáo khác nhau? Họ làm gì (sinh kế chính) và sở hữu gì, họ sống như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> > Bản đồ nguồn lực > Xếp hạng vấn đề theo cộng đồng
Nguyên nhân cốt lõi của tình trạng dễ bị tổn thương			
B. TRỌNG TÂM ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ	B1. Tiếp cận và Kiểm soát Tài sản và Dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> > Những tài sản nào (ví dụ, đất đai, biển, sông ngòi, tài nguyên thiên nhiên, vật nuôi và những thứ khác) và dịch vụ nào là chìa khóa cho khả năng của nam giới và phụ nữ trong việc chống đỡ các cú sốc và thích ứng với những thay đổi? Họ có quyền tiếp cận và kiểm soát (tức là quyền ra quyết định) ở mức độ nào đối với những thứ này? > Tài sản và dịch vụ nào trong số này chịu nhiều áp lực nhất do biến đổi khí hậu và thiên tai? > Bất bình đẳng giới trong tiếp cận và kiểm soát các tài sản và dịch vụ này đã thay đổi như thế nào trong quá khứ hay hiện tại đang thay đổi? Tại sao? 	<ul style="list-style-type: none"> > Bản đồ tài nguyên > Thảo luận nhóm tập trung > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	B2. Ra quyết định và sự tham gia	<ul style="list-style-type: none"> > Quy trình lập kế hoạch địa phương hoạt động như thế nào? Ai tham gia hoặc ảnh hưởng đến các quyết định ở cấp cộng đồng? Lợi ích của ai được đề xuất lên chính quyền địa phương? > Phụ nữ và nam giới tham gia hoặc đảm bảo lợi ích của họ được đại diện trong quá trình ra quyết định ở địa phương bằng những cách nào? > Khi sự biến đổi và thay đổi của khí hậu ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh kế của người dân, ai là người đưa ra quyết định về những thay đổi trong phân phối tài nguyên và trong thực tiễn? > Ai có xu hướng hưởng lợi từ những quyết định này, và ai không? > Ai là người ảnh hưởng và quyết định cách phân bổ tài nguyên thiên nhiên như đất và nước? 	<ul style="list-style-type: none"> > Bản đồ tài nguyên > Thảo luận nhóm tập trung > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng

Nguồn: (Care International 2014)

CẤP	MỤC ĐÍCH	CÂU HỎI	CÔNG CỤ THU THẬP SỐ LIỆU
Nguyên nhân cốt lõi của tình trạng dễ bị tổn thương			
B. TRONG TÂM ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ	B3. Phân chia lao động, Sử dụng thời gian	<ul style="list-style-type: none"> > Ai (phụ nữ, nam giới, trẻ em trai, trẻ em gái trong hoàn cảnh nào) được phép hoặc được trông đợi làm một số loại công việc nhất định, hoàn thành một số nhiệm vụ nhất định? > Các loại công việc và nhiệm vụ cụ thể này có ý nghĩa như thế nào đối với các cá nhân thuộc các nhóm tuổi và giới tính khác nhau? Phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái dành bao nhiêu thời gian để thực hiện những nhiệm vụ khác nhau này? > Sự phân công lao động và sử dụng thời gian đã thay đổi như thế nào theo thời gian, và tại sao? Điều gì xảy ra với vai trò và việc sử dụng thời gian của mọi người trong điều kiện khí hậu thay đổi; ví dụ, khi lũ lụt và hạn hán trở nên thường xuyên và khốc liệt hơn? 	<ul style="list-style-type: none"> > Lịch theo mùa > Thảo luận nhóm tập trung > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	B4. Kiểm soát cơ thể	<ul style="list-style-type: none"> > Phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái có quyền kiểm soát cơ thể và tình dục của mình, cũng như các quyết định về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình và không bị lạm dụng và bóc lột ở mức độ nào? > Những yếu tố nào ảnh hưởng đến các quyết định về tình trạng hôn nhân, đối tác hôn nhân hoặc kế hoạch hóa gia đình? > Những mối đe dọa nào tác động đến quyền kiểm soát cơ thể của phụ nữ, nam giới, trẻ em trai hoặc trẻ em gái? Những yếu tố nào thúc đẩy những rủi ro này? > Có bất kỳ thay đổi nào trong những yếu tố tác động này không, và tại sao? > Biến đổi khí hậu và thiên tai có tác động như thế nào đối với điều này hoặc biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng như thế nào đến việc kiểm soát cơ thể của phụ nữ và trẻ em gái? 	<ul style="list-style-type: none"> T> thảo luận nhóm tập trung
Sinh kế thích ứng khí hậu			
C. NHỮNG LĨNH VỰC TẬP TRUNG TIỀM NĂNG CHO GCVCA	C1. Sinh kế	<ul style="list-style-type: none"> > Sinh kế nào dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu và thiên tai? > Các sinh kế này bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu như thế nào? Đó là sinh kế của ai (phụ nữ hay nam giới, trẻ hay già, đã kết hôn hay chưa kết hôn, những người khác)? Sinh kế nào ít bị ảnh hưởng nhất, và tại sao? > Các chiến lược sinh kế của phụ nữ và nam giới ở các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời của họ (vị thành niên người lớn/người già, chưa lập gia đình/đã kết hôn ly hôn góa vợ/những người khác) được phát triển như thế nào? Ai đang thay đổi chúng và tại sao? Đàn ông và phụ nữ thích nghi có khác nhau không? Làm thế nào để các hộ do phụ nữ làm chủ hộ thích ứng? Các hộ gia đình (do nam làm chủ và do nữ làm chủ) có các chiến lược sinh kế đa dạng không? Điều này có bao gồm các chiến lược phi nông nghiệp dựa trên tài nguyên thiên nhiên không? Các chiến lược sinh kế có liên quan đến việc phải đi xa cộng đồng không? Nếu vậy, ai làm điều đó và khi nào, trong bao lâu và có ảnh hưởng gì, đối với ai? 	<ul style="list-style-type: none"> > Bản đồ tài nguyên > Lịch theo mùa > Dòng lịch sử > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	C2. Các chiến lược ứng phó và thích ứng	<ul style="list-style-type: none"> > Những chiến lược nào hiện đang được phụ nữ và nam giới sử dụng để đối phó với những cú sốc và căng thẳng đối với sinh kế? > Phụ nữ và nam giới trong các hoàn cảnh xã hội khác nhau quản lý rủi ro, lập kế hoạch và đầu tư cho tương lai như thế nào? Ai tạo ra và ai sử dụng thông tin khí hậu để lập kế hoạch? > Các hộ gia đình do phụ nữ và nam giới làm chủ hộ có áp dụng các hoạt động nông nghiệp thích ứng với khí hậu không? Nếu có thì những hộ nào làm như vậy (hoàn cảnh kinh tế - xã hội, hộ do nam hay nữ làm chủ hộ, những hộ khác)? 	<ul style="list-style-type: none"> > Lịch theo mùa > Xếp hạng vấn đề cộng đồng

CẤP	MỤC ĐÍCH	CÂU HỎI	CÔNG CỤ THU THẬP SỐ LIỆU
Giảm thiểu rủi ro thiên tai			
C. LĨNH VỰC TẬP TRUNG TIỀM NĂNG	C3. Thảm họa và thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> > Những thảm họa quan trọng nhất liên quan đến khí hậu và những thảm họa khác mà khu vực và/hoặc khu sinh thái phải đối mặt là gì? Những thảm họa này đã thay đổi như thế nào trong những thập kỷ và năm gần đây, và chúng hiện đang thay đổi như thế nào? > Các thảm họa này ảnh hưởng đến các nhóm khác nhau trong cộng đồng như thế nào, nhóm nào dễ bị tổn thương nhất trước những nguy cơ nào và tại sao? Trong mỗi nhóm, phụ nữ bị ảnh hưởng như thế nào bởi những thảm họa này và đàn ông bị ảnh hưởng như thế nào? Tại sao? 	<ul style="list-style-type: none"> > Bản đồ tài nguyên > Lịch theo mùa > Thông tin lịch sử > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	C4. Thông tin rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> > Các tổ chức địa phương, nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái có thể tiếp cận thông tin rủi ro thiên tai nào và nó hữu ích như thế nào? > Có những hệ thống cảnh báo sớm nào và chúng hoạt động tốt như thế nào? Ai (trong số phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái trong các hoàn cảnh xã hội khác nhau) có thể tiếp cận và sử dụng chúng, còn ai thì không? 	Thông tin lịch sử biểu đồ Venn Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	C5. Chiến lược quản lý rủi ro và ứng phó	<ul style="list-style-type: none"> > Làm thế nào để phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái bảo vệ bản thân và tài sản của họ trong trường hợp có thiên tai? > Ai đã bảo vệ nguồn dự trữ thực phẩm và đầu vào nông nghiệp, nơi trú ẩn an toàn và khả năng di chuyển để thoát khỏi nguy hiểm, còn ai thì không? Ai có thể tìm kiếm sự hỗ trợ? 	<ul style="list-style-type: none"> > Lịch theo mùa > Thông tin lịch sử > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
Năng lực địa phương và cộng đồng			
C. NHỮNG LĨNH VỰC TẬP TRUNG TIỀM NĂNG CHO GCVCA	C 6. Mong muốn cho bản thân và nhu cầu chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> > Mong muốn mà nam giới, phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái thể hiện cho bản thân hoặc cho thế hệ tương lai là gì? > Những thay đổi mà họ hy vọng sẽ thấy xung quanh mình để thực hiện những nguyện vọng này - về các dịch vụ và nguồn lực sẵn có, các quy tắc xã hội, môi trường tự nhiên hoặc các vấn đề an ninh? > Phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái cảm thấy họ kiểm soát được số phận và tương lai của mình, lập kế hoạch và đặt ra các ưu tiên ở mức độ nào? Họ cảm thấy có thể đối mặt với những thay đổi ở mức độ nào trong bối cảnh các xu hướng rộng lớn hơn mà họ đang thấy? 	<ul style="list-style-type: none"> > Thông tin lịch sử > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	C7. Kiến thức, Thông tin và Đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> > Phụ nữ và nam giới nắm giữ kiến thức khác biệt nào trong các hoạt động sinh kế của họ? Họ nắm được kiến thức gì về những thay đổi dự kiến trong tương lai? > Ai có kiến thức, kỹ năng và nguồn lực để áp dụng các chiến lược đổi mới nhằm hỗ trợ thích ứng? > Phụ nữ và nam giới có những chiến lược đổi mới sáng tạo nào để thích ứng với những thay đổi của bối cảnh khí hậu và thiên tai? Ai có thể tận dụng chúng và ai nhận được sự hỗ trợ của các cơ quan tổ chức để làm như vậy, còn ai thì không? Ai là người đưa ra quyết định về những đổi mới sáng tạo? 	<ul style="list-style-type: none"> > Lịch theo mùa > Thông tin lịch sử > Biểu đồ Venn > Xếp hạng vấn đề cộng đồng
	C8. Ra quyết định linh hoạt và hướng tới tương lai	<ul style="list-style-type: none"> > Các dự đoán về tương lai được đưa ra như thế nào, ví dụ, khi quyết định trồng loại cây nào hoặc khi nào bán hạt giống, sản lượng, vật nuôi hoặc các tài sản khác? > Trong số phụ nữ và nam giới trong cộng đồng, ai là người đưa ra những dự đoán này và ý kiến của ai được xem xét trong các quyết định này? > Có những thông tin dự báo thời tiết và khí hậu nào? Làm thế nào chúng được phổ biến đến phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai trong các môi trường xã hội khác nhau? Trong số đó, ai là người có khả năng tiếp cận tốt nhất? Ai sử dụng nó và ai không? 	

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Phương pháp đánh giá tính dễ bị tổn thương (VRA) là một công cụ có sự tham gia được UNDP-GEF sử dụng cho các chương trình Thích ứng dựa vào cộng đồng (CBA) (UNDP 2010). Nó được thiết kế để đo lường mức độ dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu của các cộng đồng và có thể so sánh giữa các dự án, khu vực và bối cảnh rất khác nhau, giúp xác định xem một dự án nhất định thành công hay không thành công trong việc giảm thiểu rủi ro. VRA dựa trên tổng hợp bốn câu hỏi chỉ báo cho mỗi bước của Khung chính sách thích ứng (APF), được điều chỉnh để nắm bắt các vấn đề liên quan đến địa phương, trọng tâm để hiểu tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu. Các câu hỏi được đặt

ra trong một loạt ba đến bốn cuộc họp cấp cộng đồng trong suốt thời gian của một dự án thích ứng dựa vào cộng đồng. Các câu trả lời cho các câu hỏi được quy định thành điểm số, những người trả lời sẽ đưa ra trong các cuộc họp cộng đồng. Bốn chỉ số Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, câu hỏi ví dụ tương ứng và yếu tố giới được nêu ở đây.

Các đánh giá lặp đi lặp lại về nhận thức của cộng đồng đối với hiệu quả của dự án và rủi ro biến đổi khí hậu cho phép chỉ ra sự thay đổi tương đối về mức độ dễ bị tổn thương. Điều này được đánh giá thông qua mức độ thay đổi của điểm VRA so với các giá trị cơ sở được thiết lập trước khi bắt đầu các hoạt động dự án. Cách tiếp cận dựa trên nhận thức của VRA là điểm bổ sung cho các chỉ số định lượng cũng được sử dụng để đo lường kết quả dự án.

HÌNH 3-13: LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CỦA UNDP

CÁC BƯỚC APF	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG	CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG (ví dụ áp dụng cho đánh giá tình trạng rủi ro hạn tăng)	BỔ SUNG YẾU TỐ GIỚI
ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG HIỆN TẠI	Tình trạng dễ bị tổn thương của sinh kế/ phúc lợi xã hội đối với tình hình biến đổi khí hậu hiện tại	Điều gì xảy ra nếu có hạn hán?	Có sự khác biệt gì giữa trải nghiệm của phụ nữ và nam giới với hạn hán? Như thế nào và tại sao?
ĐÁNH GIÁ RỦI RO KHÍ HẬU TƯƠNG LAI	Tình trạng dễ bị tổn thương của sinh kế/ phúc lợi xã hội đối với tình hình biến đổi khí hậu sắp tới	Điều gì xảy ra nếu hạn hán tăng gấp 2 lần?	Điều này có tác động khác biệt đến phụ nữ và nam giới không? Nếu có, như thế nào?
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG	Tầm quan trọng của rào cản đối với thích ứng (thể chế, chính sách, công nghệ, tài chính...)	Điều gì đang cản trở sự thích ứng với tình trạng hạn hán đang tăng lên? Có những cách thức nào để ứng phó tình trạng diễn ra ngày càng thường xuyên này?	Đâu là những trở ngại khác biệt của phụ nữ và nam giới trong ứng phó với tình trạng hạn ngày càng tăng? Liệu tình trạng hạn ngày càng tăng có làm tăng tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ và nam giới?
	Các tài sản mà cộng đồng có để thích ứng với hạn (sự tình nguyện, kỹ năng, cam kết, kiến thức bản địa, sự lãnh đạo của cộng đồng...)	Những tài sản nào cộng đồng có để hỗ trợ việc thích ứng với biến đổi khí hậu? Ai có (hoặc cần) tiếp cận đến các tài sản này?	Bao nhiêu phụ nữ và bao nhiêu nam giới sẽ tham gia vào dự án được đề xuất? Những kỹ năng/ kiến thức cụ thể nào mà phụ nữ và nam giới có? Phụ nữ và nam giới phải đóng góp bao nhiêu thời gian mỗi tuần? Điều gì cản trở phụ nữ và nam giới trong việc họ đóng góp thời gian của họ?
TIẾP TỤC QUÁ TRÌNH THÍCH ỨNG	Khả năng và sự sẵn sàng của cộng đồng trong việc duy trì các can thiệp của dự án	Xếp hạng sự tự tin của bạn cho việc các hoạt động dự án sẽ tiếp tục sau khi dự án kết thúc	Khả năng tiếp tục các hoạt động dự án có thể được cải thiện như thế nào thông qua việc giải quyết các nhu cầu của phụ nữ và nam giới (cả nhu cầu chung và nhu cầu khác biệt)?





Nguồn: (UNDP 2010).

CHỈ SỐ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA PHỤ NỮ

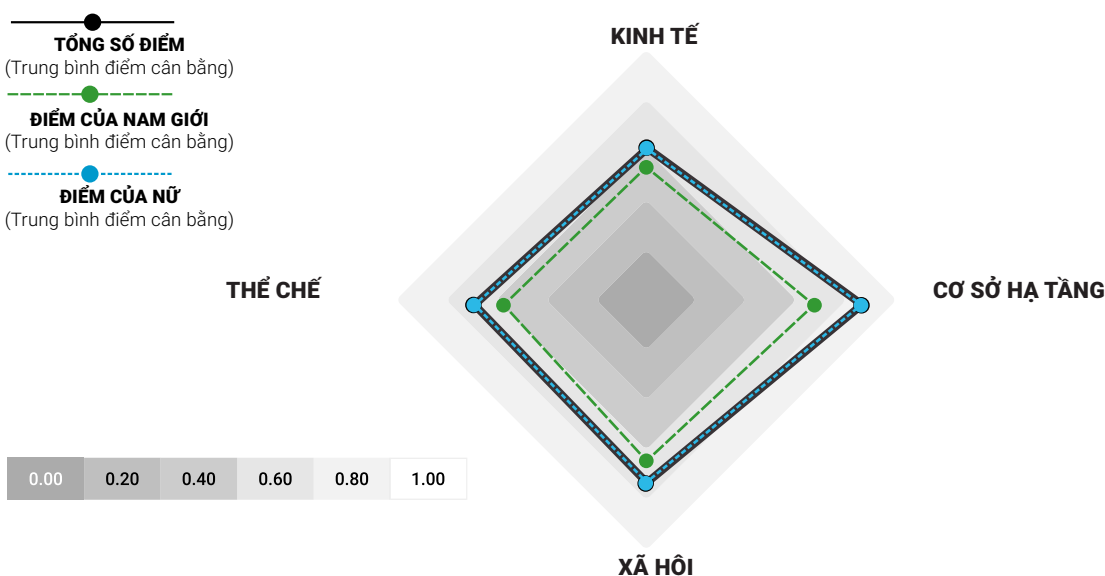
ActionAid đã xây dựng Bộ công cụ đo lường khả năng phục hồi của phụ nữ (The Economist Intelligence Unit 2014) nhằm đánh giá khả năng phục hồi nhạy cảm về giới của các cộng đồng địa phương. Nó sử dụng bốn nhóm với 36 chỉ số (xem bên dưới) để đánh giá các khía cạnh khác nhau về khả năng phục hồi của người dân ở cấp cộng đồng, trong bối cảnh của Nam Á. Bộ công cụ bao gồm một bảng câu hỏi chi tiết dựa trên các chỉ số này, cần được thực hiện cho một số lượng như nhau giữa phụ nữ và nam giới đối với mỗi chỉ

số. Dữ liệu thu thập từ các bảng câu hỏi này được nhập vào một bảng tính, sau đó sẽ tính điểm chỉ số không trọng số. Ngoài ra còn có một tùy chọn để thêm trọng số vào điểm số, nếu cần. Kết quả này là hai điểm số về khả năng phục hồi: một điểm cho phụ nữ và một điểm cho nam giới, sau đó có thể được so sánh để chứng minh bất kỳ sự bất bình đẳng nào đang tồn tại. Điểm số về khả năng phục hồi cũng đi kèm với các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính để đưa ra phân tích định tính. Kết quả được trình bày dưới dạng biểu đồ radar được tạo tự động. (xem Bảng 3-14).

HÌNH 3-14: ẢNH CHỤP TỪ CÔNG CỤ WEB TƯƠNG TÁC CHO THẤY TÌNH TRẠNG KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA PHỤ NỮ CHO CÁC QUỐC GIA ĐƯỢC CHỌN Ở NAM Á

 <p>KINH TẾ</p> <p>Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực kinh tế giúp cho mọi người dễ dàng hơn trong chuẩn bị và ứng phó với thiên tai. Mục này xem xét thể mạnh kinh tế chung của hộ gia đình, sự sẵn có của tài chính cá nhân và cơ hội tiếp cận các công cụ tài chính. Chỉ số chính của mục này cũng đo sự tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực tự nhiên và chăn nuôi để hỗ trợ các lựa chọn sinh kế của họ, cũng như sự tham gia của họ trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p>	 <p>CƠ SỞ HẠ TẦNG</p> <p>Cơ sở hạ tầng tin cậy đảm bảo cho cộng đồng có thể giảm thiểu tác động ban đầu của thiên tai, giảm những thiệt hại về cấu trúc và hỗ trợ hoạt động tránh trú. Do đó, hệ thống cơ sở hạ tầng tốt sẽ giúp phục hồi nhanh hơn. Các chỉ số chính trong hạ mục này đo lường sự chuyên sâu và tính tin cậy của cơ sở hạ tầng để giúp con người tiếp cận đến các dịch vụ cơ bản (như nơi tránh trú an toàn, nhà cửa, nước sạch và vệ sinh, giao thông, điện và công nghệ truyền thông) và liệu có hệ thống cảnh báo sớm vẫn hoạt động.</p>
 <p>XÃ HỘI</p> <p>Nguồn lực con người (ví dụ, tình trạng sức khỏe và trình độ giáo dục) và các nguồn lực xã hội khác (như có thể dựa vào sự hỗ trợ từ các thành viên gia đình, hàng xóm và cộng đồng, hoặc nhóm tôn giáo) là rất quan trọng đối với khả năng phục hồi của mọi người để chuẩn bị, ứng phó với thiên tai. Các chỉ số trong hạng mục này cũng đo lường khả năng phục hồi của mọi người bị tác động như thế nào bởi các hình thức di cư, tỉ lệ bạo lực trên cơ sở giới và mức độ chuẩn bị trước thiên tai của cá nhân.</p>	 <p>THỂ CHẾ</p> <p>Mục này đánh giá mức độ tham gia và chủ trì của mọi người vào quá trình ra quyết định và liệu ý kiến của mọi người có được các thể chế/cơ quan chính thức xem xét hay không. Các chỉ số chính trong mục này cũng đo lường sự hiệu quả trong thực hiện các kế hoạch và hoạt động quản lý thiên tai của chính phủ, và liệu mọi người có tin tưởng chính quyền địa phương và liệu cơ quan truyền thông có phản ánh nhu cầu và đáp ứng của họ.</p>

Chỉ số Khả năng phục hồi (cân bằng)



Nguồn: Công cụ Web tại http://actionforglobaljustice.actionaid.org/womens-resilience-index/index_m.html

ĐÁNH GIÁ GIỚI NHANH TRONG KHỦNG HOẢNG

Mặc dù phân tích chi tiết về giới luôn hiệu quả và nên làm hơn, nhưng không phải lúc nào cũng có thể thực hiện được trong các tình huống khủng hoảng hoặc khẩn cấp, đặc biệt là sau thảm họa. Trong tình huống như vậy, đánh giá nhanh về giới cần phải được thực hiện và đưa ra dưới dạng một mẫu ngắn gọn để đảm bảo rằng tất cả các biện pháp cứu trợ và phục hồi có tính đến mối quan tâm của phụ nữ và những người có bản dạng giới khác.

Đánh giá nhanh về giới như vậy cần bao gồm thông tin về vai trò và trách nhiệm giới, năng lực và tính dễ bị tổn

thương, cùng với các khuyến nghị về xây dựng chương trình. Đánh giá này được xây dựng dần dần, sử dụng nhiều loại thông tin sơ cấp và thứ cấp để hiểu các vai trò và mối quan hệ giới và những điều này có thể thay đổi như thế nào trong một cuộc khủng hoảng (Care International 2012). Bộ công cụ đánh giá nhanh về giới của Care nêu bật năm giai đoạn phân tích với các nguyên tắc chính để đảm bảo đáp ứng các nhu cầu khác nhau của tất cả các giới và các nhóm xã hội trong khi đảm bảo rằng chúng ta “không gây tổn hại”. Năm giai đoạn và các bước chính trong mỗi giai đoạn đã được tổng hợp lại trong bảng được trình bày trong Bảng 3-4.

BẢNG 3-4: CÁC GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ GIỚI NHANH

GIAI ĐOẠN	MIÊU TẢ	CÂU HỎI/CHỈ SỐ
<p>1. Tìm dữ liệu có sẵn được phân tách theo giới tính và độ tuổi, và các phân tích hiện có về mối quan hệ giới.</p>	<p>Tim thông tin về bối cảnh, bao gồm cả dữ liệu gốc và dữ liệu thứ phát và cả dữ liệu định tính và định lượng về các mối quan hệ giới như thế nào trước tình huống khẩn cấp. Thông tin này nên được thu thập cùng nhau như một phần của Kế hoạch Chuẩn bị Khẩn cấp, như là Giới thiệu tóm tắt về Giới theo từng quốc gia cụ thể</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có bao nhiêu phụ nữ, nam giới và LGBTIQ trong dân số trước cuộc khủng hoảng? • Số lượng người già, người khuyết tật và trẻ em là bao nhiêu? • Quy mô hộ gia đình trung bình là bao nhiêu? • Quan hệ giữa phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái như thế nào trước khi khủng hoảng? • Cộng đồng sử dụng cấu trúc xã hội / văn hóa nào để đưa ra quyết định? • Làm thế nào để phụ nữ và nam giới tham gia vào những việc này? • Vai trò của các thực hành, tín ngưỡng và thể chế tôn giáo và văn hóa trong cộng đồng là gì? • Chúng ảnh hưởng đến vai trò giới như thế nào?
<p>2. Thu thập dữ liệu bổ sung có phân tách theo giới tính và độ tuổi thông qua các đánh giá về giới.</p>	<p>Thu thập thông tin từ việc rà soát hoặc đánh giá cho từng lĩnh vực. Tim hiểu những chương trình nào nào được lên kế hoạch theo từng lĩnh vực và xem liệu có bất kỳ chương trình đang được xây dựng nào có thể nhằm đến hoặc liên kết đến không. Xem xét các nguồn phương tiện truyền thông in và trực tuyến để hiểu các xu hướng ngay cả khi nó có thể không đề cập cụ thể về giới. Thực hiện các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính và thảo luận nhóm tập trung để hiểu các mối quan hệ giới hiện có và cách nó có thể ảnh hưởng đến phụ nữ và những người có bản dạng giới khác. Các phương pháp nghiên cứu cá nhân có thể bao gồm: i) Khảo sát trực tuyến thông qua các nền tảng công nghệ và truyền thông xã hội khác nhau; ii) Phỏng vấn bán cấu trúc trực tiếp / qua điện thoại với những người cung cấp thông tin chính ở cấp địa phương; và iii) Phỏng vấn trực tiếp / điện thoại bán cấu trúc với những người cung cấp thông tin chính từ các nhóm dễ bị tổn thương</p>	<p>Đối với các cuộc thảo luận của cộng đồng và các bên liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỏi xem ai bị ảnh hưởng, bao gồm tử vong, thương tật, di dời. • Mất mát gì đối với sinh kế, tài sản và cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các dịch vụ cơ sở hạ tầng cơ bản như nước, vệ sinh và y tế? • Hỏi những loại biện pháp cứu trợ nào đã được cung cấp và ai đang nhận dịch vụ. <p>Đối với khảo sát hộ gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỏi loại dịch vụ cứu trợ mà họ đã nhận được. • Ai là người đầu tiên nhận các dịch vụ này? • Hỏi những vấn đề chính mà họ gặp phải đang đe dọa sự sống còn của họ. • Hỏi mọi người nhu cầu và mối quan tâm trước mắt của họ là gì. • Hỏi những gì họ yêu cầu để tiếp tục cuộc sống của họ. • Hỏi về các vai trò giới truyền thống và họ đã bị ảnh hưởng như thế nào do khủng hoảng. Hỏi xem khối lượng công việc tăng lên hay được chia sẻ. • Hỏi về quan hệ giới và mọi thứ đã thay đổi như thế nào kể từ cuộc khủng hoảng. <p>Hỏi thông tin từ phụ nữ tách biệt với nam giới và trẻ em gái tách biệt với trẻ em trai. Trong chừng mực có thể, tất cả thông tin bổ sung phải bao gồm Dữ liệu phân tách về Giới tính, Tuổi và Khuyết tật (SADDD)</p>

GIAI ĐOẠN	MIÊU TẢ	CÂU HỎI/CHỈ SỐ
<p>3. Phân tích dữ liệu tách biệt về giới tính, tuổi và khuyết tật bằng cách so sánh thông tin hiện có với kết quả đánh giá giới</p>	<p>Phân tích giới trong các trường hợp khẩn cấp phân tích tác động của khủng hoảng đối với phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai. Nó so sánh các vấn đề về giới trước khi xảy ra khủng hoảng với các vấn đề về giới đã thay đổi như thế nào kể từ khi cuộc khủng hoảng bắt đầu hoặc chương trình bắt đầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Liệt kê các năng lực, nhu cầu và sở thích riêng biệt của phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai. Họ vẫn vậy kể từ trước khi khủng hoảng xảy ra hay họ đã thay đổi? • Liệt kê các vai trò và trách nhiệm của phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai. Sự phân bổ khối lượng công việc có công bằng không? Việc phân bổ ảnh hưởng đến các quyền để phát triển và cơ hội của họ như thế nào? Ai đưa ra quyết định về việc sử dụng các nguồn lực? Các nhu cầu có được đáp ứng một cách công bằng không? • Liệt kê sự tương tác giữa phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai. Làm thế nào để phụ nữ và nam giới giúp đỡ hoặc cản trở nhau trong việc đáp ứng các nhu cầu và quyền của họ? Ai gây ra bạo lực chống lại ai? Những loại bạo lực nào xảy ra? Cộng đồng và các tổ chức đóng vai trò gì trong việc đáp ứng các nhu cầu và quyền, cũng như giải quyết và ngăn chặn bạo lực? • Những yếu tố dễ bị tổn thương mà phụ nữ và nhóm người bị thiệt thòi nhất phải đối mặt do thiên tai là gì? Thiên tai có những tác động gì đến sinh kế thường xuyên của họ, bao gồm Bạo lực trên cơ sở giới (BLG), bảo vệ, Quyền sức khỏe sinh sản và tình dục (SRHR), Nước, Vệ sinh và Vệ sinh (WASH), các trung tâm tạm trú, tiếp cận cứu trợ?
<p>4. Đưa ra khuyến nghị thiết thực cho các hoạt động cứu trợ dựa trên phân tích</p>	<p>Một phần quan trọng của bất kỳ Đánh giá giới nhanh nào là các khuyến nghị cho chương trình và tổ chức đến từ việc phân tích thông tin thu thập được. Đưa ra các khuyến nghị rõ ràng để cải thiện hoặc giải quyết một số vấn đề hoặc khoảng trống được xác định trong phân tích các nhu cầu, năng lực và sự đóng góp khác nhau của phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái. Hãy nhớ rằng mục đích của việc thu thập thông tin này là để cải thiện nỗ lực ứng phó của bạn (và có thể là của các đối tác của bạn). Đảm bảo rằng các khuyến nghị là thiết thực và dễ dàng ứng dụng bởi các đồng nghiệp không phải là chuyên gia về giới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng khẩn cấp đã ảnh hưởng đến cộng đồng như thế nào? Phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái có bị ảnh hưởng khác nhau không? • Các chương trình nên được điều chỉnh như thế nào để đáp ứng các nhu cầu khác nhau của phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái? • Cần có những chương trình mục tiêu nào để đảm bảo rằng tất cả phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều được tiếp cận hỗ trợ và có thể đáp ứng nhu cầu của họ? • Tình trạng khẩn cấp đã gây ra những rủi ro cụ thể nào? • Các chỉ số chính cần được theo dõi trong quá trình cứu trợ và phục hồi là gì? • Ai nên lãnh đạo kế hoạch Giám sát và Đánh giá (M&E)? Điều này nên được thực hiện như thế nào? • Bạn cần thông tin bổ sung nào để tiếp tục phân tích nhanh về giới của mình? • Các khuyến nghị cần được tập trung vào các yếu tố dễ bị tổn thương theo giới tính phát sinh từ thảm họa.
<p>5. Chia sẻ Phân tích Giới Nhanh với các đối tác khác</p>	<p>Sau khi thu thập dữ liệu, thông tin này có thể được trình bày bằng Biểu mẫu Đánh giá Giới nhanh</p>	

Nguồn: Adapted from Care International (2012).

NGHIÊN CỨU PHẠM VI THEO LĨNH VỰC

Các nghiên cứu xác định phạm vi thường mang tính chất ngành/lĩnh vực và giúp đưa ra kiến thức và nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu đối với một ngành hoặc lĩnh vực cụ thể. Chúng là một đầu vào tốt để hiểu được vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giới trong ngành và những tác động

này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào bởi biến đổi khí hậu. Các nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng thiết kế nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp, bao gồm cả phương pháp định lượng và định tính bằng cách sử dụng dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Bảng 3-5 tập hợp các bước và phương pháp khác nhau được sử dụng trong các nghiên cứu phạm vi ngành/lĩnh vực và làm thế nào để giới có thể được lồng ghép vào các nghiên cứu này.

BẢNG 3-5: CÁC BƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC NGHIÊN CỨU PHẠM VI THEO NGÀNH VÀ LỒNG GHÉP GIỚI VÀO CÁC NGHIÊN CỨU ĐÓ

BƯỚC/PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG	CÁC CẤU PHẦN CHÍNH	LỒNG GHÉP GIỚI
Lựa chọn chủ đề nghiên cứu	Các chủ đề nghiên cứu thường được thu hẹp để tập trung vào một khía cạnh cụ thể trong lĩnh vực cần được khám phá thêm.	<ul style="list-style-type: none"> Điều quan trọng là phải thực hiện các nghiên cứu về các lĩnh vực trong ngành có liên quan trực tiếp đến phụ nữ. Ví dụ: với An ninh Lương thực trong Nông nghiệp; Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) trong Lâm nghiệp; Quyền và Sức khỏe Tình dục và Sinh sản (SRHR) và Bạo lực Trên Cơ sở Giới trong Ngành Y tế
Phương pháp định tính	Chủ yếu thông qua bảng câu hỏi được thực hiện ở cấp hộ gia đình	<ul style="list-style-type: none"> Việc thu thập dữ liệu tại cấp hộ gia đình để không cho biết sự khác biệt trong nội bộ hộ gia đình. Điều quan trọng là phải đảm bảo sự cân bằng giới ở người trả lời chính trong mỗi hộ gia đình và/hoặc có một phần riêng để nắm bắt quan điểm của phụ nữ trong bảng câu hỏi. Cần xây dựng các bảng câu hỏi, lưu ý các câu hỏi liên quan đến vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ về giới trong ngành đó.
Các phương pháp định lượng	Thường được sử dụng khi kết quả mong muốn không chỉ dừng lại với các kỹ thuật đo lường tiêu chuẩn hoặc phân tích định lượng. Thông tin thu thập được chủ yếu thông qua các cuộc phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính và các cuộc thảo luận nhóm tập trung.	<ul style="list-style-type: none"> Khi tập trung vào các mối quan hệ giới, các nhà nghiên cứu thường muốn bao gồm tất cả các mối liên kết giữa phúc lợi, địa vị, quyền lực và các quy tắc xã hội mà không thể dễ dàng nắm bắt được thông qua việc sử dụng các cuộc khảo sát thông thường. Ví dụ, khái niệm "kiểm soát" mảnh đất bằng một phương thức canh tác nhất định có thể là một khái niệm rất khác với "sở hữu" mảnh đất đó. Để khắc phục điều này, nghiên cứu định tính được sử dụng cho phép người trả lời tự do bày tỏ ý kiến của họ mà không có bất kỳ ràng buộc nào do bảng câu hỏi định sẵn gây ra. Điều quan trọng là phải xác định các chuyên gia về giới trong ngành/lĩnh vực như những người cung cấp thông tin chính để hiểu được các mối quan hệ giới và bối cảnh địa phương.
Phương pháp có sự tham gia	Sử dụng các công cụ và bài tập với cộng đồng trong các nhóm nhỏ hơn để thu thập thông tin ở góc độ phân tích nhiều hơn	<ul style="list-style-type: none"> Việc áp dụng phương pháp luận có sự tham gia của phụ nữ được phân tách theo giới có nghĩa là phụ nữ tham gia vào việc xác định các rào cản và khó khăn mà họ phải đối mặt. Điều quan trọng là phải thực hiện tất cả các thảo luận riêng biệt với các nhóm nam và nữ. Nhóm phụ nữ cũng không nên đồng nhất; Cần có sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ ở mọi nhóm tuổi, trình độ học vấn, chủng tộc và dân tộc, các loại hình nghề nghiệp và khuyết tật. Điều quan trọng là phải xem xét thời gian và địa điểm của cuộc họp. Ví dụ, tổ chức một cuộc họp khi hầu hết phụ nữ bận rộn với công việc gia đình hoặc đồng áng sẽ đồng nghĩa với việc bỏ lỡ họ. Tương tự, việc tổ chức cuộc họp tại một địa điểm tôn giáo có thể khiến phụ nữ thiểu số và/hoặc phụ nữ bị bỏ rơi.
Trình bày số liệu	Dữ liệu chủ yếu được trình bày ở cấp độ tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> Có nhiều cách để trình bày dữ liệu có hàm ý chính sách ở cấp hộ gia đình / cá nhân có xét đến giới. Trong số các phân loại có thể được sử dụng, dữ liệu có thể được phân loại theo i) các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ; ii) hộ gia đình do nam giới làm chủ hộ; và iii) các cặp vợ chồng trong gia đình

ĐÁNH GIÁ KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU (LNOB)

Thực hiện Việc Không để ai lại phía sau (UNSDG 2019) trình bày một phương pháp luận với bộ năm bước để phân tích Không để ai lại phía sau, hành động, giám sát, trách nhiệm giải trình và sự tham gia có ý nghĩa khi áp dụng trong bối cảnh của Hệ thống Liên hợp quốc. Tuy nhiên, khi áp dụng với quan điểm giới, nó có thể là một công cụ rất hữu ích cho các tổ chức của phụ nữ để đảm bảo rằng phụ nữ bao gồm các bộ phận và cộng đồng dễ bị tổn thương nhất. Các bước chính của phương pháp Không để ai lại phía sau là:

BƯỚC 1: Ai đang bị bỏ lại phía sau? Thu thập bằng chứng.

- > Xác định ai đang bị bỏ lại phía sau và theo những cách nào, và ai trong số họ có khả năng là người bị bỏ lại xa nhất.
- > Để đạt được mục tiêu này, tổ chức cần thu thập và phân tích tất cả dữ liệu và thông tin, tiết lộ những khoảng cách và xu hướng giữa các tiểu quần thể và / hoặc các địa phương địa lý.
- > Lấy ý kiến phản hồi và đầu vào đa dạng từ các bên liên quan, bao gồm các nhóm và quần thể bị bỏ lại phía sau

BƯỚC 2: Tại sao? Ưu tiên và phân tích.

- > Tiến hành phân tích nguyên nhân gốc rễ để giải quyết các nguyên nhân gốc rễ và cơ bản của bất bình đẳng, bao gồm bất bình đẳng giới, tính dễ bị tổn thương, nghèo đói, phân biệt đối xử, di dời và loại trừ.
- > Tiến hành phân tích mô hình vai trò để chỉ ra những người chịu trách nhiệm thực hiện hành động.
- > Tiến hành phân tích khoảng cách năng lực để hiểu những lỗ hổng nào ngăn cản người chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của họ; điều gì ngăn cản chủ sở hữu quyền đòi hỏi quyền của họ và cần điều gì để cả hai hành động.

BƯỚC 3: Cái gì? Những gì nên được thực hiện.

- > Xác định những gì nên được thực hiện và bởi ai.
- > Xác định các hành động và biện pháp can thiệp để giải quyết các thách thức, rào cản và khoảng cách năng lực. Các lĩnh vực có thể bao gồm: i) vận động chính sách; ii) tạo môi trường thuận lợi; iii) phát triển năng lực và hỗ trợ xã hội dân sự; iv) trao quyền cho cộng đồng; v) chất lượng và khả năng tiếp cận của các dịch vụ; và vi) quan hệ đối tác bao gồm cả xã hội dân sự.
- > Ưu tiên các hành động, tính đến cam kết giải quyết vấn đề xa nhất phía sau trước.

BƯỚC 4: Làm thế nào? Cách đo lường và giám sát tiến độ.

- > Giúp xác định và ngữ cảnh hóa các chỉ số và mục tiêu LNOB.
- > Sử dụng các cách thức sáng tạo để theo dõi, hình ảnh hóa và chia sẻ thông tin.

BƯỚC 5: Nâng cao trách nhiệm giải trình cho Không để ai lại phía sau

- > Hỗ trợ trách nhiệm giải trình của quốc gia đối với những người bị bỏ lại phía sau bằng cách thúc đẩy việc thu thập và báo cáo các dữ liệu phân tách trong tất cả các hoạt động truyền thông quốc gia liên quan đến biến đổi khí hậu, quyền con người, bình đẳng giới và SDGs.

Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới

Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng có thể nhìn thấy các kết quả phân tích giới được phản ánh trong kế hoạch thực hiện dự án. Quá trình lập dự án phải giải quyết các vấn đề đã đặt ra bằng cách xác định các mục tiêu và mục tiêu, kết quả, hoạt động và ngân sách của dự án. Để đảm bảo rằng những điều này được lồng ghép giới, cần đặt ra những câu hỏi sau (UNDP 2010):

- > Tình hình hiện tại của nam giới và phụ nữ trong lĩnh vực dự kiến can thiệp của bạn như thế nào?
- > Dự án được đề xuất có góp phần vào sự bất bình đẳng hiện có giữa nam và nữ không?
- > Dự án đề xuất có phá vỡ hoặc thách thức sự bất bình đẳng hiện có giữa nam giới và phụ nữ không?
- > Dự án được đề xuất có thay đổi nhận thức hoặc định kiến về nam giới và phụ nữ và vai trò của họ theo bất kỳ cách nào không?
- > Những lựa chọn nào cần được xem xét để củng cố quan điểm về giới?
- > Dự án được đề xuất có đóng góp vào việc trao quyền cho phụ nữ không? Nếu không, liệu có chỗ cho sự can thiệp của một tổ chức làm về giới để góp phần nâng cao vị thế, để không củng cố sự chênh lệch giữa nam và nữ không?

Có hai công cụ phân tích giới cụ thể có thể giúp trình bày rõ hơn những điều trên: i) Thang đánh giá đáp ứng về giới; và ii) Khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp.

Phát triển dự án là một quá trình phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể. Tuy nhiên, có một số lĩnh vực hành động có thể được coi là một phần không thể thiếu của tất cả các hình thức dự án (Aguilar, et al 2015). Chúng bao gồm các hành động:

- > cung cấp quyền tiếp cận và kiểm soát bình đẳng đối với các nguồn lực và thông tin, chẳng hạn như tài liệu đào tạo và truyền thông phù hợp với giới tính và lứa tuổi;
- > đưa ra tiếng nói bình đẳng và đại diện trong việc ra quyết định, chẳng hạn như hạn ngạch cho phụ nữ trong các nhóm quản lý tài nguyên cộng đồng;
- > giảm bớt khối lượng công việc của phụ nữ, chẳng hạn như giới thiệu các công nghệ và công cụ tiết kiệm lao động; và
- > tham gia ở cấp chính sách, chẳng hạn như xem xét các chính sách ngành hiện có để xác định các điểm đầu vào cho việc trao quyền cho phụ nữ

THANG ĐÁNH GIÁ TÍNH TRÁCH NHIỆM GIỚI (GRAS)

Thang đánh giá tính trách nhiệm giới của WHO (GRAS) (WHO 2011) cung cấp các tiêu chí để đánh giá mức độ đáp ứng giới. Dựa trên các khái niệm của Kabeer liên quan đến tính nhạy cảm về giới của các chính sách và chương trình, thang đo phân loại các chính sách và chương trình thành năm cấp độ, từ bất bình đẳng giới đến chuyển đổi về giới, như được thể hiện trong Hình 3-15.

Được sử dụng như một công cụ bổ sung cho công cụ phân tích giới, thang đo giúp thiết kế các dự án đáp ứng về giới. Ví dụ, một chương trình kiểm soát bệnh lao đã áp dụng chiến lược tìm trường hợp chủ động thay cho việc tìm trường hợp thụ động khi phân tích giới cho thấy do thiếu thời gian và tiền bạc nên tỷ lệ phụ nữ đến cơ sở y tế thấp hơn đáng kể. Đây là một ví dụ về việc chuyển từ chương trình mù về giới sang một chương trình cụ thể về giới hoặc 'lồng ghép giới' vào chương trình kiểm soát bệnh lao. Do đó, trong khi phân tích giới sẽ làm nổi bật các nguyên nhân gốc rễ, và các bước có thể được thực hiện để giải quyết những yếu tố này trong chính sách hoặc chương trình liên quan.

HÌNH 3-15: THANG ĐÁNH GIÁ TÍNH TRÁCH NHIỆM GIỚI

CẤP ĐỘ 1: BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo dài tình trạng bất bình đẳng giới bằng cách tiếp tục củng cố chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ bất bình đẳng - Cho nam giới nhiều đặc quyền hơn phụ nữ (hoặc ngược lại) - Thường dẫn đến việc một giới được hưởng nhiều quyền và cơ hội hơn giới còn lại
CẤP ĐỘ 2: MÙ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ qua chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ giới - Thường củng cố sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới - Bỏ qua sự khác biệt trong phân bổ cơ hội và nguồn lực cho phụ nữ và nam giới - Thường được xây dựng dựa trên nguyên tắc 'công bằng' bằng cách đối xử với mọi người như nhau.
CẤP 3: NHẠY CẢM GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới. - Không giải quyết bất bình đẳng tạo ra từ chuẩn mực, vai trò hoặc quan hệ bất bình đẳng - Có chỉ ra nhận thức về giới, mặc dù không xây dựng một hành động mang tính giải pháp nào.
CẤP 4: CỤ THỂ VỀ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới cho phụ nữ và nam giới và ảnh hưởng của chúng đến tiếp cận và kiểm soát nguồn lực. - Xem xét nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới - Chủ định nhằm đến hoặc làm lợi cho một nhóm phụ nữ hoặc nam giới để đạt được một mục tiêu nhất định của chính sách hoặc chương trình, hoặc để đáp ứng các nhu cầu nhất định. - Giúp phụ nữ và nam giới dễ dàng hơn trong việc hoàn thành nhiệm vụ gắn với họ dựa trên vai trò giới.
CẤP 5: CHUYỂN ĐỔI VỀ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới cho phụ nữ và nam giới, và sự ảnh hưởng của chúng đến tiếp cận và kiểm soát nguồn lực. - Xem xét nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới - Giải quyết nguyên nhân của bất bình đẳng sức khỏe trên cơ sở giới - Có đưa ra cách thức để chuyển đổi những chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới tiêu cực - Mục tiêu thường là để thúc đẩy bình đẳng giới. - Có bao gồm chiến lược để thúc đẩy những thay đổi mang tính tiến bộ trong quan hệ quyền lực giữa phụ nữ và nam giới.

Nguồn: (WHO 2011)

KHUNG NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ VÀ GIẢI PHÁP

Khung nguyên nhân, hậu quả và giải pháp là phiên bản tinh gọn của công cụ xây dựng cây giải quyết vấn đề được sử dụng rộng rãi trong các bài tập Đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) và Học tập và Hành động có sự tham gia

(PLA). Năm 2010, nó đã được thiết kế lại như một khung khái niệm dựa trên quy trình để hỗ trợ việc ra quyết định và quản lý các dự án thích ứng bằng cách xác định các giải pháp khác nhau của quá trình thích ứng. Quá trình này có hai giai đoạn chính như được trình bày trong Bảng 3-6:

BẢNG 3-6: PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ	GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH GIẢI PHÁP
<p>Giai đoạn xác định vấn đề là chẩn đoán; và mục đích của nó là xác định vấn đề là gì. Điều này được thực hiện bằng cách xác định các rủi ro liên quan đến các tác động tiềm ẩn của biến đổi khí hậu và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho chúng. Khung chính định hướng các công cụ sẽ được sử dụng là rủi ro. Kiến thức được thu thập và tổng hợp trong thời gian này giúp hiểu, làm chủ và ra quyết định.</p>	<p>Mục đích của giai đoạn giải pháp là xử lý vấn đề. Điều này đạt được thông qua việc xây dựng và thực hiện các hành động thích ứng và là giai đoạn tích cực của quá trình cho đến khi đánh giá cuối cùng của dự án. Định hướng quan trọng cho giai đoạn này là sự đổi mới. Kiến thức được thu thập và tổng hợp trong giai đoạn vấn đề được lồng ghép và sử dụng để giúp các cơ quan hành động, học hỏi và cải thiện.</p>
<ul style="list-style-type: none"> > Vấn đề là gì? > Ai bị ảnh hưởng bởi vấn đề này? > Ai chịu trách nhiệm cho vấn đề này? Làm thế nào họ bị ảnh hưởng bởi vấn đề này? > Các ưu tiên là gì? 	<ul style="list-style-type: none"> > Giải pháp nào có giá trị nhất đối với các bên liên quan? (Hiệu quả chi phí, lợi ích xã hội, bảo toàn.) > Ai sẽ thực hiện hành động? > Ai chịu trách nhiệm về hành động và họ chịu trách nhiệm như thế nào? (Ở cấp độ cá nhân và cấp độ tổ chức) > Có những nguồn lực nào và năng lực của tổ chức thực hiện hành động là gì? > Những rủi ro liên quan đến việc thực hiện hành động này là gì và chúng nên được quản lý như thế nào?

Nguồn: (Young and Jones 2014)

Trong những năm qua, khung phân tích này đã được phát triển thêm và các khía cạnh của nó được tinh chỉnh. Khung này có thể là một công cụ rất hữu ích trong các dự án thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai có trách nhiệm giới trong lĩnh vực phát triển. Các bước quan trọng cần làm bao gồm:

Bước 1: Xác định (các) vấn đề cốt lõi về giới (hoặc bất bình đẳng giới) mà dự án cần giải quyết.

Bước 2: Vẽ cây vấn đề để tìm lại các nguyên nhân có thể gây ra bất bình đẳng giới. Điều này bao gồm ba loại nguyên nhân:

- > Nguyên nhân trước mắt: Ai bị bỏ lại phía sau? Tại sao họ bị bỏ lại phía sau? Những nguyên nhân trực tiếp và rõ ràng nhất là gì?
- > Nguyên nhân cơ bản: Tại sao những điều này xảy ra? Những nguyên nhân cơ bản khác là gì? Tại sao các cộng đồng, đặc biệt là những cộng đồng bị bỏ lại phía sau, không được tiếp cận với các dịch vụ này hoặc các cơ hội/kết quả tương tự?
- > Nguyên nhân gốc rễ/cấu trúc: Tại sao nguyên nhân vấn

đề này lại xảy ra? Những nguyên nhân gốc rễ của vấn đề là gì?

Bước 3: Cây vấn đề nên đưa ra hình ảnh về thông tin thu thập được để xác định các rào cản xã hội, kinh tế hoặc môi trường có liên quan đến việc đạt được các mục tiêu giảm thiểu hoặc thích ứng. (xem Hình 3-16)

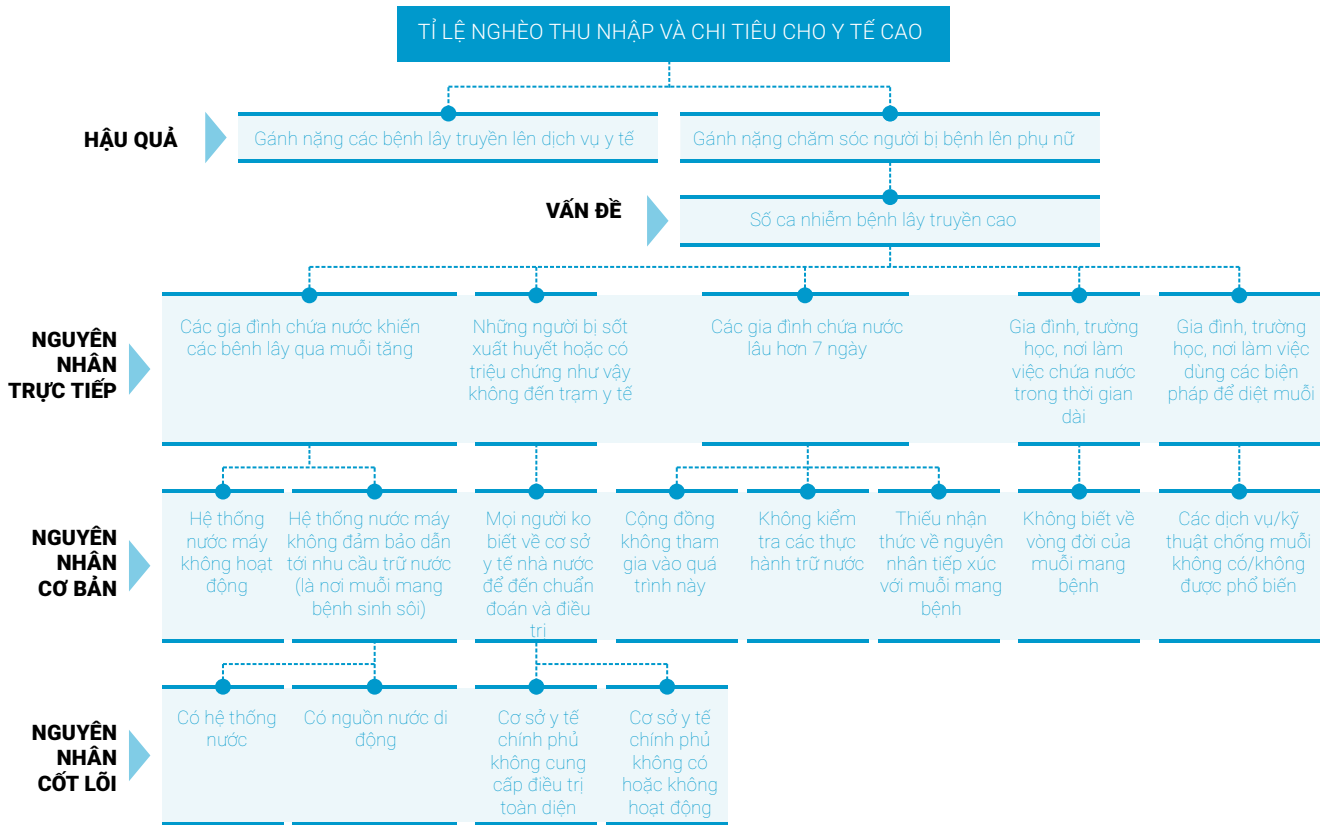
Bước 4: Chuyển cây vấn đề thành các hành động tích cực để phát triển cây giải pháp. Mỗi vấn đề cần có một giải pháp cụ thể. (xem Hình 3-17).

Bước 5: Xác định các kết quả và tác động dự kiến; và chuyển đổi các tác động và kết quả thành các mục tiêu.

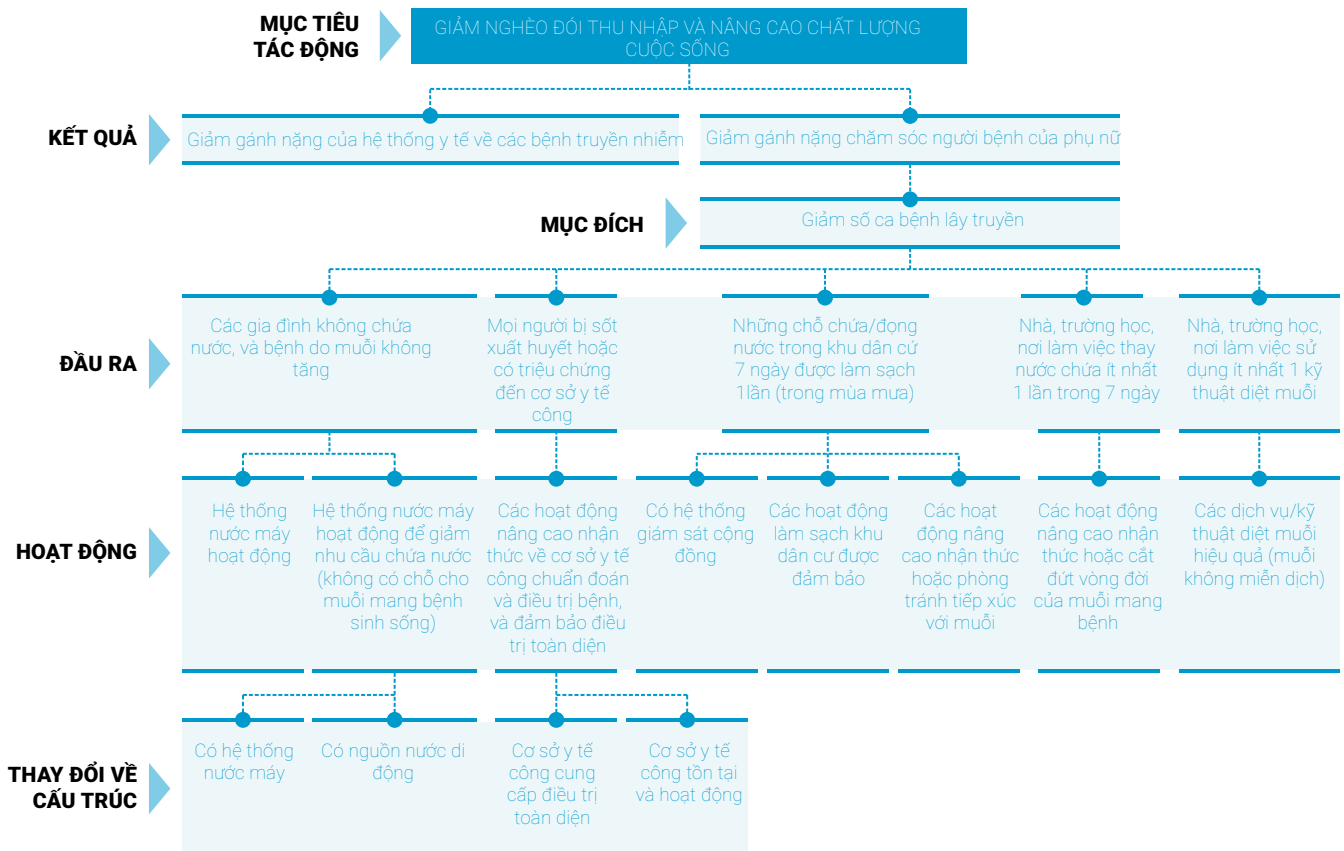
Bước 6: Xác định các chiến lược và hoạt động (các can thiệp và mục tiêu về giới) cần thiết để đạt được các kết quả đầu ra. Đánh giá (các) giải pháp thay thế tốt nhất.

Bước 7: Xác định ai sẽ là người hoặc tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện các chiến lược và hoạt động đã xác định ở trên.

HÌNH 3-16: PHÁT TRIỂN CÂY VẤN ĐỀ



HÌNH 3-17: PHÂN TÍCH CÂY GIẢI PHÁP



GỢI Ý CHO
GIẢNG VIÊN

Việc cung cấp một minh chứng thực tế về công cụ này sẽ dễ dàng hơn là giải thích trên lý thuyết. Tập huấn viên có thể chọn bất kỳ vấn đề giới nào trong lĩnh vực này hoặc yêu cầu học viên xác định một vấn đề mà hầu hết họ đều quen thuộc. Ví dụ ở đây bao gồm “Tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm”

Yêu cầu họ chia sẻ nguyên nhân của vấn đề. Tiếp tục đi xuống ba đến bốn cấp độ, đặt câu hỏi “Tại sao điều này lại xảy ra?” Cấp độ đầu tiên là nguyên nhân tức thời, cấp độ thứ hai là nguyên nhân cơ bản và cấp độ thứ ba là nguyên nhân gốc rễ.

Bây giờ quay lại vấn đề cốt lõi và hỏi “Vậy thì sao?” Tiếp tục đặt hai lần câu hỏi này. Lần đầu tiên là hậu quả tức thì đối với cộng đồng; và lần thứ hai là hệ quả tiếp sau quan trọng. Biểu đồ nguyên nhân và hậu quả này là cây vấn đề của bạn. (xem Hình 3-16)

Xác định giải pháp cho từng vấn đề (nguyên nhân và hậu quả). (xem Hình 3-17). Những giải pháp cho các nguyên nhân cần được đưa vào như là kết quả trực tiếp của dự án; và những giải pháp cho hậu quả tức thời trở thành đầu ra của dự án và giải pháp cho hậu quả ở tầng tiếp theo là mục tiêu của dự án.






Đầu ra cuối cùng cần được trình bày ở định dạng sau, như trong Hình 3-18.

HÌNH 3-18: HÌNH THỨC CỦA ĐẦU RA CUỐI CÙNG

VẤN ĐỀ - MÔ TẢ	GIẢI PHÁP – MÔ TẢ	CÁC CHỈ SỐ	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM
HỆ QUẢ TIẾP THEO	Mục tiêu tác động		
HỆ QUẢ TRỰC TIẾP	Mục tiêu		
VẤN ĐỀ CHÍNH	Mục tiêu		
NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP	Đầu ra		
NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN	Hoạt động		
NGUYÊN NHÂN CỐT LÕI	Chiến lược (hoặc rủi ro)		

*Bạn cũng có thể xác định các đầu ra và kết quả dưới dạng các mục tiêu định lượng và định tính và các chỉ số có trách nhiệm giới để có được một khung Giám sát và Đánh giá công phu.

MÔ-ĐUN 3 PHẦN B:

3:00:00		KHUNG VÀ CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ (THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ)	
TỔNG QUAN 	Vào cuối học phần này, học viên sẽ nắm được kiến thức cơ bản về các công cụ và kỹ thuật lồng ghép giới có thể áp dụng trong toàn bộ chu trình dự án. Họ sẽ hiểu được quy trình từng bước để áp dụng các công cụ này và có thể xác định các công cụ phù hợp nhất để ứng dụng trong công việc của họ.		
NỘI DUNG 	<p>A Quy trình Thực hiện có Nhận thức về Giới</p> <ol style="list-style-type: none"> Phân tích các bên liên quan Sự tham gia có ý nghĩa của người dân và xây dựng thể chế <ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu điển hình quốc gia - Trung Quốc Lập kế hoạch Thích ứng dựa vào Cộng đồng (TUDVCD) Truyền thông và Chia sẻ Kiến thức 	<p>B Giám sát và Đánh giá có Nhạy cảm Giới</p> <ol style="list-style-type: none"> Các chỉ số có Nhận thức về Giới Ma trận giám sát giới <ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu điển hình quốc gia – Myanmar 	
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Giấy A0 và bút > Poster về các công cụ có sự tham gia từ Tài liệu phát tay 13 	<ul style="list-style-type: none"> > Tiền giả > Bảng treo poster trong một không gian mở > Thiết bị để xem phim trên YouTube 	
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ tổng quan và nội dung buổi học.	
	55 phút	Bài trình bày PowerPoint về “Quy trình thực hiện có nhận thức về giới”	
	60 phút	Triển lãm về “Các công cụ và kỹ thuật có sự tham gia” (Xem Bài tập 19 và Tài liệu hướng dẫn 13)	
	30 phút	Trình bày PowerPoint về “Giám sát và Đánh giá có Nhạy cảm Giới”	
	30 phút	Bài tập Xếp hạng theo bánh xe để theo dõi “Không để ai phía sau” (Xem Bài tập 20 và Tài liệu phát tay 14)	
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu phiên bằng cách chia sẻ tổng quan và nội dung. Chia sẻ với học viên rằng học phần này sẽ chuyển sang các giai đoạn thực hiện, giám sát và đánh giá của chu trình dự án. Xây dựng bài trình bày PowerPoint về “Quy trình thực hiện có nhận thức về giới” bao gồm phân tích các bên liên quan, sự tham gia có ý nghĩa, xây dựng thể chế của người dân, lập kế hoạch dựa vào cộng đồng, truyền thông và chia sẻ kiến thức. Các phần thảo luận cung cấp các ví dụ từ các vấn đề chung của cuộc sống để giúp học viên kết nối tốt hơn. Làm cho buổi học trở nên hấp dẫn hơn bằng cách yêu cầu học viên chia sẻ kinh nghiệm của riêng họ liên quan đến bối cảnh. Đừng đưa ra nhận xét trừ khi có điều gì đó hoàn toàn nằm ngoài ngữ cảnh. Khuyến khích mọi người lên tiếng - bạn cần đảm bảo rằng vào cuối buổi, tất cả những người tham gia đã chia sẻ ít nhất một ví dụ. Ngoài ra, hãy xem video Amrai Pari - BBC Media Action giữa các phần trình chiếu. (Xem mẹo của huấn luyện viên). Trong phần Lập kế hoạch dựa vào cộng đồng, hãy nói với họ rằng họ sẽ được tiếp xúc với một số công cụ trong bài thực hành.</p> <p>Phần tiếp theo là một bài thực hành rất hấp dẫn về Xây dựng Triển lãm về “Các công cụ và kỹ thuật có sự tham gia” (Xem Bài tập 19 và Tài liệu phát tay 13). Hãy chắc chắn rằng bạn đã thuộc lòng những bài tập từ trước và cũng đã xác định được những người tình nguyện tham gia. Những người tình nguyện có thể từ nhóm ban tổ chức. Nếu có thể, hãy cố gắng đưa học viên ra bên ngoài phòng học, hoặc sắp xếp bàn ghế gọn gàng để có đủ không gian. Đảm bảo rằng các poster được in màu trên giấy khổ A3 (hãy thử ép chúng và bảo quản đúng cách để sử dụng trong tương lai). Đây thường là một học phần đòi hỏi nhiều năng lượng, do đó, tốt nhất là bạn nên xếp nó sau bữa trưa. Bạn có thể triển khai phần này trước bài trình bày về quá trình thực hiện có nhận thức giới để điều chỉnh theo thời gian.</p> <p>Tiếp theo là bài thuyết trình PowerPoint về “Theo dõi và đánh giá có nhạy cảm giới” và bài tập Xếp hạng bánh xe để theo dõi nguyên tắc “Không để ai phía sau”. (Xem Bài tập 20 và Tài liệu phát 14).</p>		

Quy trình thực hiện có nhận thức về giới

Giai đoạn thực hiện hoặc triển khai của một dự án thường là giai đoạn dài nhất và quan trọng nhất về mặt lồng ghép giới. Các dự án được thiết kế có trách nhiệm giới tốt nhất không thể mang lại kết quả mong muốn nếu các quá trình thực hiện không có nhận thức về giới. Điều này đòi hỏi ba bước chính:

- i) Duy trì quan hệ đối tác với tất cả các bên liên quan chính để đảm bảo “quyền sở hữu”;
- ii) Sự tham gia có hiệu quả cả nam giới và phụ nữ vào tất cả các quá trình; và
- iii) Đảm bảo truyền thông và chuyển giao kiến thức thích hợp để nâng cao năng lực của nam giới và phụ nữ.

PHÂN TÍCH CÁC BÊN LIÊN QUAN/ĐỐI TÁC

“Bên liên quan” là “bất kỳ cá nhân, nhóm hoặc tổ chức nào có lợi ích nhất định trong khu vực dự án và / hoặc những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án và họ được hoặc mất điều gì đó nếu hoàn cảnh thay đổi hoặc giữ nguyên” (WWF 2005). Cần xem xét sự tham gia của tất cả các bên liên quan để đạt được các mục tiêu của dự án. Phân tích các bên liên quan xác định tất cả phụ nữ và nam giới có quan tâm đến các vấn đề của dự án hoặc chính sách. Phân tích các bên liên quan thường được sử dụng tại giai đoạn thiết kế của dự án để đảm bảo hiểu rõ các vai trò khác nhau của phụ nữ và nam giới. Tuy nhiên, nó cũng có thể rất hữu ích trong giai đoạn thực hiện đối để:

- i) Cơ cấu lại các hoạt động để đảm bảo sự tham gia bình đẳng và có ý nghĩa của nam giới và phụ nữ ở tất cả các cấp;
- ii) Phát triển các hệ thống truyền thông và đào tạo để phụ nữ và nam giới có cơ hội hưởng lợi bình đẳng từ dự án;
- iii) Xây dựng các kế hoạch dựa vào cộng đồng để đảm bảo ghi nhận thỏa đáng sự đóng góp của cả phụ nữ và nam giới trong việc xác định khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực;
- iv) Trên hết, nó giúp xác định ai, như thế nào và khi nào các bên liên quan là phụ nữ và nam giới nên tham gia vào các hoạt động của dự án.

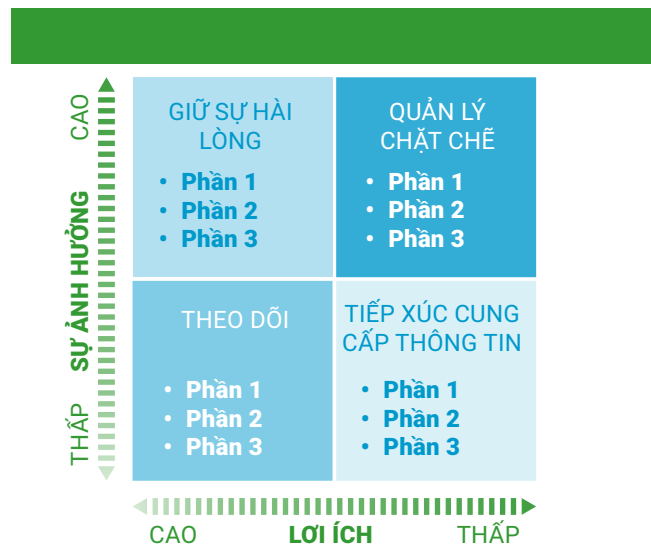
Dưới đây là hai bước chính để thực hiện phân tích các bên liên quan có nhạy cảm về giới:

Bước 1. Xác định các bên liên quan chính và lợi ích của họ.

Xác định tất cả các bên liên quan bằng việc sử dụng câu hỏi “Ai là người phụ thuộc nhiều nhất vào các nguồn lực liên

quan, phụ nữ hay nam giới?” như một câu hỏi hướng dẫn. Tìm hiểu kỹ về từng nhóm liên quan bằng cách hỏi:

- Ai đang quản lý các nguồn lực? kết quả là gì?
- Ai là những phụ nữ và nam giới có hiểu biết tốt nhất và có khả năng đối phó tốt với các nguồn lực đang bị đe dọa?
- Những hoạt động thích ứng mà các nhóm nam và nữ khác nhau đề xuất là gì? Để làm gì?
- Đối với mỗi hoạt động thích ứng hoặc giảm thiểu được đề xuất, các bên liên quan là ai? Sự liên đới trực tiếp của họ như thế nào? Mối quan hệ lịch sử của họ với các hoạt động này là gì?
- Có phân cấp xã hội không? Những ai có vị trí quyền lực trong hệ thống phân cấp?
- Có xung đột giữa các bên liên quan không? Có quan hệ đối tác không?
- Các bên liên quan khác nhau nhận thức như thế nào về các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu?
- Họ nhận thức như thế nào về lợi ích của các hoạt động giảm thiểu và thích ứng?
- Làm thế nào để cân bằng nhu cầu ngắn hạn và dài hạn của các bên liên quan khác nhau?
- Nam giới và phụ nữ có được hưởng lợi như nhau không?
- Nam giới và phụ nữ ở các nhóm thu nhập khác nhau có được hưởng lợi như nhau không?
- Sự tham gia của phụ nữ có được đảm bảo không? Sự tham gia của các nhóm yếu thế khác có được đảm bảo không? Bởi ai?
- Việc tiếp cận thông tin có được đảm bảo không? Bởi ai?
- Có sáng kiến tương tự trong khu vực không? Nếu có, nó đã thành công ở mức độ nào? Ai là người chịu trách



Nguồn: Mendelow (1991).

GỢI Ý CHO
GIÁNG VIÊN

Dùng các ví dụ ở đây - chẳng hạn như các dự án lâm nghiệp cộng đồng - và thực hiện phân tích của các bên liên quan trong quá trình thực hiện. Bắt đầu với việc xác định các bên liên quan chính - nam giới chủ đất, phụ nữ trong các gia đình chủ đất, đàn ông không có đất, phụ nữ không có đất, già làng, cộng đồng người chăn nuôi, trưởng thôn, bảo vệ rừng, cán bộ lâm nghiệp, cán bộ thuế, nhân viên y tế thôn bản, nhóm bản địa, dân tộc thiểu số và những người khác. Hỏi các học viên xem bên liên quan nào sẽ được xếp vào ô nào và tại sao.

nhệm và các bên liên quan là phụ nữ và nam giới ở địa phương phản ứng như thế nào?

Bước 2. Phân tích các bên liên quan và hoàn thiện các chiến lược để thu hút họ.

Phân tích danh sách các bên liên quan, phân nhóm theo mức độ quan tâm và ảnh hưởng của họ trong dự án. Bước tiếp là xác định cách thức thu hút sự tham gia của các bên liên quan khác nhau và tương tác với các bên liên quan này. Các nhóm khác nhau cần được tham gia theo những cách khác nhau dựa trên vị trí của họ trong ma trận các bên liên quan. (Xem Hình 3-19).

SỰ THAM GIA CÓ Ý NGHĨA VÀ SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ CỦA NGƯỜI DÂN

Sự tham gia được khái niệm là sự tham gia của cộng đồng vào việc lập kế hoạch, ra quyết định, giám sát và đánh giá. Sự tham gia thường được coi là một cách thức để “xây dựng sự đồng thuận của cộng đồng”, nó có thể mang ý nghĩa lớn hơn như một phương thức giao tiếp hai chiều, nơi thông tin được trao đổi dưới hình thức đối thoại hoặc thương lượng và nơi các quy trình được thiết kế để “Cùng học hỏi hoặc Đồng quản lý”. Sự tham gia có ý nghĩa cho phép phân tích và ưu tiên nhu cầu tốt hơn, chất lượng thông tin và quyết định cao hơn cũng như áp dụng các hành động sáng suốt hơn.

Sự tham gia của tất cả các bên liên quan không chỉ làm tăng lòng tin của công chúng mà còn thúc đẩy quá trình học hỏi xã hội sâu sắc hơn và cùng tạo ra kiến thức. Tuy nhiên, điều quan trọng là việc xác định các cách thức và nền tảng phù hợp cho sự tham gia của tất cả các bên liên quan. Quy trình tham vấn của người dân và các tổ chức của người dân thường được coi là hai chiến lược phù hợp nhất

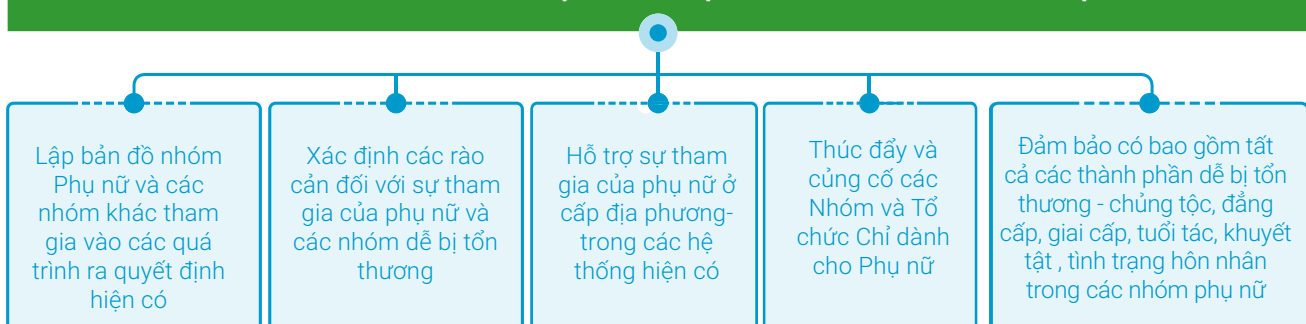
cho việc này, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Những điều này đều mang tính quy luật – nó mang lại cho mọi người quyền dân chủ để tham gia vào quá trình ra quyết định - và cũng mang đến không gian cho sự tham gia sâu sắc và các quyết định có chất lượng cao hơn (xem hộp).

Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động (BPfA) cũng như Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) đã nhấn mạnh sự cần thiết của sự bao gồm và sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các quá trình công này. Tuy nhiên, với địa vị xã hội thấp hơn của phụ nữ

6 cấp độ của sự tham gia theo Agarwal:

1. Tham gia trên danh nghĩa đề cập đến việc một nhóm có tư cách thành viên mà không có bất kỳ sự tham gia nào;
2. Tham gia thụ động là tình huống phụ nữ tham dự các cuộc họp và chỉ lắng nghe các quyết định mà không thực sự nói lên mối quan tâm của họ;
3. Tham gia tư vấn là khi phụ nữ được hỏi ý kiến trong một số vấn đề cụ thể mà không có bất kỳ đảm bảo nào về việc ý kiến của họ ảnh hưởng đến quyết định cuối cùng;
4. Tham gia theo hoạt động cụ thể đề cập đến một tình huống trong đó phụ nữ được yêu cầu (hoặc tình nguyện) thực hiện các nhiệm vụ cụ thể;
5. Tham gia tích cực là khi phụ nữ bày tỏ ý kiến của mình, dù có được trưng cầu hay không và đưa ra các sáng kiến khác nhau;
6. Mức độ cao nhất là sự tham gia mang tính tương tác trong đó phụ nữ có khả năng nói, ảnh hưởng và thực hiện các quyết định.

HÌNH 3-20: CHIẾN THỨC LƯỢC ĐỂ ĐẨY SỰ THAM GIA CÓ Ý NGHĨA CỦA PHỤ NỮ



ở hầu hết các xã hội châu Á, cần có những can thiệp cụ thể để tạo ra một môi trường thuận lợi nhằm đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ trong việc thực hiện dự án.

Điều này liên quan đến các chiến lược cụ thể, bao gồm lập bản đồ các cấu trúc quản trị hiện có để tìm hiểu cách thức nam giới, phụ nữ và các nhóm có nguy cơ khác nhau, bao gồm cả trẻ em gái vị thành niên và phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, tham gia vào quá trình ra quyết định. Các cuộc đánh giá cũng cần xem xét các rào cản và cơ hội để tăng cường sự tham gia của phụ nữ và xác định các chiến lược có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc này. Cần phải hiểu rằng không phải tất cả các quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của phụ nữ đều được đưa ra ở cấp độ chính thức và công khai. Có thể cho rằng, "hỗ trợ sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ ở cấp địa phương, cả trong việc thực hiện và ra quyết định, là rất quan trọng vì ở cấp độ này, nhiều quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của phụ nữ đang được thực hiện".

Các tổ chức của phụ nữ thường có tính chất phi chính thức, thúc đẩy hành động tập thể. Những điều này vẫn rất quan trọng trong những thập kỷ vừa qua như là những cách thức quan trọng để đối phó với các khuynh hướng loại trừ phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng. Hỗ trợ các nhóm phụ nữ hiện có và khuyến khích hình thành các nhóm mới giúp phụ nữ tiếp cận với việc ra quyết định và quá trình chính trị cũng như tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau của phụ nữ là rất quan trọng đối với các hành động Biến đổi khí hậu và Giảm thiểu rủi ro thiên tai (CCDRR) có trách nhiệm giới.

Tuy nhiên, việc hình thành và củng cố các nhóm phụ nữ là chưa đủ. Cũng cần tham khảo ý kiến của phụ nữ về tất cả các vấn đề liên quan đến dự án, cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định và quan trọng nhất là xây dựng kỹ năng lãnh đạo và đàm phán để họ áp dụng trong cơ quan đại diện và tiếng nói của họ trong cộng đồng.

Chiến lược quan trọng phải là sử dụng các nhóm phụ nữ này như một cách thức để nâng cao kiến thức và kỹ năng lãnh đạo của phụ nữ. Các nhà lãnh đạo mới nổi nên được đưa vào các nhóm và tổ chức ra quyết định chính thống ở địa phương, để phụ nữ có thể có tiếng nói và ảnh hưởng đến tất cả các quyết định GNRRTT/BĐKH và quản lý nguồn lực ở cấp địa phương.

Tuy nhiên, khía cạnh quan trọng nhất của sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ là không để ai bị bỏ lại phía sau. Điều quan trọng là phải hiểu rằng phụ nữ không phải là một cộng đồng đồng nhất. Phải đảm bảo sự đa dạng và hòa nhập của tất cả phụ nữ bị thiệt thòi, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tầng lớp, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng hôn nhân. Đặc biệt, trẻ em gái vị thành niên phải được lắng nghe trong tất cả các quyết định về GNRRTT/BĐKH. Sự hòa nhập của phụ nữ khuyết tật cũng rất quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh GNRRTT. Có thể cần phải có những hành động cụ thể để tạo điều kiện cho phụ nữ khuyết tật tham gia. Ví dụ, các địa điểm họp/ hội thảo có thể tiếp cận được không và/hoặc có yêu cầu phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu hay không.

PHỤ NỮ TRONG ỦY BAN THẨM HỌA THÔN BẢN (VDCS): MỘT NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TỪ TRUNG QUỐC

Dự án Chuẩn bị cho Thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDP) do Văn phòng Quảng Tây (GXRC) của Hiệp hội Chữ thập đỏ Trung Quốc được thực hiện với sự hợp tác của Hội Chữ thập đỏ Úc (ARC). Dự án nhằm cung cấp các hoạt động đào tạo ứng phó với thiên tai và giảm nhẹ rủi ro với hy vọng cải thiện khả năng chống chịu của các cộng đồng làng xã trước thiên tai. Dự án nhấn mạnh vào sự tham gia của phụ nữ trong các quá trình ra quyết định của dự án đã có tác động tích cực đến nhận thức về vai trò của phụ nữ trong cộng đồng.

Khi thành lập các Ủy ban Thẩm họa thôn bản (VDC), khuyến khích sự tham gia của phụ nữ bằng cách yêu cầu ít nhất 40% đại diện là nữ giới. Các ủy ban này giám sát việc lập kế hoạch và thực hiện dự án; và các thành viên của nó đã được bầu trong cuộc họp đại diện dân làng. Nhờ sự tham gia của phụ nữ vào Ủy ban Thẩm họa, cả phụ nữ và nam giới trong làng nhận thức rõ hơn về những đóng góp của phụ nữ đối với lĩnh vực công. Trong một lần thảo luận nhóm tập trung, một người dân nam nói: "Đã mấy chục năm ở làng chúng tôi không có trưởng thôn là phụ nữ. Lần cuối cùng là vào những năm 1970 trong cuộc Cách mạng Văn hóa. Phụ nữ có khả năng trở thành người lãnh đạo".

Đồng thời, việc thay đổi các chuẩn mực giới và vai trò giới truyền thống là điều không dễ thực hiện. Khả năng đóng vai trò tích cực của phụ nữ trong Ủy ban thẩm họa thôn phụ thuộc vào trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc, mối quan hệ với những người dân khác trong thôn cũng như thái độ và sự hợp tác của các thành viên khác trong Ủy ban thẩm họa. Ở một số cộng đồng, phụ nữ đã từ bỏ các ưu tiên của riêng họ trong các cuộc thảo luận chính thức về việc ra quyết định do văn hóa và quan điểm về sự thống trị truyền thống của nam giới. Ở nhiều làng, phụ nữ được tổ chức thành các nhóm riêng biệt - thường thông qua quy trình Đánh giá Năng lực và Tính dễ bị tổn thương (VCA) - nhằm giúp họ có thêm tiếng nói và giải quyết các mối quan tâm của họ.

Cách tiếp cận chủ động của dự án cho vấn đề đại diện cân bằng giới hơn đã góp phần xác định các vai trò cụ thể của nam giới và phụ nữ trong ứng phó với thiên tai, tăng cơ hội cho phụ nữ có được các kỹ năng mới có giá trị có thể mang lại lợi ích cho gia đình và cộng đồng của họ và được công nhận nhiều hơn về các vai trò quan trọng mà phụ nữ có thể đóng vai trò trong quản lý thiên tai. Để đảm bảo sự tham gia cân bằng giới, dự án đã đặt ra mục tiêu bình đẳng giữa nam và nữ trong việc tuyển dụng các tình nguyện viên của dự án và những người sẽ được đào tạo về chuẩn bị và sơ cứu trong thiên tai. Điều này gần như đã đạt được với tỷ lệ phụ nữ tham gia là 40%.

Các tình nguyện viên đóng một vai trò quan trọng: i) dẫn dắt các tập huấn; ii) phổ biến các tài liệu giáo dục và truyền thông; iii) tổ chức diễn tập ứng phó với thiên tai; và iv) cung cấp dịch vụ tiếp cận tới tận các gia đình. Các nữ tình nguyện

viên cũng đóng vai trò tích cực trong việc vận động các phụ nữ khác trong cộng đồng. Ủy ban thảm họa thôn đã giao cho các tình nguyện viên các nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với thảm họa và thiên tai cụ thể tùy theo thể lực và lĩnh vực chuyên môn của họ. Ví dụ, nam tình nguyện viên được giao phụ trách điều phối ứng phó khẩn cấp và bảo vệ người già và người khuyết tật, trong khi tình nguyện viên nữ chịu trách nhiệm truyền thông và tư vấn tâm lý. Sự phân chia nhiệm vụ này được coi là phản ánh vai trò bổ sung của nam giới và phụ nữ trong cộng đồng.

Đặc biệt, phụ nữ nhận thấy các khóa đào tạo của dự án rất thiết thực, áp dụng những kiến thức mới vào việc chăm sóc gia đình và phục vụ cộng đồng. Ở một ngôi làng, phụ nữ thậm chí còn tổ chức một cuộc thi đố vui về khả năng ứng phó với thiên tai nhân kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ. Sự kiện thu hút phụ nữ và nam giới từ cộng đồng và giới truyền thông địa phương. Những sự kiện này làm tăng vai trò hiện hữu của phụ nữ với tư cách là một đối tác trong cộng đồng. Cả nhân viên văn phòng Chữ thập đỏ Quảng Châu và các thành viên cộng đồng, bao gồm cả trưởng thôn và nam dân làng, đã nhận ra tầm quan trọng của các tình nguyện viên nữ. Tuy nhiên, một số phụ nữ đề cập đến sự cần thiết phải tạo ra nhiều động lực và cơ hội hơn cho phụ nữ lớn tuổi tham gia tình nguyện. Phụ nữ có xu hướng không còn năng động như nam giới khi họ già đi do phải gánh vác nhiều việc nhà và công việc chăm sóc.

Nguồn: (IFRC 2020)

ĐIỂM THẢO LUẬN

Yêu cầu các học viên xác định các hoạt động chính trong nghiên cứu điển hình đã giúp thúc đẩy sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ.

Gợi ý cho giảng viên

- > 40% đại diện cho phụ nữ trong các Ủy ban Thảm họa thôn bản (VDCs)
- > Tổ chức các nhóm riêng chỉ dành cho phụ nữ
- > Tình nguyện viên đặc biệt là tình nguyện viên nữ
- > Đào tạo thực tế và cơ hội để phụ nữ có được sự hiện diện tại địa phương

LẬP KẾ HOẠCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CÓ LÒNG GHÉP GIỚI

Một chiến lược quan trọng khác để thúc đẩy việc thực hiện dự án GNRRTT/BĐKH là khi cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ, được trang bị các công cụ cần thiết và được tạo điều kiện để tự đánh giá tính dễ bị tổn thương và xây dựng kế hoạch thích ứng. Đây là một quá trình lặp đi lặp lại cho phép phụ nữ được cung cấp thông tin nhiều hơn và có tiếng nói có ý nghĩa hơn và quyền sở hữu đối với các quyết định thích ứng ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Có sẵn một số bộ công cụ lập kế hoạch thích ứng và đánh giá tính dễ bị tổn thương có sự tham gia (xem Tài liệu 13).

Tuy nhiên, điều quan trọng là đảm bảo rằng các quá trình lập kế hoạch thích ứng dựa vào cộng đồng được lồng ghép giới. Điều này đòi hỏi các biện pháp can thiệp cụ thể bao gồm đảm bảo rằng;

- a) Phụ nữ là thành viên của nhóm đánh giá và lập kế hoạch. Điều này được yêu cầu ở hai cấp độ - cấp độ tổ chức và cấp độ cộng đồng. Phụ nữ cộng đồng nói riêng cũng cần được đào tạo không chỉ về các công cụ và quy trình mà còn về các kỹ năng hỗ trợ.
- b) Toàn bộ nhóm điều hành được đào tạo về giới. Điều này không chỉ quan trọng để đảm bảo rằng nhóm điều hành nhận thức được việc đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của phụ nữ vào quá trình này mà còn để hướng dẫn quá trình đưa các mối quan tâm về giới và các vấn đề của phụ nữ lên hàng đầu.
- c) Phụ nữ là một phần của quá trình tham vấn và lập kế hoạch. Điều này liên quan đến việc đảm bảo rằng hầu hết các công cụ được tiến hành riêng biệt với các nhóm phụ nữ.
- d) Thực hiện phân tích giới sử dụng Khung Moser hoặc Harvard như một phần của đánh giá tính dễ bị tổn thương với cả nam giới và phụ nữ để giúp cộng đồng hiểu được các mối quan tâm về giới trong GNRRTT/BĐKH và lập kế hoạch cho vấn đề này.

Bảng 3-7 trình bày các nguyên tắc chính của quá trình lập kế hoạch Thích ứng dựa vào cộng đồng và các cấu phần giới của nó.

BẢNG 3-7: CÁC NGUYÊN TẮC CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

NGUYÊN TẮC	CÁC CẤU PHẦN CƠ BẢN	CÁC CẤU PHẦN VỀ GIỚI
TỪ DƯỚI LÊN VÀ CÓ SỰ THAM GIA	Cộng đồng đóng một vai trò quan trọng trong việc phân tích vấn đề, xác định và ưu tiên giải pháp.	Phụ nữ là một phần không thể thiếu của cộng đồng và họ cần tham gia một cách có ý nghĩa vào tất cả các quá trình lập kế hoạch.
DỰA TRÊN CÁC NGUỒN LỰC ĐỊA PHƯƠNG	Điều quan trọng là phải xây dựng dựa trên thế mạnh hiện có và nguồn lực sẵn có của cộng đồng.	Phụ nữ không chỉ gắn bó chặt chẽ với các nguồn tài nguyên thiên nhiên và cơ sở hạ tầng mà họ còn có những ưu tiên khác nhau trong việc sử dụng và duy trì nó.
KẾT HỢP KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG VÀ KHOA HỌC VÀ ĐỒNG SÁNG TẠO CÁC GIẢI PHÁP	Tích hợp kiến thức địa phương cùng với thông tin khoa học và kết quả nghiên cứu giúp đảm bảo xây dựng các kế hoạch hành động thích ứng mạnh mẽ, phù hợp với địa phương.	Phụ nữ là nguồn cung cấp kiến thức địa phương quan trọng cho cả các hoạt động sản xuất và sống còn. Họ cũng có các tiêu chí khác nhau để lựa chọn các phương án thích ứng.
ĐỐI THOẠI HỢP TÁC VÀ HỌC TẬP LẪN NHAU	Tạo không gian cho đối thoại và học tập lẫn nhau giữa cộng đồng và các bên liên quan khác bao gồm chính quyền địa phương, nhà nghiên cứu và doanh nghiệp xã hội.	Phụ nữ ở mọi lứa tuổi và hoàn cảnh kinh tế xã hội cần được tham gia vào quá trình này. Diễn đàn cung cấp tiếng nói cho các mối quan tâm về giới.
LINH HOẠT VÀ THEO BỐI CẢNH CỤ THỂ	Các kế hoạch này cần được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của địa phương, phù hợp với bối cảnh nhất và có thể dễ dàng được điều chỉnh để phù hợp với các mục tiêu cụ thể, trọng tâm ưu tiên của ngành và các nguồn lực sẵn có để thực hiện quá trình này.	Được điều chỉnh cho phù hợp với các lĩnh vực mà có thể giải quyết các nhu cầu thiết thực của phụ nữ và cung cấp các nguồn lực cho phụ nữ. Tính linh hoạt ở cấp địa phương cũng tạo điều kiện cho sự liên kết giữa các ngành tốt hơn nhằm giải quyết các mối quan tâm về giới
TÀI LIỆU HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG	Tính phù hợp với địa phương làm tăng mức độ quan tâm và củng cố tăng cơ hội để tiếp tục hoạt động. Trở thành điểm khởi đầu cho các hoạt động nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi.	Có thể được giao tiếp bằng ngôn ngữ địa phương và bằng các phương tiện và hình thức giúp tiếp cận với mọi người, đặc biệt là phụ nữ mù chữ và phụ nữ khuyết tật.
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	Điều quan trọng nữa là xác định các chỉ số và cơ chế theo dõi để theo dõi tiến độ thực hiện các kế hoạch. Cần được thiết kế một hệ thống Giám sát và Đánh giá (M&E) để mọi thông tin và kiến thức mới có thể được đưa vào các kế hoạch và hoạt động.	Cần tập trung cụ thể vào việc giám sát ai là người đưa ra các quyết định thực hiện chính, ai là người kiểm soát quá trình, ai được lợi và ai bị bỏ sót trong quá trình thực hiện. Cần giám sát sự tham gia của tất cả phụ nữ, những người LGBTIQ không phân biệt giai cấp, đẳng cấp, dân tộc, tuổi tác, tình trạng khuyết tật của họ, và những người khác.

Nguồn: ứng dụng từ (Care Vietnam 2015)

TRUYỀN THÔNG VÀ CHIA SẺ KIẾN THỨC

Nghiên cứu (Carmin và các cộng sự, 2013) cho thấy rằng sự tham gia của người dân, sự hòa nhập và tham gia bình đẳng, kết hợp với sự cân nhắc kỹ lưỡng và thuyết phục có thể giúp thúc đẩy hành động hợp pháp và hiệu quả trong các trường hợp không chắc chắn và phức tạp. Điều này đòi hỏi sự hợp tác của nhiều bên liên quan và các khuôn khổ có thể tạo điều kiện cho việc chuyển giao kiến thức chéo, nhằm giúp hỗ trợ việc cân nhắc và ra quyết định. Một khuôn khổ như vậy được Revi và cộng sự (2014) đề xuất và được IIED (2015) điều chỉnh (Hình 3-21).

Do đó, các tổ chức xã hội dân sự và chính quyền địa phương cần áp dụng các chiến lược truyền thông sáng tạo để thực sự tạo ra sự thay đổi hành vi, đặc biệt là ở cấp cộng đồng. Trong khoảng một thập kỷ qua, sự hiểu biết ngày càng tăng về truyền thông thay đổi hành vi cùng với tiến bộ công nghệ đã dẫn đến việc triển khai nhiều dự án thí điểm về thay đổi hành vi, đặc biệt là liên quan đến GNRTT/BDKH, ở Nam và Đông Nam Á. Trong Bảng 3-8, chúng tôi tập hợp một số ví dụ về các công cụ truyền thông có thể giúp tiếp cận các cộng đồng, cả nam giới và phụ nữ, để tạo ra thay đổi cơ bản về định kiến và chuẩn mực giới cũng như thay đổi hành vi để quản lý biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai.

HÌNH 3-21: MỐI LIÊN QUAN LẦN NHAU GIỮA CÁC ĐỐI TÁC KHÁC NHAU TRONG HỢP TÁC ĐA BÊN



Nguồn: IPCC-AR5 (2014c); Alam, Rahman and Alam (2015).

Tuy nhiên, chỉ chuyển giao kiến thức không bao giờ có thể tạo ra sự thay đổi hành vi. Tính không chắc chắn của Rủi ro khí hậu và các chuẩn mực giới tồn tại nhiều năm trong các điều kiện xã hội đã nuôi dưỡng các hành vi bất quy tắc này thì ngay cả khi được xử lý một cách hợp lý vẫn có thể không dẫn đến hành động. Giải quyết các mối quan tâm về giới trong GNRTT/BDKH liên quan đến một sự khác biệt nổi bật so với các hành động tinh thần và thể chất hiện tại của chúng ta. Thông thường, sự thay đổi hành vi của con người như vậy chỉ có thể xảy ra khi có sự ép buộc hoặc sợ hãi, hoặc khi có động cơ thay đổi rõ ràng.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Thêm các liên kết web của các công cụ được chọn từ bảng bên cạnh vào bài trình bày của bạn và mở trang web để học viên có ý tưởng tốt hơn về công cụ. Ngoài ra, cũng sẽ rất tốt nếu cho học viên xem một đoạn video ngắn về tác động của Amrai Pari đối với Bangladesh - BBC Media Action, có tại https://www.youtube.com/watch?v=4aNdQz_LQgI và / hoặc về chương trình có tại <https://www.youtube.com/watch?v=dVJ-UjM1ERk>. Video giải thích tầm quan trọng của việc sử dụng các công nghệ truyền thông sẵn có, đặc biệt là các công cụ trực quan để hành động vì khí hậu

BẢNG 3-8: VÍ DỤ VỀ CÔNG CỤ TRUYỀN THÔNG

CÔNG CỤ TRUYỀN THÔNG	MÔ TẢ	VÍ DỤ VỀ VIỆC SỬ DỤNG
Hiệu ứng đồng đẳng và mạng lưới khuyến khích thay đổi hành vi thông qua phương pháp tiếp cận trung tâm kiến thức và lời nói:	Phụ nữ và trẻ em gái ở địa phương được đào tạo để trở thành “trung tâm” kiến thức lan tỏa khắp cộng đồng thông qua các cuộc gặp gỡ trực tiếp và thuyết phục thường xuyên. Phương pháp tiếp cận này hiệu quả vì phụ nữ liên hệ trực tiếp với đồng nghiệp của họ về thông tin áp dụng trực tiếp cho họ và những người xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> > Đối tác khả năng phục hồi toàn cầu, Quỹ nhà Mahila Sewa ở Ấn Độ, Bangladesh và Nepal
Các trò chơi liên quan đến biến đổi khí hậu và hành động chống chịu:	Học thông qua trò chơi: đổi mới phương pháp dạy-học giúp người lớn học thông qua các trải nghiệm và lấy con người làm trung tâm. Nó cũng phát triển các kỹ năng lãnh đạo của phụ nữ và tạo cho phụ nữ một tư duy tích cực “có thể làm được”. Có thể đặc biệt hữu ích trong việc thu hút thanh thiếu niên và trẻ em gái.	<ul style="list-style-type: none"> > Hành động để Thích ứng, Trung tâm Khí hậu Chữ thập đỏ > Trò chơi Rắn và Bậc thang, Quỹ nhà Mahila Sewa ở Ấn Độ > Ecofunopoly ở Indonesia
Giám sát do cộng đồng lãnh đạo / Khoa học công dân và báo chí:	Tạo ra các hệ thống trong cộng đồng để thu thập thông tin thời tiết và dữ liệu khí hậu theo thời gian thực, đồng thời chia sẻ với nhau để theo dõi sự thay đổi và tính dễ bị tổn thương cũng như có hành động kịp thời. Các CSO đã thử nghiệm với các hệ thống như nhiệt độ và lượng mưa, và cả số lượng và chất lượng nước, các bệnh lây truyền, lũ lụt và ngập úng.	<ul style="list-style-type: none"> > Hệ thống Cảnh báo Sớm Thông tin Y tế (HIEWS), một ứng dụng trực tuyến cho phép báo cáo các trường hợp sốt xuất huyết có sự tham gia của cộng đồng như một phần của ACTIVE, Mercy Corps, Indonesia > Các bác sĩ trẻ em cho Giám sát các bệnh lây truyền và Phụ nữ Lãnh đạo Giám sát Chất lượng Nước, Quỹ nhà Mahila Sewa ở Ấn Độ
Quyền tiếp cận Thông tin được cá nhân hóa:	Việc sử dụng tin nhắn di động và dịch vụ tích hợp Phản hồi bằng giọng nói (IVR) tạo cơ hội cho mọi người tiếp cận thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu và truy cập thông tin thích ứng trên điện thoại của họ. Một số mô hình dựa trên Dịch vụ tích hợp phản hồi bằng giọng nói cũng có đường dây để gọi lại, để giúp cộng đồng chia sẻ mối quan tâm và phản hồi của họ.	<ul style="list-style-type: none"> > Trung tâm tài chính doanh nghiệp nhỏ và Awaaz De's để cung cấp đào tạo tài chính và tư vấn kinh doanh ở Ấn Độ > Dịch vụ Vaani di động cho biến đổi khí hậu, sức khỏe và mối quan tâm của người dân bản địa ở Ấn Độ > Phế thải trang trại cho nông dân của Digital Green ở Ấn Độ và Ethiopia > Dự án Samvad cho sức khỏe và dinh dưỡng của Digital Green ở Ấn Độ > Ứng dụng dự báo thời tiết cho nông nghiệp ở Bangladesh
Báo chí giúp nâng cao nhận thức:	Phát triển đội ngũ tình nguyện viên từ cộng đồng và đào tạo họ sử dụng phương pháp tiếp cận nhà báo để thực hiện các chương trình phát thanh/truyền hình và video trực tuyến nhỏ. Sau đó, các nguồn thông tin này sẽ được phát triển các chương trình với nội dung bản địa hóa liên quan đến cộng đồng. Việc sàng lọc cộng đồng của các chương trình này không chỉ tăng thêm giá trị giải trí mà còn hiệu quả hơn để tiếp cận với phụ nữ.	<ul style="list-style-type: none"> > Amrai Pari, một chương trình hành động truyền thông của BBC về GNRTT/ĐDKH ở Bangladesh > Chương trình Sinh kế Nông thôn Quốc gia, một chương trình hàng đầu của chính phủ về trao quyền cho phụ nữ và xóa đói giảm nghèo, đã sử dụng công cụ này để cung cấp các dịch vụ y tế, dinh dưỡng và nông nghiệp thông qua Digital Green ở Ấn Độ > Mạng báo chí Trái đất, khu vực Châu Á Thái Bình Dương > Đài KBR ở Indonesia
Nền tảng truyền thông mạng xã hội trực tuyến	Sử dụng nguồn cung ứng cộng đồng và công nghệ trực tuyến để giúp cải thiện luồng thông tin từ dưới lên.	<ul style="list-style-type: none"> > Ushahidi, một nền tảng mã nguồn mở cho các chiến dịch như vậy, đã tạo ra một bản đồ động đất để giúp kết nối những người bị ảnh hưởng bởi trận động đất ở Nepal với các nỗ lực cứu trợ đang được tiến hành bởi các nhóm chính phủ, phi chính phủ và tình nguyện viên khác nhau.

CÔNG CỤ TRUYỀN THÔNG	MÔ TẢ	VÍ DỤ VỀ VIỆC SỬ DỤNG
Chiến dịch truyền thông	Khai thác trên các phương tiện truyền thông địa phương và các kênh truyền thông xã hội để phát triển các chiến dịch sáng tạo nhằm huy động nhận thức và hành động tập thể	<ul style="list-style-type: none"> > Chiến dịch vệ sinh của UNICEF - Poo2Loo > Chiến dịch của Guardian Giữ nó dưới mặt đất > Phong trào Mặt trời mọc / Các ngày thứ sáu cho phong trào trực tuyến trong tương lai > Trao quyền nhiều hơn cho phụ nữ trẻ trong việc ra quyết định và cung cấp dịch vụ công có trách nhiệm ở Campuchia
Các phương tiện truyền thông như đài phát thanh cộng đồng, nhà hát, âm nhạc và nghệ thuật		<ul style="list-style-type: none"> > Dự án Tầm nhìn Khí hậu, Tổ chức Hòa bình Xanh ở Hoa Kỳ > Cuộc thi thơ về biến đổi khí hậu ở Fiji và Kathy Jetnil-Kiiner ở Quần đảo Marshall > Olafur Eliasson và Benjamin Wong, nghệ sĩ sắp đặt làm việc về biến đổi khí hậu

Giám sát và Đánh giá có nhạy cảm giới

Giám sát và đánh giá có nhạy cảm giới (M&E) đề cập đến việc xem xét các quá trình và tác động của các chương trình và dự án về biến đổi khí hậu bằng lăng kính giới nhằm ghi nhận các kết quả khác biệt cho phụ nữ và nam giới, cho dù có ở trong kế hoạch hay không. Để xây dựng một kế hoạch giám sát và đánh giá có hiệu quả và nhạy cảm

với giới, Igbuzor (2006) đã đưa ra một khung bao gồm các chỉ số cơ sở và tiến độ có nhạy cảm giới, và một quá trình có sự tham gia của tất cả các bên liên quan, cả nam và nữ trong quá trình giám sát. Một phiên bản tương tự đã được điều chỉnh đã được trình bày trong Hình 3-22 (BNRCC 2011).

HÌNH 3-22: KHUNG GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ CÓ NHẠY CẢM GIỚI (IGBUZOR, 2006)



CHỈ SỐ CÓ NHẠY CẢM GIỚI

Cấu phần cốt lõi của việc theo dõi kết quả về giới là xây dựng các chỉ số có nhạy cảm giới và phân tách theo giới ở tất cả các cấp độ kết quả, đầu ra và tác động. Tất cả các chỉ số và chỉ tiêu liên quan đến người thụ hưởng cần được phân tách theo giới tính (cũng như tuổi, giai cấp, tình trạng khuyết tật, xu hướng tình dục, nguồn gốc dân tộc và những yếu tố khác để xác định các nhóm nhỏ của nam và nữ) nếu có thể. Ví dụ, thay vì chỉ nhằm mục tiêu vào phụ nữ, một chỉ số có thể xem xét cụ thể những tiến bộ trong tình hình của phụ nữ bản địa, những người có khả năng phải đối mặt với những thách thức khác nhau, không chỉ từ nam giới bản địa (do sự phân công lao động theo giới trong các nền văn hóa bản địa) mà còn từ những phụ nữ khác. Hình 3-23 cung cấp các ví dụ về các chỉ số phân tách theo giới tính trong các lĩnh vực khác nhau.

Ngoài ra, với các chương trình và dự án có các hoạt động nhằm đạt được bình đẳng giới hoặc trao quyền cho phụ nữ, các chỉ số có thể không chỉ dừng lại ở việc phân biệt đối tượng thụ hưởng theo giới tính. Ví dụ, trong khi một chỉ số được phân tách theo giới tính có thể đo lường số lượng phụ nữ và nam giới nông dân được đào tạo về nông lâm kết hợp bền vững, nó có thể không đủ để xác định liệu bản thân khóa đào tạo có đáp ứng nhu cầu khác biệt của nông dân phụ nữ và nam giới hay không. Trong trường hợp này, có thể cần một chỉ số nhạy cảm về giới để đánh giá định tính xem năng lực

của phụ nữ và nam giới có được tăng lên hay không.

Các chỉ số của phương pháp tiếp cận lồng ghép giới cũng cần phản ánh mức độ mà các chính sách trung ương hoặc địa phương tích hợp các quan điểm về giới (ví dụ, định giá lũy tiến của các chương trình bảo hiểm y tế theo suốt cuộc đời, hoặc khả năng được nghỉ phép của cha mẹ tại nơi làm việc) hoặc các điều kiện trong đó các dịch vụ được cung cấp, bao gồm khả năng đáp ứng các quyền và nhu cầu của phụ nữ và nam giới có thu nhập thấp và/hoặc ở nông thôn (ví dụ, số bệnh viện nông thôn được tiếp cận với lưới điện, nước sạch và vệ sinh, hoặc xe cứu thương; hoặc số lượng ngân hàng nông thôn cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính vi mô).

Các dự án cũng cần xây dựng và theo dõi các hậu quả tiêu cực không mong muốn của các chính sách và chương trình bình đẳng giới (ví dụ, phụ nữ đã đạt được quyền kinh tế có thể bị gia tăng bạo lực trong các hộ gia đình do chồng có thu nhập thấp hơn; trợ cấp cho các gia đình đông con kết hợp với các điều kiện cụ thể nhằm vào phụ nữ có thể tăng gánh nặng công việc kép của phụ nữ và hạn chế về thời gian). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, kết quả 'tiêu cực' có thể không nói lên sự thất bại của chương trình mà là bằng chứng cho thấy quá trình thúc đẩy bình đẳng giới đang diễn ra và nó tạo ra sự phản ứng ngược chiều từ thực tế.

HÌNH 3-23: VÍ DỤ VỀ CÁC CHỈ SỐ CÓ PHÂN TÁCH GIỚI CHO CÁC DỰ ÁN GEF

<p>SỰ THAM GIA VÀO CÁC THAM VẤN</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Số lượng và phần trăm nam giới và phụ nữ tham gia tích cực và các tham vấn, hội thảo và các cuộc họp ủy ban > Số lượng phụ nữ và nam giới ở các vị trí ra quyết định liên quan đến các hoạt động hoặc trong bối cảnh dự án > Số lượng và phần trăm phụ nữ và nam giới làm việc ở các vị trí lãnh đạo liên quan đến các lĩnh vực can thiệp hoặc trong bối cảnh dự án > Số lượng và phần trăm phụ nữ và nam giới, theo nhóm xã hội, được tham vấn về kế hoạch dự án
<p>CHIA SẼ LỢI ÍCH</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Số lượng phụ nữ và nam giới hưởng lợi từ các cơ hội hội thảo và tập huấn trong chương trình/dự án > Số lượng phụ nữ và nam giới nhận được các lợi ích từ dự án hoặc chương trình > Số lượng phụ nữ và nam giới hưởng lợi từ các công cụ và nguồn lực > Số lượng phụ nữ và nam giới hưởng lợi từ các đầu tư tài chính, do can thiệp của dự án > Số lượng phụ nữ và nam giới tham gia vào những thảo luận về chia sẻ lợi ích > Số lượng hộ gia đình nghèo là đối tượng hưởng lợi của dự án; số lượng hộ gia đình do nam giới/phụ nữ làm chủ
<p>Tiếp cận đến nguồn lực và tài sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Số lượng nam giới sở hữu đất dưới tên của họ > Số lượng phụ nữ và nam giới tiếp cận đến đất, nước và rừng > Số lượng phụ nữ và nam giới có kiến thức về luật liên quan đến lĩnh vực can thiệp > Số lượng phụ nữ và nam giới được tập huấn về quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận đất/quyền đảm bảo với đất) > Số lượng phụ nữ sở hữu đất dưới tên của họ (giấy chứng nhận đất và quyền đảm bảo với đất) > Số lượng phụ nữ ở trong các vị trí lãnh đạo liên quan đến đất, nước, rừng, và các nguồn lực sinh học khác (doanh nhân, nhà quản lý, trưởng nhóm nông dân)

Nguồn: GEF (2018).

MA TRẬN GIÁM SÁT GIỚI

Ma trận Giám sát Giới (GMMX) là một hệ thống giám sát sử dụng các chỉ số dưới dạng ma trận hoặc bảng. Một số chỉ số mang tính định lượng, như sự hiện diện theo giới trong các sự kiện hoặc hoạt động; những chỉ số khác có thể mang tính định tính, chẳng hạn như mô tả tóm tắt về cách phụ nữ và nam giới đóng góp trong một nhóm. Các chỉ số định tính thường khó báo cáo hơn; và thường không được ghi lại. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải lưu giữ các thông tin về cách thức phụ nữ và nam giới tham gia vào các sự kiện (không chỉ là bao nhiêu người tham dự). Ví dụ, phụ

nữ có nói lên ý kiến của họ không và nam giới có tôn trọng ý kiến của họ không? Phần đầu tiên của công cụ này xác định các hoạt động giám sát, xác định ai nên thực hiện các hoạt động này và đề xuất các tín hiệu hoặc tiêu chuẩn cảnh báo cho phép xác định các tình huống cần có hành động đặc biệt. Công cụ này rất linh hoạt để sử dụng và áp dụng cho phù hợp với từng tình huống. Phần thứ hai của Ma trận Giám sát Giới đưa ra các hành động cần phải làm khi một số 'dấu hiệu cảnh báo' nhất định xuất hiện và những hành động cần thực hiện nếu sự tham gia của một trong hai giới không đạt được mục tiêu mong đợi.

BẢNG 3-9: MA TRẬN GIÁM SÁT GIỚI

HOẠT ĐỘNG	CÁI GÌ CẦN TÌM KIẾM	CÁCH THỨC XÁC MINH THÔNG TIN	DẤU HIỆU CẢNH BÁO	KIỂM TRA BẰNG CÁCH NÀO	KHI NÀO	HÀNH ĐỘNG ĐỂ GIẢI QUYẾT DẤU HIỆU CẢNH BÁO	AI NÊN HÀNH ĐỘNG
Lập kế hoạch dựa vào cộng đồng	Số lượng phụ nữ tham gia	Hồ sơ về cuộc họp lập kế hoạch	Có ít hơn 20% số người tham dự là phụ nữ	Người hoàn thiện tài liệu kế hoạch phải báo cáo WS	Hàng quý	Không nên tài trợ cho các dự án cho các kế hoạch thích ứng như vậy	Cán bộ tài chính
	Số lượng các công cụ được thực hiện với các nhóm phụ nữ	Tài liệu về kế hoạch thích ứng dựa vào cộng đồng	Không có công cụ nào được tiến hành riêng với nhóm phụ nữ Kết quả không được ghi chép và phân tích riêng biệt				
	Số lượng các phân tích giới được thực hiện	Tài liệu về kế hoạch thích ứng dựa vào cộng đồng	Không thực hiện phân tích giới				

ĐIỂM THẢO LUẬN

Để tổng kết mô-đun này, hãy hỏi học viên xem họ thấy công cụ nào ở trên phù hợp nhất cho công việc của họ và tại sao.

Gợi ý cho giảng viên

- > Có thể sử dụng các phương pháp hỗn hợp để thu thập dữ liệu khi thực hiện các đánh giá về giới, nhưng đối với Phân tích Giới, Khung Moser hoặc Harvard là hữu ích nhất. Thông tin từ những công cụ này thực sự có thể bổ sung thông tin cho Khung Phân tích Năng lực và Tính dễ bị tổn thương, trở thành một bản đánh giá tính dễ bị tổn thương có lồng ghép giới.
- > Đánh giá nhanh và nghiên cứu phạm vi có thể bổ sung thông tin cho các bài tập đánh giá tính dễ bị tổn thương đã được thực hiện hoặc để hiểu phạm vi trước khi đi sâu vào đánh giá tính dễ bị tổn thương theo ngành.
- > Khung Nguyên nhân, Hậu quả, Giải pháp là một công cụ có thể được sử dụng trong toàn bộ chu trình dự án, đặc biệt là trong giai đoạn lập dự án.
- > Công cụ phân tích các bên liên quan giúp tăng cường hơn nữa các quá trình thực hiện có nhạy cảm về giới bằng cách phát huy vai trò của phụ nữ và giúp phụ nữ có vai trò trong việc lập kế hoạch và ra quyết định dựa vào cộng đồng cũng như đối với tất cả các biện pháp truyền thông, chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực.
- > Ma trận giám sát giới là một công cụ hữu ích để đo lường quá trình lồng ghép giới và đạt được các mục tiêu kết quả bình đẳng giới.
- > Tuy nhiên, cũng có các công cụ cụ thể để đo lường Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ và công cụ Đánh giá mức độ tổn thương của chương trình Thích ứng dựa vào cộng đồng UNDP-GEF có thể hữu ích cho các dự án GNRRTT/BĐKH.
- > Các công cụ và bài tập có sự tham gia có thể được sử dụng trong tất cả các giai đoạn.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 15: KHUNG MOSER ĐỂ PHÂN TÍCH GIỚI VÀ LẬP KẾ HOẠCH

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho học viên kinh nghiệm thực hành nhanh về việc áp dụng Khung Moser để phân tích giới trong quá trình lập kế hoạch.

Nguyên vật liệu: Giấy A0 và bút viết

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành hai nhóm với số lượng bằng nhau, đại diện cho nam và nữ. Nam giới có thể đóng vai phụ nữ nếu không đủ số lượng phụ nữ và ngược lại. Yêu cầu các nhóm chọn vị trí, nghề nghiệp và một mùa tùy theo sở thích.

Bước 2: Yêu cầu mỗi nhóm liệt kê tất cả các hoạt động hàng ngày của họ, từ bình minh đến hoàng hôn, viết mỗi hoạt động vào một giờ cụ thể, từ 4 giờ sáng đến 5 giờ sáng, 5 giờ sáng đến 6 giờ sáng, ... cho đến 9 giờ tối đến 10 giờ tối. Cả hai nhóm phải làm việc trên cùng một bối cảnh, với

một nhóm đại diện cho nam giới và một nhóm đại diện cho phụ nữ.

Bước 3: Khi hoàn tất, hãy mời nhóm nam đến và kiểm tra danh sách của nữ và ngược lại. Trong quá trình xác minh dữ liệu này, có thể thay đổi thông tin nếu được tất cả đồng ý. Giải thích rằng bây giờ họ sẽ phân tích dữ liệu bằng Khung Moser (Công cụ 1).

HÌNH 3-24: BIỂU MẪU KHUNG MOSER CHO BÀI TẬP 15

	CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT/ TẠO RA THU NHẬP		TÁI SẢN XUẤT/NỘI TRỢ		VAI TRÒ XÃ HỘI/NGHĨ NGƯỜI	
	NAM GIỚI	PHỤ NỮ	NAM GIỚI	PHỤ NỮ	NAM GIỚI	PHỤ NỮ
SÁNG						
CHIỀU						
TỐI						

Bước 4: Vẽ khung hoạt động trên bảng trắng như minh họa ở trên và yêu cầu các nhóm đọc từng hoạt động của mình và cho biết sẽ đưa vào cột nào. Hướng dẫn các học viên nếu có hoạt động nào khác biệt. Thường có xu hướng coi các hoạt động nông nghiệp và chăn nuôi không được trả công của phụ nữ là công việc tái sản xuất/nội trợ.

Bước 5: Khi tất cả các hành động được viết ra, hãy yêu cầu họ chia sẻ ý kiến về vai trò giới khác nhau trong cộng đồng và biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng khác nhau đến nam giới và phụ nữ như thế nào. Yêu cầu họ xác định những vấn đề chính mà phụ nữ phải đối mặt khi đảm nhận những vai trò đó hiện tại và vấn đề có thể trở nên trầm trọng hơn do biến đổi khí hậu hoặc thiên tai như thế nào.

Bước 6: Yêu cầu học viên xác định các hành động thích ứng / quản lý rủi ro bắt buộc phải thực hiện để:

- Giảm bớt sự cực nhọc / khối lượng công việc của phụ nữ;
- Tăng cường khả năng tiếp cận sinh kế và có được thu nhập bằng tiền của phụ nữ; và
- Đảm bảo rằng phụ nữ có vai trò ngày càng tăng trong việc ra quyết định ở cấp cộng đồng, đặc biệt là liên quan đến các vai trò đã chọn.

Bước 7: Các học viên sau đó nên quyết định những hoạt động cần thiết trong một dự án để thực hiện các mục tiêu trên. Yêu cầu họ hoàn thành kế hoạch hoạt động và trình bày lại trong phiên họp toàn thể theo mẫu như trong Hình 3-25.

HÌNH 3-25: BIỂU MẪU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHO BÀI TẬP 15

	SẢN XUẤT	NỘI TRỢ	VAI TRÒ XÃ HỘI
Các vai trò bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và thiên tai			
Các Vấn đề Chính (hiện có và sẽ trở nên trầm trọng hơn do BĐKH và Thiên tai)			
Hành động Thích ứng / quản lý rủi ro bắt buộc:			
Kế hoạch Hoạt động			

Kết quả học tập: Kết thúc bằng cách hỏi các học viên xem có bất kỳ hoạt động nào mà họ sẽ bỏ qua hoặc không cân nhắc trong khi lập kế hoạch nếu các phân tích ban đầu không được thực hiện. Nói với họ rằng đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải thực hiện phân tích giới khi xây dựng dự án.

BÀI TẬP 16: KHUNG HARVARD VỀ PHÂN TÍCH GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho học viên kinh nghiệm thực hành nhanh về việc áp dụng Khung Harvard để phân tích giới.

Nguyên vật liệu: Bảng viết sẵn sinh kế được chuẩn bị trước (Ví dụ: Nông dân trồng lúa, Ngư dân, Nông dân trồng ngô, Thợ dệt, Công nhân thủ công mỹ nghệ, những người khác. Hãy cụ thể và phù hợp với ngữ cảnh nhất có thể), Giấy vẽ sơ đồ và bút dạ

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành 4-5 nhóm và yêu cầu họ chọn một sinh kế. Giải thích bài tập cho họ.

- Họ phải chia nhỏ các hoạt động trong vòng đời của một sinh kế. Ví dụ, nếu họ chọn nghề dệt, họ phải liệt kê tất cả những gì cần phải làm từ mua sợi đến bán vải.
- Thảo luận xem ai (nam hoặc nữ) chịu nhiều trách nhiệm nhất và ai bị ảnh hưởng nhiều nhất.
- Quyết định xem ai có quyền tiếp cận và kiểm soát các công cụ, nguồn lực và quyết định của từng hoạt động.

Bước 2: Hãy nói với họ rằng họ có 30 phút để thảo luận về vấn đề này và trình bày phân tích của họ trên giấy như mẫu dưới đây.

Bước 3: Sau khi hoàn thành, yêu cầu các nhóm dán bài tập của họ lên tường và tham gia phiên thảo luận toàn thể. Yêu cầu họ chia sẻ những gì họ học được từ quá trình này. Yêu cầu họ suy nghĩ về những điều sau:

- Họ bắt đầu bài tập như thế nào, và những khó khăn ban đầu là gì?
- Họ đã giảm bớt những khó khăn như thế nào?
- Bài học rút ra là gì?
- Họ cần làm gì để đảm bảo rằng họ có thông tin chính xác hơn?

Kết quả học tập: Kết luận bằng cách hỏi những người tham gia nếu có bất kỳ hoạt động nào mà họ sẽ bỏ qua hoặc không cân nhắc trong khi lập kế hoạch nếu phân tích giới ban đầu không được thực hiện. Nói với họ rằng đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải thực hiện phân tích giới để xây dựng dự án.

BÀI TẬP 17: TRÌNH BÀY PHÂN TÍCH GIỚI

Mục đích của bài tập này là để các học viên quan tâm đến việc áp dụng các công cụ khác nhau và cũng để hiểu cách trình bày kết quả phân tích giới tốt hơn.

Nguyên vật liệu: Bản copy của Tài liệu phát tay 12.

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành bốn nhóm và phát cho họ Tài liệu phát tay 12. Bạn thậm chí có thể chia các ví dụ cho các nhóm, cho mỗi nhóm từ hai đến ba ví dụ để thảo luận tốt hơn trong một khung thời gian nhất định.

Bước 2: Yêu cầu các học viên thảo luận về các ví dụ trong tài liệu phát tay và trả lời các câu hỏi sau:

- Các công cụ phân tích / đánh giá giới được sử dụng trong mỗi ví dụ là gì?
- Kết quả phân tích giới có thể được trình bày như thế nào? Họ học được gì từ các ví dụ?
- Hỏi họ ví dụ nào phù hợp nhất với công việc của họ và tại sao.

Bước 3: Hãy dành cho họ 15 phút để suy nghĩ theo nhóm và sau đó thảo luận về những câu hỏi này trong phiên toàn thể.

Kết quả học tập: Nói với họ rằng thực hiện phân tích giới là chưa đủ mà còn cần trình bày và phổ biến các kết quả phân tích giới để tác động đến các dự án và chính sách GNRRTT/BĐKH trong khu vực.

BÀI TẬP 18: KHUNG NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ VÀ GIẢI PHÁP

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho các học viên kinh nghiệm thực hành nhanh về việc áp dụng Khung Nguyên nhân, Hậu quả và giải pháp để thiết kế dự án.

Nguyên vật liệu: Giấy khổ to và Bút; Thiết bị để xem phim ngắn

Tiến trình:

Bước 1: Cho học viên xem một đoạn phim ngắn liên quan đến bất kỳ vấn đề xã hội hoặc GNRRTT/BĐKH nào. Đảm bảo rằng bộ phim nói về khu vực của họ và hầu hết các học viên có thể liên quan đến bộ phim.

Bước 2: Chia học viên thành bốn hoặc năm nhóm và yêu cầu họ xác định một vấn đề chính về giới từ bộ phim trên. Hãy thử và yêu cầu họ xác định các vấn đề khác nhau, sau đó thu hẹp vấn đề. Ví dụ, thay vì nói bệnh tật giảm, hãy để họ xác định một bệnh cụ thể; hoặc thay vì nói năng suất thấp trong nông nghiệp, hãy để họ chọn một vụ mùa. Khuyến khích xác định vấn đề cụ thể theo giới tính.

Bước 3: Yêu cầu học viên liệt kê các nguyên nhân và hậu quả (tác động) của từng vấn đề trên các thẻ riêng biệt. Khi họ có ít nhất 10 thẻ, hãy yêu cầu họ bắt đầu dán chúng lên giấy khổ to. Yêu cầu họ làm theo trình tự bên dưới trong khi đặt thẻ:

- Đặt thẻ vấn đề chính ở giữa trung tâm.
- Đặt tất cả nguyên nhân bên dưới và hậu quả bên trên thẻ chính.

Bước 4: Hỏi những người tham gia xem nguyên nhân cơ bản đằng sau các nguyên nhân đó là gì và tiếp tục thêm thẻ cho phù hợp. (Bạn có thể phải xáo trộn các thẻ để phù hợp với các cuộc thảo luận.) Tìm hiểu sâu hơn bằng cách đặt câu hỏi "Tại sao điều này xảy ra?" ít nhất ba đến bốn lần cho mỗi thẻ. Lập lại bài tập để biết hậu quả. Ở đây hãy đặt câu hỏi "VẬY ĐIỀU GÌ XẢY RA TIẾP THEO?" Khuyến khích các học viên nói càng cụ thể càng tốt. Ví dụ, 'nghèo đói' là một vấn đề quá lớn để gọi là nguyên nhân (hoặc hậu quả), hãy để họ đề cập đến việc thiếu tiền hoặc thiếu cơ hội. Yêu cầu họ xây dựng một cây vấn đề như họ đã học trong phần trước.

Bước 5: Yêu cầu các học viên xác định các giải pháp cho từng vấn đề riêng biệt. Yêu cầu họ lật các thẻ và viết trên đó. Họ cũng có thể sử dụng thêm thẻ nếu cần thiết. Điều này sẽ giúp họ phát triển cây giải pháp.

Bước 6: Yêu cầu các học viên ưu tiên các giải pháp dựa trên tầm quan trọng, khả năng thực hiện trong khung thời gian hai năm và nguồn lực. Kết quả phải được trình bày theo mẫu như trong Hình 3-26.

HÌNH 3-25: BIỂU MẪU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHO BÀI TẬP 15

Nguyên nhân	GIẢI PHÁP/HOẠT ĐỘNG	HẬU QUẢ	CHỈ SỐ GIÁM SÁT

Kết quả học tập: Tóm tắt bằng cách hỏi họ điều này có thể sử dụng như thế nào trong công việc của họ khi họ xây dựng các dự án. Nói với họ rằng sẽ dễ dàng hơn khi xây dựng một dự án mới, khi chúng ta có thể chia vấn đề cốt lõi thành các vấn đề nhỏ hơn. Sau đó, họ có thể liên kết các hoạt động khác nhau và ưu tiên những hoạt động giải quyết tối đa các vấn đề. Nói với họ rằng phần còn lại nên được giả định là tốt (và hoặc được xác định là các yếu tố rủi ro trong thiết kế dự án). Hãy nhớ đề cập rằng tất cả các hậu quả sẽ có các chỉ số giám sát, vì vậy trong giai đoạn thiết kế dự án, họ nên chọn những vấn đề mà họ sẽ có thể có được dữ liệu từ các nguồn chính thức hoặc thứ cấp.

BÀI TẬP 19: TỔ CHỨC TRIỂN LÃM VỀ CÁC CÔNG CỤ CÓ SỰ THAM GIA TRONG PHÂN TÍCH GIỚI VÀ LẬP KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu chính của bài tập này là xem nhanh một số công cụ có sự tham gia của người dân. Ý tưởng không phải là giới thiệu chi tiết từng bước đối với các công cụ vì bản thân nó là một mô-đun đào tạo hoàn chỉnh, mà là thu hút sự quan tâm của học viên và khuyến khích họ sử dụng các bộ công cụ có sẵn.

Nguyên vật liệu: In poster trên các hình cho từng công cụ (một khổ lớn A3 và năm đến bảy thẻ nhỏ) và bản sao của Tài liệu phát tay 13. Dán các poster ở dạng quầy hàng. Tiền giả (Chỉ cần lấy hai mươi bản in màu của 100 đô la Mỹ hoặc nội tệ và bốn mươi tờ 20 đô la Mỹ hoặc nội tệ). Quà tặng hoặc sôcôla cho người chiến thắng.

Chuẩn bị trước: Một ngày trước học phần này, cử ra sáu tình nguyện viên trong nhóm học viên có kinh nghiệm sử dụng các công cụ có sự tham gia. Đưa cho họ nội dung và poster của bất kỳ công cụ nào từ Tài liệu phát tay 13. Nói với họ rằng bạn sẽ điều hành một phiên triển lãm vào ngày hôm sau và bạn cần các tình nguyện viên bán những poster này cho những người tham gia. Mỗi công cụ (thẻ nhỏ) có giá cơ bản là 100 đô la Mỹ (hoặc nội tệ), nhưng họ có thể tăng giá hoặc mặc cả nếu muốn. Nói với họ rằng nó sẽ giống như một cuộc thi. Người kiếm được số tiền tối đa sẽ là người chiến thắng. Các tình nguyện viên cho phiên này nên hoạt ngôn và có tính cạnh tranh hơn. Điều đó sẽ làm cho bài tập thú vị hơn.

Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm bốn người và đưa cho họ ba tờ tiền giả 100 đô la Mỹ và năm tờ tiền 20 đô la Mỹ (hoặc nội tệ) cho mỗi người. Nói với họ rằng họ phải thiết kế một dự án với cộng đồng của họ bằng cách sử dụng các công cụ có sự tham gia, nhưng một Đạo luật mới của chính phủ đã công nhận việc cấp bằng sáng chế cho những công cụ này, vì vậy họ phải mua các công cụ.

Bước 2: Có một khu chợ gần đó, nơi họ có thể đến và mua những công cụ này. Mỗi công cụ đang được bán trong một cửa hàng riêng biệt. Yêu cầu họ mua càng nhiều công cụ càng tốt dựa trên những gì họ cảm thấy sẽ hữu ích nhất cho việc thiết kế một dự án GNRRTT/BĐKH có sự tham gia có trách nhiệm giới cho cộng đồng. Nhóm nào đưa ra lựa chọn hợp lý nhất sẽ là nhóm chiến thắng. Để giành chiến thắng, họ phải có một thẻ công cụ bên mình và cũng có thể giải thích mục đích và quy trình của công cụ.

Bước 3: Các nhóm có thể quyết định phương thức mua công cụ của ai và như thế nào. Hãy cho họ năm phút để quyết định điều đó và sau đó mở cửa triển lãm. Nói với họ rằng họ có 30 phút để mua các công cụ.

Bước 4: Hãy để thị trường bắt đầu. Mọi thứ ban đầu sẽ tiến triển chậm nhưng có thể hơi ồn ào. Đảm bảo rằng nó không vượt quá kiểm soát của bạn và đảm bảo rằng mục đích và quy trình của các công cụ được thảo luận đầy đủ. Nếu họ không được như mong muốn, giảng viên nên chủ động trong việc hỏi các học viên điều tương tự và khuyến khích họ học hỏi thêm.

Bước 5: Khi tất cả các nhóm đã mua công cụ cho họ, hãy cho họ 15 phút để thảo luận về cách họ sẽ trình bày kết quả của mình. Yêu cầu mọi người quay lại phiên toàn thể và bắt đầu các phần thuyết trình. Để tất cả các nhóm thực hiện bài thuyết trình ngắn. Giảng viên và các tình nguyện viên sẽ quyết định nhóm nào thắng cuộc. Tính số tiền kiếm được của mỗi tình nguyện viên và quyết định người chiến thắng trong số họ. Cố gắng sắp xếp những món quà nhỏ hoặc sôcôla cho những người chiến thắng.

Kết quả học tập: Kết thúc bài tập bằng cách chia sẻ rằng có rất nhiều công cụ có sự tham gia khác có thể rất hữu ích cho việc thiết kế một dự án GNRRTT/BĐKH có sự tham gia và có trách nhiệm giới. Học viên nên khám phá thêm những

điều này. Tuy nhiên, họ cần phải thận trọng khi sử dụng các công cụ có sự tham gia. Không phải tất cả các công cụ tự nó sẽ có trách nhiệm giới. Một số công cụ giúp đưa ra vai trò, rào cản và điểm mạnh theo giới. Học viên cần lưu ý đưa công cụ như vậy vào trong quy trình của mình. Các công cụ khác sẽ hữu ích hơn nếu được thực hiện riêng biệt với nam giới, phụ nữ và các bản dạng giới khác trong các nhóm nhỏ. Quá trình lập kế hoạch có sự tham gia cần lưu ý đến điều này để đảm bảo rằng tất cả mọi người đều tham gia đầy đủ vào các quá trình. Chỉ khi đó, các công cụ mới thực sự mang lại các phân tích và kế hoạch mong muốn.

BÀI TẬP 20: BÀI TẬP XẾP HẠNG BÁNH XE VỀ “KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU”

Mục tiêu chính của bài tập này là định hướng cho học viên một bài tập giám sát và đánh giá có sự tham gia và củng cố khái niệm về Không để ai lại phía sau.

Nguyên vật liệu: Giấy khổ to, bút và bản copy của Tài liệu phát tay 14.

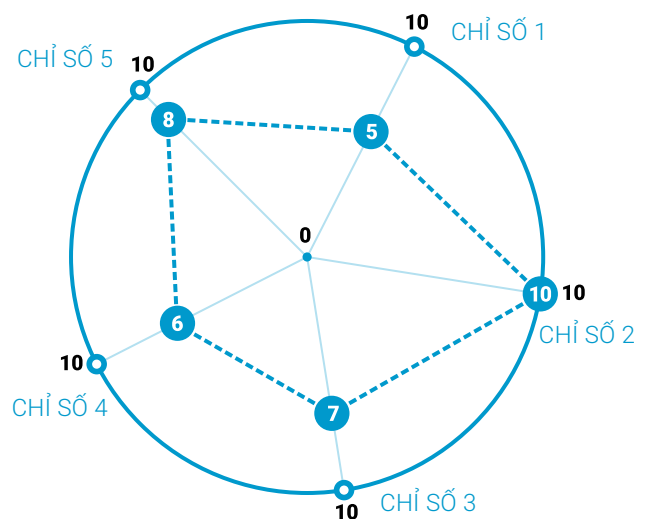
Tiến trình:

Bước 1: Chia học viên thành bốn nhóm và yêu cầu họ xác định năm chỉ số để giám sát việc tích hợp phương pháp tiếp cận Không để ai lại phía sau vào một dự án. Đề xuất một số chỉ tiêu như: i) Ban quản lý dự án có sự tham gia của tất cả các nhóm; ii) Phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác có tiếng nói trong việc ra quyết định; iii) Tất cả các cộng đồng dễ bị tổn thương đã được hưởng lợi từ dự án; và những chỉ số khác.

Bước 2: Yêu cầu họ viết năm chỉ số trên một bánh xe, với mỗi chỉ số tạo thành một chấu như trong Hình 3-27. Yêu cầu họ đặt mục tiêu cho từng chỉ số đã xác định. Ví dụ, đối với chỉ số - Ban quản lý dự án có sự tham gia của tất cả các nhóm - mục tiêu có thể là 50-50% sự tham gia của nam giới và phụ nữ thuộc tất cả các nhóm dễ bị tổn thương. Yêu cầu họ đặt mục tiêu tối đa và sau đó chia nhỏ thành các mục tiêu lũy tiến. Cần có năm tiến độ đạt được mục tiêu. Ví dụ: nếu 50% là mục tiêu, thì mục tiêu tiến độ sẽ là 40%, 30%, 20% và 10%.

Bước 3: Cung cấp cho mỗi nhóm một bản Tài liệu phát tay 14. Yêu cầu họ xếp hạng nghiên cứu điển hình trên từng chỉ số dựa trên mục tiêu đã đạt được. Nói với họ rằng họ cũng có thể sửa đổi các chỉ số, nếu được yêu cầu. Yêu cầu họ lập bản đồ tiến trình trên từng chỉ số ở mức mục tiêu đã đạt được như trong Hình 3-27. Nói với họ rằng họ có thể xếp hạng 10 cho mục tiêu đã đạt được và tiếp tục giảm điểm số tương ứng.

HÌNH 3-27: SƠ ĐỒ BÁNH XE



Bước 4: Khi tất cả các nhóm đã hoàn thành, hãy yêu cầu họ trình bày bánh xe của mình trước cả lớp. Cuộc thảo luận nên tập trung vào logic của việc cho một số điểm cụ thể cho bất kỳ chỉ số nào. Nếu hai nhóm có điểm số trái ngược nhau, hãy khuyến khích tranh luận lành mạnh về điểm số.

Kết quả học tập: Kết luận bằng cách đề cập rằng việc thực hiện bài tập này khi bắt đầu dự án và sau đó trong các cuộc họp đánh giá có thể là một công cụ tốt để giám sát nội bộ về tiến độ của việc Không để ai lại phía sau trong các dự án.

KIỂM TRA KIẾN THỨC

HOÀN THÀNH CÂU NÓI...	ĐÁNH DẤU VÀO TẤT CẢ CÁC CÂU TRẢ LỜI PHÙ HỢP			
Yếu tố nào sau đây là giao nhau trong Nguyên tắc Không để Ai lại Phía Sau?	Tuổi	Tình trạng kinh tế	Thù địch cá nhân	Dân tộc
Nội dung nào sau đây thuộc về gánh nặng công việc gấp ba đối với phụ nữ?	Công việc nội trợ	Công việc sản xuất	Công việc cộng đồng	Giải trí
Những người nào sau đây sẽ là các bên liên quan trong dự án của bạn?	Những đối tượng dễ bị tổn thương	Người không bị ảnh hưởng bởi hoạt động phục hồi	Người đề xuất một hoạt động phục hồi	Người tài trợ cho hoạt động phục hồi
Những yếu tố nào sau đây có nhiều khả năng được sử dụng làm chỉ số có nhạy cảm giới hơn?	Tỷ lệ tử vong mẹ	Số nam và nữ có quyền sở hữu đất	Tuổi thọ Trung bình của nam giới và phụ nữ	Tỷ lệ tiền gửi tín dụng
Bạn có nhiều khả năng sẽ sử dụng công cụ nào hơn để đánh giá tính dễ bị tổn thương khi thiết kế các dự án cứu trợ sau thiên tai?	Đánh giá nhanh về giới trong khủng hoảng	Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ	Khung phân tích Moser	Khung phân tích Harvard
Các nghiên cứu đã chứng minh khoảng cách giới trong các điều nào sau đây?	Tử vong do sóng nhiệt	Bệnh tả	Tử vong trong lũ lụt	Bệnh tật do nhiễm bẩn nước

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM GỢI Ý

- Glemarec, Y., Qayum, S., & Olshanskaya, M. (2016). Tận dụng Đồng lợi ích giữa Bình đẳng giới và Hành động Khí hậu để Phát triển Bền vững: Lồng ghép Cân nhắc Giới trong các Dự án Biến đổi Khí hậu. UN Women. Truy cập tại https://trainingcentre.unwomen.org/pluginfile.php/66830/mod_folder/intro/LEVERAGING%20CO-BENEFITS%20BETWEEN%20GENDER%20EQUALITY%20AND%20CLIMATE%20ACTION.pdf
- IFRC. (2020). Hướng dẫn thực tế về các Phương pháp tiếp cận nhạy cảm với giới để quản lý thiên tai. Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (IFRC). Truy cập tại <https://www.ifrc.org/PageFiles/96532/A%20Guide%20for%20Gender-sensitive%20approach%20to%20DM.pdf>
- March, C., Smyth, I., & Mukhopadhyay, M. (1999). Hướng dẫn về Khung phân tích Giới. Oxfam GB. Lấy ra từ <https://oxfamilibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/115397/bk-gender-analysis-frameworks-010199-en.pdf;jsessionid=4545940CB68685897F61772456BB6411?sequence=8>
- SIDA. (2015). Phân tích giới - Nguyên tắc và yếu tố. Hộp Công cụ Giới, Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển. Lấy ra từ <https://www.sida.se/contentassets/a3f08692e731475db106fdf84f2fb9bd/gender-tool-analysis.pdf>
- UN Women. (2014). Hướng dẫn: Lồng ghép giới trong xây dựng chương trình Phát triển. Tổ chức của Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ. Lấy ra từ <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/library/publications/2014/gendermainstreaming-issuesbrief-en%20pdf.pdf?la=en&vs=747>
- WHO. (2011). Lồng ghép giới cho các nhà quản lý y tế: một cách tiếp cận thực tế. Tổ chức Y tế Thế giới. Lấy ra từ https://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/44516/9789241501071_eng.pdf;jsessionid=0FA6E4E2D905845BE1352BF519B3B24F?sequence=1

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____ KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____ TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



Lined area for notes with horizontal ruling lines.

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý

The main body of the page is a large grid of small dots, intended for taking notes. The grid is approximately 30 columns wide and 60 rows high. It is bounded by horizontal lines above and below the grid area.

CÁC CÔNG CỤ ĐỂ LỒNG GHÉP GIỚI

TÀI LIỆU PHÁT TAY

MÔ ĐUN

3

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 1: CHỈ SỐ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA PHỤ NỮ

LĨNH VỰC/LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM												
THIỆN TÀI	BANGLADESH	> Cơ quan Cứu trợ Úc > Action Aid	Không phù hợp												
TIẾN TRÌNH/ CÂU HỎI CHÍNH	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ (WRI) dùng để đo lường khả năng phục hồi của cộng đồng từ quan điểm của phụ nữ. Sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, WRI tính ra một điểm số dựa trên 36 chỉ số được tùy chỉnh theo bối cảnh và cho phép so sánh giữa phụ nữ và nam giới. Bao gồm các cuộc thảo luận nhóm tập trung với 51 người dân, 10 cuộc phỏng vấn với những người cung cấp thông tin chính, 200 cuộc khảo sát bảng câu hỏi cá nhân. Nghiên cứu được thực hiện ở bốn địa điểm - North Channel, Patharghata, Sadar & Charduani, và Nilgonj. Nhìn chung, 261 người được hỏi đã tham gia vào nghiên cứu, trong đó 129 nam và 132 nữ. 														
VÍ DỤ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Kiểm soát chi tiêu</th> <th>Thu nhập theo ngày</th> <th>Tiếp cận và khả năng chi trả về y tế</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> 0.90 0.46 </td> <td> 0.69 0.15 </td> <td> 0.45 0.40 </td> </tr> <tr> <td> 27% 71% </td> <td colspan="2" style="text-align: center;"> Không tiếp cận đến công nghệ </td> </tr> <tr> <td> 94% 99% </td> <td> </td> <td> 84% 54% </td> </tr> </tbody> </table>			Kiểm soát chi tiêu	Thu nhập theo ngày	Tiếp cận và khả năng chi trả về y tế	0.90 0.46	0.69 0.15	0.45 0.40	27% 71% 	Không tiếp cận đến công nghệ		94% 99% 		84% 54%
Kiểm soát chi tiêu	Thu nhập theo ngày	Tiếp cận và khả năng chi trả về y tế													
0.90 0.46	0.69 0.15	0.45 0.40													
27% 71% 	Không tiếp cận đến công nghệ														
94% 99% 		84% 54% 													

VÍ DỤ 2: ĐÁNH GIÁ NHANH NHU CẦU CỦA GIỚI ĐỐI VỚI CÁC CỘNG ĐỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI LŨ LỤT

LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
LŨ LỤT	PAKISTAN	Quỹ phát triển Phụ nữ Liên hợp quốc (UNFEM)	2010
PHƯƠNG PHÁP	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hướng dẫn của Ủy ban thường trực liên cơ quan (IASC) làm tiêu chuẩn tối thiểu của hoạt động ứng phó, báo cáo đánh giá này phân tích các xu hướng và dữ liệu mới, chủ yếu dựa vào Đánh giá nhu cầu giới (GNA), Cơ chế đánh giá nhanh đa ngành (McRAM), trường hợp điển hình và thông tin thứ cấp mới. UNIFEM đã thu thập 141 nghiên cứu điển hình từ khắp Pakistan về hậu quả ngay sau trận lụt. Khảo sát Đánh giá nhu cầu giới (GNA) được thực hiện với 253 người trả lời, trong đó 55% là nữ và 45% là nam. Nó được cấu trúc thành hai loại nhu cầu giới chính là nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược phù hợp nhất với tác động trước mắt của các cuộc khủng hoảng nhân đạo. 		

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 2: ĐÁNH GIÁ NHANH NHU CẦU CỦA GIỚI ĐỐI VỚI CÁC CỘNG ĐỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI LŨ LỤT

VÍ DỤ/ĐIỂM NỔI BẬT	BẢO VỆ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN NHU CẦU THIẾT YẾU CỦA CUỘC SỐNG (NHU CẦU THỰC TẾ)	BẢO VỆ TÍNH MẠNG, AN NINH, SỰ TƯ TRỌNG VÀ PHẨM GIÁ (NHU CẦU CHIẾN LƯỢC)
<p><i>Nguồn: UNIFEM(2010)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Đối với nam giới, tương tác mặt đối mặt, đài radio và điện thoại là nguồn thông tin liên lạc / cảnh báo sớm chính; trong khi đối với phụ nữ, đó là truyền thông tin từ nam giới và những cuộc tụ họp cộng đồng. Các quá trình di tản không giống nhau. Hầu hết mọi người đã phải tự lo phương tiện của riêng mình. Quyết định di dời khi nào và ở đâu, chủ yếu do các chủ hộ là nam giới đưa ra. Khi gia đình cố gắng ở cùng nhau tại những nơi trú ẩn tạm bợ hoặc ở ngoài trời, phụ nữ cảm thấy đặc biệt dễ bị rủi ro, khi không có chỗ tránh trú kín đáo. Phụ nữ phàn nàn rằng nam giới thường dễ tiếp cận hàng cứu trợ vì họ có thể chen lên trước và phụ nữ sẽ cần phải chen lấn và cạnh tranh với họ. Dữ liệu Đánh giá nhu cầu giới (GNA) cho thấy khi thiếu lương thực, một nửa số người được hỏi dành ưu tiên cho nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em trai, đối tượng ưu tiên tiếp theo là mẹ/vợ xếp sau rất xa. Việc ăn uống của người cao tuổi ít được chú ý. Vào thời điểm cuộc khảo sát được thực hiện, 55% người được hỏi đã được sử dụng nhà tiêu và nhà tắm, trong khi 44% vẫn chưa sử dụng. 10% số hộ được khảo sát đã sinh thêm một hoặc nhiều con sau lũ. Trong các hộ gia đình được khảo sát, trung bình 30% có ít nhất một phụ nữ đang cho con bú. 	<ul style="list-style-type: none"> Dưới 40% số người được hỏi cảm thấy an toàn và thoải mái khi sử dụng nhà tiêu và nhà tắm, trong khi 1/4 số người được hỏi cho biết họ cảm thấy không an toàn khi làm như vậy. Dữ liệu cho thấy 13% số người được hỏi cho biết bạo lực rất có thể xảy ra trong lều hoặc nơi trú ẩn. 16% số người được hỏi xác định kết hôn sớm là vấn đề an ninh an toàn chính mà trẻ em gái và phụ nữ phải đối mặt. 34% số người được hỏi cho biết bạo lực đối với phụ nữ thường xảy ra nhất trong gia đình, trong khi gần như tương đương 33% cho biết khả năng xảy ra cao nhất khi đi ra ngoài một mình hoặc làm việc bên ngoài gia đình. Tính dễ bị tổn thương của phụ nữ thay đổi theo tuổi tác, tình trạng hôn nhân, sự hiện diện của các hệ thống bảo trợ xã hội dành cho gia đình không chính thức và sự đan xen của các yếu tố sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và giai cấp. Phụ nữ thuộc các giai cấp nông nghiệp có đẳng cấp thấp cảm thấy họ có thể bị 'khalifas' (cấp phó) của địa chủ bắt cóc.

VÍ DỤ 3: PHÂN TÍCH GIỚI TRONG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU

LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU ĐÔ THỊ	VIỆT NAM	Mạng lưới ứng phó với biến đổi khí hậu của các thành phố Châu Á (ACCCRN), Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED), Quỹ Rockefeller, Viện Chuyển đổi Môi trường và Xã hội (ISET), Văn phòng Điều phối Biến đổi Khí hậu (CCCO) Thành phố Đà Nẵng (Việt Nam)	2016
CÂU HỎI NGHIÊN CỨU CHÍNH	<ul style="list-style-type: none"> Vai trò và trách nhiệm chung, vai trò và trách nhiệm khác nhau của phụ nữ và nam giới trong việc giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu là gì? Địa vị khác nhau của họ trong gia đình và trong cộng đồng là gì? Vai trò của phụ nữ và nam giới đã thay đổi hoặc thay đổi như thế nào trong những năm gần đây? Nhu cầu và năng lực về giới mang tính thực tế và chiến lược của phụ nữ và nam giới là gì? Những yếu tố này có thường được xem xét riêng biệt trong khi phân tích nhu cầu, xây dựng và thực hiện các hoạt động nâng cao khả năng chống chịu với khí hậu hay không? Hiệu quả hoặc tác động tiềm ẩn của việc giải quyết nhu cầu và năng lực của phụ nữ và nam giới một cách riêng biệt và chung là gì? Các tổ chức địa phương nào tham gia xây dựng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu đô thị có thể đảm nhận hoặc chịu trách nhiệm chính trong việc thúc đẩy vai trò giới và cải thiện quan hệ giới, đặc biệt trong việc tăng cường vai trò và vị thế của phụ nữ trong nâng cao khả năng chống chịu? 		

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

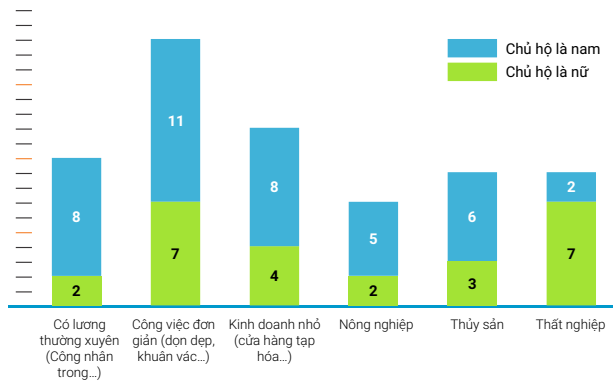
VÍ DỤ 3: PHÂN TÍCH GIỚI TRONG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU

QUY TRÌNH THU THẬP DỮ LIỆU CHÍNH

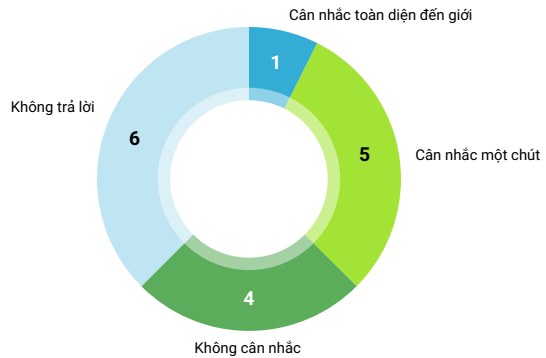
- Tham vấn với các nhóm nam và nữ khác nhau ở các phường / xã dễ bị tổn thương;
- Phỏng vấn đại diện các cơ quan ban ngành và các tổ chức cộng đồng khác ở cấp thành phố, quận / huyện và phường / xã; và
- Sáu mươi cuộc phỏng vấn cấp hộ gia đình, trong đó một nửa là "nghèo" về kinh tế và một nửa là "cận nghèo".
- Cả vợ và chồng đều được mời phỏng vấn và số người trả lời là nam và nữ trong điều tra hộ gia đình gần bằng nhau, 47 nam và 51 nữ.

VÍ DỤ / PHÁT HIỆN NỔI BẬT

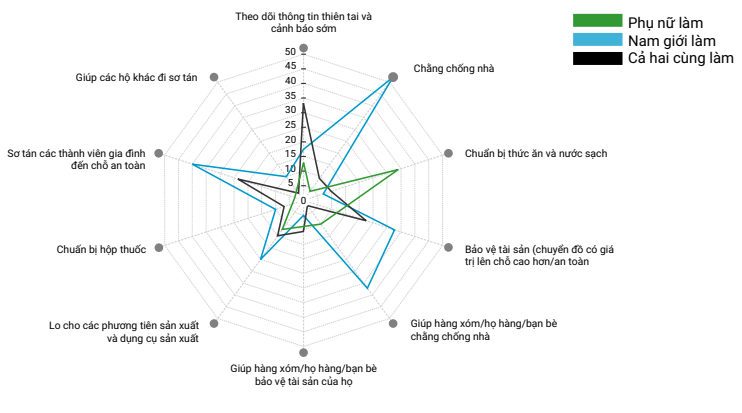
Số lượng nam giới và nam giới có thu nhập từ các sinh kế khác nhau trong các hộ gia đình được phỏng vấn



Mức độ cân nhắc về giới trong thiết kế các khu vực công cộng/Công viên trong các khu vực dễ bị tổn thương



Ứng phó của hộ gia đình với Biến đổi khí hậu và Thiên tai



Nguồn: (Anh, et al. 2016)

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 4: PHÂN TÍCH GIỚI TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP THÂN THIỆN VỚI KHÍ HẬU

LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
NÔNG NGHIỆP	CAMBODIA	Ngân hàng Phát triển châu Á	2018
PHƯƠNG PHÁP	<p>Trong dự án, ba tiểu dự án đã được xác định và một phân tích giới của cả ba tiểu dự án đã được thực hiện riêng biệt để đưa vào kế hoạch hành động về giới. Các nguồn thông tin bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dữ liệu thứ cấp bao gồm các báo cáo và ấn phẩm điều tra xã hội gần đây; Các nhóm thảo luận tập trung với những người hưởng lợi (với cả hai giới và riêng với phụ nữ) Phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính với lãnh đạo xã và thôn bản địa phương và các đầu mối phụ nữ và trẻ em của xã; Phỏng vấn trực tiếp và qua điện thoại với những người cung cấp thông tin chính; Các cuộc họp với các cán bộ chủ chốt của Bộ; và với tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO) Oxfam. 		
VÍ DỤ/ PHÁT HIỆN NỔI BẬT	<p>Phân công công việc trong nông nghiệp và trong tổ chức sản xuất lúa</p> <ul style="list-style-type: none"> Phụ nữ tham gia vào: i) làm đất, dọn cỏ và làm cỏ; ii) lên luống, bón phân, cấy mạ, thu hoạch lúa bằng tay; iii) tuốt và xay lúa; iv) thu gom và tích trữ thóc; và v) bán thóc cho người thu gom. Khi bán thóc, cả nam và nữ đều quyết định và cùng nhau thoả thuận giá nào thì bán được. Việc vận chuyển thóc chủ yếu do nam giới làm và một số gia đình thuê lao động để kéo và vận chuyển thóc. Hiện chỉ có một thôn trong xã có thể canh tác 3 vụ lúa / năm do được cung cấp nước quanh năm. Ở các thôn khác, mỗi năm chỉ có một vụ lúa vì không đủ nước. Không có hiệp hội người dùng nước hoặc hợp tác xã nông nghiệp trong xã. Khi nông dân yêu cầu nước để canh tác, họ xin phép trưởng thôn. Lượng nước rất hạn chế và việc phân phối nước do trưởng làng quyết định. Phần lớn người thu gom/trung gian thu mua lúa tại địa bàn tiểu dự án 1 ở xã Tani là phụ nữ. Họ thay mặt cho khách hàng của họ, những người bán buôn và định giá mua, là người Campuchia và người Việt Nam, mua thóc từ nông dân địa phương. Người thu mua này là một phụ nữ địa phương sống trong xã và học nghề từ một người thân trong gia đình. Chồng cô hỗ trợ bằng cách vận chuyển những bao tải thóc đã mua từ các trang trại. Trong các cuộc phỏng vấn với những người thu mua lúa, họ giải thích rằng để doanh nghiệp của họ phát triển, họ cần có nhiều lúa hơn. Vì lý do này, họ cho rằng tiểu dự án hiện đại hóa thủy lợi được đề xuất là một bước phát triển tích cực sẽ làm tăng sản lượng lúa. Những người thu mua lúa được phỏng vấn giải thích rằng họ không cho nông dân vay tiền mà sẽ ứng trước không tính lãi cho những nông dân mà họ tin tưởng. Người phụ nữ xay xát lúa ở địa phương cho các hộ gia đình vay không tính lãi từ 75 đô la Mỹ đến 125 đô la Mỹ từ 4 đến 5 ngày trước khi thu hoạch lúa. Các hộ gia đình hoàn trả khoản vay bằng hiện vật. Mỗi mùa vụ, người xay lúa giải thích rằng cô ấy cần 10.000 đô la Mỹ để mua thóc từ nông dân. Tuy nhiên, cô ấy thường không có đủ tiền mặt cho công việc kinh doanh của mình và do đó phải vay khoảng US \$ 5,000 từ tổ chức tín dụng vi mô địa phương. Người xay xát gạo mua thóc từ nông dân và người thu gom trong xã và bán gạo đã xay cho người dân trong xã và cho một khách hàng ở Việt Nam. <p>Hồ sơ công việc trong trồng và tổ chức sản xuất xoài</p> <ul style="list-style-type: none"> Hầu hết nông dân trồng xoài trong khu vực đều sử dụng lợi nhuận từ sản xuất lúa hoặc vay vốn ngân hàng hoặc dùng tiền gửi của con cái để trồng vườn xoài của họ, thường có diện tích khoảng 5-7 ha. Việc trồng xoài rất tốn kém cho người nông dân. Do không có đủ vốn, lao động hoặc kiến thức về trồng xoài nên nông dân thường cho các nhà thầu tư nhân, thường là các công ty của Campuchia thuê vườn cây ăn trái của họ, thường sau 3-4 năm trồng cây và bắt đầu cho trái. Giá của một cây xoài non khoảng 50 xu đến một đô la. Chi phí nhân công để thu hoạch xoài là 50.000 Rubi mỗi ngày. Nước tưới cho vườn cây ăn quả thường lấy từ ao hoặc giếng khoan. Tùy thuộc vào việc đàm phán với các nhà thầu, nông dân có thể nhận được từ 5 đô la đến 10 đô la cho việc cho thuê một cây. Giá thuê điển hình cho một vườn xoài 7 ha với cây bốn năm tuổi là từ 6.000 đô la đến 7.000 đô la/năm. Sau đó, nhà thầu sẽ chăm sóc vườn cây ăn trái bằng cách sử dụng lao động (nam) do họ thuê, làm cỏ, bón phân và phun thuốc trừ sâu để đảm bảo cây xoài ra quả. Chủ vườn không có trách nhiệm hoặc yêu cầu bồi thường đối với vườn. Tất cả doanh thu từ việc bán xoài, thường là cho người bán buôn ở Việt Nam, đều thuộc về nhà thầu. 		

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 4: PHÂN TÍCH GIỚI TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP THÂN THIỆN VỚI KHÍ HẬU

- Nhà thầu tập huấn cho nông dân cách trồng xoài đúng cách. Các nhà cung cấp vật tư nông nghiệp địa phương thường xuyên giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp được khuyến nghị sử dụng để trồng xoài như thuốc trừ sâu và phân bón. Họ cung cấp một khóa đào tạo kéo dài 5 ngày cho nông dân và các học viên hoàn toàn là nam giới. Trong địa bàn tiểu dự án, vắng bóng nhiều nông dân trồng xoài.
- Chủ yếu là nam giới làm những công việc nặng nhọc trong trồng xoài. Khoảng 50% nam giới ở địa phương này cũng chia sẻ trách nhiệm làm việc nhà và nam giới chịu trách nhiệm chăm sóc các loại gia súc lớn. Một số người đàn ông cũng giúp phụ nữ chăm sóc con nhỏ. Đối với các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ, nơi con cái đã lớn, đi di cư và để lại các cháu cho họ chăm sóc, khối lượng công việc là rất lớn. Ngoài việc chăm sóc các cháu, những người phụ nữ này còn là người chăm sóc gia súc, quản lý và đảm nhận cả việc trồng lúa và trồng mướp khác, bao gồm cả việc thuê lao động trong ngày. Một số phụ nữ cũng trực tiếp tham gia trồng xoài. Thuê mướn lao động là cần thiết vì tình trạng thiếu hụt lao động trong gia đình do hậu quả của việc di cư và tiền của người di cư được sử dụng để trả lương cho những người lao động làm việc trong ngày.
- Có hội người sử dụng nước trong xã nhưng chỉ tham gia vào việc quản lý nước cho sản xuất lúa.
- Khi được phỏng vấn, một nhà thầu xoài địa phương giải thích rằng anh ta trả từ 5 đến 10 đô la Mỹ cho mỗi cây trong một năm và anh ta có thể bán một kg xoài với giá 3.500 Rubi cho người thu mua xoài ở địa phương. Anh ấy nói rằng anh ấy có thể tự trang trải chi phí hoạt động mà không phải vay bất kỳ khoản tiền nào. Người thu mua xoài ở địa phương giải thích rằng để thu mua xoài, anh ta vay tiền không tính lãi từ khách hàng của mình ở Việt Nam và số tiền vay là gần 10.000 đô la để mua xoài từ các nhà thu mua thông thường của anh ta. Sau đó, khách hàng Việt Nam sẽ bán xoài cho khách hàng của mình ở Trung Quốc. Trong trường hợp này, người thu gom không đóng vai trò là người cho vay tiền ở địa phương, vì cả nông dân địa phương và nhà thầu đều chưa từng tiếp cận anh ta để thanh toán trước hoặc cho vay.

Nguồn: ADB và GEF, 2018

VÍ DỤ 5: NGHIÊN CỨU VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG CHỈ RỪNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

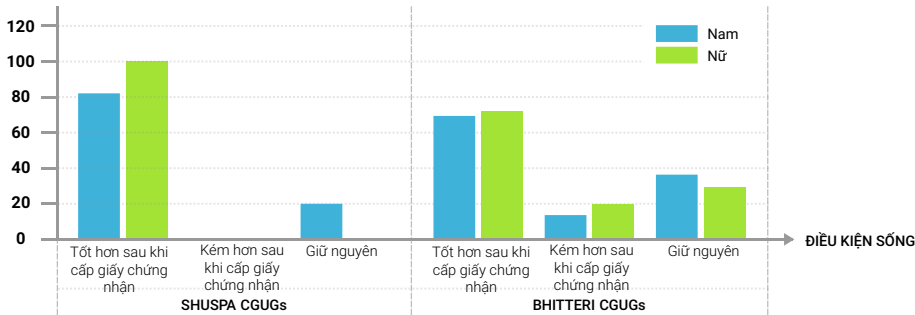
LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
Rừng	Nepal	Đại học Freiburg, Đức	2011

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU	LIÊN QUAN ĐẾN
<ul style="list-style-type: none"> Nam và nữ có tham gia vào các hoạt động khác nhau liên quan đến sử dụng rừng không? Các lâm sản gì thường được thu hái bởi nam giới và phụ nữ, trước và sau khi cấp chứng chỉ? Sự tham gia của nam giới và phụ nữ trong các ủy ban và tiểu ban như thế nào? Nam giới và phụ nữ nhận thức như thế nào về thực hành quản lý rừng, điều kiện rừng và điều kiện sống của họ sau khi thực hiện các yêu cầu về chứng chỉ? 	

PHƯƠNG PHÁP	MÔ TẢ
	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu biết về bình đẳng giới, tập trung vào sự tham gia của phụ nữ trong dự án cấp chứng chỉ rừng và về mức độ nhận thức của người sử dụng rừng. Các chuyên gia của dự án và người dân địa phương đã được phỏng vấn. Các cuộc họp của ủy ban đã được tiến hành và 60 cuộc phỏng vấn hộ gia đình cũng được thực hiện.

VÍ DỤ/PHÁT HIỆN NỔI BẬT

Ý kiến của người khảo sát tại Sushpa và Bhitteri về điều kiện sống sau khi cấp giấy chứng nhận



- Theo quy định, ba mươi ba phần trăm thành viên ủy ban là phụ nữ. Tuy nhiên, nam giới thường giữ các vị trí chính, trong khi các thành viên nữ chủ yếu ở trong các tiểu ban.
- Nam giới cảm thấy được thông báo tốt hơn về các cuộc họp ủy ban sắp tới so với nữ giới.
- Ở Sushpa, chỉ có 21% phụ nữ biết rằng rừng đã được cấp chứng chỉ; một phần ba trong số họ biết về năm cấp chứng chỉ, những người khác thì không. Trong số tất cả nam giới, 50% nhận thức được rừng đã được cấp chứng chỉ; hai phần năm trong số họ biết năm cấp chứng chỉ.

Nguồn: Leward và các đồng nghiệp, 2011

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 6: KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI: TRẢI NGHIỆM VỀ LŨ LỤT VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA NHỮNG PHỤ NỮ THIỆT THỜI

LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
THIỆT TAI	NEPAL	Practical Action	2019

PHƯƠNG PHÁP	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu nhằm thu thập nhiều kinh nghiệm và quan điểm khác nhau về sự liên quan giữa giới và hệ thống cảnh báo sớm (EWS) trong bối cảnh Không để ai lại phía sau. Thực hiện phỏng vấn sâu với những phụ nữ bị thiệt thòi, bao gồm những người già, phụ nữ khuyết tật, mẹ đơn thân, phụ nữ chuyển giới, phụ nữ đang mang thai hoặc đang cho con bú, những người có con nhỏ và phụ nữ khiếm thị. Tên đã được thay đổi để bảo toàn tính ẩn danh, trừ khi có ai yêu cầu rõ ràng về việc để tên của họ. Chủ động thực hiện những nỗ lực để xây dựng lòng tin với các cá nhân thuộc các nhóm yếu thế, thường liên kết với tổ chức dựa vào cộng đồng có liên quan (CBO) hoặc trung gian đáng tin cậy và thực hiện phương pháp “quả cầu tuyết” dựa trên sự giới thiệu của các cá nhân để tiếp cận các cá nhân khác. Một quyết định chiến lược đã được đưa ra để thực hiện các cuộc phỏng vấn từ xa với những người không có tiếng nói, qua điện thoại, tìm những thời điểm mà người được phỏng vấn cảm thấy tự tin để nói chuyện cởi mở, đảm bảo cho họ quyền riêng tư và ẩn danh, và để những người được phỏng vấn chia sẻ quan điểm của họ cởi mở hơn những gì có thể mong đợi, khi nhóm phỏng vấn là người đến từ bên ngoài cộng đồng. 		
-------------	--	--	--

VÍ DỤ CỦA SỰ LIÊN TIẾNG CỦA PHỤ NỮ:	<p>Hira Devi Tharu*, phụ nữ trẻ khiếm thị, ở phía đông Nepal</p> <p>Hira đã kết hôn với một người đàn ông bị khiếm thị. Họ có với nhau một đứa con mới biết đi và sống với gia đình chồng của Hira.</p>		
-------------------------------------	--	--	--

Mẹ chồng tôi đã báo cho tôi và chồng tôi ngay trước khi lũ ập đến. Sau đó bà ấy sắp xếp để chúng tôi được đưa đến nơi tránh trú. Nó rất đáng sợ. Trận lũ đã cuốn trôi tất cả những gì chúng tôi sở hữu sau đó. Tôi chắc chắn chồng tôi [cũng bị mù] và tôi sẽ chết nếu chúng tôi không có sự giúp đỡ. Tôi biết đường đến trường học, và ngay cả trong lúc hỗn loạn đó, tôi có thể đến được đó, nhưng phải là với con gái và đồ đạc của tôi. Tôi sẽ rất lo cho sự an toàn của con. Tôi chưa bao giờ tham gia bất kỳ khóa đào tạo hoặc cuộc họp nào liên quan đến việc chuẩn bị cho thiên tai. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ được hưởng lợi từ nó, hoặc những người khác có thể học hỏi hoặc hưởng lợi từ những đóng góp của tôi cho họ. Nếu đúng như vậy, tôi nghĩ, tôi cũng nên được mời tham gia, phải không?

Không ai hỏi ý kiến của cô ấy và cô ấy chưa bao giờ nghĩ phải chủ động chia sẻ chúng vì cô ấy không nghĩ rằng có ai đó quan tâm.

Khó khăn lớn nhất tại nơi tránh trú ẩn là giữ cho đứa con mới biết đi của tôi an toàn và tránh xa mọi người. Vì còn quá bé, con bé không biết gì về ranh giới cá nhân, và vì con bé sẽ đi tiểu tiện bất cứ khi nào con bé cảm thấy cần thiết, và bởi vì tất nhiên tôi không thể luôn luôn nhìn thấy, nên mọi người xa lánh chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi ở trên tầng hai và cùng với việc không có lan can, cũng không có nhà vệ sinh ở đó. Nhìn chung, đó là một trải nghiệm rất khó khăn và không thoải mái... Tôi gần như cảm thấy bị tổn thương tâm lý khi tôi cảm thấy bị mọi người xung quanh xa lánh, mặc dù tôi có thể làm được rất ít để tự giúp mình.

Trong những thời điểm bất trắc và hỗn loạn như lũ lụt, mọi người đúng là tập trung vào việc tự cứu mình. Trong những môi trường như vậy, những người như chúng tôi [mù và khuyết tật] không thể nhìn, không thể nghe và do đó không thể di chuyển xung quanh một cách thoải mái và tự tin, thậm chí còn trở nên dễ bị tổn thương hơn. Chúng tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chờ đợi cho đến khi ai đó nghĩ về chúng tôi. Cho đến khi ai đó sẵn lòng giúp đỡ chúng tôi. Cùng với chúng tôi, tôi cho rằng phụ nữ mang thai và phụ nữ có con mới sinh là những người dễ bị tổn thương nhất

<p>Champa Kali Musalman, phụ nữ chuyển giới, Tây Nepal</p> <p>Champa đã ngoài 50 tuổi. Cô chưa bao giờ kết hôn và sống cùng gia đình 9 người, bao gồm mẹ già và em dâu góa chồng.</p>
--

Tôi đã dẫn gia đình tôi đến một nơi an toàn. Chúng tôi chỉ rời đi sau khi nước bắt đầu vào nhà. Chúng tôi đã chỉ cứu được mạng sống của mình. Không còn gì khác. Chúng tôi không mong đợi lũ lụt sẽ tồi tệ hơn những năm trước; nếu chúng tôi biết rõ hơn, tôi chắc chắn sẽ chuẩn bị tốt hơn và đảm bảo rằng chúng tôi đã rời đi sớm hơn.

Khi tôi bắt đầu chạy về phía khu vực đất cao hơn với những người còn lại trong gia đình, người ta ngay lập tức gọi tên. Mọi người chỉ về phía chúng tôi và nói, "Ồ, nhìn này, gia đình chakka [thuật ngữ chế giễu] cũng sắp đến rồi". Tôi đã công khai nhiều năm nay, mọi người trong cộng đồng của tôi biết tôi là tesro-lingi (giới tính thứ ba) và tôi đã quen với việc bị chế giễu và bị gọi bằng những cái tên xúc phạm. Nhưng bị đối xử như vậy ngay cả trong thời gian khủng hoảng như thế này khiến tôi cảm thấy rất kinh khủng. Không ai nghĩ đến việc giúp đỡ, mặc dù mẹ tôi đã rất già và các cháu tôi đều còn bé. Thay vào đó, họ cố gắng tránh chúng tôi. Khi những lời chế giễu và chế nhạo tiếp tục kéo dài nhiều ngày ngay cả tại nơi chúng tôi đang trú ẩn và mọi người cố gắng hết sức để tách chúng tôi ra, đôi khi tôi nghĩ đến việc nhảy xuống nước và kết thúc nó một lần và mãi mãi. Trên hết, không có nơi nào riêng tư để dọn dẹp, giặt giũ và thay đồ, và điều này khiến mọi thứ trở nên tồi tệ hơn.

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

VÍ DỤ 6: KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI: TRẢI NGHIỆM VỀ LŨ LỤT VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA NHỮNG PHỤ NỮ THIỆT THỜI

Champa Kali hỗ trợ gia đình của mình thông qua thu nhập mà cô ấy kiếm được bằng cách khiêu vũ và ca hát tại các sự kiện văn hóa và tôn giáo khác nhau. Cô ấy cảm thấy mình có tiếng nói cuối cùng trong hầu hết các vấn đề gia đình vì điều này. Tuy nhiên, cô ấy cũng cảm thấy mình sẽ không bao giờ có thể tham gia bất kỳ cuộc họp hoặc thảo luận nào, ngay cả ở cấp độ cộng đồng.

Tôi cảm thấy quá xấu hổ và khó chịu. Tôi biết mọi người trong cộng đồng không tin tưởng và không thích những người như tôi. Tôi sẽ không bao giờ sẵn sàng đặt mình vào vị trí mà tôi có thể bị chế nhạo một cách công khai.

Trừ khi tôi biết một cuộc họp được tổ chức đặc biệt cho những người như tôi, tôi sẽ không bao giờ ngồi và đưa ra quan điểm của mình khi bị bao quanh bởi những người đàn ông và phụ nữ bình thường.

Nguồn: (Brown, et al. 2019)

VÍ DỤ 7: ĐÁNH GIÁ GIỚI NHANH CHO ĐẠI DỊCH COVID-19

LĨNH VỰC/ LĨNH VỰC NHỎ	QUỐC GIA	TỔ CHỨC	NĂM
ĐẠI DỊCH (Y TẾ)	CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG	UN Women	2020

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

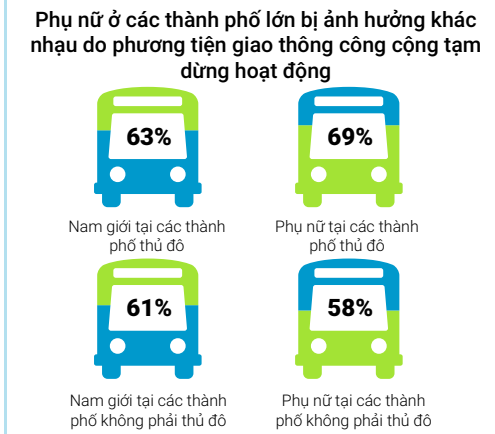
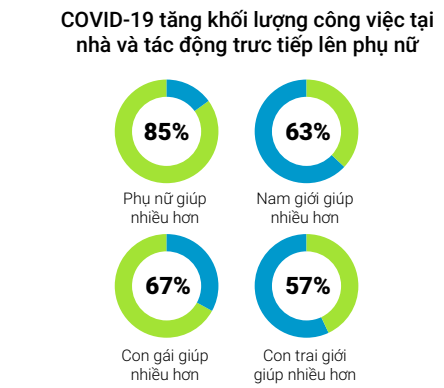
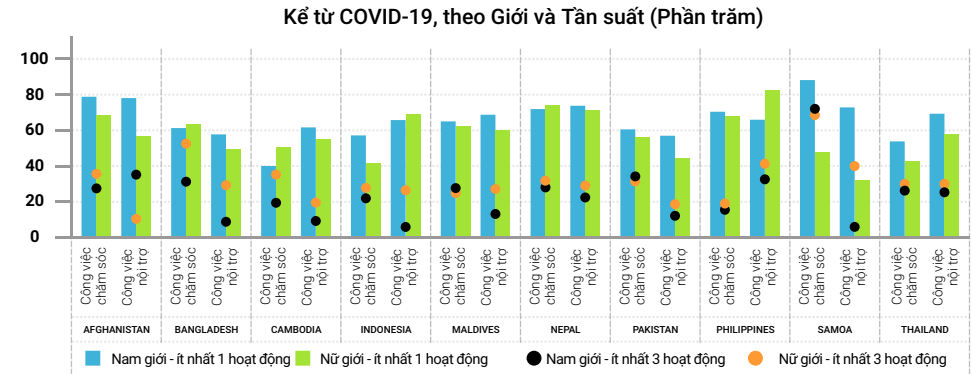
Tìm hiểu tình trạng đóng cửa nền kinh tế

- Hiểu các tác động về giới của COVID-19 đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững ở Châu Á và Thái Bình Dương
- Lập bản đồ hậu quả của COVID-19 trong trao quyền kinh tế cho phụ nữ và nam giới

PHƯƠNG PHÁP

- Thực hiện đánh giá nhanh tại 11 quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương thông qua điện thoại di động
- Bảng câu hỏi cơ bản (gồm 16 câu hỏi) có thể hoàn thành trong vòng 10 phút.
- Các thông số được đề cập bao gồm: i) Thông tin cơ bản; ii) Nguồn thông tin liên quan đến COVID; iii) tình trạng việc làm và thu nhập trước và trong khi đóng cửa nền kinh tế; iv) ảnh hưởng đến các nguồn thu nhập của hộ gia đình; v) công việc chăm sóc và nội trợ trong gia đình; vi) tiếp cận với bảo trợ xã hội; và những vấn đề khác.

VÍ DỤ/CÁC PHÁT HIỆN NỔI BẬT



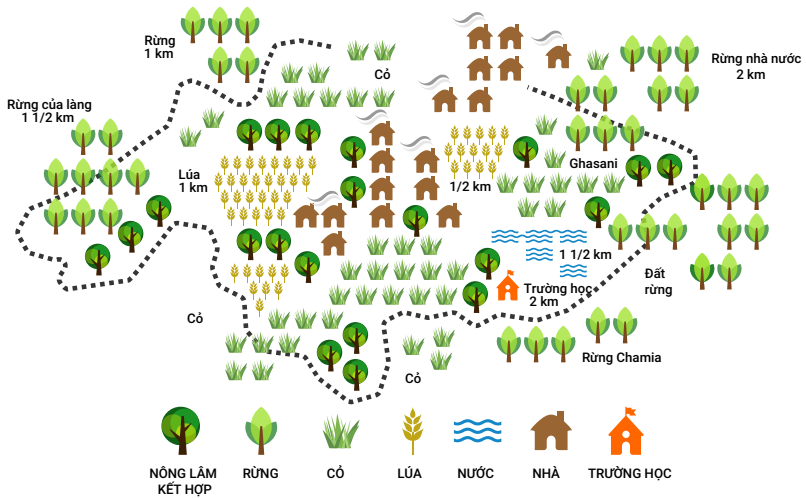
Nguồn: (UN Women 2020)

* Phụ nữ và nam giới được hỏi liệu chồng/vợ họ giúp nhiều hơn, do vậy giá trị là chồng/vợ họ là người khác giới, mặc dù có thể không luôn luôn là như vậy

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

LẬP SƠ ĐỒ NGUỒN LỰC VÀ THẢM HỌA

- Để đưa ra một bức tranh rõ ràng về mức độ phơi nhiễm và độ nhạy cảm với các rủi ro khí hậu đối với từng khu vực, nguồn lực và các nhóm khác nhau trong cộng đồng.
- Để hiểu hơn về cộng đồng và xem các nhóm khác nhau trong cộng đồng nhìn nhận nơi này như thế nào.
- Để xác định sinh kế quan trọng và các nguồn lực khác trong cộng đồng.
- Để xác định các khu vực, con người, tài sản và tài nguyên có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các hiểm họa khí hậu.



Nam giới và phụ nữ (và các nhóm dễ bị tổn thương khác như người khuyết tật) không được phân bố đồng đều về mặt địa lý trong cộng đồng, trong các các hoạt động xã hội và kinh tế, trách nhiệm gia đình và những hoạt động khác. Lập bản đồ là cơ hội để trình bày trực quan các khu vực dễ bị tổn thương khác nhau cho nam giới và phụ nữ (và các nhóm khác) về mức độ phơi nhiễm và độ nhạy cảm. Một số khu vực trong làng được phụ nữ và trẻ em thường xuyên lui tới hơn, ví dụ: trung tâm y tế, trường học, điểm thu gom nước, nhà máy may mặc, trang trại trồng rau và những khu vực khác, trong khi nam giới thường đến các khu vực khác nhiều hơn như trang trại nuôi tôm, rừng ngập mặn và các trang trại khác.

LỊCH MÙA VỤ

- Để hiểu các chu kỳ theo mùa hàng năm của các hoạt động sinh kế chính trong cộng đồng.
- Để xác định tính theo mùa của các thảm họa, áp lực thời tiết, dịch bệnh, nợ nần, các hoạt động xã hội và tôn giáo và những hoạt động khác, và liên kết nó với các hoạt động sinh kế.
- Để xác định và phân tích những thay đổi trong trung và dài hạn trong quá khứ đối với các hoạt động sinh kế, và tác động của biến đổi khí hậu và thời tiết đối với các chiến lược sinh kế.






THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa		•	••	••	•••	•••	•••	•••	•	•	•	•
Lao động nông nghiệp	•	••	•••	•••	•••	•••	•••	••	•••	•••	••	••
Lao động phi nông nghiệp	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Có lương thực	••	•••	•				••	••	•••	•••	•••	••
Có nước	•	•	••	•••	•••	•••	•••	••	•	•	•	•
Bệnh trên người	•	•	•			•••	•••					
Bệnh trên gia súc	•••	•••	•	•	•••	•••	•••	•	•	•	•••	•••

Khi các nhóm khác nhau làm công cụ này bằng cách sử dụng các ký hiệu, lịch theo mùa có thể giúp xác định vai trò của nam giới và phụ nữ trong các hoạt động kinh tế và xã hội chính. Bạn cũng có thể xem lịch theo mùa của nam giới và phụ nữ đã thay đổi như thế nào trong quá khứ để ứng phó với biến đổi thời tiết và khí hậu. Trong khi thảo luận, bạn có thể xác định khả năng tiếp cận khác nhau với thông tin khí hậu và các nguồn lực cần thiết cho sinh kế; hiểu lý do tại sao và tác động tiềm ẩn của chúng, đồng thời bắt đầu thảo luận về các giải pháp.

VÍ DỤ VỀ PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ GIỚI

MA TRẬN TÁC ĐỘNG

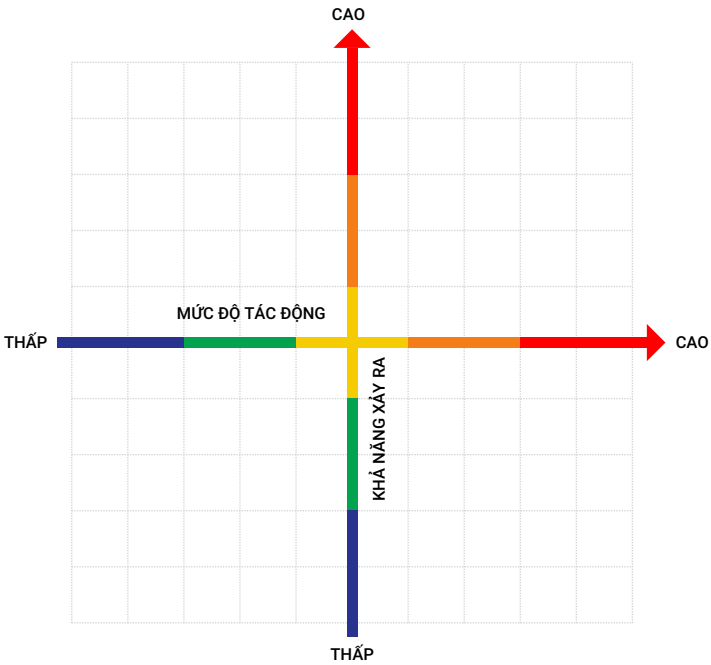
- Xác định nghề nghiệp chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu trong cộng đồng.
- Nêu đặc điểm và so sánh mức độ ảnh hưởng của các ngành nghề do biến đổi khí hậu.
- Xác định rủi ro khí hậu có ảnh hưởng nhiều hơn đến cộng đồng.

NGHỀ NGHIỆP/ SINH KẾ						TỔNG SỐ
TỔNG SỐ						

Nam giới và phụ nữ nói chung thường làm các nghề nghiệp khác nhau. Bài tập này giúp hiểu những nghề nào có mức độ phơi nhiễm và độ nhạy cảm cao hơn đối với các rủi ro khí hậu. Cần tập trung vào việc hiểu tại sao một nghề cụ thể lại dễ bị tổn thương hơn - nếu đó là do sự phơi nhiễm hoặc nhạy cảm; và những gì có thể được thực hiện để giải quyết các rủi ro. Trong cuộc thảo luận, bạn cũng có thể xác định có bao nhiêu người trong cộng đồng tham gia vào một nghề nào đó, mức độ ổn định của thu nhập hiện tại từ nghề đó, các bộ kỹ năng cần thiết.

RỦI RO

- Xác định các rủi ro theo khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng.
- Cộng đồng nhận thức được "khả năng xảy ra" và "tác động" của một thảm họa/sự kiện thiên tai. Ví dụ, một trận sóng thần có thể có tác động rất lớn đến cuộc sống nhưng khả năng nó xảy ra ở các vùng không ven biển là không có. Tương tự, sóng nhiệt có thể ít tác động hơn nhưng khả năng xảy ra cao hơn nhiều.



Giúp giải quyết sự căng co giữa "căng thẳng" khí hậu và "cú sốc" về khí hậu. Thông thường, phụ nữ nghèo bị ảnh hưởng bởi áp lực khí hậu nhiều hơn là các cú sốc. Tuy nhiên, lập kế hoạch thích ứng có xu hướng hướng tới những cú sốc hơn là căng thẳng.

CÁC CÔNG CỤ CÓ SỰ THAM GIA ĐỂ PHÂN TÍCH GIỚI VÀ LẬP KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

CHẤM ĐIỂM KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

- Xác định kịch bản / tình trạng hiện tại của cơ sở hạ tầng liên quan đến các dịch vụ và hoạt động thích ứng với khí hậu cơ bản sẵn có trong khu vực.
- Giúp lập bản đồ các năng lực thích ứng hiện tại từ góc độ cơ sở hạ tầng và dịch vụ.

	Lũ lụt				
	1	2	3	4	5
Mạng lưới thoát nước được quản lý tốt	Không có hệ thống thoát nước trong khu ổ chuột	Hệ thống thoát nước mở với nhiều chỗ tắc và quá tải	Hệ thống thoát nước mở được quản lý tốt hoặc bị tắc 1 phần, thường xuyên bị hỏng	Hệ thống nước và thoát nước thải ngầm bị hỏng dẫn tới ô nhiễm nguồn nước uống	Hệ thống nước tốt và cơ sở hạ tầng rác thải tốt
Hệ thống quản lý nước mưa	Không có hệ thống	Hệ thống cống mở thường bị tắc	Có hệ thống cống nhưng bị lấn chiếm	Có hệ thống nhưng không hiệu quả	Có hệ thống thoát nước mưa hiệu quả hoặc khu ổ ở chỗ cao và không bị tình trạng ngập nước
Hệ thống quản lý chất thải rắn	Không có hệ thống thu rác thải rắn – nhiều rác ở khu chôn cất	Không có hệ thống thu rác nhưng xe thu rác đến theo yêu cầu	Thu rác không thường xuyên ở cửa ngõ của khu ổ chuột/khu vực được giao	Thu rác thường xuyên ở cửa ngõ của khu ổ chuột/khu vực được giao	Thu rác thường xuyên tại nhà
Thường xuyên làm sạch hệ thống cống	Không có cống thoát nước	Thi thoảng làm sạch cống, nhưng bùn đất vẫn ở bên ngoài cống (không được dọn)	Thi thoảng làm sạch hệ thống cống, nhưng không dọn bùn	Làm sạch hệ thống cống trước khi triều cường và dọn bùn trong 48 tiếng	Thường xuyên làm sạch hệ thống cống trước khi triều cường và dọn bùn trong 48 tiếng
Nền nhà cao	Nền nhà rất thấp	Nhà thấp hơn đường	Nền nhà bằng với đường nhưng ko hiệu quả	Nền nhà chịu được triều cường bình thường, không chịu được mưa lớn	Nền nhà chịu được mưa lớn

■ TỐT NHẤT ■ TỐT ■ TRUNG BÌNH ■ KÉM ■ RẤT KÉM

Tính đến cơ sở hạ tầng và dịch vụ liên quan đến nhu cầu thiết thực của nam giới và phụ nữ có thể tạo ra những cuộc thảo luận để giải quyết nhu cầu cơ sở hạ tầng của phụ nữ để thích ứng với biến đổi khí hậu.

ƯU TIÊN CÁC GIẢI PHÁP

- Để đánh giá và nghiên cứu mong muốn của cộng đồng đối với một giải pháp hoặc công nghệ cụ thể, bên cạnh những giải pháp và công nghệ khác.
- Hữu ích khi cung cấp cho cộng đồng một loạt các giải pháp và giúp cộng đồng lựa chọn dựa trên các tiêu chí phù hợp hơn với người dân của cộng đồng.
- Công cụ này có thể được sử dụng để sắp xếp thứ tự ưu tiên của nhiều dự án và giúp chi tiết hóa các dự án. Ví dụ, để lựa chọn giữa đường cấp nước sinh hoạt và đường cống thoát nước cũng như giữa các giống cây trồng chịu lũ hoặc chọn loài cây để trồng rừng.

SI No.:	ITEM	UU TIÊN							
		LÀNG PANCHAYAT	EWRs						TRUNG BÌNH
			1	2	3	4	5	6	
1.	Hành chính chung (lương, chỗ ngồi, TA, DA, Văn phòng phẩm...)	4	6	5	7	7	5	5	6
2.	An sinh xã hội	1	1	2	1	3	1	4	1
3.	Cơ sở hạ tầng công cộng	2	2	3	5	2	3	2	3
4.	Y tế công cộng	7	3	4	3	1	4	6	4
5.	Lễ nghi dân sự	3	4	1	2	4	2	1	2
6.	Giáo dục	8	5	6	6	5	6	3	5
7.	Công việc liên quan đến phúc lợi của giai cấp và tộc người	6	7	7	4	6	7	7	7
8.	Đóng góp	9	8	8	8	9	8	8	8
9.	Nợ	5	9	9	9	9	9	9	9

Công cụ này được thực hiện riêng với nhóm nam giới và nhóm phụ nữ hoặc thậm chí có nam giới và phụ nữ trong cùng một nhóm, nếu được tạo điều kiện thích hợp, nó giúp đưa ra các tiêu chí của phụ nữ để ưu tiên một số lựa chọn nhất định so với những lựa chọn khác. Nó cũng giúp họ chia sẻ quan điểm của mình với người khác theo cách phân tích hơn, thường dẫn đến việc họ có được quyết định tối ưu.

Nguồn: (UN Women 2020)

TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TRONG VIỆC GIÁM SÁT NGUYÊN TẮC KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU¹

Vào tháng 5 năm 2008, cơn bão Nargis tấn công Myanmar, gây ra sự tàn phá trên diện rộng ở các khu vực Ayeyarwady và Yangon. Không chỉ là cơn lốc xoáy mạnh thứ 8 trên thế giới tính đến thời điểm hiện tại, nó còn là thảm họa thiên nhiên tồi tệ nhất mà người dân Myanmar có thể nhớ được. Số người chết chính thức là 84.537 người với 53.836 người khác không được tính đến. Năm mươi thị trấn đã bị ảnh hưởng ở hai khu vực, bao gồm cả Yangon, thành phố lớn nhất của đất nước. Trận lốc xoáy kinh hoàng này đã gây ra thiệt hại lớn về nhà ở và các cơ sở hạ tầng công cộng khác như đường xá, cầu cảng, công trình cấp nước và vệ sinh, hệ thống điện và thông tin liên lạc. Một tác động lâu dài của lốc xoáy là sự tàn phá các nguồn sinh kế trong cộng đồng. Khu vực Đồng bằng, nơi sản xuất lúa gạo lớn, đã chịu thiệt hại nặng nề do nước biển tràn vào các cánh đồng. Đánh bắt cá, chăn nuôi và các doanh nghiệp nhỏ khác cũng chịu những thiệt hại đáng kể. Là một trong những bộ phận dân cư dễ bị tổn thương nhất, phụ nữ cảm nhận được tác động của thảm họa một cách sâu sắc nhất. Theo dữ liệu đánh giá, phần lớn nạn nhân của cơn lốc xoáy là phụ nữ: 61% những người thiệt mạng là phụ nữ, con số này cao hơn nhiều ở một số ngôi làng. Số lượng nạn nhân nữ không cân bằng so với nam giới, đặc biệt ở nhóm tuổi sinh đẻ và sản xuất chính từ 18-60 tuổi.

Hiệp hội Chữ thập đỏ Myanmar (MRCS), được hỗ trợ bởi Liên đoàn Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (IFRC), đã ứng phó ngay sau cơn lốc, với việc phân phát các mặt hàng cứu trợ phi thực phẩm như bộ dụng cụ cho nhà tạm trú, bạt, các thùng jerry, gói đồ dùng vệ sinh, mùng, mền và bộ nhà bếp. Hỗ trợ trong lĩnh vực y tế và nước và vệ sinh cũng đã được cung cấp từ rất sớm. Tập trung vào các hoạt động nhằm Đoàn tụ Gia đình. Trong giai đoạn cứu trợ, MRCS đã phân phát hàng cứu trợ cho hơn 260.000 hộ gia đình, hoặc khoảng 1 triệu người.

Để chuyển từ cứu trợ sang phục hồi và giải quyết nhu cầu lâu dài của những người bị ảnh hưởng bởi lốc xoáy, MRCS và IFRC đã thiết kế một chương trình phục hồi bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận đa lĩnh vực tích hợp. Trọng tâm chính của chương trình là đảm bảo các hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất có lại cuộc sống bền vững, độc lập, sau thiên tai. Để đạt được điều này, các dự án đã được thực hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm y tế, tâm lý xã hội, nước và vệ sinh, nơi ở và sinh kế. Chương trình phục hồi cũng nhấn mạnh việc xây dựng năng lực của cộng đồng để sẵn sàng đối phó với các thảm họa trong tương lai. Do đó, hợp phần giảm nhẹ rủi ro thiên tai cũng được đưa vào như một hợp phần chính của giai đoạn phục hồi. Chữ Thập đỏ Myanmar xác định phục hồi sinh kế của các hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất là một trong những mục

tiêu chính của chương trình. Các dự án sinh kế bao gồm khôi phục tài sản, xây dựng năng lực cộng đồng, khôi phục tài nguyên thiên nhiên và làm công việc được trả lương bằng dự án "tiền cho việc làm" (CFW) đã được tiến hành. Dự án tiền cho việc làm được thực hiện vào tháng 10 năm 2008 và được hoàn thành thành công vào tháng 5 năm 2009. Dự án được thiết kế để lồng ghép nhận thức về giới ở tất cả các cấp độ thực hiện.

Các mục tiêu chính của Dự án Tiền cho việc làm là:

- tạo cơ hội có việc làm được trả công cho các hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất bị ảnh hưởng bởi cơn bão
- đảm bảo nguồn lương thực sẵn có và an ninh kinh tế cho các hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt nhắm đến phụ nữ
- khôi phục tài sản cộng đồng và cơ sở hạ tầng liên kết với hệ thống sinh kế cộng đồng
- phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường bị ảnh hưởng bởi lốc xoáy ở cấp cộng đồng.

Trong tất cả các giai đoạn của Dự án Tiền cho việc làm, 13 thị trấn bị ảnh hưởng bởi bão đã tham gia. Dự án đã tiếp cận được 67 cụm thôn và bao phủ 178 thôn bản. Tổng số 6.644 đối tượng đã được giúp đỡ. Trong số này, 33% là phụ nữ. Các nhóm dễ bị tổn thương khác được đại diện bao gồm lao động làm thuê không có đất (60%), chủ hộ là nam và nữ đơn thân (12% mỗi nhóm), người cao tuổi (10%), gia đình đông con (4%) và người tàn tật (2%). Dự án đã thành công trong việc cung cấp hỗ trợ cho những người lao động làm thuê không có đất dễ bị tổn thương nhất, những người đang cần việc làm được trả công khẩn cấp sau thảm họa.

Các nhóm Chữ Thập đỏ Myanmar bao gồm các tình nguyện viên, 30 - 40% trong số họ là phụ nữ thực hiện Đánh giá đa lĩnh vực về cụm Thôn. Các nhóm đã sử dụng các phương pháp tiếp cận có sự tham gia khác nhau trong quá trình đánh giá, bao gồm thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn các hộ gia đình và các bên liên quan. Phụ nữ được khuyến khích tham gia vào các thảo luận nhóm trọng tâm, vì điều này đã giúp các nhóm đánh giá đưa các quan điểm giới vào các phát hiện về các nhu cầu cấp thiết của cộng đồng. Ví dụ, rõ ràng rằng lao động nữ không có đất khó tìm được việc làm sau thảm họa và cần việc làm để có thể đáp ứng nhu cầu của gia đình họ. Dự án Tiền cho Việc làm cũng thực hiện nhiều hoạt động khác nhau ở cấp thôn bản, trong đó quan tâm tối đa để xác định các hoạt động tạo điều kiện cho sự tham gia của phụ nữ, bao gồm: i) sửa chữa đường làng; ii) khôi phục kè sông; iii) làm sạch các mảnh vỡ trên cánh đồng nông nghiệp; và iv) việc sửa chữa các kênh dẫn nước. Chữ Thập đỏ Myanmar đã xây dựng các hướng dẫn thực hiện dự án cụ thể cho các nhóm

TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TRONG VIỆC GIÁM SÁT NGUYÊN TẮC KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU

nhỏ. Các hướng dẫn bao gồm các khía cạnh khác nhau của dự án như: i) xây dựng các đề xuất hoạt động; ii) tiêu chí lựa chọn người thụ hưởng; iii) các loại hoạt động được lựa chọn; iv) mức lương hàng ngày; v) các thủ tục thực hiện và giám sát; và vi) quản lý tài chính.

Một số yếu tố chính cụ thể giới được nhấn mạnh trong các hướng dẫn này là:

- tiêu chí lựa chọn: cần có mục tiêu 50% phụ nữ được hưởng lợi
- bao gồm các hoạt động không quá kỹ thuật và do đó khuyến khích sự tham gia của phụ nữ
- trả lương bằng nhau 2000 kyats Myanmar mỗi ngày cho mỗi người thụ hưởng cho cả nam và nữ
- tiền lương trả cho những người thụ hưởng thực tế tại địa điểm làm việc và không cho thành viên gia đình

Sau các khóa tập huấn và nâng cao năng lực cần thiết của các nhóm thực hiện, việc lập kế hoạch dự án cấp cộng đồng bắt đầu. Chữ Thập đỏ Myanmar đã thành lập Ủy ban Phục hồi Cụm Thôn (VTRC), trong đó có tối thiểu hai đại diện là phụ nữ, để điều phối chương trình phục hồi. Việc huy động cộng đồng được thực hiện thông qua các Ủy ban Phục hồi Cụm Thôn để giúp cộng đồng làm quen với Dự án

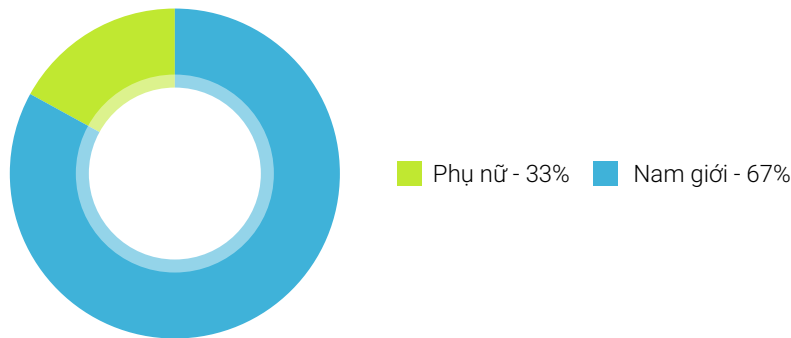
Tiền cho việc làm. Chi tiết của dự án được giải thích trong các cuộc họp cộng đồng. Tiếp theo là quyết định loại công việc sẽ được thực hiện và lựa chọn người thụ hưởng. Số lượng người thụ hưởng được lựa chọn dựa trên tính chất của công việc và số lao động cần thiết, và do cộng đồng quyết định. Sự tham gia của phụ nữ được khuyến khích trong giai đoạn này của quá trình lập kế hoạch. Dựa trên các kế hoạch hành động cấp cộng đồng, các nhóm Chữ Thập đỏ Myanmar sau đó đã xây dựng các đề xuất. Tiêu chí lựa chọn người thụ hưởng bao gồm:

- người cao tuổi (55 tuổi trở lên và cần việc làm)
- gia đình đông con (hộ gia đình có tám người phụ thuộc trở lên)
- người khuyết tật
- hộ do phụ nữ làm chủ hộ (bao gồm cả góa phụ)
- lao động chân tay không có đất và các gia đình phụ thuộc vào lao động làm thuê
- hộ gia đình đơn thân do nam giới làm chủ hộ (gia đình có cha duy nhất chăm sóc người phụ thuộc).

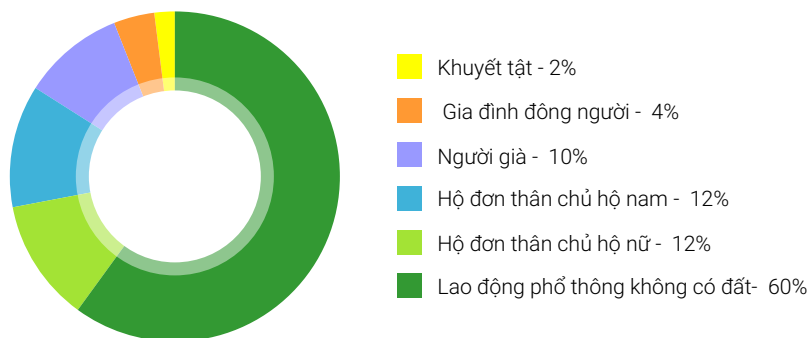
Trước khi bắt kỳ hoạt động nào bắt đầu, nhóm tiến hành thêm các cuộc họp chuẩn bị để hoàn thiện hệ thống giám sát và thực hiện dự án. Rõ ràng rằng các đối tượng nữ được

HÌNH 3-28: ĐỘ BAO PHỦ NGƯỜI HƯỞNG LỢI NÓI CHUNG VÀ ĐỘ BAO PHỦ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

ĐỘ BAO PHỦ NGƯỜI HƯỞNG LỢI



ĐỘ BAO PHỦ TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CỦA DỰ ÁN CFW



TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TRONG VIỆC GIÁM SÁT NGUYÊN TẮC KHÔNG ĐỂ AI LẠI PHÍA SAU

lựa chọn, đặc biệt là những người có gia đình đông con và những người là chủ hộ, cảm thấy khó khăn khi tham gia làm việc cả ngày do trách nhiệm chăm sóc các thành viên khác trong gia đình. Đáp lại, Hội Chữ thập đỏ Myanmar đã xây dựng một cấu phần về tâm lý xã hội trong Dự án Tiền cho Việc làm. Các vật dụng cần thiết đã được cung cấp cho phụ nữ để họ đưa con cái đến địa điểm làm việc để họ có thể tham gia một cách có hiệu quả vào dự án. Tùy vào từng trường hợp, họ cũng đã bố trí nhiều biện pháp tại các địa điểm làm việc, để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ. Lương được trả cho những người thụ hưởng thực tế chứ không phải cho các thành viên khác trong gia đình. Điều này giúp đảm bảo rằng phụ nữ tham gia dự án nhận được tiền lương của họ trực tiếp, giúp họ có thể sử dụng tiền để đáp ứng các nhu cầu của hộ gia đình.

Tiền mặt cho Việc làm là một dự án phục hồi sớm thành công được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất bị ảnh hưởng bởi cơn bão Nargis. Một số kết quả chính của dự án là:

- Cung cấp cơ hội có việc làm được trả công cho 6.644 hộ gia đình dễ bị tổn thương sau thảm họa.
- Chương trình đã thành công trong việc củng cố và cải thiện cơ sở hạ tầng thôn bản bị thiệt hại trong thảm họa.

Mặc dù vậy, đảm bảo sự tham gia tích cực của phụ nữ vào Dự án Tiền mặt cho Công việc là một thách thức. Hội Chữ thập đỏ Myanmar đặt mục tiêu 50% nữ tham gia, nhưng trên thực tế chỉ đạt được 33%. Tuy nhiên, phụ nữ này đại diện cho tất cả các nhóm dễ bị tổn thương như có thể thấy trong Bảng 3-10:

BẢNG 3-10: HỒ SƠ CỦA NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

CHI TIẾT VỀ NGƯỜI HƯỞNG LỢI	NAM	NỮ	TỔNG
Người già	415	243	658
Gia đình đông người	170	69	239
Lao động làm thuê đơn giản	2979	1038	4017
Hộ gia đình chủ hộ nữ đơn thân	0	808	808
Người khuyết tật	122	41	163
HỘ GIA ĐÌNH CHỦ HỘ NAM ĐƠN THÂN	759	0	759

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

MÔ ĐUN

GIỚI TRONG CÁC
HÀNH ĐỘNG THEO
LĨNH VỰC CỤ THỂ VÀ
PHƯƠNG PHÁP TIẾP
CẬN THÍCH ỨNG VỚI
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

4



MÔ-ĐUN 4: GIỚI TRONG CÁC HÀNH ĐỘNG THEO LĨNH VỰC CỤ THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

KẾ HOẠCH PHẦN HỌC:

Mô-đun này chia thành hai phần chính:

PHẦN A	Các mô hình thích ứng và giới	PHẦN B	Các khía cạnh về BĐKHGNRRTT và giới trong các lĩnh vực
			a) Nông nghiệp và an ninh lương thực b) Sức khỏe cộng đồng và dịch tễ c) Vùng ven biển

Mô-đun này tập hợp các phương pháp tiếp cận khác nhau để lập kế hoạch thích ứng - dựa trên khu vực, hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, cộng đồng và sử dụng Cách tiếp cận Không bỏ lại ai ở Phía sau. Thông qua việc sử dụng các nghiên cứu điển hình được lựa chọn theo các lĩnh vực, mô-đun này sẽ giúp học viên xác định các khoảng trống, chiến lược và công cụ có thể áp dụng trong công việc của họ. Mô-đun này cũng cung cấp hướng dẫn các bước về các phương pháp tiếp cận Thích ứng dựa vào Cộng đồng (TUDVCD) và xây dựng khả năng phục hồi cho cộng đồng, phương pháp này tập trung vào: i) Khung khái niệm và các nguyên tắc hướng dẫn; ii) Phụ nữ và trẻ em gái có vị trí quan trọng trong xây dựng các cơ quan của cộng đồng; iii) Cho phép hợp tác liên ngành và các quy trình hợp tác đa bên liên quan; iv) Truyền tải các khái niệm về khí hậu và kiến thức khoa học cho phụ nữ; và v) thực hiện đánh giá tính dễ bị tổn thương dựa trên cộng đồng có nhạy cảm về giới và lập kế hoạch khả năng phục hồi của cộng đồng. Trọng tâm là làm thế nào để phụ nữ có thể tham gia với tư cách là các bên liên quan và đối tác bình đẳng trong các dự án Biến đổi khí hậu và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (BĐKHGNRRTT). Dựa trên cơ sở này để cung cấp những hiểu biết sắc nét hơn về các khía cạnh giới trong các phân ngành khác nhau liên quan đến biến đổi khí hậu, mô-đun cũng bao gồm thông tin kỹ thuật và công cụ cho các can thiệp theo ngành và các trường hợp về thực hành công bằng giới và các giải pháp kỹ thuật được thực hiện trong lĩnh vực cụ thể






MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

- > Hiểu các cách tiếp cận khác nhau để lập kế hoạch thích ứng và khả năng phục hồi;
- > Xác định các chiến lược và công cụ lồng ghép giới trong các dự án thích ứng khác nhau;
- > Có khả năng phát triển một dự án thích ứng / phục hồi dựa vào cộng đồng;
- > Hiểu các khía cạnh giới và BĐKHGNRRTT trong các lĩnh vực được lựa chọn - có thể xác định các bên liên quan chính, các chiến lược và hoạt động để lồng ghép giới trong các lĩnh vực đã chọn;
- > Được tiếp xúc và học hỏi từ các thực hành đáp ứng giới hiện có trong khu vực; và
- > Có thể thiết kế một dự án BĐKHGNRRTT đáp ứng giới

THÔNG điệp CHÍNH:

- > Thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm việc dự đoán trước những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và thực hiện các hành động thích hợp để ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại mà BĐKH có thể gây ra.
- > Trên toàn cầu, có nhiều loại phương pháp tiếp cận khác nhau đối với thực hiện hoạt động thích ứng đã được sử dụng, bao gồm: kế hoạch hành động thích ứng của địa phương, kế hoạch phục hồi của thành phố, thích ứng dựa trên cơ sở hạ tầng, thích ứng dựa vào hệ sinh thái, thích ứng dựa vào cộng đồng và cách tiếp cận không để ai bị bỏ lại phía sau.
- > Kế hoạch hành động thích ứng địa phương (LAPA) và Kế hoạch về khả năng phục hồi tại đô thị là các cách tiếp cận không gian để lập kế hoạch thích ứng, thường được chuẩn bị ở cấp chính quyền địa phương và tập trung vào phạm vi của một đơn vị địa lý hoặc đơn vị hành chính được phân quyền.
- > Thích ứng dựa vào hệ sinh thái đề cập đến các giải pháp dựa vào tự nhiên để giải quyết biến đổi khí hậu và thảm họa. Các dự án như vậy bao gồm hai hợp phần - duy trì các hệ sinh thái và khả năng phục hồi của hệ sinh thái. Thích ứng dựa vào hệ sinh thái là một cách tiếp cận toàn diện hơn có tính đến các nhóm dễ bị tổn thương có sinh kế phụ thuộc trực tiếp vào tài nguyên thiên nhiên.
- > Thích ứng dựa vào cộng đồng (TUDVCD) là một cách tiếp cận theo định hướng quá trình, tập trung vào xây dựng năng lực thích ứng hơn là hành động thích ứng. Một phần quan trọng của tất cả các dự án TUDVCD là nâng cao kiến thức của cộng đồng.
- > Tất cả các loại phương pháp tiếp cận thích ứng khác nhau đều có thể dựa vào cộng đồng nhưng KHHĐTƯĐP và Thích ứng dựa vào hệ sinh thái được cho là đã áp dụng cách tiếp cận này nhiều hơn. CBAs thường được thực hiện bởi các tổ chức phi chính phủ địa phương (NGO)
- > Cần phải lồng ghép giới trong tất cả các phương pháp tiếp cận thích ứng giữa các lĩnh vực
- > Thích ứng theo lĩnh vực - đặc biệt là những vấn đề liên quan đến nông nghiệp, chăn nuôi, an ninh lương thực, quản lý nước, quản lý hạn hán, dịch vụ y tế công, vùng ven biển, lốc xoáy, lũ lụt và nghề cá - có yếu tố giới cần được xem xét trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện.
- > Quan trọng nhất, phụ nữ cần là một phần của tất cả các hành động thích ứng và các giải pháp công bằng giới phải được thúc đẩy.

PHẦN A: MÔ HÌNH THÍCH ỨNG VÀ GIỚI

3:00:00		CÁC KHUNG VÀ CÔNG CỤ LỒNG GHÉP GIỚI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ (PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VÀ LẬP KẾ HOẠCH)	
TỔNG QUAN 	Sau phần học này, học viên sẽ có thể hiểu được các nguyên tắc và quy trình hướng dẫn cho các phương pháp tiếp cận về thích ứng khác nhau. Học viên phải có khả năng xác định các chiến lược để lồng ghép giới trong các quá trình này		
NỘI DUNG 	<ul style="list-style-type: none"> a) Các Kế hoạch Hành động Thích ứng địa phương (LAPAs) <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu điển hình về quốc gia - Nepal b. Các Kế hoạch về Khả năng Phục hồi của Thành phố <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu điển hình quốc gia - Indonesia (Semarang) c) Thích ứng dựa trên cơ sở hạ tầng <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu điển hình Quốc gia - Trung Quốc b. Nghiên cứu điển hình quốc gia - Bangladesh d) Thích ứng dựa trên hệ sinh thái <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu điển hình tại Quốc gia - Việt Nam b. Nghiên cứu điển hình tại quốc gia - Nepal e) Phương pháp Tiếp cận Thích ứng Dựa vào Cộng đồng <ul style="list-style-type: none"> a. Nghiên cứu điển hình Quốc gia - Việt Nam b. Nghiên cứu điển hình về quốc gia - Ấn Độ 		
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Thiết bị để xem phim trên YouTube > Bảng trắng và bút dạ > Giấy và bút vẽ biểu đồ > Tài liệu phát tay 		
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ tổng quan, nội dung và quy trình buổi học.	
	85 phút	Bản trình bày PowerPoint về " Mô hình thích ứng " được can thiệp bằng Thảo luận trong Hội thảo giả định để Đánh giá về sự đáp ứng của giới đối với các dự án thích ứng (Xem Bài tập 21 và Tài liệu phát tay 16 và 17)	
	90 phút	Phương pháp đánh giá tình huống của Harvard cho " Dự án về khả năng phục hồi ở đô thị dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo " (Xem bài tập 22 và tài liệu 18) Harvard Case Review Method for	
HƯỚNG DẪN 	<p>Chia sẻ tổng quan và nội dung của phần học với những học viên và nêu rõ rằng học phần này sẽ được tiến hành hơi khác một chút. Nói với họ rằng học phần này nhằm cung cấp cho những người tham gia cái nhìn tổng quan về các mô hình thích ứng khác nhau thông qua phần trình bày chi tiết và chia sẻ các ví dụ tương ứng. Bạn sẽ trình bày về các "Mô hình thích ứng khác nhau". Đồng thời, một cuộc thảo luận trong hội thảo giả định về Đánh giá Đáp ứng Giới trong các dự án thích ứng được lựa chọn cũng sẽ được thực hiện. Nói với họ rằng họ phải đánh giá các dự án của tổ chức của họ dựa trên công cụ Thang Đánh giá trách nhiệm Giới mà họ đã học trong phần trước. (Xem Bài tập 21 và Tài liệu phát 16 và 17). Bắt đầu bài thuyết trình; sau mỗi loại mô hình, dừng lại để đưa ra một trường hợp có liên quan (xem các gợi ý cho giảng viên).</p> <p>Tiếp theo là phương pháp đánh giá tình huống để cho phép những người tham gia tìm hiểu chi tiết về các phương pháp tiếp cận thích ứng và khả năng phục hồi dựa vào cộng đồng. Một nghiên cứu điển hình chi tiết đã được cung cấp để hướng dẫn những người tham gia thông qua các bước và giai đoạn chuẩn bị dự án. Phương pháp này sẽ chỉ ra cách thức thiết kế các hoạt động cụ thể về giới theo cách thức có sự tham gia và làm việc với nhiều bên liên quan (cộng đồng, phụ nữ, cơ quan tài trợ, chính phủ và các tổ chức phi chính phủ có liên quan). Sự tham gia là chìa khóa quan trọng trong tất cả các bước của dự án này, từ thu thập dữ liệu, xác định các rào cản, nhu cầu và các bên hỗ trợ tiềm năng, đến thiết kế các hoạt động dành riêng cho phụ nữ và ngân sách liên quan, nhu cầu và chỉ số về bố trí nhân sự. (Xem Bài tập 22 và Tài liệu 18). Đảm bảo rằng bạn đã gửi trước Tài liệu phát cho tất cả những người tham gia để họ có đủ thời gian xem qua (khuyến nghị cho khóa học nâng cao). Mẹo dành cho giảng viên về Bài tập 22 cũng cung cấp các liên kết video về cách tạo điều kiện tốt nhất cho phần đánh giá tình huống. Giảng viên nên xem qua các video này và đọc kỹ các tình huống trước khi tiến hành buổi học.</p>		

Các mô hình thích ứng và giới

Thích ứng với biến đổi khí hậu liên quan đến việc dự đoán các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và thực hiện các hành động thích hợp để ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại mà biến đổi khí hậu có thể gây ra. Mục tiêu là giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương và giảm thiểu tiếp xúc với các tác hại do biến đổi khí hậu (như mực nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt hoặc không đảm bảo an ninh lương thực). Các mô hình cũng bao gồm việc tận dụng tối đa mọi cơ hội tiềm năng có lợi liên quan đến biến đổi khí hậu (ví dụ, mùa vụ trồng trọt kéo dài hơn hoặc tăng năng suất ở một số vùng).

Trên toàn cầu, có nhiều kiểu tiếp cận khác nhau đối với tiến hành các hoạt động thích ứng đã được sử dụng trong hai thập kỷ qua. Một số trong số đó là ngắn hạn (dưới 10 năm), giải quyết các tác động đã và đang xảy ra và có khả năng gia tăng trong tương lai. Đây thường là các biện pháp địa phương, theo định hướng cơ sở hạ tầng hoặc dịch vụ và thường nhằm đến một nguy cơ cụ thể. Nhiều phản ứng trung hạn hoặc dài hạn tập trung vào việc nâng cao năng lực hoặc khả năng thích ứng của một hệ thống (con người, tự nhiên hoặc quản lý) để điều chỉnh theo biến đổi khí hậu.

CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THÍCH ỨNG ĐỊA PHƯƠNG - KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TỪ DƯỚI LÊN VÀ TỪ TRÊN XUỐNG

Các Kế hoạch Hành động Thích ứng Địa phương là một phương pháp tiếp cận theo không gian để lập kế hoạch thích ứng. KHHĐTƯĐP thường được chuẩn bị ở cấp chính quyền địa phương và tập trung vào phạm vi bao phủ của một đơn vị địa lý hoặc đơn vị hành chính được phân quyền. KHHĐTƯĐP có thể được chuẩn bị khi có hoặc không có sự tham gia của cộng đồng; trong hầu hết các trường hợp, KHHĐTƯĐP đã có thể lồng ghép các quá trình có sự tham gia. KHHĐTƯĐP nằm trong quá trình liên tục để xác định và giải quyết các mục tiêu thích ứng trung hạn và dài hạn. Việc tiến hành mô hình KHHĐTƯĐP lần đầu tiên được bắt đầu ở Nepal, mô hình này như là một phần của các quá trình phát triển Kế hoạch Hành động thích ứng Quốc gia (Peniston 2013). Chính phủ Nepal đã phát triển KHHĐTƯĐP ở 14 huyện (87 làng và 9 thành phố trực thuộc Trung ương), giúp đưa các ưu tiên, nhu cầu và năng lực của địa phương vào quy hoạch, chính sách và hành động cấp quốc gia (Rattani and Lama 2018). Sau các thử nghiệm ban đầu, KHHĐTƯĐP cũng được đưa vào các quy trình của Kế hoạch Thích ứng Quốc gia (KHHĐTƯĐP) (Daze, et al. 2018).

Cụ thể, Khung LAPAS (Chính phủ Nepal 2011) hỗ trợ:

- > Việc phát triển các kế hoạch thích ứng của địa phương giúp phản ánh các nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu theo vị trí hoặc khu vực cụ thể. Các kế hoạch hỗ trợ các phương án thích ứng sẵn có tại địa phương và thông qua đó có thể tiếp cận được với các cộng đồng và hộ gia đình dễ bị tổn thương nhất, bao gồm cả phụ nữ.
- > Việc lồng ghép các ưu tiên thích ứng của địa phương vào các quy trình lập kế hoạch cấp thôn, bản, đô thị, cấp huyện và cấp ngành phù hợp với Đạo luật tự quản địa phương.
- > Việc thực hiện các kế hoạch thích ứng của địa phương bằng cách hỗ trợ kịp thời và cung cấp bền vững các dịch vụ thích ứng cho những nhóm dễ bị tổn thương nhất về biến đổi khí hậu, bao gồm cả phụ nữ.
- > Lặp lại nhiều lần việc Lập kế hoạch thích ứng thông qua giám sát, đánh giá và phản hồi liên tục.

Các quá trình lập kế hoạch từ địa phương đến quốc gia.

Chúng bao gồm: i) Sự nhạy cảm; ii) Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương và thích ứng với khí hậu; iii) Ưu tiên các phương án thích ứng; iv) Xây dựng kế hoạch hành động thích ứng của địa phương; v) Lồng ghép kế hoạch hành động thích ứng của địa phương vào các quá trình lập kế hoạch; vi) Thực hiện kế hoạch hành động thích ứng của địa phương; và vii) Đánh giá tiến độ của kế hoạch hành động thích ứng của địa phương (Peniston 2013). Mỗi bước đã được xem xét cẩn thận tại sao nó lại quan trọng; những hành động nào nên được thực hiện; và, một danh sách các công cụ có sự tham gia thích hợp để sử dụng đã được phác thảo. Tài liệu phát tay 14 về tập hợp các quy trình và công cụ chính liên quan đến các giai đoạn khác nhau của KHHĐTƯĐP.

Khung này dựa trên bốn nguyên tắc từ dưới lên, bao trùm, đáp ứng và linh hoạt (xem Bảng 4-1).

Lồng ghép giới trong LAPAs

Trong quá trình phát triển KHHĐTƯQG ở Nepal năm 2010, phân tích nhạy cảm giới về tác động của biến đổi khí hậu đã được thực hiện, làm nổi bật tính dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ trên tất cả sáu lĩnh vực chuyên đề của KHHĐTƯQG. KHHĐTƯĐP đã tiến xa hơn nữa trong việc xem phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi đặc biệt nhấn mạnh thực trạng về việc nam giới di cư đang làm tăng số lượng phụ nữ trở thành chủ hộ gia đình trong quốc gia này, nữ giới hóa ngành nông nghiệp và sự phụ thuộc của quốc gia vào phụ nữ trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và chăm sóc sức khỏe (Chính phủ Nepal 2011). Giới đã được lồng ghép trong tất cả các giai đoạn của KHHĐTƯĐP (Hình 4-1). Nguồn: thông tin từ (UNDP Nepal nd)

BẢNG 4-1: CÁC NGUYÊN TẮC CỦA LAPA

LẬP KẾ HOẠCH TỪ DƯỚI LÊN	Lập kế hoạch từ dưới lên đề cập đến các quá trình lập kế hoạch bắt đầu với người dân và tổ chức địa phương và sau đó liên kết với các quy mô chính quyền địa phương. Các kế hoạch thích ứng sau đó được đưa vào các quy mô kế hoạch hành chính cao hơn.
HÒA NHẬP	Cần phải đưa nhiều người (nam và nữ ở các độ tuổi, tầng lớp hoặc dân tộc khác nhau) vào vai trò là người ra quyết định trong việc lồng ghép khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu vào các quá trình lập kế hoạch. Đặc biệt, giới đã được lồng ghép trong suốt quá trình LAPA thông qua chiến lược Bình đẳng giới và bao trùm xã hội (GESI) do Bộ Lâm nghiệp và Phát triển địa phương xây dựng vào năm 2009
TÍNH ĐÁP ỨNG	Đảm bảo rằng các quy trình lập kế hoạch xây dựng khả năng phục hồi của các cộng đồng và hộ gia đình để bị tổn thương nhất về biến đổi khí hậu được ưu tiên hàng đầu
LINH HOẠT	Khả năng lập đi lập lại các quá trình lập kế hoạch trong cách tiếp cận của họ; nghĩa là, các khuôn khổ ra quyết định và thực hiện có thể đáp ứng liên tục với sự thay đổi thông tin và tình huống xảy ra

Nguồn: (Chính phủ Nepal 2011).

Trọng tâm cũng được mở rộng trong quá trình phát triển KHTUQG có “Giới và bao trùm xã hội (Các nhóm bị ngoài lề xã hội)” như một vấn đề xuyên suốt và là chủ đề độc lập. Tập trung xây dựng một lộ trình thích ứng chuyên dụng và đảm bảo sự đại diện của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương trong tất cả các nhóm làm việc (Daze, et al.2018).

thức liên quan đến biến đổi khí hậu, đồng thời cũng giúp họ chuẩn bị cả những điều mong đợi và không mong đợi đối với biến đổi khí hậu. 100 Thành phố có khả năng phục hồi (RC) định nghĩa khả năng phục hồi của đô thị là “Năng lực của các cá nhân, cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp và hệ thống trong thành phố để các thành phố tồn tại, thích ứng và phát triển cho dù họ trải qua bất kỳ loại căng thẳng thường xuyên và tấn công nghiêm trọng nào”. Xây dựng khả năng phục hồi của đô thị đòi hỏi phải nhìn thành phố một cách tổng thể: hiểu các hệ thống tạo nên thành phố, sự phụ thuộc lẫn nhau và nguy cơ mà các thành phố có thể phải đối mặt trong tương lai. Bằng cách tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản của một thành phố và hiểu rõ hơn những sự tấn công đột ngột và căng thẳng tiềm ẩn mà thành phố có thể phải đối mặt, thông qua đó thành phố có thể cải thiện quỹ đạo phát triển của mình và hạnh phúc của người dân.

CHIA SẺ



TRƯỜNG HỢP

CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA THÀNH PHỐ - QUY HOẠCH ĐA CHIỀU

Xu hướng đô thị hóa tăng nhanh đã khiến thế giới chỉ có 30% đô thị vào năm 1950 đã tăng lên hơn 55% đô thị như hiện nay, dự kiến số lượng đô thị sẽ tăng gấp đôi vào năm 2050. Điều này có nghĩa là cứ 7 người thì có 7 người trên thế giới sẽ sống ở các thành phố (Ngân hàng thế giới 2020). Một phần đáng kể của sự mở rộng này sẽ xảy ra ở Nam Á và châu Phi cận Sahara, cả hai khu vực có mức độ tiếp xúc ngày càng tăng với biến đổi khí hậu và tác động của thiên tai. Tăng cường khả năng phục hồi của đô thị đã trở nên quan trọng để đạt được các mục tiêu trong chương trình nghị sự phát triển bền vững.

Nhận thức được điều này, ngày càng nhiều thành phố đang giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của mình bằng cách lập các kế hoạch phục hồi và / hoặc ưu tiên BDKHGNNRRTT trong các kế hoạch tổng thể và theo ngành của họ. Các kế hoạch này thường sử dụng nhiều chiến lược để giúp các thành phố nhận thấy được tính dễ bị tổn thương và chuẩn bị cho các tác động và thảm họa về khí hậu. Khả năng phục hồi của đô thị là những hoạt động giúp các thành phố thích ứng và chuyển đổi khi đối mặt với những thách

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Chiếu phim ngắn này có sẵn tại <https://www.youtube.com/watch?v=hLPcDfDWKes> để những người tham gia có thể nhận thấy về khung và các chỉ số

Khung khả năng phục hồi của thành phố (CRF) (Tổ chức Rockefeller và quốc tế Arup) cung cấp một lăng kính để giúp hiểu được tính phức tạp trong các thành phố. Khung này xác định một loạt các khía cạnh cần thiết cho khả năng phục hồi của thành phố. CRF mô tả các hệ thống thiết yếu của một thành phố theo bốn khía cạnh: i) Sức khỏe & Đời sống; ii) Kinh tế & Xã hội; iii) Cơ sở hạ tầng & Môi trường; và iv) Lãnh đạo & Chiến lược. Mỗi khía cạnh chứa ba “động lực” - tổng cộng 12 mục tiêu, được chia nhỏ thành 52 chỉ số phản ánh các hành động mà các thành phố có thể thực hiện để cải thiện khả năng phục hồi của họ. Khung

HÌNH 4-1, CHU TRÌNH KHHĐTƯĐP Ở NEPAL

BƯỚC 1: NHẠY CẢM VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (THỰC HIỆN TRONG TẤT CẢ CÁC BƯỚC)

- Khi bắt đầu xây dựng KHHĐTƯĐP, hãy tổ chức các cuộc thảo luận, hội thảo và tọa đàm liên quan đến nhạy cảm với biến đổi khí hậu ở cấp cộng đồng, làng, thị trấn và huyện.
- Đảm bảo luồng thông tin và nâng cao nhận thức trong suốt quá trình KHHĐTƯĐP để hỗ trợ học tập và phản hồi

Tạo dữ liệu và nâng cao nhận thức về các vấn đề giới và chế độ đẳng cấp trong xã hội (phân tích giới và lập bản đồ tính dễ thay đổi)

- > Nâng cao nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu và các phương tiện để giải quyết những tác động này.
- Nâng cao nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu và các phương tiện để giải quyết những tác động này.
- > Tăng cường và thiết lập các thể chế và tổ chức sẽ thúc đẩy sự thích ứng của địa phương

BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ THÍCH ỨNG

- Xác định các cộng đồng và hộ gia đình dễ bị tổn thương do khí hậu
- Xác định các Cộng đồng dễ bị tổn thương, các thành phố tự quản
- Xác định các phường dễ bị tổn thương
- Xác định hộ gia đình / cộng đồng dễ bị tổn thương
- Xác định các thực hành và hành động thích ứng.

Phân tích giới và xác định nam giới và phụ nữ dễ bị tổn thương trong các nhóm xã hội tại các địa điểm có nhiều vấn đề

- > Xác định các Cộng đồng dễ bị tổn thương do khí hậu, các thành phố trực thuộc trung ương, các phường và các cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân dễ bị tổn thương trong các phường này.
- > Xác định các thực hành và hành động thích ứng sẽ làm giảm tính dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu hiện tại và trong tương lai; và
- > Hỗ trợ nhận diện và huy động hiệu quả quy hoạch các nguồn lực

BƯỚC 3: ƯU TIÊN CÁC PHƯƠNG ÁN THÍCH ỨNG

- Xác định và ưu tiên các hành động thích ứng cấp bách và quan trọng nhất cho những người dễ bị tổn thương nhất, cộng đồng, Cộng đồng và đô thị.
- Ưu tiên các hành động dựa trên chi phí và lợi ích xã hội, môi trường, công nghệ và kinh tế

Sử dụng phân tích / xếp hạng đa tiêu chí nhạy cảm về giới để ưu tiên các hành động thích ứng cấp bách và quan trọng nhất dựa trên các ưu tiên và nhu cầu theo giới

- > Ưu tiên các hành động thích ứng cấp bách và tiết kiệm chi phí nhất để thực hiện

BƯỚC 4: XÂY DỰNG KHHĐTƯĐP

- Lập kế hoạch dựa trên các hành động thích ứng đã được xác định và ưu tiên.
- Xác định các lĩnh vực để thực hiện các hành động thích ứng,
- Xác định các nhà cung cấp dịch vụ có năng lực để thực hiện các hành động thích ứng
- Ước tính chi phí cho việc xác định hành động và phân bổ cho việc thực hiện các hành động thích ứng đã xác định
- Lồng ghép tiến độ để giám sát từng hành động

Xây dựng lộ trình thể hiện quá trình thích ứng với các mục tiêu và giám sát quan trọng

- > Đảm bảo rằng một quyết định được đưa ra với sự tham vấn của phụ nữ để hiểu được sự sẵn sàng và mối quan tâm của họ, cũng như khả năng tiếp cận các địa điểm hành động của họ. Tập trung vào việc làm thế nào để đảm bảo tiếp cận công bằng các lợi ích cho phụ nữ?

BƯỚC 7: ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ CỦA KHHĐTƯĐP

- Xây dựng và giám sát việc thực hiện một kế hoạch giám sát bao gồm các chỉ số, cơ sở và mục tiêu
- Xây dựng hệ thống thông tin giám sát
- Xây dựng việc cung cấp các cuộc họp đánh giá định kỳ có sự tham gia, kiểm toán công khai và điều trần công khai
- Phát triển các công cụ giám sát như đánh giá thẻ điểm để đảm bảo chất lượng của các nhà cung cấp dịch vụ
- Thành lập ủy ban giám sát cấp quận và Cộng đồng để giám sát các hành động thích ứng và huy động diễn đàn công dân phường để phối hợp và giám sát ở cấp cộng đồng

M&E dựa trên sự phân chia theo giới tính, tuổi tác, đẳng cấp, giai cấp và dân tộc

- > đề cập đến nhận xét và kiến thức sẽ hướng dẫn trong ứng phó và lập kế hoạch thích ứng

BƯỚC 6: THỰC HIỆN KHHĐTƯĐP

- Tăng cường cơ chế thể chế cấp huyện và cấp Cộng đồng (ủy ban điều phối môi trường, năng lượng, biến đổi khí hậu)
- Xác định trách nhiệm của các tổ chức khác nhau trong việc thực hiện KHHĐTƯĐP;
- Thực hiện các kế hoạch một cách logic và tuần tự, nhưng đảm bảo cách tiếp cận linh hoạt có thể đáp ứng các thông tin bổ sung thông qua giám sát và đánh giá
- ủy thác và ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ thông qua quy trình cạnh tranh dựa trên nhu cầu, các kỹ năng và chuyên môn

Đảm bảo các quy định về công bằng để thúc đẩy bình đẳng giới và đưa vào quá trình ra quyết định

- > Thực hiện các kế hoạch hành động thích ứng của địa phương

BƯỚC 5: LỒNG GHÉP KHHĐTƯĐP VÀO QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH

- Chuẩn bị kế hoạch giải quyết và các hành động thích ứng ở cấp phường và lồng ghép vào kế hoạch Cộng đồng hoặc thành phố;
- Xác định các điểm đầu vào để tích hợp KHHĐTƯĐP vào các quy trình lập kế hoạch phát triển địa phương
- Đề trình KHHĐTƯĐP đến các cơ quan địa phương để phê chuẩn (chấp nhận) cần thiết; và
- gửi phản hồi và học hỏi thường xuyên cho các ban, bộ và ủy ban quy hoạch quốc gia để đảm bảo lồng ghép các khía cạnh thích ứng với khí hậu và khả năng chống chịu vào quy hoạch phát triển quốc gia -

Đảm bảo các cơ chế có hệ thống và năng lực để đảm bảo giới và hòa nhập xã hội vào quá trình hội nhập. Áp dụng ngân sách đáp ứng giới

- > Hỗ trợ lồng ghép thích ứng với khí hậu và khả năng chống chịu vào các kế hoạch phát triển ngành
- > Hỗ trợ lồng ghép các hành động thích ứng đã xác định vào các quá trình lập kế hoạch của khu vực công, tư nhân và tổ chức phi chính phủ

cũng được xây dựng dựa trên nghiên cứu hiện có về các hệ thống phục hồi và xác định bảy đặc điểm mà một hệ thống phụ hồi của thành phố cần có. Bảy đặc điểm này là: i) phản ánh; ii) mạnh mẽ; iii) dư thừa; iv) linh hoạt; v) nhanh nhạy; vi) bao gồm; và vii) tích hợp. Các khía cạnh đặc biệt

bao gồm sự tập trung vào nhu cầu tham vấn rộng rãi và sự tham gia của cộng đồng, bao gồm cả các nhóm dễ bị tổn thương nhất (ARUP 2015). Bảng 4-2 tiếp theo xác định các khía cạnh giới quan trọng cần được xem xét trong bốn khía cạnh và 12 mục tiêu.

BẢNG 4-2: GIỚI TRONG LẬP KẾ HOẠCH VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI SAU THIÊN TAI CỦA ĐÔ THỊ

KHÍA CẠNH VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA THÀNH PHỐ.	LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐỘNG LỰC / MỤC TIÊU	MÔ TẢ MỤC TIÊU	CÁC CÂN NHẮC VỀ GIỚI VÀ HÒA NHẬP
SỨC KHỎE VÀ HẠNH PHÚC	Mức độ dễ bị tổn thương tối thiểu của con người	Cho thấy mức độ đáp ứng các nhu cầu cơ bản của mọi người	Tiếp cận thực phẩm, nước, nơi ở và các tài sản cơ bản cho tất cả mọi người, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương là rất quan trọng
	Sinh kế và việc làm đa dạng	Được tạo điều kiện thông qua tiếp cận tài chính, khả năng tiết kiệm tích lũy, đào tạo các kỹ năng, hỗ trợ kinh doanh và phúc lợi xã hội	Một cách tiếp cận toàn diện về sinh kế đảm bảo rằng tất cả công dân trong thành phố có quyền tiếp cận không hạn chế với các ngành nghề hợp pháp, không phân biệt chủng tộc, dân tộc, giới tính hoặc xu hướng tính dục.
	Các biện pháp bảo vệ hiệu quả đối với sức khỏe và cuộc sống của con người	Dựa vào các cơ sở và dịch vụ y tế được kết hợp, và các dịch vụ khẩn cấp được đáp ứng	Người dân có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cá nhân hàng ngày với giá cả hợp lý cũng như các biện pháp can thiệp phù hợp dựa trên dân số. Các dịch vụ hoặc cơ sở hướng đến các nhóm dễ bị tổn thương để đảm bảo các chiến lược phòng ngừa và đáp ứng là bao trùm và có thể tiếp cận toàn bộ người dân.
KINH TẾ VÀ XÃ HỘI	Bản sắc của cộng đồng và hỗ trợ cộng đồng	Được đánh giá thông qua sự tham gia tích cực của cộng đồng, các mạng lưới xã hội vững chắc và sự hội nhập xã hội	Các cộng đồng hoạt động tích cực, nhận được hỗ trợ phù hợp từ chính quyền thành phố và có kết nối tốt với chính quyền sẽ góp phần tạo nên một thành phố đậm đà bản sắc và văn hóa. Thực hành hòa nhập xã hội được tăng cường thông qua nâng cao chất lượng cơ sở vật chất công, giúp tăng khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng và các phương tiện công cộng của người dân
	An ninh toàn diện và pháp quyền	Bao gồm thực thi pháp luật, phòng chống tội phạm, tư pháp và quản lý tình trạng khẩn cấp	Các luật lệ được tuân thủ bởi các hệ thống chính sách toàn diện và nhanh nhạy. Thiết kế không gian công cộng có sự hòa nhập giúp ổn định xã hội và an ninh, qua đó tránh hình thành những khu vực tội phạm có thể tụ tập, đồng thời đa hóa sự an toàn và an ninh cho các cá nhân.
	Nền kinh tế bền vững	Được đánh giá là có cơ chế quản lý tài chính hợp lý, nguồn thu đa dạng, khả năng thu hút đầu tư kinh doanh tốt, đầu tư đầy đủ và có các nguồn quỹ khẩn cấp	Chính quyền thành phố có thể đóng góp vào sự bền vững của các hoạt động kinh tế tư nhân bằng cách trao quyền cho các khu vực khác nhau trong nền kinh tế.

BẢNG 4-2: GIỚI TRONG LẬP KẾ HOẠCH VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI SAU THIÊN TAI CỦA ĐÔ THỊ

KHÍA CẠNH VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA THÀNH PHỐ.	LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐỘNG LỰC / MỤC TIÊU	MÔ TẢ MỤC TIÊU	CÁC CẢN NHẮC VỀ GIỚI VÀ HÒA NHẬP
CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG	Giảm khả năng xuống cấp và hỏng hóc	Được thể hiện bằng khả năng quản lý môi trường, cơ sở hạ tầng phù hợp, quy hoạch sử dụng đất hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về quy hoạch	Tập trung vào việc kết hợp hệ sinh thái với cơ sở hạ tầng để giảm thiểu sự xuống cấp của cơ sở vật chất
	Cung cấp hiệu quả các dịch vụ quan trọng	Được thể hiện bằng quản lý tích cực và cung cấp đa dạng các dịch vụ, duy trì các hệ sinh thái và cơ sở hạ tầng, và lập kế hoạch dự phòng	
	Thông tin đáng tin cậy và tính di động	Được thể hiện bằng quản lý tích cực và cung cấp đa dạng các dịch vụ, duy trì các hệ sinh thái và cơ sở hạ tầng, và lập kế hoạch dự phòng	Có các hình thức liên lạc sẵn có, đáng tin cậy và toàn diện, điều này rất quan trọng để phổ biến thông tin trong các trường hợp khẩn cấp - đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương nhất trong thành phố, chẳng hạn như người nghèo và người già. Mạng lưới giao thông với nhiều phương tiện công cộng khác nhau được thiết kế đồng bộ, an toàn với người dân với giá cả phù hợp giữa tất cả các vùng lân cận.
LÃNH ĐẠO VÀ CHIẾN LƯỢC	Quản lý và lãnh đạo hiệu quả	Có sự tham gia của chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự, và được biểu hiện bằng sự tin cậy của các cá nhân, tham vấn nhiều bên liên quan và ra quyết định dựa trên bằng chứng	Nhận thấy được tầm quan trọng về hiểu biết của những người dân và tham vấn cộng đồng để giải quyết các vấn đề của thành phố.
	Các bên liên quan được trao quyền	Được thể hiện qua hệ thống giáo dục được dành cho tất cả mọi người và người dân có khả năng tiếp cận với thông tin và kiến thức cập nhật để mọi người có khả năng tổ chức thực hiện hành động phù hợp.	Đầu tư vào nghiên cứu, thu thập dữ liệu và giám sát nguy cơ, cung cấp các cảnh báo sớm và tiếp cận thông tin giáo dục cho tất cả mọi người.
	Lồng ghép các kế hoạch phát triển	Được thể hiện trong sứ mệnh và tầm nhìn của thành phố, một kế hoạch và chiến lược phát triển được lồng ghép được rà soát và cập nhật thường xuyên bởi các nhóm làm việc giữa các ban ngành với nhau	Hiểu được sự liên kết giữa các động lực về sự tham gia của các bên liên quan khác nhau trong thiết kế và thực hiện các dự án trong thành phố. Các quy trình hợp tác và tham vấn phải thực sự đảm bảo có sự tham gia, kết hợp tham vấn với cư dân trong thành phố và những người khác những người đã có trải nghiệm về tính hiệu quả của quy trình này

Nguồn: Phỏng theo (ARUP 2015)

CHIA SẺ



TRƯỜNG HỢP

LẬP KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG DỰA TRÊN CƠ SỞ HẠ TẦNG

Tác động của các thiên tai và hậu quả liên quan đến khí hậu sẽ gây thêm gánh nặng cho hệ thống cấp nước, vệ sinh, quản lý lũ lụt, giao thông và cơ sở hạ tầng năng lượng. Biến đổi khí hậu sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định mức độ dịch vụ, vị trí, thiết kế, vận hành và bảo trì, các lựa chọn về đổi mới hoặc trang bị thêm và

cuối cùng là xử lý tài sản. Điều quan trọng là các nhà làm luật phải có các công cụ và nguồn lực hiệu quả để phát triển và thực hiện các giải pháp thích ứng với khí hậu cho cơ sở hạ tầng hiện có và cơ sở hạ tầng mới.

Việc kết hợp các nguyên tắc thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, thiết kế hoặc đổi mới cơ sở hạ tầng có thể không phải lúc nào cũng đòi hỏi sự thay đổi lớn về quy trình mà cần nhiều hơn về cách tiếp cận và các nguyên tắc thiết kế. Thay vào đó, cách tiếp cận sau đây quy định việc lồng ghép các cân nhắc về biến đổi khí hậu trong từng giai đoạn thực hiện dự án bằng cách:

- > Xem xét các điều kiện khí hậu trong tương lai (cùng với các điều kiện khí hậu trong quá khứ và hiện tại); hoặc

ĐIỂM THẢO LUẬN



Yêu cầu những người tham gia liệt kê những thách thức chính từ các thành phố của họ và cách họ nhận thấy cách tiếp cận về khả năng phục hồi dựa trên những gì họ đã liệt kê.

Gợi ý cho giảng viên

- > Tác động không cân xứng của những cú sốc và căng thẳng tại đô thị đối với nhóm dân cư có thu nhập thấp và các khu định cư phi chính thức trong hành phố.

Sự tăng nhanh vấn đề người nghèo tại khu vực đô thị khiến các thành phố đang thiếu sự quan tâm đến khả năng phục hồi của người nghèo sau thiên tai. Người nghèo bị ảnh hưởng một cách không cân xứng do các thiên tai đột ngột và căng thẳng khu vực đô thị không chỉ vì họ thường xuyên tiếp xúc nhiều hơn (và sau đó dễ bị tổn thương hơn) trước sự tác động đột ngột liên quan đến khí hậu, mà còn vì họ có ít nguồn lực hơn và nhận được ít hỗ trợ hơn để phòng ngừa, đối phó và thích ứng với thiên tai khí hậu. Biến đổi khí hậu dự kiến sẽ làm gia tăng những cú sốc và căng thẳng này và tiếp tục cản trở nỗ lực giảm nghèo.

- > Phụ nữ là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu. Các nhóm dễ bị tổn thương khác bao gồm người nghèo, trẻ em, người khuyết tật, người già, LGBTIQ, cộng đồng bản địa và

những nhóm khác.

Điều này là do nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm các chuẩn mực xã hội truyền thống không có nhạy cảm về giới hoặc khả năng tiếp cận các nguồn lực cơ bản bị hạn chế và cũng do nghèo đói hình thành nên phân biệt giới. Phụ nữ làm chủ hộ khoảng 40% tại các hộ gia đình nghèo nhất tại thành thị trên toàn thế giới. Ở một số nước đang phát triển, tỷ lệ này có thể cao hơn, như ở Philippines, nơi 80% chủ hộ ở các khu ổ chuột là phụ nữ trong (Anh, et al. 2016).

- > Ví dụ ở Việt Nam, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng, không ai biết có bao nhiêu hộ gia đình thuộc nhóm nghèo nhất do phụ nữ làm chủ hộ; nhưng, theo suy luận từ các dự án của Hội Liên hiệp Phụ nữ (WU), số lượng hộ gia đình do phụ nữ làm chủ trong nhóm nghèo nhất có thể tương đối cao - gần một nửa số hộ gia đình được hưởng lợi trong dự án nhà ở của WU do Quỹ Rockefeller tài trợ là do phụ nữ làm chủ (Anh, et al. 2016). Tính dễ bị tổn thương hơn của phụ nữ còn do vai trò và nhu cầu của họ bị đánh giá thấp hoặc bị bỏ qua trong việc lập kế hoạch và thực hiện dự án, ngay cả khi họ là lực lượng lao động chính cho hầu hết các hoạt động sản xuất và phát triển. Các mối quan hệ quyền lực và vai trò giới trong các hoạt động sinh kế và tạo thu nhập có ảnh hưởng đáng kể đến tính dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng.

- > Cần nhắc sự không chắc chắn trong việc rà soát và sử dụng dữ liệu khí hậu thông qua kiểm tra tính nhạy cảm và điều chỉnh thiết kế (ví dụ, thông qua bờ kè an toàn lớn hơn) hoặc, tối thiểu, điều chỉnh các kỳ vọng về hiệu suất hoặc dịch vụ của các cấu trúc được thiết kế.

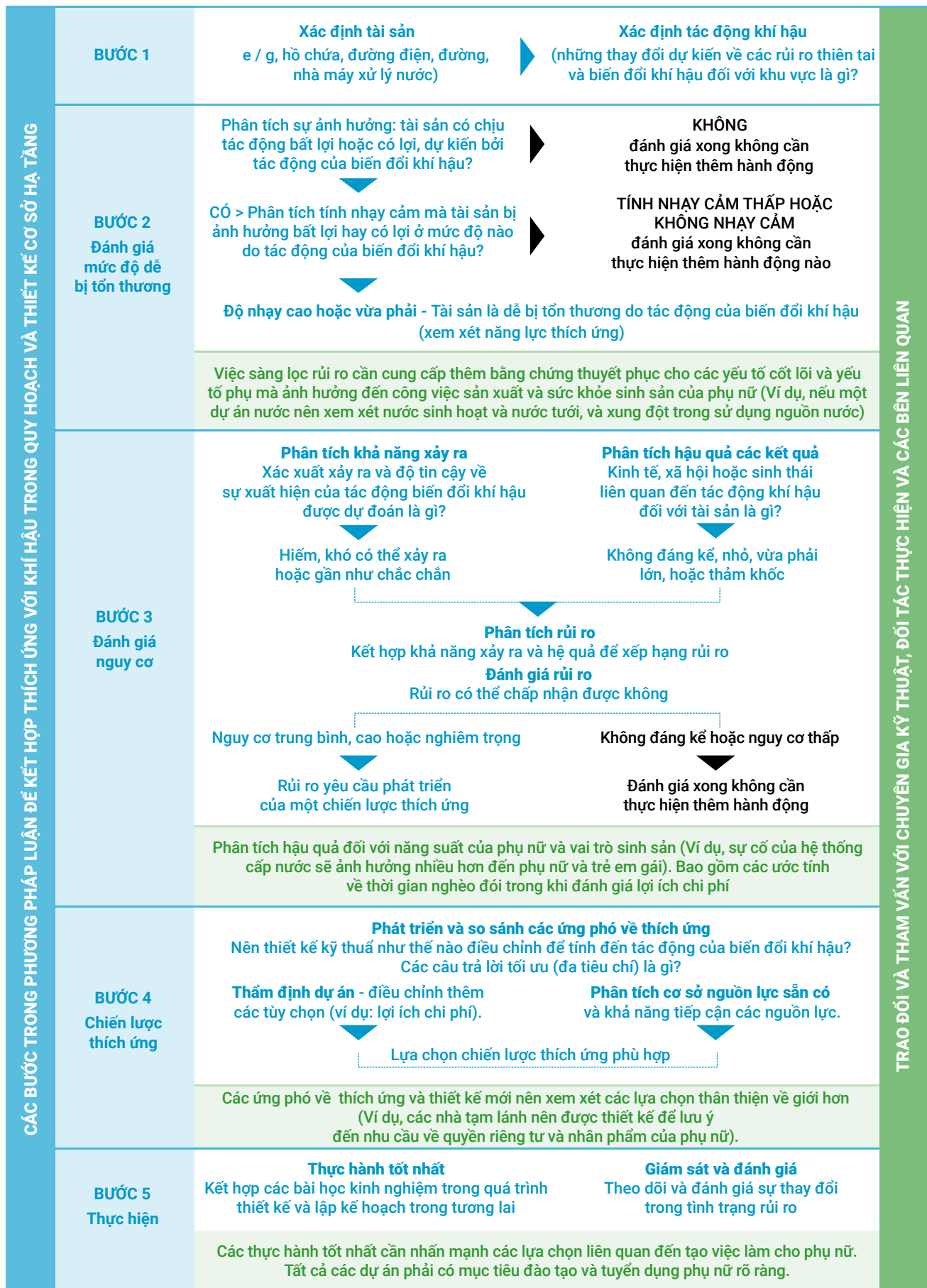
Ví dụ về những thay đổi trong thiết kế kỹ thuật có thể bao gồm: i) cải tạo mạng lưới nước mặt để có công suất lớn hơn, vì các hiện tượng mưa lớn cực đoan dự kiến sẽ tăng lên trong tương lai; ii) xây dựng đê tại các vùng sông bị vỡ đê và các rào chắn thủy triều dâng hoặc dọc bờ biển; iii) thiết kế nền móng của tường chắn sóng mới để nó có thể được xây cao trong tương lai để ứng phó với mực nước biển dâng; iv) xây dựng cây cầu mới ở độ cao lớn hơn nếu công trình hiện tại thường xuyên bị ngập và hư hỏng do lũ sông; v) thiết kế và xây dựng nơi trú ẩn do lốc xoáy, bão và lũ lụt; và những thiên tai khác.

Mặc dù các dự án này có vẻ trung lập về giới, nhưng về cơ bản, dự án này có thể không mang lại lợi ích cho phụ nữ trừ khi tính đến quyền, ưu tiên và các nhu cầu của phụ nữ trong dự án và phụ nữ được tham gia có ý nghĩa và đại diện trong quá trình quy hoạch, thiết kế và quản lý cơ sở hạ tầng mới. Tiếp cận cơ sở hạ tầng có tính đến khác biệt về giới và

các dịch vụ liên quan cần được lưu ý khi thiết kế các dịch vụ. Nếu không, các cơ sở hạ tầng và các dịch vụ liên quan có thể không đem lại lợi ích kinh tế hoặc xã hội cho phụ nữ mà còn khiến họ bị thiệt thòi hơn do kết quả của cơ sở hạ tầng mới. Ví dụ, chuyển hệ thống nước ngọt đến các khu vực thiếu nước (qua đê bao, chuyển nước hoặc kênh tưới tiêu) có thể dẫn đến hậu quả khôn lường là tăng cường và kéo dài thời gian sản xuất và lấy nước sinh hoạt của phụ nữ do hệ thống nước đặt ở những nơi xa xôi (Aguilar Revelo 2009).

Những ví dụ như vậy nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét đúng mức lợi ích và đóng góp của mọi thành viên trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác, trong việc thiết kế và quy hoạch cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu. Năm 2015, USAID đã xây dựng sổ tay hướng dẫn về việc kết hợp thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch và thiết kế cơ sở hạ tầng. Hình 4-3 tập hợp các bước phương pháp luận để lập kế hoạch và thiết kế cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu được đề xuất trong khuôn khổ này, với các gợi ý cho các hành động có đáp ứng giới.

HÌNH 4-3: LẬP KẾ HOẠCH CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU



Nguồn: Phỏng theo (USAID 2015)

KHÍA CẠNH GIỚI TRONG CÁC GIAI ĐOẠN KHÁC NHAU CỦA QUY HOẠCH CƠ SỞ HẠ TẦNG - TRƯỜNG HỢP LƯU VỰC HỒ Ở TRUNG QUỐC

Trường hợp này lấy từ sổ tay hướng dẫn của USAID (2015) về quy hoạch cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu, tập trung vào một lưu vực hồ nước ngọt lớn ở Trung Quốc. Nguồn nước của lưu vực đang bị đe dọa do nhiệt độ trung bình

hàng năm tăng lên, sự thay đổi lượng mưa và hạn hán. Các bước được đưa ra trong trường hợp này nhấn mạnh những khoảng trống và cơ hội cho việc lồng ghép giới.

BẢNG 4-2: CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU

BƯỚC 1	<p>Để thiết lập bối cảnh, dữ liệu lịch sử sẵn có từ các trạm thời tiết địa phương được phân tích và mô hình khí hậu được sử dụng để xác định hồ này chịu ảnh hưởng nghiêm trọng rõ rệt bởi một đợt khô hạn.</p> <p>► Một phương pháp tiếp cận theo giới cũng sẽ được sử dụng để phân tích dữ liệu về sử dụng và các mẫu phụ thuộc để hiểu giai đoạn khô hạn mà còn cả các giai đoạn thâm hụt lớn.</p>																																																																																																																																	
BƯỚC 2	<p>Việc sàng lọc rủi ro được thực hiện bằng cách chuẩn bị một ma trận sàng lọc rủi ro, ma trận này được minh họa qua một số mối quan hệ. Ở phía ngoài cùng bên trái, ma trận cho thấy mối quan hệ giữa các yếu tố cốt lõi (ví dụ: nông nghiệp) và các yếu tố phụ (ví dụ: sản xuất lúa gạo). Các mối quan hệ sau đó được xác định là bền chặt, nhỏ nhặt, không chắc chắn, xa cách hoặc không tồn tại</p> <p>► Có thể thấy, các yếu tố chính và yếu tố phụ rõ ràng đã bỏ qua các mối quan hệ về:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lượng nước để con người sử dụng Chất lượng nước để con người sử dụng Ảnh hưởng đến nguồn nước hiện có do lượng nước từ hồ thấp hơn 																																																																																																																																	
<p>CÁC YẾU TỐ CHÍNH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI KHÍ HẬU</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Yếu tố cốt lõi - (các) yếu tố</th> <th>Yếu tố phụ</th> <th>Nóng cực đoan</th> <th>Biện pháp</th> <th>Lạnh cực đoan</th> <th>Hạn hán</th> <th>Lượng mưa trung bình</th> <th>Lượng mưa cực lớn</th> <th>Lũ lụt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">Nông nghiệp - 1,2,3,4,5,6</td> <td>1. Sâu bọ</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Sản xuất lúa gạo</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Công nghiệp - 6,7</td> <td>3. Sản xuất cam quýt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4. Lâm nghiệp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Sức khỏe cộng đồng - 8,9,10</td> <td>5. Thủy sản và nuôi trồng thủy sản</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Sinh kế - 6,11,12,13</td> <td>6. Tài nguyên nước</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7. Mực nước hồ</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Đa dạng sinh học - 6,14</td> <td>8. Sán máng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9. Cơ sở vật chất liên quan đến đợt lạnh</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Du lịch - 14</td> <td>10. Các cơ sở vật chất liên quan đến sóng nhiệt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>11. Chất lượng nước cho con người</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="2"> <ul style="list-style-type: none"> ■ Mối quan hệ bền chặt ■ Mối liên hệ nhỏ ■ Mối liên hệ không chắc chắn ■ Mối liên hệ xa hoặc không có mối liên hệ </td> <td>12. Nghề cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>13. Nông nghiệp tự cung cấp</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>14. Hệ sinh thái đất ngập nước (gồm cả chim di cư)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Yếu tố cốt lõi - (các) yếu tố	Yếu tố phụ	Nóng cực đoan	Biện pháp	Lạnh cực đoan	Hạn hán	Lượng mưa trung bình	Lượng mưa cực lớn	Lũ lụt	Nông nghiệp - 1,2,3,4,5,6	1. Sâu bọ								2. Sản xuất lúa gạo								Công nghiệp - 6,7	3. Sản xuất cam quýt								4. Lâm nghiệp								Sức khỏe cộng đồng - 8,9,10	5. Thủy sản và nuôi trồng thủy sản								Sinh kế - 6,11,12,13	6. Tài nguyên nước								7. Mực nước hồ								Đa dạng sinh học - 6,14	8. Sán máng								9. Cơ sở vật chất liên quan đến đợt lạnh								Du lịch - 14	10. Các cơ sở vật chất liên quan đến sóng nhiệt								11. Chất lượng nước cho con người								<ul style="list-style-type: none"> ■ Mối quan hệ bền chặt ■ Mối liên hệ nhỏ ■ Mối liên hệ không chắc chắn ■ Mối liên hệ xa hoặc không có mối liên hệ 	12. Nghề cá								13. Nông nghiệp tự cung cấp									14. Hệ sinh thái đất ngập nước (gồm cả chim di cư)							
Yếu tố cốt lõi - (các) yếu tố	Yếu tố phụ	Nóng cực đoan	Biện pháp	Lạnh cực đoan	Hạn hán	Lượng mưa trung bình	Lượng mưa cực lớn	Lũ lụt																																																																																																																										
Nông nghiệp - 1,2,3,4,5,6	1. Sâu bọ																																																																																																																																	
	2. Sản xuất lúa gạo																																																																																																																																	
Công nghiệp - 6,7	3. Sản xuất cam quýt																																																																																																																																	
	4. Lâm nghiệp																																																																																																																																	
Sức khỏe cộng đồng - 8,9,10	5. Thủy sản và nuôi trồng thủy sản																																																																																																																																	
Sinh kế - 6,11,12,13	6. Tài nguyên nước																																																																																																																																	
	7. Mực nước hồ																																																																																																																																	
Đa dạng sinh học - 6,14	8. Sán máng																																																																																																																																	
	9. Cơ sở vật chất liên quan đến đợt lạnh																																																																																																																																	
Du lịch - 14	10. Các cơ sở vật chất liên quan đến sóng nhiệt																																																																																																																																	
	11. Chất lượng nước cho con người																																																																																																																																	
<ul style="list-style-type: none"> ■ Mối quan hệ bền chặt ■ Mối liên hệ nhỏ ■ Mối liên hệ không chắc chắn ■ Mối liên hệ xa hoặc không có mối liên hệ 	12. Nghề cá																																																																																																																																	
	13. Nông nghiệp tự cung cấp																																																																																																																																	
	14. Hệ sinh thái đất ngập nước (gồm cả chim di cư)																																																																																																																																	
BƯỚC 3	<p>Căn cứ trong các bước sàng lọc tính dễ bị tổn thương được trình bày ở trên, gần 30 rủi ro đã được xác định và phân tích. Hầu hết các rủi ro có khả năng dẫn đến tác động tiêu cực, trong khi một số ít có thể mang lại tác động tích cực (cơ hội). Các rủi ro chính về biến đổi khí hậu được xem xét trong chiến lược thích ứng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> > Suy giảm tài nguyên nước mặt; > Giảm sản lượng nông nghiệp (bao gồm cả thủy sản và lâm nghiệp); > Giảm nguồn cung cấp nước cho các ngành công nghiệp chính; > Đặc biệt, nguồn nước đã tác động đến sức khỏe cộng đồng trong việc làm gia tăng sự lây truyền và phổ biến của bệnh Sán máng (một bệnh truyền qua vật trung gian do chịu tác động của nhiệt độ và các đợt lũ lụt) và nắng nóng khắc nghiệt; 																																																																																																																																	

BẢNG 4-2: CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU

	<p>> Suy thoái tiềm năng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên chính (nước và canh tác tự cung tự cấp) cho các hệ thống sinh kế địa phương; và</p> <p>> Suy giảm tiềm năng về giá trị đa dạng sinh học (chim di trú và đất ngập nước).</p> <p>▶ <i>Đánh giá rủi ro được xếp hạng nhấn mạnh sự ảnh hưởng do tình trạng nước sẵn có trong tỉnh nhưng không gây ra hậu quả về tình trạng nghèo đói của phụ nữ</i></p>										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>RỦI RO</th> <th>KHẢ NĂNG XẢY RA</th> <th>KẾT QUẢ</th> <th>RỦI RO 2050</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giảm tài nguyên nước mặt do tần suất và cường độ của các hiện tượng hạn hán tăng lên và nhiệt độ trung bình cũng như các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt tăng lên</td> <td>4 - CÓ KHẢ NĂNG Nhiệt độ trung bình có khả năng tăng vào năm 2050, cùng với tần suất và cường độ của các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt, dẫn đến giảm tỷ lệ bổ sung nước bề mặt vào năm 2050, đặc biệt là trong các đợt hạn hán. Xu hướng hạn hán đến năm 2050 là không chắc chắn đối với lưu vực hồ Poyang; tuy nhiên, khả năng gia tăng tần suất và cường độ hạn hán cần được xem xét</td> <td>4 – LỚN/CHỦ YẾU Với nguồn tài nguyên nước mặt chiếm 96% tổng lượng nước cấp tỉnh, việc giảm nguồn nước này sẽ có tác động đáng kể gây gián đoạn nguồn cung cấp nước trên diện rộng trên địa bàn tỉnh</td> <td>16 – CAO</td> </tr> </tbody> </table>	RỦI RO	KHẢ NĂNG XẢY RA	KẾT QUẢ	RỦI RO 2050	Giảm tài nguyên nước mặt do tần suất và cường độ của các hiện tượng hạn hán tăng lên và nhiệt độ trung bình cũng như các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt tăng lên	4 - CÓ KHẢ NĂNG Nhiệt độ trung bình có khả năng tăng vào năm 2050, cùng với tần suất và cường độ của các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt, dẫn đến giảm tỷ lệ bổ sung nước bề mặt vào năm 2050, đặc biệt là trong các đợt hạn hán. Xu hướng hạn hán đến năm 2050 là không chắc chắn đối với lưu vực hồ Poyang; tuy nhiên, khả năng gia tăng tần suất và cường độ hạn hán cần được xem xét	4 – LỚN/CHỦ YẾU Với nguồn tài nguyên nước mặt chiếm 96% tổng lượng nước cấp tỉnh, việc giảm nguồn nước này sẽ có tác động đáng kể gây gián đoạn nguồn cung cấp nước trên diện rộng trên địa bàn tỉnh	16 – CAO		
RỦI RO	KHẢ NĂNG XẢY RA	KẾT QUẢ	RỦI RO 2050								
Giảm tài nguyên nước mặt do tần suất và cường độ của các hiện tượng hạn hán tăng lên và nhiệt độ trung bình cũng như các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt tăng lên	4 - CÓ KHẢ NĂNG Nhiệt độ trung bình có khả năng tăng vào năm 2050, cùng với tần suất và cường độ của các hiện tượng nắng nóng khắc nghiệt, dẫn đến giảm tỷ lệ bổ sung nước bề mặt vào năm 2050, đặc biệt là trong các đợt hạn hán. Xu hướng hạn hán đến năm 2050 là không chắc chắn đối với lưu vực hồ Poyang; tuy nhiên, khả năng gia tăng tần suất và cường độ hạn hán cần được xem xét	4 – LỚN/CHỦ YẾU Với nguồn tài nguyên nước mặt chiếm 96% tổng lượng nước cấp tỉnh, việc giảm nguồn nước này sẽ có tác động đáng kể gây gián đoạn nguồn cung cấp nước trên diện rộng trên địa bàn tỉnh	16 – CAO								
<p>BƯỚC 4 & 5</p>	<p>Danh sách 12 biện pháp thích ứng có thể có đã được xác định để giải quyết một số nguy cơ đe dọa cao nhất. Hầu hết các biện pháp tập trung vào một lĩnh vực cụ thể (nước, mức độ hồ, nông nghiệp, công nghiệp) và hai trong số các biện pháp này là các biện pháp chung (sức khỏe và nhận thức cộng đồng) Chiến lược về các sông bao gồm hạn chế nước (theo mùa) vĩnh viễn</p> <p>▶ <i>Đáng chú ý là nước sinh hoạt thậm chí đã không được coi là một lĩnh vực chính; vai trò duy nhất của nguồn nước này là về sức khỏe cộng đồng. Đã có các bằng chứng về tác động trong các hạn chế về nước đối với năng suất của phụ nữ và thậm chí cả việc giáo dục trẻ em gái. Những điều này thậm chí đã không được xem xét.</i></p>										

CHIA SẺ**TRƯỜNG HỢP****THÍCH ỨNG DỰA VÀO HỆ SINH THÁI**

Thích ứng dựa vào hệ sinh thái đề cập đến việc sử dụng các tài nguyên môi trường và các biện pháp bảo vệ thiên nhiên như các giải pháp để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thiên tai. Ví dụ, “rừng ngập nước và rừng ngập mặn ven biển cung cấp khả năng bảo vệ chống bão, bảo vệ ven biển và bổ sung nước, đồng thời hoạt động như hàng rào an toàn chống lại các hiểm họa tự nhiên như lũ lụt, bão và sóng thần; trong khi các vùng đất ngập nước lọc các chất ô nhiễm và cung cấp nước bổ sung và các ao nuôi thủy sản địa phương”. Đánh giá Hệ sinh thái Thiên niên kỷ (MEA 2005) cũng sử dụng hai thành phần Thích ứng dựa vào hệ sinh thái trong phân tích về những thay đổi đối với hệ sinh thái và sự hữu ích của hệ sinh thái tác động đến phúc lợi của con người như thế nào.

Duy trì yếu tố hữu ích trong hệ sinh thái - Hệ sinh thái cung cấp một số yếu tố sự hữu ích như cung cấp, điều tiết, yếu tố hỗ trợ và yếu tố cho trồng trọt. Trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu, những “tài sản thiên nhiên” hay “yếu tố hệ sinh thái” này bao gồm cung cấp nước, chống xói mòn, điều hòa khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai và đa dạng sinh học. Điều rất quan trọng là phải đảm bảo rằng các hệ sinh thái này không bị suy thoái và tiếp tục cung cấp các yếu tố thiết yếu này. Trọng tâm của khái niệm Thích ứng dựa vào hệ sinh thái là việc áp dụng một cách tiếp cận toàn diện là rất quan trọng để duy trì cấu trúc và hoạt động của hệ sinh thái cũng như cung cấp dịch vụ hệ sinh thái.

Khả năng phục hồi của hệ sinh thái - Các tác động của biến đổi khí hậu như thay đổi mực nước biển, nhiệt độ và lượng mưa sẽ ảnh hưởng đến chức năng của hệ sinh thái. Những thay đổi như vậy có thể gây ra những hậu quả lớn đối với xã hội, văn hóa và kinh tế ((Jeans 2014) trong (Reaid và Alam, Phương pháp tiếp cận dựa trên hệ sinh thái để thích ứng: bằng chứng từ hai địa điểm ở Bangladesh 2016)). MEA (2005) dự đoán rằng “Vào cuối thế kỷ này, biến đổi khí hậu và các tác động của nó có thể là nguyên nhân chính mà trực

tiếp gây mất đa dạng sinh học và thay đổi các yếu tố về hệ sinh thái trên toàn cầu". Hệ sinh thái có những giới hạn mà nếu vượt quá giới hạn này chúng không thể thực hiện được chức năng vốn có của nó. Khái niệm về khả năng phục hồi của hệ sinh thái được xây dựng dựa trên việc phát triển và duy trì "năng lực của một hệ thống có thể chịu được các tác nhân mà không làm thay đổi kết quả hoặc cấu trúc của hệ thống đó."

Thích ứng dựa vào hệ sinh thái thường tạo cơ hội lớn hơn cho các nhóm dễ bị tổn thương có sinh kế phụ thuộc trực tiếp vào tài nguyên thiên nhiên. Thích ứng dựa vào hệ sinh thái dựa vào cộng đồng thậm chí còn có thể duy trì vị thế của công cụ này bằng cách cung cấp nhiều lợi ích cho cộng đồng.

Từ góc độ giới Thích ứng dựa vào hệ sinh thái đóng vai trò rất quan trọng do phụ nữ thường là người bảo tồn chính những truyền thống và tri thức bản địa do họ có mối liên kết và quan hệ chặt chẽ hơn với các nguồn tài nguyên thiên nhiên (Aguilar, et al 2015). Do đó, Thích ứng dựa vào hệ sinh thái cũng cung cấp một không gian rộng lớn hơn cho sự tham gia của phụ nữ. Kiến thức mà phụ nữ có được với tư cách là người quản lý tài nguyên thiên nhiên có thể cung cấp những hiểu biết quan trọng về việc thiết kế các chiến lược hiệu quả. Tuy nhiên, điều quan trọng cần đề cập là lồng ghép giới không phải là một quá trình mặc định trong Thích ứng dựa vào hệ sinh thái. Điều quan trọng là phải thực hiện các bước bao gồm kinh nghiệm địa phương và dựa trên lồng ghép giới trong quá trình lập kế hoạch Thích ứng dựa vào hệ sinh thái. Quan trọng không kém là đánh giá khả năng đóng góp các nguồn tài nguyên thiên nhiên vào sinh kế, sức khỏe và các khía cạnh khác của phụ nữ như một phần của bất kỳ dự án Thích ứng dựa vào hệ sinh thái nào. Nói chung, khía cạnh lồng ghép giới đã bị thiếu, dẫn đến kết quả là phụ nữ không nhận thấy những lợi ích mà họ có thể trực tiếp hưởng lợi từ các lựa chọn (Arguilar, et al 2015).

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Hãy nghỉ giải lao và trình chiếu một dự án eba "resinam" thông qua video về dự án có sẵn tại <https://www.weadapt.org/placemarks/maps/view/35396>

CHIA SẺ



TRƯỜNG HỢP

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Tất cả các cách tiếp cận ở trên có thể được thực hiện bởi một phương pháp kỹ thuật từ trên xuống hoặc phương pháp dựa vào cộng đồng. Phương pháp thích ứng dựa vào cộng đồng

(TUDVCD) được định nghĩa là "một quá trình do cộng đồng dẫn dắt, dựa trên các ưu tiên, nhu cầu, kiến thức và năng lực của cộng đồng để trao quyền cho người dân lập kế hoạch và đối phó với các tác động của biến đổi khí hậu" (REID, et al. 2009). Cách tiếp cận đối với nghiên cứu và thực hiện các hoạt động thích ứng là cách tiếp cận từ dưới lên và dựa trên điểm mạnh để tăng cường năng lực thích ứng ở cấp cộng đồng

TUDVCD cũng được một số người (Reid và Huq 2017) coi là "cách tiếp cận quan trọng đối với những mối đe dọa mà biến đổi khí hậu gây ra cho người nghèo". Các tác giả của nghiên cứu này cho rằng việc chỉ đưa tiền cho các chính phủ ở các nước nghèo sẽ không đảm bảo tiền đến tay những người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương nhất. Do đó, điều quan trọng là phải áp dụng TUDVCD vì công cụ này có tiềm năng lớn hơn trong tiếp cận các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất. Những người ủng hộ các phương pháp tiếp cận có sự tham gia như Robert Chambers và những người khác đã lập luận rằng các phương pháp tiếp cận "từ trên xuống" thường tước quyền và thành kiến đối với lợi ích của người nghèo (Mansuri và Rao 2013). Các nhà hoạt động khí hậu lập luận rằng điều này cũng áp dụng cho các dự án thích ứng có thể tập trung vào các dự án cơ sở hạ tầng kiên cố và dự án ứng phó bằng công nghệ đối với các tác động của khí hậu riêng biệt thay vì các sáng kiến tăng cường năng lực thích ứng dài hạn, phương pháp tiếp cận này vốn đã không cung cấp hỗ trợ thích ứng đầy đủ cho những người dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu (Kirkby, Williams và Huq 2017).

TUDVCD thường được thúc đẩy bởi nhiều thành phần. Thành phần chính của công cụ này bao gồm hợp tác tới các cộng đồng sống tại khu vực thực hiện dự án nhằm nâng cao năng lực của họ để họ thích ứng với các tác động và rủi ro từ biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, TUDVCD không chỉ là một dự án; nó giống một phong trào hơn vì nó liên quan đến một cộng đồng có chung mối quan tâm trong việc vận động hỗ trợ về thể chế và tài chính cho các cộng đồng dễ bị tổn thương để thích ứng với biến đổi khí hậu. Do đó, đó là một bối cảnh chính trị - xã hội, nơi các quyết định về thích ứng dựa trên nhu cầu và ưu tiên của những người sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất.

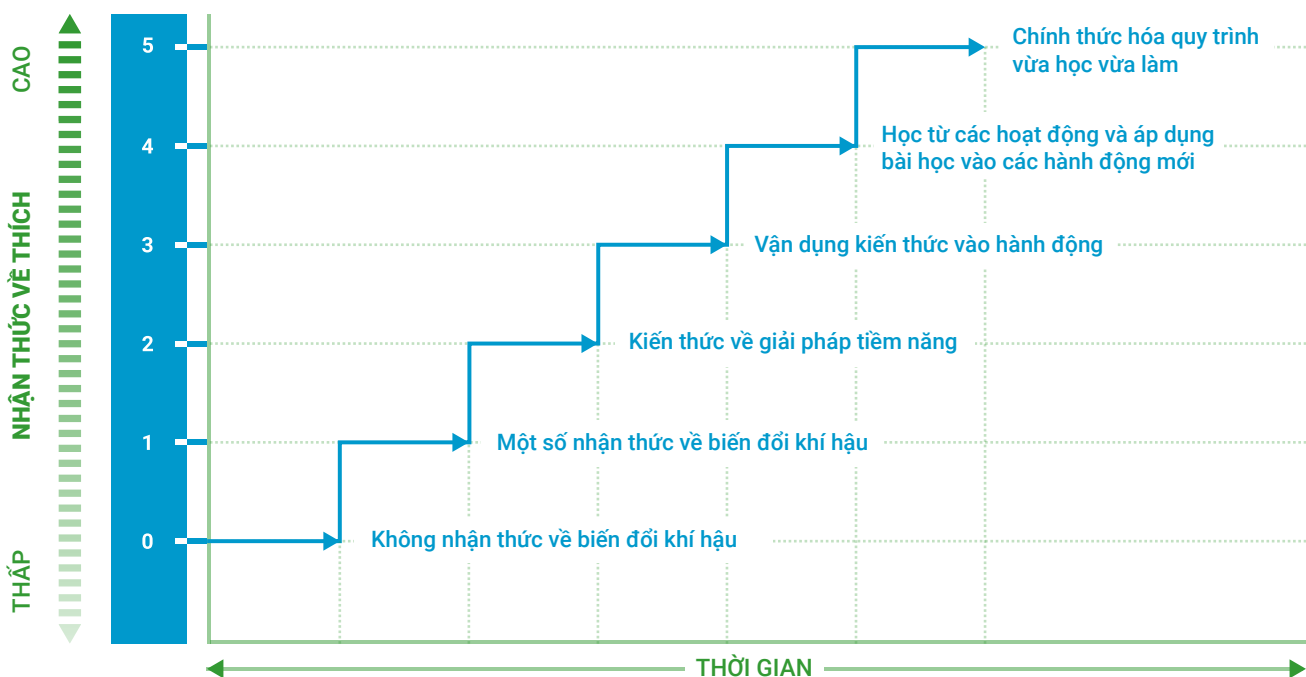
Mục tiêu của TUDVCD là cho phép các cộng đồng thúc đẩy sự thích nghi bền vững và tự cung tự cấp của họ bằng cách cho phép họ xác định các phương pháp và mục tiêu thích ứng cho chính họ (Dodman và Mitlin 2013). Điều này đạt được thông qua một quá trình trao quyền bao gồm huy động nguồn lực tiềm năng, nỗ lực, sự nhiệt tình, kiến thức và kinh nghiệm của các cá nhân và cộng đồng (REID, et al.2009). TUDVCD là "về việc cộng đồng đưa ra các lựa chọn, chứ không phải họ bị áp đặt phải lựa chọn từ bên ngoài." Các chính sách và can thiệp TUDVCD cần phản ánh các giá trị, ưu tiên và quan niệm về phúc lợi của địa phương - trái với quan niệm, ý muốn của các tác nhân bên ngoài cộng đồng của họ - và "nên được thực hiện bởi cộng đồng hơn là vì hoặc cho cộng đồng" (Warrick 2011). Các chiến lược chính của mô hình TUDVCD ((Kirkby, Williams và Huq 2017); (Reid và Huq 2017)) bao gồm:

- i) Tập trung vào xây dựng năng lực thích ứng hơn là hành động thích ứng tại địa phương;
- ii) Liên tục huy động cộng đồng với mục đích xây dựng lòng tin giữa chính họ và với các bên liên quan khác;
- iii) Nhận thấy những thực tế phức tạp của cộng đồng địa phương, đặc biệt là các cơ cấu quyền lực hiện có, tạo môi trường và cơ chế thể chế thuận lợi cho các nhóm dễ bị tổn thương tham gia vào các quá trình chia sẻ lợi ích, quản lý và ra quyết định;
- iv) Xây dựng năng lực của cộng đồng để họ hiểu sự phức tạp của biến đổi khí hậu thông qua chia sẻ thông tin khoa học từ trên xuống đồng thời đảm bảo chuyển giao kiến thức địa phương cho các chiến lược về thích ứng đồng hành với sản xuất. Kết hợp tri thức bản địa và kiến thức khoa học là chìa khóa cho TUDVCD. Hướng tới điều này, TUDVCD cũng yêu cầu áp dụng phương pháp tiếp cận liên ngành;
- v) Dựa vào đánh giá tính dễ bị tổn thương dựa vào cộng đồng và các phương pháp tiếp cận lập kế hoạch khả năng phục hồi. Điều chỉnh hiểu biết về thích ứng và các giải pháp để giải quyết tình hình liên quan đến văn hóa và địa phương qua đó xác định tính dễ bị tổn thương của cộng đồng (ngăn cản sự thích ứng) - ví dụ, phụ nữ và những người không có đất không có không gian trong các quyết định quản lý tài nguyên thiên nhiên - cũng như năng lực thích ứng (cho phép thích ứng) - ví dụ, nhận thức cộng đồng và các hệ thống phục hồi rừng hoặc rừng ngập mặn;
- vi) Đàm phán về các rào cản thể chế, đặc biệt là những rào cản liên quan đến kiểm soát nguồn lực và mất cân bằng quyền lực, tài chính, nguồn nhân lực và sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ;
- vii) Các phương pháp tiếp cận TUDVCD đặc biệt tập trung vào việc giải quyết các nguyên nhân cơ bản của tình trạng dễ bị tổn thương, do đó công cụ này cung cấp một mô hình tích hợp để lồng ghép hành động thích ứng trong các quá trình phát triển;
- viii) Phụ nữ và các cộng đồng dễ bị tổn thương cần phải là một yếu tố quan trọng của phương pháp tiếp cận TUDVCD không chỉ vì họ là nhóm dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu mà còn vì họ là những tác nhân tích cực của sự thay đổi và có thể là những người có những đóng góp có giá trị trong các hoạt động thích ứng

Một thành phần quan trọng của tất cả các dự án TUDVCD là phải là nâng cao nhận thức của cộng đồng. Nhận thức về cả những thay đổi có thể xảy ra trong tương lai đối với khí hậu và các chiến lược thích ứng có thể có, trao quyền cho các cá nhân và nhóm quyết định về thời điểm và cách thức thích ứng mà họ cho là phù hợp, đồng thời để họ đưa ra giải pháp để giải quyết các tác động cụ thể của biến đổi khí hậu theo những phương hướng ưu tiên các mục tiêu dài hạn của họ. Kiến thức về thích ứng là kiến thức đề cập đến các nội dung giúp cải thiện khả năng của cá nhân hoặc nhóm để họ tự thích ứng được với biến đổi khí hậu.

Những nội dung đó bao gồm cả kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đồng thời xác định khả năng tham gia các hoạt động thích ứng của các liên quan trong những ràng buộc do nguồn lực và quyền lực hạn chế (Tóm tắt chính sách ICCCAD 2018).

HÌNH 4-3: THANG NHẬN THỨC VỀ THÍCH ỨNG



Trung tâm Quốc tế về Biến đổi Khí hậu và Phát triển (ICCCAD), Bangladesh, đã đề xuất một thang đo tiêu chuẩn hoặc "thang kiến thức" - từ các cộng đồng nông dân đến các chính phủ quốc gia - để xác định mức độ kiến thức thích ứng của họ, theo dõi các nỗ lực nhằm tăng kiến thức thích ứng theo thời gian và so sánh tiến tới các tác nhân tương tự ở cùng quy mô.

Nguồn: (Tóm tắt chính sách ICCCAD)

Kiến thức là điều kiện cần nhưng chưa phải là điều kiện đủ để các dự án về thích ứng thành công: bất kể các bên liên quan có bao nhiêu ngân sách hoặc quyền lực (Adger, et al 2004) họ không thể thích ứng với các nguy cơ hoặc căng thẳng do khí hậu gây ra trừ khi họ nhận thức được vấn đề, hiểu các ứng phó có thể thực hiện được cho vấn đề này và biết cách thực hiện các ứng phó này một cách hiệu quả.

Ở cấp độ thực hiện, các dự án TUDVCD phần lớn được hỗ trợ và tài trợ bởi các Tổ chức Phi Chính phủ (NGO) và / hoặc các cơ quan chính phủ, phối hợp với các cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, có những tổ chức khác đóng vai trò chính, bao gồm các cơ quan tài trợ đa bên, các cơ quan hỗ trợ, lập kế hoạch, nghiên cứu và vận động chính sách.

Những thách thức chính của cách tiếp cận TUDVCD là sự hạn chế trong đặc trưng của cách tiếp cận có sự tham gia, như thiếu các bằng chứng về hiệu quả của cách tiếp cận thông qua các cơ chế giám sát và đánh giá đầy đủ, phạm vi thực hiện và khả năng tách các hoạt động phát triển chung khỏi các hoạt động thích ứng. Đặc biệt là trở ngại đối với việc đảm bảo dòng tài chính từ các quỹ thích ứng, vì cần phải thể hiện sự đóng góp của các quỹ này cho các hoạt động về khí hậu. Do đó, hầu hết các dự án TUDVCD được tài trợ thông qua quỹ hỗ trợ phát triển. Tuy nhiên, cũng đã có nguồn quỹ tài trợ trực tiếp cho các dự án TUDVCD thông qua dự án tài trợ nhỏ của UNDP-GEF, quỹ Đối tác khả năng phục hồi toàn cầu và các quỹ khác.

Lồng ghép giới trong các dự án TUDVCD

Lồng ghép giới là một yếu tố quan trọng đối với sự thành công của một dự án TUDVCD. Cũng như các cộng đồng khác nhau bị ảnh hưởng đặc biệt bởi các tác động của biến đổi khí hậu, các nhóm khác nhau trong một cộng đồng thực hiện dự án có những điểm dễ bị tổn thương riêng của họ. Điều đặc biệt quan trọng là xác định các yếu tố dễ bị tổn thương trên cơ sở giới trong cộng đồng như một phần của quá trình lập kế hoạch TUDVCD.

Để thực hiện điều này cần phải đảm bảo hai loại chiến lược:

- Đảm bảo rằng phụ nữ là một phần của tất cả các cuộc thảo luận về đánh giá tính dễ bị tổn thương ở địa phương. Điều này có thể được thực hiện bằng cách đưa phụ nữ tham gia vào các nhóm cộng đồng hoặc trong các cộng đồng chưa thực hiện được điều này, để có các cuộc thảo luận riêng với các nhóm phụ nữ, qua đó hiểu về tính dễ bị tổn thương của những nhóm phụ nữ này tại địa phương. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải đảm bảo rằng phụ nữ thuộc mọi tầng lớp, địa vị, khuyết tật hoặc không khuyết tật, lứa tuổi, xu hướng tình dục, dân tộc và những nhóm phụ nữ có những yếu tố khác đều trở thành một thành phần tham gia trong các cuộc thảo luận này.
- Áp dụng các công cụ phân tích giới có sự tham gia của






cộng đồng để nhấn mạnh các vai trò giới và tình trạng dễ bị tổn thương trên cơ sở giới trong cộng đồng. Các khung của Moser và Harvard; Khung đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương (CVA) và các công cụ đánh giá GVCA đặc biệt hữu ích để làm rõ về các vấn đề giới và tính dễ bị tổn thương khác. Điều quan trọng là phải tập trung vào các tính dễ bị tổn thương mà phụ nữ (là người khuyết tật) và người LGBTIQ phải đối mặt, đặc biệt là trong khi lập kế hoạch cho các chiến lược quản lý rủi ro thiên tai.

Việc đưa phụ nữ tham gia trong TUDVCD là cần thiết không chỉ vì phụ nữ là đối tượng dễ bị tổn thương, mà còn vì họ có thể là những người đóng góp có giá trị cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phụ nữ có thể là những nhà lãnh đạo cộng đồng và thường là những nhà quản lý tài nguyên thiên nhiên, những người có thể giúp phát triển các chiến lược để đối phó với các rủi ro liên quan đến khí hậu. Điều quan trọng là các dự án TUDVCD phải bao gồm thành phần có nhạy cảm giới trong cộng đồng và trong các nhà lãnh đạo hiện tại để họ có thể hỗ trợ nhiều hơn cho phụ nữ tham gia các vị trí lãnh đạo trong các tổ chức và quá trình ra quyết định liên quan đến BĐKHGNRRTT. Một chiến lược để thực hiện điều này là cung cấp một khung quy chuẩn cho sự tham gia của phụ nữ - quy định rằng 30% đến 50% thành viên trong tất cả các cơ quan ra quyết định là phụ nữ. Để tiếp tục thực hiện quá trình này, các nhóm và diễn đàn chỉ dành cho phụ nữ cũng có thể được hỗ trợ, có thể đưa ra các vấn đề và các biện pháp can thiệp cần thiết cho họ trước khi đưa họ vào các cơ quan ra quyết định chính. Ví dụ, ở Ấn Độ, có khái niệm Mahila Sabha hoặc Nghị viện của phụ nữ (thôn) trước Gram Sabha (Nghị viện thôn), để đảm bảo rằng tất cả phụ nữ có cơ hội tốt và mở hơn để họ có thể nói về mối quan tâm của họ trong một diễn đàn cấp thôn. Nghị quyết được thông qua bởi Mahila Sabha sau đó được đặt trước Gram Sabha (trong đó phụ nữ cũng là thành viên, nhưng họ không được lên tiếng nhiều trong các diễn đàn này do các hạn chế xã hội). Thực hiện các bài tập về giải pháp ưu tiên riêng biệt với các nhóm nam giới và phụ nữ và sau đó tập hợp họ lại để thảo luận tại một diễn đàn chung có thể là một chiến lược khác để hỗ trợ lồng ghép các nhu cầu của phụ nữ vào các kế hoạch hành động về khả năng chống chịu và BĐKHGNRRTT. Một chiến lược hữu ích khác là đặt ra các mục tiêu cho sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động và phân bổ ngân sách bằng cách sử dụng khung lập ngân sách có trách nhiệm giới (GRB).

Điều quan trọng không kém là tập trung vào chia sẻ kiến thức, thông tin và nâng cao năng lực cho phụ nữ. Thông tin trong cộng đồng khi được cung cấp trong các diễn đàn chung không



MÔ-ĐUN 4 PHẦN B:

2:30:00		GIỚI VÀ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG THEO LĨNH VỰC.	
TỔNG QUAN 	Sau học phần này, những người tham gia sẽ có thể lập sơ đồ về tất cả các khía cạnh giới và ĐKHHGNRRTT trong lĩnh vực cụ thể (đã chọn) và xác định các chiến lược, thực hành và giải pháp có đáp ứng giới. Buổi học nên được tiến hành theo phương thức thực hành nhằm mục đích để các học viên có thể quay lại và áp dụng trực tiếp những kiến thức đã học vào công việc của họ.		
NỘI DUNG 	Phần này phân chia thành ba lĩnh vực cụ thể: a) Nông nghiệp và an ninh lương thực b) Sức khỏe cộng đồng và Dịch tễ c) Khu vực ven biển	Trong mỗi lĩnh vực, gồm các khía cạnh sau: i) Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai ii) Các yếu tố dễ bị tổn thương trên cơ sở giới và các lựa chọn về các biện pháp thích ứng iii) Ví dụ về các giải pháp có đáp ứng giới	Giảng viên có thể cung cấp sự lựa chọn cho học viên để họ chọn từ một lĩnh vực của ba phần được tiến hành đồng thời nếu dịch vụ hậu cần cho phép, hoặc chọn trước một lĩnh vực.
TÀI LIỆU 	Bản trình bày PowerPoint Thiết bị để xem phim trên YouTube	Bảng trắng và bút dạ Giấy và bút vẽ biểu đồ	
HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN 	10 phút	Tổng quan về phần học và Điểm thảo luận về các yếu tố dễ bị tổn thương dựa trên cơ sở giới	
	50 phút	"Thông tin minh họa về mối liên hệ giữa giới và thích ứng với biến đổi khí hậu" trong lĩnh vực đã chọn (Xem bài tập 21 và tài liệu phát tay 19)	
	30 phút	Bài giảng về "Các yếu tố dễ bị tổn thương trên cơ sở giới và lựa chọn các giải pháp thích ứng trong lĩnh vực đã chọn"	
	60 phút	Bài tập Ma trận Xếp hạng để xác định mức độ ưu tiên của "Các giải pháp thích ứng có đáp ứng giới" (Xem Bài tập 22 và Tài liệu 20)	
HƯỚNG DẪN 	<p>Bắt đầu bài học bằng thảo luận về tình trạng dễ bị tổn thương trên cơ sở giới trong lĩnh vực được chọn. Nói với họ rằng bài thực hành tiếp theo sẽ giúp họ hiểu rõ hơn về những khía cạnh giới này trong từng lĩnh vực sẽ bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu và các lựa chọn thích ứng liên quan như thế nào. (Xem Bài tập 21 và Tài liệu hướng dẫn 19).</p> <p>Ngay sau bài tập này là bài giảng về "Các yếu tố dễ bị tổn thương trên cơ sở giới và các lựa chọn thích ứng trong lĩnh vực được chọn." Bạn có thể sử dụng nội dung kỹ thuật được cung cấp trong mô-đun cho bài giảng này; nhưng nên mời một chuyên gia đầu ngành tại địa phương cho bài giảng này vì sẽ đảm bảo những thông tin này sẽ phù hợp theo bối cảnh và quốc gia cụ thể hơn.</p> <p>Sau bài giảng, hãy nói với những người tham gia rằng bạn sẽ cung cấp cho họ các ví dụ / chi tiết dự án về các giải pháp thích ứng có đáp ứng giới, các giải pháp này có thể áp dụng trong lĩnh vực đã chọn. Cung cấp cho họ năm ví dụ được chọn trước từ Tài liệu phát tay 20. Chia sẻ rằng họ cũng sẽ học cách ưu tiên các giải pháp trên cơ sở giới bằng cách sử dụng kỹ thuật ma trận xếp hạng có sự tham gia của người dân.</p>		

phải lúc nào cũng đến được với phụ nữ. Điều quan trọng là phải có các kênh riêng biệt, như nữ tình nguyện viên, những người có thể kết nối giữa dự án và tất cả phụ nữ. Thông tin cũng cần được trình bày và truyền đạt theo cách thức xem xét trình độ học vấn của cộng đồng tại địa phương và các đặc trưng văn hóa để đảm bảo rằng thông tin đến được với phụ nữ. Sử dụng các phương tiện truyền thông truyền thống, các bài hát, trò chơi và các bài tập có sự tham gia có thể rất hữu ích

để tiếp cận tới các nhóm phụ nữ. Điều cũng quan trọng là đảm bảo rằng tất cả phụ nữ đều được tiếp cận với các sự kiện và quá trình như vậy. Điều rất quan trọng là phải tổ chức các cuộc họp ở những nơi mà tất cả các nhóm xã hội trong cộng đồng có thể tham gia và có thể tiếp cận được, đặc biệt là người già và người khuyết tật, đồng thời về thời gian tổ chức các cuộc họp có tính đến thời gian nội trợ và lao động / công việc của phụ nữ.

Lĩnh vực 1: Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và an ninh lương thực

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi những người tham gia về các khía cạnh giới hiện có trong lĩnh vực nông nghiệp và an ninh lương thực là gì. Tập trung làm nổi bật vai trò và rào cản giới trong lĩnh vực này cũng như hạn chế khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với tài sản, nguồn lực và dịch vụ. Khi những người tham gia liệt kê các vấn đề, hãy viết chúng lên bảng trắng thành hai cột.

Gợi ý cho người hướng dẫn

Các vai trò giới và các rào cản

- > Phụ nữ sản xuất 60-80% thực phẩm sản xuất trong nước.
- > Gần như tất cả phụ nữ nông thôn (96%) đều làm việc trong các trang trại gia đình, cung cấp 75% lao động cho ngành nông nghiệp và 60% thu nhập từ nông trại.
- > Với sự di cư ngày càng tăng của nam giới, phụ nữ đã mở rộng vai trò sản xuất của mình bằng cách làm quen và thích ứng với các kỹ thuật nông nghiệp để tăng sản lượng để có thu nhập và đảm bảo mức sống trên mức sống tối thiểu cho các hộ gia đình của họ
- > Phụ nữ phải đối mặt với nhiều rào cản liên quan đến thị trường hơn. Ngay cả trong những xã hội không có luật cấm phụ nữ, thì phụ nữ vẫn ít có phương tiện cá nhân và xe đạp hơn, phụ thuộc vào phương tiện giao thông công cộng nhiều hơn nam giới.
- > Đối với những phụ nữ kiếm sống từ việc mua bán hoặc bán hàng ở các chợ thành phố, họ thường phải đối mặt với các hình thức quấy rối cao hơn, bao gồm cả quấy rối tình dục, từ các quan chức để có được giấy phép tiếp thị hoặc vị trí bán hàng
- > Phụ nữ và trẻ em gái thường là những người ăn sau cùng trong gia đình họ và là những người đầu tiên chấp nhận nhường đồ ăn có giá trị dinh dưỡng cao cho các thành viên quan trọng hơn trong gia đình

Tiếp cận và Kiểm soát tài sản, tài nguyên và dịch vụ

- > Phụ nữ làm nông nghiệp thường không được chính quyền công nhận là "nông dân"
- > Việc cung cấp lương thực cho hộ gia đình và việc sử dụng

đất của họ thường không được công nhận và bị đặt ở cuối hệ thống phân cấp của các kế hoạch phát triển nông nghiệp.

- > Các dịch vụ khuyến nông thường hướng đến nam giới vì họ được coi là nông dân và chủ hộ. Phụ nữ có ít thông tin kỹ thuật cần thiết để cải thiện sản xuất nông nghiệp và quản lý nguồn nước.
- > Phụ nữ cũng thiếu khả năng tiếp cận tài chính và các phương thức kinh doanh mới để họ có thể nâng cao năng lực quản lý trang trại, các yếu tố đầu vào và đầu ra của họ
- > Thành viên hợp tác xã sản xuất là phụ nữ có tỷ lệ thấp hơn so với nam giới hoặc họ có thể bị hạn chế sự tham gia.
- > Phụ nữ vẫn thiếu các quyền về tài sản và pháp lý. Thiếu quyền sở hữu đất, hoặc ít nhất là đảm bảo quyền sở hữu, có nghĩa là phụ nữ không có tài sản thế chấp bắt buộc cho tín dụng hoặc các cơ chế tài chính khác từ các tổ chức tài chính chính thức hoặc đáp ứng các yêu cầu trở thành thành viên của một số hiệp hội sản xuất, tiếp thị hoặc sử dụng nước. Điều đó cũng có nghĩa là ở những khu vực xảy ra tình trạng chiếm đất với quy mô lớn, lợi ích nông nghiệp và quyền sở hữu của phụ nữ có nguy cơ cao bị chiếm dụng cao hơn.
- > Phụ nữ thường ít được đại diện trong các quá trình ra quyết định, ngay cả khi họ có thể đưa ra những đóng góp quan trọng vào các cuộc thảo luận này thông qua tri thức đã có về các điều kiện sinh thái và nguồn nước, tri thức bản địa của họ như một yếu tố về vai trò xã hội của họ với tư cách là người quản lý tài nguyên thiên nhiên.

CÁC YẾU TỐ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Nông nghiệp và các hoạt động tương tự không chỉ là thành phần chính của hệ thống sản xuất lương thực mà còn là hoạt động sinh kế chính của hầu hết người nghèo trên thế giới, những người kiếm sống bằng làm nông nghiệp tự cung tự cấp - làm công ăn lương, nông dân, hộ chế biến quy mô nhỏ hoặc buôn bán nhỏ. Điều này đặc biệt đúng đối với các nước châu Á, nơi hơn một nửa dân số thường tham gia vào các hoạt động nông nghiệp. Ví dụ, ở Campuchia, khoảng 8,8 triệu người (57,6% dân số) tham gia vào các hoạt động nông nghiệp, đóng góp vào 32,1% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của đất nước vào năm 2011. Tương tự, ở Việt Nam, nông nghiệp vẫn đóng góp 21% GDP và sử dụng hơn 47% lực lượng lao động của cả nước (CCAFS 2007).

Những thay đổi về nhiệt độ và lượng mưa sẽ có ảnh hưởng đến hệ sinh thái nông nghiệp, đặc biệt cũng có tác động đến sản xuất lương thực; Châu Á sẽ là khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng do BĐKH bởi sản lượng nông nghiệp bị giảm trong những năm gần đây (IPCC AFOLU 2014).

Phụ nữ nghèo nông thôn, đặc biệt là phụ nữ ở các nước đang phát triển, phần lớn dựa vào nông nghiệp tự cung tự cấp để nuôi sống gia đình (Aguilar, et al 2015). Do họ phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và sự phân biệt đối xử về giới đã tồn tại trong lĩnh vực nông nghiệp, những phụ nữ này sẽ dễ bị tổn thương nhất trước rủi ro biến đổi khí hậu và thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp. Các tác động chính đối với phụ nữ sẽ bao gồm những điều sau đây:

- > Biến đổi khí hậu dự kiến sẽ làm giảm năng suất trung bình của hầu hết các loại cây trồng, đặc biệt là lúa, lúa mì và ngô. Ví dụ ở Campuchia, sản lượng gạo có thể giảm 10%

nếu nhiệt độ tăng 1 độ C (RGC 2018). Nước biển dâng cũng đe dọa các khu vực sản xuất lúa ven biển và đồng bằng ở châu Á, chẳng hạn như ở Bangladesh và đồng bằng sông Cửu Long. Ví dụ, khoảng 7% đất nông nghiệp của Việt Nam có thể bị mất do mực nước biển dâng 1m. Ở Myanmar, nước mặn xâm nhập do mực nước biển dâng cũng có thể làm giảm năng suất lúa (IPCC AR5: Asia 2014). Tương tự, ở Ấn Độ, Đồng bằng Ấn-Hằng đang bị đe dọa bởi sản lượng lúa mì giảm đáng kể. Khu vực này sản xuất 90 triệu tấn hạt lúa mì hàng năm (khoảng 14-15% sản lượng lúa mì toàn cầu (IPCC AR5: Asia 2014). Trong những xã hội mà họ chủ yếu tham gia vào sản xuất lương thực, đặc biệt là gạo, lúa mì và ngô, sự suy giảm trong Năng suất do tác động của biến đổi khí hậu sẽ làm tăng tính dễ bị tổn thương của họ đối với cả nông dân và lao động nông nghiệp. Ví dụ ở Việt Nam, biến đổi khí hậu đang làm giảm năng suất cây trồng, làm tăng khối lượng công việc của phụ nữ khi họ phải trồng lại cây lúa thường xuyên hơn để thay thế sản lượng bị mất.

- > Với năng suất và sản lượng lúa và lúa mì giảm, chắc chắn sẽ có "sự thiếu hụt sản xuất lương thực" trong khu vực. Sự thiếu hụt ngày càng tăng này sẽ càng trầm trọng hơn trong các đợt hạn hán, đây là nguyên nhân nghiêm trọng nhất gây ra tình trạng thiếu lương thực, gây ra 60% các trường hợp thiếu lương thực khẩn cấp (Aguilar, et al 2015). Phụ nữ, đồng thời có trách nhiệm bổ sung trong việc đảm bảo an ninh lương thực trong hộ gia đình của họ, họ sẽ phải chịu nhiều hơn các tác động của biến đổi khí hậu và

họ sẽ bị ảnh hưởng đến nguồn lương thực, an ninh dinh dưỡng và sức khỏe của chính họ. Sự phân biệt đối xử xã hội và thực hành văn hóa hiện nay ở nhiều xã hội châu Á dẫn đến việc phụ nữ và trẻ em gái là những người ăn cuối cùng trong các bữa ăn và là những người đầu tiên từ bỏ chế độ dinh dưỡng trong trường hợp thiếu hụt lương thực. Không có gì đáng ngạc nhiên khi khoảng 60% người đói bị đói thường xuyên là phụ nữ và trẻ em gái. Tình trạng thiếu lương thực do biến đổi khí hậu sẽ càng làm trầm trọng thêm tình trạng bấp bênh và gây ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ.

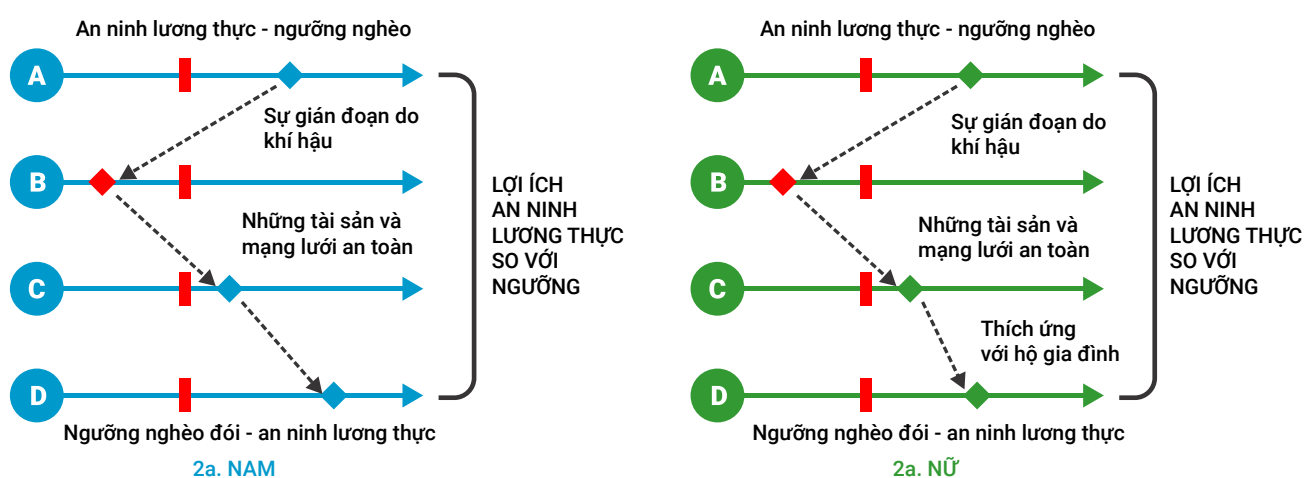
- > Biến đổi khí hậu cũng sẽ làm gia tăng căng thẳng về sử dụng nguồn nước, điều này sẽ làm tăng gánh nặng công việc của những phụ nữ nông dân cần nước để sản xuất và nấu ăn trong gia đình. Ví dụ, ở Việt Nam, các hộ do phụ nữ làm chủ hộ gặp bất lợi trong việc đảm bảo đủ nguồn nước cho nhu cầu nông nghiệp. Các hộ do phụ nữ làm chủ cho biết năng suất lúa thấp hơn 20% so với các hộ do nam làm chủ do nguồn cung cấp nước hạn chế.
- > Biến đổi khí hậu và các lựa chọn thích ứng tiếp theo cũng có thể ảnh hưởng đến các lựa chọn sinh kế tương tự như chăn nuôi gia súc. Việc sử dụng đất không bền vững với áp lực của biến đổi khí hậu gây ra dẫn đến lớp phủ thực vật ngày càng bị phá hủy do khan hiếm nước, gây hậu quả bất lợi cho sản xuất thức ăn gia súc. Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong các công việc đồng áng và chăn nuôi gia súc do vậy họ phải gánh chịu phần lớn gánh nặng của những thay đổi này.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Đối với khóa học nâng cao, bạn có thể sử dụng Hình 4-5 và giải thích như sau: "Sự bất ổn của khí hậu có thể có tác động tương tự đến an ninh lương thực của nam và nữ - di chuyển xuống đường chấm từ cấp (a) đến cấp (b) về mức độ an ninh lương thực, cả nam giới và phụ nữ sẽ di chuyển XUỐNG dưới ngưỡng nghèo đói đối với không an toàn (đường thẳng đứng màu đỏ). Mạng lưới an toàn và các tài sản sẽ giúp các hộ gia đình vượt qua ngưỡng nghèo đói, như đã thấy ở cấp độ (c). Tuy nhiên, điều này sẽ không dẫn đến tính bình thường; và các hộ gia đình sẽ phải thực hiện các hành động thích ứng để khôi phục trạng thái cân bằng. Do sự phân biệt đối xử về giới trong hộ gia đình về nguồn thực phẩm tuy nhiên, trong khi nam giới sẽ nhận được nguồn thực phẩm tốt hơn sớm hơn, phụ nữ sẽ bị bỏ rơi kém hơn, như đã thấy ở cấp độ (d).

HÌNH 4-5: AN NINH LƯƠNG THỰC LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỠNG NGHÈO - TÁC ĐỘNG CỦA GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Ghi chú: (a) Mức an ninh lương thực của một hộ gia đình; (b) Tác động của biến đổi khí hậu đối với an ninh lương thực; (c) Lưới an toàn và tài sản nâng cao hộ gia đình trên mức nghèo khổ nhưng ở mức bình thường; (d) Thích ứng hộ gia đình là cần thiết để trở lại trạng thái cân bằng

Nguồn: Asfaw and Maggio (2016).

Phụ nữ cũng có xu hướng sở hữu nhiều động vật nhỏ, chẳng hạn như gà, dê và lợn, trong khi nam giới có nhiều khả năng sở hữu động vật lớn hơn, chẳng hạn như bò và các giống vật nuôi được cải tiến. Trong các tình huống thiên tai, phụ nữ thường bị mất những vật nuôi nhỏ, hoặc do không có khả năng để cứu sống chúng hoặc do sau thiên tai phải bán tháo chúng để đáp ứng nhu cầu kinh tế của gia đình. Trong trận lũ lụt năm 2015 ở Myanmar, phụ nữ thiệt hại đến 80% tổng số động vật nhỏ bị chết trong trận lũ lụt, trong khi nam giới thiệt hại 20% về trâu, bò và lợn (UN Women 2016). Những người đàn ông thường sở hữu gia súc lớn và các giống đất tiền cũng bị ảnh hưởng mặc dù thấp hơn so với vật nuôi của phụ nữ vì gia súc cũng đặc biệt dễ bị tổn thương do các tác động của biến đổi khí hậu (Aguilar, et al. 2015).

Phụ nữ là tác nhân của sự thay đổi

Tuy nhiên, phụ nữ không chỉ là thành phần dễ bị tổn thương trong cộng đồng làm nông nghiệp cần được quan tâm. Với vai trò quan trọng của phụ nữ trong nông nghiệp và an ninh lương thực, họ cũng có khả năng thực hiện các biện pháp thích ứng với tư cách là tác nhân chính của sự thay đổi. Theo FAO với khả năng tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực và dịch vụ, phụ nữ có thể tăng sản lượng tại nông trại của họ lên đến 20% -30%. Điều này sẽ thúc đẩy tổng sản lượng nông nghiệp ở các nước đang phát triển lên 2,5% -4%. Việc tăng sản lượng như vậy có thể nuôi sống thêm 100-150 triệu người. Do đó, một chiến lược thích ứng quan trọng để thúc đẩy sản xuất là giải quyết sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính và sản xuất, khả năng ra quyết định, thị trường và dịch vụ, đất và nước, kiến thức và công nghệ.

Phụ nữ cũng đóng một vai trò quan trọng như các nhân tố bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp và an ninh lương thực trong hộ gia đình thông qua các khu vườn hoặc mảnh đất nhỏ tại gia đình họ. Sự tham gia của nam giới trong các hoạt động nông nghiệp giảm do các làn sóng di cư lên thành phố tìm kiếm công việc đem lại nguồn thu cao hơn thì phụ nữ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tri thức bản địa về các giống cây trồng khác nhau và quyết định trồng loại cây nào cho phù hợp với vùng của họ. Ví dụ ở Philippines, vai trò của nữ nông dân là chủ hộ đang thay đổi khi các trang trại phải cố gắng để thích ứng với lũ lụt. Kinh nghiệm làm nông và trình độ học vấn của phụ nữ tương đối cao hơn so với nam giới trong lĩnh vực này, điều này đang cho phép họ đảm nhận các trách nhiệm quản lý cao hơn qua đó thách thức các vai trò giới truyền thống. Với hai vai trò là nông dân và người chế biến thực phẩm, việc lựa chọn giống cây trồng truyền thống của phụ nữ ở khu vực này thường bị ảnh hưởng bởi sở thích nấu nướng góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong cuộc sống hàng ngày của họ. Ngày càng có nhiều cơ quan

nghiên cứu nhấn mạnh vai trò độc đáo của phụ nữ trong việc duy trì sự đa dạng của cây trồng ở các nước như Nepal và Bangladesh. Phụ nữ tại các quốc gia này thường thông qua lưu giữ và trao đổi hạt giống, và duy trì vườn nhà, chính những cách thức này đã duy trì nguồn an ninh lương thực của các hộ gia đình.

Phụ nữ trong các hộ gia đình nông thôn cũng có các chiến lược truyền thống để đảm bảo nguồn cung cấp lương thực trong trường hợp thiên tai như lũ lụt và hạn hán. Phụ nữ thường chịu trách nhiệm về thức ăn và dự trữ hạt giống. Họ thường chăm sóc và kiểm soát những vật nuôi nhỏ và chế biến các sản phẩm phụ có thể bán để có nguồn tiền sẵn có trong trường hợp khẩn cấp. Các sản phẩm từ sữa, và các sản phẩm động vật khác (ví dụ như ong, tằm) cung cấp cho các gia đình thu nhập thường xuyên hơn so với việc bán cây trồng hoặc động vật, công việc này thường là trách nhiệm của phụ nữ. Phụ nữ có thể tăng cường việc thu hái thực vật hoang dã và săn bắt thú rừng nhỏ để bù đắp cho việc mất mùa và cung cấp protein cho gia đình họ điều đó dẫn đến suy thoái và không bền vững trong hệ sinh thái rừng.

CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ LỰA CHỌN THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI

Điều quan trọng là các vấn đề giới được tính đến trong các quá trình thích ứng với nông nghiệp để đảm bảo các yếu tố dễ bị tổn thương hơn ở phụ nữ được giải quyết và sự tham gia của họ được coi như những tác nhân chính của sự thay đổi. Hơn nữa, trong bối cảnh thực trạng bình đẳng giới và sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ hiện nay, rất khó có khả năng các biện pháp thích ứng được gọi là “trung lập về giới” có thể mang lại kết quả như mong đợi. Ví dụ, các dự án TUBDKH thúc đẩy các loài/giống mới chịu được hạn, mặn và hoặc chịu lũ lụt để ứng phó với những thay đổi hệ sinh thái có thể khiến phụ nữ nông dân mất lòng tin nếu cây trồng hoặc giống mới có lợi nhuận hơn cho nam giới và do nam giới thao túng các nguồn lực này (Aguilar, et al, 2015). Những giải pháp về trung tính giới cũng có thể làm tăng nhu cầu về nguồn lao động sản xuất là phụ nữ. Ví dụ ở Nepal, việc chuyển sang trồng kiều mạch để đối phó với sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến việc phụ nữ phải thực hiện nhiều công việc hơn nam giới để sản xuất ra sản phẩm kiều mạch, dẫn đến làm giảm thời gian dành cho các hoạt động sinh kế khác của phụ nữ.

Trên thực tế, có những phương án thích ứng trong lĩnh vực nông nghiệp mà phần lớn kết quả của những phương án này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ và gia đình của họ, đồng thời làm gia tăng bất bình đẳng giới. Các phương án thích ứng trong nông nghiệp phải được xem xét để cân nhắc về giới. Điều này có nghĩa là các nhu cầu, ưu tiên và thực tế cụ thể của nam giới và phụ nữ được công nhận và

**GỢI Ý CHO
GIÁNG VIÊN**

Bạn cũng có thể chiếu đoạn phim ngắn về giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu những người tham gia nêu rõ các giai đoạn trong hành động thích ứng cần lồng ghép giới. Bộ phim này của FAO về “Giải quyết các mối quan tâm về giới trong các chính sách về biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp” có tại https://www.youtube.com/watch?time_continue=270&v=nsIxsSOXups&feature=emb_title sẽ có ích cho bài giảng

giải quyết thỏa đáng trong quá trình thiết kế và áp dụng Nông nghiệp thông minh với khí hậu (CSA) để cả nam giới và phụ nữ đều được hưởng lợi như nhau. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) đã đề xuất một ma trận có khả năng xem xét về giới trong các dự án CSA.

Thực hiện phân tích như vậy sẽ là bước đầu tiên của phương pháp tiếp cận CSA có đáp ứng giới, đặc biệt là đối với những người thực hiện dự án.

Phụ nữ cũng có nhiều khả năng được hưởng lợi hơn từ các can thiệp sinh kế có chọn lọc. Ví dụ, các dự án chăn nuôi yêu cầu ít đầu vào hơn, thông thường là các động vật nhỏ hơn như lợn hoặc gà hoặc các giống gia súc thích nghi với địa phương có thể có lợi cho phụ nữ hơn. Có một biện pháp can thiệp khác đó là thúc đẩy trồng các vườn rau, đặc biệt là ở những vùng đất trồng trọt nơi phụ nữ có tiếng nói và quyền kiểm soát nhiều hơn. Những điều này đặc biệt giúp ích cho các khu vực như Campuchia để bị lũ quét ảnh hưởng đến thu hoạch lúa. Vườn rau của phụ nữ đã cho thấy đây là một lựa chọn dự phòng tốt trong các giải pháp về sinh kế của phụ nữ. Một nghiên cứu gần đây của Nexus for Development cho thấy ở tỉnh Pursat ở Campuchia, máy bơm nước chạy bằng năng lượng tái tạo, biogas, sấy khô hoặc ướp lạnh sản phẩm trong việc thu hoạch nông sản có thể mang lại lợi ích rất nhiều cho phụ nữ nông dân về sau (Empower 2019).

NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH VỚI KHÍ HẬU (CSA)

“CSA là một cách tiếp cận nhằm phát triển các điều kiện kỹ thuật, chính sách và đầu tư để đạt được sự phát triển nông nghiệp bền vững vì an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu. Nó tích hợp ba khía cạnh của phát triển bền vững (kinh tế, xã hội và môi trường) bằng cách cùng giải quyết các thách thức về an ninh lương thực và khí hậu. Nó bao gồm ba trụ cột chính: i) tăng năng suất và thu nhập nông nghiệp một cách bền vững; ii) thích ứng và xây dựng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; và iii) giảm và / hoặc loại bỏ phát thải khí nhà kính, nếu có thể.”

HÌNH 4-6 CÂN NHẮC VỀ TIỀM NĂNG GIỚI ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NHẠY CẢM VỚI CSA

CÁC THỰC HÀNH NHẠY CẢM VỚI CSA	TÁC ĐỘNG GIỚI	CÁC YÊU CẦU ÁP DỤNG THỰC HÀNH					
	Từ thực hành về kiểm soát thu nhập của phụ nữ	Khoảng thời gian tương đối cho đến khi lợi ích được thực hiện	Tiềm năng mà phụ nữ được hưởng lợi từ việc tăng năng suất	Khả năng lao động nữ và thanh niên	Phụ nữ làm chủ và kiểm soát đất đai	Phụ nữ tiếp cận với nguồn nước để làm nông nghiệp	Phụ nữ tiếp cận tiền mặt và khả năng chi tiêu
Duy trì nông nghiệp	Thấp	Cao	Cao	Thấp - Trung bình	Cao	Thấp	Thấp
Cải thiện vườn nhà	Cao	Thấp	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
Trồng cây theo trang trại	Thấp	Cao	Trung bình	Ban đầu cao sau thấp	Cao	Cao	Trung bình
Thủy lợi quy mô nhỏ	Thấp - Trung bình	Thấp	Cao	Trung bình	Cao	Cao	Trung bình
Cải thiện nguồn ggen vật nuôi	Thấp - cao	Cao	Cao	Thấp - cao	Thấp	Cao	Trung bình

(Nguồn: World Bank, FAO và IFAD, 2015; Được sửa đổi bởi các tác giả của bản tóm tắt này)

Tuy nhiên, điều quan trọng là phải ưu tiên những thực hành này trong phân bổ ngân sách và tích cực theo sát các thực hành thông qua các chiến lược thực hiện, đặc biệt là các dịch vụ khuyến nông. Thông thường, các dịch vụ khuyến nông và các hoạt động khác hướng đến nam giới nhiều hơn nữ giới. Điều quan trọng là phải phân phối theo giới vì chính

các hoạt động này cũng nhạy cảm về giới.

Bảng 4-3: Một số chiến lược và thực hành chính có thể được áp dụng để thúc đẩy nông nghiệp thông minh có đáp ứng giới đối với khí hậu.

BẢNG 4-3: CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ THỰC HÀNH CHO NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH VỚI KHÍ HẬU

THÚC ĐẨY SINH KẾ CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP	SẴN SÀNG ĐƯA GIỚI VÀO NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH VỚI KHÍ HẬU	GIẢI QUYẾT CÁC THAY ĐỔI VỀ CƠ CẤU ĐỂ GIẢM RÀO CẢN VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ THEO GIỚI TRONG NÔNG NGHIỆP
<ul style="list-style-type: none"> > Phân tích tác động của việc giới thiệu các giống mới và thúc đẩy sự phân bổ công bằng hơn trong công việc tái sản xuất > Điều chỉnh các thực hành được khuyến khích phù hợp với sự phân công lao động theo giới hiện có trong quản lý nông nghiệp và chăn nuôi. > Tập huấn về khuyến nông và nông nghiệp thông minh với khí hậu cho phụ nữ. > Chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện để tiếp thị. > Thể chế hóa các điều khoản thay thế để phù hợp với phụ nữ, các nhóm phụ nữ và hợp tác xã mà không có khả năng cung cấp tài sản thế chấp cần thiết để tiếp cận tín dụng nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> > Sử dụng kiến thức nông nghiệp địa phương và thu hút phụ nữ và nam giới tham gia, để đảm bảo các giống cây trồng bản địa được sử dụng nếu có thể. > Xây dựng khả năng phục hồi của cộng đồng về an ninh lương thực thông qua việc thành lập các ngân hàng hạt giống thông minh với khí hậu tại địa phương do phụ nữ làm chủ và quản lý. > Có sự tham gia của phụ nữ và nam giới trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. > Cung cấp các chất dinh dưỡng cụ thể bổ sung cho phụ nữ và trẻ em gái. 	<ul style="list-style-type: none"> > Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực một cách công bằng, cũng như việc phân phối các lợi ích của chúng (bao gồm các nguồn lực sản xuất, việc làm, đào tạo và tín dụng). > Cải thiện an ninh quyền sở hữu đất của phụ nữ. > Khuyến khích công bằng trong việc tiếp cận quyền sở hữu đất ruộng. > Mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và các cơ chế tài chính khác. > Sửa đổi các chiến lược hiện có cho phép dòng vốn tín dụng từ các ngân hàng công / thương mại và các tổ chức tài chính để hỗ trợ và tăng khả năng tiếp cận tín dụng của phụ nữ. > Điều chỉnh các tiêu chí tham gia / thành viên và giảm các rào cản tham gia để phụ nữ tham gia tích cực và lãnh đạo trong các cơ quan ra quyết định ở tất cả các cấp (ví dụ: lâm nghiệp, quản lý đầu nguồn, nước tưới, quản lý ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học và thiên tai).

Lĩnh vực 2: Biến đổi khí hậu, Y tế công cộng và Dịch bệnh

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi những người tham gia họ nghĩ gì về tỷ lệ lây lan và tỷ lệ tử vong của nam giới và phụ nữ từ COVID-19. Hỏi họ xem họ nghĩ gì về các tác động và rủi ro giới khác do COVID-19 gây ra.

Hướng dẫn thảo luận

- > Nam giới và phụ nữ có tỷ lệ lây lan COVID-19 như nhau. Tuy nhiên, một nghiên cứu ở Trung Quốc cho thấy nam giới có nhiều nguy cơ chịu hậu quả xấu hơn và tử vong cao hơn mà không phụ thuộc vào tuổi tác, với chủng COVID-19. Các phân tích tương tự ở Mỹ và Ý cũng cho thấy tỷ lệ tử vong tương đối ở nam giới cao hơn.
- > Sự khác biệt được cho là do sự khác biệt về hệ miễn dịch dựa trên giới tính như nội tiết tố nữ, tỷ lệ hút thuốc ở phụ nữ thấp hơn và nam giới thường phát triển các bệnh nền như tăng huyết áp ở nhóm tuổi trẻ hơn so với phụ nữ.
- > Nhìn bề ngoài, nam giới dường như dễ bị tổn thương bởi COVID-19 hơn phụ nữ. Tuy nhiên, có nhiều tác động khác về giới.

Trước hết, có những bất thường về nhân khẩu học.

- > Ví dụ, Ấn Độ cho biết tỷ lệ mắc bệnh ở nam giới cao hơn (với 65% tỷ lệ trường hợp mắc bệnh) nhưng tỷ lệ tử vong ở nữ giới cao hơn 3,3% so với 2,9% ở nam giới. Tiếp đến là có sự phân biệt theo độ tuổi - ở nhóm tuổi 40-49, 3,2% phụ nữ mắc bệnh và dẫn đến tử vong, tỷ lệ này ở nam giới chỉ chiếm 2,1%. Chỉ có phụ nữ đã bị tử vong trong nhóm tuổi 5-19.
- > Các yếu tố quyết định xã hội như khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như tình trạng sức khỏe và dinh dưỡng nói chung, đối với phụ nữ Ấn Độ thường kém hơn so với nam giới, có thể giải thích những khác biệt này đó là không tuân theo xu hướng toàn cầu.

Tiếp đến, Sự bất thường trong tiếp xúc.

- > Phụ nữ chiếm 70% tổng số nhân viên y tế và dịch vụ xã hội trên toàn cầu và tỷ lệ nữ nhân viên y tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh cũng cao, chẳng hạn, tỷ lệ nữ nhân viên y tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh lần lượt là 72% và 66% ở Tây Ban Nha và Ý.
- > Hơn nữa, hầu hết những phụ nữ này đang ở tuyến đầu của đại dịch đối phó trực tiếp với cộng đồng và thường được trả lương thấp hơn nam giới. Ví dụ ở Ấn Độ, Nhân viên Y tế tuyến đầu (Người động ASHAs và Anganwadi), những người chỉ được trả lương cao nhất và thậm chí bị từ chối lương tối thiểu đã tham gia nhiều nhất vào việc tiếp cận cộng đồng, xét nghiệm và truy tìm mối liên hệ với người mắc.

Những người đảm nhận công việc chăm sóc và nội trợ cũng dễ bị lây nhiễm hơn trong đại dịch. Ngay cả trong đợt dịch cúm Tây Ban Nha năm 1918, nhiều phụ nữ ở Ấn Độ - bị thiếu dinh dưỡng, sống trong những nơi ở không hợp vệ sinh và bí bách, và là những người chăm sóc cho người bệnh - vệ sinh cho người đã chết cao hơn những người đàn ông.

Và cuối cùng, sự bất thường trong quản lý khủng hoảng - Chiến lược quan trọng để đối phó với khủng hoảng dịch bệnh là áp đặt quy định phong tỏa xã hội, giãn cách xã hội. Điều này dẫn đến việc phụ nữ phải chịu đựng nhiều vấn đề hơn so với nam giới, chủ yếu là do:

- > Bạo lực gia đình, bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới gia tăng trong các quy định về cách ly, giãn cách xã hội hoặc gia đình; phụ nữ và trẻ em sống với những người đàn ông bạo lực và thích kiểm soát nên họ sẽ phải đối mặt với những mối nguy hiểm cao hơn. Những xu hướng này đã được nhận thấy trên toàn cầu và ở các quốc gia Châu Á như Ấn Độ và Campuchia. Trẻ em trai và trẻ em gái ở các khu vực Châu Á - Thái Bình Dương bị ảnh hưởng đặc biệt. Điều này không phải là không lường trước được -thông qua các đợt đại dịch/dịch bệnh trong quá khứ, chẳng hạn như bùng phát dịch bệnh do vi rút Ebola ở Tây Phi, cũng như dịch tả và dịch bệnh do vi rút Zika, việc giãn cách xã hội đã dẫn đến các vụ bạo lực gia đình trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên, không có biện pháp nào để giải quyết triệt để những vấn đề này mặc dù đã có những giải pháp được đưa ra để xem xét hoặc cân nhắc.
- > Phụ nữ cũng phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế. Khoảng cách giới trong tiền lương vẫn tồn tại, Công việc của phụ nữ tập trung trong các lĩnh vực phi chính thức cao hơn so với nam giới điều đó đồng nghĩa với việc phụ nữ có thể mất nguồn thu nhập hiện có bất cứ lúc nào. Cũng có báo cáo cho rằng phụ nữ thường bị ảnh hưởng một cách không tương xứng với nam giới trong việc cắt giảm và sa thải nhân lực.
- > Các ghi nhận trên các phương tiện truyền thông vào tháng 5 năm 2020 cho thấy rằng trên khắp Hoa Kỳ, chi phí cho việc làm của phụ nữ đã có thể nhận thấy được. Số liệu mới nhất về thất nghiệp cho thấy phụ nữ chiếm 55% trong số 20,5 triệu việc làm bị mất vào tháng trước. Theo tổ chức báo chí phi lợi nhuận The

Fuller Project, tỷ lệ phụ nữ trong tất cả các đơn xin thất nghiệp từ tháng 3 đến ngày 11 tháng 4 dao động từ 53% ở Wyoming đến 67% ở Alabama. Ở Canada, phụ nữ cũng chiếm phần lớn những người bị bắt giảm giờ làm hoặc cho nghỉ tạm thời.

- > Việc giãn cách xã hội cũng làm tăng khối lượng công việc của phụ nữ và trẻ em gái ở nhà, vì ở hầu hết ở các xã hội, theo truyền thống phụ nữ phải đảm nhận các trách nhiệm trong gia đình, làm các công việc chăm sóc trong gia đình nhiều hơn nam giới gấp ba lần so với nam giới. Việc giãn cách xã hội, phong tỏa xã hội ở nhiều quốc gia đồng nghĩa với việc đóng cửa tất cả các dịch vụ trong nước có liên quan đến thị trường như nhà hàng và cung cấp thực phẩm, giặt và ủi quần áo, thậm chí cả hỗ trợ giáo dục trực tuyến cho trẻ em. Tất cả gánh nặng của các hoạt động này đã đổ lên vai phụ nữ, do đó làm tăng vai trò chăm sóc của họ.

Việc cung cấp các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai và sinh con và các dịch vụ liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới, là trọng tâm của chăm sóc sức khỏe, đảm bảo quyền và hạnh phúc của phụ nữ và trẻ em gái. Việc thay đổi sự quan tâm và các nguồn lực quan trọng ra khỏi các yếu tố trên có thể dẫn đến tỷ lệ tử vong và mắc bệnh ở bà mẹ trở nên trầm trọng hơn, tăng tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên, HIV và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Kết quả là:

Đại dịch đang làm sâu sắc thêm những bất bình đẳng đã tồn tại từ trước, bộc lộ những điểm yếu trong các hệ thống xã hội, chính trị và kinh tế, từ đó làm lan rộng các tác động của đại dịch. Đại dịch cũng sẽ đặt những thành tựu của Chương trình nghị sự 2030 vào tình thế bị đe dọa, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em gái.

CÁC YẾU TỐ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Biến đổi khí hậu không chỉ được dự báo sẽ làm tăng việc điều trị bệnh đối với sức khỏe của con người health (IPCC AR 5 2015) thông qua ảnh hưởng trực tiếp của các thảm họa cực đoan, chẳng hạn như thời tiết nóng bức bất thường, lũ lụt và bão, các mô hình bệnh truyền nhiễm không những thay đổi mà còn thông qua các con đường phức tạp hơn và có các tác động tiêu cực đến an ninh lương thực và dinh dưỡng cũng như khan hiếm nước, trong số những thiên tai khác.

Thật không may, mặc dù có một số bằng chứng cho thấy tác động của biến đổi khí hậu tới sức khỏe có sự khác nhau theo giới, ngay cả Tổ chức Y tế Thế giới đã thừa nhận rằng có rất ít nghiên cứu có sẵn chỉ ra các khía cạnh giới trong sức khỏe và ĐKHKGNRRTT. Các tác động sức khỏe chủ yếu đối với phụ nữ được dự báo dựa trên các nghiên cứu có sẵn ở một số vùng được chọn cho thấy:

- > Biến đổi khí hậu do bão và lũ lụt đang làm tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe với bằng chứng cho thấy tỷ lệ tử vong ở phụ nữ và trẻ em gái trong các thiên tai trên cao hơn tỷ lệ tử vong của nam giới và trẻ em trai (UN Women 2016). Phần lớn những nguyên nhân này có thể là do các thực hành văn hóa theo giới liên quan đến cấm, hạn chế về khả năng di chuyển, trang phục không phù hợp, thiếu kỹ năng bơi lội, hạn chế tiếp cận các hệ thống cảnh báo sớm và các hệ thống khác.
- > Hơn nữa, trong khi các nghiên cứu ở Hoa Kỳ và Úc chỉ ra không có sự khác biệt đáng kể về giới, tuy nhiên các nghiên cứu có sẵn từ các nước châu Á cho thấy sự trái ngược. Ví dụ, tỷ lệ tử vong ở nữ giới (có thể liên quan đến nắng nóng) ở Ahmedabad (Ấn Độ), trong đợt nắng

nóng năm 2010 cao hơn đáng kể so với nam giới. Tương tự, nghiên cứu từ Hàn Quốc trong các đợt nắng nóng từ năm 2000 đến năm 2007 cho thấy phụ nữ có nguy cơ tử vong cao hơn chiếm (16%), trong khi nguy cơ tử vong gia tăng của nam giới bằng không nên không thể tính toán được về mặt thống kê. Mặc dù sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ về khả năng điều hòa nhiệt độ cao trong cơ thể của hai giới, điều này ít nhất cũng là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về giới trong tỷ lệ tử vong do mức nhiệt cao, hầu hết các xu hướng này đều cho thấy các lối sống và sinh kế theo giới, khả năng tiếp cận điều trị y tế và các yếu tố khí hậu địa phương có thể quan trọng hơn sự khác biệt về sinh học.

- > Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng sự lây lan của các bệnh truyền qua nước và bệnh lây truyền do véc tơ trên khắp thế giới, chẳng hạn như bệnh tả, sốt xuất huyết, sốt rét và bệnh sán máng, có xu hướng tạo gánh nặng lớn hơn cho người nghèo đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Người ta ước tính rằng chỉ riêng trong năm 2000, biến đổi khí hậu là nguyên nhân gây ra 2,4% các trường hợp tiêu chảy trên toàn thế giới và 6% các trường hợp sốt rét. Phân tích tách biệt theo giới tính về gánh nặng bệnh tật cho thấy nam giới có thể dễ mắc bệnh sốt xuất huyết hơn phụ nữ trong khi phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có thai, dễ mắc bệnh sốt rét hơn. Bệnh tả có thể ảnh hưởng đến nam giới và phụ nữ như nhau ở nhiều khu vực, trong khi một số nghiên cứu cho thấy gánh nặng bệnh tật cao hơn một chút trong số nam giới và những nhóm phụ nữ khác trong số toàn bộ phụ nữ.
- > Tuy nhiên, nhiễm trùng do vi khuẩn và vi rút liên quan đến việc tiếp xúc với nước lũ bị ô nhiễm, dường như ảnh hưởng đến phụ nữ nhiều hơn. Bằng chứng từ Bangladesh cho thấy phụ nữ có thể bị các vấn đề về da

liên quan đến tiếp xúc với nước lũ quá thường xuyên. Trong khi các nghiên cứu chính thức không có sẵn, ô nhiễm mặn dự kiến sẽ tăng lên do biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng được chỉ ra là ảnh hưởng đến một số lượng lớn phụ nữ mang thai ở Bangladesh bị tiền sản giật, sản giật và tăng huyết áp. Các nhân viên y tế địa phương đã báo cáo rằng ngày càng gia tăng tỷ lệ phụ nữ gặp các vấn đề phụ khoa do sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh và nước bị nhiễm khuẩn.

- > Biến đổi khí hậu cũng tác động theo giới đối về sức khỏe tâm thần, bằng việc gây thêm căng thẳng đặc biệt là sau thảm họa, thường dẫn đến trầm cảm và trong trường hợp nghiêm trọng hơn là tự tử. Tuy nhiên, trong khi cả nam giới và phụ nữ đều có xu hướng gặp phải những thách thức về sức khỏe tâm thần sau thảm họa tương đối cao, nhưng nhìn chung phụ nữ lại dễ mắc các chứng rối loạn liên quan đến căng thẳng và trầm cảm hơn.
 - o Một nghiên cứu có quy mô lớn sau trận lũ lụt ở Hồ Nam (Trung Quốc) cho thấy phụ nữ có nguy cơ mắc chứng rối loạn căng thẳng sau chấn thương (PTSD) cao hơn 1,1 lần so với nam giới. Một nghiên cứu khác nhận thấy rằng tỷ lệ trẻ em gái có biểu hiện PTSD cũng cao hơn một chút so với trẻ em trai. Sau cơn bão Nargis ở Myanmar, tỷ lệ phụ nữ có biểu hiện PTSD cao hơn 2,6 lần so với nam giới, trong khi tỷ lệ tăng rối loạn căng thẳng cấp tính của phụ nữ cao hơn 3,2 lần so với nam giới. Ở Nepal, WOREC báo cáo rằng những phụ nữ phải di dời trong trận lũ lụt ở huyện Dang năm 2014 đã trải qua chấn thương và điều này khiến họ bị đau bụng và chu kỳ kinh

nguyệt không đều (Singh 2015).

- o Trong khi các nghiên cứu về các nguy cơ tự tử không rõ ràng, có bằng chứng cho thấy nam giới có khả năng tự tử cao hơn một cách quá mức so với nữ giới. Ví dụ ở Ấn Độ, biến đổi khí hậu đang làm gia tăng rủi ro đối với nông dân trên các mảnh đất nhỏ trên các vùng đất khó trồng trọt (chủ yếu là nam giới làm trên các vùng đất này), họ thường dễ bị mất mùa hơn do khả năng đa dạng hóa cây trồng bị hạn chế tại khu vực đất này, do đó có liên quan đến tỷ lệ tự tử tăng cao (Kenedy và King 2014).
- > Biến đổi khí hậu cũng đe dọa khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ, khiến phụ nữ khó lựa chọn nếu và / hoặc thời điểm mà họ có con. Trong khi dữ liệu từ châu Á không có sẵn, các nghiên cứu ở nơi khác đã chỉ ra rằng thiên tai liên quan đến khí hậu có khả năng cản trở việc tiếp cận chăm sóc sức khỏe sinh sản, như đã xảy ra sau bão Haiyan và bão Katrina. Ngoài ra, tác động của thiên tai có thể làm trầm trọng thêm ảnh hưởng của các rào cản tồn tại từ trước trong việc phụ nữ phải tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chẳng hạn như rào cản về phân biệt chủng tộc và giai cấp, như được ghi nhận sau cơn bão Ike (GGCA 2016).
- > Biến đổi khí hậu cũng có khả năng ảnh hưởng đến kết quả và chăm sóc thai kỳ. Phụ nữ mang thai dễ mắc bệnh sốt xuất huyết (Machalo, et al 2013) và sốt rét hơn (Khan, et al 2014). Các nghiên cứu khác đã nhận thấy mối tương quan giữa thời tiết nóng bức bất thường (He 2016) và các sự kiện lụt / bão (Curri và Rossin-Slater 2013) với việc tăng nguy cơ sinh non và các biến chứng

Việc thiếu các dịch vụ chăm sóc sức khỏe dễ tiếp cận và với giá cả phải chăng, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục (SKSS / SKTD), càng làm trầm trọng thêm vấn đề này. Các rào cản tiếp cận có thể bao gồm thiếu thời gian do thời gian làm việc kéo dài, thời gian chờ đợi lâu tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe công, chi phí vận chuyển và thiếu quyền ra quyết định do bất bình đẳng giới. Việc tư nhân hóa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đã khiến những người nghèo trong xã hội không có khả năng chi trả cho các dịch vụ này. Hơn nữa, SKSS / SKTD thường không được ưu tiên trong Chương trình nghị sự về đô thị mới và tình trạng biến đổi khí hậu không suy giảm sẽ khiến tình hình chăm sóc sức khỏe của phụ nữ và trẻ em gái nghèo ở thành thị trở nên tồi tệ hơn.

Một nghiên cứu của Arrow and Khan Foundation ở Bangladesh (2015) cho thấy:

- > Gần 90% số người được hỏi cho biết các dịch vụ / cơ sở điều trị và chăm sóc y tế và không dành cho phụ nữ.
- > Khoảng hai phần năm người được hỏi cho rằng không có bác sĩ cấp cứu là vấn đề chính, trong khi hai phần năm người được hỏi khác cho rằng thiếu thuốc là vấn đề cần thiết, và một phần năm cho rằng họ thiếu các sản phẩm vệ sinh và nhà vệ sinh, thiếu bộ dụng cụ cấp cứu và sinh đẻ là vấn đề lớn.

Tất cả những điều trên đều gây hậu quả tiêu cực đến quyền sức khỏe sinh sản và tình dục của phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là trong thiên tai. Theo chia sẻ của Mahmuda Begum, một bà nội trợ 35 tuổi và là mẹ của 7 đứa con, đến từ làng Fakirghona thuộc tiểu khu Moheshkhali, "Trong thời gian thiên tai, vấn đề lớn nhất mà phụ nữ trong cộng đồng của chúng tôi phải đối mặt là thiếu khả năng tiếp cận chăm sóc y tế, bao gồm các dịch vụ và cơ sở y tế."

thai kỳ liên quan. Nước mặn xâm nhập vào nước ngầm, có nhiều khả năng xảy ra với mực nước biển cao hơn và kèm theo lũ lụt, cũng có thể làm tăng tỷ lệ tiền sản giật và tăng huyết áp trong thời kỳ mang thai của phụ nữ; (Khan et al.2011). Vì những điều trên đã cho thấy thêm khía cạnh dễ bị tổn thương đối với phụ nữ mang thai liên quan đến biến đổi khí hậu, do đó điều quan trọng là phải lồng ghép kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục khác trong tất cả các chương trình thích ứng và quản lý thiên tai.

- > Sự gia tăng gánh nặng bệnh tật do biến đổi khí hậu cũng sẽ ảnh hưởng đến vai trò chăm sóc của phụ nữ và trẻ em gái khi họ chăm sóc người bệnh tại nhà của họ (Brody A 2008). Điều này làm tăng khối lượng công việc của họ và cuối cùng họ thường bỏ qua vấn đề sức khỏe và hạnh phúc của chính mình. Điều này cũng hạn chế thời gian họ dành cho việc tạo thu nhập và giáo dục, bệnh tật của các thành viên trong gia đình dẫn đến chi phí y tế gia tăng, làm tăng mức độ nghèo đói, do đó đây là một yếu tố quyết định lớn đến sức khỏe của họ. Điều đó cũng có nghĩa là họ có ít thời gian hơn để đóng góp vào các quá trình ra quyết định ở cấp cộng đồng, bao gồm cả về biến đổi khí hậu, y tế và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- > Biến đổi khí hậu cũng được cho là sẽ làm gia tăng tình trạng khan hiếm nước, buộc nhiều gia đình phải sử dụng các nguồn nước không an toàn, bao gồm các dòng suối và ao hồ có nguy cơ bị ô nhiễm. Điều này sẽ không chỉ dẫn đến sự gia tăng các bệnh liên quan đến nước như tiêu chảy và dịch tả, mà còn ảnh hưởng đến phụ nữ nhiều hơn nam giới do khối lượng công việc của họ tăng lên. Ví dụ, trong một nghiên cứu về quản lý hạn hán ở Ninh Thuận (Việt Nam), 74% số người được hỏi cho rằng phụ nữ bị ảnh hưởng nhiều hơn từ hạn hán do khan hiếm nước buộc họ phải đi bộ xa hơn để lấy nước. Cũng có những nghiên cứu chỉ ra rằng trong mùa khô ở vùng nông thôn Ấn Độ, 30% hoặc hơn sức lực của phụ nữ được dùng để lấy nước. Việc mang vác vật nặng trong thời gian dài gây tổn thương cột sống, cơ cổ và lưng dưới, dẫn đến lão hóa sớm cột sống (WHO 2010).
- > Thiệt hại về công trình vệ sinh và khan hiếm nước, đặc biệt là nhà vệ sinh và nhà tắm không có nước máy, cũng hạn chế việc vệ sinh kinh nguyệt ở phụ nữ và trẻ em gái. Cách đối phó điển hình của họ là hạn chế uống nước để tránh phải đi vệ sinh trong ngày, từ đó làm trầm trọng thêm tình trạng nhiễm trùng đường tiểu và nhiễm trùng đường sinh sản. Ngoài ra, việc thiếu nước và các thiết bị vệ sinh trong trường học góp phần làm cho trẻ em gái phải nghỉ học và điều này ảnh hưởng đến việc học tập của các em.
- > Biến đổi khí hậu cũng đe dọa sản xuất cây trồng về việc giảm sút chất lượng và số lượng cây lương thực, gây

mất an ninh lương thực và thiếu dinh dưỡng. Mất mùa sẽ khiến giá lương thực tăng cao, gián tiếp làm tăng chi phí sinh hoạt. Điều này cuối cùng sẽ ảnh hưởng đến việc tiêu thụ thực phẩm của phụ nữ, không chỉ do nghèo đói mà còn do hệ thống phân cấp lương thực hộ gia đình vẫn được thực hiện ở một số nền văn hóa ở châu Á, nơi phụ nữ và trẻ em gái chỉ được phép ăn sau khi nam giới và trẻ em trai đã ăn, dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng cao và các vấn đề sức khỏe liên quan

- > Tình trạng thiếu dinh dưỡng của họ sẽ càng trầm trọng hơn trong các hiện tượng khí hậu khắc nghiệt (Aguilar, et al 2015). Sau thảm họa thiên nhiên ở Ấn Độ, trẻ em gái dễ bị thấp còi và nhẹ cân hơn trẻ em trai. Trong một nghiên cứu khác ở Andhra Pradesh (Ấn Độ), số phụ nữ cho biết họ ăn ít hơn để đối phó với hạn hán nhiều gấp đôi so với nam giới. Một nghiên cứu ở Bangladesh cho thấy rằng phụ nữ và trẻ em gái thường là những người đầu tiên phải bỏ bữa ăn của mình nếu thiếu lương thực, khi hạn hán, lũ lụt hoặc bão xảy ra. Ở Philippines, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh có giới tính nữ sinh tăng sau bão nhưng không tăng ở trẻ có giới tính nam, điều này được các nhà nghiên cứu cho là do nguồn lực hạn chế trong các gia đình. Ở Việt Nam, phụ nữ có xu hướng bỏ bữa nhiều hơn nam giới trong thời kỳ khan hiếm thực phẩm do các chuẩn mực văn hóa về tầm quan trọng trong lao động thể chất của nam giới.
- > Các nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đối với tình trạng suy dinh dưỡng cũng chỉ ra rằng nó sẽ dẫn đến việc gia tăng năm sống được điều chỉnh theo khuyết tật (DALY) ở các nước đang phát triển. Phụ nữ dễ bị thiếu hụt dinh dưỡng hơn so với nam giới vì nhu cầu dinh dưỡng khác nhau của họ, đặc biệt là khi mang thai hoặc cho con bú. Ví dụ, ở Nam Á và Đông Nam Á, 45-60% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ bị nhẹ cân và 80% phụ nữ mang thai bị thiếu sắt. Do đó, họ cần bổ sung nhiều sắt hơn so với nam giới vì họ dễ bị thiếu máu hơn. Họ cũng cần nhiều protein hơn khi mang thai hoặc cho con bú. Phụ nữ mang thai bị suy dinh dưỡng có nguy cơ cao gặp các vấn đề trong quá trình mang thai và sinh nở như thai chậm phát triển trong tử cung, đẻ non, thai chết lưu, trẻ nhẹ cân và tử vong sau sinh. Phụ nữ thiếu dinh dưỡng có thể bị mất kinh và vô sinh, và trẻ em gái trước tuổi dậy thì thiếu dinh dưỡng có thể bị chậm kinh.

BAO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI: MỘT KHÍA CẠNH QUAN TRỌNG TRONG CÁC VẤN ĐỀ SỨC KHỎE VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Mặc dù không có bằng chứng cụ thể về tác động của các thiên tai liên quan đến khí hậu và Bạo lực trên cơ sở giới (GBV), nhưng các nghiên cứu về các thiên tai khác cho thấy sự gia tăng bạo lực trên cơ sở giới sau các thiên tai. Phụ nữ và trẻ em gái bị di dời chỗ ở trong thiên tai thường

bị buộc phải ngủ trong những ngôi nhà và nơi trú ẩn không đảm bảo, khiến họ cảm thấy không an toàn và có nguy cơ bị quấy rối tình dục. Ví dụ, sau trận lụt ở Pakistan năm 2010, phần lớn phụ nữ cho biết cảm thấy không an toàn khi ngủ ngoài trời (UNIFEM, Pakistan 2010). Nơi trú ẩn không bố trí chỗ ngủ riêng cho nam và nữ, trang thiết bị tắm giặt không đủ ánh sáng và không đảm bảo đều có thể làm tăng nguy cơ bạo lực trên cơ sở giới cho phụ nữ và trẻ em gái (Hussain 2015). Phụ nữ và trẻ em gái cũng phải đối mặt với mức độ bạo lực gia tăng nếu họ phải đi một quãng đường dài để lấy nước, củi hoặc thức ăn sau thiên tai (Nelleman, et al 2011).

Tình trạng quá tải, hỗn loạn, thiếu sự riêng tư và thay đổi các thói quen thường xuyên có thể góp phần gây ra sự tức giận, thất vọng và bạo lực với trẻ em (đặc biệt là trẻ em gái) và phụ nữ là những người dễ bị tổn thương nhất (Bartlett 2008). Gia tăng căng thẳng và cảm giác bất lực, do mất mát, mất tài sản và mất sinh kế, các vấn đề về sức khỏe tâm thần như rối loạn căng thẳng sau chấn thương, các nguồn cung cấp cơ bản và các yếu tố khác bị khan hiếm dẫn đến khủng hoảng nam tính bá quyền cũng góp phần làm mức độ bạo lực của nam giới gia tăng. Điều này thường được kết hợp với mất sự bảo vệ từ các thành viên gia đình là những đã bị chết hoặc đã di cư, cũng như sự phá vỡ các quy định của pháp luật. Một nghiên cứu ở Bangladesh cho thấy tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ sau lũ lụt năm 2007 rất cao, đặc biệt là ở các nhóm thiệt thòi như người bán dâm và người tàn tật (Action Aid Bangladesh 2008). Sự gia tăng bạo lực đối với phụ nữ sau các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu cũng đã được ghi nhận tại Việt Nam. Mặc dù các xu hướng ở châu Á chưa được biết đến, các nghiên cứu tại các khu vực khác (anz-Barbero B 2018) đã cho thấy sự gia tăng nguy cơ bạo lực với bạo tình sau ba ngày xảy ra ngưỡng nắng nóng trên 34 độ C ở Madrid (Tây Ban Nha).

Phụ nữ và trẻ em gái còn phải đối mặt với nguy cơ thậm chí còn nghiêm trọng hơn do sự ảnh hưởng của các thiên tai gây ra như: tảo hôn và buôn bán người có tổ chức. Kết hôn trẻ em là một sự phổ biến ở Bangladesh, và gần đây tình trạng này có liên quan đến biến đổi khí hậu và số lượng thiên tai gia tăng. Phụ nữ và trẻ em cũng có nguy cơ bị buôn bán cao nhất trong thời điểm thiên tai, và họ phải đối mặt với nguy cơ lớn nhất trở thành mục tiêu bị bóc lột, trở thành nô lệ và lao động tình dục (Nellet, et al 2011). Một lần nữa, trong khi không có dữ liệu thống kê, nhưng những yếu tố nguy cơ trong thời kỳ khủng hoảng môi trường và khí hậu có thể khiến những người gặp khó khăn phải bán dâm và ăn xin (IFRC 2015). Ở Tây Bengal (Ấn Độ), có một mô hình quan sát được về sự liên quan giữa nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em gái và lũ lụt hàng năm. Ngay sau lũ lụt hàng năm, số kẻ buôn người gia tăng, khi các gia đình mà bọn buôn người hướng đến trở nên túng thiếu và tuyệt

vọng về sinh kế. Một số bằng chứng sau cơn bão Haiyan ở Philippines vào tháng 11 năm 2013 cũng đồng tình với tuyên bố rằng buôn người sau thiên tai là một mối quan tâm lớn.

CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ LỰA CHỌN THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI

Các hành động thích ứng trong lĩnh vực y tế chủ yếu chòng chéo với các chiến lược thích ứng với thiên tai, chẳng hạn như tăng cường hệ thống cảnh báo sớm, đảm bảo tiếp cận nước ngọt để uống và vệ sinh, đảm bảo nông nghiệp và an ninh lương thực cho dinh dưỡng, giảm nghèo và đảm bảo giáo dục để mở rộng cơ hội, và giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội và sức khỏe tâm thần liên quan đến căng thẳng do khắc phục hậu quả sau thảm họa, tái định cư và ép buộc di cư. Tuy nhiên, cũng cần phải xem việc cải thiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, khả năng tiếp cận nước và vệ sinh, những dịch vụ này nằm trong mục tiêu phát triển cũng như các chiến lược thích ứng quan trọng. Tổ chức Y tế Thế giới đã tập hợp các khía cạnh giới về biến đổi khí hậu, cùng với các chiến lược thích ứng và các biện pháp can thiệp có thể có. Các điểm nổi bật chính từ điều này đã được tái hiện trong Bảng 4-4.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Tại thời điểm này, sẽ rất tốt nếu bạn cho học viên nghỉ giải lao và chiếu một đoạn phim ngắn về Tiếng nói của phụ nữ từ Sarawak nêu bật những thách thức của họ khi sống trong một bối cảnh thay đổi. Câu chuyện này là một phần của nghiên cứu khu vực về “Xây dựng thể chế mới cho quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục của phụ nữ (SRHR) và biến đổi khí hậu” có tại https://www.youtube.com/watch?v=2PrRN5YLa_U&t=29s

BẢNG 4-4: CÁC CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ THỰC HÀNH TRONG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG LĨNH VỰC Y TẾ SỨC KHỎE.

CÁC CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI	CÁC THỰC HÀNH THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI
<ul style="list-style-type: none"> > Cung cấp nơi trú ẩn và nhà ở an toàn cho cả phụ nữ và nam giới. > Tập huấn về hệ thống cảnh báo sớm và giảm thiểu rủi ro thiên tai có nhạy cảm giới > Thúc đẩy các chương trình tạo điều kiện thuận lợi cho nam giới tìm kiếm sự trợ giúp cho các vấn đề tâm lý xã hội. > Trao quyền cho phụ nữ để tăng cường năng lực của họ trong việc đặt câu hỏi và thay đổi các chuẩn mực hành vi có hại khiến họ gặp rủi ro trong trường hợp xảy ra các sự kiện nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> > Dự phòng thiên tai có nhạy cảm giới > Hệ thống cảnh báo sớm phân biệt giới tính > Đảm bảo sự tham gia của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng trong tất cả các chu trình chính sách và chương trình. > Mục tiêu các chiến dịch truyền thông và chiến lược nâng cao sức khỏe cần tính đến sự khác nhau về giới, có tính đến các chuẩn mực và vai trò giới của họ. > Áp dụng các chiến lược ở tất cả các cấp độ của chương trình để thay đổi các tiêu chuẩn và thực hành ngăn cản phụ nữ hoặc nam giới có các cơ chế ứng phó và đối phó thích hợp trong các tình huống thiên tai.
<ul style="list-style-type: none"> > Quan điểm về giới phải được đưa vào phân tích và nghiên cứu về bệnh truyền nhiễm để hướng tới các chính sách và chương trình. > Dữ liệu thu thập phải được phân tách theo giới tính, độ tuổi, tình trạng kinh tế xã hội, trình độ học vấn, dân tộc và vị trí địa lý, tại nơi thích hợp. > Sự hiểu biết về giới và các tác động của nó đối với sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ chăm sóc sức khỏe cần được lồng ghép vào việc đào tạo các chuyên gia y tế và phát triển các ứng phó của ngành y tế. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đảm bảo sự sẵn có và khả năng tiếp cận tốt hơn và sự hỗ trợ của các hệ thống y tế cho cả phụ nữ và nam giới, nhưng đặc biệt là phụ nữ, với các vai trò chăm sóc của họ. > Hỗ trợ các hoạt động tiếp cận cộng đồng, sử dụng các chiến lược và tài liệu thông tin, giáo dục và truyền thông nhạy cảm về giới để vận động và đào tạo. > Thúc đẩy các cơ sở chăm sóc trẻ em và các phương pháp tiếp cận khác để hỗ trợ vai trò chăm sóc của phụ nữ, đồng thời cố gắng chuyển đổi các vai trò và chuẩn mực giới liên quan.
<ul style="list-style-type: none"> > Thúc đẩy các chương trình tạo điều kiện thuận lợi cho nam giới tìm kiếm sự trợ giúp cho các vấn đề tâm lý xã hội. > Trao quyền cho phụ nữ để họ được nâng cao năng lực chăm sóc bản thân họ và gia đình họ, đặc biệt là sử dụng các mạng lưới xã hội và mạng lưới khác sẵn có để đối phó với những gánh nặng và căng thẳng ngày càng tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> > Quan tâm đến sự khác biệt của phụ nữ và nam giới về cứu trợ sau thiên tai, có tính đến các chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ về giới
<ul style="list-style-type: none"> > Thúc đẩy thực hành tiết kiệm nước có tính đến các mục đích sử dụng và vai trò khác nhau liên quan đến nước đối với phụ nữ, trẻ em gái và nam giới. > Giải quyết tình trạng nhiễm mặn và nhiễm asenic trong nước, đề xuất các hành động cụ thể xem xét các mô hình phơi nhiễm và tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới. > Chống lại sự kỳ thị của xã hội gắn với tác động của nhiễm độc asen đối với phụ nữ và nam giới. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đảm bảo nước uống hợp lý, có tính đến các vai trò và nhu cầu khác nhau của phụ nữ và nam giới. > Trao quyền cho phụ nữ và tạo điều kiện cho họ tham gia bình đẳng vào quản lý tài nguyên nước ở cấp quốc gia, khu vực và cơ sở. > Áp dụng các công nghệ phù hợp để đảm bảo có nước uống gần nơi gia đình sinh sống hơn > Tăng cường các cơ chế trồng rừng và khai thác nước, xem xét các vai trò, nhu cầu và tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới. > Thúc đẩy quyền sở hữu đất đai và quyền sở hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phụ nữ. > Thực hiện hiệu quả các chính sách về nước xem xét các nhu cầu và vai trò khác nhau của phụ nữ và nam giới đối với việc sử dụng, cung cấp và tiêu thụ nước > Đảm bảo quyền tiếp cận công bằng đối với các nguồn lực cũng liên quan đến các khoản chi trả cho các dịch vụ môi trường.
<ul style="list-style-type: none"> > Có sự tham gia của phụ nữ và nam giới trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. 	<ul style="list-style-type: none"> > Tập huấn về khuyến nông cho cả phụ nữ và nam giới > Bổ sung dinh dưỡng tốt hơn cho các gia đình khó khăn > Tạo điều kiện tiếp cận thị trường > Quyền về đất đai cho phụ nữ

BẢNG 4-4: CÁC CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ THỰC HÀNH TRONG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG LĨNH VỰC Y TẾ SỨC KHỎE.

CÁC CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI	CÁC THỰC HÀNH THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI
<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng mạng lưới hỗ trợ và vững mạnh cho cả phụ nữ và nam giới. > Thúc đẩy tập huấn về nhạy cảm giới để xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái và trẻ em trai. > Nâng cao năng lực trong hệ thống y tế để đảm bảo phát hiện sớm bạo lực gia đình hoặc bạo lực tình dục. > Cho phụ nữ tham gia vào việc quản lý các nhà tạm trú và các hoạt động phân phối. 	<ul style="list-style-type: none"> > Hình thành các sáng kiến chính sách trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính và lao động để các sáng kiến này như một phần của nỗ lực phòng chống bạo lực quốc gia / quốc tế gắn kết bao gồm phụ nữ, trẻ em gái, nam giới và trẻ em trai > Thực hiện các dịch vụ y tế phù hợp đáp ứng các nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới dựa trên nhu cầu, vai trò và năng lực của họ. > Thiết kế hệ thống chuyển tuyến hiệu quả cho các trường hợp bạo lực gia đình. Thiết kế hệ thống chuyển tuyến hiệu quả cho các trường hợp bị quấy rối tình dục.

Nguồn: Phỏng theo WHO (2014b).

Lĩnh vực 3: Biến đổi khí hậu và Các vùng ven biển

ĐIỂM THẢO LUẬN

Hỏi những người tham gia các hoạt động sinh kế nào là chủ yếu tại các cộng đồng ven biển trong quốc gia của họ và vai trò của nam giới và phụ nữ trong các cộng đồng ven biển là gì. Hỏi họ xem họ nghĩ điều gì sẽ là tác động của Biến đổi khí hậu đối với các sinh kế vùng ven biển này.

Gợi ý cho giảng viên

Hoạt động:

- Đánh bắt cá (sinh kế, cấp hộ gia đình)
- Đánh bắt (thương mại /thị trường địa phương hoặc bên ngoài)
- Đánh bắt thủy sản (đánh bắt cá, tôm, cua, sò ốc)
- Đánh bắt/ thu gom bằng tay từ các vùng đất ngập nước (ví dụ: ốc, ếch, cua)
- Nuôi trồng thủy sản
- Chế biến cá và sản xuất sau đánh bắt
- Chuẩn bị ngư cụ
- Trồng lúa và rau màu
- Tiếp thị và bán (cá, rau, gạo, lâm sản, các loại khác)
- Du lịch (ví dụ: hướng dẫn viên du lịch, điều hành tàu, nấu ăn, homestay, làm việc trong khách sạn)
- Việc làm phi chính thức (công việc không được trả lương, ví dụ như chủ cửa hàng nhỏ, nấu ăn, Sản xuất thủ công mỹ nghệ, công việc chân tay)
- Kinh doanh (Doanh nghiệp vừa và nhỏ, cửa hàng, buôn bán)

Tác động của Biến đổi khí hậu đến sinh kế vùng ven biển:

Nông dân trồng lúa - Nước biển dâng đã trở thành một vấn đề lớn đối với nông nghiệp truyền thống ở các nước như Bangladesh, Campuchia, Việt Nam và các quốc

đảo nằm vùng thấp khác (Rahman et al., 2009; Lata and Nunn, 2012). Sự kết hợp giữa việc giảm năng suất lúa do biến đổi khí hậu gây ra và sự ngập úng các vùng đất do nước biển gây ra làm giảm sản lượng nông sản nghiêm trọng (Chen et al., 2012).

Đánh bắt thủy sản - Nhiệt độ tăng cũng có thể dẫn đến thay đổi mô hình di cư của cá và sự tuyệt chủng cục bộ của các loài thủy sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của các cộng đồng ngư dân (Cochrane et al., 2009). Theo FAO, khoảng 58 triệu người trên toàn thế giới đang trực tiếp đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trong đó có một số lượng lớn nam giới và phụ nữ ở châu Á. Ví dụ ở Campuchia, chỉ riêng ngành đánh bắt cá đã đóng góp tới 10% GDP của đất nước và sử dụng sáu triệu lao động trên toàn quốc vào năm 2013 (National Climate Change Committee, RGC, 2013), điều đó cho thấy bất kỳ thay đổi nào về năng suất thủy sản sẽ gây nguy hiểm cho sự phát triển kinh tế và sinh kế của hàng triệu người.

Du lịch - Sự thay đổi của hệ sinh thái biển và thiên tai thường xuyên cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động du lịch trong khu vực, hơn nữa gây mất thu nhập bổ sung cho hầu hết các gia đình ven biển.

Kinh doanh địa phương - Với thu nhập địa phương giảm và du lịch giảm, hoạt động kinh doanh địa phương cũng sẽ bị ảnh hưởng.

CÁC YẾU TỐ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Các vùng ven biển có các hệ sinh thái độc đáo với các hoạt động và tài sản kinh tế quan trọng; và những nơi này thường có mật độ dân số cao hơn các khu vực nội địa. Ít nhất 1/10 người trên thế giới sống gần bờ biển ở vùng trung thấp; hầu hết họ sống tại Hoa Kỳ và các nước châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Việt Nam và Indonesia (Neumann, et al 2015). Theo (IPCC AR 5 2015) đã dự đoán với độ tin cậy cao về các hệ thống ven biển và biển đang chịu áp lực ngày càng tăng từ các tác nhân khí hậu và phi khí hậu ở Châu Á. Những điều này sẽ ảnh hưởng thiệt hại đối với các hệ sinh thái ven biển và gia tăng thiên tai do triều cường và xoáy thuận nhiệt đới gây mất sinh kế và các tác động xã hội, bao gồm mất an ninh lương thực và nguồn nước, cho hàng triệu người, đặc biệt là người nghèo và phụ nữ (Báo cáo đặc biệt của IPCC 2012).

Các tác động chính của biến đổi khí hậu đối với vùng ven biển và cộng đồng ven biển, đặc biệt là phụ nữ đã được trình bày ở đây:

- > Suy thoái các hệ sinh thái biển, đặc biệt là các rạn san hô sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các rạn san hô và rừng ngập mặn. Hệ sinh thái biển này cung cấp các rào cản tự nhiên và nguồn lực để quản lý rủi ro biến đổi khí hậu, chẳng hạn như triều cường do thiên tai. Nếu những cảnh quan ven biển này bị suy thoái, nó có thể gây ra những tác động nghiêm trọng hơn đến các cộng đồng xung quanh và khả năng khả năng phục hồi của hệ sinh thái. Sự suy giảm đáng kể về đa dạng sinh học cũng được dự đoán và có khả năng bao gồm sự mất mát một bộ phận của các loài thụ phấn, cùng với các mối đe dọa khác, sẽ gây rủi ro về nguồn lương thực cho các cộng đồng ven biển. Sinh kế của phụ nữ cũng bị ảnh hưởng bởi nguy cơ trong sử dụng tài nguyên ven biển và nghề cá. Phụ nữ tham gia vào lĩnh vực thủy sản, đặc biệt là chế biến cá, chuẩn bị cá để đưa ra thị trường và thu hoạch quy mô nhỏ - những hoạt động gần bờ. Chỉ riêng ở khu vực Thái Bình Dương, người ta ước tính rằng phụ nữ đánh bắt khoảng 1/4 tổng lượng hải sản thu hoạch được. Ở Campuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam và Philippines, có những cộng đồng mà phụ nữ có vai trò lớn hơn trong sản xuất nuôi trồng và thu hoạch các sinh vật ven biển so với nam giới (Aguilar, et al 2015). Sự thay đổi trong việc đánh bắt cá ngoài biển có thể làm tăng lao động đánh bắt và giá của cá, và thu nhập từ sản xuất sau thu hoạch có thể giảm, ảnh hưởng đến thu nhập của phụ nữ đánh bắt cá. Quá trình biển bị axit hóa đang gây hại cho nhiều loài động vật có vỏ, với chi phí kinh tế lớn đối với các nhà sản xuất mà họ thường là phụ nữ. Việc mất các nguồn tài nguyên gần bờ dẫn đến mất nguồn dinh dưỡng cũng tác động nhiều hơn đến phụ nữ, đặc biệt là do an ninh lương thực và dinh dưỡng hộ gia đình họ bị đe dọa.
- > Mực nước biển dâng kết hợp với cường độ xoáy thuận có thể làm gia tăng lũ lụt ven biển; sự mất các rạn san hô và rừng ngập mặn sẽ làm trầm trọng thêm tác hại của sóng biển đối với vùng ven biển. Châu Á đã có hơn 90% dân số toàn cầu tiếp xúc với các xoáy thuận nhiệt đới. Mười lăm trong số 20 thành phố có nguy cơ hàng đầu toàn cầu được dự đoán dân số tại các thành phố này có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi các trận bão do xoáy thuận nhiệt đới gây ra và dự kiến và 13 trong số 20 thành phố đó sẽ bị mất mát về tài sản do tiếp xúc với các cơn bão do xoáy thuận nhiệt đới gây ra đều tập trung tại Châu Á (Báo cáo đặc biệt IPCC 2012). Có sự chênh lệch giới tính về tỷ lệ tử vong trong các trận bão lớn ở các nước đang phát triển. Xem xét các bằng chứng trong 26 năm xảy ra lốc xoáy từ Bangladesh cho thấy phụ nữ có nguy cơ tử vong cao hơn 58% so với nam giới ở độ tuổi tương đương trong những sự kiện này. Bằng chứng sơ bộ từ thành phố Tacloban (Philippines) sau khi cơn bão Haiyan đổ bộ vào bờ biển Philippines cho thấy trong số những người trưởng thành, nữ giới chết nhiều hơn nam giới khoảng 50%. Phần lớn nguyên nhân là do các hoạt động văn hóa xã hội như tập quán, hạn chế trong việc di chuyển của phụ nữ, hạn chế tiếp cận thông tin và hệ thống cảnh báo sớm, trang phục truyền thống và thiếu kỹ năng bơi lội, trong số các thực hành văn hóa khác.
- > Bão (bao gồm các cơn bão nhiệt đới như bão và lốc xoáy, cũng như giông bão) và lũ lụt cũng thường liên quan đến tỷ lệ tử vong và có thể gây ra rủi ro đáng kể cho các cộng đồng ven biển. Ví dụ, cơn bão Haiyan năm 2013 ở Philippines đã khiến hơn 4 triệu người phải di dời, phá hủy toàn bộ cộng đồng và hủy hoại sinh kế của hàng triệu người. Đây là cơn bão dữ dội nhất đã đổ bộ vào thời điểm đó, với sức gió đạt 196 dặm một giờ.
- > Những thiệt hại về tài sản và cơ sở hạ tầng sẽ ảnh hưởng lâu dài đến kinh tế và xã hội. Tại Campuchia, cơn bão Ketsana năm 2009 đã gây thiệt hại 24 triệu USD cho ngành giáo dục, ảnh hưởng đến 12% trường học ở nước này và nhiều trường khác phải đóng cửa sau khi cơ sở hạ tầng bị phá hủy do không thể tiếp cận (UNDRR 2016).
- > Hậu quả của một thảm họa cũng gây áp lực nặng nề lên phụ nữ như khối lượng công việc hàng ngày của họ bị tăng lên, họ bị mất nhà ở, an ninh, mạng lưới an toàn không được đảm bảo và bị gián đoạn trong kiểm soát xã hội điều chỉnh hành vi và chuẩn mực trong và giữa các hộ gia đình (Bartlett 2008). Có bằng chứng từ Bangladesh cho thấy phụ nữ có thể gặp các vấn đề về da liên quan đến tiếp xúc với nước lũ một cách quá mức.
- > Phụ nữ cũng thường phải chịu tác động không cân xứng do mất sinh kế sau thảm họa. Tại Philippines, đánh giá mức độ dễ bị tổn thương sau bão cho thấy các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ thường dễ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt và các tác động khác do bão. Sau khi cơn bão

Ondoy tấn công Metro Manila (Philippines), các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ phải chịu thiệt hại lớn hơn, trong khi các hộ gia đình do nam giới làm chủ chỉ bị mất thu nhập tạm thời nhiều hơn, có thể do phụ thuộc vào việc làm trong lĩnh vực sản xuất của nam giới, những công việc này mất nhiều thời gian hơn để phục hồi sau lũ.

- > Các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu cũng liên quan đến sự gia tăng bạo lực trên cơ sở giới. Nghiên cứu gần đây của Bangladesh lưu ý rằng bạo lực đối với phụ nữ gia tăng do tác động của biến đổi khí hậu. Các sự việc bạo lực đối với phụ nữ xảy ra rất cao sau trận lũ lụt năm 2007, đặc biệt là ở các nhóm yếu thế như người bán dâm và người khuyết tật. Nghiên cứu cũng lưu ý rằng trẻ em gái vị thành niên đặc biệt có nguy cơ bị quấy rối tình dục và bạo lực trong các khu tạm trú. Sự gia tăng bạo lực đối với phụ nữ sau các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu cũng đã được ghi nhận tại Việt Nam. Buôn bán phụ nữ và trẻ em gái có tổ chức đang nổi lên như một nguy cơ tiềm ẩn nghiêm trọng liên quan đến các thảm họa liên quan đến khí hậu. Báo cáo của các nhóm vận động từ Philippines cũng cho thấy sau cơn bão Haiyan, nguy cơ buôn bán tình dục đã gia tăng. Trong một nghiên cứu khác của IFRC. Về Bạo lực tình dục và bạo lực trên cơ sở giới trong các tình huống thiên tai ở Indonesia, CHDCND Lào và Philippines, những người trả lời khảo sát hộ gia đình cho biết nạn tảo hôn và bạo lực gia đình là “những sự việc có hại đối với phụ nữ và trẻ em gái” đã xảy ra ngay sau thiên tai khí hậu.
 - o Tại Philippines, 30% số người được hỏi cho biết phụ nữ và trẻ em gái cảm thấy đau khổ trước tình trạng tảo hôn gia tăng sau thiên tai
 - o Tại Indonesia, 18% số người được hỏi cho biết phụ nữ và trẻ em gái cảm thấy đau khổ trước tình trạng tảo hôn gia tăng sau thiên tai
 - o Tại CHDCND Lào, 47% số người được hỏi cho biết phụ nữ và trẻ em gái cảm thấy đau khổ trước tình trạng tảo hôn gia tăng sau thiên tai.
- > Bằng chứng cũng cho thấy rằng các hiện tượng thời tiết cực đoan - chẳng hạn như mưa lớn, lũ lụt và lốc xoáy - có xu hướng gây gián đoạn hệ thống nước. Do đó, nguồn nước sạch và an toàn đã trở nên khan hiếm hơn. Phụ nữ phải tiêu thụ và sử dụng nguồn nước ô nhiễm khiến họ dễ mắc các vấn đề về SKSS / SKTD, đặc biệt là đối với phụ nữ mang thai.
- > Các vùng đất ngập nước ngọt ven biển cũng dễ bị xâm nhập mặn với mực nước biển dâng cao, ảnh hưởng đến nguồn nước uống sẵn có tại các khu vực này (P. Rasmussen et al.2013). Các nguồn nước ở ven biển Bangladesh, chẳng hạn như sông ngòi và nước ngầm, đã bị ô nhiễm ở các mức độ mặn khác nhau do sự xâm nhập mặn từ mực nước biển dâng cao. Bên cạnh việc gia tăng khối lượng công việc để tìm nguồn nước, điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ, đặc biệt là tăng huyết áp ở người già và phụ nữ mang thai

(Shammi, et al 2019).

- > Các hậu quả sức khỏe có thể xảy ra khác của các hiểm họa liên quan đến lũ lụt và bão bao gồm bệnh tật liên quan đến căng thẳng và nguy cơ suy dinh dưỡng liên quan đến mất thu nhập và không có chi phí sinh hoạt, những vấn đề đó được biết là có liên quan đến khía cạnh giới sâu sắc. Các nghiên cứu từ Việt Nam cho thấy các yếu tố căng thẳng rõ rệt ở cấp độ hộ gia đình. Những người được phỏng vấn tại các thành phố ở Đồng bằng sông Cửu Long cho rằng sự lo lắng, sợ hãi hoặc căng thẳng trong nội bộ hộ gia đình gia tăng là kết quả của những nguy hiểm và thiệt hại liên quan đến lũ lụt và các tác động sinh kế của chính họ. Những người được phỏng vấn ở các tỉnh miền Trung đề cập đến tình trạng thiếu lương thực và có thể bị đói do mất mùa và nông sản bị tàn phá và thu nhập bị mất trắng sau bão lũ. Các nghiên cứu ở Trung Quốc và Myanmar cũng chỉ ra rằng phụ nữ, cả phụ nữ và trẻ em gái, có biểu hiện rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý (PTSD) tăng nhiều hơn so với nam giới và trẻ em trai.
- > Biến đổi khí hậu cũng đe dọa khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ, khiến phụ nữ khó lựa chọn nếu và / hoặc thời điểm sinh con. Liên minh toàn cầu về giới và khí hậu (GGCA), trong một nghiên cứu về rà soát các tài liệu hiện có về giới và biến đổi khí hậu kết luận rằng thiên tai liên quan đến khí hậu có khả năng cản trở việc tiếp cận chăm sóc sức khỏe sinh sản. Bài nghiên cứu này trích dẫn các nghiên cứu cho rằng thiên tai liên quan đến khí hậu có khả năng cản trở việc tiếp cận chăm sóc sức khỏe sinh sản xảy ra sau bão Haiyan và bão Katrina. Ngoài ra, tác động của thiên tai có thể làm trầm trọng thêm tác động của các rào cản tồn tại từ trước trong việc phụ nữ phải tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chẳng hạn như rào cản về phân biệt chủng tộc và địa vị trong xã hội, như được ghi nhận sau cơn bão Ike. Các kết quả tương tự cũng đã được thấy trong các nghiên cứu theo quy mô khác nhau được thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương cho Phụ nữ (ARROW) ở Bangladesh; Philippines (Castro và Hernandez 2015); Lao PDR (Thikeo và Sychareum 2015); trong số những nghiên cứu khác.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Tại thời điểm này, sẽ rất tốt nếu bạn cho học viên nghỉ giải lao và chiếu một bộ phim ngắn về phụ nữ ở các vùng ven biển ở Philippines của Tổ chức Path, có tại <https://www.youtube.com/watch?v=YZ-IHRcTe2Y>

CÁC LỰA CHỌN VÀ CHIẾN LƯỢC THÍCH ỨNG THEO GIỚI

Không xem xét các tác động phân biệt theo giới tính của biến đổi khí hậu đối với các cộng đồng ven biển có thể dẫn đến các lựa chọn thích ứng kém hiệu quả hơn - không chỉ do hạn chế tiếp cận với phụ nữ và trẻ em gái mà còn do những tác động tiêu cực mà các lựa chọn có thể có.

Để bảo vệ đường bờ biển, một trong những phương án thích ứng chính đã được xác định bao gồm xây dựng các rào chắn (ví dụ như tường chắn sóng, đê chắn sóng, rọ đá, mỏ hàn và cống). Những dự án về xây dựng này có thể sẽ tạo ra các nguồn việc làm ưu tiên như thuê lực lượng lao động nam, không có cơ hội cho phụ nữ làm những công việc mà họ muốn làm và có thể làm, trừ khi lồng kính giới được lồng ghép trong các dự án này thì vấn đề này sẽ được thay đổi. Bên cạnh đó việc thiếu hiểu biết về tác động đối với các hoạt động sản xuất của phụ nữ (đào động vật thân mềm bằng và các hoạt động khác), nên các dự án này thường cũng không chú ý đến hậu quả của các dự án như vậy đối với hoạt động sản xuất của phụ nữ.

Điều này cũng đúng đối với quản lý rủi ro thiên tai. Ví dụ, phụ nữ thường bị gia tăng các yếu tố dễ bị tổn thương do việc hoạch định chính sách lập kế hoạch thiên tai không tính đến nhu cầu và mối quan tâm của phụ nữ một cách thường xuyên.

- > Phụ nữ thường không tham gia vào việc thiết kế các không gian xung quanh họ - xây dựng thường được coi là công việc của nam giới - và điều này có thể dẫn đến việc sử dụng các thiết kế (chẳng hạn như sử dụng thang mà phụ nữ mang thai ít có khả năng tiếp cận hơn) rủi ro khi có bão và lũ lụt có thể khiến phụ nữ dễ bị tổn thương.
- > Ngoài ra, thông tin về các rủi ro có thể không được cung cấp theo cách mà phụ nữ có thể dễ dàng tiếp cận. Có bằng chứng chỉ ra rằng phụ nữ và nam giới có sự khác nhau về việc lựa chọn các phương tiện để nghe về cảnh báo thiên tai, vì phụ nữ thường ít tiếp cận với đài, ti vi và điện thoại di động hơn nam giới. Ví dụ, sau cơn bão Sidr, phụ nữ cho biết các cảnh báo về cơn bão chỉ được cung cấp ở các chợ địa phương, và không có những tuyên truyền viên nỗ lực thông báo các thông tin cho từng nhà người dân.
- > Phụ nữ cũng bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi những nơi trú ẩn không thể tiếp cận do khoảng cách. Ví dụ, một nghiên cứu về những người được hỏi chủ yếu là nam giới ở Bangladesh cho thấy những cá nhân sống cách nơi trú ẩn nhiều hơn một km ít có khả năng sơ tán đến nơi trú ẩn trong cơn bão Sidr hơn những người sống trong phạm vi một km. Vì các quyết định sơ tán ở Bangladesh là sơ tán toàn bộ gia đình và thường do nam giới thực hiện, những kết quả này ngụ ý rằng phụ nữ ở xa nơi trú

ẩn cũng ít có khả năng sơ tán trong cơn bão hơn, ngay cả khi họ muốn rời đi một cách độc lập.

- > Phụ nữ cũng đối mặt thêm các nguy cơ về việc nếu nơi trú ẩn thường không được thiết kế để cung cấp cho họ đủ không gian hoặc sự riêng tư. Các nghiên cứu về nơi trú ẩn ở Bangladesh cho thấy thiếu phương tiện tắm rửa riêng hoặc hợp vệ sinh dành cho phụ nữ, cũng như thiếu không gian riêng để họ cho con bú hoặc thay băng kinh nguyệt, những điều này thường dẫn đến việc phụ nữ bị quấy rối hoặc đe dọa trong những môi trường này. Một nghiên cứu gần đây cũng cho thấy rằng trong số những người không sơ tán đến nơi trú ẩn trong cơn bão Alia, 36% cho rằng việc thiếu không gian riêng cho phụ nữ trong các nơi trú ẩn là một lý do quan trọng để họ không sơ tán.

Thứ hai là ít mang tính định hướng xây dựng hơn và liên quan đến việc cải thiện quản lý môi trường, với các cách tiếp cận như bảo vệ các hệ sinh thái hiện có và trồng rừng ở các khu vực tiếp giáp với bờ biển. Tuy nhiên, việc khôi phục các hệ sinh thái bị hư hại có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới bằng cách khuyến khích nhiều phụ nữ làm công việc tự nguyện (không được trả công) trong các hoạt động phục hồi và bảo tồn. Điều này có thể củng cố các vai trò về công việc môi trường truyền thống, chẳng hạn, khiến phụ nữ chịu trách nhiệm nấu ăn, các cuộc họp cộng đồng và giáo dục môi trường cho trẻ em và thanh thiếu niên, mà không đề cao các vai trò phi truyền thống. Điều quan trọng là phải thúc đẩy trách nhiệm chung và phân bổ lại công việc tái sản xuất trong gia đình, để phụ nữ có thời gian rảnh rỗi cho các hoạt động khác, đồng thời trả công cho phụ nữ trong công việc phục hồi môi trường. Tương tự như vậy, việc đưa các loài thực vật và động vật bản địa và chịu mặn vào để bảo vệ / phục hồi lại thực vật bờ biển mà không hỏi ý kiến phụ nữ và tính đến những tri thức mà họ có điều đó có thể có tác động tiêu cực đến lợi ích và nhu cầu của phụ nữ ở vùng ven biển, nếu các giống được đưa vào ảnh hưởng đến các nguồn tài nguyên được sử dụng theo mục đích cụ thể bởi họ (Aguilar, et al 2015).

Cũng cần phải thừa nhận mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và chăm sóc sức khỏe sinh sản để các chương trình kế hoạch hóa gia đình dựa trên quyền tự nguyện được áp dụng như một chiến lược nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu. Đặc biệt, lồng ghép kế hoạch hóa gia đình với các hình thức phát triển khác được thiết kế để thúc đẩy khả năng chống chịu, chẳng hạn như thông qua các sáng kiến về dân số, sức khỏe và môi trường, là một cách tiếp cận ngày càng phổ biến để cùng cải thiện sức khỏe con người và các hậu quả của môi trường. Cung cấp cho phụ nữ khả năng kiểm soát tốt hơn khả năng sinh sản của họ giúp họ đưa ra những lựa chọn để có thể cải thiện khả năng phục hồi của họ trước những tác động của biến đổi khí hậu.

Một khía cạnh quan trọng khác là xem xét các vấn đề về sức khỏe sinh sản trong các thảm họa. Ví dụ, sau khi cơn bão Haiyan tấn công Philippines vào năm 2013, ước tính có hơn 250.000 phụ nữ mang thai và 169.000 phụ nữ đang cho con bú ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi bão. Khoảng 1.000 ca sinh nở diễn ra mỗi ngày, với 150 ca được dự đoán sẽ gặp phải các biến chứng nguy hiểm đến tính mạng. Các sự kiện cực đoan như bão thường gây thiệt hại cho cơ sở hạ tầng dịch vụ y tế. Trong khi phục hồi các dịch vụ y tế cần được ưu tiên trong các can thiệp khắc phục hậu quả thiên tai, điều quan trọng là các biện pháp cứu trợ bao gồm tập trung vào sinh con và nhu cầu của phụ nữ mang thai. Thủy sản là một lĩnh vực quan trọng khác mà lĩnh vực này không chỉ bỏ qua các lựa chọn lập kế hoạch và thích ứng có tính đáp ứng giới mà còn hạn chế sự tham gia của phụ nữ với tư cách là các bên liên quan quan trọng trong quá trình ra quyết định. Do phụ nữ thường tập trung vào các hoạt động thu hoạch bị cho là việc phụ, các nhiệm vụ của phụ nữ liên quan đến nghề cá không được ưu tiên trong các phân tích kinh tế hoặc đầu tư nguồn lực. Rất ít chương trình phát triển bền vững ở các vùng ven biển tiếp cận được phụ nữ với tư cách là đối tác chiến lược do quan niệm sai lầm rằng phụ nữ không tham gia tích cực vào ngành khai thác thủy sản. Kết quả là:

- > Phụ nữ thường không tham gia các cuộc họp do các tổ chức của ngư dân tổ chức;
- > Hầu hết các dự án đánh bắt đều hướng tới nam giới và sự tham gia của phụ nữ còn hạn chế đối với việc lập kế hoạch, lập chương trình và quản lý;
- > Có rất ít chính sách hoặc chương trình trong lĩnh vực đánh bắt cá được xem xét đến khía cạnh giới, cũng như được chỉ ra bởi các kết quả gần đây từ Chỉ số Giới và Môi trường (EGI).

Hoạt động du lịch ở các vùng ven biển cũng không tính đến mối quan hệ giữa khách du lịch và người dân địa phương và tác động của nó đến quan hệ giới. Các công việc trong lĩnh vực du lịch tái tạo các hình thức truyền thống xoay quanh việc phân chia công việc theo giới tính (tức là thuê phụ nữ làm hầu phòng và đầu bếp).

GGCA (Aguilar, et al 2015) đã đề xuất các chiến lược khác nhau để thích ứng với vùng ven biển có đáp ứng giới. Đề xuất bao gồm những điều sau:

- > Đảm bảo khả năng tiếp cận các hoạt động sản xuất có thu nhập từ lương để cải thiện điều kiện sống cho gia đình.
- > Đưa tiêu chí giới vào Đánh giá tác động môi trường (EIA).
- > Thực hiện các đánh giá tập trung về giới của tất cả các dự án.
- > Xây dựng mạng lưới phụ nữ và các cơ quan địa phương

và các ban ngành để quản lý cơ sở hạ tầng hiệu quả, nhằm đảm bảo việc bảo vệ cơ sở hạ tầng khỏi bị hư hại khi thiên tai.

- > Cho phụ nữ tham gia giám sát các tác động của biến đổi khí hậu, ví dụ như trong hệ sinh thái san hô và trong nuôi trồng thủy sản.
- > Phụ nữ nên được tập huấn về quản lý để đảm bảo nguồn tài nguyên và có giấy phép đánh bắt chính thức.
- > Đưa phụ nữ vào các chiến lược để thích ứng với việc giảm thiểu đánh bắt các loài sinh vật biển hoặc khả năng quản lý các loài sinh vật biển mới.
- > Trao nhượng quyền và cấp phép khai thác tài nguyên biển ven bờ cho các nhóm phụ nữ.
- > Phát triển các sáng kiến để phục hồi và trồng lại rừng ngập mặn.
- > Thực hiện các chính sách quản lý tổng hợp vùng bờ có xem xét quản lý các nguy cơ có nhạy cảm về giới.
- > Cho phụ nữ tham gia nghiên cứu vùng ven biển thông qua tập huấn về phương pháp giám sát và thu thập dữ liệu.
- > Tập huấn cho phụ nữ và nam giới về các hoạt động phi truyền thống liên quan đến phục hồi hệ sinh thái.
- > Khuyến khích sự lãnh đạo và sự tham gia hiệu quả của phụ nữ vào các tổ chức và quá trình ra quyết định.
- > Phân tích mối quan hệ giới gắn với việc sử dụng, tiếp cận, quản lý và kiểm soát tài nguyên môi trường ven biển.
- > Thúc đẩy sự hòa nhập công bằng của phụ nữ và nam giới khi giới thiệu các giống.
- > Tạo việc làm với sự tham gia bình đẳng của phụ nữ và nam giới.
- > Di dời cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất quan trọng có cân nhắc đến tác động kinh tế xã hội cụ thể theo giới.
- > Thiết lập bảo vệ các hệ thống và cơ sở hạ tầng biển và ven biển do phụ nữ quản lý.
- > Đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng vào các nguồn lực.
- > Thiết lập bình đẳng giới và đa dạng trong quy hoạch, thiết kế, ra quyết định và vai trò lãnh đạo của các hệ thống biển và ven biển, và trong việc chỉ định các khu bảo tồn biển.
- > Đảm bảo bình đẳng tiếp cận giáo dục và việc làm trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và phấn đấu, hoặc đảm bảo bình đẳng trong phân phối lương thực.
- > Phân tích các mối quan hệ giới liên quan đến việc sử dụng, tiếp cận, quản lý và kiểm soát các nguồn lực để tiến hành các nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương được phân tách theo giới ở các vùng ven biển. Xây dựng quy trình nâng cao năng lực cho phụ nữ để họ có thể điều hành các trạm khí tượng địa phương để báo cáo về điều kiện thời tiết ven biển và huy động những phụ nữ này đóng vai trò là đầu mối thông tin về thông tin thời tiết cần được truyền tải đến cộng đồng về các sự kiện đo lường lớn liên quan đến thời tiết dọc bờ biển.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 21: ÁP DỤNG THANG ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM GIỚI THÔNG QUA THẢO LUẬN BÀN TRÒN GIẢ ĐỊNH

Mục tiêu chính của bài tập này là giúp những người tham gia xác định khoảng trống giới trong các dự án thích ứng và thiên tai hiện có. Điều này cũng sẽ tạo cơ hội cho họ có kinh nghiệm thực tế về cách họ có thể đóng góp với tư cách là quan sát viên trong các cuộc họp của ban chỉ đạo / phê duyệt dự án liên quan đến tài chính khí hậu.

Tài liệu Yêu cầu: Bản sao của Tài liệu phát tay 16 và 17.

Chuẩn bị trước (một ngày trước khi tiến hành bài tập): Chọn 10 tình nguyện viên từ những người tham gia và chia thành từng cặp. Đưa cho mỗi cặp một nghiên cứu điển hình bất kỳ từ Tài liệu phát tay 14. Yêu cầu họ xem qua các nghiên cứu điển hình và cố gắng trình bày ngắn gọn bằng một hoặc hai trang trình bày hoặc dán tranh ảnh trên tờ giấy biểu đồ liên quan đến vụ việc. Họ cũng có thể tự do tra cứu thêm bất kỳ thông tin nào mà họ có thể nhận thấy là có liên quan đến những trường hợp này. Việc này phải được thực hiện trước một ngày để các tình nguyện viên có đủ thời gian giải quyết các trường hợp. Yêu cầu họ sẵn sàng với bài thuyết trình trước khi bắt đầu buổi học vào ngày hôm sau, vì họ có thể được gọi bất cứ lúc nào để thuyết trình.

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



BÀI TẬP NÀY TỐT NHẤT NÊN ĐƯỢC TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI VỚI PHẦN TRÌNH BÀY VỀ "CÁC MÔ HÌNH THÍCH ỨNG". XEM CÁC ĐIỂM ĐÁNH DẤU TRONG NỘI DUNG KỸ THUẬT CHÍNH ĐỂ BIẾT THỜI GIAN NGHỈ CHO VIỆC CHIA SẺ TRƯỜNG HỢP.

Quy trình:

Bước 1: Cho học viên tưởng tượng về một cuộc thảo luận giả về các mô hình chuyển thể khác nhau đang được thực hiện ở Nam và Đông Nam Á. Nói với họ rằng các dự án đã và đang được tiến hành và cuộc thảo luận nhằm đánh giá mức độ đáp ứng về giới của các dự án và cung cấp các yếu tố đầu vào cho việc tăng cường lồng ghép giới.

Bước 2: Đặt tài liệu của phát tay 17 trên tường, nơi mọi người có thể nhìn thấy. Đi qua nó để mọi người đều ở trên cùng một nội dung và hiểu các cấp độ của vấn đề.

Bước 3: Nói với họ rằng sau mỗi bài thuyết trình, họ sẽ phải xếp hạng dự án trên Thang Đánh giá trách nhiệm Giới. Họ phải cung cấp mức độ đáp ứng giới cũng như nhận xét / lý do của họ cho việc đánh giá. Điều này phải được thực hiện trên một tờ giấy riêng cho tất cả các dự án.

Bước 4: Bắt đầu các bài thuyết trình theo lần lượt. Dành năm phút cho các cặp tình nguyện viên để trình bày và hai phút nữa để những người tham gia hoàn thành việc xếp hạng của họ. Thu thập các phiếu đánh giá từ những người tham gia. Hãy lướt qua phiếu đánh giá một cách nhanh chóng và yêu cầu một hoặc hai người đã đưa ra câu trả lời chính xác / phù hợp nhất để chia sẻ những hiểu biết của họ. Yêu cầu nhóm chia sẻ ý tưởng về cách các dự án có thể được đưa lên ở một cấp, đặc biệt là làm cho các dự án đó có tính đáp ứng giới hoặc chuyển đổi mối quan hệ giới. Khuyến khích những người khác nhau phát biểu cho các dự án khác nhau.

Kết luận: Khi mỗi dự án được thảo luận, những người tham gia sẽ hiểu được các mô hình thích ứng khác nhau và việc sử dụng thang điểm Thang Đánh giá trách nhiệm Giới. Nói với họ rằng quy trình tương tự có thể được tuân theo khi mọi người tham dự các cuộc họp và hội nghị khác nhau, nơi các dự án thích ứng được trình bày. Các tổ chức phụ nữ nên ghi nhớ đánh giá này và nhấn mạnh những khoảng trống về giới trong các dự án đó. Kết thúc bằng cách nói rằng quy trình mối quan tâm tương tự cũng có thể được tuân theo nếu bất kỳ ai tham gia các cuộc họp tài chính của quỹ khí hậu với tư cách là quan sát viên. (Nếu những người tham gia không biết về nó, hãy nói với họ rằng điều tương tự sẽ được thảo luận sau trong mô-đun về tài chính cho khí hậu.)

BÀI TẬP 20: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu của bài tập này là cung cấp cho những người tham gia hiểu biết sâu hơn về yếu tố hình thành mô hình khả năng chống chịu dựa vào cộng đồng và các sắc thái của việc phát triển và thực hiện một dự án như vậy.

Cơ sở vật chất yêu cầu: Bảng trắng và bút dạ

Quy trình:

Bước 1: Cung cấp trước cho mỗi người tham gia tài liệu tình huống (Tài liệu 18) và yêu cầu họ đọc trước khi thảo luận.

Bước 2: Chia những người tham gia thành các nhóm từ 5-6 người. Đối với cách tiếp cận dựa trên thảo luận, các câu hỏi đã được xác định như một phần của tài liệu tình huống. Nói với nhóm rằng họ phải giả định rằng họ nằm trong hội đồng quản trị của Quỹ ủy thác này, rằng họ phải đưa ra các quyết định liên quan đến chiến lược và phê duyệt tài trợ cho mỗi hoạt động này. Bảo họ nhớ rằng tài nguyên không phải là hữu hạn; do đó, các quyết định sẽ cần phải được đưa ra cho phù hợp.

Bước 3: Dành khoảng một giờ để những người tham gia phản hồi với tư cách là một nhóm. Yêu cầu họ thảo luận và tìm câu trả lời phù hợp cho tất cả các câu hỏi trong tài liệu phát. Nói với họ rằng nhóm không cần đi đến thống nhất nhưng phải có một lý luận hợp lý cho những gì họ quyết định.

Bước 4: Trong quá trình thảo luận, trước khi các nhóm ngồi lại với nhau, hãy chia bảng để tập hợp các điểm chính sau đây:

- > Tại sao các CSO nên thúc đẩy các mô hình phục hồi do phụ nữ lãnh đạo?
- > Các tính năng chính / Các điểm độc đáo có thể nhận thấy (USP) của một mô hình như vậy là gì?
- > Những chiến lược liên quan nào phải được triển khai trong tổ chức và ở cấp độ dự án?
- > Làm thế nào để kết hợp lặp lại trong dự án, bài học từ những công việc nào hiệu quả và công việc nào thì không?
- > Làm thế nào để áp dụng các nguyên tắc, công cụ và bước chính về TUDVCĐ trong mô hình phục hồi do phụ nữ lãnh đạo?

Bước 5: Sau khi những người tham gia tập hợp lại với nhau thành một nhóm lớn, hãy hỏi họ những quyết định họ đã đưa ra và lý do tại sao.

Bước 6: Khi có nhiều góc nhìn khác nhau xuất hiện, hãy ghi chú vào phần có liên quan của bảng trắng. Xác định những người tham gia có quan điểm đối lập và đặt các câu hỏi được thiết kế để kích thích sự tranh luận giữa những người tham gia cho đến khi nhóm khám phá ra hầu hết hoặc tất cả các nội dung học tập đã xác định trước.

Bước 7: Phân tích tiềm năng được trình bày trong Bảng 4-5.

Kết luận: Kết thúc phần này bằng việc lấy phản hồi nhanh từ tất cả học viên về những gì học viên đã học được từ nghiên cứu điển hình có thể được áp dụng vào công việc của họ.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN



Bài tập thực hành sau phần này hướng đến trình độ nâng cao của người học, đặc biệt là những người ở vai trò lãnh đạo và quản lý cấp cao. Đối với chương trình tập huấn định hướng cơ bản, bạn có thể thay thế buổi học hoặc để tiết kiệm thời gian bằng việc

xem bộ phim về "Hành động ứng phó với khí hậu do phụ nữ lãnh đạo ở Nam Á" có tại <https://www.mahilahousingtrust.org/our-work/climate-resilience/>.

Sau đó, bạn có thể chuyển thẳng sang phần thảo luận về mô hình, các chiến lược và công cụ chính được áp dụng.

Ngoài ra, nếu giảng viên chưa có kinh nghiệm sử dụng hoặc tham gia phương pháp nghiên cứu trường hợp theo Harvard, trước tiên bạn nên xem các video sau để hiểu được tư duy và nguyên tắc cơ bản đằng sau phương pháp này. Bạn cần xem: Phương pháp Nghiên cứu điển hình một Phương pháp Tiếp cận Học tập Độc đáo có tại <https://www.exed.hbs.edu/video?videoid=3200>; và / hoặc Cách chuẩn bị cho Phương pháp Nghiên cứu Điển hình có tại <https://www.youtube.com/watch?v=wP3id-DxuDU> hoặc Dạy theo trường hợp: Bài học từ Giáo sư về kinh doanh tại Harvard có tại <https://www.youtube.com/watch?v=-jxDJewaesg>. Bạn cũng có thể làm cho phương pháp tiếp cận lặp đi lặp lại nhiều hơn bằng cách khuyến khích người tham gia áp dụng kinh nghiệm thực tế của họ vào các trường hợp để mang lại trải nghiệm học tập mang tính trải nghiệm hơn.

BẢNG 4-5: PHÂN TÍCH TIỀM NĂNG

TẠI SAO DỰ ÁN VỀ PHỤC HỒI SAU THIÊN TAI NÊN ĐƯỢC LÃNH ĐẠO BỞI PHỤ NỮ?	CÁC TÍNH NĂNG CHÍNH CỦA MÔ HÌNH	CÁC CHIẾN LƯỢC ĐÃ TRIỂN KHAI
<ul style="list-style-type: none"> > Phụ nữ dễ bị tổn thương hơn và đã cảm nhận được những tác động do thiên tai gây ra. > Phụ nữ nghèo không có nguồn thông tin, không được tham gia tập huấn cũng như không có nguồn tài chính để đối phó với biến đổi khí hậu > Các sáng kiến phát triển hiện tại của thành phố phải phù hợp với khí hậu. > Nền tảng vốn xã hội sẵn có sẽ cho phép phụ nữ trở thành tác nhân mạnh mẽ của sự thay đổi. 	<ul style="list-style-type: none"> > Có sự tham gia ở mọi cấp độ > Mô hình được lồng ghép giải quyết nhiều yếu tố để bị tổn thương khác nhau > Phụ nữ lãnh đạo cũng cần được thúc đẩy họ như những tác nhân thay đổi. > Kết hợp phát triển với thích ứng > Mô hình lặp lại - cách tiếp cận vừa học vừa làm 	<ul style="list-style-type: none"> > Vốn Xã hội và Phát triển năng lực Lãnh đạo > Đồng sáng tạo các sản phẩm tri thức và các giải pháp thích ứng > Truyền thông để thay đổi hành vi > Phương pháp tiếp cận đa bên liên quan liên ngành
VIỆC GÌ ĐƯỢC TIẾN HÀNH VÀ TẠI SAO?	NHỮNG THÁCH THỨC CHÍNH LÀ GÌ?	CÁC CÔNG CỤ / QUY TRÌNH CHÍNH ĐƯỢC SỬ DỤNG
<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng lòng tin hiện có trong cộng đồng và chính quyền địa phương đã giúp chuyển dịch dự án nhanh chóng. > Nhận thức của phụ nữ tăng lên do có nhiều chiến lược truyền thông. > Chiến lược thực hiện được tập trung trong các khu ổ chuột với các quy trình rõ ràng để hướng đến sự tiến bộ > Sự tham gia ngay từ đầu của các chuyên gia kỹ thuật và cộng đồng, bao gồm cả việc thành lập dự án 	<ul style="list-style-type: none"> > Những cản trở văn hóa đối với sự tham gia của phụ nữ > Cần cân đối giữa nhu cầu trước mắt và ưu tiên lâu dài > Cân bằng giữa nâng cao năng lực và hành động thực tế > Thu hút cộng đồng đầu tư vào các giải pháp 	<ul style="list-style-type: none"> > Các tổ chức dựa vào cộng đồng và các nhóm hành động vì cộng đồng > Liên đoàn cấp thành phố > Các hội thảo tạo điều kiện để học tập và chia sẻ chéo giữa các chuyên gia và cộng đồng > Các trò chơi và các công cụ giao tiếp sáng tạo. > Tập trung xây dựng năng lực về phát triển thể chế, cung cấp và tiếp cận dịch vụ và biến đổi khí hậu > Bộ công cụ lập kế hoạch về khả năng phục hồi và đánh giá tính dễ bị tổn thương dựa vào cộng đồng.

BÀI TẬP 21: PHÁT TRIỂN BẢN ĐỒ THÔNG TIN VỀ GIỚI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Mục tiêu chính của bài tập này là cho phép những người tham gia kết nối các điểm giữa nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu trong bất kỳ lĩnh vực cụ thể nào với vai trò giới và tính dễ bị tổn thương hiện có

Yêu cầu: các giấy nhớ có màu khác nhau, Giấy vẽ sơ đồ và bút; Bản sao của tài liệu phát tay 19

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành hai đến ba nhóm và phát cho mỗi nhóm một tờ giấy biểu đồ được đánh dấu như hình bên dưới.

Bước 2: Giải thích các khái niệm về phân tích SWOT. Điểm mạnh là thuộc tính tích cực; hoặc trong trường hợp bài tập của nhóm, sinh kế, tài sản và năng lực hiện có mà phụ nữ có. Điểm yếu là các thông số âm; hoặc trong trường hợp ở bài tập của nhóm, những thành kiến và phân biệt đối xử về giới hiện có. Cơ hội là những yếu tố mà bạn có thể hỗ trợ cho sự phát triển; trong trường hợp của nhóm, các cải tiến mới và các hành động thích ứng. Các mối đe dọa giống như nguy cơ về khí hậu và các lựa chọn thích ứng từ bên ngoài ảnh hưởng đến phụ nữ mà họ không thể kiểm soát được. Điểm mạnh và điểm yếu là nội tại - những thứ mà bạn có thể kiểm soát và có thể thay đổi. Cơ hội và thách

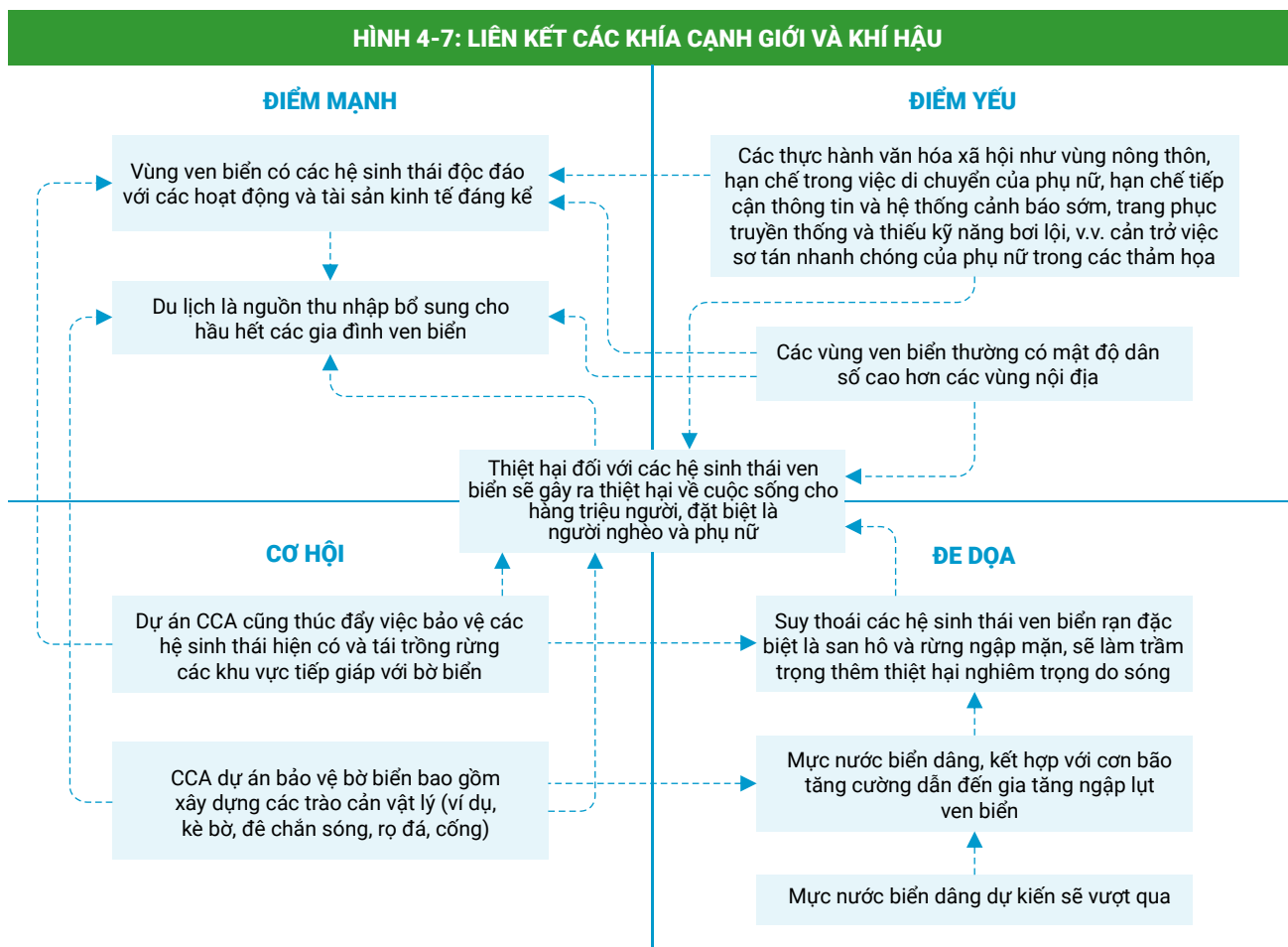
thức là bên ngoài - bạn có thể tận dụng các cơ hội và bảo vệ khỏi các mối đe dọa, nhưng bạn không thể thay đổi chúng.

Bước 3: Đưa cho họ một bản bài tập phát tay 19 và hai bộ post chits, yêu cầu họ viết những điểm chung trên một màu và các khía cạnh liên quan đến giới trên một màu khác. Yêu cầu họ đặt gà con vào các ô có liên quan trên biểu đồ ở trên. Nói với họ rằng nếu họ bối rối, họ có thể kiểm tra với bạn hoặc đặt nó vào khu vực kết nối hai hộp. Họ cũng có thể tự do thêm bất kỳ điểm nào mà họ thấy có liên quan.

Bước 4: Cho họ 15 phút để hoàn thành bài tập. Yêu cầu họ kết nối các điểm / điểm mà họ nghĩ sẽ tác động tích cực hoặc tiêu cực đến nhau như trong Hình 4-7. Hãy cho họ 15 phút cho việc này. Hãy nhớ rằng, mục đích của bài tập này không phải để tạo ra một sơ đồ tốt mà để những người tham gia hiểu được mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu, giới và các khía cạnh của các lĩnh vực liên quan.

Bước 5: Đưa những người tham gia về nhóm lớn và yêu cầu họ trình bày biểu đồ của họ. Yêu cầu mỗi nhóm ghi lại những điểm chính nổi bật của tất cả các nhóm.

Kết quả học tập: Tổng kết phần bằng cách nhắc lại các điểm chính.



BÀI TẬP 22: XẾP HẠNG MA TRẬN CÁC GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho những người tham gia kinh nghiệm trực tiếp thực hiện một bài tập xếp hạng ma trận có sự tham gia nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ được ưu tiên các giải pháp công bằng giới.

Các cơ sở vật chất cần thiết: Giấy và bút vẽ biểu đồ; Bản sao của tài liệu phát tay 20

Quy trình:

Bước 1: Cung cấp cho những người tham gia Tài liệu phát tay 20 (5-6 ví dụ phù hợp nhất) và yêu cầu họ xác định hai giải pháp theo lĩnh vực chỉ liên quan nhất về giới

Bước 2: Chuẩn bị một biểu đồ ma trận liệt kê các loại công việc chính trong trục "Y".

Bước 3: Yêu cầu nhóm chọn loại công việc mà họ cảm thấy sẽ phù hợp nhất và tại sao. Liệt kê danh sách các tiêu chí trên cột trên cùng của trục "X". Loại tiêu chí có thể bao gồm: i) số người bị ảnh hưởng bởi vấn đề, mức độ khó khăn; ii) Mức độ khó khăn đối với các nhóm dễ bị tổn thương như người già hoặc trẻ em; iii) Tác động của vấn đề; và những người khác. Bạn có thể phải chuyển đổi các

lý do thành tiêu chí như một phần của sự hỗ trợ của bạn. Ví dụ: nếu mọi người nói "hai thời điểm trong ngày", bạn có thể đánh dấu nó là "tần suất"; hoặc nếu họ nói "hàng ngày" ngược lại với "đôi khi", bạn có thể muốn đánh dấu là "thường xuyên" hoặc không thường xuyên. Ví dụ về biểu đồ xác định các giải pháp năng lượng ưu tiên cho sinh kế sẽ như thế này.

Bước 4: Yêu cầu nhóm xếp hạng từng lựa chọn theo các yếu tố quyết định trên thang điểm 1-5 hoặc 1-10

Bước 5: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định phương án ưu tiên cùng với nhóm bằng cách phân tích điểm thu được của các giải pháp khác nhau.

Kết quả học tập: Kết luận bằng cách nói với những người tham gia rằng bài tập tương tự cũng có thể được thực hiện để lựa chọn các thành phần trong dự án, ví dụ các loài cây để trồng rừng (Xem Hình 4-8). Tốt nhất là làm bài thực hành này với sự tách riêng với nam giới và phụ nữ, và sau đó tạo điều kiện cho một cuộc thảo luận chung; nhưng ngay cả trong một nhóm chung, điều này có thể được thực hiện bằng cách đảm bảo rằng tất cả các tiêu chí về sự quan tâm của phụ nữ đều được đưa vào danh sách và được cân nhắc

HÌNH 4-6: MẪU VỀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ PHỤC HỒI SAU THIÊN TAI CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

TIÊU CHÍ CHO SỰ QUAN TÂM	LOẠI GIẢI PHÁP PHỤC HỒI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			
	Cải thiện sấy lúa dựa vào cộng đồng bằng các công nghệ năng lượng mặt trời	Cải thiện tưới tiêu hộ gia đình với công nghệ năng lượng mặt trời	Cải thiện bảo quản rau dựa vào cộng đồng với công nghệ làm mát bằng năng lượng mặt trời	Cải thiện sản xuất gà và vịt dựa vào cộng đồng bằng việc sử dụng máy ấp trứng năng lượng mặt trời
Phần trăm số người tham gia				
Số tháng có việc làm / thu nhập				
Sự ổn định của thu nhập				
Tổn thất do thiên tai				
Tiềm năng tăng ổn định thu nhập và giảm tổn thất				
Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào hoạt động				
Tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp				
Tỷ lệ phụ nữ có được nhận các tập huấn về kinh doanh				
Số lượng tiềm năng của các nhóm phụ nữ / nữ doanh nhân người có thể điều hành doanh nghiệp				
Các giải pháp này có giúp giảm sự vất vả của phụ nữ và trẻ em gái không?				
Tổng				

HÌNH 4-8: VÍ DỤ VỀ CÁC LOÀI CÂY ĐỂ TRỒNG RỪNG

TIÊU CHÍ	Siso	Khair	Dhavdo	Teak	Kalam	Biyo	Timru	Mahudo	Sadad	Billi	Tanachh	Bamboo
1. Củi	1	-	3	2	4	5	-	-	-	-	-	-
2. Beedl	-	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	-
3. Xây dựng nhà ở	2	-	4	7	-	5	-	-	-	-	1	6
4. Nông nghiệp	3	4	-	-	-	-	-	-	5	-	1	-
5. Than củi	4	-	1	2	3	-	6	-	-	5	-	-
6. Rau	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
7. Sử dụng làm thuốc	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-
8. Dùng làm màu	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Hoa quả/ thức ăn	-	-	-	-	-	-	2	3	-	1	-	-
10. Dầu	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-
11. Xà phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12. Đồ nội thất	3	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
13. Câu cá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
14. Đồ dán, dính	-	3	-	-	-	3	-	-	1	-	-	-
15. Bóng mát	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2
16. Rượu quê	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-
17. Tăm	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18. Hiện có nhiều cây	-	-	3	1	-	-	-	-	-	4	-	2
19. % cần trồng cây	5	20	5	10	3	2	3	5	5	2	5	20

KIỂM TRA KIẾN THỨC CỦA BẠN

HOÀN THÀNH TUYÊN BỐ DƯỚI ĐÂY BẰNG CÁCH ĐÁNH DẤU LỰA CHỌN CỦA BẠN

Kế hoạch hành động thích ứng của địa phương	Là quy trình lập kế hoạch từ dưới lên	kết hợp phương pháp tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên
Cơ sở hạ tầng có khả năng phục hồi ở các thành phố sẽ phải là	phương án thay thế ít chi phí nhất	Phương án thiết thực để đối phó với căng thẳng cao mà không nhiều tác động
Thích ứng với hệ sinh thái bao gồm các dự án như	Xây dựng tường chắn lũ và đập	Quản lý chăn nuôi bền vững, bể ngoài xanh, Vườn cộng đồng
Các công cụ truyền thông điển hình cho dự án TUDVCD sẽ bao gồm	Ấn phẩm Khoa học và rà soát các ấn phẩm tương tự, Hội nghị và Hội thảo, trong số những hoạt động khác liên quan	Tin nhắn di động, Truyền thông dân gian sân khấu Trò chơi và Video, trong số những hoạt động khác liên quan
Các dự án cơ sở hạ tầng	Không thể bao gồm các đánh giá về giới một cách trực tiếp	Nên bao gồm nhận thức về giới và khả năng phục hồi sau thiên tai

* Các mục màu đỏ là câu trả lời không chính xác..

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

- 1) Aguilar, L., Granat, M., & Owren, C. (2015). Nguồn gốc cho tương lai: Bối cảnh và con đường tiến lên về giới và biến đổi khí hậu. IUCN & GGCA. tham khảo từ <https://wedo.org/wp-content/uploads/2015/12/Roots-for-the-future-final-1.pdf>
- 2) Coulier, M. (2015). Lập kế hoạch cho khả năng chống chịu: Sổ tay hướng dẫn của học viên để hỗ trợ cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu. Care International tại Việt Nam. tham khảo từ <https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2016/03/Planning-for-Resilience-EN.pdf>
- 3) Mian, L. H., & Namasivayam, M. (2017). Tình dục, Quyền, Giới trong Thời đại Biến đổi Khí hậu. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN LỰC CHÂU Á-PACIFIC DÀNH CHO PHỤ NỮ (ARROW). tham khảo từ <https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2017/10/2RB-WHCC.pdf>
- 4) Vincent, K., Wanjiru, L., Aubry, A., & Mershon, A. (2010). Giới, Biến đổi khí hậu và Thích ứng dựa vào Cộng đồng: SÁCH HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN QUẢNG CÁO CỘNG ĐỒNG GIỚI TÍNH. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. tham khảo từ [https://www.undp.org/content/dam/aplaws/publication/en/publications/environment-energy/www-ee-library/climate-change/gender-climate-change-and-community-based-adaptation-guidebook-/Gender%20Climate%20Change%20and%20Community%20Based%20Adaptation%20\(2\).pdf](https://www.undp.org/content/dam/aplaws/publication/en/publications/environment-energy/www-ee-library/climate-change/gender-climate-change-and-community-based-adaptation-guidebook-/Gender%20Climate%20Change%20and%20Community%20Based%20Adaptation%20(2).pdf)
- 5) WECF. (2019) Giải pháp Khí hậu Chỉ giới. Phụ nữ tham gia vì một tương lai chung (WECF). tham khảo từ <https://womengenderclimate.org/wp-content/uploads/2020/02/GJCS-2019-eng.pdf>

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



A large grid of small dots for writing notes, spanning the width of the page below the header and above the footer.

GIỚI TRONG CÁC
CÁCH TIẾP CẬN
THÍCH ỨNG VÀ
HÀNH ĐỘNG THEO
NGÀNH

TÀI LIỆU PHÁT TAY

MÔ ĐUN

4

TIẾN TRÌNH VÀ CÔNG CỤ CHO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THÍCH ỨNG ĐỊA PHƯƠNG¹⁵

CÁC BƯỚC	CÔNG CỤ CHÍNH	CÔNG CỤ BỔ SUNG
BƯỚC 1: Nhu cầu phát triển và Sự phù hợp hóa với Biến đổi khí hậu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đối thoại Chia sẻ và Học tập (cấp huyện) 2. Phân tích Dịch vụ Cổng vào (cấp huyện) 3. Hình ảnh và câu chuyện 4. Phân tích xu hướng Rủi ro khí hậu 5. Lịch theo mùa 	<ul style="list-style-type: none"> > Đánh giá năng lực thích ứng với khí hậu và xác định cơ hội > Phân tích nguyên nhân và kết quả (cây vấn đề) > Hình dung các kịch bản khí hậu > Phân tích rủi ro và tác động > Phân tích rủi ro và sự ứng phó > Lập bản đồ: rủi ro, tính dễ bị tổn thương (xã hội, kinh tế, vật chất), nguồn lực (xã hội, tự nhiên, những thứ khác) > Lịch sử theo thời gian của các thay đổi > Các công cụ nâng cao nhận thức cho trường học: cuộc thi viết luận, cuộc thi đố vui, cuộc thi tuyển hướng đạo sinh, câu lạc bộ sinh thái, các công cụ khác
BƯỚC 2: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Năng lực ứng phó	<ol style="list-style-type: none"> 6. Phân tích Dịch vụ Cổng vào 7. Lập bản đồ các mối nguy, rủi ro, tính dễ bị tổn thương, nguồn lực 8. Ma trận tình trạng dễ bị tổn thương có phân tách 9. Phân tích rủi ro và tác động 10. Hình dung các kịch bản khí hậu 11. Đánh giá khả năng thích ứng với khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> > Phân tích nhân quả > Lập bản đồ GIS > Phân tích rủi ro và sự ứng phó > Lịch theo mùa > Phân tích tác động sinh kế > Phân tích xu hướng rủi ro khí hậu > Lập bản đồ nhà cung cấp dịch vụ / phân tích thể chế
BƯỚC 3: Ưu tiên các hành động thích ứng	<ol style="list-style-type: none"> 12. Xếp hạng Đa tiêu chí 13. Phân tích Chi phí-Lợi ích có sự tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> > Ma trận tác động của việc triển khai > Xếp hạng theo đôi > Công cụ tình huống để xác định năng lực
BƯỚC 4: Xây dựng kế hoạch thích ứng	<ol style="list-style-type: none"> 14. Phân tích nhà cung cấp dịch vụ 4 WH là (cái gì, ở đâu, khi nào, ai, ngân sách, những thứ khác) 	<ul style="list-style-type: none"> > Khung logic > Lập ngân sách nhạy cảm với sự bao trùm (ví dụ: ngân sách nhạy cảm về giới và người bản địa)
BƯỚC 5: Lồng ghép kế hoạch thích ứng	<ul style="list-style-type: none"> > Đối thoại để chia sẻ và học tập > Phân tích chính sách và thể chế để xác định các điểm đầu vào và / hoặc chấp thuận các điểm đầu vào trong khuôn khổ này 	<ul style="list-style-type: none"> > Chia sẻ các phương pháp hay và bài học kinh nghiệm với những người ra quyết định về kế hoạch
BƯỚC 6: Kế hoạch thực hiện	Không áp dụng	Không áp dụng
BƯỚC 7: Đánh giá tiến độ (Giám sát và Đánh giá) và cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch tương lai	<ul style="list-style-type: none"> > Hình dung năng lực thích ứng cao > Phân tích nhà cung cấp dịch vụ > Phân tích nhật ký Thay đổi Hành vi > Ma trận tình trạng dễ bị tổn thương có sự phân tách > Lập bản đồ rủi ro, tính dễ bị tổn thương và nhà cung cấp dịch vụ > Đánh giá sức khỏe thích ứng với khí hậu > Tự giám sát và đánh giá > Phân tích thay đổi quan trọng nhất 	<ul style="list-style-type: none"> > Lập bản đồ các mối nguy hiểm, rủi ro và tính dễ bị tổn thương > Hình dung các kịch bản khí hậu > Khung logic > Phân tích xu hướng các mối nguy hiểm > Lịch theo mùa > Phân tích khả năng ứng phó với các thảm họa > Phân tích hệ thống cổng vào > Phân tích chính sách và thể chế

Nguồn: Khung Quốc gia về Kế hoạch Hành động Thích ứng Địa phương, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Singha Durbar, Chính phủ Nepal, 2011

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH CHO CUỘC THẢO LUẬN MOCK PANEL

TRƯỜNG HỢP 1: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THÍCH ỨNG ĐỊA PHƯƠNG CỦA KHUMBU, QUẬN SOLU KHUMBU, NEPAL

Viện Vùng núi (TMI), là thành viên của Đối tác Thích ứng Vùng núi Cao (HIMAP), đóng vai trò chính trong việc thiết kế, hợp tác và bắt đầu Kế hoạch Hành động Thích ứng Địa phương cho Thung lũng Khumbu. Ba nhân viên hỗ trợ (một nữ và hai nam) đã được tuyển dụng đặc biệt cho mục đích này. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc tạo thuận lợi cho quá trình hình thành KHHĐTƯĐP được xây dựng dựa trên nhiều thập kỷ làm việc của TMI trong khu vực.

Các bước chính được họ thực hiện bao gồm:

- Mở rộng mối liên kết với các cộng đồng địa phương và các tổ chức xã hội dân sự, cũng như với các cơ quan và tổ chức chính phủ địa phương và quốc gia (ví dụ: Phòng Công viên Quốc gia và Bảo tồn Động vật Hoang dã, Ủy ban Quản lý Vùng đệm, Ủy ban Kiểm soát Ô nhiễm Sagarmatha và các tổ chức khác) như một phương tiện tạo điều kiện, hỗ trợ, cho phép cho việc hình thành KHHĐTƯĐP cho Khumbu.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham vấn cộng đồng - theo dõi các cuộc họp với các bên liên quan ở Kathmandu và KHHĐTƯĐP đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và biến đổi khí hậu tại các cộng đồng trong thung lũng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc tham vấn cộng đồng lần cuối, ưu tiên thích ứng, xác định nguồn tài trợ và các hội thảo lồng ghép can thiệp.
- Ngoài các hướng dẫn KHHĐTƯĐP của Chính phủ Nepal, dự án còn kết hợp ba hợp phần được thiết kế để nâng cao tính hữu ích và tính bền vững của các tài liệu lập kế hoạch KHHĐTƯĐP được tạo ra. Chúng bao gồm: i) Hỗ trợ các bên liên quan trong việc xác định các nguồn tài trợ tiềm năng cho từng can thiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ưu tiên đã được xác định (ví dụ: Vùng đệm, Cộng đồng, GON, các nhà tài trợ quốc tế); ii) Lồng ghép có chủ đích các can thiệp thích ứng với biến đổi khí hậu có mức độ ưu tiên cao với các ưu tiên phát triển cấp huyện và địa phương (ví dụ, bổ sung hệ thống thu gom nước và thiết kế thông minh về khí hậu vào việc xây dựng các tòa nhà cộng đồng mới); và iii) Tích cực tận dụng đồng tài trợ để thực hiện các can thiệp giảm thiểu rủi ro và biến đổi khí hậu ưu tiên (ví dụ, các khoản tài trợ năng lượng thay thế của Hiệp hội Địa lý Quốc gia, các hợp đồng phụ của UNDP / Nepal).

Nguồn: (Viện miền núi n.d).

TRƯỜNG HỢP 2: CÙNG HƯỚNG TỚI MỘT SEMARANG CÓ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI (INDONESIA) - XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA THÀNH PHỐ

Là một thành phố, Semarang vẫn phải đối mặt với nhiều vấn đề khác nhau. Lũ lụt do triều cường và lũ quét, vệ sinh và quản lý chất thải, tắc nghẽn giao thông và thất nghiệp, trong số những vấn đề khác, đó là những vấn đề mà thành phố hiện đang giải quyết. Khoảng 5% dân số thành phố sống trong tình trạng nghèo đói được coi là những người dễ bị tổn thương nhất bởi những vấn đề này. Chính quyền Thành phố Semarang, cùng với tất cả các thành phần của thành phố, đã cố gắng vượt qua những thách thức này thông qua việc cải thiện cơ sở hạ tầng vật chất và phi vật chất. Mặc dù thành phố đã đạt được và hoàn thành rất nhiều các cơ sở hạ tầng, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm để hoàn thành Văn kiện Chiến lược Khả năng phục hồi của Thành phố Semarang như một phần của sáng kiến 100 Thành phố Khả năng phục hồi. Chiến lược được xây dựng thông qua một quá trình toàn diện liên quan đến nhiều yếu tố của thành phố. (Hình 21)

HÌNH 4-9: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC PHỤC HỒI Ở SEMARANG (INDONESIA)

Sơ đồ dưới đây giải thích các giai đoạn và cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển chiến lược chống chịu của thành phố ở Semarang

2013	2014
THÁNG 12	THÁNG 12
<p>Semarang được chọn</p> <p>trở thành một trong những thành phố đầu tiên trong 100 thành phố có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu</p>	<p>Công việc chuẩn bị</p> <p>Chương trình nghị sự nhằm chuẩn bị cho Semarang thực hiện các giai đoạn của 100RC</p>



2015				
THÁNG 4	THÁNG 7	THÁNG 8	THÁNG 9	THÁNG 10

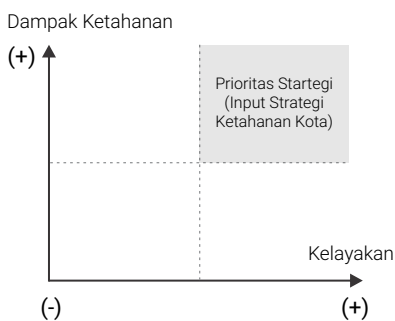
THÁNG 4	THÁNG 7	THÁNG 8	THÁNG 9	THÁNG 10
<p>Bổ nhiệm các nhân viên chủ chốt về khả năng phục hồi (CRO) và phát động chiến lược.</p> <p>Để trở thành một trong những thành phố đầu tiên trong 100 thành phố có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu</p>	<p>Phát triển bối cảnh thành phố</p> <p>Được thể hiện bằng cách tổ chức hội thảo đầu tiên, trong đó mời các bên liên quan khác nhau. Hội thảo đã thu thập thông tin về điều kiện thực tế của Semarang để xác định mức độ ưu tiên và căng thẳng cũng như quan điểm của các bên liên quan về khái niệm khả năng chống chịu của Semarang, thu thập dữ liệu của chương trình và cơ sở hạ tầng của thành phố.</p>	<p>Ban chỉ đạo về khả năng phục hồi với biến đổi khí hậu được thành lập</p> <p>Ban này nhằm cung cấp các hướng dẫn và đầu vào cho việc thực hiện 100RC. Người đứng đầu thành phố là cố vấn của ủy ban và các thành viên ủy ban bao gồm các thành phần khác nhau trong cộng đồng</p>	<p>Đánh giá khả năng phục hồi sơ bộ (PRA)</p> <p>Khởi động Đánh giá khả năng phục hồi sơ bộ bao gồm ba chủ đề (an ninh, di chuyển và năng lực) và năm lĩnh vực được nhận diện (nhu cầu cơ bản, việc làm, thiên tai và dịch bệnh, khả năng di chuyển và năng lực)</p>	<p>Xác định các lĩnh vực được nhận diện</p> <p>Năm nhóm công tác về khả năng chống chịu của thành phố đã được thành lập để bảo vệ quá trình xây dựng chiến lược. Các thành viên của nhóm làm việc bao gồm chính quyền thành phố, chính quyền tỉnh, các học giả và thành viên của cộng đồng để có được một góc nhìn rộng. Công việc đã đưa ra 56 đề xuất chiến lược về khả năng chống chịu của thành phố và 174 sáng kiến về khả năng chống chịu của thành phố</p>

[Lập kế hoạch tham gia của các bên liên quan đã được thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược chống chịu của thành phố.]

2016	
THÁNG 2	THÁNG 5

Việc xác định các cơ hội và ưu tiên của chiến lược và sáng kiến về khả năng chống chịu của thành phố

Nhóm làm việc tập trung chéo bao gồm các đại diện từ năm nhóm làm việc khác trong lĩnh vực được nhận diện. Nhóm đã tiến hành nghiên cứu về tính liên kết của các chủ đề và chiến lược mà có thể được lồng ghép. Chiến lược ưu tiên là kết quả của giai đoạn này, đạt được thông qua nhiều phương pháp khác nhau. Có 18 chiến lược chống chịu của thành phố và 53 sáng kiến về khả năng chống chịu của thành phố thuộc 6 trụ cột của chiến lược



Khởi động chiến lược chống chịu của thành phố

Một chiến lược toàn diện về khả năng chống chịu của thành phố chính thức được đưa ra



Nguồn: Chính quyền thành phố Semarang (2016)

HÌNH 4-9: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC PHỤC HỒI Ở SEMARANG (INDONESIA)

Có 6 chiến lược trụ cột, 18 chiến lược và 53 sáng kiến được liệt kê trong Tài liệu Chiến lược Khả năng Phục hồi của Thành phố Semarang như được chia sẻ trong Bảng 4-7 dưới đây.

Trụ cột	Bền vững Nước và Năng lượng	Các cơ hội kinh tế mới	Chuẩn bị sẵn sàng cho các thảm họa do thiên tai và bùng phát dịch bệnh sau thiên tai	Tính di động được lồng ghép	Công khai minh bạch Thông tin và Quản trị	Nguồn nhân lực Cảnh tranh
CÁC CHIẾN LƯỢC	<ol style="list-style-type: none"> Tăng cường hiệu quả quản lý nước cơ bản Thúc đẩy các đổi mới trong cung cấp nước Thúc đẩy các hành vi thân thiện với môi trường 	<ol style="list-style-type: none"> Thúc đẩy khởi nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh của thương mại và dịch vụ Phát triển môi trường thân thiện và doanh nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội Tăng cường đa bên (học thuật, doanh nghiệp, cộng đồng, chính phủ) quan hệ đối tác để tạo cơ hội việc làm. 	<ol style="list-style-type: none"> Phát triển công nghệ quản lý thiên tai và dịch bệnh Nâng cao năng lực của các bên liên quan trong quản lý thiên tai và dịch bệnh Cải thiện điều phối trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai 	<ol style="list-style-type: none"> Khuyến khích thay đổi hành vi từ sử dụng phương tiện cá nhân sang phương tiện giao thông công cộng Cải thiện điều phối và thể chế quản lý giao thông công cộng Kết hợp quy hoạch giao thông vận tải 	<ol style="list-style-type: none"> Tối ưu hóa Musrenbang (phát triển diễn đàn quy hoạch) trong quá trình lập kế hoạch Cải thiện tích hợp quy hoạch và ngân sách thành phố Tối ưu hóa sự phối hợp của của chính phủ trong kết hợp dữ liệu và thông tin cộng đồng 	<ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị lực lượng lao động cho thị trường công việc hiện tại Thúc đẩy giá trị của việc theo đuổi trình độ giáo dục đại học Cải thiện giáo dục không chính quy
SỐ BAN ĐẦU	8	11	7	13	9	5

TRƯỜNG HỢP 3: KHẢ NĂNG PHỤC HỒI THÔNG QUA TRAO QUYỀN KINH TẾ, THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU, LÃNH ĐẠO VÀ HỌC HỎI (REE-CALL), BANGLADESH

Bangladesh Nari Progati Sangha (BNPS) đã thực hiện dự án “Khả năng phục hồi thông qua Trao quyền kinh tế, Thích ứng với Khí hậu, Lãnh đạo và Học hỏi (REE-CALL)” được hỗ trợ của Oxfam GB kể từ tháng 8 năm 2010. Dự án nhằm mục đích xây dựng năng lực cộng đồng để giảm thiểu rủi ro thiên tai (DRR) và quản lý. Nền tảng chính của dự án là sự phát triển của các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO) với các lãnh đạo là nam giới và phụ nữ ở thôn bản địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định các can thiệp DRR thông qua sử dụng quy trình Phân tích tính dễ bị tổn thương và Năng lực có sự tham gia (PCVA).

Năm 2011, một CBO được thành lập tại làng Kurerpar với 92 thành viên, bao gồm cả phụ nữ. Trong suốt quá trình PCVA với CBO, người ta đã tiết lộ rằng ngôi làng phải đối mặt với nguy cơ kẹp lũ lụt và hạn hán luân phiên hàng năm. Trong khoảng bảy tháng đầu năm, khu vực này bị ngập nước; tháng còn lại của năm, nó là một vùng đất thấp khô hạn. Trong quá trình thực hiện PCVA, các thành viên CBO đã xác định các rủi ro như triều cường, lũ lụt và hệ thống giao thông kém phát triển. Sự mất an toàn và thiệt hại về tài sản và sinh kế do triều cường được nhấn mạnh là những tác động chính của rủi ro thiên tai. Các thành viên CBO đã lên kế hoạch xây dựng một bức tường chỉ dẫn (bức tường bảo vệ gò) trong một khu vực được hạn chế điều này sẽ mang lại lợi ích trực tiếp cho 30 gia đình.

Tuy nhiên, trong khi việc xác định giải pháp dễ dàng, thì việc thực hiện lại không. Ngoài nhu cầu về tài chính, hỗ trợ kỹ thuật cũng là một vấn đề. Do dự án không thể hỗ trợ toàn bộ chi phí, các thành viên CBO đã liên hệ với chính quyền địa phương để được hỗ trợ. Kỹ sư khu vực và cán bộ thực hiện dự án đã được tiếp cận; và sau khi theo dõi và liên lạc thường xuyên, việc xây dựng cuối cùng đã hoàn thành vào tháng 4 năm 2015. Ngoài BDT225,000 do dự án RECALL tài trợ, bản thân cộng đồng cũng đã đóng góp tiền và công lao động với số tiền BDT100,000 để xây dựng 517 feet tường chỉ dẫn. và tường bảo vệ có gờ CC cao 290 feet. Khoản đóng góp của chính phủ cho công trình này là 118.000 BDT được sử dụng để xây dựng bức tường bảo vệ gò 227 CC. Đó là một trải nghiệm hoàn toàn mới đối với dân làng và các thành viên CBO, đồng thời nhấn mạnh điều quan trọng là cộng đồng cũng nên tham gia vào các dự án phát triển cơ sở hạ tầng như thế nào.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH CHO CUỘC THẢO LUẬN MOCK PANEL

TRƯỜNG HỢP 4: THÍCH ỨNG VỚI HỆ SINH THÁI TRÊN NÚI Ở NEPAL - QUẢN LÝ BỀN VỮNG, BẢO TỒN VÀ PHỤC HỒI CÁC HỆ SINH THÁI Ở CẤP ĐẦU NGUỒN

Trọng tâm là ở cấp tiểu lưu vực thông qua các can thiệp khác nhau như bảo tồn nguồn nước, cải tạo đất, đa dạng hóa sinh kế và nâng cao năng lực của các cơ quan chính phủ và cộng đồng địa phương.

Các thực hành, như bảo tồn nguồn nước và xây dựng các ao bảo tồn, đã được bắt đầu để giải quyết các vấn đề khan hiếm nước. Quản lý Rangeland được thực hiện bằng cách xây dựng các bức tường ghép để ngăn chặn các hoạt động chăn thả gia súc quá mức và bảo vệ hệ sinh thái đồng cỏ khỏi bị suy thoái thêm. Một số sáng kiến bảo tồn bờ sông với việc áp dụng các biện pháp xanh xám, tức là các công trình được thiết kế kết hợp với trồng tre, đã được thực hiện để bảo vệ đất nông nghiệp ở các bờ sông nhằm giảm sự lắng đọng của phù sa ở hạ lưu.

Dự án đã phát sóng các chương trình phát thanh có tên 'Panchase ko Serofero' thông qua Radio barahi-99.2, Radio saligram-100.6 và Syangja FM-89.6 của Kaski, Parbat và Syangja, để nâng cao nhận thức cấp địa phương về hệ sinh thái và Thích ứng dựa vào hệ sinh thái.

Dự án do Vụ Lâm nghiệp thuộc Bộ Bảo tồn Rừng và Đất thực hiện và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp thực hiện. Tương tự, có ba cơ quan thực hiện: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN).

TRƯỜNG HỢP 5: THÍCH ỨNG TỔNG HỢP DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (ICAM), VIỆT NAM

Mục tiêu chung của Thích ứng tổng hợp dựa vào cộng đồng ở Đồng bằng sông Cửu Long (ICAM) dự án nhằm tăng cường khả năng chống chịu của các cộng đồng ở Đồng bằng sông Cửu Long trước những tác động không thể tránh khỏi của biến đổi khí hậu. Dự án hướng đến những đối tượng dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt là những người không có đất và ít đất, đặc biệt tập trung vào các nhóm dân tộc thiểu số như Chăm và Khmer, sinh sống tại 5 xã của tỉnh Sóc Trăng và An Giang, với sự phối hợp chặt chẽ của các đối tác.

Dự án có bốn thành phần chính:

A) Xây dựng năng lực địa phương để thực hiện cải thiện phân tích nhạy cảm giới và lập kế hoạch cho TUDVCD:

Phương pháp tiếp cận từng bước để đánh giá tính dễ bị tổn thương và lập kế hoạch TUDVCD được phát triển bằng cách sử dụng sổ tay hướng dẫn sử dụng công cụ đánh giá năng lực và tổn thương do khí hậu (CVCA) của CARE. Xem công cụ trong Hình 4-10. Sau đó, một phân tích kết hợp về rủi ro khí hậu và các phương án thích ứng giữa cộng đồng và chính quyền địa phương đã được tiến hành. Các cộng đồng lập kế hoạch cho một tương lai có khả năng phục hồi bằng cách tính đến các kịch bản khí hậu khác nhau. Kết quả của các kế hoạch hành động là cung cấp các phương pháp tiếp cận sinh kế, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thay đổi hành vi.

B) Hỗ trợ thực hiện các biện pháp Giảm thiểu rủi ro thiên tai (DRR) và sinh kế thích ứng với khí hậu:

Các hoạt động DRR như đào tạo kỹ năng bơi lội, hệ thống cảnh báo lũ lụt, thông tin an toàn cho trẻ em và trồng cây để phòng chống xói mòn đất đang được chính phủ và dự án đồng tài trợ. Ngoài ra, dự án cũng hỗ trợ các hoạt động sinh kế thích ứng với khí hậu như nuôi lươn hữu cơ, trồng nấm hữu cơ trong nhà, sản xuất phân bón sinh học từ chất thải của hành tây, kỹ thuật tưới nhỏ giọt, đệm lót sinh học để quản lý phân lợn, vườn thức ăn nổi và trồng ớt.

C) Vận động và huy động xã hội để giải quyết các nguyên nhân cơ bản của tình trạng dễ bị tổn thương:

Các thành viên thuộc các nhóm dân tộc khác nhau, phụ nữ, người nghèo và người không có đất, những người sống trên thuyền hoặc trong những ngôi nhà không được bảo vệ trên sông được hỗ trợ để truyền đạt kinh nghiệm và mối quan tâm của họ thông qua kể các câu chuyện cộng đồng bằng sử dụng phương tiện kỹ thuật số

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH CHO CUỘC THẢO LUẬN MOCK PANEL

D) Tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự ở Đồng bằng sông Cửu Long:

Tăng cường mạng lưới xã hội dân sự, chia sẻ thông tin, học hỏi và cộng tác về biến đổi khí hậu thông qua việc thành lập và hoạt động của Nhóm công tác về biến đổi khí hậu phía Nam. Nhóm này tập hợp xã hội dân sự Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO), các viện nghiên cứu và các tổ chức tài trợ song phương.

Nguồn: Tổng hợp từ (CARE 2014); (Care Vietna, 2015); (Care Vietnam 2019).

HÌNH 8: CÁC BƯỚC QUY TRÌNH TỪ TÀI LIỆU LẬP KẾ HOẠCH TUDVCD CỦA CARE

QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH TUDVCD CỦA CARE – BIỂU ĐỒ DÒNG CHẢY

BƯỚC 1	<ul style="list-style-type: none"> > Định hướng CCICBA cho chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện 	<ul style="list-style-type: none"> > Phần định hướng về BĐKH, TUDVCD và giới > Xây dựng sự đồng thuận về quá trình lập kế hoạch TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Nâng cao hiểu biết giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp huyện về CC, TUDVCD và giới > Phê duyệt và cam kết của chính quyền địa phương đối với các bước lập kế hoạch TUDVCD
BƯỚC 2	<ul style="list-style-type: none"> > Thành lập nhóm chuyên trách TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Thành lập và phê duyệt nhóm chuyên trách TUDVCD > Lựa chọn giảng viên TUDVCD tiềm năng 	<ul style="list-style-type: none"> > Thành lập nhóm các nhà ra quyết định TUDVCD chính.tính > Một danh sách cân bằng giới về các giảng viên TUDVCD tiềm năng
BƯỚC 3	<ul style="list-style-type: none"> > Tập huấn TUDVCD của giảng viên TOT 	<ul style="list-style-type: none"> > Tập huấn về biến đổi khí hậu và DRR - Quy trình lập kế hoạch TUDVCD+ các công cụ > Kỹ năng đào tạo và tạo điều kiện 	<ul style="list-style-type: none"> > Một nhóm các giảng viên TUDVCD có sự cân bằng giới có trình độ từ cấp tỉnh, huyện (và xã) sẽ dẫn dắt từ bước 4 đến bước 9
BƯỚC 4	<ul style="list-style-type: none"> > Định hướng CC / TUDVCD cho chính quyền xã và thôn 	<ul style="list-style-type: none"> > Đồng thuận về quy trình lập kế hoạch CBA > Lựa chọn điều hành viên TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Cải thiện hiểu biết giữa chính quyền địa phương cấp xã và thôn bản về BĐKH (bao gồm cả giới) và CBA > Phê duyệt và cam kết của chính quyền địa phương đối với các bước lập kế hoạch TUDVCD
BƯỚC 5	<ul style="list-style-type: none"> > Đào tạo người hỗ trợ lập kế hoạch TUDVCD. 	<ul style="list-style-type: none"> > Đào tạo về quy trình lập kế hoạch TUDVCD+ các công cụ > Kỹ năng tạo điều kiện > Thử nghiệm thực địa các công cụ TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Một nhóm điều hành viên TUDVCD cân bằng giới có trình độ từ xã và thôn sẽ giúp các giảng viên TUDVCD hỗ trợ bước 7 và 8 (lập kế hoạch TUDVCD thôn và xã)
BƯỚC 6	<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng kế hoạch làm. việc hoạch định TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng kế hoạch làm việc từ bước 7 đến bước 9 	<ul style="list-style-type: none"> > Một kế hoạch làm việc chi tiết, bao gồm cả lịch trình thời gian, do giảng viên TUDVCD và điều hành viên TUDVCD cùng xây dựng để thực hiện kế hoạch của thôn và xã
BƯỚC 7	<ul style="list-style-type: none"> > lập kế hoạch TUDVCD thôn bản 	<ul style="list-style-type: none"> > Thu thập dữ liệu thứ cấp + Bài tập CVCA - tầm nhìn và kế hoạch CBE của thôn - tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> > Các báo cáo lập kế hoạch TUDVCD cấp thôn, bản, bao gồm báo cáo CVCA, tầm nhìn chung của thôn và kế hoạch TUDVCD thôn bản có đáp ứng về giới,
BƯỚC 8	<ul style="list-style-type: none"> > Lập kế hoạch TUDVCD cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> > Trình bày kế hoạch TUDVCD của thôn, SEDP của xã > Xây dựng kế hoạch TUDVCD cấp xã > Thảo luận về lồng ghép vào SEDP 	<ul style="list-style-type: none"> > Báo cáo lập kế hoạch TUDVCD cấp xã, bao gồm kế hoạch TUDVCD cấp xã có đáp ứng về giới và các hành động tiếp theo được khuyến nghị để lồng ghép vào Kế hoạch TUDVCD cấp xã
BƯỚC 9	<ul style="list-style-type: none"> > Hội thảo lồng ghép CC cấp huyện 	<ul style="list-style-type: none"> > Trình bày kế hoạch TUDVCD cấp xã + SEDP huyện - Định hướng về lồng ghép CC > Thảo luận về lồng ghép vào SEDP cấp huyện 	<ul style="list-style-type: none"> > Nâng cao hiểu biết của nhóm chuyên trách TUDVCD về lồng ghép CC vào SEDP và kết quả của việc lập kế hoạch TUDVCD > Các hành động tiếp theo đã được thống nhất để lồng ghép vào SEDP/ kế hoạch ngành
BƯỚC 10	<ul style="list-style-type: none"> > Thực hiện các hành động TUDVCD 	<ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận của chính phủ, cộng đồng, tổ chức đoàn thể, CSP, NGO, vv. về việc thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> > Thực hiện kế hoạch TUDVCD của xã và thôn

Nguồn: King (2014).

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH CHO CUỘC THẢO LUẬN MOCK PANEL

CẤP ĐỘ 1: BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> > Khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới bằng cách duy trì các chuẩn mực, vai trò và quan hệ không được cân bằng. > Đặc quyền của nam hơn nữ (hoặc ngược lại) > Một giới nào đó được hưởng lợi hoặc có cơ hội hơn giới khác.
MỨC ĐỘ 2: MÙ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> > Bỏ qua chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ giới > Rất thường xuyên duy trì sự phân biệt đối xử theo giới > Bỏ qua sự khác biệt về cơ hội và phân bổ nguồn lực cho phụ nữ và nam giới > Thường được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng thông qua cách đối xử với mọi người như nhau
CẤP ĐỘ 3: NHẠY CẢM VỀ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> > Cân nhắc các chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ về giới > Không giải quyết sự bất bình đẳng do các chuẩn mực, vai trò hoặc quan hệ không bình đẳng > Có nhận thức về giới, mặc dù thường không có hành động khắc phục hậu quả nào được thực hiện
MỨC ĐỘ 4: ĐẶC TRƯNG VỀ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> > Xem xét các chuẩn mực giới, vai trò và mối quan hệ đối với phụ nữ và nam giới và cách những vấn đề này ảnh hưởng đến việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực của nam và nữ như thế nào > Xem xét nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới > Cố ý nhằm mục tiêu và mang lại lợi ích cho một nhóm phụ nữ hoặc nam giới cụ thể để đạt được các mục tiêu chính sách hoặc chương trình nhất định hoặc đáp ứng các nhu cầu nhất định của họ > Giúp phụ nữ và nam giới dễ dàng thực hiện các nghĩa vụ được giao cho họ dựa trên vai trò giới của họ.
MỨC ĐỘ 5: CHUYỂN ĐỔI MỐI QUAN HỆ GIỚI	<ul style="list-style-type: none"> > Xem xét các chuẩn mực giới, vai trò và mối quan hệ đối với phụ nữ và nam giới và những điều này ảnh hưởng đến việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực của nam và nữ như thế nào. > Xem xét nhu cầu cụ thể của phụ nữ và nam giới. > Giải quyết các nguyên nhân của bất bình đẳng về chăm sóc sức khỏe trên cơ sở giới. > Bao gồm các cách để chuyển đổi các chuẩn mực, vai trò và mối quan hệ giới có hại. > Mục tiêu thường là thúc đẩy bình đẳng giới. > Bao gồm các chiến lược để thúc đẩy những thay đổi tiến bộ trong mối quan hệ quyền lực giữa phụ nữ và nam giới.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO¹²

PHẦN A: QUYẾT ĐỊNH VỀ CHIẾN LƯỢC PHỤC HỒI

Về Quỹ Trao quyền cho Phụ nữ:

Quỹ Trao quyền cho Phụ nữ được thành lập vào những năm 1990 nhằm tạo điều kiện tốt hơn về nhà ở, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ liên quan cho phụ nữ ở Gujarat (Ấn Độ). Bắt đầu với số lượng đội ngũ nhân viên xã hội và kỹ sư không nhiều, Quỹ này được chính quyền thành phố địa phương kêu gọi vào năm 1998 để hỗ trợ huy động cộng đồng tại các khu ổ chuột để cung cấp các dịch vụ cơ bản như nước, vệ sinh, thoát nước, đường nội bộ, quản lý chất thải rắn, đèn đường và cây xanh. Cách tiếp cận thực hiện dự án của quỹ này tập trung vào sự phát triển do phụ nữ lãnh đạo. Mô hình này tập trung vào việc hình thành các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) do phụ nữ lãnh đạo tại các khu ổ chuột và phát triển các kỹ năng lãnh đạo của phụ nữ để lập kế hoạch và thực hiện dự án tại khu vực của họ. Cách tiếp cận công việc này đã rất thành công. Trong giai đoạn 1999-2004, Quỹ cùng, với sự hỗ trợ từ chính quyền thành phố địa phương, đã có thể tiếp cận với hơn 35.000 gia đình ở khu ổ chuột để cũng được hưởng các dịch vụ này.

Các chương trình và phương pháp tiếp cận đến năm 2014:

Sau những thành công ban đầu, sau đó Quỹ đã xây dựng dựa trên kinh nghiệm đã có để mở rộng quy mô hoạt động của mình theo cả chiều ngang và chiều dọc. Sau những thành công ban đầu, sau đó Quỹ đã xây dựng dựa trên kinh nghiệm đã có để mở rộng quy mô hoạt động của mình theo cả chiều ngang và chiều dọc. Quỹ đã tăng quy mô hoạt động của quỹ cùng với chuỗi giá trị của các dịch vụ do cộng đồng lãnh đạo. Các hoạt động ban đầu của nó tại các khu ổ chuột đã giúp hình thành các CBO; và các nữ lãnh đạo đã được đào tạo và trao quyền liên lạc và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tiếp cận các kết nối điện hợp pháp, áp dụng các sản phẩm năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo và các khoản vay để có nhà ở tốt hơn. Chia tỷ lệ dọc theo hai cách; Đầu tiên, Quỹ sử dụng những kinh nghiệm của mình từ công việc dựa vào cộng đồng để tác động đến các chính sách của thành phố, tiểu bang và quốc gia. Thứ hai, Quỹ tạo điều kiện cho các CBO tham gia với nhau ở cấp thành phố, từ đó hình thành liên đoàn phụ nữ cấp thành phố gồm các CBO. Sự mở rộng theo chiều ngang bao gồm việc tăng số lượng các khu ổ chuột trong thành phố, chuyển đến các thành phố khác trong tiểu bang (cấp dưới quốc gia) và chuyển đến các tiểu bang khác.

Phát triển Kế hoạch Chiến lược năm 2014:

Năm 2014, Quỹ đã quyết định tiến hành thực hành xây dựng kế hoạch chiến lược nhằm xem xét tác động và phạm vi hoạt động của quỹ bằng việc tham chiếu đến Chương trình Nghị sự Phát triển Bền vững hiện có và thay đổi trọng tâm phát triển tài chính. Thực hiện hoạt động này đã được hỗ trợ bởi các chuyên gia tư vấn bên ngoài và bao gồm một loạt các hội thảo có sự tham gia của các lãnh đạo phụ nữ tại liên đoàn cơ sở của thành phố và các nhân viên của chương trình. Thực hành này đưa ra ba chiến lược tiềm năng sau đây cho Quỹ:

- A) Chỉ tập trung vào các lĩnh vực được lựa chọn phổ biến đối với SDGs và chương trình nghị sự của chính phủ quốc gia vì những chương trình này có nhiều khả năng đảm bảo ngân sách phát triển hơn. Điều này sẽ liên quan đến việc tập trung vào ba lĩnh vực - nước, vệ sinh và năng lượng. Quỹ sẽ cần phải sắp xếp lại nguồn nhân lực hiện tại và tập trung vào việc mở rộng quy mô công việc để tiếp cận hơn một triệu hộ gia đình trong năm năm tới.
- B) Chuyển trọng tâm sang các dịch vụ nhà ở chuyên nghiệp vì lợi nhuận (cũng phù hợp với chương trình phát triển của chính quyền quốc gia và thành phố) để tạo ra nguồn tài chính, các nguồn này có thể tài trợ chéo cho các công việc phi lợi nhuận của chính các nguồn này về việc cung cấp dịch vụ. Điều này sẽ liên quan đến việc củng cố công việc hiện tại của mình ở những vị trí địa lý hạn chế, tập trung vào việc tạo ra mức độ tác động cao hơn đến cuộc sống của khoảng một trăm nghìn người ở một số thành phố lựa chọn.
- C) Chuyển trọng tâm từ cung cấp dịch vụ sang quản trị và vận động xây dựng năng lực lãnh đạo và kỹ thuật cho các tổ chức cộng đồng của phụ nữ để tăng quyền cho họ để họ tự đưa ra ưu tiên về các nhu cầu phát triển của bản thân và tận dụng những điều này từ chính quyền thành phố và các nhà cung cấp dịch vụ khác. Quá trình này sẽ bao gồm việc chuyển sang quan hệ đối tác liên ngành, với trọng tâm chính là phát triển cộng đồng nhằm xác định các điểm dễ bị tổn thương tại địa phương và tăng cường khả năng phục hồi bằng các giải pháp phù hợp nhất do các CBO lựa chọn.

- a) Ưu điểm và nhược điểm của từng cách tiếp cận là gì?
- Câu hỏi chính:** b) Bạn nghĩ cách tiếp cận nào là phù hợp nhất cho quỹ này?
- c) Tiêu chí để lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp là gì?

¹² Phỏng theo Hành động của Phụ nữ hướng tới khả năng chống chịu với khí hậu của người nghèo thành thị ở Châu Á: Dự án của Mahila Housing Sewa Trust. (Các tài liệu được xem xét bao gồm báo cáo đánh giá dự án, sổ tay hướng dẫn và tóm tắt chính sách)

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN B: XÂY DỰNG DỰ ÁN VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Sau khi tham vấn, Ủy ban đã quyết định kết hợp các phương pháp tiếp cận và áp dụng chiến lược sau:

- Lồng ghép khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu vào công việc theo ngành hiện có thông qua các đối tác kỹ thuật và đồng tạo ra các giải pháp về chi phí hiệu quả có nhạy cảm về giới, có thể được nhân rộng thông qua cơ chế dựa trên thị trường để tiếp cận với hơn một trăm nghìn người;
- Tiếp tục tập trung vào việc xây dựng vốn xã hội thông qua hình thành CBO và phát triển kỹ năng lãnh đạo của phụ nữ nhưng mở rộng giới hạn để giải quyết vấn đề quản trị đô thị và lập kế hoạch toàn diện bằng cách trao quyền hiệu quả cho phụ nữ để họ trở thành những nhân tố tạo ra sự thay đổi và tiếp cận với các nhóm dân số lớn hơn;
- Hợp tác với các tổ chức cơ sở khác để chia sẻ các sản phẩm tri thức và chiến lược nhằm mở rộng quy mô đến các thành phố khác; và
- Tăng cường công việc cung cấp dịch vụ hiện tại của quỹ để tập trung vào việc cung cấp dịch vụ vào giai đoạn cuối hướng đến những người dễ bị tổn thương nhất và bị gạt ra ngoài lề trong các cộng đồng tại các khu ổ chuột.

Ý tưởng đằng sau chiến lược này là để các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, thiết lập chương trình nghị sự và hỗ trợ họ vượt qua các rào cản để phát triển. Chiến lược có các nguyên tắc cơ bản của nó trên hai cơ sở. Thứ nhất, nếu người nghèo đô thị được cung cấp kiến thức cần thiết để thực hiện đánh giá mức độ dễ bị tổn thương và nguy cơ cũng như được trang bị các công nghệ có khả năng phục hồi, họ sẽ có thể đề xuất và thực hiện các giải pháp thích ứng với khí hậu phù hợp với địa phương và vì người nghèo. Thứ hai, nếu người nghèo được trao quyền để thực hiện các kế hoạch phục hồi của chính họ và các cơ chế thể chế đại diện cho tiếng nói của họ được xây dựng, họ sẽ có thể đưa ra tiếng nói mang tính xây dựng trong quy hoạch và quản trị thành phố về hành động thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu vì người nghèo. Sử dụng khung chiến lược này làm nguyên tắc chỉ đạo, Ủy ban đã phát triển Dự án đặc biệt về khả năng chống chịu với khí hậu do phụ nữ lãnh đạo

Các giai đoạn quan trọng tiếp theo để phát triển dự án bao gồm:

Giai đoạn 1: Bản ghi chú nội dung dự án ban đầu được xây dựng để đánh giá chuyên sâu về vấn đề hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án và sau đó thiết kế các giải pháp cho vấn đề dự án giải quyết. Nguồn vốn bảo đảm cho việc này được sử dụng như một cơ hội để kiểm tra chiến lược khả thi và cơ sở của nó. Do đó, dự án được xây dựng theo phương thức có sự tham gia của người dân bằng cách đưa ra định hướng ban

đầu để lựa chọn lãnh đạo cộng đồng là phụ nữ những người hiểu về rủi ro khí hậu và các yếu tố dễ bị tổn thương của chính họ. (Xem Phụ lục A về những thách thức ban đầu trong cách tiếp cận có sự tham gia)

Giai đoạn 2: Sử dụng một bộ tài liệu thực hành đánh giá nhanh về rủi ro và giới đã được tập hợp qua Biểu đồ Xu hướng Khí hậu và Khung Moser, và các nhóm công nhân và phụ nữ lãnh đạo từ các khu ổ chuột đã được đào tạo để áp dụng các tài liệu này nhằm khuyến khích các cuộc thảo luận nhóm tập trung (FGDs) về vấn đề này với các cộng đồng khu ổ chuột. Tổng cộng 52 cuộc thảo luận nhóm được tổ chức tại 6 thành phố khác nhau trong giai đoạn này về các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu. Những vấn đề chính trong các cuộc thảo luận nhóm là căng thẳng chính về nhiệt độ, nước, chất lượng nước, quản lý bệnh lây truyền qua vecto đã được đề cập. Các cộng đồng chia sẻ rằng do buổi chiều nóng bức kéo dài, bốn giờ trong các buổi chiều trôi qua vô ích vì họ không thể thực hiện bất kỳ hoạt động nào do nhiệt độ quá cao. Điều này dẫn đến giảm giờ làm việc cũng như giảm hiệu quả công việc của chính họ. FGDs cũng chỉ ra rằng hầu hết các hộ gia đình nhận được nước 2-3 giờ mỗi ngày thông qua các kết nối riêng lẻ của thành phố hoặc thông qua các giếng khoan chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn có những khu vực mà nước là một vấn đề lớn, đặc biệt là trong những tháng mùa hè. Hầu hết các cộng đồng cũng báo cáo về lũ lụt trong đất liền gây ra cống bị tắc nghẽn. Một số người cũng đề cập rằng lượng mưa lớn kéo dài từ 1-2 giờ đã gây ra tình trạng ngập úng đến đầu gối, khiến công nhân nghỉ việc trung bình 4-5 ngày làm việc mỗi tháng, và vì không thể đi làm nên, người dân lại tham gia vào việc tháo nước hoặc bị bệnh và không thể làm việc do lũ lụt gây mất vệ sinh, gia tăng bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền qua vật trung gian truyền bệnh khác. Dựa trên những thảo luận này, hồ sơ cộng đồng cấp thành phố và hồ sơ khu ổ chuột chi tiết đã được phát triển cho các khu định cư mục tiêu.

Giai đoạn 3: Được trang bị thông tin về mức độ giải quyết, các nữ lãnh đạo sau đó tham gia với các chuyên gia kỹ thuật tại hội thảo để thực hiện phân tích vấn đề chung. Hội thảo phát triển cây vấn đề, tập hợp các đối tác kỹ thuật của dự án, nhóm thực hiện và lãnh đạo phụ nữ từ các cộng đồng ổ chuột trên một diễn đàn, là một điểm nhấn chính của giai đoạn phát triển dự án. Đây là hoạt động tương tác đầu tiên mà các chuyên gia và các nhóm cộng đồng tập trung quanh bàn và thảo luận về những căng thẳng cụ thể từ nhận thức khác nhau của họ để phát triển cây vấn đề. Mỗi vấn đề như căng thẳng do nắng nóng, khan hiếm nước, lũ lụt, nước và các bệnh truyền qua vật trung gian, mất tài sản và năng lực thể chế cũng như các cơ chế được xây dựng như một phần của hội thảo này đã được lấy làm cơ sở để phát triển các khung log giúp nhóm thiết kế các giải pháp theo chế độ có sự tham gia. Vào cuối hội thảo toàn diện kéo dài hai ngày này, đảm bảo sức khỏe và sinh kế đã trở thành cốt lõi của khung

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN B: XÂY DỰNG DỰ ÁN VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

giải pháp. (Xem Phụ lục B về Quan hệ Đối tác Kỹ thuật)

Giai đoạn 4: Hội thảo này cũng phá vỡ các rào cản giữa các chuyên gia kỹ thuật và các nhà lãnh đạo cộng đồng. Sau hội thảo, nhiều chuyên gia kỹ thuật đã đến thăm các khu ổ chuột để hiểu rõ hơn các vấn đề nơi mà các phụ nữ lãnh đạo cộng đồng được tạo điều kiện để tham gia thảo luận trong các hội thảo. Những chuyến thăm thực địa này đã hoàn thiện hơn việc thiết kế dự án.

Giai đoạn 5: Sau đó trong giai đoạn này, cũng có một Bài tập Phát triển Chỉ số được thực hiện với các lãnh đạo phụ nữ và nhóm vận động cơ sở, nhằm đưa vào quá trình đánh giá mức độ dễ bị tổn thương ở cấp độ cộng đồng trong hội thảo. Quan điểm của phụ nữ về khu ổ chuột thông minh và thành phố thông minh đã được ghi nhận để hiểu nhận thức của họ về các yếu tố dễ bị tổn thương, rủi ro và xây dựng khả năng phục hồi. Các nguồn thông tin khác nhau cho các nữ lãnh đạo cũng được lập bản đồ để xác định các rào cản hiện có và triển vọng cho các can thiệp truyền thông thay đổi hành vi trong quá trình thực hiện dự án. Các loại chiến lược / thực hành truyền thông khác nhau bao gồm đóng vai và các bài tập kể chuyện đã được sử dụng để huy động sự tham gia của cộng đồng. Toàn bộ bài tập rất hữu ích trong việc vạch ra chiến lược truyền thông thay đổi hành vi cho dự án. Hội thảo cũng có sự tham gia của các nhà cung cấp công nghệ truyền thông, những người đã chia sẻ các mô hình của họ để tìm ra các khả năng hợp tác. Hai đối tác truyền thông mới đã được đưa vào dự án thông qua hội thảo này.

Giai đoạn 6: Để thúc đẩy quá trình tham gia của các bên liên quan, các hội thảo đa bên đã được tổ chức ở cấp thành phố. Điều này đặc biệt giúp thu hút được sự tham gia của các bên liên quan là chính quyền địa phương, cả cán bộ và đại diện dân cử. (Xem Phụ lục C về Quan hệ đối tác chính quyền địa phương)

Giai đoạn 7: Trong giai đoạn này, các chuyên gia kỹ thuật cũng đã xác định phạm vi các giải pháp / công nghệ của riêng họ và cũng phát triển các tóm tắt theo lĩnh vực về các chủ đề chuyên môn của họ. Các bản tóm tắt theo lĩnh vực này đã trở thành cơ sở để thiết lập bằng chứng xác thực lý thuyết về sự thay đổi và các chiến lược dự án được đề xuất.

Giai đoạn 8: Cuối cùng, sau bốn tháng, một hội thảo phát triển giải pháp đã được tổ chức, một lần nữa quy tụ các chuyên gia kỹ thuật và các nữ lãnh đạo để phản ánh về mô hình dự án đề xuất, các chiến lược và hoạt động thực hiện.

Câu hỏi chính:

- Bạn có phản ánh gì về quá trình phát triển dự án được hỗ trợ bởi quỹ này? Những thuận lợi và khó khăn của một quá trình như vậy là gì?
- Nguồn tài chính thường có hạn. Luôn có sự đánh đổi giữa chi tiêu phát triển dự án với các hoạt động thực tế của dự án. Làm thế nào để bạn nghĩ rằng chúng có thể được cân bằng? Bạn có nghĩ rằng nguồn tài trợ của các nhà tài trợ có thể được cung cấp cho các hoạt động phát triển dự án không?
- Những thách thức chính để phát triển quan hệ đối tác liên ngành và đa ngành là gì? Có bất kỳ bài học nào từ các hành động của dự án cần được ghi lại và sử dụng để vận động chính sách nhằm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động đó không?
- Bạn muốn tiến hành loại quan hệ đối tác chính thức nào và quan hệ đối tác nào có thể được tiếp tục một cách không chính thức? Bạn có nghĩ rằng hình thành một tập đoàn hoặc mạng lưới chính thức sẽ phù hợp hơn các quan hệ đối tác không chính thức? Nếu vậy, tại sao?
- Bạn hình dung vai trò của mình ở đâu trong một dự án như vậy?

PHỤ LỤC A: NHỮNG THÁCH THỨC BAN ĐẦU TRONG CÁCH TIẾP CẬN CÓ SỰ THAM GIA

Chiến lược mới ủng hộ cách tiếp cận có sự tham gia. Tuy nhiên, nhiệm vụ này hóa ra lại là nhiệm vụ thách thức nhất trong giai đoạn phát triển dự án. Như người đầu tiên giới thiệu về biến đổi khí hậu với các nữ lãnh đạo cộng đồng đã mô tả:

“Một cuộc nói chuyện mà tôi nghĩ sẽ khá dễ dàng nhưng lại trở thành một nhiệm vụ khó khăn khi tôi nhận ra rằng mình đang nói chuyện với những phụ nữ có trình độ học vấn thấp hoặc không có trình độ học vấn, những người không có ý tưởng về Sự nóng lên Toàn cầu và họ là những người mà tôi biết là bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi tác động của biến đổi khí hậu. Tôi không sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật nên tôi đã làm những gì tôi biết rõ nhất và hỏi những người phụ nữ họ đang gặp phải những gì về điều kiện thời tiết thay đổi. Và tuyệt vời, những người phụ nữ không chỉ biết điều gì đang xảy ra, mà còn theo cách riêng của họ đang phát triển các cơ chế để ứng phó với nó. Điều này khiến tôi suy nghĩ, nếu chỉ cần kinh nghiệm có thể giúp một nhóm phụ nữ giải quyết được rất nhiều vấn đề, những vấn đề này có thể họ không thể thực hiện được, trừ khi họ có kiến thức khoa học, năng lực và công nghệ cần thiết Đây có thể là một cách để phát triển các kế hoạch thích ứng có thể hành động được không?”

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN B: XÂY DỰNG DỰ ÁN VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Quý đã bắt đầu vấn đề chống chịu với khí hậu với các chuyên gia kỹ thuật cấp thành phố. Các cuộc thảo luận ban đầu chỉ giới hạn trong việc tìm hiểu vấn đề và tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ từ các cộng đồng ở chuột. Sau đó, quý cũng tổ chức các khóa đào tạo cụ thể về biến đổi khí hậu cho các phụ nữ lãnh đạo, nhằm giúp phụ nữ nâng cao kiến thức theo lĩnh vực của họ và cũng để đưa ra các vấn đề tốt hơn về tác động và thách thức mà họ chia sẻ với tư cách cộng đồng.

Việc chuyển giao kiến thức khoa học cho cán bộ cơ sở và phụ nữ lãnh đạo gặp nhiều khó khăn. Khoa học khí hậu là một môn học rất kỹ thuật; và để đào tạo những phụ nữ biết chữ hoặc thường không biết chữ cần phải có một cách tiếp cận chuyên biệt nhằm liên kết các vấn đề kỹ thuật với các tác động hàng ngày. Các khóa đào tạo này không chỉ là các bài tập học thuật mà còn là các phương thức tham gia để đưa ra các tác động và giải pháp phù hợp với họ. Do đó, các phương pháp tiếp cận được sử dụng trong khóa đào tạo cũng phải giải quyết các khái niệm và cho phép người tham gia sử dụng sự hiểu biết này trong sự phức tạp hiện có để liên kết giữa các vấn đề và liên hệ giữa các vấn đề khác nhau để đưa ra giải pháp. Một giải pháp khí hậu đơn giản là xây dựng một ao bổ sung nước nghe có vẻ giống như một giải pháp phù hợp để bổ sung nước ngầm nhưng có thể mất đi tính phù hợp và mục đích của nó trong các đợt nắng nóng khắc nghiệt hoặc nó có thể tạo ra các vấn đề về các bệnh do véc tơ lây truyền hoặc ao này có thể trở thành nguồn nước bị ô nhiễm nếu kết nối với các đường ống xả nếu tất cả các vấn đề xã hội, kinh tế, môi trường, chính sách và quy hoạch có liên quan không được xem xét trong bối cảnh khí hậu.

PHỤ LỤC B: QUAN HỆ ĐỐI TÁC KỸ THUẬT

Những thách thức về tăng trưởng và xây dựng khả năng phục hồi mà người nghèo đô thị phải đối mặt đòi hỏi phải có những nghiên cứu và đổi mới hợp lý. Tuy nhiên, việc đưa đổi mới lên quy mô thường gặp phải những rào cản liên quan đến tính chất đa chiều và đa bên trong các thách thức xã hội. Đối phó với vấn đề này đòi hỏi một cách tiếp cận mới, khi mà tiến bộ xã hội và công nghệ cùng phát triển thông qua đối thoại trực tiếp giữa khoa học tự nhiên và xã hội và hành động tập thể giữa cộng đồng và các chuyên gia kỹ thuật.

Do tính chất đa chiều của dự án, các chuyên gia kỹ thuật trong bốn nhóm đã được tham gia như một phần của dự án:

- Doanh nhân và Doanh nghiệp đổi mới họ đã trình bày các sản phẩm / dịch vụ của họ trong khu ổ chuột. Họ đã tìm kiếm sự trợ giúp của Quý để tham gia cộng đồng và có được không gian để trưng bày sản phẩm của họ. Sự quan tâm của Quý trong việc tạo điều kiện thông qua

tạo ra nhiều lựa chọn có ảnh hưởng và hiệu quả cao để cộng đồng lựa chọn, dựa trên nhu cầu, nguyện vọng và tình trạng tài chính của họ. Trong quá trình dự án, một loạt các đối tác liên quan đến các giải pháp lọc cải tiến, các sản phẩm lọc nước, công nghệ ủ phân, công nghệ xây dựng, trong số những đối tác khác đã được tìm hiểu.

- Các tổ chức học thuật - Các trường đại học và Viện nghiên cứu cộng đồng có khả năng tiến hành phương pháp tiếp cận tư duy hệ thống, cung cấp dữ liệu đầu vào theo chủ đề cụ thể và tập huấn kỹ thuật và tạo ra các sản phẩm tri thức (hướng dẫn kỹ thuật, byte âm thanh / video, những thứ khác). Tham gia hỗ trợ kỹ thuật từ các viện đầu ngành là những viện tham gia thực hiện các dự án nghiên cứu ứng dụng đặc biệt trong các lĩnh vực và những người muốn tiên phong trong việc đánh giá quá trình hình thành và tổng kết dự án để có thể nắm bắt và phổ biến các bài học kinh nghiệm
- Các tổ chức xã hội dân sự (CSO) và các nhà sáng kiến về đổi mới xã hội: Các tổ chức xã hội dân sự địa phương có chuyên môn và trọng tâm tổ chức khác nhau cũng tham gia vào quá trình này. Một trong số họ là những người làm việc về các khía cạnh truyền thông và thay đổi hành vi của dự án. Những người này bao gồm những người làm việc về giáo dục môi trường và khí hậu cũng như các đối tác công nghệ truyền thông Mobile Vaani (dành cho truyền thông dựa trên di động). Điểm nổi bật của dự án là các cơ quan này không hoạt động riêng lẻ mà cùng nhau hỗ trợ dự án xây dựng một chiến lược truyền thông kết hợp và hiệu quả.
- Các Chuyên gia về vấn đề của Cá nhân đã thể hiện sự quan tâm đến việc làm việc trực tiếp với cộng đồng / cơ sở để họ được đào tạo hoặc thiết kế các sản phẩm và dịch vụ cho họ. Dự án được hưởng lợi từ các dịch vụ của hơn 20 chuyên gia từ lĩnh vực y tế, quản lý véc tơ, quản lý thiên tai, quản lý nước, phân tích thay đổi hành vi và quản lý rủi ro và công nghệ thông tin

Điểm thu hút ban đầu đối với hầu hết các đối tác cộng tác kỹ thuật là khả năng của Quý trong việc huy động các cộng đồng khu ổ chuột, đặc biệt là phụ nữ. Phương pháp thiết kế dự án cho phép các đối tác tương tác trực tiếp với các nữ lãnh đạo. Trong số các rào cản chính đối với đổi mới và chuyển giao kiến thức mà dự án xác định là kỹ năng và khả năng của các chuyên gia kỹ thuật để làm việc với cộng đồng. Các mối quan hệ đối tác và cam kết kỹ thuật này đã được bao gồm trong chính giai đoạn thiết kế dự án, làm cho quá trình tham gia được sắp xếp hợp lý.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN B: XÂY DỰNG DỰ ÁN VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Hiện tại, sự tham gia của các chuyên gia với cộng đồng diễn ra theo hai cách:

- a) Đối với nghiên cứu,** khi các viện nghiên cứu gửi sinh viên hoặc người khảo sát của họ đến các cộng đồng ổ chuột để lấy dữ liệu sẽ thông báo cho các dự án nghiên cứu của họ. Ở đây, vai trò của cộng đồng chỉ giới hạn ở việc về cơ bản là nhà cung cấp thông tin, không có hoặc có rất ít quyền kiểm soát đối với các phân tích và kết luận được rút ra. Trong hầu hết các trường hợp, kết quả thậm chí có thể không được chia sẻ với cộng đồng.
- b) Với mục đích tiếp thị,** khi các nhà đổi mới và các doanh nghiệp có sản phẩm thành lập muốn quảng bá sản phẩm của mình. Trong mô hình tiếp thị hiện tại, các cộng đồng khu ổ chuột ở thành thị là những người tiêu dùng mục tiêu, đặc biệt là những người ở cấp độ cao hơn trên kim tự tháp nghèo đói.

Cả hai phương thức tham gia này đều không đủ khả năng để đối phó với các vấn đề biến đổi khí hậu mà các cộng đồng khu ổ chuột phải trải qua vì nhiều lý do. Thứ nhất, các sản phẩm hoặc dịch vụ được cung cấp thường được thiết kế theo kiểu chung chung và không phù hợp với các cộng đồng khu ổ chuột. Họ cần các thiết kế được quy hoạch về mật độ, có mục đích sử dụng kết hợp hoặc nhiều mục đích, xây dựng dựa trên các khoản đầu tư hiện có của họ, tiết kiệm chi phí và đồng thời đáp ứng được mong đợi của họ. Do đó, mặc dù một loạt các giải pháp thích ứng với khí hậu để chống nóng và quản lý nước đã có sẵn, chúng thường không thể tiếp cận được và không tạo ra được mẫu phù hợp để đáp ứng nhu cầu cụ thể của các cộng đồng này. Thông thường, công nghệ được cung cấp không đồng bộ với cơ sở hạ tầng hiện có hoặc các hạn chế về không gian hiện có. Điều này xảy ra chủ yếu là do nhà sáng tạo không có không gian để trực tiếp thử nghiệm nguyên mẫu của sản phẩm với các cộng đồng ổ chuột và cũng không có điều kiện để xác nhận nguyên mẫu. Một trong những dịch vụ thiết yếu mà quỹ mang lại cho mỗi quan hệ đối tác này là tạo điều kiện thuận lợi để kiểm tra và cung cấp phản hồi về nguyên mẫu và để xác nhận giải pháp.

Thứ hai, các doanh nghiệp có một mô hình chuỗi cung ứng phù hợp cho phép họ phân phối sản phẩm đến cộng đồng trên quy mô lớn. Mô hình dựa trên nhà phân phối hiện tại của hầu hết các doanh nghiệp yêu cầu đầu tư trả trước cao, mô hình này không thành công ở các cộng đồng ổ chuột nơi khả năng thanh toán thấp và doanh thu ban đầu ít hơn, khiến việc kinh doanh kém khả thi. Trong khi Trust vẫn đang vật lộn để tạo ra những thay đổi lớn trong việc này, các nữ lãnh đạo đã có thể ghi dấu ấn bằng cách trở thành đại lý bán hàng và nhà tiếp thị cho nhiều sản phẩm. Điều này giúp các sản phẩm trở nên trong cộng đồng, đồng thời trở thành nguồn sinh kế cho các nữ lãnh đạo.

Thứ ba, chi phí là một thách thức. Hầu hết các đổi mới ở giai đoạn đầu không hiệu quả về chi phí, đặc biệt là do nhà sản xuất không đạt được tính kinh tế theo quy mô. Điều này làm cho các sản phẩm đắt hơn; thường thì không có nhiều người chấp nhận mua với giá này ở các khu ổ chuột. Vì cư dân khu ổ chuột có ít khả năng tiếp cận với nguồn tài chính chính thức, họ thậm chí không thể trả góp. Quỹ ủy thác đã hướng tới việc tạo điều kiện cho điều này bằng cách liên kết những cư dân khu ổ chuột với các ngân hàng chính thức và các hợp tác xã tín dụng cũng như bằng cách có một quỹ quay vòng được tạo riêng để tài trợ cho các sản phẩm đó. Đây cũng là điểm thu hút các nhà đổi mới sáng tạo và các doanh nghiệp hợp tác với MHT.

Thứ tư, truyền thông là một thách thức. Các dự án TUDVCD cũng yêu cầu các nỗ lực từ trên xuống để giáo dục mọi người về các rủi ro, tác động và các lựa chọn công nghệ sẵn có đối với biến đổi khí hậu. Thật không may, hệ thống kiến thức khoa học hiện tại tập trung vào việc giảm tác động của biến đổi khí hậu đến những thay đổi lý sinh với những nội dung đã được xác định trước về những gì nên và có thể được thực hiện. Điều rất quan trọng là phải cho phép chia sẻ kiến thức giữa cộng đồng và các chuyên gia kỹ thuật diễn ra bình đẳng. Một trong những khía cạnh chính của dự án là tạo điều kiện thuận lợi cho các quy trình và nền tảng cho phép cộng đồng và các chuyên gia kỹ thuật (các nhà khoa học xã hội và tự nhiên) tương tác và đồng tạo ra các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vì người nghèo. Một ví dụ rất tốt về điều này đã được quan sát thấy khi lần đầu tiên đối tác địa phương thực sự áp dụng cách tiếp cận nghiên cứu có sự tham gia để quản lý nước ngầm và thậm chí đưa một sinh viên nghiên cứu trong suốt thời gian của dự án để tương tác và làm việc trực tiếp với cộng đồng.

PHỤ LỤC C: QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Quỹ này nhận thấy rằng để có hiệu quả trong việc tác động đến quá trình ra quyết định chính sách của 'cấp cao hơn', các tổ chức đầu mối cần hợp tác chặt chẽ với chính quyền địa phương. Trên thực tế, chia khóa thành công của quỹ trong những năm qua là dựa trên thực tế là quỹ không chỉ tập trung vào việc xác định các khoảng trống trong việc thực hiện các chương trình lấy người dân làm trung tâm mà còn phối hợp với chính quyền địa phương để phát triển các giải pháp vì người nghèo. Điều này mà đòi hỏi phải liên lạc thường xuyên với các nhà lãnh đạo để thuyết phục họ về nhu cầu của người dân trong khi hiểu rõ quy trình thủ tục và khuôn khổ quy định; trình bày các phương pháp tiếp cận khả thi trên thực tế và đào tạo các Cơ quan Đô thị địa phương (ULBs) về các cách tiếp cận này.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN B: XÂY DỰNG DỰ ÁN VỀ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Một vai trò quan trọng khác mà quỹ đóng vai trò là tạo điều kiện cho sự phối hợp và hội tụ giữa nhiều bộ phận của ULBs. Có hai nhân tố chính trong chính quyền địa phương được đưa vào làm đối tác dự án

i) Kiểm sát viên thành phố (Ủy viên hội đồng địa phương)

Vai trò của họ là giám sát hoạt động của cơ quan đô thị địa phương trong việc cung cấp tất cả các dịch vụ của thành phố và đảm bảo tính hiệu quả của các dịch vụ này ở các phường tương ứng. Quỹ đã huy động và đào tạo thành công các nữ lãnh đạo từ các cộng đồng nghèo tham gia với các ủy viên hội đồng và tận dụng ngân sách của địa phương để mang lại những cải thiện cho khu vực của họ. Với sự tham gia tích cực và hỗ trợ tài chính của các ủy viên hội đồng địa phương, các nữ lãnh đạo đã có thể mang lại những cải thiện rõ ràng trong các lĩnh vực của họ.

ii) Nhân viên kỹ thuật của chính quyền địa phương Cùng với các đại diện dân cử, các Tổng công ty thành phố ở Ấn Độ còn có một ban điều hành do Ủy viên thành phố đứng đầu. Sau đó, họ được chia thành các văn phòng cấp khu / phường và các bộ phận chức năng khác nhau như y tế công cộng và kỹ thuật, nước và vệ sinh, giáo dục trường học, các bộ phận khác. Một trong những điểm độc đáo của Quỹ là đào tạo các lãnh đạo phụ nữ và nhân viên chương trình phối hợp chặt chẽ với các cán bộ kỹ thuật địa phương của ULB để vượt qua những rào cản này bằng cách đề xuất quy trình cải tiến, thay đổi chính sách và hướng dẫn hoạt động cũng như các cơ chế thay thế để tiếp cận các chính sách và chương trình trợ giúp của họ cho người nghèo.

Trong nhiều năm qua, Quỹ đã làm việc thành công với các chính quyền địa phương và là công cụ mang lại những thay đổi chính sách và chương trình giúp người nghèo tiếp cận với các dịch vụ cải tiến. Các chính quyền địa phương cũng nhận ra giá trị mà Quỹ ủy thác mang lại trong việc giải quyết các rào cản thực hiện trên thực tế.

Phụ nữ Lãnh đạo về Quan hệ Đối tác với Chính phủ

"Ban đầu khi chúng tôi nghĩ đến làm việc với chính quyền địa phương, chúng tôi luôn có ấn tượng rằng sẽ rất khó khăn. Nhưng trong những năm qua, tôi đã nhận được sự đào tạo từ các cán bộ về cấu trúc và hoạt động của hệ thống quản trị địa phương. Chúng tôi đã có thể thay đổi và thách thức nhận thức của mọi người về chính phủ".

Quan chức Chính phủ về Quan hệ Đối tác Cộng đồng.

"Tôi đã làm việc với những nữ lãnh đạo này được vài năm rồi. Sự hỗ trợ của các nữ lãnh đạo này là phương tiện giúp thực hiện các chính sách và kế hoạch của chính phủ tại các khu ổ chuột ở đô thị. Chính phủ không thể thuyết phục người dân và đảm bảo sự hỗ trợ của họ cho các nhu cầu phát triển. Đây là nơi mà các tổ chức xã hội dân sự và các nhà lãnh đạo cộng đồng đã đóng vai trò trung gian quan trọng giữa cộng đồng và chính phủ. Bằng cách này, chúng tôi đã có thể hỗ trợ nhiều khu ổ chuột hơn trong thành phố".

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

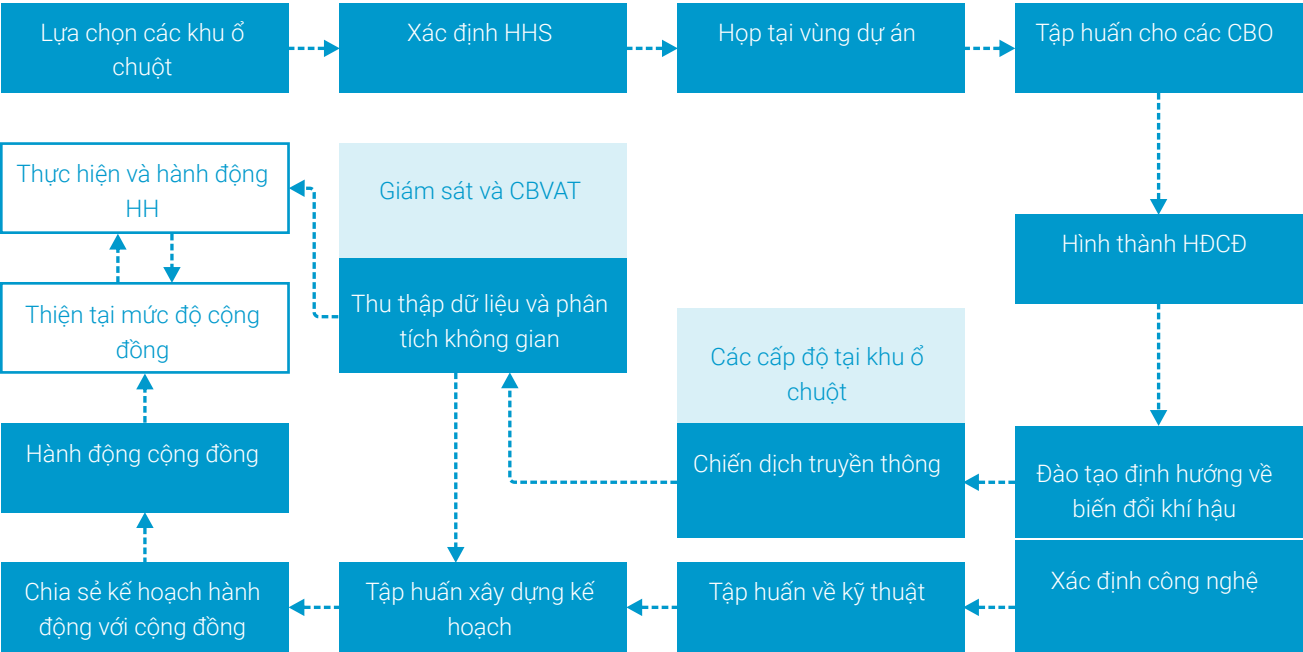
PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Quý này cũng có thể nhận được tài trợ của dự án trong thời gian hai năm. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức. Các dự án dựa vào cộng đồng đòi hỏi một cách tiếp cận liên tục và lâu dài để xây dựng lòng tin giữa các bên liên quan khác nhau, cho phép học hỏi chéo và chia sẻ kiến thức, tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch và hỗ trợ thu thập cho hành động phục hồi quan trọng.

Đạt được mục tiêu này trong thời gian hai năm là đầy tham vọng và đồng thời là cơ hội để giới thiệu một mô hình hoạt

động về hành động chống chịu do phụ nữ lãnh đạo ở các khu ổ chuột ở đô thị, có thể được nhân rộng, mở rộng và đưa vào chu trình học tập của chính sách và quy trình lập kế hoạch. Do đó, dự án đã phát triển một chiến lược thực hiện chung ở cấp độ hộ gia đình và khu ổ chuột, chiến lược này sẽ được thực hiện trong thời gian hai năm như có thể thấy trong Hình 1. Cơ sở cốt lõi của dự án là tổ chức và vận động phụ nữ từ các cộng đồng khu ổ chuột nghèo thành lập cộng đồng của riêng họ các tổ chức dựa trên chức dựa vào cộng đồng (CBO), mỗi tổ chức bao gồm 200 đến 250 gia đình.

HÌNH 4-11: THIẾT KẾ TRIỂN KHAI



Một nhóm từ 15 đến 25 phụ nữ đại diện cho các gia đình này được đào tạo về hành động cộng đồng, lãnh đạo và quản trị đô thị. Nói chung, một nhóm từ 10 đến 12 phụ nữ sẽ trở thành lãnh đạo trong quá trình đào tạo. Nhóm lãnh đạo này được gọi là nhóm hành động cộng đồng (HĐCĐ). HĐCĐ sau đó trở thành hệ thống hỗ trợ trong khu ổ chuột để phụ nữ chủ động làm việc với các cơ quan chính phủ và các tập đoàn trong thành phố và phụ trách các quy trình cải thiện khu ổ chuột.

HĐCĐ không chỉ bao gồm 10 nữ lãnh đạo từ CBO mà còn được khuyến khích bao gồm hai trẻ em gái vị thành niên / trẻ tuổi. Điều này được thực hiện với động cơ kép là trước hết có một quan điểm hiện đại và tương lai hơn trong nhóm cũng

như để HĐCĐ được hưởng lợi với các kỹ năng công nghệ mà các cô gái trẻ này sẽ được tiếp cận. Các thành viên HĐCĐ sau đó được đào tạo trong thời gian sáu tháng về các chủ đề sau:

- i) Định hướng dự án;
- ii) Tầm quan trọng của hành động tập thể và quá trình hình thành CBO / HĐCĐ;
- iii) Cấu trúc và hoạt động của ULB và các cơ quan dịch vụ (bao gồm cả chuyến thăm văn phòng ULB tại địa phương); và
- iv) Các chương trình phát triển đô thị và quyền lợi của người dân.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Quý này cũng đưa ra một kế hoạch mở rộng quy mô để thực hiện điều này trong thời gian và nguồn tài trợ có hạn, đạt được quy mô mong muốn bằng cách quyết định can thiệp vào bảy thành phố trong ba quốc gia. Các thành phố này được chia thành ba loại:

- **Các thành phố** đã được thiết lập có mạng lưới lãnh đạo phụ nữ được thiết lập tốt ở cả các khu định cư không chính thức và trên toàn thành phố, xuất hiện từ lịch sử can thiệp lâu đời của Quý này;
- **Các thành phố** mới nổi đang trong quá trình thiết lập mạng lưới lãnh đạo phụ nữ ở cả các khu định cư không chính thức và cấp thành phố, xuất phát từ lịch sử làm việc ngắn hơn của quý tại các thành phố này;
- **Các thành phố** đối tác không có mạng lưới lãnh đạo phụ nữ đã thành lập hay tổ chức phi chính phủ (NGO) hiện có, có kinh nghiệm trong việc tạo ra các mạng lưới như vậy, nơi Quý này đang hợp tác với các tổ chức địa phương để chia sẻ chéo về kinh nghiệm của các mô hình thích ứng dựa vào cộng đồng.

Chiến lược thực hiện dự án có thể thí điểm công cụ hoặc công nghệ trong thành phố được thiết lập, nhân rộng một mô hình thay đổi thông qua một quá trình học tập lặp đi lặp lại trong một thành phố mới nổi. Tài liệu được thực hiện dựa trên việc áp dụng thực tiễn, công cụ hoặc công nghệ ở các thành phố khác nhau và các cách điều chỉnh như nhau cho phù hợp với bối cảnh địa phương, chuyển tài liệu này thành sản phẩm tri thức và chia sẻ với các thành phố đối tác để điều chỉnh và áp dụng trong lĩnh vực công việc của họ. Một nhóm quản lý tri thức đã được tập trung tại văn phòng dự án để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình này.

Dự án cũng thừa nhận rằng việc chuyển giao kiến thức khoa học sẽ đòi hỏi phải truyền tải liên tục và tăng dần các thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu và các hành động chống chịu mà không làm mất đi sự quan tâm của người dân. Để đạt được điều này, cần phải tạo ra các công cụ truyền thông sáng tạo có hệ thống và lặp đi lặp lại, phát triển từ từ về chiều sâu và độ khó.

Một khía cạnh khác của thiết kế dự án là các cộng đồng cần tự thực hiện đánh giá tính dễ bị tổn thương của các cộng đồng. Đây là một thách thức vì dữ liệu tại các khu ổ chuột địa phương không có sẵn trong khu vực và các nữ lãnh đạo không có năng lực và định hướng để học hỏi và áp dụng các mô hình phức tạp. Để giải quyết vấn đề này, các đối tác đã xây dựng các bộ công cụ lập kế hoạch, giám sát và đánh giá tính dễ bị tổn thương. Có khoảng chín công cụ về quy trình / thực hành đã được xác định trong giai đoạn phát triển dự án, cần được thí điểm và thử nghiệm về hiệu quả và tác động.

Những mô-đun đào tạo này bao gồm; tài liệu nghe nhìn và in ấn; Trò chơi; bộ công cụ lập kế hoạch khả năng phục hồi và đánh giá tính dễ bị tổn thương dựa vào cộng đồng; và Thực hành giám sát dựa vào cộng đồng. (Xem Phụ lục D về Sản phẩm Tri thức).

Một trọng tâm chính khác của dự án là cung cấp cho cộng đồng một số các lựa chọn về các giải pháp công nghệ, để họ có thể đưa ra quyết định của riêng mình dựa trên những gì phù hợp với ngân sách và nhận được sự quan tâm của họ. Các công nghệ mới đã được xác định phạm vi thông qua các chuyến thăm quan và mời các nhà đổi mới và nhà cung cấp công nghệ đến hội thảo cùng với đầu vào của các chuyên gia kỹ thuật của dự án. Cùng với điều này là trình bày thực tế về các can thiệp kỹ thuật có liên quan. Tận mắt chứng kiến và trải nghiệm các sản phẩm khác nhau đã giúp xây dựng niềm tin giữa các cộng đồng, với việc chính họ đầu tư vào các công nghệ có khả năng phục hồi. 21 giải pháp cấp hộ gia đình và chín giải pháp cấp cộng đồng đã được trình bày. Chúng bao gồm, trong số những thứ khác: mái mát mô-đun, ô tô mát, cảnh quan đô thị, hệ thống phân trộn vermi, đồng hồ đo nước, hệ thống thu gom nước mưa trên mái nhà, thùng ủ phân và hệ thống cấp nước do cộng đồng quản lý.

Câu hỏi chính:

- Bạn nghĩ điều gì tạo nên khung thời gian thích hợp cho một dự án TUDVCĐ? Những vấn đề liên quan đến tiến độ thời gian trong các dự án như vậy có thể là gì?
- Bạn nghĩ những thách thức nào khi thực hiện một dự án có tính chất phức tạp như vậy? Những cách dự án này dự đoán các vấn đề tiềm ẩn và đưa chúng vào thiết kế triển khai là gì?
- Các bước quan trọng cần thiết ở cấp độ tổ chức để quản lý một dự án như vậy là gì? Hội đồng quản trị sẽ có những khuyến nghị gì về việc kiểm tra và cân đối để đảm bảo rằng tất cả các kết quả đầu ra của dự án được giao đúng hạn, các mối quan hệ đối tác được quản lý tốt và các nguồn lực tài chính được sử dụng hiệu quả?
- Bạn đánh giá thế nào về chiến lược tăng cường năng lực và các công cụ của nó trong dự án?
- Bạn nghĩ đâu là những khoảng trống / hạn chế chính của dự án trong việc giải quyết các Điểm giao nhau và đảm bảo LNOB?

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

PHỤ LỤC D: SẢN PHẨM TRI THỨC

BỘ CÔNG CỤ VÀ MÔ-ĐUN ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Mô-đun đào tạo cơ bản nhằm giới thiệu khái niệm về biến đổi khí hậu và nâng cao nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu đối với người nghèo tại đô thị, đặc biệt là phụ nữ. Đó là một quá trình từng bước bao gồm sáu phần. Phần 1 và 2 nhằm mục đích để khuyến khích sự quan tâm. Phần 3 và 4 giới thiệu các khái niệm như và sự nóng lên toàn cầu, giải thích tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống hàng ngày của toàn bộ nhân loại. Hai phần cuối cùng thiên về hoạt động. Phần 5 giới thiệu trò chơi rắn và thang, trong đó các tác nhân gây căng thẳng khí hậu là những con rắn kéo phụ nữ xuống và các hành động phục hồi là chiếc thang giúp họ đứng lên. Phần 6 khuyến khích cá nhân phản ánh và giới thiệu khái niệm về các hành động phục hồi và suy nghĩ về tương lai.

CÁC KỸ THUẬT ĐÀO TẠO

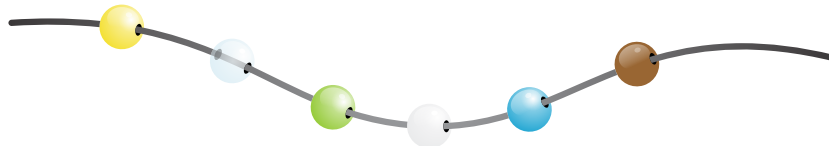
Vật liệu:

Chỉ lấy một hạt của mỗi màu.

Hướng dẫn:

1. Luồn các hạt màu khác nhau lên dây theo thứ tự bất kỳ
2. Đặt dây xung quanh cổ tay của bạn và buộc nó
3. Bằng cách xoay các hạt quanh cổ tay, bạn đã tạo ra một vòng tuần hoàn của nước

Chương trình kỹ thuật đào tạo được thực hiện bởi các chuyên gia thuộc các lĩnh vực cung cấp các thông tin sâu và toàn diện hơn về một chủ đề nhất định như quản lý nước, bệnh truyền nhiễm vector, căng thẳng do nhiệt độ tăng cao, quản lý sức khỏe của bản thân và những người khác. Thay vì cho tất cả các thành viên HĐCĐ đào tạo kỹ thuật không phân biệt, mục đích là khuyến khích mỗi thành viên HĐCĐ trở thành chuyên gia về ít nhất một tác nhân gây căng thẳng liên quan đến biến đổi khí hậu trong số bốn chủ đề trên. Có một trọng tâm cụ thể là phát triển các công cụ có sự tham gia - trò chơi và bài tập cho các khóa đào tạo kỹ thuật.



- Màu vàng = năng lượng mặt trời** > năng lượng do mặt trời cung cấp cho chu trình nước không bao giờ kết thúc
- Màu trong suốt = bay hơi** > hơi nước được tạo ra khi mặt trời làm nóng nước ở hồ, suối, sông hoặc đại dương.
- Màu xanh = thoát hơi nước** > hơi được tạo ra khi cây cối thoát hơi nước
- Màu trắng = sự ngưng tụ** > những giọt nước nhỏ li ti hình thành khi hơi bốc lên không khí và nguội đi.
- Màu xanh lam = lượng mưa** > hơi ẩm thoát ra khi mây trở nên dày đặc và tạo thành mưa, tuyết, mưa đá, v.v.
- Màu nâu = sự thấm dấm** > chuyển động của nước qua mặt đất

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

PHỤ LỤC D: SẢN PHẨM TRI THỨC

CHIẾN LƯỢC TRUYỀN THÔNG

Trò chơi rắn và thang, video hoạt hình, áp phích, tranh treo tường và các phương tiện truyền thông dân gian đã được triển khai để tiếp cận cộng đồng thông qua nhiều kênh. Tài liệu trên phương tiện truyền thông bao gồm in ấn phổ biến 500 bản, mỗi bản gồm bốn áp phích về các căng thẳng khác nhau, được sử dụng rộng rãi trong tất cả các cuộc họp của CBO và tiếp cận được với nhiều đối tượng. Các chương trình truyền thông dân gian đã được tổ chức tại 38 khu ổ chuột, tiếp cận hơn 7.500 người trong vòng một tháng. Khoảng 229 lượt của trò chơi rắn và thang đã được tổ chức, với hơn 3.500 người tham gia. Các tài liệu nghe nhìn tóm tắt về tính dễ bị tổn thương của cộng đồng, các biện pháp can thiệp và phản hồi của cộng đồng cũng đã được tạo ra để nâng cao nhận thức cộng đồng. Trong số này, bộ phim hoạt hình về "Câu chuyện của Ramaben" trở nên khá phổ biến với cộng đồng.

Biến đổi khí hậu sẽ tác động đến phụ nữ nhiều hơn



KẾT HỢP DỊCH VỤ PHẢN HỒI BẰNG GIỌNG NÓI TƯƠNG TÁC (IVR) VÀ ĐÀI PHÁT THANH CỘNG ĐỒNG



Một Dịch vụ phản hồi bằng giọng nói tương tác (IVRS) cung cấp khả năng cá nhân hóa truy cập vào được các thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu và là nơi để cá nhân cung cấp phản hồi của họ về các can thiệp cấp hộ gia đình. Các kênh liên lạc như đài phát thanh cộng đồng báo cáo tình hình địa phương, ý kiến chuyên gia, phản hồi của chính phủ và tiếng nói của người dân giúp mở rộng phạm vi tiếp cận ra ngoài các cộng đồng mục tiêu của chúng tôi. Bốn mươi tám tập phát thanh đã được phát sóng với chủ đề rộng rãi là "Tạo điều kiện cho các thành phố khôi phục và hòa nhập" thông qua một đài phát thanh cộng đồng. Bốn cô gái vị thành niên từng là lãnh đạo HĐCĐ cũng đã bắt đầu công việc phóng viên phát thanh cấp thành phố cho Đài Phát thanh Cộng đồng.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

**PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
PHỤ LỤC D: SẢN PHẨM TRI THỨC**

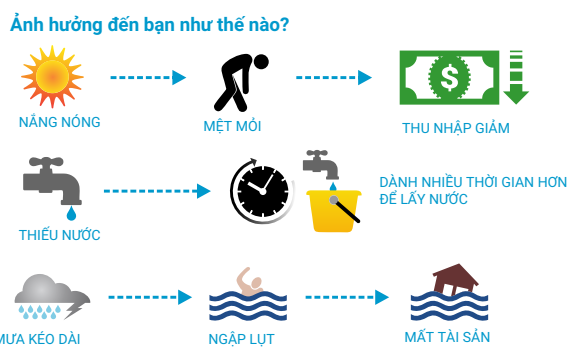
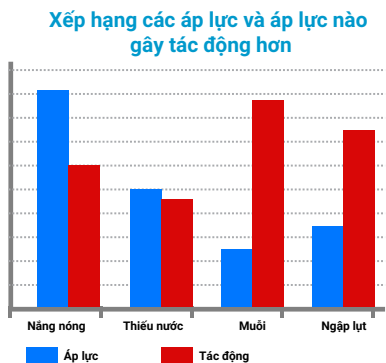
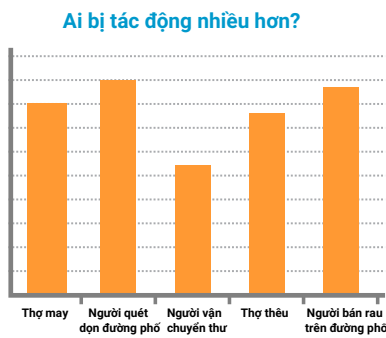
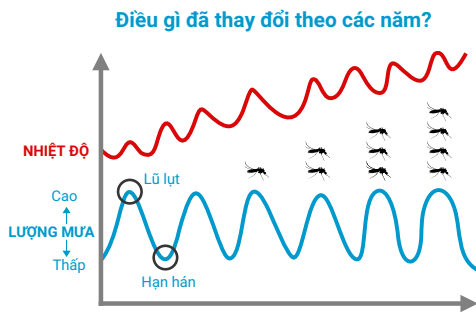
BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG ĐỂ BỊ TỔN THƯƠNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG (CBVAT)



CBVAT là một công cụ học tập có sự tham gia sử dụng một bộ sáu bài tập. Nó được thiết kế để phát triển sự hiểu biết của cộng đồng về rủi ro khí hậu và các chiến lược thích ứng. Đánh giá kéo dài hơn sáu đến tám tuần. Một loạt các biểu đồ và bảng được cung cấp cho các thành viên HĐCĐ, hướng dẫn họ xác định yếu tố gây căng thẳng mà cộng đồng dễ bị tổn thương nhất và các nhóm nghề nghiệp/giới tính dễ bị tổn thương nhất, đồng thời đánh giá nguyên nhân gốc rễ của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng thích ứng của họ. Bộ công cụ này bao gồm:

- a) **Biểu đồ:** Lập bản đồ các thách thức về đô thị hóa và khí hậu mà cộng đồng phải đối mặt trong mười năm qua.
- b) **Moser:** Để hiểu ý nghĩa về giới của các căng thẳng và cú sốc trong biến đổi khí hậu
- c) **Xếp hạng Ma trận:** Để áp dụng một phân tích hơi khách quan để xác định tác nhân gây căng thẳng tác động mạnh nhất và các nhóm nghề nghiệp dễ bị tổn thương nhất
- d) **Đo lường rủi ro:** Để hiểu các yếu tố gây căng thẳng và cú sốc liên quan đến mức độ tác động và tần suất xuất hiện
- e) **Sơ đồ ảnh hưởng theo nguyên nhân gốc rễ** để phân tích những rủi ro chính xuất hiện trong phần vừa qua và xác định nguyên nhân chịu trách nhiệm chính dẫn đến rủi ro và làm tình hình trở nên trầm trọng thêm.
- f) **Chấm điểm Năng lực Thích ứng:** Để đánh giá sự sẵn có của cơ sở hạ tầng, kiến thức và vốn xã hội trong cộng đồng, những yếu tố này sẽ góp phần xây dựng khả năng phục hồi của họ

CBVAT đã cung cấp một khuôn khổ cho đối thoại trong các cộng đồng liên quan đến việc xác định các chiến lược thiết thực để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng. Sau khi hoàn thành đánh giá CBVAT, kết quả được chuyển thành bản trình bày PowerPoint và được chia sẻ với các thành viên HĐCĐ trong quá trình Lập kế hoạch khả năng phục hồi.



		Tiếp cận đến nhà tránh trú khi phải di dời	
	Khiếu nại	Cảnh báo lũ quyết	Hệ thống giám sát dịch bệnh
	Tiếp cận được Ủy ban nước thành phố	Độ cao nền nhà	Giám sát côn trùng gây bệnh
Kiến thức về các biện pháp bảo vệ	Hệ thống thu nước	Định kỳ kiểm tra hệ thống cống	Thử nước
Tiếp cận đến các lời khuyên về nắng nóng	Tiếp cận đến các bình trữ nước	Hệ thống quản lý chất thải rắn	Hệ thống quản lý nước
Sự sẵn có của những bóng râm từ cây	Cung cấp đủ nước	Hệ thống thoát nước mưa bão	Tiếp cận đến thông tin về dịch vụ phòng bệnh
Tiếp cận đến bóng râm	Tình trạng sẵn có của nguồn nước	Hệ thống thoát nước quản lý tốt	Tiếp cận đến thông tin trong quá trình bùng dịch
MƯA	THIẾU NƯỚC	NGẬP LỤT	CÁC BỆNH DO NƯỚC

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN C: THỰC HIỆN DỰ ÁN KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
PHỤ LỤC D: SẢN PHẨM TRI THỨC

LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG PHỤC HỒI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Khi các HĐCĐ cùng nhau xây dựng Kế hoạch hành động phục hồi dựa vào cộng đồng, họ sẽ xem xét lại kết quả đánh giá tính dễ bị tổn thương một lần nữa, chấp nhận hoặc cải thiện điều đó và xây dựng kế hoạch hành động hàng năm để giải quyết các yếu tố gây căng thẳng chính đã xác định, liệt kê thời gian cần thiết cho các hành động, các mục tiêu hàng ngày / hàng tuần / hàng tháng, kinh phí họ cần và các tổ chức có thể hỗ trợ cộng đồng trong việc thực hiện các kế hoạch hành động này.

Bảng hỏi về giải pháp

Sự trao đổi của không khí



- Áp lực về nước
- Áp lực về nắng nóng
- Ngập lụt
- Chất lượng nước
- Các bệnh lây truyền qua côn trùng

Tự động làm mát



- Áp lực về nước
- Áp lực về nắng nóng
- Ngập lụt
- Chất lượng nước
- Các bệnh lây truyền qua côn trùng

Mái nhà theo từng lớp



- Áp lực về nước
- Áp lực về nắng nóng
- Ngập lụt
- Chất lượng nước
- Các bệnh lây truyền qua côn trùng

GIÁM SÁT DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



Mặc dù quá trình xây dựng kế hoạch hành động hàng năm là một công việc định kỳ, nhưng dự án cũng nhận thấy được thực tế rằng việc xây dựng khả năng phục hồi dựa vào cộng đồng là một quá trình lặp đi lặp lại, đặc biệt là các nhà lãnh đạo HĐCĐ phải chú ý vào theo dõi những căng thẳng và thay đổi liên quan đến biến đổi khí hậu để có thể thực hiện hành động kịp thời. Hướng tới điều này, dự án đã phát triển một hệ thống giám sát theo hai hướng:

a) Hệ thống giám sát theo mùa: Hệ thống này được khởi xướng thông qua những đợt vận động sự tham gia của các trẻ trai và trẻ gái (được gọi là Bác sĩ trẻ em) từ cộng đồng để thu thập dữ liệu thời gian thực về sự hiện diện của ấu trùng và kiểm tra chất lượng nước.

b) Hệ thống giám sát hàng ngày / hàng tuần: Dự án cũng thí điểm hệ thống thu thập thông tin thời tiết và dữ liệu khí hậu theo thời gian thực tại 23 khu ổ chuột. Điều này bao gồm các hệ thống đo nhiệt độ, độ ẩm và lượng mưa và xem xét số lượng và chất lượng nước, vectơ, lũ lụt và ngập úng.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

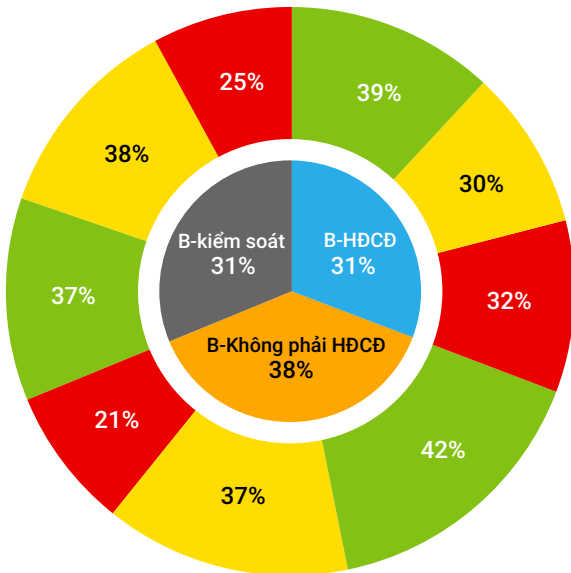
PHẦN D: CÁC THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHÍNH

KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA DỰ ÁN

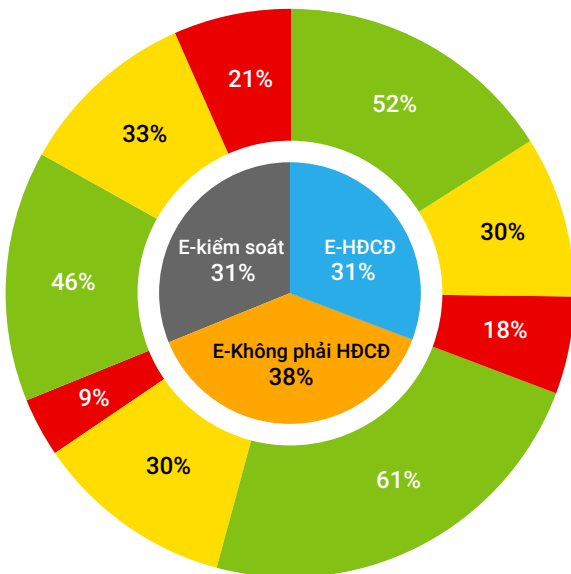
- > Ba quốc gia
- > Bảy thành phố
- > 107 Khu nhà ổ chuột
- > 135.000 người

HÌNH 4-12: NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG PHÂN BỐ THEO HỘ GIA ĐÌNH (ĐẦU KỲ VÀ CUỐI KỲ)

Nhóm dễ bị tổn thương phân bố theo hộ gia đình trong danh mục nhóm hành động cộng đồng (HĐCĐ) - đầu kỳ



Nhóm dễ bị tổn thương phân bố theo hộ gia đình trong danh mục nhóm hành động cộng đồng (HĐCĐ) - cuối kỳ



Kết quả đạt được

Giảm tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu

Dự án có một hệ thống giám sát và đánh giá định lượng tốt đã cho thấy:

- > Khoảng 35% các hộ gia đình được tiếp cận dự án cho thấy mức độ tổn thương của họ giảm so với ban đầu.
- > Tỷ lệ hộ dễ bị tổn thương nhất (nhóm đỏ) đối với những người tham gia dự án giảm mạnh so với nhóm đối chứng.
- > Từ danh mục trung bình (vàng) chuyển sang thấp (xanh lá cây) đối với những người tham gia cao hơn so với đối chứng.
- > Có sự sụt giảm trong cả hai nhóm HĐCĐ và không phải HĐCĐ, cho thấy rằng tác động không chỉ giới hạn trong nhóm lãnh đạo nòng cốt mà còn lan rộng ra ngoài nhóm này như mong đợi của dự án

Kết quả đầu ra về Kiến thức và Trao quyền

- > Khoảng 8% hộ gia đình được khảo sát đã đầu tư chi phí lớn vào ngôi nhà của họ để cải thiện khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.
- > Khoảng 64% phụ nữ được khảo sát cho biết đã nâng cao nhận thức về các giải pháp ứng phó
- > Khoảng 64% phụ nữ được khảo sát cho biết có nhận thức về rủi ro khí hậu.
- > Liên đoàn phụ nữ cấp thành phố đã được chính quyền địa phương trực tiếp mời để trình bày mục đích của họ trong Kế hoạch hành động chống nóng của thành phố. Điều này dẫn đến việc họ được chính thức công nhận là một bên liên quan trong Kế hoạch Hành động chống nóng, đây là sự kết hợp lần đầu tiên các chiến lược cấp khu ổ chuột trong kế hoạch. Đến năm sau, việc sơn trắng mái nhà cho các hộ gia đình ổ chuột chính thức được áp dụng như một điểm hành động. Ở một thành phố khác, Hệ thống thu nước mưa trên mái nhà đã được đưa vào như một phần chi phí thiết yếu của dự án tái phát triển khu ổ chuột.

Điều này không có nghĩa là quá trình này không có thách thức.

- > Dự án yêu cầu huy động các gia đình ở các thành phố mới nổi hợp tác với Quỹ. Quá trình này kéo dài, liên quan đến các chuyến thăm lặp lại và tiêu tốn nguồn lực. Mặc dù các khóa đào tạo đã được tổ chức - lưu ý đến lịch trình của phụ nữ, việc họ mất kế sinh nhai, các lễ hội tôn giáo / văn hóa và các hoạt động khác - ở một số cộng đồng, việc đưa phụ nữ ra ngoài là rất khó khăn. Có sự hoài nghi giữa phụ nữ và nam giới về nơi thực hiện / bản chất của các khóa đào tạo này.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ MÔ HÌNH KHẢ NĂNG PHỤC HỒI DO PHỤ NỮ LÃNH ĐẠO

PHẦN D: CÁC THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHÍNH

- > Để nâng cao nhận thức và sự quan tâm về vấn đề biến đổi khí hậu cho phụ nữ nghèo là một thách thức quan trọng. Các cuộc họp khu vực không nhận được nhiều sự quan tâm và chú ý. Việc sử dụng các công cụ truyền thông sáng tạo về biến đổi khí hậu và các tác động của nó bước đầu đã tạo được sự quan tâm của cộng đồng. Tuy nhiên, có thời điểm, người ta cảm thấy chương trình đang quá chú trọng vào việc đào tạo.
- > Để duy trì sự quan tâm của cộng đồng đối với chương trình, cần phải chứng minh hành động và sự thay đổi hữu hình trên thực tế. Hệ thống giám sát dựa vào cộng đồng đã phải được sửa đổi thành một chiến dịch khi nó vẫn đang trong giai đoạn thiết kế. Do đó, hệ thống giám sát véc tơ đã được mở rộng để bao gồm ít nhất một nửa số hộ gia đình ở các khu ổ chuột, điều này nằm ngoài kế hoạch ban đầu của một mẫu hộ gia đình nhỏ hơn. Điều này đã khuyến khích sự tham gia của thanh thiếu niên vào chương trình.
- > Một số thành viên trong nhóm và các lãnh đạo phụ nữ đã được đào tạo để hỗ trợ quá trình đánh giá tính dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, quá trình này sử dụng đến nhiều kỹ thuật và hơi phức tạp và liên quan đến một chu trình học tập dài hơn. Theo một điều hành viên, "Tôi rất khó nhớ tất cả các thuật ngữ và các công cụ khác nhau. Tôi đã từng khiến họ bối rối và bất an. Chúng tôi đã mất nhiều thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho CBVAT trong năm đến sáu khu ổ chuột đầu tiên. Chúng tôi nghĩ rằng có rất nhiều thủ tục giấy tờ mà chúng tôi không quen. Các cộng đồng cũng tỏ ra không mấy quan tâm".
- > Quá trình CBVAT đã tạo ra các phản ứng khác nhau từ các cộng đồng khác nhau. Ở một số cộng đồng, nó đã rất thành công. Phụ nữ liên tục tham gia tất cả các bài tập kéo dài trong vài tuần. Họ có thể hiểu và nói rõ những yếu tố dễ bị tổn thương của họ của họ. Ở các cộng đồng mới tiếp cận, việc duy trì sự quan tâm trong các giai đoạn ban đầu của quá trình cho thấy khó khăn hơn một chút.
- > Các buổi trình bày công nghệ mới mong muốn sự đóng góp từ cộng đồng ngay cả trong giai đoạn đầu của quá trình thử nghiệm sản phẩm. Cuộc trình diễn ô tô có nhiều thú vị đã thu hút rất nhiều sự quan tâm và sản phẩm đã được dùng thử miễn phí với việc điều khiển tự động miễn phí. Trong khi những người lái xe ô tô quan tâm đến sản phẩm vì nó miễn phí, họ không thực sự đầu tư vào việc bảo trì. Như một nhân viên chia sẻ: "Ở Cool auto trước đó, không có đóng góp gì nên những người hưởng lợi ban đầu đã truyền nhầm thông điệp. Mọi người bắt đầu tin rằng Rexine sẽ bị hư hỏng và nó được vận hành như một lý do đặc biệt là khi được yêu cầu đóng góp; không ai đồng ý. Tuy nhiên, chúng tôi đã học được từ điều này và đối với sơn mái bằng năng lượng mặt trời, chúng tôi nhất quyết đóng góp. Phụ nữ được trao quyền đến mức họ liên tục kiểm tra số lượng sơn mái được sử dụng và khoản đóng góp của họ, nhân viên làm cho họ hiểu cách mà sơn mái hoạt động trong thực tế và sau đó cô ấy đã thấy rất ổn với công nghệ này."
- > Điều quan trọng là phải có một cách tiếp cận dài hạn kết hợp các chiến lược tạo ra kiến thức, khuyến khích sự thay đổi hành vi và thúc đẩy hành động do cộng đồng dẫn dắt. Tuy nhiên, kinh nghiệm của dự án cho thấy rằng để huy động cộng đồng xung quanh vấn đề biến đổi khí hậu và duy trì sự quan tâm của họ trong việc lập kế hoạch chống chịu lâu dài, điều cần thiết là phải phục vụ lợi ích trước mắt của họ. Như một phụ nữ lãnh đạo chia sẻ: "Ban đầu khi tôi bắt đầu tiến hành các cuộc họp khu vực xung quanh vấn đề biến đổi khí hậu, trong tất cả các cuộc họp, phụ nữ sẽ hỏi về thời điểm hoàn thành đường thoát nước? Một năm sau chương trình, công việc xây dựng đường thoát nước bắt đầu. Một khi thay đổi được nhìn thấy, họ quan tâm nhiều hơn đến các quy trình lập kế hoạch có sự tham gia của người dân. Những quy trình này đã mang lại cho họ một không gian để cùng nhau và quyết định hành động tập thể mà cộng đồng muốn thực hiện tiếp theo."
- > Việc thu thập và giám sát dữ liệu khí hậu theo thời gian tiếp tục thúc đẩy sự thay đổi hành vi trong các cộng đồng theo hướng đưa ra các quyết định sáng suốt hơn và trao quyền cho họ bằng việc cung cấp kiến thức để họ có thể đưa ra yêu cầu cải thiện các dịch vụ của chính phủ theo hướng tốt hơn. Theo báo cáo của một đối tác, "Chúng tôi đã thực hiện một số khóa đào tạo trước đó về cách sử dụng bộ lọc nước, nhưng không ai sẵn sàng áp dụng nó. Khi chúng tôi tiến hành kiểm tra nước, phụ nữ cộng đồng nhận ra chất lượng nước họ đang uống khá tệ. Chúng tôi giải thích rằng việc uống nước như vậy dẫn đến các vấn đề sức khỏe như sỏi thận, bệnh dạ dày như thế nào, v.v ... Sau những đợt lái xe này, mọi người đã tự tìm đến để mua máy lọc nước".

Câu hỏi chính:

- a) Bạn có hài lòng với kết quả của dự án không? Thời gian và nguồn lực đầu tư có phù hợp với hoạt động tiếp cận và kết quả không?
- b) Bạn muốn hiểu rõ điều gì hơn như là một phần của kết quả dự án?
- c) Khả năng tiếp cận và quy mô của dự án có đủ để chứng minh cho việc áp dụng kết hợp các phương pháp tiếp cận không? Hay sẽ tốt hơn nếu đi với bất kỳ một chiến lược nào (tham khảo Phần A)?
- d) Làm thế nào để bạn thấy dự án thực sự đóng góp vào những gì Quỹ đã xác định là chiến lược của mình?

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN A: NÔNG NGHIỆP VÀ AN NINH LƯƠNG THỰC

Sẽ có những thay đổi dự kiến về khí hậu - nhiệt độ và lượng mưa.	Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái nông nghiệp.
Năng suất trung bình của lúa sẽ giảm xuống.	Sẽ có sự thiếu hụt trong sản xuất lương thực.
Lũ lụt, bão, lốc xoáy và hạn hán sẽ làm gia tăng sự bất ổn trong sản xuất nông nghiệp và lương thực.	Nước biển dâng đe dọa sản xuất lúa đồng bằng và ven biển.
Đất nông nghiệp có thể bị nhấn chìm do mực nước biển dâng 1m.	Nước mặn xâm nhập do nước biển dâng cũng có thể làm giảm năng suất lúa.
Diện tích trồng lúa sẽ thay đổi theo hướng tăng lên.	Lũ lụt sẽ làm hư hại ruộng lúa.
Hạn hán sẽ dẫn đến mất mùa.	Phụ nữ phải đối mặt với nhiều rào cản liên quan đến thị trường hơn.
Lúa và lúa mì là những cây trồng chủ lực trên toàn thế giới.	90% hoặc hơn sản lượng gạo của thế giới là từ châu Á.
Phụ nữ vận bị hạn chế quyền về đất đai.	Giá lương thực và thực phẩm thiết yếu tiếp tục tăng.
Phụ nữ nông thôn, đặc biệt là người nghèo, phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp tự cung tự cấp.	Phụ nữ sản xuất 60-80% thực phẩm sản xuất trong nước.
Lũ lụt, bão và lốc xoáy sẽ làm gia súc bị thiệt hại.	Phụ nữ và trẻ em gái thường ăn sau cùng và là những người đầu tiên bỏ ăn trong lúc gia đình thiếu hụt lương thực.
Phụ nữ nông dân thường không được chính quyền công nhận là nông dân.	Các dịch vụ khuyến nông thường hướng đến nam giới; những người được coi là "nông dân".
Phụ nữ cũng thiếu khả năng tiếp cận tài chính và các phương thức kinh doanh hiện đại.	Phụ nữ có thông tin kỹ thuật hạn chế về các thực hành thông minh với khí hậu.
Phụ nữ bị hạn chế tiếp cận với thông tin thời tiết và hệ thống cảnh báo sớm.	Phụ nữ có tỷ lệ thành viên hợp tác xã sản xuất thấp hơn nam giới.
Đồng bằng Indo-Gangetic sẽ chứng kiến sản lượng lúa mì giảm đáng kể.	Phụ nữ ưa thích sự đa dạng cây trồng cao hơn so với nam giới.
Căng thẳng về nước sẽ làm giảm năng suất cây trồng (lúa) đối với các hộ do phụ nữ làm chủ hộ.	Căng thẳng về nước sẽ làm tăng gánh nặng công việc của phụ nữ nông dân tự cung tự cấp.
Biến đổi khí hậu cũng sẽ làm tăng căng thẳng về nước.	Sản xuất thức ăn gia súc cũng sẽ bị ảnh hưởng.
Những thay đổi trong mô hình sử dụng đất sẽ được quan sát thấy	Phụ nữ có xu hướng sở hữu nhiều động vật nhỏ, chẳng hạn như gà, như một phương án sinh kế thay thế / đa dạng.
Chăn nuôi nhỏ lẻ sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn khi có bão lũ.	60% những người đói kinh niên là phụ nữ và trẻ em gái.
Phụ nữ có trách nhiệm chính là nấu ăn và đảm bảo thực phẩm cho gia đình.	Với khả năng tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực và dịch vụ, phụ nữ có thể tăng sản lượng nông trại của họ lên đến 20-30%.
Sản lượng lương thực tăng 20-30% có thể nuôi sống thêm 100-150 triệu người.	Phụ nữ thường đi đầu trong việc lựa chọn và bảo quản hạt giống.
Phụ nữ có kiến thức sâu rộng về hệ động thực vật trong môi trường sống của họ và các phương pháp bảo tồn tương ứng.	Theo truyền thống, phụ nữ đã sử dụng các nguồn tài nguyên bản địa để làm thực phẩm, thuốc men và năng lượng cho hoạt động hàng ngày.

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN A: NÔNG NGHIỆP VÀ AN NINH LƯƠNG THỰC

Phụ nữ cũng đóng một vai trò quan trọng như là tác nhân bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp và an ninh lương thực hộ gia đình thông qua các khu vườn hoặc mảnh đất nhỏ của hộ gia đình.	Giải quyết sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính và sản xuất, ra quyết định, thị trường và dịch vụ, đất và nước, kiến thức và công nghệ có thể là một chiến lược thích ứng chính để thúc đẩy sản xuất.
Phụ nữ đầu tư 90-95% số tiền họ nhận được liên quan đến đa dạng sinh học để cải thiện chất lượng cuộc sống của gia đình.	Mất đa dạng sinh học chủ yếu ảnh hưởng đến các cộng đồng nghèo và người bản địa, đặc biệt là phụ nữ.
Nam giới xuất cư dẫn đến việc nữ giới hóa nông nghiệp ngày càng tăng.	Phụ nữ có các chiến lược truyền thống để đảm bảo nguồn cung cấp lương thực trong trường hợp thiên tai như lũ lụt và hạn hán.
Phụ nữ chịu trách nhiệm về thức ăn và dự trữ hạt giống.	Gia súc nhỏ sẽ trở thành nguồn tiền mặt dễ dàng trong trường hợp khẩn cấp.
Các dự án TUBĐKH phát triển các giống mới chịu hạn, mặn và hoặc lũ lụt để đối phó với những thay đổi của hệ sinh thái.	Nếu các loại cây trồng hoặc giống mới mang lại lợi nhuận và do nam giới thống trị, có thể dẫn đến việc nam giới sẽ yêu phụ nữ ra khỏi các mảnh đất mà trước đây phụ nữ đã trồng cây lương thực tự cung tự cấp.
Các loài cây trồng (mới) năng suất cao và có khả năng chống chịu cao thường yêu cầu mức độ chăm sóc cao hơn.	Gánh nặng công việc của phụ nữ có thể tăng lên khi khuyến khích trồng các loài mới có năng suất cao hoặc có khả năng chống chịu với thiên tai.
Để tăng khả năng phục hồi, các công nghệ tiết kiệm thời gian và lao động mà có ích cho phụ nữ cần được chú trọng.	Các giống mới thường có thể yêu cầu sử dụng thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ mà không tính đến các yếu tố cụ thể về giới tính, đặc biệt ảnh hưởng đến phụ nữ mang thai.
Đàn ông có nhiều khả năng sở hữu những động vật lớn hơn, chẳng hạn như bò, cũng như các giống vật nuôi cải tiến.	Gia súc đặc biệt dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu
Phụ nữ cũng có vai trò chính trong việc chăm sóc gia súc.	Các vật nuôi nhỏ như dê và gà có thể được nuôi tại nhà và thường ít tốn kém hơn và ít cần chăm sóc hơn các vật nuôi lớn hơn như gia súc.
Các dự án TUBĐKH thúc đẩy cơ sở hạ tầng liên quan đến nước (đê bao, chuyển nước, hoặc kênh tưới tiêu) để chuyển nước ngọt đến các khu vực thiếu nước.	Các dự án cơ sở hạ tầng liên quan đến nước thường bỏ qua các yêu cầu của phụ nữ về nước ngọt cần thiết cho các hoạt động sản xuất và vệ sinh của họ.
Phụ nữ có vai trò chính trong việc chuẩn bị nước uống và nước sinh hoạt.	Phụ nữ thường quan tâm nhiều hơn đến nghề làm vườn hoặc cây cung cấp củ.

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN B: Y TẾ CÔNG CỘNG VÀ DỊCH TỄ

Biến đổi khí hậu đang làm tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe.	Có bằng chứng cho thấy tỷ lệ tử vong ở phụ nữ và trẻ em gái tăng lên trong các trận bão và lũ lụt.
Biến đổi khí hậu sẽ làm gia tăng các hiện tượng cực đoan, như bão và lũ lụt.	Phụ nữ cũng có nguy cơ tử vong cao hơn đáng kể trong các đợt nắng nóng.
Biến đổi khí hậu cũng sẽ dẫn đến các đợt nắng nóng.	Các bệnh lây truyền qua đường nước và véc tơ ảnh hưởng không tương xứng đối với nhóm người nghèo nhiều hơn.
Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng sự lây lan của các bệnh lây truyền qua đường nước và véc tơ như dịch tả, sốt xuất huyết, sốt rét và bệnh sán máng trên khắp thế giới.	Các tập quán văn hóa liên quan đến thanh trùng, hạn chế đi lại, mặc quần áo không phù hợp, thiếu kỹ năng bơi lội, hạn chế tiếp cận các hệ thống cảnh báo sớm, cùng với những yếu tố khác đã góp phần khiến phụ nữ phải sơ tán muộn dẫn đến tỷ lệ tử vong cao hơn.
Đàn ông có thể dễ bị sốt xuất huyết nhiều hơn phụ nữ.	Phụ nữ đặc biệt là phụ nữ có thai dễ mắc bệnh sốt rét hơn.
Bệnh tả có thể ảnh hưởng đến nam giới và phụ nữ như nhau ở nhiều khu vực	Có rất ít nghiên cứu có sẵn để nắm bắt các khía cạnh về giới trong vấn đề sức khỏe và BDKHGNRTT.
Nước lũ bị ô nhiễm sẽ làm gia tăng các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn và vi rút.	Nhiễm trùng do vi khuẩn và vi rút liên quan đến việc tiếp xúc với nước lũ ô nhiễm dường như ảnh hưởng đến phụ nữ nhiều hơn.
Phụ nữ có thể bị các vấn đề về da liên quan đến tiếp xúc với nước lũ quá mức	Nhiễm mặn dự kiến sẽ gia tăng cùng với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng, điều này được chỉ ra là ảnh hưởng đến phụ nữ mang thai như bị tiền sản giật, sản giật và tăng huyết áp.
Có xu hướng gia tăng việc mắc các bệnh phụ khoa do sử dụng nước không hợp vệ sinh và ngập úng.	Biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần, với việc gia tăng sự căng thẳng, đặc biệt là sau thảm họa thường dẫn đến trầm cảm và có thể xảy ra trường hợp nghiêm trọng hơn là tự tử.
Các dự án của TƯBDKH về y tế thúc đẩy nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe người dân.	Phụ nữ thường được giao nhiệm vụ 'giáo dục' về cách phòng chống những căn bệnh như vậy trong khu vực hộ gia đình.
Phụ nữ nói chung dễ bị phát triển các rối loạn liên quan đến căng thẳng, đặc biệt là rối loạn căng thẳng sau chấn thương (PTSD) và trầm cảm.	Nam giới có nhiều khả năng tự tử hơn.
Các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu cũng liên quan đến sự gia tăng bạo lực trên cơ sở giới.	Những người LGBTIQ, người khuyết tật không khuyết tật và trẻ em gái vị thành niên đặc biệt có nguy cơ bị quấy rối tình dục và bạo lực trong các khu tạm trú.
Trên thực tế, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái có tổ chức đang nổi lên như một nguy cơ tiềm ẩn nghiêm trọng liên quan đến các thảm họa liên quan đến khí hậu.	Phụ nữ ở các vùng ven biển cũng phải đối mặt với các tác động khác nhau liên quan đến việc tiêu thụ nước mặn, đặc biệt là tăng huyết áp khi mang thai.
Các thảm họa do khí hậu gây ra cũng sẽ dẫn đến thiệt hại đáng kể cho cơ sở hạ tầng và tài sản.	Các dịch vụ cơ bản như hệ thống cấp nước có thể bị hư hỏng khi thiên tai.
Biến đổi khí hậu cũng đe dọa khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ. Thiên tai liên quan đến khí hậu có khả năng cản trở việc tiếp cận chăm sóc sức khỏe sinh sản.	Phụ nữ bị ảnh hưởng nhiều hơn do khan hiếm nước, việc thiếu nước buộc họ phải đi bộ đường dài, mang vác nặng trong thời gian dài. Điều này sẽ gây tổn thương cho cột sống, cơ cổ và lưng dưới, dẫn đến cột sống bị lão hóa sớm.

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN B: Y TẾ CÔNG CỘNG VÀ DỊCH TỄ

Biến đổi khí hậu cũng có khả năng ảnh hưởng đến chăm sóc thai kỳ và sinh đẻ	Sự gia tăng gánh nặng bệnh tật do biến đổi khí hậu cũng sẽ ảnh hưởng đến vai trò chăm sóc của phụ nữ và trẻ em gái khi họ phải chăm sóc người bệnh tại nhà của mình.
Điều này làm tăng khối lượng công việc của họ và thường kết thúc bằng việc bỏ bê sức khỏe và hạnh phúc của chính họ.	Biến đổi khí hậu cũng được cho là sẽ làm gia tăng tình trạng khan hiếm nước, buộc nhiều gia đình phải sử dụng các nguồn nước không an toàn, bao gồm các dòng suối và ao hồ có nguy cơ bị ô nhiễm.
Tái diễn hạn hán sẽ làm trầm trọng thêm vấn đề nước.	Thiệt hại về công trình vệ sinh và khan hiếm nước, đặc biệt là nhà vệ sinh và nhà tắm không có nước máy, cũng hạn chế việc thực hành vệ sinh kinh nguyệt ở phụ nữ và trẻ em gái.
Tác động của thiên tai có thể làm trầm trọng thêm ảnh hưởng của những rào cản đã có từ trước trong việc phụ nữ phải tìm kiếm các dịch vụ sức khỏe sinh sản.	Biến đổi khí hậu cũng đe dọa sản xuất cây trồng về chất lượng và số lượng cây lương thực giảm sút, gây mất an ninh lương thực và thiếu dinh dưỡng.
Phụ nữ và trẻ em gái thường là những người ăn cuối cùng và là những người đầu tiên bị bỏ qua khẩu phần ăn và dinh dưỡng trong thời kỳ khan hiếm thức ăn.	Các nghiên cứu cho thấy sau bão, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh tăng ở trẻ em gái nhưng không tăng ở trẻ em trai, điều này khiến các nhà nghiên cứu cho rằng do sự cạnh tranh về nguồn lực khan hiếm thực phẩm trong các gia đình nên sự chăm sóc cho các bé gái sơ sinh đã bị bỏ qua..
Tác động của biến đổi khí hậu đối với tình trạng suy dinh dưỡng sẽ làm tăng năm sống được điều chỉnh theo khuyết tật (DALY) ở các nước đang phát triển.	Phụ nữ dễ bị thiếu hụt dinh dưỡng hơn so với nam giới vì nhu cầu dinh dưỡng khác nhau của họ, đặc biệt là khi phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.
Trẻ em gái cũng phải đối mặt với nguy cơ thậm chí còn nghiêm trọng hơn do sự ảnh hưởng của các thảm họa từ khí hậu gây ra, chẳng hạn như tình trạng tảo hôn ngày càng gia tăng.	Tính dễ bị tổn thương của nam giới đối với tỷ lệ tử vong trong thảm họa là do các chuẩn mực giới thúc đẩy việc nam giới phải chấp nhận rủi ro và là người bảo vệ hay trụ cột..
Phụ nữ thường thiếu hoặc ít được tiếp cận với các dịch vụ y tế.	Phụ nữ chiếm phần lớn trong số những người
chăm sóc người bệnh (cả với tư cách là người chăm sóc hộ gia đình và nhân viên y tế tuyến đầu).	
Các dự án của TUBĐKH về y tế thúc đẩy tăng cường các hệ thống cảnh báo sớm và giám sát dịch bệnh.	Các dự án TUBĐKH thúc đẩy phát triển các công nghệ phù hợp và các tiêu chuẩn thay đổi hành vi để phòng chống dịch bệnh.

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN C: VÙNG VEN BIỂN

Các vùng ven biển chứa các hệ sinh thái độc đáo với các hoạt động và tiềm năng kinh tế quan trọng	Các vùng ven biển thường có mật độ dân số cao hơn so với các vùng nội địa.
Nhiệt độ tăng cũng có thể dẫn đến thay đổi mô hình di cư của cá và sự tuyệt chủng cục bộ của các loài cá	Sinh kế của các cộng đồng ngư dân sẽ bị ảnh hưởng nhiều do sự thay đổi về nguồn cá.
Bão (bao gồm cả các cơn bão nhiệt đới như bão và lốc xoáy, cũng như giông bão) và lũ lụt gây thiệt hại về tính mạng và tài sản cho các cộng đồng ven biển.	Châu Á đã chiếm hơn 90% dân số toàn cầu tiếp xúc với các xoáy thuận nhiệt đới.
Các hệ thống biển và ven biển đang chịu áp lực ngày càng tăng do biến đổi khí hậu.	Sự thay đổi của hệ sinh thái biển và thiên tai thường xuyên cũng sẽ ảnh hưởng đến du lịch.
Du lịch là một nguồn thu nhập bổ sung chính của hầu hết các gia đình ven biển.	Biến đổi khí hậu sẽ làm tổn hại đến các hệ sinh thái ven biển.
Thiệt hại đối với các hệ sinh thái ven biển sẽ gây mất sinh kế cho hàng triệu người, đặc biệt là người nghèo và phụ nữ.	Các vùng đất ngập nước ngọt ven biển cũng sẽ dễ bị xâm nhập mặn cùng với mực nước biển dâng cao.
Nguồn nước với các mức độ mặn khác nhau sẽ bị ô nhiễm do nước mặn xâm nhập.	Ít nhất 1/10 người trên toàn thế giới sống gần bờ biển ở khu vực trũng thấp, hầu hết họ ở Hoa Kỳ và các nước châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Việt Nam và Indonesia.
Các hệ sinh thái biển sẽ bị ảnh hưởng do độ axit của đại dương và nhiệt độ nước tăng lên.	Điều này sẽ dẫn đến sự suy giảm đáng kể đa dạng sinh học, đặc biệt là sự mất cục bộ của các loài thụ phấn.
Mất đi các loài thụ phấn sẽ có nguy cơ làm mất nguồn thức ăn cho các cộng đồng ven biển.	Nước mặn xâm nhập sẽ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là năng suất lúa.
Mực nước biển dâng kết hợp với cường độ xoáy thuận có thể làm gia tăng lũ lụt ven biển.	Các khu vực ven biển cũng cung cấp các rào chắn tự nhiên ứng phó các thảm họa, như bão và lốc xoáy.
Suy thoái các hệ sinh thái ven biển, đặc biệt là rạn san hô và rừng ngập mặn, sẽ làm trầm trọng thêm tác hại của sóng.	Nhiệt độ mùa đông tăng cũng dự kiến sẽ dẫn đến tăng tính cực đoan lên các hệ sinh thái rừng ngập mặn.
Bão và các thảm họa tương tự do biến đổi khí hậu gây ra cũng sẽ khiến hàng triệu người dân ven biển phải di dời	Mực nước biển dâng dự kiến sẽ vượt quá mức cho phép.
Mực nước biển dâng sẽ làm gia tăng lũ lụt ven biển, xói mòn và xâm nhập mặn vào các mạch nước mặt và nước ngầm.	Với mực nước biển dâng, các bãi biển có thể bị xói mòn và rừng ngập mặn, đầm muối và thảm cỏ biển sẽ suy giảm.
Các thảm họa do khí hậu gây ra cũng sẽ dẫn đến thiệt hại đáng kể cho cơ sở hạ tầng và tài sản.	Các dịch vụ cơ bản như hệ thống cấp nước có thể bị hư hỏng khi thiên tai.
Trường học cũng có thể bị hư hại và đóng cửa trong các sự kiện thiên tai lớn như bão.	Phụ nữ dễ bị chết trong thảm họa nhiều hơn nam giới.
Các thực hành văn hóa xã hội như hạn chế di chuyển của phụ nữ, hạn chế tiếp cận thông tin và hệ thống cảnh báo sớm, trang phục truyền thống và thiếu kỹ năng bơi lội đã cản trở việc sơ tán của phụ nữ một cách nhanh chóng khi xảy ra thiên tai.	Chỉ riêng ở khu vực Thái Bình Dương, người ta ước tính rằng phụ nữ tham gia đánh bắt khoảng 1/4 tổng lượng hải sản thu hoạch được. Ở Campuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam và Philippines, có những cộng đồng mà phụ nữ có vai trò lớn hơn trong sản xuất nuôi trồng và thu hoạch các sinh vật ven bờ so với nam giới.

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỀ GIỚI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NGÀNH

PHẦN C: VÙNG VEN BIỂN

Các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu cũng liên quan đến sự gia tăng bạo lực trên cơ sở giới.	Những người LGBTQ, người khuyết tật và không khuyết tật và trẻ em gái vị thành niên đặc biệt có nguy cơ bị quấy rối tình dục và bạo lực trong các trại tạm trú.
Trên thực tế, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái có tổ chức đang nổi lên như một nguy cơ tiềm ẩn nghiêm trọng liên quan đến các thảm họa liên quan đến khí hậu.	Các hộ do phụ nữ làm chủ hộ thường dễ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt và chịu các tác động khác do bão.
Phụ nữ tham gia vào lĩnh vực thủy sản, đặc biệt phụ nữ tham gia vào việc chế biến cá, chuẩn bị cá để đưa ra thị trường và thu hoạch cá quy mô nhỏ - những hoạt động gần bờ.	Việc mất nguồn dinh dưỡng của các nguồn tài nguyên gần bờ cũng ảnh hưởng nhiều hơn đến phụ nữ, đặc biệt là khi an ninh lương thực và dinh dưỡng hộ gia đình bị đe dọa.
Nam giới rời cộng đồng tìm thu nhập để phục hồi sau thảm họa.	Hậu quả của một thảm họa cũng gây áp lực nặng nề lên phụ nữ khi họ bị tăng khối lượng công việc hàng ngày của mình.
Người bản địa và phụ nữ thường chủ yếu được tuyển dụng vào các công việc được trả lương thấp trong lĩnh vực du lịch.	Phụ nữ có thể bị các vấn đề về da liên quan đến tiếp xúc với nước lợ một cách quá mức
Nữ giới gồm , cả phụ nữ và trẻ em gái, có biểu hiện rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý (PTSD) nhiều hơn so với nam giới.	Phụ nữ ở các vùng ven biển cũng phải đối mặt với các tác động khác nhau liên quan đến việc sử dụng nước mặn, đặc biệt là tăng huyết áp khi mang thai.
Biến đổi khí hậu cũng đe dọa khả năng tiếp cận các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ. Thiên tai liên quan đến khí hậu có khả năng cản trở việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.	Tác động của thiên tai có thể làm trầm trọng thêm ảnh hưởng của những rào cản đã có từ trước trong việc phụ nữ phải tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.
Các dự án TUBĐKH về bảo vệ đường bờ biển bao gồm xây dựng các hàng rào vật lý (ví dụ như tường chắn sóng, đê chắn sóng, rọ đá, mỏ hàn và cống).	Nếu không áp dụng lăng kính giới, các dự án xây dựng có thể tạo ra các nguồn việc làm ưu tiên tuyển dụng lực lượng lao động nam mà không có cơ hội việc làm cho phụ nữ.
việc hoạch định chính sách lập kế hoạch thiên tai thường xuyên không tính đến nhu cầu và mối quan tâm của phụ nữ dẫn đến phụ nữ thường bị gia tăng tính dễ bị tổn thương	Phụ nữ thường không tham gia vào việc thiết kế các không gian xung quanh họ, bởi vì xây dựng thường được coi là công việc của nam giới.
Thông tin liên quan đến các mối hiểm họa có thể không được cung cấp theo cách mà phụ nữ có thể dễ dàng tiếp cận.	Phụ nữ và nam giới có mong muốn khác nhau về cách nghe cảnh báo, vì phụ nữ thường ít tiếp cận với đài, ti vi và điện thoại di động hơn nam giới.
Do khoảng cách địa lý phụ nữ cũng bị ảnh hưởng nhiều hơn do không thể tiếp cận nơi trú ẩn.	Các quyết định sơ tán trong nhiều xã hội đối với toàn bộ gia đình thường do nam giới đưa ra.
Phụ nữ cũng phải đối mặt với việc tăng nguy cơ về việc nơi trú ẩn thường không được thiết kế để cung cấp đủ không gian hoặc sự riêng tư cho họ.	Các dự án TUBĐKH cũng thúc đẩy việc bảo vệ các hệ sinh thái hiện có và tái trồng rừng các khu vực tiếp giáp với bờ biển.
Việc phục hồi các hệ sinh thái bị hư hại có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới bằng cách khuyến khích nhiều phụ nữ làm công việc tự nguyện (không được trả công) trong các hoạt động phục hồi và bảo tồn.	Việc đưa các loài thực vật và động vật bản địa và chịu mặn vào để bảo vệ / tái lập lại hệ thực vật bờ biển mà không tham khảo ý kiến và tính đến kiến thức của phụ nữ, có thể có tác động tiêu cực đến lợi ích của phụ nữ.
Do tập trung vào các hoạt động thường phụ thuộc vào thu hoạch, các nhiệm vụ của phụ nữ liên quan đến nghề cá không được ưu tiên trong các phân tích kinh tế hoặc đầu tư nguồn lực.	Các sự kiện cực đoan như bão thường gây thiệt hại cho cơ sở hạ tầng dịch vụ y tế.
Hầu hết các dự án đánh bắt đều hướng tới nam giới và sự tham gia của phụ nữ bị hạn chế đối với việc lập kế hoạch, lập chương trình và quản lý.	Các công việc trong lĩnh vực du lịch duy trì các hình thức công việc truyền thống bằng việc phân chia công việc theo giới tính (tức là thuê phụ nữ làm dọn phòng và nấu ăn).

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 1: TRAO QUYỀN KINH TẾ CHO PHỤ NỮ THÔNG QUA NÂNG CAO CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP (WEAVE)

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
VIỆT NAM	Oxfam, Care International, SNV	Nông nghiệp
MÔ TẢ:	<p>WEAVE hỗ trợ trao quyền kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số với thị lợn, quế và chuỗi giá trị chuỗi. Trong mỗi chuỗi giá trị, tiềm năng của các nhà sản xuất là phụ nữ bị hạn chế do họ thiếu khả năng tiếp cận thị trường an toàn, kỹ năng kỹ thuật và tài chính cùng với sự phân chia vai trò và trách nhiệm giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình cũng như công việc, điều này đã loại trừ phụ nữ ra quyết định và dẫn đến tăng khối lượng công việc trong gia đình và công việc tạo ra thu nhập. Trong giai đoạn 2013-2015, dự án đã hỗ trợ hơn 1.720 phụ nữ dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa tìm hiểu về quyền của họ và tiếp cận tài chính cho các hoạt động tạo thu nhập thông qua việc thành lập 41 VSLAs cho phụ nữ và duy trì 30 nhóm phụ nữ hiện có. Dự án đã làm việc với 426 phụ nữ dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa, đào tạo họ về biến đổi khí hậu và giúp họ xác định và thực hiện các phương án sinh kế mới thích ứng với khí hậu.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Bên cạnh việc phụ nữ làm đối tác phát triển chính, dự án còn nhằm thúc đẩy bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong các hộ gia đình và các nhóm sản xuất, tăng cường kỹ năng và khả năng thương lượng của phụ nữ và nam giới, đồng thời làm việc với các nhà ra quyết định trong chính phủ và các doanh nghiệp để cải thiện môi trường chính sách để hỗ trợ người sản xuất. Thông qua các hoạt động và thảo luận hướng đến cả phụ nữ và nam giới, dự án đã hỗ trợ bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới để phụ nữ có thể được tăng khả năng hưởng lợi từ công việc của họ trong chuỗi giá trị chuỗi, quế và thị lợn</p> <p>Dự án cũng hoàn thành phân tích giới có sự tham gia để xác định vai trò, trách nhiệm và các chuẩn mực giới có hại đối với phụ nữ và nam giới, đồng thời làm việc với cộng đồng để xây dựng các Kế hoạch hành động nhằm giải quyết các chuẩn mực có hại. Dự án cũng thu hút hơn 400 người tham gia dự án và các đối tác trong đối thoại về bạo lực trên cơ sở giới, với các điều hành viên của nhóm phụ nữ nông cốt đã thể hiện cam kết tăng cường giải quyết vấn đề này. Hoạt động này bao gồm hợp tác với các quan chức là nam giới để tạo không gian cho tiếng nói của phụ nữ trong các diễn đàn ra quyết định và thiết lập mạng lưới về 'Sự tham gia của nam giới vì bình đẳng giới' để thúc đẩy quyền của phụ nữ.</p>	

Nguồn: Tổ chức Care quốc tế, Oxfam và SNV nd)

VÍ DỤ 2: VƯỜN RAU MANG LẠI LỢI NHUẬN THỰC SỰ CHO PHỤ NỮ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
CAMPUCHIA	UNEP, UN Women	Nông nghiệp, Năng lượng
MÔ TẢ:	<p>UN Women và UN Environment đã cùng khởi xướng dự án EmPower, nhằm tăng cường các chính sách về khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai có đáp ứng giới. Từ năm 2018 đến năm 2022, chương trình sẽ tập trung vào Bangladesh, Campuchia và Việt Nam, cùng với nhiều đối tác chính phủ, phi chính phủ và tổ chức xã hội dân sự, nhằm đạt được mục tiêu này.</p> <p>Tại tỉnh Pursat của Campuchia, dự án được xây dựng dựa trên nghiên cứu phạm vi của Trao quyền và Mỗi quan hệ để phát triển, trong đó nêu rõ khu vực này đang phải đối mặt với gánh nặng kép là thừa và thiếu nước như thế nào. Mặt khác, có những tháng giũ lụt cuốn trôi mùa màng nhưng trong một số tháng khác, nước cạn kiệt, ruộng khô héo và dân làng phải đi bộ tới 20 km để lấy nước. Với mục đích thúc đẩy sinh kế thích ứng với khí hậu, dự án khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ sử dụng năng lượng tái tạo - máy bơm nước chạy bằng điện, máy hút khí sinh học, ướp lạnh và máy sấy thu hoạch - có thể mang lại lợi ích to lớn về lâu dài cho phụ nữ nông dân.</p> <p>Thông qua hỗ trợ từ dự án, phụ nữ cũng đã bắt đầu đa dạng hóa các vườn rau tại nhà. Từ súp lơ Trung Quốc đến xà lách và bầu bí, đa canh ở những khu vườn này, hoạt động này không chỉ giúp giữ đất đai màu mỡ mà còn là nguồn thu nhập ổn định, mang lại gần 500 USD cho mỗi chu kỳ trồng trọt. Nước tưới cho các khu vườn được lấy từ các giếng địa phương / gia đình, với sự hỗ trợ của máy bơm điện và / hoặc máy phát điện chạy dầu diesel, đã được kích hoạt thông qua việc thúc đẩy năng lượng tái tạo ở những khu vực mà việc tiếp cận với lưới điện vẫn còn là một thách thức.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Phần quan trọng nhất của dự án này là khuyến khích phụ nữ và các nhóm yếu thế tham gia vào quá trình ra quyết định; tạo, phân tích và sử dụng số liệu phân tách giới, tuổi và tình trạng khuyết tật (SADDD) để cung cấp thông tin về chính sách; nâng cao khả năng đáp ứng giới trong các chính sách giảm nhẹ rủi ro thiên tai và khí hậu; cho phép phụ nữ sử dụng năng lượng tái tạo làm nguồn lực kinh tế cho các sinh kế bền vững; và cải thiện cơ chế, quy trình và kiến thức khu vực về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, bao gồm giới và quyền con người.</p>	

Nguồn: Tổ chức Care quốc tế, Oxfam và SNV nd)

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 3: THỨC ĐẨY KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI KHÍ HẬU CHO PHỤ NỮ THÔNG QUA CANH TÁC SINH HỌC VÀ TRỒNG RAU GIỮ NƯỚC

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
NEPAL	Aabash Memorial	Nông nghiệp
MÔ TẢ:	<p>Dự án Aabash Memorial Foundation (AMF) thông qua các đánh giá và đào tạo thực tế về khả năng chống chịu với môi trường đã trao quyền cho những phụ nữ bị thiệt thòi khi đối mặt với biến đổi khí hậu và khan hiếm nước trong cộng đồng Khokana ở Nepal. Các hành động được thực hiện thông qua phổ biến kiến thức về tác động khí hậu, cùng với các đánh giá thực tế.</p> <p>Dự án tập trung vào an ninh lương thực và nguồn nước sẵn có và phụ nữ được trao quyền tự chủ trong việc ra quyết định liên quan đến các loại rau giữ nước để cải thiện giống cây trồng, kiến thức về hệ thống canh tác sinh học, tác động của biến đổi khí hậu và các biện pháp bền vững sẽ giúp để xây dựng khả năng thích ứng trong thời kỳ khan hiếm nước trên đất nông nghiệp của họ.</p> <p>Các hoạt động bao gồm các chương trình nâng cao nhận thức trường học / cao đẳng / nhóm phụ nữ, thảo luận kỹ thuật theo nhóm và trình bày về năng lượng mặt trời. Các chỉ số chính về khả năng chi trả và tính bền vững bao gồm tăng cường cung cấp lương thực với các loại cây giữ nước; giảm giờ làm việc và thời gian để lấy nước; ít xung đột hơn; và doanh thu từ phân trùn quế.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Phần quan trọng nhất của dự án này là trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái sống trong một cộng đồng có tỷ lệ biết chữ thấp. Dự án cũng nhằm trao quyền cho họ bằng cách giảng dạy về tác động của biến đổi khí hậu, các giải pháp bền vững, tập huấn về trình bày năng lượng mặt trời, hệ thống thu hoạch nước mưa và các hoạt động khác. Bên cạnh đó, phụ nữ và trẻ em gái cũng học cách làm phân trùn quế bằng chất thải rắn và họ sẽ bán phân trộn để tạo doanh thu.</p>	
<i>Nguồn: (Các Giải pháp Khí hậu Công bằng Giới 2017)</i>		

VÍ DỤ 4: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI CỘNG ĐỒNG (CLDP)

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
NEPAL	Ngân hàng phát triển châu á	Chăn nuôi
MÔ TẢ:	<p>Mục tiêu của Dự án Phát triển Chăn nuôi Cộng đồng Nepal (CLDP) là giảm nghèo ở các cộng đồng nông thôn thông qua phát triển hòa nhập về giới và xã hội. Mục đích của dự án là cải thiện an ninh lương thực, dinh dưỡng, thu nhập và việc làm cho 164.000 gia đình thông qua tăng năng suất từ chăn nuôi và các doanh nghiệp liên quan đến chăn nuôi quy mô nhỏ ở 48 trong số 75 huyện ở cả 5 vùng của Nepal. Các thành phần chính của dự án bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> > Hình thành 3.450 nhóm nông dân khác nhau (ít nhất 35% là phụ nữ) với mỗi nhóm là 20 hộ để lựa chọn một doanh nghiệp trong danh sách 15 doanh nghiệp chăn nuôi. > Xác định 15 mô hình cải tiến chăn nuôi để đầu tư phù hợp, bao gồm phát triển thức ăn gia súc, nuôi bê, dê, lợn và gia cầm, tạo điều kiện cho người nghèo tham gia, bao gồm phụ nữ, các nhóm yếu thế và nông dân không có đất. > Chế biến quy mô nhỏ và tiếp thị sản phẩm vật nuôi và chăn nuôi để tạo việc làm và nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Các doanh nghiệp bao gồm từ chợ động vật sống đến trung tâm ướp lạnh sữa, cơ sở chế biến sữa, cơ sở giết mổ, cửa hàng thịt và cơ sở thực hành thú y. > Tăng cường tiếp cận cộng đồng ở các vùng cao thông qua các cuộc khảo sát và đánh giá nông thôn có sự tham gia được thực hiện để xác định nhu cầu phát triển tổng thể và nhu cầu cụ thể để cải thiện chăn nuôi ở các khu vực thí điểm. 	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Do phụ nữ chiếm ưu thế trong ngành chăn nuôi, nên tác động, kết quả dự kiến và đầu ra của dự án CLDP bao gồm các mục tiêu và chỉ số hoạt động dựa trên giới, và dự án được phân loại với chủ đề bình đẳng giới. Để tạo điều kiện cho việc lồng ghép giới trong suốt quá trình thực hiện dự án nhằm đạt được lồng ghép giới trong các kết quả của dự án, dự án yêu cầu tất cả các cuộc điều tra và đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân để thu thập thông tin về sinh kế, các hoạt động sản xuất và chế biến chăn nuôi chất lượng cao, giải quyết các vấn đề về giới thông qua tham vấn với cả nam giới và phụ nữ.</p> <p>Đánh giá kinh tế xã hội trong quá trình chuẩn bị dự án cho thấy rằng trong khi chỉ có một tỷ lệ nhỏ phụ nữ và nam giới nghèo được tiếp cận với các khóa tập huấn trong cải thiện việc chăm sóc vật nuôi, phụ nữ đặc biệt khó tiếp cận và khó tổ chức thành nhóm do họ phải đối mặt với chi phí cơ hội cao hơn do việc hoàn vốn đầu tư bị chậm trễ. .</p> <p>Kế hoạch hành động về giới (GAP) gồm các thành phần đã được xây dựng trong giai đoạn thiết kế: trong đó tập trung vào việc đảm bảo rằng 35% nông dân trong tất cả các hoạt động là phụ nữ; 50% người tham gia tập huấn và người nhận vốn vay là phụ nữ và phụ nữ đã được hỗ trợ cần thiết để tham gia vào các nhóm nông dân và ban điều phối nông dân cấp phường, hiệp hội cộng đồng và hợp tác xã. Dự án cũng tập trung vào việc thúc đẩy một nữ doanh nhân kiểu mẫu cho mỗi huyện dự án để tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào phát triển doanh nghiệp.</p>	
<i>ADB 2010)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 5: TRAO QUYỀN KINH TẾ CHO PHỤ NỮ NÔNG THÔN VỀ NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI VÀ TINH THẦN KINH DOANH VI MÔ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
ẤN ĐỘ	AIWC– Priyadarshini Mahila Samajam	Nông nghiệp; Năng lượng
MÔ TẢ:	Dự án năng lượng xanh này nhằm chứng minh tính bền vững kinh tế và tác động giới của việc bán trái cây, rau và gia vị sấy khô bằng năng lượng mặt trời. Doanh nghiệp siêu nhỏ do 5 phụ nữ thành lập và quản lý sử dụng hai máy sấy năng lượng mặt trời (công suất 50 kg mỗi máy) để chế biến và biến các loại trái cây và rau quả theo mùa của địa phương thành các sản phẩm thực phẩm đóng gói để tăng thêm giá trị cho sản phẩm. Họ làm việc với 43 nhà cung cấp nữ, những người nhận được doanh thu bổ sung quan trọng và giảm việc lãng phí sản phẩm. Tổ chức đào tạo các nhóm phụ nữ về quy trình làm khô bằng năng lượng mặt trời và kỹ năng tiếp thị.	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	Phụ nữ được trao quyền thông qua sản xuất tại địa phương và bán các sản phẩm thực phẩm có giá trị gia tăng cao. Tăng doanh thu cho nhân viên nữ và nhà cung cấp (từ 10 đô la Mỹ lên 30 đô la Mỹ mỗi tháng, tùy theo mùa và sản phẩm). Giảm gánh nặng lao động (hai giờ mỗi ngày), tạo thời gian cho các hoạt động tạo thu nhập khác. Tham gia vào các quyết định mua và chế biến, tiếp thị và chia sẻ lợi nhuận. Doanh nghiệp siêu nhỏ tham gia các hội chợ và lễ hội để chia sẻ kiến thức và hỗ trợ đào tạo.	
<i>Nguồn: (Các sáng kiến khí hậu công bằng giới 2016)</i>		

VÍ DỤ 6: TRANG TRẠI ORGANIK: TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ ĐỂ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC BỀN VỮNG, THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
VIỆT NAM	APFSVA - Hiệp hội Pour la Promotion des Femmes Scientifiques Vietnamiennes	An ninh lương thực
MÔ TẢ:	Trang trại Organik (được thành lập tại Đà Lạt, Việt Nam năm 2007) là một ví dụ hoàn hảo về trao quyền cho phụ nữ thông qua canh tác bền vững, thích ứng với khí hậu và phân phối lương thực. Chế biến các loại rau và trái cây Organik được chứng nhận "sinh học" từ các vùng đất miền núi. Rau được trồng theo tiêu chuẩn GAP (Thực hành nông nghiệp tốt) và tiêu chuẩn hữu cơ. Sản phẩm được phân phối thông qua các cửa hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh, cửa hàng trực tuyến, các kênh bán lẻ đa dạng và xuất khẩu sang Campuchia và Thái Lan. Trang trại có sự tham gia của phụ nữ ở tất cả các cấp: làm nông, bán hàng, kế toán, thu mua và quản lý. Dự án đưa ra một chính sách về giá cụ thể cho các trường học và bệnh viện, đảm bảo chế độ ăn uống hữu cơ cho trẻ em và người bệnh.	
	Trang trại duy trì hệ sinh thái, đảm bảo sự hiện diện của côn trùng có ích, đa dạng hơn dưới mặt đất, chu kỳ dinh dưỡng, ngăn chặn dịch bệnh, cố định nitơ. Hiệu suất của dự án là tốt trong việc tiêu thụ năng lượng, bảo tồn đất, sử dụng nước hiệu quả, tăng độ tinh khiết của nước và sức khỏe của đất (luân canh cây trồng, phân xanh, làm phân trộn), chứng minh rằng một trang trại có thể quản lý tài nguyên bền vững và thân thiện với khí hậu.	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	Trẻ em gái và phụ nữ Việt Nam tiếp tục bị bạo lực trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới. Trang trại Organik có 55 nhân viên, trong đó 44 nữ: 8 trong số 17 nông dân, 20 trong số 21 nhân viên chế biến, 12 trong số 14 quản lý và 2 trong số 3 trợ lý cửa hàng. Nhân viên được thăng chức trong công việc rất nhanh. Organik đào tạo phụ nữ về GAP hữu cơ; vệ sinh an toàn thực phẩm; phạm vi không phun thuốc; không biến đổi gen; cắt xoay; cây con; kiểm soát dịch hại tự nhiên; chăn nuôi gia súc. Họ cũng xây dựng năng lực về việc ra quyết định bán hàng, mua hàng và điều phối theo lịch trình thị trường.	
<i>Nguồn: (Các sáng kiến khí hậu công bằng giới 2017)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 7: CHƯƠNG TRÌNH SINH KẾ NGHỀ CÁ CHO KHU VỰC NAM VÀ ĐÔNG NAM Á (RFLP)

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
NAM VÀ ĐÔNG NAM Á	Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO)	Thủy sản
MÔ TẢ:	<p>RFLP là một dự án kéo dài 4 năm (2009-2013), nhằm tăng cường năng lực cho các cộng đồng ngư dân quy mô nhỏ tham gia và các tổ chức hỗ trợ của họ ở Campuchia, Indonesia, Philippines, Sri Lanka, Đông Timo và Việt Nam. Dự án tìm cách cải thiện sinh kế của ngư dân và gia đình của họ trong khi thúc đẩy các thực hành quản lý nguồn lợi thủy sản bền vững hơn. Dự án có sáu lĩnh vực trọng tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> > Cơ chế đồng quản lý để sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản > Cải thiện an toàn trên biển và giảm nguy cơ dễ bị tổn thương cho các cộng đồng ngư dân quy mô nhỏ > Cải thiện chất lượng sản phẩm thủy sản và chuỗi thị trường > Tăng cường hoặc đa dạng cơ hội thu nhập cho các gia đình ngư dân > Tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ tài chính vi mô > Tăng cường chia sẻ kiến thức 	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Dự án đặc biệt tập trung vào việc thực hiện phân tích giới để hiểu vai trò giới trong các cộng đồng ngư dân. Điều này được sử dụng để cung cấp các khóa đào tạo về giới cho nam giới và phụ nữ trong các cộng đồng ngư dân. Các khóa đào tạo là cơ hội để những người làm công việc trung bình nhận thức về "góc nhìn giới" và "định kiến giới trong ngành thủy sản". RFLP cũng tập trung nỗ lực vào việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định, bao gồm cả sự tham gia của họ vào các cơ chế đồng quản lý, thực hiện các vai trò khác nhau trong các can thiệp quản lý nghề cá. Tại Philippines, RFLP đã lồng ghép giới vào các Kế hoạch Quản lý Tài nguyên và Thủy sản ven biển (CRFM) của các Đơn vị Chính quyền Địa phương (LGUs). Do đó, phụ nữ sẽ đóng vai trò là người giữ cá và những người thực thi luật thủy sản. RFLP cũng đang làm việc với các cộng đồng để thiết lập một khu vực do phụ nữ quản lý. Tại Sri Lanka, việc đưa các đại diện phụ nữ vào các ủy ban điều phối đồng quản lý là bắt buộc, cũng như việc đưa tối thiểu hai nữ giám đốc vào Hiệp hội Mạng lưới Tài chính ngư nghiệp. Tại Đông Timo, lần đầu tiên phụ nữ đã tham gia với tư cách là người ký kết Tara Bandu được ghi nhận, một phương thức quản lý tài nguyên ven biển truyền thống. Chính quyền địa phương và cộng đồng đã được thông báo về sự cần thiết để phụ nữ tham gia vào việc quản lý tài nguyên và đồng ý với yêu cầu của RFLP để bao gồm phụ nữ là người ký kết của tài liệu Tara Bandu. Phụ nữ hiện có vai trò trong việc chính thức hóa hệ thống quản lý tài nguyên truyền thống và dựa vào cộng đồng, mặc dù là hệ thống chủ yếu mang tính biểu tượng, nhưng một vai trò mà họ không có trước khi có sự can thiệp của RFLP. Với tư cách là người ký kết, giờ đây họ sẽ tham gia vào tất cả các cuộc họp đưa ra quyết định. Tại Việt Nam, RFLP đã hỗ trợ 16 Hiệp hội Nghề cá (FAs) giữa các tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. FAs là tổ chức dựa vào cộng đồng chủ yếu là nam giới đánh cá - trong số 1.335 thành viên, chỉ có 36 người là phụ nữ. Ở Việt Nam, việc nam giới đại diện hộ khẩu trong hầu hết các hộ gia đình là chuyện bình thường. Lập luận của chính quyền địa phương là ngay cả khi tên phụ nữ không xuất hiện trong FA, họ vẫn được coi là thành viên FAs. RFLP đã làm việc này để tăng số lượng thành viên FA là phụ nữ và khuyến khích sự tham gia tích cực của họ, thông qua một chương trình khuyến khích bao gồm: i) cung cấp hỗ trợ thực hiện mô hình sinh kế cho phụ nữ chỉ là thành viên FA; và ii) quy định rằng phí thành viên là của hộ gia đình, thay vì cá nhân. Nghĩa là nếu cả vợ và chồng đều là thành viên thì chỉ cần đóng một khoản phí.</p>	
Nguồn:(FAO 2012)		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 8: TRAO QUYỀN CHO CÁC NHÓM PHỤ NỮ Ở CÁC KHU VỰC BỊ THIÊN TAI THÔNG QUA QUẢN LÝ NƯỚC BỀN VỮNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
INDONESIA	Ban khẩn cấp YAKKUM (YEU)	Nước
MÔ TẢ:	<p>Các huyện Gemawang, Kaloran và Temmangung ở Trung Java đã bị đe dọa bởi sự khan hiếm nước và sạt lở đất do phá rừng. Dự án này nhằm trao quyền cho các nhóm phụ nữ để họ xác định và thực hiện các chiến lược thích ứng trong cộng đồng của họ. Những người phụ nữ tiến hành đánh giá thực tế và nghiên cứu có thể thực hiện được với chính quyền thôn bản và các chuyên gia về nước và lựa chọn công nghệ quản lý nước phù hợp để thích ứng với thay đổi môi trường Họ sử dụng các giải pháp tiết kiệm nước, kỹ thuật thấm nước và vệ sinh sinh thái, cải thiện sinh kế trong cộng đồng của họ.</p> <p>Nạn phá rừng hàng loạt ở khu vực Trung Java đã làm giảm đáng kể nguồn cung cấp nước ngầm và dẫn đến hạn hán nghiêm trọng. Việc rừng bị thay đổi chức năng đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng về đất đai và làm tăng nguy cơ sạt lở đất. Các nhóm phụ nữ và người dân ở các thôn vùng phụ cận đã cùng nhau phát triển hệ thống quản lý nước bền vững, bảo tồn các cây cổ thụ quan trọng và trồng lại cây non xung quanh nguồn nước để chống sạt lở, duy trì nguồn nước ngầm và bảo tồn hệ sinh thái cân bằng. Các biện pháp này là chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu hiệu quả.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Dự án được khởi xướng bởi phụ nữ. Các nhóm phụ nữ tham gia tích cực vào các quyết định về công nghệ quản lý nước và họ vận động chính sách ở cả cấp địa phương và khu vực. Mười thành viên của nhóm phụ nữ Muncar Lor's đã tham gia vào việc đánh giá thực tế của chính quyền khu vực về vấn đề nước. Bình đẳng giới cũng được tăng cường nhờ các hoạt động tạo thu nhập thông qua việc bán công nghệ nước. Thu nhập mới này có thể được sử dụng để duy trì cơ sở vật chất, thiết lập quỹ xã hội và đảm bảo sự phát triển của nhóm.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2016)</i>		

VÍ DỤ 9: TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
VIỆT NAM	Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam	Sinh kế LNOB
MÔ TẢ:	<p>Dự án này nhằm trao quyền cho phụ nữ dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa có khả năng ra quyết định, tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Để đạt được mục tiêu này, dự án tập trung vào bốn hợp phần: i) tiếng nói của phụ nữ trong kế hoạch phát triển địa phương; ii) sinh kế thích ứng với khí hậu; iii) duy trì các nhóm phụ nữ; và iv) Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Dự án hướng tới 4.500 phụ nữ và 3.000 nam giới người Thái, Tày, Dao và Hmong ở vùng núi phía Bắc xa xôi. Gần 90% phụ nữ nhận thức được biến đổi khí hậu và tác động của nó đối với cộng đồng của họ, và 43% phụ nữ nhóm phụ nữ đích của dự án đã được tăng thu nhập.</p> <p>Dự án đã làm việc với các cộng đồng bản địa để tiến hành đánh giá năng lực và mức độ dễ bị tổn thương do khí hậu, cũng như nghiên cứu về các mô hình sinh kế thích ứng với khí hậu. Lần đầu tiên trong đời, người dân địa phương phản ánh về biến đổi khí hậu và tác động của nó. Một hệ thống thâm canh lúa bền vững (SRI) đã được áp dụng. Người dân đã tiết kiệm được 40% số cây giống của họ, giảm được 40% lượng phân bón sử dụng và tiết kiệm được 30% lượng nước. Lượng khí thải carbon dioxide (CO2) từ thực hành SRI có thể giảm 70%. Mô hình này giúp nông dân thích ứng tốt hơn với hạn hán và thiên tai bằng cách giảm lượng nước sử dụng và rút ngắn thời gian canh tác.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Dự án thành lập mạng lưới bảo trợ xã hội cho phụ nữ địa phương thông qua hiệp hội tiết kiệm và vay vốn. Đây là một nền tảng để phụ nữ trò chuyện, chia sẻ, bắt đầu tiết kiệm và dễ dàng tiếp cận các khoản vay. Dự án này cải thiện sự tự tin và tinh thần đoàn kết của phụ nữ. Các khóa đào tạo kỹ thuật SRI đã được giới thiệu cho nam giới và phụ nữ. Lần đầu tiên, phụ nữ có thể nâng cao năng lực về kiến thức kỹ thuật và nông nghiệp, vốn thường do nam giới làm chủ. Kết quả là phụ nữ đã cải thiện thu nhập của họ lên 70 đô la Mỹ trên một mẫu lúa.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2016)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 10: PHỤ NỮ LÀ ĐỘNG LỰC THúc ĐẨY THAY ĐỔI ĐỂ TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT LƯƠNG THỰC BỀN VỮNG

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
ĐÀI LOAN	Tổ chức Homemakers United	An ninh lương thực
MÔ TẢ:	<p>Bắt đầu vào năm 2012, dự án này nhằm trao quyền cho phụ nữ và cộng đồng địa phương giải quyết các vấn đề an ninh lương thực do biến đổi khí hậu. Điều này đạt được bằng 4 cách: i) vận động phụ nữ áp dụng lối sống tiêu thụ thực phẩm các-bon thấp thông qua các hội thảo; ii) hỗ trợ phụ nữ phát động các chiến dịch biến đổi khí hậu trong cộng đồng của họ; iii) cung cấp bản đồ trực tuyến miễn phí để thúc đẩy nguồn cung cấp thực phẩm địa phương từ các "điểm xanh"; và iv) thu hút sự chú ý của chính phủ về giáo dục thực phẩm trong cộng đồng và trường học.</p> <p>Trong thập kỷ qua, số lượng và cường độ của các cơn bão ngày càng gia tăng, đe dọa nguồn cung cấp lương thực của Đài Loan. Homemakers United Foundation đã thuyết phục 580 nông dân nhỏ sử dụng hạt giống không GMO (hạt giống biến đổi gen) và thực hành canh tác bền vững. Từ năm 2012 đến năm 2016, 100 chương trình giáo dục thực phẩm đã được tổ chức tại Đài Bắc, Đài Trung và Cao Hùng, với sự tham gia của hơn 4.000 bà mẹ và thành viên của cộng đồng địa phương. Năm 2015, "Bản đồ trực tuyến cộng đồng thực phẩm xanh" đã được phát động, huy động thanh niên tham gia hành động "chống biến đổi khí hậu" hàng ngày.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Ở Đài Loan, phụ nữ nhận thức được biến đổi khí hậu và họ là động lực của sự thay đổi. Tổ chức Homemakers United cho phép hơn 700 phụ nữ khởi động và lãnh đạo các chương trình giáo dục thực phẩm khác nhau ở các trường tiểu học, trường đại học và cộng đồng của họ. Phụ nữ được trao quyền để khuyến khích thay đổi hành vi theo hướng tiêu thụ và sản xuất lương thực bền vững (giảm lãng phí thực phẩm, ăn uống tại chỗ và theo mùa, tìm nguồn cung ứng tại địa phương cho nông nghiệp đô thị và những khu vực khác)</p>	
<i>Nguồn: (Các sáng kiến khí hậu công bằng giới 2016)</i>		
VÍ DỤ 11: DỊCH VỤ THÔNG TIN KHÍ HẬU NÔNG NGHIỆP CHO PHỤ NỮ VÀ DỰ ÁN NÔNG DÂN DÂN TỘC THIẾU SỐ Ở ĐÔNG NAM Á (ACIS)		
QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
VIỆT NAM	Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam	Nông nghiệp
MÔ TẢ:	<p>Dự án ACIS do CARE Quốc tế tại Việt Nam và Trung tâm Nông lâm Thế giới (ICRAF) đồng thực hiện, với sự tài trợ của Nghiên cứu Chương trình về Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp và An ninh Lương thực do Nhóm Tư vấn về Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR) điều hành. CARE đã áp dụng cách tiếp cận Lập kế hoạch theo kịch bản có sự tham gia để thu hút các bên liên quan từ các lĩnh vực khác nhau, bao gồm khí tượng và nông nghiệp, tham gia vào các cuộc thảo luận với cán bộ xã, trưởng thôn và đại diện của các Hiệp hội Tiết kiệm và Vay vốn thôn bản (VSLA), là các nhóm tự quản, bền vững của phụ nữ nhằm tạo cơ hội thông qua hợp tác tài chính. Các cuộc thảo luận này nhằm tạo ra và chia sẻ các dự báo theo mùa được thu gọn (chi tiết và cục bộ, thay vì khu vực) được lấy từ cả kiến thức khoa học và địa phương.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Những dự báo này được chuyển thành các tư vấn nông nghiệp và thông tin hữu ích, có tính đến bối cảnh canh tác, ngôn ngữ và văn hóa địa phương. Thông tin dịch được chia sẻ với các thành viên phụ nữ trong nhóm VSLA trong các cuộc họp hàng tháng của họ. Các thành viên nữ có cơ hội cung cấp thông tin phản hồi về cách họ áp dụng các tư vấn và đây cũng là diễn đàn để họ nêu ra những nhu cầu, mối quan tâm và vấn đề chung của mình với cán bộ xã và chính quyền nông nghiệp. Ví dụ, trước quá trình lập Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội hàng năm, các VSLA đã tham gia thảo luận về các vấn đề của họ và đưa ra các vấn đề đó với trưởng thôn và Hội đồng nhân dân xã trong các cuộc họp tham vấn. Phụ nữ cũng có thể tìm kiếm lời khuyên từ Cán bộ Khuyến nông về các biện pháp canh tác như áp dụng lịch thời vụ, phát triển cơ cấu cây trồng và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và quản lý phân bón. Nam giới và trẻ em trai tham gia vào các cuộc thảo luận với phụ nữ về chia sẻ khối lượng công việc, trong các hoạt động sản xuất và tái sinh sản, và ra quyết định liên quan đến đầu vào nông nghiệp ở cấp hộ gia đình và các quyết định khác ở cấp cộng đồng</p>	
<i>Nguồn: (VUFP- Trung tâm NGO 2017)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 12 : TĂNG CƯỜNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KHÍ HẬU VÀ CẢNH BÁO SỚM

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
CAMPUCHIA	UNDP	Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai Nông nghiệp
MÔ TẢ:	<p>Dự án được hỗ trợ tài trợ từ Quỹ Môi trường Toàn cầu - Quỹ Các nước kém Phát triển, dự án này (2015-2020) đang hỗ trợ Chính phủ Hoàng gia Campuchia thu hẹp khoảng cách hiện có về năng lực thể chế, điều phối liên bộ và cơ sở hạ tầng. Nó tập trung vào việc tăng cường đưa các vấn đề về biến đổi khí hậu vào quy hoạch ngắn hạn và dài hạn, quy hoạch ngành và các quá trình ra quyết định khác. Dữ liệu được tạo ra thông qua thiết bị được cài đặt, cùng với bản đồ rủi ro và dữ liệu dự báo, đang được cung cấp để mang lại lợi ích cụ thể cho các ngành nông nghiệp và quản lý nước trong quá trình lập kế hoạch của họ. Theo dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> > 24 trạm thời tiết tự động và 29 trạm thủy điện tự động đã được lắp đặt > 29 nhà thủy văn, khí tượng và kỹ thuật viên đã được đào tạo về mô hình hóa và dự báo > Một ứng dụng Dự báo cho Quản lý Rủi ro (FARM) Chương trình giảng dạy Field School đã được xây dựng > Hệ thống dự báo theo mùa ('FOCUS') được thành lập > Ba diễn đàn quốc gia về triển vọng khí hậu ('Diễn đàn gió mùa') đã được tổ chức > Các trung tâm thông tin về hạn hán (InfoHubs) đã được thành lập tại các tỉnh Takeo, Kampot, Kampong Chhnang, Pursat và Battambang, với ba trung tâm khác sẽ được phát triển vào tháng 5 năm 2020 > Hơn 60 khóa đào tạo đã được thực hiện cho lãnh đạo hợp tác xã nông nghiệp địa phương, nông dân và đối tác về kỹ thuật nông nghiệp chống hạn > Năm quan hệ đối tác quốc tế và bốn quan hệ đối tác địa phương đã được tạo dựng > Hơn 20 phụ nữ đã được đào tạo về các hệ thống cảnh báo sớm và giảm thiểu rủi ro thiên tai > Hơn 1.300 nông dân đã được tập huấn về kỹ thuật nông nghiệp chống hạn > 12.511 người Campuchia đã được tiếp cận thông qua việc mở rộng dịch vụ cảnh báo sớm dựa trên điện thoại EWS1294 (ở Koh Kong, Sihanoukville, Kampong Cham, Tboung Khmum và Prey Veng) > 2, 369 trẻ em được tập huấn về diễn tập an toàn trường học <p>Dự án cũng hợp tác với EWS1294, một dịch vụ điện thoại di động miễn phí được phát triển bởi tổ chức phi chính phủ (NGO) People in Need (PIN) ở Campuchia sau trận lũ lụt nghiêm trọng vào năm 2013. Trọng tâm là mở rộng dịch vụ từ năm tỉnh hiện có lên tám tỉnh, với mục tiêu phủ sóng toàn quốc vào năm 2020. EWS1294 là một phương tiện thiết thực để người dân Campuchia nhận được các thông điệp cảnh báo sớm. Theo một nghiên cứu năm 2016, hơn 96% người Campuchia cho biết có sở hữu điện thoại và hơn 99% có thể liên lạc được thông qua một số loại điện thoại. Người dân đăng ký bằng cách quay số 1294 và nhập vị trí của họ. Trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như lũ lụt hoặc bão, người dùng trong khu vực bị ảnh hưởng sẽ nhận được tin nhắn âm thanh từ Ủy ban Quốc gia về Quản lý Thiên tai, cảnh báo họ về những rủi ro và các bước cần thực hiện để tự bảo vệ mình, cho dù sơ tán đến nơi an toàn gần nhất, ở trong nhà hoặc bảo vệ gia súc của họ. Kể từ khi được thử nghiệm vào năm 2013, EWS1294 được tích hợp vào chiến lược quản lý thiên tai của Ủy ban Quốc gia về Quản lý Thiên tai. Năm 2018, UNDP và PIN cũng đã làm việc cùng nhau để lắp đặt các trạm đo mực nước và tham gia với cộng đồng ở các tỉnh ven biển bị lũ lụt là Koh Kong và Sihanoukville..</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Trong dự án, UNDP, với trọng tâm là tăng cường bình đẳng giới trong hệ thống cảnh báo sớm và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cũng đã thiết lập quan hệ đối tác với Action Aid để tăng cường sự đại diện và ra quyết định của các tổ chức địa phương và phụ nữ trong quản lý thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Điều này đảm bảo tiếng nói của họ được lắng nghe ở địa phương và quốc gia, đồng thời đảm bảo rằng kiến thức và đóng góp của họ được tối đa hóa. Dự án tập trung vào việc lựa chọn, đào tạo và liên kết phụ nữ địa phương với tư cách là 'Nhà vô địch DRR' với các kỹ năng giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; đánh giá rủi ro, tính dễ bị tổn thương và năng lực; và vận động và lãnh đạo. Dự án cũng phát triển Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ cho Campuchia. Phụ nữ và thanh niên sẽ được đào tạo về thu thập và nhập dữ liệu, với sự hỗ trợ phân tích của các chuyên gia quốc tế. Dự án cũng sẽ xây dựng và quảng bá 'Hiển chương về nhu cầu giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu' của phụ nữ. Điều lệ sẽ được xây dựng dựa trên dữ liệu và các hội thảo tham vấn, cũng như dựa trên ý kiến đóng góp của các 'Nhà vô địch DRR' của phụ nữ ở hai tỉnh. Hiển chương sẽ tạo cơ sở cho việc vận động chính sách ở cấp địa phương và cấp quốc gia, tìm kiếm hành động trên các lĩnh vực ưu tiên</p>	

Nguồn: (UNDP GEF n.d)

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 13: XÂY DỰNG NĂNG LỰC CỘNG ĐỒNG THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THAY THẾ DỰA TRÊN THAM GIA XỬ LÝ SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE (DHF) Ở SEMARANG

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
INDONESIA	Mercy Corps Indonesia	Y tế
MÔ TẢ:	<p>Chương trình hành động (hành động Thay đổi Tỷ lệ mắc về Bệnh đặc hữu lây truyền Vector) được thực hiện với Chính quyền địa phương của Semarang (Sở Y tế, Cơ quan Kế hoạch Phát triển, Cơ quan Khí tượng Khí hậu và Địa vật lý, Sở Giáo dục) và các học giả của Đại học Diponegoro. Trọng tâm là xây dựng năng lực thích ứng của thành phố để ứng phó với DHF thông qua việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Cách tiếp cận thay thế trong Chương trình HOẠT ĐỘNG là một loạt phương pháp khác nhau được sử dụng trong một loạt các hoạt động nâng cao năng lực như: i) sử dụng các trò chơi giáo dục; ii) cách tiếp cận có sự tham gia; iii) các cuộc thảo luận tương tác; iv) hội thảo; v) Sử dụng các mô-đun và công cụ; vi) các cuộc họp để huy động sự cam kết của các bên liên quan; vii) các phương pháp học tập dành cho người lớn; viii) và các hoạt động cố vấn luôn có sự tham gia của cộng đồng. Thông qua cách tiếp cận này, dự án đã có thể tăng cường sự tham gia nhiệt tình của cộng đồng vào các hoạt động khác nhau, từ đào tạo đến thực hành những điều họ học được liên quan đến việc kiểm soát và phòng chống bệnh sốt xuất huyết trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>Ngoài việc thúc đẩy cộng đồng, một cách tiếp cận thay thế được kỳ vọng sẽ hình thành văn hóa của cộng đồng trong việc áp dụng hành vi sạch sẽ và lành mạnh. Chương trình ACTIVE bao gồm một chuỗi 10 hoạt động bao gồm ba giai đoạn nỗ lực xây dựng năng lực cộng đồng bao gồm: i) chuẩn bị và đào tạo - Đào tạo Giảng viên (ToT), cộng đồng và trường học, nhóm định hướng hành động (AOG), đào tạo cán bộ, trao quyền cho các bác sĩ nhỏ; ii) thực hiện - thường xuyên giám sát ấu trùng (PJR), diệt trừ nơi sinh sản của muỗi (PSN), hệ thống thông tin y tế (HIS) và hệ thống cảnh báo sớm về sức khỏe (HEWS); và iii) duy trì tính liên tục - thông qua các hội thảo và hỗ trợ trước musrenbang (thảo luận cộng đồng về nhu cầu phát triển của địa phương) và cố vấn..</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Mercy Corps sử dụng cách tiếp cận theo giới (chứ không phải cách tiếp cận của phụ nữ) vì chúng tôi nhận ra rằng các giải pháp bền vững cho những thách thức được nêu ở trên đòi hỏi nam giới và trẻ em trai phải đóng những vai trò quan trọng như đối tác, người ủng hộ và vận động cho sự hòa nhập của phụ nữ và trẻ em gái 'tham gia vào cộng đồng của họ.</p> <p><i>Nguồn: (Pratama, et al 2017)</i></p>	

VÍ DỤ 14: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DÂN SỐ, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG (PHE) TRONG CÁC CHÍNH SÁCH VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
PHILIPPINES	PATH Foundation Philippines Inc	Sức khỏe
MÔ TẢ:	<p>PATH Foundation Philippines, Inc. (PFPI) đã thực hiện các tiếp cận Dân số, Sức khỏe và Môi trường và Dự án Biến đổi Khí hậu ở chuyển đi đến Đảo Verde của Philippines. Đảo Verde là một khu vực đa dạng sinh học biển trọng điểm bị đe dọa bởi đánh bắt quá mức, ô nhiễm và biến đổi khí hậu. Mục tiêu của dự án là lồng ghép các quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục (SRHR) vào chính sách và thực hành về biến đổi khí hậu. Dự án áp dụng phương pháp tiếp cận phát triển (PHE) nhằm thúc đẩy sự hợp tác và đối tác đa ngành, đồng thời sử dụng nhiều biện pháp can thiệp để giải quyết các nhu cầu về SKSS / SKTD (kế hoạch hóa gia đình), mất đa dạng sinh học, sức khỏe kém và mất an ninh lương thực để thúc đẩy các cộng đồng thích ứng với khí hậu.</p> <p>Phụ nữ đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết quả nghiên cứu phạm vi của PFPI cho thấy phụ nữ là trung tâm trong việc hình thành và thực hiện các giải pháp. Lập kế hoạch cho gia đình, quản lý các nguồn tài nguyên và trở thành những người ủng hộ vì sức khỏe và vì môi trường trong cộng đồng của họ sẽ giúp xây dựng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Tất cả những điều này sẽ góp phần tạo nên một tương lai tốt đẹp hơn cho con em họ. Các phụ nữ cũng nhấn mạnh rằng sự hợp tác và thỏa thuận giữa các cộng đồng sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp trong các hành động và kết quả của cộng đồng.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Cốt lõi của mối quan hệ giữa dân số, sức khỏe, môi trường và biến đổi khí hậu là "gánh nặng đối với người phụ nữ." Các cộng đồng đánh cá ở quần đảo Verde trải qua việc đánh bắt cá bị giảm sút, cạn kiệt nước uống và sức khỏe kém. Thiếu các lựa chọn sinh kế, mất thu nhập gia đình và mất an ninh lương thực khiến phụ nữ phải tham gia vào nhiều công việc và làm việc nhiều giờ hơn để bổ sung thu nhập cho gia đình. Dự án giải quyết các nhu cầu và quyền của họ cũng như kế hoạch hóa gia đình theo cách tiếp cận có sự tham gia, giúp họ xác định các chiến lược ứng phó.</p> <p><i>Nguồn: (Các giải pháp về khí hậu và công bằng giới)</i></p>	

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 15: CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN TRONG ỨNG PHÓ KHẨN CẤP

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
PHILIPPINES	UNFPA	Quản lý thảm họa ven biển
MÔ TẢ:	<p>Sau cơn bão Haiyan, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) ước tính có 230.000 phụ nữ mang thai bị ảnh hưởng tại khu vực này và có 835 phụ nữ sinh con mỗi ngày với khả năng tiếp cận cấp cứu và chăm sóc sản khoa rất hạn chế. UNFPA và các đối tác của mình đã cung cấp các dịch vụ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe bà mẹ thông qua 80 khu hộ sinh tạm thời, hai phòng cấp cứu sản khoa trong container và 34 xe cứu thương, bao gồm cả xe máy. Phụ nữ và trẻ em gái trong độ tuổi sinh đẻ cũng được cung cấp quyền sử dụng các vật dụng vệ sinh cơ bản, chẳng hạn như băng vệ sinh, đồ lót và xà phòng, thông qua việc phân phát 105.000 bộ dụng cụ thiết yếu tại các trung tâm sơ tán. Thêm 110.000 bộ dụng cụ dành cho phụ nữ mang thai và cho con bú. UNFPA cũng tập trung vào việc đảm bảo 4.000 phụ nữ mỗi tuần được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản bằng cách cung cấp thiết bị và sửa chữa cơ sở hạ tầng ở tất cả tám tỉnh bị ảnh hưởng.</p> <p>Đối với hậu quả của cơn bão, UNFPA cũng đặc biệt quan tâm đến nhu cầu của những người trẻ bị ảnh hưởng bởi thảm họa. Với sự tham gia trực tiếp của họ và sự giúp đỡ của các đối tác địa phương, UNFPA đã thành lập 'Không gian thân thiện với thanh niên' để cung cấp các khóa đào tạo giáo dục đồng đẳng cho các tình nguyện viên và các hoạt động khác nhau cho thanh niên địa phương, bao gồm các buổi thông tin về kỹ năng sống và hành vi tình dục có trách nhiệm. Hơn 20.000 thanh niên ở các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề đã tham dự các buổi cung cấp thông tin y tế do UNFPA hỗ trợ để giải quyết các vấn đề bạo lực trên cơ sở giới. UNFPA đã thành lập 17 không gian thân thiện với phụ nữ ở bốn tỉnh. Các không gian đóng vai trò là địa điểm chính để nâng cao nhận thức về bạo lực trên cơ sở giới, chống buôn người và hỗ trợ tâm lý xã hội bằng việc giới thiệu các dịch vụ đến những người gặp nạn. Các địa điểm này cũng có mối liên hệ với các chương trình hỗ trợ tiền mặt cho công việc. Ngoài ra, 2.400 bên cung cấp dịch vụ đã được định hướng để xử lý các trường hợp bạo lực trên cơ sở giới trong trường hợp khẩn cấp.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	Do nhu cầu gia tăng sau cơn bão Haiyan, UNFPA đã bắt đầu làm việc với Chính phủ Philippines để đảm bảo rằng phụ nữ bị ảnh hưởng bởi cơn bão không bị ngừng/gián đoạn việc chăm sóc sức khỏe sinh sản khẩn cấp, dù họ ở bất kỳ đâu.	
<i>Nguồn: (UNFPA 2018)</i>		

VÍ DỤ 16: HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG GIA ĐÌNH BẰNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ĐƯỢC QUẢNG BÁ BỞI PHỤ NỮ TRẺ BẢN ĐỊA TRONG CỘNG ĐỒNG BỘ TỘC CỦA HỌ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
ẤN ĐỘ	Cơ quan Nông thôn về Tiến bộ Xã hội và Công nghệ (RASTA)	Năng lượng
MÔ TẢ:	<p>Dự án đào tạo nữ thanh niên bản địa lắp đặt hệ thống điện quang mặt trời để chiếu sáng trong nhà tại các ngôi nhà của bộ lạc trong khu vực rừng Wayanad, Ấn Độ. RASTA hợp tác với phụ nữ trường Barefoot College ở Rajasthan để đào tạo các phụ nữ trẻ từ các bộ lạc trong cộng đồng về việc lắp đặt và vận hành đèn quang điện. Sau khóa đào tạo, các phụ nữ trẻ tiến hành lắp đặt đèn trong cộng đồng của họ, và thúc đẩy cộng đồng đóng góp một khoản phí nhỏ để bảo trì liên tục trong tương lai. Những người được hưởng lợi chính là trẻ em đi học và phụ nữ, vì những ngôi nhà được chiếu sáng cho phép trẻ em có thời gian làm bài tập về nhà và không bị tấn công bởi các loài động vật hoang dã.</p> <p>Các hệ thống quang điện, được lắp đặt tại 165 hộ gia đình của một khu vực rừng hẻo lánh, đã làm giảm tác động khí hậu của bộ lạc cộng đồng khoảng 16,5 tấn khí nhà kính (GHG). Dự án giúp giảm tác động của các bộ lạc đến môi trường cụ thể mức tiêu thụ dầu hỏa của họ đã giảm đáng kể khoảng 10.000 lít mỗi năm. Pin của đèn có thể được trả lại, tái chế và trang bị lại.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	Ủy ban của dự án bao gồm 80% là phụ nữ, và việc lắp đặt được thực hiện bởi các cô gái được đào tạo từ các bộ lạc. Quá trình cài đặt đèn điện quang có sự tham gia của phụ nữ, những người đang đảm nhận một công việc truyền thống do nam giới làm trước đó. Sự công nhận của xã hội và địa vị kinh tế của các nữ kỹ sư năng lượng mặt trời được cải thiện. Kết quả là, số trẻ em gái bỏ học đã giảm và phụ nữ cải thiện thói quen đọc sách của mình.	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2016)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 17: MÁI NHÀ MÁT CHO NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
ẤN ĐỘ	Quý Mahila Housing Sewa (MHT)	Y tế và Sinh kế
MÔ TẢ:	<p>Nhiệt độ cao bất thường không chỉ làm tăng nhu cầu năng lượng mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh kế của người nghèo, đặc biệt là những người sống trong các khu ổ chuột ở đô thị. Hơn 60% mái nhà đô thị được làm từ kim loại, amiăng và bê tông, khiến nhiệt bị giữ nhiệt bên trong các ngôi nhà. Những người lao động làm việc tại nhà, chủ yếu là phụ nữ, bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi vấn đề khí hậu này, họ cho biết về việc năng suất của họ giảm tới 30% vào mùa hè. Để giải quyết vấn đề này, MHT đã thí điểm một chương trình về những mái nhà mát hay chương trình về những người nghèo thành thị ở Ấn Độ. Bằng cách chuyển sang làm mát thụ động, những ngôi nhà này có thể thích ứng tốt hơn với những ngày nắng nóng khắc nghiệt, giúp các hộ gia đình ít bị tổn thương hơn trước tác động của thời tiết và cải thiện khả năng ứng phó với các nguy cơ của biến đổi khí hậu. Mái che mát phản xạ ánh sáng mặt trời và ít hấp thụ nhiệt hơn. Tùy thuộc vào cài đặt, mái mát có thể giúp giữ nhiệt độ trong nhà thấp hơn 2-5 độ C (3,6-9 độ F) so với mái truyền thống. Những mái nhà mát có thể có giá từ 0,5 m trên mỗi foot vuông đối với một lớp sơn gốc vôi đơn giản, cho đến những lớp phủ hoặc màng phản quang đắt tiền hơn. Có ba mô hình chính của mái mát đang được thử nghiệm:</p> <p>a) Quạt thông gió "Air Lite": Được làm bằng tấm sợi, các quạt thông gió mái hình vòm này không chỉ cải thiện lưu thông không khí và giảm nhiệt độ bên trong mà còn cho phép chiếu sáng ban ngày tốt hơn của gia đình, do đó giảm tiêu thụ điện (của quạt và đèn ống) gần một nửa và giúp giải quyết ô nhiễm không khí trong nhà.</p> <p>b) Các mái "Mod-Roof": Được làm bằng chất thải giấy và vỏ dừa, những mái mod chống nước này không chỉ làm giảm nhiệt độ trong nhà xuống 6-8 độ C mà còn cung cấp một giải pháp thay thế rẻ hơn và thân thiện với môi trường cho mái RCC. Chúng dễ dàng tháo dỡ và có thể được lắp đặt lại sau khi thêm tầng bổ sung hoặc khi chuyển đến vị trí mới. Đó là một lợi ích cho những cư dân ổ chuột với quyền sử dụng đất không chắc chắn.</p> <p>c) Sơn phản quang: Sơn mái nhà bằng sơn phản nhiệt giúp hạ nhiệt độ trong nhà đến 2 độ C. MHT cũng hợp tác với Phòng thí nghiệm Môi trường và Năng lượng của Đại học Chicago ở Delhi và với Hội đồng Nghiên cứu Quốc phòng Quốc gia (NDRC) để đánh giá hiệu quả của những công nghệ này trong việc hạ nhiệt độ trong nhà.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Như nhấn mạnh từ các thí điểm những mái nhà mát mang lại nhiều lợi ích cho phụ nữ. Chúng giúp giảm hóa đơn điện, đồng thời giúp làm mát vào thời gian buổi chiều để phụ nữ làm việc được tại nhà. Dự án cũng vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sử dụng sản phẩm bằng cách đào tạo các doanh nhân nữ và thiết kế sản phẩm cho vay để tạo ra một mô hình kinh doanh bền vững.</p> <p>Những mái nhà mát mẽ cũng giúp xây dựng khả năng phục hồi của cộng đồng đối với thời tiết nắng nóng khắc nghiệt. Tổ chức cũng được nâng cao kinh nghiệm thông qua các nữ lãnh đạo cấp thành phố. Thành phố Ahmedabad hiện có chương trình lợp mái mát cho hơn 3.000 ngôi nhà thu nhập thấp như một phần của kế hoạch hành động chống nóng.</p>	
<i>Nguồn: (UNFPA 2018)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 18: ĐÁNH GIÁ VỀ GIỚI ĐỐI VỚI NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SẢN XUẤT RỪNG NGOÀI GỖ

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
CHDCND LÀO	Hiệp hội giới và Phát triển	Lâm nghiệp
MÔ TẢ:	<p>Hiệp hội giới và Phát triển (GDA) đã đánh giá vai trò giới ở vùng cao nông thôn phía bắc của CHDCND Lào, tập trung vào sản xuất rừng ngoài gỗ (NTFP). Dự án đã sử dụng lăng kính trao quyền cho phụ nữ để kết nối các hoạt động thu hoạch truyền thống với các sáng kiến sinh kế bền vững trong các cộng đồng mục tiêu. 4.500 người được hưởng lợi từ dự án là phụ nữ, gia đình của họ và các thành viên cộng đồng. Nhiều người trong số họ thuộc các nhóm dân tộc Hmong và Khmu, những người đã bị gạt ra ngoài lề một cách có hệ thống ở CHDCND Lào. Dự án đã xác định các lĩnh vực chính và các chính sách được lập thành văn bản để cải thiện tính bền vững. Những phụ nữ lãnh đạo trong cộng đồng đã tham gia các hội thảo Tập huấn cho Giảng viên với mục tiêu là nâng cao năng lực và chia sẻ kiến thức.</p> <p>Các làng được chọn để đánh giá nằm trong các vùng có nguy cơ sạt lở đất cao. Rủi ro gia tăng trong những năm qua do nạn phá rừng và khai thác quá mức. Bằng cách hỗ trợ các nền kinh tế thay thế và NTFPs, GDA hoạt động theo hướng giảm thiểu rủi ro thiên tai. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được bảo tồn thông qua đào tạo và vận động về thực hành thu hoạch bền vững, đặc biệt là vận động cải cách chính sách trong lĩnh vực khai thác không bền vững cá, thảo quả và nấm dại.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Ngoài các nhiệm vụ gia đình và hộ gia đình, phụ nữ ở các làng nằm trong mục tiêu dự án cũng có trách nhiệm chính về NTFP. Sử dụng khung giới dựa trên quyền, dự án đã tiến hành nâng cao nhận thức và đào tạo về quản lý tài chính để thúc đẩy sự độc lập tài chính của phụ nữ. Bằng cách nâng cao năng lực của phụ nữ để trở thành người có tri thức trong lĩnh vực nông nghiệp và tạo ra thu nhập, dự án nhằm tăng cường sự hòa nhập và ảnh hưởng của họ đối với các quyết định của cộng đồng.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2017)</i>		

VÍ DỤ 19: BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC: VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG VIỆC PHỤC HỒI RỪNG NGẬP MẶN

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
INDONESIA	Natural Aceh	Hệ sinh thái ven biển
MÔ TẢ:	<p>Tại một ngôi làng nghèo ven biển ở Aceh, đàn ông đi biển hàng ngày để đánh bắt cá, trong khi phụ nữ tăng thêm thu nhập cho gia đình bằng cách thu gom hải sản quanh làng. Thông qua đào tạo và nâng cao nhận thức của phụ nữ địa phương về tầm quan trọng của việc khôi phục rừng ngập mặn, dự án quản lý để đảm bảo tăng thu nhập hộ gia đình và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Với trọng tâm dài hạn, khóa đào tạo thực hành xem xét các kỹ thuật cây con, trồng và duy trì hệ sinh thái. Thông qua sự tham gia của cộng đồng, dự án góp phần đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng, cải thiện cuộc sống của 1.270 người dân. Nằm trong khu vực dễ xảy ra xung đột, khả năng phục hồi kinh tế có thể làm giảm khả năng xảy ra xung đột trong tương lai.</p> <p>Việc khai thác liên tục và các tác động bên ngoài đang ảnh hưởng đến môi trường sống của hàu, do đó ảnh hưởng đến thu nhập của những người phụ thuộc vào nguồn cung cấp hàu tự nhiên. Các hệ sinh thái rừng ngập mặn có tiềm năng giảm lượng khí thải carbon bằng cách trồng các cây này xuống đáy đại dương. Trồng rừng ngập mặn cải thiện chất lượng không khí và nước, tăng cường đa dạng sinh học và giảm nhiệt độ địa phương. Với phương pháp phục hồi đúng và giá của cây ngập mặn rẻ (0,15-0,20 € mỗi cây), cộng đồng có thể được hưởng lợi, về môi trường và kinh tế lâu dài.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Gần 90% phụ nữ nông thôn ở Aceh là nông dân nuôi hàu. Công việc vất vả và ảnh hưởng đến sức khỏe của họ. Dự án đào tạo phụ nữ trong việc khôi phục rừng ngập mặn bền vững. Để tránh làm tăng thêm khối lượng công việc của phụ nữ, họ được trợ cấp hàng ngày trong thời gian đào tạo. Phụ nữ ở Aceh đấu tranh để được tham gia vào quá trình ra quyết định của cộng đồng. Tuy nhiên, dự án cũng cung cấp cho phụ nữ không gian để tham gia vào quá trình ra quyết định của địa phương về các vấn đề môi trường ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của họ.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2017)</i>		

VÍ DỤ VỀ CÁC GIẢI PHÁP CÓ ĐÁP ỨNG GIỚI.

VÍ DỤ 20: NÔNG NGHIỆP VÀ NGƯ NGHIỆP ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ THỜI TIẾT GIÚP TĂNG CƯỜNG GIẢM THIỂU RỦI RO THIÊN TAI VÀ KHẢ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI KHÍ HẬU

QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
PHILLIPINES	Mạng lưới hành động Rice Watch, Inc.	Nông nghiệp
MÔ TẢ:	<p>Chương trình nâng cao sự nhạy cảm và kiến thức của 15.000 nông dân về các kiểu thời tiết và khí hậu. Chương trình giúp họ dự đoán các trận mưa lớn và bão và giải thích thông tin thời tiết để đưa ra quyết định về kế hoạch dự phòng cho cây trồng và sự điều chỉnh trong trang trại. Các trạm thời tiết địa phương tự động đã được thiết lập, và 150 nhân viên chính quyền địa phương đã được đào tạo để diễn giải và đăng dữ liệu thời tiết và lời khuyên canh tác đến các điểm tập trung có thể tiếp cận công khai. Trường học đầu bờ chống chịu với khí hậu (CrFS) được thành lập để đào tạo nông dân các phương pháp nông nghiệp sinh thái nhằm giúp họ chuẩn bị và đối phó với các kiểu thời tiết bất lợi trong ngắn hạn và dài hạn của biến đổi khí hậu.</p> <p>Chương trình ứng phó nhanh khẩn cấp này được hỗ trợ bởi 30 thành phố tự trị được thông báo nhằm giảm bớt những thiệt hại hoặc mất mát liên quan đến khí hậu trong sinh kế và tài sản của nông dân. Ngoài ra, chương trình này cũng xây dựng lại đa dạng sinh học với các giống hạt hữu cơ mới và phân bón hữu cơ làm từ phân trộn. Quản lý dịch hại được kết hợp để mang lại côn trùng có ích. Các công nghệ phát thải thấp như thâm canh lúa sử dụng phương pháp làm ướt và làm khô xen kẽ làm giảm 50% lượng khí thải mêtan và giúp giữ lại cacbon trong đất.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Trường học về khả năng ứng phó với khí hậu tuân theo hình thức tuyển sinh mở, bao gồm cả phụ nữ và thanh niên. Chương trình học được thực hiện tại chỗ, tạo điều kiện cho phụ nữ ở nhà tham gia. Các mô-đun học tập cũng thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập và nguồn thực phẩm và tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động truyền thống thường do nam giới thực hiện (ví dụ như ngư nghiệp). Điều này giúp nâng cao kiến thức của họ đối với việc ra quyết định chung về tài sản và sinh kế của gia đình.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2019)</i>		
VÍ DỤ 21: GIỮ NỎI: HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI KHÍ HẬU THEO GIỚI Ở CÁC LÀNG NỎI CỦA CAMPUCHIA		
QUỐC GIA:	TỔ CHỨC:	NGÀNH
CAMPUCHIA	Tổ chức Bảo tồn Quốc tế	Thủy sản
MÔ TẢ:	<p>Duy trì hệ sinh thái đang bị đe dọa của hồ Tonle Sap là vấn đề sống còn của 8.000 Người Campuchia và các quy định quan trọng đối với toàn bộ khu vực Mekong. Với cách tiếp cận tổng hợp nhằm mục tiêu giảm phát thải thông qua chế biến cá tiết kiệm nhiên liệu và trao quyền cho phụ nữ về kinh tế và xã hội - thông qua các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức về môi trường, thực hành vệ sinh, đóng gói, tiếp thị và tổng hợp doanh số - dự án này chuyển đổi các phương pháp hun khói cá truyền thống đã trở nên không bền vững thành các hoạt động sinh kế thích ứng với khí hậu. Bằng cách thay đổi nhận thức về vai trò của phụ nữ, dự án thách thức các cấu trúc phụ hệ để đảm bảo việc ra quyết định chỉ dựa theo giới nhằm thúc đẩy các sáng kiến bảo tồn sinh thái.</p> <p>Bếp tiết kiệm nhiên liệu làm giảm lượng khí thải carbon và tiêu thụ gỗ, giúp bảo vệ hệ sinh thái mong manh của hồ Tonle Sap, dựa trên các khu rừng ngập nước và là một ao nuôi cá tự nhiên đặc biệt. Giáo dục trong cộng đồng về các tác động cụ thể của biến đổi khí hậu đối với Biển Hồ và các cách có thể để giảm thiểu những mối đe dọa này được hỗ trợ bởi sự phát triển của vùng đệm tài chính thông qua việc tăng nguồn thu cho phụ nữ. Việc thành lập các nhóm tiết kiệm cho phép đầu tư tiền lãi vay vào các dự án bảo tồn, được tăng cường nhờ việc thực hiện tại các khu vực được bảo tồn.</p>	
CHIẾN LƯỢC / TÁC ĐỘNG VỀ GIỚI:	<p>Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ được thúc đẩy bằng nhiều cách, giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ thông qua công nghệ hun khói hiệu quả. Tỷ lệ nhập học của nữ sinh tăng 60%. Quyền năng kinh tế và sự tự tin của phụ nữ đã được nâng lên với doanh số bán hàng tăng 32% mà không gây thêm áp lực lên ngành thủy sản, Mười sáu nhóm tiết kiệm ở bảy làng thúc đẩy tinh thần kinh doanh của phụ nữ. Điều này dẫn đến việc phụ nữ có thông tin và tham gia lên tiếng vào các quá trình ra quyết định trong các ủy ban nghề cá, vì họ được hưởng lợi từ các khoản đầu tư của các nhóm tiết kiệm và phải báo cáo về các ưu tiên và hoạt động bảo tồn của họ.</p>	
<i>Nguồn: (Các giải pháp khí hậu công bằng giới 2019)</i>		

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

MÔ ĐUN

CÔNG CỤ
LỒNG GHÉP GIỚI

5



MÔ-ĐUN 5: NGÂN SÁCH CHO KHÍ HẬU CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI.

KẾ HOẠCH PHẦN HỌC:

PHẦN A	Tìm hiểu về cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu và các yếu tố giới của cấu trúc này.
PHẦN B	Lập ngân sách có trách nhiệm giới trong ngân sách cho khí hậu.

Mô-đun này cung cấp tổng quan về cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu, tập trung vào tài chính thể chế đa phương, các quỹ khu vực và quốc gia. Phần này cũng xem xét việc lồng ghép giới trong các quỹ khí hậu hiện có và vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong việc tăng cường hơn nữa việc lồng ghép bình đẳng giới vào các quá trình này, đặc biệt là các cơ chế tham vấn và theo dõi giới trong ngân sách cho khí hậu.

Dựa trên sự cần thiết về theo dõi giới trong ngân sách cho khí hậu, mô-đun này xem xét việc sử dụng Ngân sách có trách nhiệm giới như một chiến lược để lồng ghép giới trong ngân sách cho khí hậu cấp quốc gia. Điều này phải ở hai cấp độ: i) Phân tích quỹ khí hậu hiện có bằng lăng kính giới; và ii) Tham gia với các ban ngành chủ chốt để tạo sự phân bổ theo ngành. Điều này có thể có tác động đến năng lực thích ứng và khả năng phục hồi của phụ nữ. Trọng tâm là định hướng cho các Các tổ chức xã hội dân sự bằng các công cụ Ngân sách có trách nhiệm giới mà họ có thể sử dụng để tạo ra tác động và hỗ trợ tài chính cho các ưu tiên về bình đẳng giới trong các chính sách và chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

- > Lập biểu đồ cấu trúc ngân sách cho khí hậu toàn cầu và khu vực và lồng ghép giới ở mức độ hiện tại;
- > Xác định các chiến lược cho các Các tổ chức xã hội dân sự để có thể tham gia với các cơ chế tài chính khí hậu hiện có;
- > Hiểu khái niệm Ngân sách có trách nhiệm giới và áp dụng khái niệm này trong lĩnh vực tài chính khí hậu trong nước; và
- > Tìm hiểu việc áp dụng khung 5 bước và các công cụ Ngân sách có trách nhiệm giới để thực hiện phân tích ngân sách giới của các quỹ khí hậu quốc gia.






CÁC THÔNG ĐIỆP CHÍNH:

- > Toàn bộ nhu cầu về ngân sách dành cho khí hậu có thể ước tính lên tới hàng trăm tỷ, nếu không muốn nói là hàng nghìn tỷ USD hàng năm sau năm 2023. Tuy nhiên, sự tiến triển về tài chính công quốc tế cho biến đổi khí hậu, đặc biệt là từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển, vẫn còn thấp.

- > Phần lớn nguồn ngân sách về khí hậu được tiếp tục theo dõi và được sử dụng cho các hoạt động giảm thiểu; ngân sách dành cho thích ứng chỉ chiếm 5% bằng 30 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn 2017-18 (CPI 2019).
- > Chỉ 0,01% tổng số tiền tài trợ trên toàn thế giới dành cho các dự án hỗ trợ giải quyết cả vấn đề biến đổi khí hậu và quyền của phụ nữ (GGCA, UNDP 2016).
- > Các nguồn tài trợ lớn nhất được phê duyệt cho các dự án thích ứng là các sáng kiến ngân sách khí hậu chuyên dụng như Quỹ thích ứng, Chương trình thí điểm về chống chịu với khí hậu (PPCR) của Quỹ đầu tư khí hậu của Ngân hàng Thế giới, Quỹ khí hậu xanh và Quỹ các nước kém phát triển (LDCF) được quản lý bởi Quỹ môi trường toàn cầu (GEF) quản lý.
- > Các quỹ dành cho các dự án lớn về thích ứng với biến đổi khí hậu có nhiệm vụ giới mà các tổ chức xã hội dân sự có thể tham gia bao gồm quỹ Thích ứng, Quỹ đầu tư khí hậu, Quỹ khí hậu xanh và Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF).
- > Ba chiến lược chính để các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức của phụ nữ, tham gia vào các quỹ này bao gồm:
 - i) Trực tiếp xin tài trợ trong khuôn khổ sáng kiến ngân sách đổi mới trợ cấp cho lĩnh vực chuyên đề "Tiến bộ bình đẳng giới (trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái)" hoặc chương trình nguồn quỹ nhỏ GEF (SGP) do UNDP thực hiện, cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trực tiếp lên tới 50.000 USD cho các tổ chức địa phương.
 - ii) Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các Cơ quan thực hiện quốc gia hiện có của Quỹ Thích ứng, các đầu mối của Quỹ Đầu tư Khí hậu và cơ quan được chỉ định quốc gia (NDA) cho Quỹ Khí hậu Xanh. Các tổ chức phụ nữ nên liên hệ trực tiếp với các cơ quan này tại quốc gia của họ và hợp tác với các cơ quan này với tư cách là chuyên gia tư vấn và đào tạo về giới. Các tổ chức của phụ nữ cũng có thể đăng ký vào danh sách chuyên gia về giới và / hoặc trở thành quan sát viên chính thức trong quá trình này.
 - iii) Thu hút sự tham gia của các bên liên quan và đưa tiếng nói của các nữ lãnh đạo từ cộng đồng đến với các bên.

- > Theo dõi ngân sách trong nước để lồng ghép giới thông qua việc sử dụng Ngân sách có trách nhiệm giới sẽ là một chiến lược hiệu quả ở cấp địa phương. Ngân sách có trách nhiệm giới phân tích ngân sách và viện trợ của chính phủ để vạch ra sự khác biệt trong việc tiếp cận và tác động đến phụ nữ và trẻ em gái so với nam giới và trẻ em trai, đồng thời đây có thể và một công cụ vận động và nghiên cứu quan trọng cho các tổ chức xã hội dân sự.
- > Các tổ chức xã hội dân sự cần theo dõi cụ thể khả năng đáp ứng giới trong ngân sách khí hậu thông qua việc xây dựng tuyên bố ngân sách về giới và khí hậu (GCBS). Ngoài ra không giống như các sáng kiến Ngân sách có trách nhiệm giới khác, Ngân sách có trách nhiệm giới trong ngân sách khí hậu không nên chỉ giới hạn trong ngân sách chính phủ, mà nên xem xét các nguồn quỹ tài trợ khác.

MÔ-ĐUN 5 PHẦN A:

<div style="display: flex; align-items: center; justify-content: space-between;"> 3:00:00 TÌM HIỂU CẤU TRÚC TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU VÀ CÁC YẾU TỐ GIỚI CỦA CẤU TRÚC NÀY </div>											
<p>TỔNG QUAN</p> 	<p>Cuối buổi học này, các học viên cần có kiến thức về cấu trúc tài chính quốc tế để có khả năng thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Các quỹ liên quan chủ yếu đến thích ứng, và các thành phần giới và không gian cho sự tham gia của các tổ chức phụ nữ, cũng đã được thảo luận.</p>										
<p>NỘI DUNG</p> 	<p>a) Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu b) Yêu cầu về ngân sách khí hậu. c) Dòng chảy của Quỹ tài chính khí hậu toàn cầu. a. Ngân sách về khí hậu tại Châu Á b. Các nguồn quỹ về thích ứng.</p> <p>d) Giới trong Tài chính khí hậu toàn cầu. a. Các nguồn quỹ về thích ứng chủ yếu và Phạm vi cho sự tham gia của Quỹ thích ứng. b. Các nguồn Quỹ đầu tư cho khí hậu c. Quỹ khí hậu xanh</p>										
<p>TÀI LIỆU</p> 	<p>Các bài trình bày PowerPoint Thiết bị để xem phim trên Youtube.</p> <p>Bảng trắng và bút Giấy và bút bẽ biểu đồ Bản photo tài liệu phát tay.</p>										
<p>KẾ HOẠCH DỰ KIẾN</p> 	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #008000; color: white;">Thời gian</th> <th style="background-color: #008000; color: white;">Hoạt động</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="background-color: #008000; color: white;">5 phút</td> <td>Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #008000; color: white;">40 phút</td> <td>Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học Bài tập về “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu (xem bài tập 23 và tài liệu phát tay 21) (được khuyến nghị sử dụng nội dung này cho khóa cơ bản) Hoặc Trình bày PowerPoint về: “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu” (khuyến nghị cho khóa học nâng cao).</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #008000; color: white;">60 Phút</td> <td>Bản trình bày PowerPoint về các quỹ thích ứng chính với biến đổi khí hậu và phạm vi cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự.</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #008000; color: white;">75 phút</td> <td>Bài thực hành về: “Phân tích dự án thích ứng” (Xem bài tập 24 và tài liệu hướng dẫn 22) (Khuyến nghị cho khóa học nâng cao).</td> </tr> </tbody> </table>	Thời gian	Hoạt động	5 phút	Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học	40 phút	Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học Bài tập về “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu (xem bài tập 23 và tài liệu phát tay 21) (được khuyến nghị sử dụng nội dung này cho khóa cơ bản) Hoặc Trình bày PowerPoint về: “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu” (khuyến nghị cho khóa học nâng cao).	60 Phút	Bản trình bày PowerPoint về các quỹ thích ứng chính với biến đổi khí hậu và phạm vi cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự.	75 phút	Bài thực hành về: “Phân tích dự án thích ứng” (Xem bài tập 24 và tài liệu hướng dẫn 22) (Khuyến nghị cho khóa học nâng cao).
Thời gian	Hoạt động										
5 phút	Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học										
40 phút	Chia sẻ về tổng quan, nội dung và quy trình buổi học Bài tập về “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu (xem bài tập 23 và tài liệu phát tay 21) (được khuyến nghị sử dụng nội dung này cho khóa cơ bản) Hoặc Trình bày PowerPoint về: “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu” (khuyến nghị cho khóa học nâng cao).										
60 Phút	Bản trình bày PowerPoint về các quỹ thích ứng chính với biến đổi khí hậu và phạm vi cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự.										
75 phút	Bài thực hành về: “Phân tích dự án thích ứng” (Xem bài tập 24 và tài liệu hướng dẫn 22) (Khuyến nghị cho khóa học nâng cao).										
<p>HƯỚNG DẪN</p> 	<p>Chia sẻ tổng quan và nội dung bài học. Đối với khóa cơ bản, hãy bắt đầu với việc xem các bộ phim ngắn của Heinrich-Böll-Stiftung Washington, DC về “Ngân sách về khí hậu là gì?” Có tại https://www.youtube.com/watch?v=Y9vM4e9XaM, tiếp theo là bài tập thực hành cấu trúc tài chính toàn cầu (Xem bài tập 23 và tài liệu phát tay 21) và phim về “Tài chính có đáp ứng giới” có tại https://www.youtube.com/watch?v=YKmvdiXIDFI. Đối với khóa học nâng cao, hãy sử dụng nội dung kỹ thuật để tạo thành bản trình bày PowerPoint chi tiết về “Cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu” Phần này cũng bao gồm dữ liệu về số liệu quỹ đến năm 2019. Giảng viên nên thêm số liệu quỹ cập nhật từ các tài liệu tham khảo để có phần học phù hợp hơn. Ngoài ra, nếu những người tham gia chỉ đến từ một quốc gia, cần bao gồm một slide về tình trạng của các dự án và phân bổ các nguồn quỹ tại chính quốc gia đó.</p> <p>Tiếp theo, hãy tập trung vào “Phạm vi và Quỹ thích ứng chính cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự”. Một lần nữa, trong khi nội dung kỹ thuật ở nội dung này cung cấp cái nhìn tổng quan và các chiến lược quan trọng để tăng cường sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự, giảng viên nên làm cho bài học trở nên hấp dẫn hơn bằng cách:</p> <p>i) Mời các đầu mối quốc gia chia sẻ hiện trạng, quy trình, cơ hội và thách thức của việc sử dụng quỹ trong nước; và</p> <p>ii) Yêu cầu người tham gia chia sẻ kinh nghiệm của riêng họ về việc tham gia với những nguồn quỹ này. (Giảng viên nên cho học viên thêm thời gian cho vấn đề thảo luận được đề xuất ở cuối phần này.)</p> <p>Kết thúc buổi học với “Bài tập Phân tích Dự án Thích ứng” (Xem Bài tập 24 và Tài liệu hướng dẫn 22). Bài tập này chỉ được đề xuất cho khóa học nâng cao và nhằm mục đích cung cấp cho những người tham gia nhận thấy sự khác nhau về cách hoạt động của các loại quỹ thích ứng với biến đổi khí hậu qua đó khiến họ đủ quan tâm để muốn tìm hiểu chi tiết hơn về các trang web của các loại quỹ này. Đảm bảo rằng có wifi (hoặc thiết bị internet) cho bài tập này.</p>										

Bối cảnh tài chính khí hậu toàn cầu.

CẤU TRÚC TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU

Trọng tâm của ngân sách cho khí hậu vẫn là nhằm đạt được lượng phát thải cac-bon thấp và phát triển khả năng thích ứng với khí hậu. Tuy nhiên, định nghĩa về thuật ngữ "tài chính cho khí hậu" vẫn chưa được thống nhất trên phạm vi quốc tế. UNFCCC (2020) định nghĩa tài chính khí hậu là "Nguồn tài chính địa phương, quốc gia hoặc xuyên quốc gia - được rút ra từ các nguồn tài chính công, tư nhân và thay thế - nhằm hỗ trợ các hành động giảm thiểu và thích ứng nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu".

Theo điều 4.3 của công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), các nước phát triển cam kết cung cấp tài trợ "chi gia tăng đầy đủ như đã thỏa thuận⁹" cho biến đổi khí hậu tại các quốc gia đang phát triển. Một trong những lĩnh vực trọng tâm chính của UNFCCC là hướng tới việc tạo ra các cơ chế và công cụ cho tài chính khí hậu trên toàn cầu và đảm bảo việc chuyển các nguồn vốn này từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển.

- > Trong COP 15 (2009), thông qua Hiệp định Copenhagen, các nước phát triển đã cam kết tài trợ 30 tỷ đô la Mỹ cho ngân sách "bắt đầu nhanh" từ năm 2010 đến năm 2012, với cam kết tăng tài trợ lên 100 tỷ đô la Mỹ hàng năm vào năm 2020.
- > Tại COP 16, Ủy ban Thường trực về Tài chính được thành lập trực thuộc UNFCCC để hỗ trợ COP đạt được các mục tiêu của Cơ chế Tài chính của Công ước. Ủy ban thường trực về tài chính được giao nhiệm vụ chuẩn bị đánh giá hai năm một lần về các dòng tài chính khí hậu, đánh giá thứ tư sẽ được công bố vào năm 2020 và sẽ trình bày chi tiết các dòng ngân sách từ năm 2017 đến năm 2018.
- > Tại COP 21 ở Paris (2015), các nước phát triển đã không đưa ra được những cam kết tài chính công mới quan trọng. Tuy nhiên theo thỏa thuận Paris, đã nhất trí đi đến một mục tiêu mới cho ngân sách về khí hậu sẽ được đặt ra trong năm 2025 từ mức hiện tại là 100 tỷ mỗi năm.
- > Một số quyết định ban đầu đã được đưa ra tại COP 24 ở Katowice như một phần những nỗ lực để đồng ý về bộ Quy tắc Paris. Tuy nhiên, không có thỏa thuận nào đạt được ngay cả tại COP 25 ở Marid (2019); vấn đề này đã được đẩy lên tại COP 26 ở Glasgow (Scotland) dự kiến diễn ra vào tháng 11 năm 2021.

Sau những quyết định này, một số kênh đã trở nên thiết thực thông qua dòng tài chính cho khí hậu toàn cầu. Những kênh này bao gồm:

- i) Các quỹ khí hậu đa phương dành riêng cho việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu;
- ii) Hỗ trợ phát triển song phương do một số nước phát triển thành lập;
- iii) Các nguồn ngân sách chính phủ quốc gia;
- iv) Các nguồn quỹ tư nhân; và
- v) Các quỹ khu vực và quốc gia được tạo ra để nhận nguồn tài trợ toàn cầu và chuyển các quỹ này vào các khu vực.

Hình 5-1 trình bày tổng quan về cấu trúc tài chính khí hậu, tập trung vào các cơ chế tài chính công.

Cấu trúc tài chính thích ứng bao gồm các dòng ngân sách và cơ chế tài chính từ ngân sách tư nhân, ngân sách công, nguồn lực từ các tổ chức tài chính phát triển và ngày càng tăng, từ cơ chế bảo hiểm và cơ chế hợp nhất rủi ro. Màu xanh lá cây trong Hình 54 làm nổi bật các quỹ được dành riêng hoặc tập trung cao vào các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu.

Định nghĩa Tài chính Khí hậu được chấp nhận bởi sự đối chiếu thông tin từ nhiều Cơ quan về Tài chính Khí hậu:

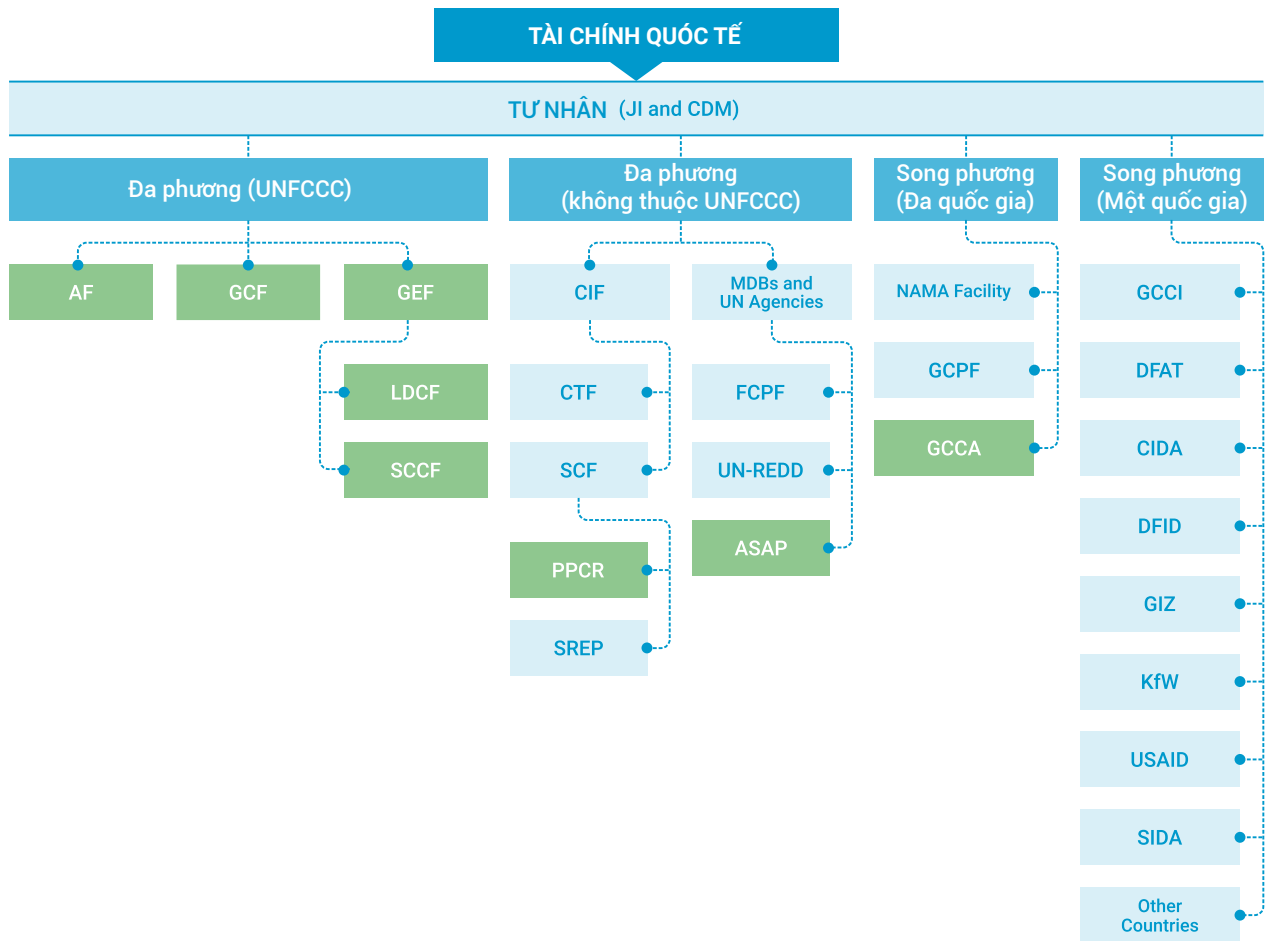
Viện phát triển hải ngoại (ODI) và Heinrich-Böll-Stiftung (HBS) Cập nhật tài chính khí hậu (CFU) (Watson và Schalatek, CFU b 2020) định nghĩa tài chính cho khí hậu như sau: "**Các nguồn tài chính được huy động để tài trợ cho các hành động giảm thiểu và thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu, bao gồm các cam kết tài chính công cho khí hậu của các nước phát triển trong khuôn khổ UNFCCC.**"

Tổ chức môi trường và phát triển của phụ nữ (WEDO 2019) đề cập đến thuật ngữ này như sau: "**Một thuật ngữ rộng, bao quát, có thể bao gồm các dòng quỹ công, tư và từ thiện đối với các hành động biến đổi khí hậu, cũng như các hệ thống cấu trúc cách thức phân phối các quỹ này.**"

Bối cảnh toàn cầu về tài chính khí hậu (CPI 2019) đã thông qua định nghĩa về mục đích hoạt động của quỹ tài chính khí hậu là: "**Tài chính khí hậu nhằm mục đích giảm phát thải, tăng cường giảm các khí thải gây hiệu ứng nhà kính và nhằm giảm tính dễ bị tổn thương, duy trì và tăng khả năng phục hồi của hệ thống sinh thái trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.**"

9. Có nghĩa là chi phí bổ sung của việc chuyển đổi các chiến lược tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch thông thường như kinh doanh trong các con đường phát triển có khả năng chống chịu với khí hậu phát thải thấp.

HÌNH 5-1 TRÌNH BÀY TỔNG QUAN VỀ CẤU TRÚC TÀI CHÍNH KHÍ HẬU, TẬP TRUNG VÀO CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÔNG.



AF	Quỹ thích ứng
GCF	Quỹ khí hậu xanh
GEF	Quỹ Môi trường Toàn cầu
LDCF	Quỹ các nước kém phát triển nhất
SCCF	Quỹ biến đổi khí hậu đặc biệt

CIF	Các quỹ đầu tư cho khí hậu
CTF	Quỹ công nghệ làm sạch
SCF	Quỹ Khí hậu Chiến lược
PPCR	Chương trình thí điểm về khả năng thích ứng với khí hậu
SREP	Mở rộng Chương trình Năng lượng Tái tạo
MDB	Ngân hàng phát triển đa phương
FCPF	Quỹ các-bon rừng
REDD	Giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng
ASAP	Chương trình thích ứng cho hộ làm nông nghiệp quy mô nhỏ

NAMA	Hành động giảm nhẹ phù hợp quốc gia
GCPF	Quỹ đối tác khí hậu toàn cầu.
GCCA	Liên minh biến đổi khí hậu toàn cầu
GCCI	Sáng kiến Biến đổi Khí hậu Toàn cầu (Hoa Kỳ)
DFAT	Bộ Ngoại giao và Thương mại (Aus)
CIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada
DFID	Cơ quan phát triển quốc tế Vương quốc Anh
GIZ	Hợp tác kỹ thuật Đức
KfW	Ngân hàng phát triển Đức
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
SIDA	Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển

Hình 5-1: Cấu trúc Tài chính Khí hậu Quốc tế Toàn cầu
 Nguồn: Phòng theo Cập nhật tài chính cho khí hậu (CPU) (Watson và Shalatek, CFU b 2020).

YÊU CẦU VỀ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU

Sự cần thiết ngân sách tổng thể về khí hậu được ước tính lên tới hàng trăm tỷ đô la Mỹ hàng năm sau năm 2023 (Schalatek 2019). Báo cáo đặc biệt của IPCC về sự nóng lên toàn cầu 1,5 độ C dự báo sự cần thiết đầu tư trung bình hàng năm cho riêng hệ thống năng lượng là khoảng 2,4 nghìn tỷ đô la Mỹ từ năm 2016 đến năm 2035 (IPCC SR15 2018). Ủy ban toàn cầu về thích ứng (GCA 2019) ước tính rằng sẽ phải đầu tư 180 tỷ đô la Mỹ hàng năm từ năm 2020 đến năm 2030 vào khả năng phục hồi có thể tạo ra lợi nhuận kinh tế trị giá hàng nghìn tỷ đô la. UNEP (2016) cũng ước tính rằng chi phí thích ứng hàng năm có thể dao động từ 140 tỷ USD đến 300 tỷ USD vào năm 2030.

UNDP (HDR 2011) đã dự đoán sớm về chi phí ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030 có thể dao động từ 249 tỷ USD đến 1,371 tỷ USD mỗi năm. Một nghiên cứu khác của Ngân hàng Thế giới (2010) ước tính rằng chỉ riêng chi phí thích ứng sẽ nằm trong khoảng 75 tỷ đến 100 tỷ đô la Mỹ mỗi năm từ năm 2010 đến năm 2050¹⁰. Hiện tại, sau mười năm khi những đánh giá này được thực hiện, nhu cầu tài chính khí hậu cao hơn nhiều so với dự đoán của các nghiên cứu này.

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN

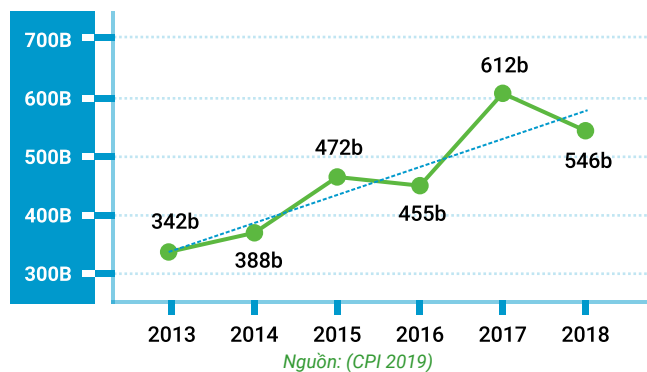


Phần tiếp theo sẽ tập trung vào dòng chảy tài chính khí hậu toàn cầu được đối chiếu từ các báo cáo khác nhau. Các số liệu được cập nhật cho đến năm 2019. Giảng viên nên cập nhật các số liệu theo số liệu hiện có mới nhất. Ngoài ra, nhấn mạnh các số liệu ở các quốc gia cụ thể, nếu những người tham gia đến từ cùng một quốc gia.

CÁC DÒNG CHẢY CỦA QUỸ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU

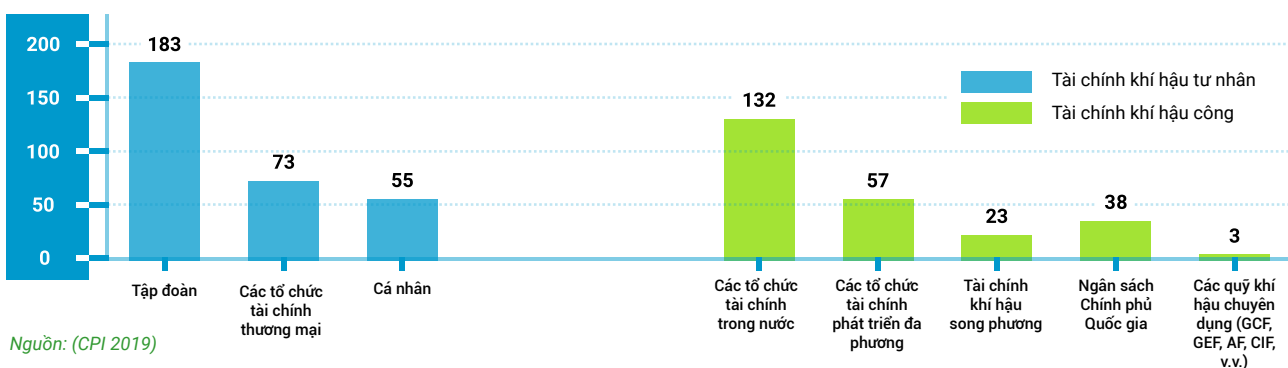
Trước những yêu cầu này đối với tài chính cho khí hậu, tiến trình thực hiện diễn ra khá chậm so với nhu cầu cần thiết do các rào cản còn duy trì và không được khuyến khích, đặc biệt là cho đến năm 2015. Thỏa thuận Paris thừa nhận rằng các nước phát triển phải tiếp tục đi đầu trong việc huy động nguồn lực về khí hậu tài chính (Schalatek 2019). Sau thỏa thuận Paris, tài chính khí hậu đã có một số sự tăng trưởng với các khoản đầu tư hàng năm vượt mốc 0,5 nghìn tỷ đô la Mỹ lần đầu tiên trong năm 2017 và 2018, được thể hiện trong Hình 5-2. Dòng chảy hàng năm đã tăng trung bình lên 579 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn hai năm 2017-2018, tương ứng với mức tăng 116 tỷ đô la Mỹ (25%) từ năm 2015 đến năm 2016.¹¹ (CPI 2019).

HÌNH 5-2: TỔNG DÒNG TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU, 2013-18



Hơn nữa, chưa đến một nửa các cam kết này đến từ nguồn tài chính khí hậu công, bao gồm ngân sách chính phủ (quốc gia), các tổ chức tài chính trong nước, tài chính song phương, các tổ chức tài chính phát triển đa phương, các quỹ khí hậu chuyên dụng như Quỹ Khí hậu Xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và các tổ chức khác. (Xem Hình 5-3 để biết sự phân chia của các dòng chảy 2017-18).

HÌNH 5-3: PHÂN CHIA QUỸ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU VÀO NĂM 2017-18



10. Giả sử nhiệt độ bề mặt trung bình của Trái đất sẽ ấm hơn khoảng 2 ° C vào năm 2050.

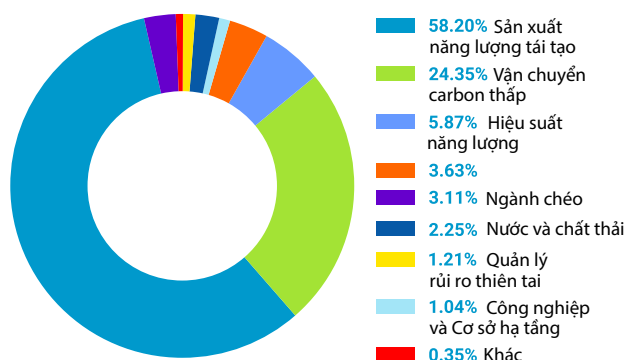
11. Mặc dù cần lưu ý ở đây rằng chỉ dưới một phần tư mức tăng tài chính khí hậu được theo dõi trong năm 2017/2018 là do việc kết hợp các nguồn dữ liệu mới vào cảnh quan đô thị, bao gồm đầu tư cơ sở hạ tầng sạc xe điện; đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng bền vững; và sử dụng tiền thu được từ trái phiếu do khu vực tư nhân và các chính quyền khu vực và thành phố phát hành.

Trong dòng tài chính khí hậu công, hơn 3/4 nguồn quỹ được huy động và chi tiêu trong nước. Tỷ trọng của các Viện tài chính phát triển (DFIs), hỗ trợ song phương và các quỹ chuyên dụng về khí hậu, vốn đã tạo thành phần chính của nguồn tài chính cho khí hậu mà đã được cam kết từ các nước phát triển đổ vào các nước đang phát triển, và các nguồn này đang dần ít hơn. Như đã hình dung trong các hiệp định khí hậu khác nhau, điều quan trọng là phải tăng cường dòng tài chính công quốc tế cho khí hậu từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, hầu hết các ước tính đều chỉ ra rằng con số này thấp hơn nhiều so với mức chuẩn 100 tỷ đô la Mỹ đã cam kết trong Thỏa thuận Paris. Trong tổng dòng chảy tài chính quốc tế, chỉ có 72 tỷ USD từ Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) sang các nước ngoài OECD trong giai đoạn 2017-2018, chiếm 12% tài chính khí hậu được theo dõi (CPI 2019).

Cũng rất quan trọng để hiểu theo quan điểm của các tổ chức xã hội dân sự họ về các phương tiện của tài chính khí hậu. Trong giai đoạn 2017-18, các khoản viện trợ không hoàn lại chỉ chiếm 5% tổng tài trợ khí hậu với 29 tỷ đô la Mỹ. Gần 60% các khoản viện trợ không hoàn lại trong giai đoạn 2017-2018 được thực hiện trên phạm vi quốc tế và 40% trong nước (CPI 2019). Một hạn chế lớn khác là hầu hết các quỹ chưa được thành lập để xem xét các bên liên quan tại địa phương; và cấu trúc này thường hướng đến các dự án quy mô lớn và các tổ chức mà sau đó có thể chuyển nguồn vốn cho những tổ chức khác.

Về phân bổ theo ngành, như thể hiện trong Hình 5-4, sản xuất năng lượng tái tạo tiếp tục được ưu tiên nhất với 337 tỷ USD trong giai đoạn 2017-18, tiếp theo là lĩnh vực vận tải các-bon thấp với 141 tỷ USD và sử dụng năng lượng hiệu quả là 34 USD tỷ. Trong số các lĩnh vực thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp và sử dụng đất nhận được 21 tỷ USD, trong khi quản lý nước và chất thải cũng chiếm tỷ trọng chính là 13 tỷ USD. Quản lý rủi ro thiên tai chỉ nhận được 7 tỷ đô la Mỹ (CPI 2019).

HÌNH 5-4: PHÂN BỐ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU THEO NGÀNH TRONG NĂM 2017-18



Nguồn: (CPI 2019).

TÀI CHÍNH CHO KHÍ HẬU Ở CHÂU Á

Với mức tài trợ quốc tế thấp cho khí hậu, điều quan trọng là phải xác định các quốc gia nhận tài trợ chính, đặc biệt là ở châu Á. Rà soát dữ liệu của CFU (Watson và Schalatek 2020) đối với 18 quốc gia ở châu Á cho thấy từ năm 2003 đến 2019, tổng cộng 4,9 tỷ USD cho 530 dự án và chương trình đã được 18 quỹ và sáng kiến đa phương phê duyệt. Các khoản đóng góp lớn nhất là từ Quỹ Công nghệ Sạch (CTF) tập trung vào việc tăng cường sự thâm nhập của công nghệ carbon thấp, đã phê duyệt tổng cộng 1,7 tỷ đô la Mỹ cho 34 dự án, chủ yếu dưới hình thức các khoản vay ưu đãi. Cập nhật Tài chính Khí hậu đã được tổng hợp dòng vốn ở Châu Á, được trình bày trong Bảng 5-1.

Tuy nhiên, sự phân bổ rất không đồng đều. Một khoản đáng kể - 62% ngân sách (3 tỷ USD) - dành cho các dự án giảm thiểu chủ yếu liên quan đến năng lượng tái tạo quy mô lớn, năng lượng hiệu quả và giao thông. Các dự án và chương trình thích ứng trong khu vực chỉ nhận được khoảng một phần ba số tiền tài trợ giảm thiểu tác động của BĐKH (1 tỷ đô la Mỹ).

Xét về quốc gia, Ấn Độ, Indonesia, Trung Quốc và Việt Nam đã cùng nhận được 56% tài trợ được phê duyệt cho châu Á kể từ năm 2003 (Xem Hình 5-5). Dự án lớn nhất trong khu vực được phê duyệt cho đến nay là Chương trình Đầu tư Truyền tải Năng lượng Tái tạo Rajasthan trị giá 195 triệu đô la Mỹ, theo sau là chương trình Điện mặt trời trên mái nhà trị giá 175 triệu đô la Mỹ, cả hai đều được hỗ trợ bởi CTF ở Ấn Độ. Năm 2019, Quỹ khí hậu xanh cũng đã phê duyệt dự án lớn nhất trong năm 2019 với 100 triệu đô la Mỹ tại Trung Quốc cho quỹ phát triển tài chính xanh.

NGÂN SÁCH CHO HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Một yếu tố quan trọng khác của dòng tài chính khí hậu toàn cầu là phần lớn nguồn tài chính được theo dõi tiếp tục cung cấp cho các hoạt động giảm thiểu. Theo CPI (2019), nguồn ngân sách dành các hoạt động giảm thiểu chiếm 93% tổng dòng ngân sách trong năm 2017-2018, tương đương trung bình 537 tỷ đô la Mỹ hàng năm. Nguồn tài chính cho các hoạt động thích ứng chỉ chiếm 5% dòng tài chính được theo dõi. Mặc dù ở mức 30 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn 2017-18, dòng ngân sách này đã tăng 35% so với mức 22 tỷ đô la Mỹ trong năm 2015-2016. Phần còn lại trị giá 12 tỷ đô la Mỹ là dành cho các dự án đem lại lợi ích kép.

Hầu như toàn bộ kinh phí cho thích ứng là từ nguồn ngân sách công, chỉ với 0,5 tỷ đô la Mỹ tài trợ cho các hoạt động thích ứng từ các nguồn tư nhân (CPI 2019). Các nguồn tài trợ lớn nhất được phê duyệt cho các dự án thích ứng là từ các sáng kiến tài trợ khí hậu chuyên môn như Quỹ Khí hậu Xanh, chương trình thí điểm về khả năng thích ứng với khí hậu

(PPCR) nằm trong Quỹ đầu tư vào khí hậu của Ngân hàng Thế giới, Quỹ các nước kém phát triển nhất (LDCF) do Quỹ Môi trường Toàn cầu và Quỹ Thích ứng quản lý (Watson và Schalatek 2020).

Cập nhật tài chính cho khí hậu (Watson và Schalatek 2020) nhấn mạnh thêm về mức độ đóng góp của các nước phát triển cho các quỹ thích ứng vẫn ở mức thấp so với các quỹ hỗ

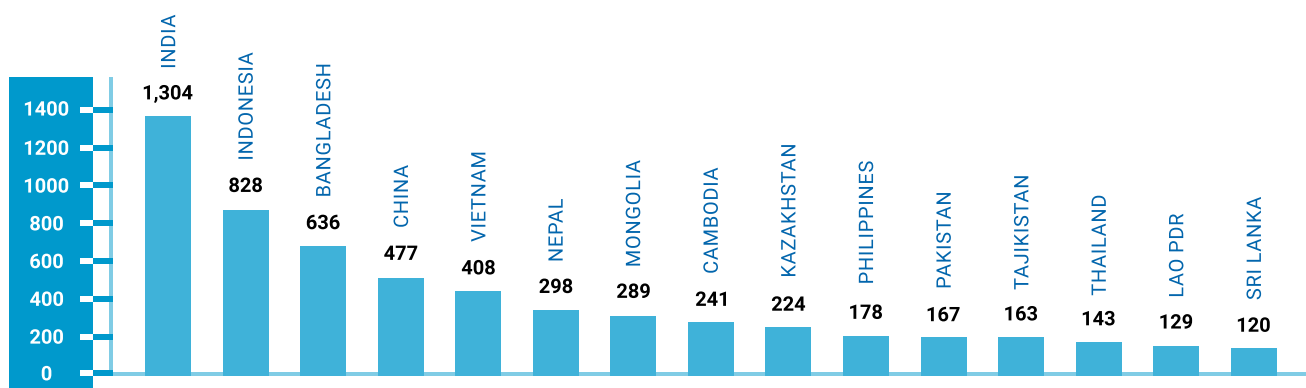
trợ giảm thiểu. Ở cấp độ toàn cầu, hoạt động thích ứng vẫn chưa được cấp vốn. Hiện tại, khoảng 24% nguồn tài chính được phê duyệt kể từ năm 2003 đến từ các sáng kiến tài trợ khí hậu chuyên môn mà CFU giám sát hỗ trợ thích ứng, một phần lớn tỷ trọng vẫn trì trệ trong năm qua. Bảng 5-2 tập hợp các thông tin chi tiết về các quỹ đa phương hỗ trợ thích ứng với BĐKH.

BẢNG 1: CÁC QUỸ HỖ TRỢ CHÂU Á (2003 - 2019, TRIỆU USD)

QUỸ HOẶC SÁNG KIẾN	SỐ TIỀN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	DỰ ÁN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
Quỹ công nghệ sạch (CTF)	1.670.0	34
Quỹ khí hậu xanh	1.099.1	26
Cơ sở môi trường toàn cầu (4,5,6,7)	871.8	178
Chương trình thi điểm về khả năng chống chịu với khí hậu (PPCR)	220.9	44
Chương trình năng lượng tái tạo mở rộng quy mô cho các nước thu nhập thấp (SREP)	144.8	11
Cơ sở hợp tác carbon rừng (FCPF)	107.6	16
Liên minh biến đổi khí hậu toàn cầu (GCCA)	87.6	11
Quỹ thích ứng	75.3	26
Chương trình đầu tư vào rừng (FIP)	69.4	6
Chương trình thích ứng cho nông nghiệp nhỏ (ASAP)	62.2	6
Quỹ năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng toàn cầu (GEEREF)	47.8	6
Quỹ biến đổi khí hậu đặc biệt (PMR)	47.2	13
Hợp tác vì sự sẵn có của thị trường (PMR)	32.3	13
Trương trình UN-REDD	29.4	8
Quỹ thành tựu MDG	25.0	3
Quỹ bio carbon	15.0	1
Quỹ ủy thác biến đổi khí hậu INDONESIA (ICCF)	14.2	63

Nguồn: Watson and Schalatek (2020b).

BIỂU ĐỒ 5-5: 10 QUỐC GIA NHẬN HỖ TRỢ TỪ NGUỒN TÀI CHÍNH KHẨU CHÂU Á



Nguồn: CFU (n.d.)

BẢNG 5-2: QỸ ĐA BÊN HỖ TRỢ TÀI CHÍNH THÍCH ỨNG (2013-19, TRIỆU USD)

QUỸ	ĐÃ CAM KẾT	KÝ GỬI	THÔNG QUA	DỰ ÁN ĐƯỢC THÔNG QUA
Quỹ khí hậu xanh	10,319.6	8,144.7	1,288.1	52
Quỹ các nước kém phát triển nhất (LDCF)	1,463.5	1,411.5	1,161.0	263
Chương trình thí điểm về khả năng chống chịu với khí hậu (PPCR)	1,144.8	1,144.8	988.1	67
Quỹ thích ứng	956.6	890.7	720.5	207
Chương trình thích ứng cho nông nghiệp nhỏ (ASAP)	381.7	330.3	291.2	68
Quỹ biến đổi khí hậu đặc biệt (SCCF)	377.4	369.0	279.4	68
Quỹ ủy thác cơ sở môi trường toàn cầu 7 (GEF 7)	654.2	654.1	48.3	8

Nguồn: Watson and Schalatek (2020b).

NGÂN SÁCH CHO HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG Ở CHÂU Á

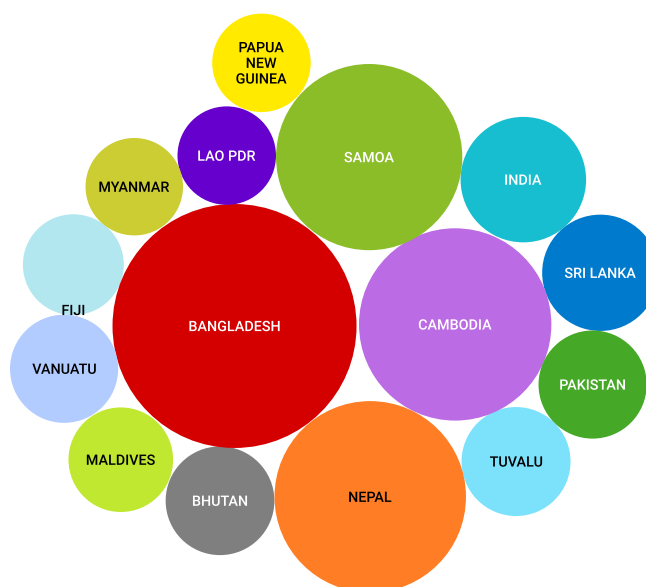
Trong khi thông tin chi tiết tổng thể về tài chính cho thích ứng không có sẵn, CFU theo dõi tài chính cho thích ứng từ tất cả các quỹ đa phương. Dữ liệu của CFU (Watson và Schalatek 2020). cho thấy gần 42% trong ngân sách này hướng đến Châu Phi cận Sahara; 16% đến Đông Á và Thái Bình Dương; 15% đến Mỹ Latinh và Caribe; và 14% đến Nam Á. Bản cập nhật cũng nhấn mạnh rằng 20 nước nhận tài trợ thích ứng hàng đầu (trong số hơn 122 quốc gia) đã nhận được 45% tổng số tiền được phê duyệt. 10 nước nhận nhiều nguồn ngân sách nhất là: Bangladesh, Niger, Zambia, Campuchia, Tanzania, Nepal, Mozambique, Samoa, Bolivia và Tajikistan mỗi nước nhận hơn 100 triệu USD kể từ năm 2003. Điều thú

vị là tất cả các quốc gia, ngoại trừ Tanzania đều là các nước nhận PPCR.

Ở châu Á, Bangladesh, Nepal, Campuchia, Samoa và Ấn Độ là những nước đứng đầu danh sách nhận được tài chính cho các hoạt động thích ứng. Hình 5-6 nhấn mạnh tỷ trọng của các quốc gia châu Á khác nhau trong nguồn tài chính về thích ứng. Ngân sách lớn nhất cho các dự án thích ứng đang được Chương trình thí điểm về khả năng thích ứng với khí hậu (PPCR) cung cấp ngân sách để hỗ trợ các chương trình ở Bangladesh, Campuchia và Nepal với tổng số tiền được phê duyệt là 284 triệu đô la Mỹ và Quỹ các nước kém phát triển với tổng số tiền được phê duyệt là 221 triệu đô la Mỹ (Watson và Schalatek 2020).

HÌNH 5-6: NGÂN SÁCH VỀ THÍCH ỨNG TẠI CHÂU Á

BANGLADESH	214.6
CAMBODIA	133.3
NEPAL	132.2
SAMOA	122.3
INDIA	54.2
SRI LANKA	49.2
PAKISTAN	44.2
TUVALU	43.9
BHUTAN	41.9
MALDIVES	38.8
VANUATU	38.1
FIJI	37.4
MYANMAR	36.2
LAO PDR	36.1
PAPUA NEW GUINEA	35.6

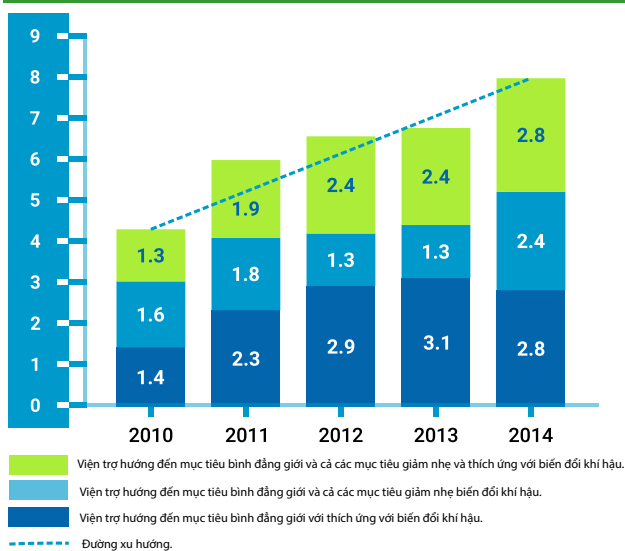


Nguồn: CFU (n.d.).

GIỚI TRONG NGUỒN TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU

Giới trong các cơ chế ngân sách về khí hậu toàn cầu chỉ mới phát triển trong những năm gần đây phần lớn là kết quả của sự vận động bền bỉ của các tổ chức phụ nữ và sự công nhận ngày càng tăng về sự cần thiết của các dự án lồng ghép giới để tăng hiệu lực và hiệu quả cho các dự án. Kết quả là, chúng tôi đã nhận thấy một số thay đổi, nhưng vẫn còn một chặng đường dài cần phải thực hiện phía trước. Trên toàn thế giới, việc lồng ghép giới vào các chương trình về khí hậu còn hạn chế hoặc giải quyết các vấn đề liên quan quyền của phụ nữ và / hoặc bình đẳng giới, cũng bị hạn chế trong các lĩnh vực và vị trí địa lý. Trong số 26 tỷ USD từ Viện trợ Phát triển Nước ngoài (ODA) được tập trung cho vấn đề biến đổi khí hậu trong năm 2014, chỉ có 8 tỷ USD (31%) là hỗ trợ bình đẳng giới. Đây là mức tăng từ 4,4 tỷ đô la Mỹ năm 2010 (Hình 5-7) (OECD DAC 2016).

BIỂU ĐỒ 5-6: XU HƯỚNG ODA LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU CỦA CÁC THÀNH VIÊN DAC HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2010-14, CÁC CAM KẾT THEO TỶ USD, GIÁ CỐ ĐỊNH NĂM 2004



Source: OECD (2016).

Mức độ lồng ghép cao hơn trong các dự án chỉ tập trung vào thích ứng với biến đổi khí hậu (41%) so với các dự án chỉ tập trung vào giảm nhẹ (18%). Có sự phân bổ không đồng đều trong các lĩnh vực, trong đó tập trung nhiều nhất vào bình đẳng giới trong lĩnh vực nông nghiệp (59%), tiếp theo là lĩnh vực nước (39%). Mặc dù các dự án năng lượng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tất cả các viện trợ khí hậu song phương, chỉ có 8% các dự án năng lượng có lồng ghép giới (OECD DAC 2016).

Những xu hướng này không quá ngạc nhiên, vì mặc dù UNFCCC có nhiệm vụ cần tăng sự cân bằng giới trong quản

trị, nhưng đại diện của nữ giới trong các cơ quan điều hành của các quỹ khí hậu lớn chỉ chiếm trung bình 22% trong năm 2015 (GGCA, UNDP 2016).

Một hạn chế quan trọng khác là trong khi 19% các nguồn viện trợ khí hậu song phương có lồng ghép trách nhiệm giới (1,4 tỷ USD) đã được chuyển thông qua các tổ chức xã hội dân sự, phần lớn (14% tương đương 1 tỷ đô la Mỹ) đã đến các tổ chức phi chính phủ tại quốc gia mà ngân sách lựa chọn để tài trợ. Chỉ một khoản ngân sách rất nhỏ (2% trong tổng số 132 triệu đô la Mỹ) được chuyển đến các tổ chức xã hội dân sự ở các nước đang phát triển (OECD DAC 2016). Cần phải tập trung vào việc rà soát các dự án của các tổ chức phi chính phủ ở quốc gia nhận tài trợ; và họ cần có trách nhiệm hơn trong việc lồng ghép giới vào các hoạt động dự án của mình.

Khuyến nghị: Một hướng vận động quan trọng để tăng cường tài chính cho khí hậu có đáp ứng giới cũng được OECD DAC nêu ra là sự cần thiết về cơ chế tài trợ được đơn giản hóa để cho phép các tổ chức phụ trách các vấn đề về phụ nữ để tiếp cận hơn với nguồn ngân sách về tài chính khí hậu. Các tổ chức phụ nữ nên coi đây là hướng vận động chính trong tất cả các diễn đàn.

Các quỹ thích ứng chính và phạm vi cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự

Trong những hạn chế trong cấu trúc tài chính khí hậu toàn cầu, có rất ít phạm vi cho sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức phụ trách các vấn đề về phụ nữ, được tiếp cận trực tiếp nguồn vốn từ các quỹ. Tuy nhiên, có những cách khác mà các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức phụ trách các vấn đề về phụ nữ, có thể tham gia vào việc nhận hỗ trợ từ quỹ tài chính khí hậu có trách nhiệm giới. Một số quỹ thích ứng quan trọng có thành phần / kế hoạch hành động tập trung nhiều về giới đã được thảo luận ở đây, vạch ra phạm vi cho các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phụ trách các vấn đề về phụ nữ cùng tham gia.

QUỸ THÍCH ỨNG

Được thành lập năm 2001 theo Nghị định thư Kyoto của UNFCCC, Quỹ Thích ứng nhằm tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất tại các nước đang phát triển. Quỹ này tài trợ cho các hoạt động thích ứng và phục hồi với biến đổi khí hậu dựa trên nhu cầu, tầm nhìn và ưu tiên của các quốc gia. Quỹ này vận hành chính thức kể từ năm 2010 (Trang Web quỹ thích ứng 2019). Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, Quỹ thích ứng hiện

có nhiệm vụ để phục vụ Thỏa thuận Paris, phù hợp với Chiến lược trung hạn 5 năm 2018-2022 mới được phê duyệt, dựa trên các trụ cột gồm Hành động, Đổi mới, Tri thức và Chia sẻ. (Hall, Granat và Daniel 2019).

Quỹ được tài trợ thông qua khoản thu 2% từ việc bán các khoản tín dụng phát thải từ Cơ chế Phát triển Sạch của Nghị định thư Kyoto và một phần bởi các nhà tài trợ chính phủ và tư nhân (Trang Web quỹ thích ứng 2019). Tuy nhiên, với giá các-bon thấp, hiện nay quỹ phụ thuộc rất nhiều vào sự đóng góp tự nguyện của các nhà tài trợ là chính phủ và tư nhân. Một nguồn tài trợ tự động tương tự từ cơ chế thị trường carbon mới hiện đang được xem xét. (Watson và Schalatek, CFU b 2020).

Quỹ được quản lý bởi Hội đồng Quỹ thích ứng, họp ba lần một năm, thường ở Bonn (Đức). Hội đồng bao gồm 16 thành viên và 16 người luân phiên đại diện cho các Bên của Nghị định thư Kyoto. Đa số thành viên, chiếm 69% là đại diện cho các nước đang phát triển. (Trang Web quỹ thích ứng 2019)

Quỹ được thành lập để các quốc gia có thể tiếp cận trực tiếp nguồn tài chính và quản lý tất cả các khía cạnh của các dự án thích ứng với khí hậu và khả năng phục hồi, từ thiết kế đến thực hiện đến giám sát và đánh giá. Các quốc gia có thể tiếp cận nguồn tài trợ thông qua các Đơn vị thực hiện được công nhận có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn thỏa thuận đã nhận ủy thác cũng như các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và giới (Quỹ thích ứng 2020). Các Đơn vị Thực hiện được Quỹ thích ứng công nhận này có thể là quốc gia, khu vực hoặc đa phương. Đến nay, có 17 Cơ quan Thực hiện Quốc gia, 4 Cơ quan thực hiện khu vực và 11 Cơ quan Thực hiện Đa phương.

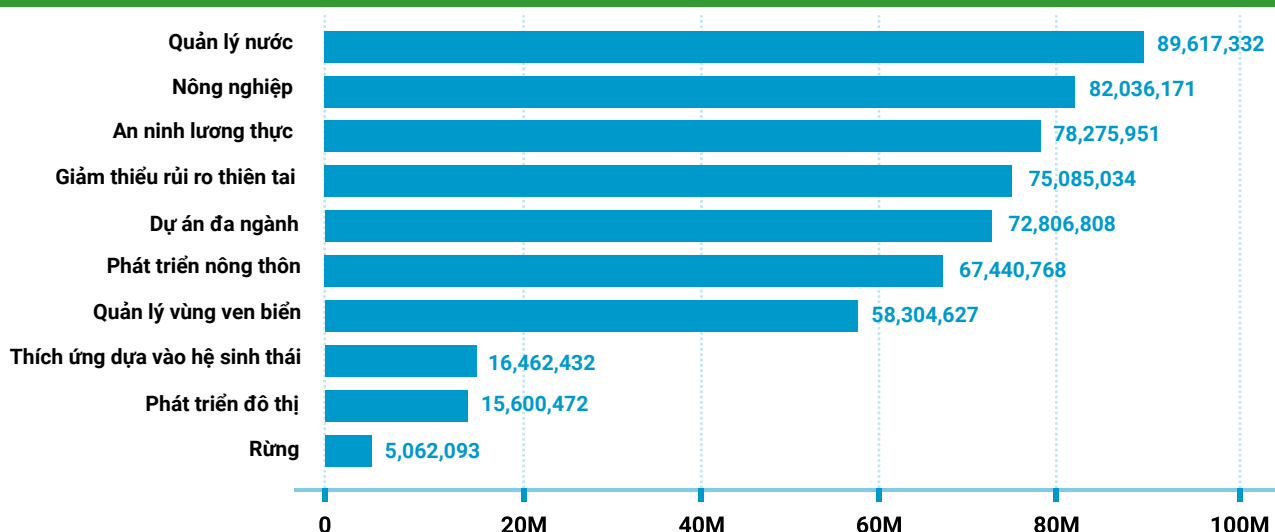
Khuyến nghị: Quá trình công nhận của Quỹ thích ứng ngắn hơn và đơn giản hơn. Sau khi hoàn tất việc công nhận, các Cơ quan thực hiện quốc gia có thể gửi đề xuất cho các dự án và chương trình. Trên thực tế các khoản tài trợ nhỏ với dưới 1 triệu đô la Mỹ chỉ được phê duyệt trong quy trình một bước. Tuy nhiên, sự lựa chọn này chỉ áp dụng cho các tổ chức được chọn (nếu quốc gia không có Cơ quan thực hiện quốc gia và chưa vượt qua mức trần tài trợ 10 triệu đô la Mỹ)

Sau khi Hội đồng Quản trị Quỹ Thích ứng quyết định công nhận một cơ quan xem xét khuyến nghị bởi Hội đồng Công nhận, đơn vị đó có thể nộp một bản tóm lược hoặc một đề xuất dự án đầy đủ. Các bên muốn nhận được nguồn tài chính từ Quỹ Thích ứng phải nộp các đề xuất dự án và chương trình của mình thông qua các Cơ quan Thực hiện Quốc gia, Khu vực hoặc Đa phương được công nhận. Các đề xuất sẽ được xem xét theo các tiêu chí cụ thể có sẵn trong các Nguyên tắc chỉ đạo và Chính sách Hoạt động. Các đề xuất được chấp nhận ba lần một năm: hai lần trước cuộc họp của Hội đồng Quản trị Quỹ Thích ứng hai năm một lần và một lần trong chu kỳ xem xét không chuyên trách. (Trang Web quỹ thích ứng 2019). Quỹ thích ứng cung cấp sự hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực. Hình 5-8 tập hợp các khoản tài trợ theo ngành được cung cấp trong quỹ thích ứng.

Ngoài khoản tài trợ của dự án, Quỹ thích ứng cũng hỗ trợ theo ba loại hình tài trợ khác:

A. Cấp vốn hỗ trợ sẵn có – các khoản tài trợ nhỏ có sẵn trong Chương trình tài chính khí hậu có sẵn để giúp các cơ quan thực hiện quốc gia cung cấp hỗ trợ như nhau

HÌNH 5-8: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THEO NGÀNH (USD)



Nguồn: Quỹ thích ứng APR, 2019

cho các quốc gia đang tìm sự chấp thuận của Quỹ và xây dựng năng lực để thực hiện các hoạt động ngân sách khí hậu sẵn có khác nhau. Các khoản tài trợ sẵn có của Quỹ thích ứng cũng hỗ trợ các đơn vị thực hiện cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực của họ về giới, cụ thể để lồng ghép giới trong xây dựng và thiết kế dự án.

- B. Tài trợ lên đến 250.000 đô la Mỹ cho các cơ quan thực hiện quốc gia, bắt đầu với yêu cầu đầu tiên cho các đề xuất theo khoản dự phòng 2 triệu đô la Mỹ, được đưa ra vào tháng 12 năm 2018.** Các khoản tài trợ nhỏ này được gửi cho các nước đang phát triển để bị tổn thương thông qua hai con đường: trực tiếp thông qua Cơ quan thực hiện quốc gia, đặc biệt là những quốc gia đã công nhận Cơ quan thực hiện quốc gia và thông qua một cơ chế phân phối kết hợp của Cơ quan thực hiện quốc gia cho các tổ chức khác (các tổ chức, nhóm, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức) không được công nhận bởi Quỹ. Chương trình này được hỗ trợ bởi Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), khoảng 45 khoản tài trợ lên tới 250.000 đô la Mỹ dự kiến sẽ được trao cho các tổ chức không được công nhận trong vòng hai từ năm 2020.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các Cơ quan thực hiện quốc gia hiện có thông qua chương trình sẵn có. Liên hệ trực tiếp với các Cơ quan thực hiện quốc gia và vận động để thúc đẩy các tổ chức của phụ nữ với tư cách là chuyên gia tư vấn và giảng viên để họ tham gia như một phần của khoản tài trợ này.

- C. Trợ cấp cho nghiên cứu** - một kênh về nguồn tài trợ mới cho các cơ quan thực hiện quốc gia là tiếp cận các khoản trợ cấp cho nghiên cứu. Các khoản trợ cấp cho nghiên cứu được xây dựng dựa trên Khung quản lý tri thức và Kế hoạch hành động đã được sửa đổi gần đây của Quỹ (đã được phê duyệt vào năm 2016). Số tiền tài trợ có thể được gửi đến cho một Cơ quan thực hiện quốc gia có dự án được chấp nhận lên đến tối đa là 150.000 đô la Mỹ cho mỗi dự án / chương trình.

Năm 2011, Quỹ thích ứng lần đầu tiên thiết lập chính sách về giới và kế hoạch hành động, nội dung này nhằm hướng dẫn công việc của tổ chức, tiếp theo đó là Chính sách Môi trường và Xã hội mới vào năm 2013 với nguyên tắc cụ thể về “bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ” (Hall, Granat và Daniel 2019). Năm 2015, một đánh giá do Hội đồng ủy quyền thực hiện về việc lồng ghép các vấn đề giới trong các chính sách và thủ tục của Quỹ Thích ứng đã nhấn mạnh những tiến độ hạn chế trong cách tiếp cận toàn diện về bình đẳng giới. Sau đó, Quỹ thích ứng đã quyết định Quỹ nên phát triển chính sách bình đẳng giới của riêng mình (Liane Schalatek 2019). Dựa trên quyền con người Chính sách giới của Quỹ thích ứng

và kế hoạch hành động nhiều năm về giới (FY2017-2019) đã được thông qua sau một quá trình tham vấn vào tháng 3 năm 2016 (Chính sách giới của Quỹ thích ứng 2016). Vào năm 2017, Tài liệu Hướng dẫn cho các Đơn vị Thực hiện về Tuân thủ Chính sách Giới của Quỹ Thích ứng cũng đã được đưa ra để cung cấp cho Các Đơn vị Thực hiện hướng dẫn thực tế về cách đạt được và đánh giá việc tuân thủ Chính sách Giới của Quỹ thích ứng trong suốt vòng đời của dự án (Hướng dẫn về giới 2017). Chiến lược trung hạn của Quỹ thích ứng mới (2018-2022), được phê duyệt vào năm 2017, cũng nhấn mạnh bình đẳng giới như một vấn đề xuyên suốt để đạt được sứ mệnh của Quỹ và xây dựng chính sách cũng để bao gồm các kênh tài trợ mới liên quan đến giới. (AF MTS 2018)

Một trong những khuyến nghị cụ thể để các Cơ quan Thực hiện như một phần nhiệm vụ về Chính sách Giới, Kế hoạch Hành động về Giới và Tài liệu Hướng dẫn là chủ động tham vấn với cả phụ nữ và nam giới, và cần thiết phải có những nỗ lực có mục tiêu để đưa các cơ quan về phụ nữ tại quốc gia (bao gồm các tổ chức và mạng lưới của phụ nữ, hợp tác xã của phụ nữ địa phương và các chuyên gia về giới) vào các cuộc tham vấn này.

Kế hoạch cũng yêu cầu ban thư ký thành lập một danh sách các chuyên gia tư vấn về giới. Kể từ tháng 2 năm 2019, ban thư ký đang làm việc để xác định các tổ chức khác để xây dựng và lưu trữ danh sách để sử dụng rộng rãi hơn trên các cơ chế tài chính khí hậu. Quỹ thích ứng cũng đã phát triển một trang web chuyên đề về Kiến thức và nghiên cứu về giới với các tài liệu có sẵn về chương trình và Chính sách Giới của Quỹ thích ứng, chia sẻ hướng dẫn và kinh nghiệm trong thực hiện dự án.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể trực tiếp đăng ký tài trợ theo khoản hỗ trợ sáng kiến trong lĩnh vực chuyên đề “Thúc đẩy bình đẳng giới (trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái)”.

Được thành lập vào năm 2008, Quỹ Đầu tư Khí hậu) do Ngân hàng Thế giới quản lý với sự hợp tác của 5 ngân hàng phát triển khu vực bao gồm Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Châu Âu và Tái thiết và Phát triển (EBRD) và Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ (IDB). Quỹ đầu tư khí hậu ban đầu được tạo ra để kích hoạt các khoản đầu tư trên quy mô lớn ở cả các nước đang phát triển và có thu nhập trung bình, đặc biệt là trao quyền cho các quốc gia này để “Tăng trưởng và chuyển đổi thông minh đối với khí hậu”. 14 quốc gia đã quyên góp tổng cộng 8 tỷ đô la Mỹ đã được cam kết trực tiếp cho Quỹ đầu tư khí hậu Hiện tại, Quỹ đầu tư khí hậu hỗ trợ 72 quốc gia trong các lĩnh vực như năng lượng, khả năng phục hồi với khí hậu, giao thông và lâm nghiệp (Trang Web của Quỹ đầu tư khí hậu 2018).

Quỹ đầu tư khí hậu bao gồm hai quỹ:

- A) Quỹ Công nghệ sạch (CTF); và
- B) Quỹ Khí hậu Chiến lược (SCF), với ba chương trình: i) Chương trình Thí điểm về chống chịu với biến đổi khí hậu (PPCR); ii) Mở rộng quy mô năng lượng tái tạo ở các nước có thu nhập thấp (SREP); và iii) Chương trình đầu tư rừng (FIP).

Khuyến nghị: Các đối tác thực hiện quốc gia cung cấp một cơ hội để các tổ chức của phụ nữ tham gia vào quá trình này. Ở những quốc gia đã có đối tác thực hiện, các tổ chức có thể tham gia vào quá trình cập nhật đối tác thực hiện.

Theo Quỹ đầu tư khí hậu, các quốc gia trước tiên phải đăng ký để trở thành “quốc gia thí điểm” của một trong bốn chương trình. Sau khi được phê duyệt, mỗi quốc gia phải xây dựng kế hoạch đầu tư (IP) cho chương trình đó. Xây dựng một IP là một quá trình thường bao gồm nhiều vòng tham vấn với nhiều bên liên quan khác nhau để xác định chi tiết đầu tư và nêu rõ các khoản đóng góp dự kiến từ Quỹ đầu tư khí hậu và các nguồn khác. Các IPs phải được Ủy ban Quỹ ủy thác Quỹ đầu tư khí hậu phê duyệt trước khi các quốc gia làm việc với MDB để phát triển các dự án xin tài trợ (WEDO, 2019).

Quỹ đầu tư khí hậu không bao gồm bất kỳ nhiệm vụ nào đối với các vấn đề về giới khi mới thành lập. Tuy nhiên, một đánh giá toàn diện về giới của Quỹ đầu tư khí hậu năm 2013 đã xác nhận rằng Quỹ đầu tư khí hậu cần phải làm nhiều hơn nữa để giải quyết các vấn đề về giới một cách có hệ thống (Liane Schalatek 2019). Để giải quyết vấn đề này, vào năm 2014, Quỹ đầu tư khí hậu đã tuyển dụng một chuyên gia về giới và các vấn đề xã hội. Sau đó, Quỹ đầu tư khí hậu đã phát triển các Kế hoạch Hành động Giới (GAP) đã được phê duyệt và thực hiện qua cả ba giai đoạn. Báo cáo tiến bộ về giới Quỹ đầu tư khí hậu năm 2017 cho thấy những cải thiện đối với hầu hết các Quỹ đầu tư khí hậu trong Kế hoạch hành động về giới của Quỹ đầu tư khí hậu. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng giới của CTF tiếp tục bị tụt hậu (Liane Schalatek 2019). Kế hoạch hành động về giới mới nhất của Quỹ đầu tư khí hậu, Giai đoạn 3 (FY 2021-2024), đã được phê duyệt vào tháng 6 năm 2020. GAP-3 sẽ tiếp tục nhấn mạnh vào “Các tác động chuyển đổi mối quan hệ giới trong các lĩnh vực chính như vị trí sở hữu, tiếng nói và tình trạng sinh kế bền vững của phụ nữ thông qua các thể chế và thị trường có trách nhiệm giới” (Quỹ đầu tư khí hậu GAP 2020). Chính sách Giới của Quỹ đầu tư khí hậu, được thông qua vào năm 2018, cũng cung cấp một khung quản trị để “thúc đẩy quyền tiếp cận bình đẳng và hưởng lợi từ các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư khí hậu hỗ trợ cho phụ nữ và nam giới ở các quốc gia thí điểm Quỹ đầu tư khí hậu” (Chính sách giới của Quỹ đầu tư khí hậu 2018).

Quỹ đầu tư khí hậu hiện cũng đã thêm bình đẳng giới như một tiêu chí đồng lợi ích và cốt lõi trong FIP và SREP, trong khi các chương trình Quỹ đầu tư khí hậu khác dự kiến sẽ đánh giá các khía cạnh giới trong quá trình đánh giá kỹ thuật của họ. PPCR và FIP cũng chỉ rõ phụ nữ và các nhóm của phụ nữ là những bên liên quan chính cần được tham vấn để chuẩn bị về IPs và thiết kế dự án (Burns và Burns 2020)

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể thu hút sự tham gia của các bên liên quan như các tổ chức xã hội dân sự mang lại tiếng nói của các nữ lãnh đạo từ cộng đồng.

Hơn nữa, PPCR cũng bao gồm các chuyên gia về giới trong các nhiệm vụ quốc gia hoặc tiếp cận các nhóm phụ nữ với tư cách là các bên liên quan chính trong tham vấn trong giai đoạn lập kế hoạch chương trình (Liane Schalatek 2019).

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể kết nối trực tiếp với các đầu mối quốc gia Quỹ đầu tư khí hậu trong quá trình tạo ra IP. Các mối quan hệ có thể được tăng cường hơn nữa để có thể tham gia vào các cuộc họp của các bên liên quan khu vực và toàn cầu.

Cấu trúc Quản trị Quỹ đầu tư khí hậu cũng bao gồm vai trò của “Những người quan sát tích cực” trong mỗi chương trình Quỹ đầu tư khí hậu. Các nhà quan sát giữ một ghế trong các ủy ban quỹ ủy thác, cùng với các nhà tài trợ và các chính phủ nhận hỗ trợ. Mục đích của cơ cấu cơ quan này là nhằm đảm bảo mỗi ủy ban có sự đại diện đa dạng của các bên liên quan từ xã hội dân sự, người bản địa và khu vực tư nhân, từ các nước phát triển và đang phát triển. Năm 2011, sau nhiệm kỳ đầu tiên của các quan sát viên Quỹ đầu tư khí hậu, quy trình bầu cử các quan sát viên mới đã chỉ rõ rằng, “Sẽ có những nỗ lực cụ thể để tuyển dụng và lựa chọn các tổ chức quan sát do phụ nữ đại diện và / hoặc tập trung vào sự tham gia của phụ nữ trong việc giải quyết các thách thức của biến đổi khí hậu (Trang Web Quỹ đầu tư khí hậu 2018). Chính sách Giới năm 2018 cũng đã đưa ra một danh mục mới về “đại diện về giới” đối với Quỹ đầu tư khí hậu cho tất cả các Ủy ban và Tiểu ban của Quỹ ủy thác sẽ được lựa chọn trong số các quan sát viên hiện có của Quỹ đầu tư khí hậu (Chính sách giới Quỹ đầu tư khí hậu 2018). Các quy trình tham gia của các bên liên quan và quan sát viên địa phương của Quỹ đầu tư khí hậu đã được báo cáo là đã có hiệu quả trong việc tạo điều kiện thay đổi các kế hoạch đầu tư (IPs) (Xây dựng thể chế đồng thuận 2020) và có thể là một công cụ vận động mạnh mẽ cho các tổ chức xã hội dân sự để tạo ra các khoản đầu tư Quỹ đầu tư khí hậu trong nước.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ và các chuyên gia về giới có thể tham gia cụ thể vào việc quản lý Quỹ đầu tư khí hậu bằng cách đăng ký trở thành quan sát viên của một hoặc nhiều chương trình Quỹ đầu tư khí hậu thông qua quá trình đề cử và bỏ phiếu.

Vào năm 2015, Quỹ đầu tư khí hậu đã thành lập Mạng lưới Cố vấn Các bên (SAN) để “Tăng cường quan hệ đối tác của các tổ chức ngoài nhà nước với các tổ chức tài chính khí hậu nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự về phát triển thông minh về khí hậu thông qua hợp tác, nghiên cứu, vận động, kết nối và quan hệ đối tác”. SAN hiện được quản lý bởi Quỹ đầu tư khí hậu và các thành viên được mở rộng cho tất cả các bên liên quan tham gia với tư cách là quan sát viên của các quỹ tài chính khí hậu đa phương. Mạng lưới SAN được điều hành bởi một ủy ban quản lý bao gồm các thành viên xã hội dân sự và Người bản địa, cũng như các đại diện của khu vực tư nhân. (Trang Web của Quỹ đầu tư khí hậu 2018).

Khuyến nghị: Lưu ý về Khái niệm SAN không bao gồm các đề cập rõ ràng về giới tính hoặc phụ nữ, nhưng các tổ chức của Phụ nữ có thể tham gia với Quỹ đầu tư khí hậu với tư cách là thành viên SAN.

QUỸ KHÍ HẬU XANH

Quỹ Xanh khí hậu, được thành lập vào năm 2010, đã chính thức đi vào hoạt động phê duyệt các dự án đầu tiên vào cuối năm 2015. Quỹ khí hậu xanh đóng vai trò là tổ chức vận hành cơ chế tài chính của cả UNFCCC và Thỏa thuận Paris do vậy Quỹ khí hậu xanh được kỳ vọng sẽ trở thành kênh chính vì thông qua đó nguồn tài chính khí hậu công quốc tế

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Sẽ hữu ích hơn nữa cho các tổ chức xã hội dân sự nếu họ được nghe trực tiếp về các quy trình này từ một người tham gia vào quỹ Quỹ khí hậu xanh ở cấp quốc gia. Khuyến nghị mời các cơ quan đầu mối của cơ quan được chỉ định quốc gia (NDA) hoặc đại diện tổ

chức được quốc gia chấp thuận tham gia phiên họp này để chia sẻ thông tin về quy trình, kinh nghiệm, cơ hội và thách thức cụ thể của từng quốc gia đối với các tổ chức xã hội dân sự. Điều này cũng sẽ cung cấp cơ hội kết nối cho những người tham gia. Bạn có thể bắt đầu buổi học với việc xem đoạn phim ngắn này về Quỹ Khí hậu Xanh tại <https://www.youtube.com/watch?v=hiQ-Gs8NW3s> tiếp theo là là thảo luận.

sẽ được đổ vào quỹ này. Đến tháng 12 năm 2019, lần trợ cấp chính thức đầu tiên của Quỹ khí hậu xanh (Quỹ khí hậu xanh-1) đã dẫn đến sự cam kết từ 29 quốc gia với số tiền lên tới 9,8 tỷ đô la (trang web của Quỹ khí hậu xanh).

Cách tiếp cận của Quỹ khí hậu xanh đối với tài chính khí hậu nhằm “Thúc đẩy sự chuyển đổi mô hình phát triển sang ít phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.... (với) quan tâm đặc biệt đến nhu cầu của các xã hội đặc biệt là những nhóm rất dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu.” (trang web của Quỹ khí hậu xanh).

Các nước đang phát triển có thể tiếp cận Quỹ khí hậu xanh thông qua MDB, các ngân hàng thương mại quốc tế và các cơ quan của Liên hợp quốc, cũng như trực tiếp thông qua các Cơ quan thực hiện cấp quốc gia, khu vực và địa phương được công nhận. Đến tháng 10 năm 2020, mạng lưới đối tác triển khai của Quỹ khí hậu xanh đã tăng lên 99 Đơn vị được Công nhận. (Trang web của Quỹ khí hậu xanh).

Khuyến nghị: Một điểm đầu vào quan trọng đối với các tổ chức của phụ nữ là tham gia với NDA và DAE của quốc gia. Điều này sẽ cung cấp thông tin chi tiết về những đề xuất nào đang được phát triển và có thể gây ảnh hưởng tương tự. Các tổ chức phụ nữ cũng có thể hợp tác với họ để được hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ theo các chương trình sẵn có

Quỹ khí hậu xanh giải ngân tài trợ thông qua một hệ thống được chấp thuận trong đó bất kỳ tổ chức nào gửi đề xuất tài trợ phải là Tổ chức có chứng nhận (AE) (Trang web của Quỹ khí hậu xanh). Hệ thống này được thiết kế để đảm bảo rằng các tổ chức có chứng nhận (AE), đặc biệt là những tổ chức có chứng nhận (AE) chỉ hoạt động ở cấp quốc gia, “Có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn có thể được sử dụng tốt nhất để huy động tài chính khí hậu trên thực tế.” Các AE, có thể là tư nhân, cộng đồng, phi chính phủ, khu vực hoặc quốc gia trong phạm vi và hoạt động của họ, có thể được xem xét là một trong hai loại khác nhau dưới đây.

- A) **Cơ quan Tiếp cận Trực tiếp (DAE)** - một tổ chức cấp dưới quốc gia, quốc gia hoặc khu vực cần được NDA của quốc gia đang phát triển đề cử hoặc các đầu mối có thể đủ điều kiện để nhận hỗ trợ sẵn có của Quỹ khí hậu xanh.
- B) **Cơ quan tiếp cận quốc tế (IAE)** - các cơ quan của Liên hợp quốc, các ngân hàng phát triển đa phương và các tổ chức tài chính quốc tế không cần được NDA đề cử.

Là một phần của quá trình chấp thuận, ban thư ký Quỹ khí hậu xanh cũng đánh giá “Năng lực đáp ứng giới” của các ứng viên bằng cách đảm bảo tất cả các tổ chức có chứng nhận (AE) có hồ sơ theo dõi đã được chứng minh và có khả năng để tuân thủ Chính sách về giới của Quỹ khí hậu xanh.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ cũng có thể tìm kiếm sự chấp thuận để họ có thể nộp các dự án với tư cách là AE, cho phép sở hữu việc thiết kế và thực hiện dự án để có sự linh hoạt hơn về phạm vi đề xuất, thời gian và các bên hợp tác. The Quỹ khí hậu xanh accre.

Quỹ khí hậu xanh được xác định là “cơ chế tài chính cho khí hậu đầu tiên lồng ghép các quan điểm về giới ngay từ đầu hoạt động và coi đó như một yếu tố ra quyết định cần thiết cho việc triển khai các nguồn lực của quỹ”. (Hall, Granat và Daniel 2019). Cơ chế quản lý của Quỹ khí hậu xanh cũng bao gồm một số đề cập đến giới và phụ nữ trong các phương thức quản lý và hoạt động của Quỹ, bao gồm cả về sự tham gia của các bên liên quan, và nhấn mạnh việc gắn nhiệm vụ lồng ghép giới theo các mục tiêu tài trợ và nguyên tắc hướng dẫn của Quỹ. Quỹ yêu cầu cân bằng giới cho nhân viên và Hội đồng quản trị của quỹ (Liane Schalatek 2019).

Chính sách giới và Kế hoạch hành động về giới đầu tiên của Quỹ khí hậu xanh (2015-2017) đã được phê duyệt vào tháng 3 năm 2015. Vào tháng 11 năm 2019, Hội đồng Quỹ khí hậu xanh cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động về giới và Chính sách về giới (GAP 2020-2023). Chính sách (2019) tăng cường các cam kết của Quỹ khí hậu xanh nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong các hoạt động và khuôn khổ thể chế của Quỹ khí hậu xanh. Kế hoạch hành động về giới (2019) nhấn mạnh năm lĩnh vực ưu tiên để lồng ghép giới bao gồm các khía cạnh sau:

Lĩnh vực ưu tiên 1: Quản trị

Đảm bảo bình đẳng giới và kể cả năng lực về giới trong tất cả các cơ quan tư vấn và ra quyết định chính, bao gồm Ban chấp thuận, Ban cố vấn kỹ thuật độc lập và Ban thư ký. Quỹ khí hậu xanh cũng sẽ giúp tăng cường NDA và các đầu mối, và các AE để thúc đẩy GAP thông qua Chương trình Hỗ trợ Chuẩn bị và Sẵn có.

Quỹ khí hậu xanh có một hợp phần xây dựng năng lực - chương trình chuẩn bị và sẵn sàng của quỹ - để giúp các quốc gia sẵn sàng bảo đảm và quản lý tài chính khí hậu, hoạt động này có thể được tận dụng để có thêm nguồn tài chính khí hậu có đáp ứng giới. Năm 2017, Quỹ khí hậu xanh đã thông qua Đề án Thí điểm Quy trình Phê duyệt Đơn giản hóa (SAP) cho các hoạt động quy mô nhỏ (Quỹ khí hậu xanh yêu cầu 10 triệu đô la Mỹ trở xuống) và sắp xếp hợp lý quá trình xem xét và phê duyệt. NDA và AE có thể nộp đề xuất ý tưởng SAP.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể tận dụng các mối quan hệ này để trở thành đối tác trong việc hình thành những sáng kiến quy mô nhỏ hơn này.

Lĩnh vực ưu tiên 2: Năng lực và Phát triển năng lực

Trọng tâm sẽ là nâng cao nhận thức về chính sách giới và GAP cũng như tập huấn về NDAs / đầu mối, AE và truyền tải cho các đối tác về cách diễn giải và vận hành bộ công cụ về giới và biến đổi khí hậu của Quỹ khí hậu xanh.

Khuyến nghị: Các tổ chức phụ nữ có thể tham gia với NDAs / đầu mối và các đơn vị được chấp thuận để cung cấp năng lực và chuyên môn kỹ thuật về giới, biến đổi khí hậu và thực hiện GAP.

Lĩnh vực ưu tiên 3: Phân bổ nguồn lực, khả năng tiếp cận và ngân sách.

Là một phần của việc này, Quỹ khí hậu xanh sẽ yêu cầu AEs nộp đề xuất ngân sách có chứa các đánh giá về giới và kế hoạch hành động giới ở cấp dự án, trong đó bao gồm các ngân sách thực hiện budgets.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể tham gia với các tổ chức được chấp thuận để thực hiện phân tích giới và nâng cao năng lực và chuyên môn kỹ thuật để chuẩn bị cho các đề xuất dự án có đáp ứng giới và GAP ở cấp dự án.

Lĩnh vực ưu tiên 4: Quy trình hoạt động

AEs sẽ được yêu cầu thực hiện đánh giá ban đầu bắt buộc về giới và xây dựng kế hoạch hành động về giới ở cấp dự án, bổ sung cho các yêu cầu về bảo vệ môi trường và xã hội (ESS).

Các kỳ vọng về đánh giá giới là một phần của cả mẫu tóm tắt ý tưởng và tài liệu hướng dẫn mẫu đề xuất dự án bản đầy đủ. Mẫu đề xuất dự án Quỹ khí hậu xanh yêu cầu các đơn vị mô tả về chương trình dự án về giới; nộp một bản đánh giá về giới và xã hội toàn diện để thể hiện nhu cầu khác biệt của nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái, người cao tuổi và các nhóm xã hội khác; và thông thường, bao gồm kế hoạch hành động về giới (GAP) và hòa nhập xã hội.

Ngoài ra, sự tham gia và tham vấn của các bên liên quan bình đẳng và bao trùm về giới cũng sẽ cần được tiến hành, tài liệu hóa trong suốt quá trình thiết kế và thực hiện dự án / chương trình.

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ nên tham gia và cũng nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham vấn các bên liên quan.

Lĩnh vực ưu tiên 5: Nâng cao kiến thức và Truyền thông

Sẽ có trọng tâm cụ thể về xây dựng và phổ biến tài liệu truyền thông về giới và biến đổi khí hậu cho tất cả các bên liên quan, bao gồm các hoạt động tiếp cận cộng đồng ở cấp quốc gia và cấp cơ sở. GAP cũng dự kiến chiến dịch truyền

thông đa phương tiện ở cấp quốc gia về giới và biến đổi khí hậu

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể tham gia với các nhóm cụ thể của quốc gia để trở thành một phần tích cực của các chiến dịch và hoạt động tiếp cận này.

Quỹ khí hậu xanh cũng có nhiều tổ chức xã hội dân sự đăng sau quỹ này, và ý kiến đóng góp tập thể của họ có trọng lượng đối với những người ra quyết định và thực hiện dự án. Hai quan sát viên tích cực sẽ được bầu bởi các xã hội dân sự để đại diện cho các nước đang phát triển và phát triển, có thể phát biểu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Hơn nữa, cơ quan cấp quốc gia đại diện quỹ Quỹ khí hậu xanh nên tham gia và tham vấn vào các hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự, mặc dù kinh nghiệm cho thấy rằng sự tham gia này hiện rất khác nhau giữa các quốc gia. (WEDO 2017).

Khuyến nghị: Các tổ chức của phụ nữ có thể trở thành quan sát viên chính thức của Quỹ khí hậu xanh bằng cách đăng ký tư cách quan sát viên khi các yêu cầu công nhận được ban hành định kỳ.

CÁC TỔ CHỨC PHỤ NỮ VÀ TÀI CHÍNH CHO KHÍ HẬU: CÁC CHIẾN LƯỢC BỔ SUNG VÀ CÁC VÍ DỤ VỀ SỰ THAM GIA

Mối quan hệ với các Bộ Môi trường và Biến đổi Khí hậu - Tổ chức Phụ nữ thường tham gia với các bên/ban về giới hoặc bộ/ban phụ trách về các vấn đề của phụ nữ. Tuy nhiên, các đơn vị chính phủ giám sát nguồn tài trợ khí hậu và đại diện của quỹ thường là các bộ môi trường hoặc tài chính. Điều quan trọng là các tổ chức phụ nữ phải kết nối công việc của họ với các bộ liên quan.

Tham gia tham vấn cộng đồng - Các chính sách và luật về môi trường ở nhiều quốc gia /các nguồn quỹ kêu gọi các quy trình tham vấn cộng đồng như một phần của các quy trình bảo vệ môi trường và xã hội. Các tổ chức xã hội dân sự có thể lập bản đồ về các quy trình như vậy ở quốc gia của họ, đặc biệt là cần hiểu về cách thức và thời điểm tham vấn được công bố rộng rãi. Thông tin này sau đó có thể được sử dụng để phổ biến thông tin về quá trình tham vấn cho phụ nữ, khuyến khích họ tham gia vào các quá trình này. Bản thân các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể tham gia vào các quá trình này và nhấn mạnh các mối quan tâm về giới trong các dự án sắp tới.

Tham gia các Mạng lưới NGO và các quỹ khí hậu khác nhau phân phối trên các nền tảng của tổ chức xã hội dân sự - Các tổ chức xã hội dân sự sau hoạt động của Quỹ Thích ứng đã chính thức hóa công việc của họ thông qua Mạng lưới NGO của Quỹ Thích ứng. Năm 1995, Mạng lưới tổ chức xã hội dân

sự của GEF được thành lập. GEF thường xuyên tổ chức các Cuộc họp Tham vấn với Mạng lưới trước các Cuộc họp của Hội đồng GEF. Mạng lưới tổ chức xã hội dân sự của GEF cũng có các cuộc họp cấp khu vực và các Hội thảo mở rộng về cơ chế xây dựng để tăng cường nhận thức của những người tham gia về GEF. Ngoài ra còn có một danh sách thư tín của Quỹ khí hậu xanh-CSO, những thư tín này hỗ trợ các tổ chức xã hội dân sự bám sát các phát triển của Quỹ khí hậu xanh, đồng thời xem xét và cung cấp phản hồi về các chính sách và thủ tục được đề xuất cũng như các đề xuất tài trợ và đơn xin để chấp thuận. Các tổ chức phụ nữ nên tham gia các nền tảng đã có này để bắt đầu.

Tạo Cộng đồng Tài chính về Khí hậu - Vào tháng 4 năm 2018, Trung tâm Tài nguyên Prakriti ở Nepal đã tổ chức "Chương trình Định hướng về ngân sách Giới và Khí hậu," với các Thành viên Đối thoại về Phát triển và Khí hậu. Chương trình này bao gồm thông tin về biến đổi khí hậu ở Nepal, ngân sách khí hậu và quỹ khí hậu xanh, lồng ghép giới trong biến đổi khí hậu và vai trò của các cơ quan quốc gia được ủy quyền (NDA) ở Nepal. Vào tháng 5 năm 2019, Climate Watch Thái Lan và Mạng lưới Khí hậu Thái Lan đã cùng tham gia Đối thoại của các tổ chức xã hội dân sự với Cơ quan được chỉ định quốc gia là Thái Lan, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mục đích của cuộc họp là thảo luận về cơ chế tham gia của tổ chức xã hội dân sự để các tổ chức xã hội dân sự có thể tham gia vào quá trình chuẩn bị và giám sát các dự án về Quỹ khí hậu xanh. Vào tháng 8 năm 2018, Diễn đàn Luật pháp và Phát triển về Phụ nữ khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APWLD) đã mời các tổ chức phụ nữ cấp cơ sở đăng ký tài trợ lên đến 3.000 USD để tổ chức hội thảo / đối thoại giữa nhiều bên liên quan ở cấp quốc gia của Quỹ khí hậu xanh (thành viên hội đồng Quỹ khí hậu xanh, Ban thư ký Quỹ khí hậu xanh, các tổ chức xã hội dân sự giám sát Quỹ khí hậu xanh, Cơ quan chức năng được chỉ định quốc gia và Đầu mối quốc gia, các phòng ban và tổ chức cụ thể của dự án, Tổ chức tiếp cận trực tiếp và được chấp thuận bởi Quỹ khí hậu xanh và các tổ chức phi chính phủ khác có liên quan ủng hộ Quỹ khí hậu xanh. Những người nhận tài trợ đã được hỗ trợ một khóa tập huấn khu vực để đẩy nhanh hiệu quả trong công việc của họ. Tổ chức và tham gia các sự kiện như vậy có thể nâng cao hiểu biết và năng lực của tổ chức xã hội dân sự về cách thức tham gia với Quỹ khí hậu xanh.

**TRỌNG TÂM
THẢO LUẬN**








Hỏi những người tham gia xem họ có biết về các cơ chế tài chính thích ứng đang vận hành ở quốc gia của họ và các đơn vị đang thực hiện các dự án thay mặt cho quỹ (như các tổ chức được công nhận, các tổ chức thực hiện quốc gia, v.v. theo sự hỗ trợ của quỹ). Hỏi họ xem họ có biết ai là đầu mối giới hiện tại không, và liệu họ có tương tác hoặc tham gia bất kỳ quá trình tham vấn nào không. Yêu cầu họ chia sẻ các ví dụ về bất kỳ trải nghiệm nào mà họ đã có khi thu hút thành công bất kỳ bên liên quan nào trong các hoạt động có lồng ghép giới.

BẢNG 5-3 ĐẦU MỐI HƯỚNG DẪN

QUỸ	BANGLADESH	CAMBODIA	VIETNAM	INDIA	INDONESIA
QUỸ THÍCH ỨNG - DA	Thư ký Bộ Môi trường, Rừng và Biến đổi khí hậu	Phó Tổng cục trưởng Bộ Môi trường Vương quốc Campuchia	Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chánh văn phòng Bộ Môi trường và Rừng	Tổng cục trưởng Tổng cục Biến đổi khí hậu Bộ Môi trường và Lâm nghiệp, Cộng hòa Indonesia
QUỸ THÍCH ỨNG - CƠ QUAN THỰC HIỆN QUỐC GIA				Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quốc gia (NABARD)	Đối tác Cải cách Quản trị ở Indonesia (Kemitraan)
QUỸ ĐẦU TƯ KHÍ HẬU - CƠ QUAN	Ngân hàng phát triển Châu Á	Ngân hàng phát triển Châu Á	Ngân hàng phát triển Châu Á	Ngân hàng phát triển Châu Á	Ngân hàng phát triển Châu Á
QUỸ ĐẦU TƯ KHÍ HẬU - ĐẦU MỐI	Đầu mối giới trong Ban / Bộ phận quốc gia về biến đổi khí hậu				Đầu mối giới trong Ban / Bộ phận quốc gia về biến đổi khí hậu
QUỸ KHÍ HẬU XANH - NDA	Ban Quan hệ Kinh tế, Bộ Tài chính			Bộ Môi trường Rừng và Biến đổi khí hậu	
QUỸ KHÍ HẬU XANH - ĐAEs	1. DCOL 2. PKSF			1. NABARD 2. SIDBI	

MÔ-ĐUN 5 PHẦN B:

4:00:00		LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI TRONG NGÂN SÁCH CHO KHÍ HẬU	
TỔNG QUAN 	<p>Kết thúc nội dung này, các học viên phải nhận thức được khái niệm về lập ngân sách có trách nhiệm giới và khả năng áp dụng công cụ này trong lĩnh vực tài chính cho khí hậu trong nước. Các công cụ Ngân sách có trách nhiệm giới khá thì có thể được áp dụng trong lĩnh vực này sẽ được thảo luận ngắn gọn, đồng thời những người tham gia cần hiểu sâu hơn về các công cụ được lựa chọn mà họ có thể áp dụng để vận động về ngân sách và cam kết chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu có đáp ứng giới.</p>		
NỘI DUNG 	<p>A) Tổng quan về lập ngân sách có trách nhiệm giới.</p> <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm và tầm quan trọng của lồng ghép giới trong ngân sách. Sự tiến bộ về Ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á. Sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự trong các Quy trình Ngân sách có trách nhiệm giới. <p>B) Áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính Khí hậu.</p> <ol style="list-style-type: none"> Các câu hỏi và chiến lược chính cho các Tổ chức xã hội dân sự. Khung năm bước. 	<p>C) Các công cụ và kỹ thuật Ngân sách có trách nhiệm giới với điểm đầu vào cho các tổ chức xã hội dân sự.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đánh giá Chính sách có Nhận thức về Giới. Báo cáo về ngân sách giới. Đánh giá người thụ hưởng có nhận thức về giới đối với việc cung cấp dịch vụ công và ưu tiên ngân sách. Phân tích tỷ lệ người dân có nhận thức về giới. Phân tích có tách biệt theo Giới tính trong Ngân sách về Sử dụng Thời gian. Lập ngân sách có sự tham gia. <p>D) Ngân sách có trách nhiệm giới cho ngân sách về Khí hậu: Báo cáo về Ngân sách Giới và Khí hậu.</p>	
TÀI LIỆU 	<ul style="list-style-type: none"> > Bài trình bày Power point > Thiết bị để xem phim trên YouTube. > Bảng trắng và bút dạ. > Giấy và bút vẽ biểu đồ. > Bản sao của tài liệu phát tay. 		
ĐỀ CƯƠNG 	5 phút	Chia sẻ về mục tiêu, tổng quan và nội dung buổi học.	
	5 phút	Video về "Lập ngân sách có trách nhiệm giới là gì?"	
	20 phút	Các câu đố về "Khái niệm và tầm quan trọng của Ngân sách có trách nhiệm giới" được trình chiếu trên PowerPoint (Xem Bài tập 25 và Tài liệu phát 23).	
	20 phút	Bản trình bày PowerPoint về "Sự tiến bộ về Ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á".	
	30 phút	Thảo luận nhóm về "Sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự trong các quá trình ngân sách có trách nhiệm giới" sử dụng Nghiên cứu điển hình của Indonesia (Xem Bài tập 26 và Tài liệu phát tay 24)	
	60 phút	Bài thuyết trình PowerPoint về "Áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính Khí hậu". Bản trình bày PowerPoint về "Khung năm bước cho Ngân sách có trách nhiệm giới".	
	30 phút	Bản trình bày PowerPoint về "Công cụ và kỹ thuật Ngân sách có trách nhiệm giới với điểm đầu vào cho tổ chức xã hội dân sự"	
	15 phút	Bản trình bày PowerPoint về "Ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính cho Khí hậu: Báo cáo Ngân sách Giới và Khí hậu"	
	45 phút	Bài tập nhóm về "Ngân sách có trách nhiệm giới và Tài chính công cho khí hậu" (Xem Bài tập 27)	
HƯỚNG DẪN 	<p>Chia sẻ tổng quan và nội dung của phần học. Giảng viên làm rõ rằng đây không phải là một khóa đào tạo Ngân sách có trách nhiệm giới chính thức mà đây chỉ một mô-đun nhỏ để học viên hiểu cách áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực BDKH/GNRRTT. Tiếp theo với video ngắn về "Lập ngân sách có trách nhiệm giới là gì?" của UN Women có tại https://www.youtube.com/watch?v=mquOclPJYPs. Sau đó là các câu đố được trình chiếu bằng PowerPoint (Xem bài tập 25 và tài liệu 23). Bổ sung câu trả lời bằng việc thêm thông tin sử dụng nội dung có tính kỹ thuật về "Khái niệm và tầm quan trọng của Ngân sách có trách nhiệm giới" trong quá trình giảng dạy. Tóm tắt nội dung thảo luận bằng phần giới thiệu nhanh về vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong quá trình Ngân sách có trách nhiệm giới (xem bên dưới). Chia những người tham gia thành các nhóm nhỏ từ bốn đến năm người và cung cấp cho mỗi nhóm bản photo của nghiên cứu điển hình được cung cấp trong Tài liệu 24. Cung cấp hướng dẫn cho các bước tiếp theo (Xem Bài tập 26 và Tài liệu 24). Hãy để những người tham gia trở lại trong nhóm lớn của lớp và khuyến khích mỗi nhóm chia sẻ hai điểm chính / chiến lược / bài học mà họ nghĩ có thể áp dụng trong công việc của họ.</p> <p>Cung cấp tổng quan ngắn gọn về tất cả các công cụ và kỹ thuật thông qua PowerPoint. Hãy nói rõ rằng mục đích ở đây là để những người tham gia tiếp xúc với nhiều công cụ khác nhau chứ không phải để thực sự tìm hiểu và áp dụng tất cả các công cụ. Làm rõ rằng họ sẽ học một công cụ cụ thể vào cuối phần học. Trình bày theo cách giải thích công cụ - tên, mô tả và kỹ thuật - đồng thời khuyến khích họ suy nghĩ về khả năng áp dụng công cụ trong lĩnh vực BDKH/GNRRTT. Không đặt các ví dụ trong PowerPoint; các ví dụ có thể được bổ sung bằng việc chia sẻ bằng lời để bổ sung thêm các dữ liệu đầu vào cho người học viên.</p>		

Tổng quan về lập ngân sách có trách nhiệm giới

KHÁI NIỆM VỀ LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Ngân sách có trách nhiệm giới hay Ngân sách có trách nhiệm giới là một cách tiếp cận để lồng ghép có hệ thống các mục tiêu bình đẳng giới vào chính sách, lập kế hoạch, ngân sách, giám sát, đánh giá và kiểm toán của chính phủ. Mục đích của Ngân sách có trách nhiệm giới là nhấn mạnh các tác động về phân bổ ngân sách (thu và chi) đối với phụ nữ và nam giới và điều chỉnh (hoặc phân bổ lại) các nguồn lực để đảm bảo rằng cả hai giới đều được hưởng lợi như nhau từ các nguồn lực của chính phủ (UN Women 2020). Ngân sách có trách nhiệm giới yêu cầu:

A) Xây dựng ngân sách chung từ góc độ giới

Ngân sách có trách nhiệm giới dựa trên quan điểm về lập ngân sách không phải là thực hiện công việc kế toán đơn thuần, mà là một phần quan trọng của quá trình hoạch định và thực hiện chính sách. Ngân sách có trách nhiệm giới bao gồm một cách tiếp cận chính sách toàn diện để hỗ trợ các chính phủ lồng ghép quan điểm về giới vào ngân sách làm khuôn khổ cho chi tiêu công. Ngân sách có trách nhiệm giới sẽ tác động đến tất cả các cấp và các giai đoạn của quá trình ngân sách - lập kế hoạch / chính sách / chương trình, đánh giá nhu cầu của các nhóm đối tượng, phân bổ nguồn lực, thực hiện, đánh giá tác động và ưu tiên các nguồn lực.

B) Phân tích chi và thu ngân sách thực tế của chính phủ đối với các chính sách và chương trình đáp ứng giới.

Điều này bao gồm việc tăng nguồn thu như thế nào và thu từ ai, và cách thức chi tiêu giải quyết các nhu cầu / ưu tiên của phụ nữ và trẻ em gái so với nam giới và trẻ em trai.

Ngân sách có trách nhiệm giới phân tích nguồn viện trợ tài chính và ngân sách của chính phủ để lập bản đồ về sự khác biệt liên quan đến khả năng tiếp cận và tác động tới phụ nữ và trẻ em gái so với nam giới và trẻ em trai. Ngân sách có trách nhiệm giới bao gồm phân tích về phân bổ ngân sách, chi tiêu cho các ưu tiên về bình đẳng giới, như được nêu rõ trong các chương trình và chính sách, và chi tiêu cho phụ nữ và trẻ em gái. Điều này bao gồm việc theo dõi việc sử dụng các nguồn lực được phân bổ, phân tích tác động và phân tích tỷ lệ người thụ hưởng trong chi tiêu công và chính sách từ góc độ giới.

C) Cung cấp hoạt động nhằm khẳng định việc giải quyết các nhu cầu cụ thể của phụ nữ và những các bản dạng giới khác, nếu cần thiết

Ngân sách có trách nhiệm giới nhấn mạnh sự phân công lao động theo giới tính và công nhận những cách thức mà (chủ yếu) phụ nữ đóng góp vào nền kinh tế bằng công việc không được trả công của họ trong việc sinh đẻ, nuôi dạy và chăm sóc con cái. Do đó, Mục đích của Ngân sách có trách nhiệm giới là làm rõ nhu cầu, lợi ích và đóng góp kinh tế của các cá nhân thuộc các nhóm xã hội khác nhau và đảm bảo những nhu cầu này được giải quyết bằng ngân sách có trách nhiệm giới.

Ngân sách đáp ứng giới là đỉnh cao của quá trình phân tích này. Ngân sách có trách nhiệm giới thừa nhận những bất bình đẳng về giới và các khuôn mẫu trong xã hội qua đó sẽ phân bổ ngân sách để thực hiện các chính sách và chương trình nhằm giải quyết những vấn đề này để tiến tới một xã hội bình đẳng giới hơn

Ngân sách có trách nhiệm giới có thể là một công cụ vận động và nghiên cứu quan trọng cho các tổ chức xã hội dân sự để lập bản đồ về khả năng đáp ứng giới của các quỹ khí hậu hiện có ở cấp quốc gia cũng như khả năng phân tích tổng thể và các cam kết về chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu cho cùng khung chi tiêu công quốc gia.

CSO có thể sử dụng Ngân sách có trách nhiệm giới để trả lời ba câu hỏi quan trọng

1. Các ưu tiên BDKH/GNRRTT của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác (đặc biệt là các ưu tiên được các chính sách về Khí hậu Quốc gia thừa nhận) có được công nhận là các ưu tiên ngân sách trong lĩnh vực tài chính khí hậu không?
2. Số tiền được phân bổ cho phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương có thực sự đến tay họ không?
3. Ngay cả khi nguồn tiền đến được với họ, thì có tạo ra thay đổi tích cực về vai trò giới và / hoặc đáp ứng các nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ không?

NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI - KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN NGÂN SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ

Quá trình thực hiện ngân sách có đáp ứng giới thừa nhận rằng các dòng ngân sách của chính phủ "điều khiển các nguồn lực quan trọng và nhà nước là lực lượng có ảnh hưởng thông qua ngân sách của quốc gia trong việc định hình các kết quả về giới cả trực tiếp và gián tiếp" (Sharp 1999). Ngân sách có trách nhiệm giới được hình thành thông qua việc

tập trung vào ngân sách của chính phủ, dựa trên các cơ sở lý luận: a) Ngân sách chính phủ là sử dụng các khoản tiền công; do đó b) phải kết hợp với trách nhiệm giải trình của công dân; và c) phải được sử dụng vì lợi ích công dân, đặc biệt là để giúp đỡ những người có ít sự hỗ trợ nhất và cần nhất về các nguồn lực / dịch vụ công. Ngân sách chính phủ có vai trò thiết yếu trong việc lập kế hoạch và kiểm soát các hoạt động kinh tế và tài khóa. Ngân sách chính phủ có nhiều chức năng, nhưng ba chức năng chính của chính sách kinh tế và tài khóa là:

- **Phân bổ nguồn lực** - ảnh hưởng và quyết định việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ công và có tác động rất lớn đến việc liệu nhu cầu của phụ nữ có được xác định là ưu tiên và được tài trợ thông qua ngân sách công hay không.
- **Phân phối thu nhập và của cải** - các quyết định về ngân sách của chính phủ có tiềm năng cao để cho phép phân phối thu nhập và của cải 'công bằng' giữa các nhóm người khác nhau và phụ nữ nghèo cần phải là trung tâm trong việc phân phối lại này.
- **Ổn định nền kinh tế** - ngân sách chính phủ thường hướng dẫn và đưa ra định hướng nhằm thiết lập một mức việc làm nhất định, ổn định giá cả, tăng trưởng kinh tế, bền vững môi trường và cân bằng với các quốc gia khác.

Với những chức năng quan trọng này của ngân sách chính phủ, Ngân sách có trách nhiệm giới cho đến nay chủ yếu tập trung vào ngân sách công. Tuy nhiên, có những lý do mà việc phân bổ và đóng góp từ các nguồn khác cũng cần được xem xét.

Trong bối cảnh tài chính khí hậu, có lẽ thích hợp để phân biệt giữa các hình thức tài trợ nước ngoài khác nhau, chẳng hạn như vốn từ các quỹ toàn cầu và các nguồn vốn thông qua các cơ quan song phương và đa phương cùng với Viện trợ phát triển nước ngoài (ODA). Điều này đặc biệt quan trọng vì viện trợ nước ngoài thường được thiết lập dưới dạng các quỹ / quỹ ủy thác riêng biệt. Đây là những kênh riêng biệt được thiết lập cho dòng tiền của các nhà tài trợ; và những khoản này không được phản ánh trong ngân sách tiêu chuẩn của chính phủ. Chẳng hạn như Bangladesh, đã thiết lập một kênh riêng ngay cả cho các quỹ liên quan đến biến đổi khí hậu của riêng quốc gia này. Nếu Ngân sách có trách nhiệm giới được giới hạn trong quỹ của chính phủ, thì một phần lớn ngân sách của quỹ khí hậu có thể không được bao gồm trong phân tích Ngân sách có trách nhiệm giới. Trong trường hợp theo dõi tài chính khí hậu, điều quan trọng là phạm vi Ngân sách có trách nhiệm giới được mở rộng cho tất cả các khoản đầu tư và chi tiêu công bắt từ bất kể nguồn nào.

BẢNG 5-4: ÁP DỤNG NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI Ở NAM VÀ ĐÔNG NAM Á

NĂM	ĐÔNG NAM Á	NAM Á
TRƯỚC NĂM 2000	Philippines (1991) Sri Lanka (1997) Vietnam (2000) Indonesia (2000)	
TRƯỚC NĂM 2010	Cambodia (2002) Malaysia (2003) Lao PDR (2005) Timor Leste (2008)	Bangladesh (2000) Pakistan (2001) India (2002) Nepal (2002) Afghanistan (2005)
SAU NĂM 2010	Myanmar (2013) Thailand	Bhutan (2012) Maldives

Source: UNESCAP (2018).

TIẾN BỘ VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI Ở CHÂU Á

Ở khu vực Châu Á, nhiều sáng kiến Ngân sách có trách nhiệm giới khác nhau có thể được tìm thấy ở ít nhất 22 quốc gia tại cấp quốc gia, địa phương hoặc cộng đồng. Một số quốc gia, chẳng hạn như Bangladesh, Nepal, Philippines, Ấn Độ và Indonesia, đã duy trì các phương pháp tiếp cận Ngân sách có trách nhiệm giới trong hơn 10 năm, trong khi những quốc gia khác mới tham gia trong thời gian gần đây (UNESCAP 2018); (UN Women 2016). Bảng 5-4 trình bày mốc thời gian khi các quốc gia khác nhau ở Đông Nam Á và Nam Á áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới.

Đánh giá của UN Women về Ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á Thái Bình Dương (Kanwar 2016) cung cấp thêm thông tin về các lĩnh vực tiến bộ và thách thức cho đến nay trong việc thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới. Những điều này bao gồm: "Bảng chứng đáng tin cậy về việc Ngân sách có trách nhiệm giới đã cải thiện cả số lượng và chất lượng phân bổ ngân sách cho bình đẳng giới. Quan trọng nhất, việc thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới đã cải thiện các hệ thống để theo dõi việc phân bổ ngân sách cho bình đẳng giới theo thời gian". Nhiều quốc gia, đặc biệt là ở Nam Á và Đông Nam Á, đã cho thấy nhiều tiến bộ về Ngân sách có trách nhiệm giới:

- Bangladesh, Indonesia, Ấn Độ và Nepal đã có khả năng thể chế hóa về Ngân sách có trách nhiệm giới trên nhiều lĩnh vực, thông qua việc kết hợp các công cụ cụ thể trong khung ngân sách hiện có của họ. Các quốc gia này cũng đã cố gắng tăng cường các cơ chế giải trình bằng cách áp dụng các hệ thống tính điểm và liên kết ngân sách giới với các chiến lược kiểm toán.
- Philippines đã đưa ra nhiệm vụ chính là ngân sách dành cho Giới và Phát triển (GAD) 5%, liên tục xem xét lại và cải

tiến phương pháp về Ngân sách có trách nhiệm giới cốt lõi của quốc gia này để tăng phân bổ ngân sách cho bình đẳng giới và vượt ra ngoài mức 5% để tạo ảnh hưởng và lồng ghép giới vào 95 phần trăm ngân sách công.

- Ở Việt Nam, các ngành liên quan phải được yêu cầu xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện các kế hoạch này.

Mặt khác, một số thách thức chính tập trung vào tính sẵn có và hiệu quả của các cơ chế thể chế, khoảng trống năng lực của các bên chủ chốt cũng như các yếu tố bối cảnh quan trọng, bao gồm minh bạch ngân sách và môi trường chính trị. Bất chấp những hạn chế về dữ liệu, nhiều quốc gia vẫn phân bổ ít hơn 1% ngân sách quốc gia cho các cơ quan làm việc với phụ nữ mặc dù họ có những nhiệm vụ quan trọng về bình đẳng giới (UN Women 2016).

GỢI Ý CHO GIẢNG VIÊN



Nếu có thời gian và những học viên chỉ đến từ một quốc gia, bạn có thể thảo luận chi tiết hơn về khuôn khổ và tình trạng của Ngân sách có trách nhiệm giới tại quốc gia đó. (Tham khảo phụ lục dành riêng cho từng quốc gia để biết phụ lục tương tự từ

“Lập ngân sách đáp ứng với giới ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - một báo cáo hiện trạng” do UN Women xuất bản (2016) có tại https://www2.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2016/12/grb_report-for-web-s.pdf?la=en&vs=1520). Điều này sẽ đặc biệt hữu ích cho khóa học nâng cao.

ĐIỂM THẢO LUẬN



Hỏi những người tham gia xem họ biết gì về các sáng kiến Ngân sách có trách nhiệm giới đang được thực hiện ở quốc gia của họ. Họ nghĩ rằng các tổ chức xã hội dân sự có thể đóng vai trò gì trong quá trình này?

Gợi ý cho giảng viên

Tham khảo “Lập ngân sách đáp ứng về giới ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - một báo cáo thực trạng” do UN Women xuất bản (2016) https://www2.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2016/12/grb_report-for-web-s.pdf?la=en&vs=1520

Các tổ chức xã hội dân sự (CSO) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy Ngân sách có trách nhiệm giới, đặc biệt là ở cấp ngành và địa phương / cộng đồng.

- > Các tổ chức xã hội dân sự có thể thực hiện phân tích ngân sách sau thực tế từ góc độ giới và phổ biến nó dưới các định dạng đơn giản để khuyến khích các cuộc thảo luận rộng rãi hơn.
- > Các tổ chức xã hội dân sự có thể tập huấn cho các quan chức chính phủ về việc áp dụng các công cụ và kỹ thuật để thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới.
- > Các tổ chức xã hội dân sự có thể làm việc với các quan chức chính phủ bằng cách cung cấp thông tin cơ sở và nhấn mạnh các nhu cầu về giới và ưu tiên của phụ nữ để đưa vào ngân sách cũng như cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về ngân sách có trách nhiệm giới.

- > Các tổ chức xã hội dân sự có thể hỗ trợ / thực hiện các đánh giá về trách nhiệm xã hội để có thể kiểm tra các nguồn lực công thực sự đến tay người thụ hưởng như thế nào và mức độ mà những nguồn lực này được chuyển thành các dịch vụ công cần thiết cho phụ nữ và nam giới.

- > Các tổ chức xã hội dân sự có thể hợp tác / liên lạc với các đại biểu quốc hội để chia sẻ về phân tích ngân sách giới và hỗ trợ quốc hội giám sát ngân sách từ góc độ giới.

Indonesia là một ví dụ mà các tổ chức xã hội dân sự đã cho thấy tầm quan trọng của họ trong việc thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới. Quỹ Châu Á đã đi đầu trong việc hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự và các cơ quan chính quyền địa phương để thúc đẩy Ngân sách có trách nhiệm giới, đặc biệt là ở cấp địa phương. Các nhóm phụ nữ như Koalisi và Komnas Perempuan đã thực hiện công việc vận động để đề xuất phân bổ ngân sách cụ thể và cải thiện sự ảnh hưởng đến y tế, tư pháp và các lĩnh vực khác. Diễn đàn Indonesia về minh bạch ngân sách đã xuất bản mô tả chi tiết và ví dụ về cách sử dụng Kế hoạch hành động giới (GAP) và Tuyên bố về Ngân sách giới (UN Women 2016).

Áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính cho khí hậu tại quốc gia

CÁC CÂU HỎI VÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH CHO SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ

Ngân sách có trách nhiệm giới nhấn mạnh rằng các vấn đề về giới có thể được tìm thấy ở “mọi nơi” và không có lĩnh vực và chương trình nào thực sự trung lập về giới. Trong các chính sách và chương trình BDKH/GNRRTT, đã có thỏa thuận được thiết lập liên quan đến các nhu cầu và ưu tiên khác nhau của phụ nữ và nam giới, do đó, việc áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới không chỉ phù hợp mà còn rất đáng mong đợi.

Tuy nhiên, ngay từ đầu, điều quan trọng cần nhấn mạnh là thuật ngữ Ngân sách có trách nhiệm giới bao hàm một loạt các hoạt động với các mục đích và cách sử dụng khác nhau. Vì vậy, trước khi áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong tài chính khí hậu, điều quan trọng là phải hiểu các thành phần chính của Ngân sách có trách nhiệm giới và Ngân sách có trách nhiệm giới liên quan như thế nào đến tài chính khí hậu. Bảng 5-5 tập hợp các câu hỏi chính cần được trả lời trước khi áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực tài chính khí hậu.

BẢNG 5-5: CÁC CÂU HỎI VÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH VỀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ

Điểm trọng tâm cần xem xét	Ví dụ về các chiến lược cho các tổ chức xã hội dân sự để áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực tài chính khí hậu trong nước
Tăng phân bổ kinh phí cho phụ nữ và các nhóm ngoài lề khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> > Thực hiện phân tích giới trong các lĩnh vực cụ thể và các hoạt động liên quan đến khí hậu của các lĩnh vực này và xác định nhu cầu cụ thể của các nhóm phụ nữ và nam giới khác nhau trong cộng đồng > Ưu tiên các Giải pháp Chỉ dành cho Giới mà các giải pháp này có thể giải quyết các nhu cầu > Xác định các chương trình / đề án hiện tại có thể tài trợ cho các giải pháp và thực hiện vận động với chính phủ để tăng nguồn vốn cho các giải pháp đó (hoặc nếu không có chương trình / đề án nào thì tạo ra đề án mới và sau đó thiết lập các nguồn tài chính tương ứng cho các giải pháp này).
Đảm bảo phân bổ tài chính khí hậu hiện có được hướng mục tiêu vào các chính sách và chương trình thúc đẩy bình đẳng giới và hỗ trợ các nhóm xã hội khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> > Lập sơ đồ cấu trúc tài chính khí hậu trong nước quốc gia > Xác định các Bộ ngành nắm giữ hầu hết các quỹ, nhận được thông qua các nhà tài trợ hoặc trong ngân sách hiện có của chương trình. > Thực hiện đánh giá nhận thức về giới về dòng tiền của các chương trình này. > Xác định khoảng trống trong các lĩnh vực và vận động các bộ ngành để thực hiện các hoạt động nhằm khẳng định việc đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng.
Đánh giá tác động của việc phân bổ đối với các ưu tiên và nhu cầu khác nhau về giới, đặc biệt là về việc hoạt động này đã thúc đẩy bình đẳng giới như thế nào	<ul style="list-style-type: none"> > Xác định hai đến ba chương trình khí hậu với phân bổ ngân sách hàng năm cao. > Thực hiện đánh giá tác động có nhận thức về giới. > Công bố công khai các kết quả đánh giá tác động giới và sử dụng các kết quả này để vận động cải thiện các chính sách, chương trình và phân bổ ngân sách cho giới.
Ai sẽ là các bên liên quan quan trọng nhất để tham gia?	
Điểm trọng tâm cần xem xét	Ví dụ về các chiến lược cho các tổ chức xã hội dân sự để áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực tài chính khí hậu trong nước
Cơ quan Phụ nữ quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> > Làm việc với cơ quan phụ nữ quốc gia để đưa giới vào chương trình lập kế hoạch và ngân sách cũng như khuôn khổ BDKH/GNRRTT. > Tham gia thực hiện và báo cáo về Khuyến nghị chung của CEDAW-37 (liên quan đến BDKH/GNRRTT).
Bộ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> > Tham gia vào các cơ chế rà soát thể chế và chi tiêu công về khí hậu (CIPER) hiện có trong nước và tăng cường năng lực của họ để thực hiện phân tích giới trong ngân sách. > Tiến hành xem xét các khoản phân bổ hiện có trong khuôn khổ rà soát thể chế và chi tiêu công về khí hậu (CIPER) từ góc độ giới và biến đổi khí hậu và xây dựng Báo cáo ngân sách về giới và khí hậu hàng năm. Trình bày phân tích dưới dạng đơn giản để thảo luận công khai nhằm tác động đến Bộ qua đó họ sẽ đưa cân nhắc này trong các quy trình phê chuẩn ngân sách. > Làm việc với Bộ này để tác động đến các quá trình ra quyết định ngân sách hiện tại, để đảm bảo quan điểm về giới và BDKH/GNRRTT được đưa ra trong quá trình cân nhắc và các mối quan tâm được giải quyết trong chính giai đoạn lập kế hoạch và phê duyệt. > Vận động để cung cấp không gian thể chế cho sự tham gia của cộng đồng vào quá trình lập ngân sách và áp dụng ngân sách có sự tham gia của những người đại diện để đảm bảo sự cân bằng giới

BẢNG 5-5: CÁC CÂU HỎI VÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH VỀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ

Điểm trọng tâm cần xem xét	Ví dụ về các chiến lược cho các tổ chức xã hội dân sự để áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực tài chính khí hậu trong nước
<p>Bộ Môi trường và Rừng và / hoặc Biến đổi khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> > Có nhiệm vụ về khí hậu nhưng hiểu biết về giới hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> > Nếu trong nước tồn tại cơ chế ủy quyền và thể chế quốc gia về Ngân sách có trách nhiệm giới, hãy tham gia vào việc nâng cao năng lực của Bộ môi trường về chủ đề này. > Tiến hành nghiên cứu, phát triển các bản tóm tắt chính sách và bộ công cụ để tác động đến các quyết định ngân sách. > Nếu có sẵn các nguồn lực, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp để thực hiện Ngân sách có trách nhiệm giới và/hoặc Kế hoạch Hành động Biến đổi Khí hậu và giới (ccGAP). > Tham gia báo cáo về phân bổ cho kế hoạch hành động về giới của UNFCCC.
<p>Các Bộ chuyên môn theo ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> > Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, lập ngân sách và thực hiện hầu hết các chương trình mà có tác động đến giới và BDKH/GNRRTT nhưng họ bị hạn chế về năng lực trong lồng ghép những quan điểm này > Ngoài ra, có một số Bộ chuyên môn được công nhận trong khuôn khổ giới và BDKH/GNRRTT. 	<ul style="list-style-type: none"> > Xác định các Bộ ngành chủ chốt với ngân sách tổng thể lớn hơn và các tác động cao hơn để giải quyết các vấn đề BDKH/GNRRTT. > Tham gia với các Bộ được lựa chọn để phân tích ngân sách và nâng cao năng lực từ góc độ giới và BDKH/GNRRTT.
<p>Nghị sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> > Có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc nêu ra các vấn đề trong các cuộc tranh luận về ngân sách cũng như trong việc giám sát ngân sách giới thông qua các ủy ban chuyên môn 	<ul style="list-style-type: none"> > Thuyết phục các Nghị sĩ về sự cần thiết để Lập ngân sách có trách nhiệm giới, đặc biệt là trong lĩnh vực BDKH/GNRRTT. > Cung cấp cho các Nghị sĩ thông tin cập nhật về phân tích ngân sách và giới để tiến hành thảo luận về ngân sách và chính sách quốc gia.

Những Công cụ nào sẽ được sử dụng và ai sẽ làm những gì?

Điểm trọng tâm cần xem xét	Ví dụ về các chiến lược cho các tổ chức xã hội dân sự để áp dụng Ngân sách có trách nhiệm giới trong lĩnh vực tài chính khí hậu trong nước
<p>Có nhiều công cụ Ngân sách có trách nhiệm giới và điểm đầu vào (sẽ thảo luận trong phần tiếp theo) có thể được áp dụng, lưu ý đến bối cảnh quốc gia. Phải đưa ra quyết định về việc áp dụng các công cụ nào, cái gì sẽ được tạo ra và ai sẽ thực hiện phân tích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> > Mục tiêu cốt lõi của bạn và (các) bên liên quan chủ chốt thường sẽ là xác định công cụ nào phù hợp nhất. > Công cụ Chính sách có Nhận thức về Giới là hiệu quả nhất để bắt đầu vì hai lý do. - Một, tổ chức xã hội dân sự có kinh nghiệm trong việc phân tích chính sách; tăng cường áp dụng lăng kính Ngân sách có trách nhiệm giới với thông tin về ngân sách. Thứ hai, hầu hết các quốc gia đều có Chính sách/Chiến lược/Kế hoạch về Biến đổi khí hậu cho các giai đoạn cụ thể; việc tham gia và ảnh hưởng đến quá trình cập nhật sẽ dễ dàng hơn nếu những phân tích cơ bản đã được thực hiện. > Ngay từ đầu, các tổ chức xã hội dân sự cũng có thể tham gia vào các đánh giá tác động giới, đánh giá mức độ đáp ứng về giới của một chính sách được đề xuất trước khi thực hiện chính sách đó. > Tuy nhiên, nếu Công cụ chính sách nâng cao nhận thức về giới được áp dụng, điều quan trọng là phải xem xét những điều sau: i) ai sẽ thực hiện phân tích, cho dù đó là công việc do chuyên gia tư vấn thực hiện hay một quá trình có sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách; ii) Sẽ thực hiện việc phân tích như thế nào, sẽ sử dụng một cách tiếp cận đơn giản hơn của bảng kiểm hay thực hiện cách tiếp cận tham vấn phức tạp hơn; và iii) kết quả của phân tích sẽ được tạo ra như thế nào để nhiều đối tượng hơn có thể đưa ra phản hồi. > Báo cáo Ngân sách Giới và Khí hậu có thể được sử dụng như bước thứ hai để hiểu dòng tiền cho các cam kết về giới trong các chính sách BDKH/GNRRTT. Báo cáo này cũng cung cấp một bức tranh cấp vĩ mô và vi mô và có nhiều tiềm năng nhất để tạo điều kiện cho các phương tiện truyền thông và công chúng thảo luận xung quanh vấn đề này. Tuy nhiên, nếu Báo cáo ngân sách về giới và khí hậu là công cụ được thông qua, người ta sẽ cần xem xét những điều sau: i) ai thực hiện việc viết mã; ii) ai cung cấp thông tin cho việc mã hóa; iii) Hình thức nào nào sẽ được sử dụng; và iv) khi nào thì báo cáo sẽ được thực hiện. > Một sự cân nhắc khác ở đây cũng sẽ là tìm hiểu xem liệu việc thực hiện có liên quan đến việc xuất bản báo cáo trong phạm vi công đồng hay không và liệu nó có được xuất bản dưới dạng báo cáo bóng hay được theo đuổi trong các hệ thống của chính phủ hay không. Điều sau làm cho báo cáo GB trở thành một công cụ đáng tin cậy để mang lại sự minh bạch về ngân sách giới. > Đối với tổ chức nhỏ hơn và / hoặc dựa vào cộng đồng, các công cụ lập ngân sách có sự tham gia sẽ phù hợp hơn.

KHUNG NĂM BƯỚC VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Khung năm bước Ngân sách có trách nhiệm giới của Debbie Budlender (2000) được sử dụng rộng rãi (và đã được điều chỉnh) ở nhiều nước trên thế giới. Mặc dù nó là một khuôn khổ hữu ích cho các sáng kiến nội bộ của chính phủ ở các quốc gia mà các quốc gia này đang triển khai chương trình hoặc ngân sách thực hiện, nó cũng có thể là một công cụ hữu ích cho các tổ chức xã hội dân sự trong khi thực hiện phân tích Ngân sách có trách nhiệm giới của một ngành hoặc bộ chủ quản cụ thể. Trong thực tế, một điểm yếu trong cách tiếp cận này là khả năng hạn chế để vượt qua bước thứ hai. Nói chung, các nhà nghiên cứu tham gia được thực hành trong việc mô tả tình hình và thảo luận về chính sách, nhưng các phần về ngân sách rất ngắn gọn và thường yếu.

BƯỚC 1 - Phân tích tình hình của phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai, trong một lĩnh vực nhất định.

Trọng tâm của khung năm bước là lập bản đồ tình hình của phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai trong bất kỳ lĩnh vực cụ thể nào hoặc những người thụ hưởng bởi Bộ hoặc Chính sách cụ thể. Việc thu thập thông tin định lượng có thể được thực hiện thông qua sự kết hợp của các nguồn quốc gia (địa phương) và quốc tế bao gồm tài liệu quốc tế, dữ liệu thống kê xuyên quốc gia, kế hoạch phát triển quốc gia, văn bản chính sách của chính phủ, số liệu thống kê chính thức của chính phủ, dữ liệu hành chính và nghiên cứu độc lập. Các công cụ phân tích giới được thảo luận trong Mô-đun 3 cũng có thể được sử dụng bởi các tổ chức xã hội dân sự để thu thập thông tin định tính về định kiến giới và các hạn chế / rào cản về giới. Điều quan trọng nữa là ngoài dữ liệu về giới, thông tin về các khía cạnh về các bất lợi khác (tuổi tác, khả năng, dân tộc, giai cấp, nhóm xã hội, những người khác) cũng cần được xem xét khi thu thập thông tin để đánh giá tình hình giới.

Khuyến nghị: Điều rất quan trọng đối với các tổ chức xã hội dân sự là xác định phạm vi của ngành / bộ trong khi thực hiện phân tích. Phạm vi giới hạn giúp tạo ra dữ liệu chất lượng tốt hơn và thông tin tập trung hơn. Một nguyên tắc chung đơn giản có thể là xác định nhóm mục tiêu của Chính sách / Bộ đang được cung cấp. Xác định một vấn đề chính mà nhóm đối tượng này phải đối mặt và sử dụng khung Nguyên nhân, Hậu quả và Giải pháp để xác định các tham số cho phân tích tình huống

BƯỚC 2 - Đánh giá giới- khả năng đáp ứng của các chính sách

Mục tiêu của bước này là đánh giá xem một chính sách hoặc chương trình cụ thể có khả năng làm gia tăng bất bình đẳng giới được mô tả trong bước trước hay không, nên bỏ đi hay giảm bớt những chương trình và chính sách như vậy. Một số

quốc gia có các chính sách tổng thể về giới nêu rõ cách họ nhìn nhận sự bất bình đẳng giới trong quốc gia và những gì họ dự định làm để giải quyết chúng. Một số quốc gia còn đi xa hơn trong việc phát triển các chính sách giới dành riêng cho từng lĩnh vực thực hiện chức năng tương tự đối với lĩnh vực cụ thể đó. Dù có chính sách giới hay không thì cũng cần phải nhìn vào tổng thể, các chính sách chủ đạo cho cả ngành và cho sự phát triển nói chung. Các chính sách chính thống phải được kiểm tra xem chính sách giải quyết vấn đề gì, có ngầm hiểu hay rõ ràng về giới không. Những chính sách này cũng phải được xem xét để biết liệu có mâu thuẫn với chính sách giới theo bất kỳ cách nào hay không.

Khuyến nghị: Xem xét các mục tiêu của chính sách / chương trình và xác định những mục tiêu có mục tiêu rõ ràng về giới và những mục tiêu cần được diễn đạt lại để bao gồm các mối quan tâm về giới đã được xác định trong bước 1 ở trên. Nối các hoạt động trong tài liệu chính sách / chương trình với các mục tiêu và đánh giá xem các mục tiêu về giới có đi kèm với các kế hoạch hoạt động cần thiết hay không. Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động và việc phân bổ nguồn lực, đặc biệt là trên các lĩnh vực hành động khẳng định.

BƯỚC 3 - Đánh giá phân bổ ngân sách

Mục đích chính của bước này là xem việc phân bổ ngân sách có đủ để thực hiện các mục tiêu và hoạt động chính sách / chương trình có đáp ứng giới được xác định trong bước thứ hai hay không. Vì vậy đánh giá việc phân bổ đủ nguồn ngân sách cần được phân tích theo hai cách:

- Số tiền phân bổ cho hoạt động có đủ để đạt được các con số mục tiêu như chính sách / chương trình mong muốn không?
- Chi phí đơn vị cho hoạt động có đủ để đảm bảo rằng nó được thực hiện một cách hiệu quả không?

Nguồn chính của thông tin này là tài liệu ngân sách về các hoạt động chính sách/ chương trình có đáp ứng giới, đặc biệt nếu các tài liệu này bao gồm cả thông tin về các mục tiêu và chỉ số liên quan. Một số chính phủ cũng xuất bản các tài liệu (báo cáo hàng năm / ngân sách thực hiện / ngân sách kết quả) thảo luận về kết quả hoạt động của các bộ khác nhau trong năm qua và kế hoạch cho năm tới. Những điều này, cùng với những phát ngôn liên quan đến ngân sách, hỗ trợ trong việc phân tích các số liệu ngân sách.

Một thông số quan trọng khác cần đánh giá ở đây là chi thực tế thực hiện của các năm trước, so với phân bổ ngân sách. Thông thường, các hoạt động về giới không được quan tâm cụ thể trong giai đoạn thực hiện, và ngân sách chưa được sử dụng và còn dư đến cuối năm sẽ được chuyển cho các bên khác. Tìm hiểu các lý do của việc không sử dụng hết nguồn ngân sách cũng sẽ giúp xác định rõ hơn các khoảng trống

trong việc thực hiện và các thách thức trong việc cung cấp dịch vụ.

Khuyến nghị: Điều quan trọng là phải đánh giá mức độ đầy đủ của ngân sách về số lượng phân bổ, vì thông thường, tổng phân bổ có thể rất ít so với những gì thực sự cần thiết để giải quyết các mối quan tâm của một bộ phận dân cư lớn. Hơn nữa, điều quan trọng là phải xem xét lại các chi phí đơn vị, đặc biệt là để hiểu được phân bổ dưới mức cho công việc không được trả công của phụ nữ. Nhiều chương trình không tính đến sự đóng góp của công việc không được trả công của phụ nữ để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả. Điều quan trọng là điều này được tính vào ngân sách và được đền bù.

- Đo lường các sản phẩm trực tiếp của các kết quả đầu ra trong một chương trình hoặc dự án cụ thể (ví dụ: số lượng người thụ hưởng nhận các dịch vụ y tế hoặc số lượng phòng khám được xây dựng).

Khuyến nghị: Đánh giá xem ngân sách được phân bổ có được sử dụng hiệu quả để đạt được các kết quả theo kế hoạch hay không. Xem lại các thành tựu vật chất và tài chính so với kế hoạch và liệu số tiền đã được chi như mong muốn chưa. Đặc biệt là rà soát lại tỷ lệ người hưởng lợi thuộc các giới và các nhóm xã hội khác nhau để xem có phù hợp với Chính sách và các thông số về dân số hay không. Nếu bất kỳ phần nào không được đề cập đầy đủ, hãy phân tích nguyên nhân của phần đó, vì chúng thường có thể là thông tin chi tiết yêu cầu sửa đổi ngân sách.

BƯỚC 4 - Giám sát chi tiêu và cung cấp dịch vụ

Các loại dữ liệu cần thiết để phân tích ngân sách giới có thể được chia thành hai loại:

- Đo lường các yếu tố đầu vào nào được đưa vào quá trình này (ví dụ: khoản tiền được phân bổ trong các dòng ngân sách hoặc nhân viên được phân bổ trong một chương trình cụ thể hoặc dự án).

BƯỚC 5 - Đánh giá Tác động / Kết quả

Đo lường các Kết quả từ kết quả của chính sách hoặc chương trình (ví dụ: tăng cường sức khỏe, trình độ học vấn và thời gian sẵn có). Mặc dù điều này trước mắt là khó, nhưng hãy xác minh xem các mục tiêu / kết quả về giới của chính sách / chương trình được xác định trong bước 2 đã đạt được hay chưa.

BẢNG 5-6: KHUNG NĂM BƯỚC VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH	<ul style="list-style-type: none"> > Các khía cạnh giới của mô hình sử dụng nước (sản xuất / sinh hoạt) trong hộ gia đình và trong làng / thành phố là gì? > Có bất kỳ khía cạnh giới nào tương tự không? > Thời gian trung bình của nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái trong các nhóm xã hội khác nhau để lấy nước là bao nhiêu? > Tỷ lệ mắc các bệnh liên quan đến nguồn nước ở nam và nữ là bao nhiêu?
PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH/CHƯƠNG TRÌNH	<ul style="list-style-type: none"> > Chính sách về nguồn nước có nhận thấy các khuôn mẫu giới trong việc sử dụng nước không? > Những mô hình sử dụng nguồn nước nào được ưu tiên để can thiệp trong Chính sách? > Dựa trên các mô hình sử dụng nước hiện có, mối quan tâm về nước của ai có nhiều khả năng được giải quyết hơn? > Chương trình/ chính sách này có mục tiêu giảm thời gian lấy nước không? > Các giải pháp quản lý nước được xác định trong chính sách là gì? > Có đủ các giải pháp về việc sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất cho cả hai giới và các nhóm xã hội khác không? > Các hoạt động được hoạch định trong chính sách sẽ giảm bất bình đẳng giới trong lĩnh vực nước là gì? > Có cam kết chính sách nào về cân bằng giới trong các cơ quan quản lý nước không? > Có bất kỳ khía cạnh giới nào trong các mô hình sử dụng nước đang thay đổi, phí sử dụng hoặc các chính sách tư nhân hóa (nếu có) được thúc đẩy bởi chính sách này không?
PHÂN TÍCH NGÂN SÁCH	<ul style="list-style-type: none"> > Tỷ lệ (phần trăm) của phân bổ ngân sách được phê duyệt trên các mô hình sử dụng nước khác nhau là bao nhiêu? > Ngân sách có được phân bổ đủ để giải quyết các nhu cầu xã hội và giới khác nhau không? > Sự phân bổ giữa cơ sở hạ tầng, các hoạt động quản lý và bảo trì, và ai sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ tình trạng phân bổ hiện tại? > Phân bổ cho các hoạt động được xác định ở trên sẽ giải quyết các mối quan tâm về giới và xã hội nào? > Việc phân bổ trên thực tế có đúng như dự kiến trong chính sách không? > Số tiền được phân bổ có được chi cho các hoạt động theo yêu cầu đề ra không? Nếu không, nguyên nhân của nó là gì? > Có đủ ngân sách phân bổ cho các hoạt động giải quyết nhu cầu của phụ nữ và các nhóm xã hội khác không? > Có phân bổ ngân sách nào cho truyền thông nhằm giải quyết việc thay đổi vai trò giới trong lĩnh vực về nguồn nước không? > Mục tiêu về ngân sách truyền thông cho việc thay đổi vai trò giới có được chi phù hợp không? > Ngân sách bảo trì đã được phân bổ và chi tiêu chưa? Ai đã nhận tiền - những người thực sự tham gia vào việc bảo trì hay ban quản lý? Ngân sách bảo trì đã được phân bổ và chi tiêu chưa? > Phụ nữ trong các ủy ban quản lý nước có tiếng nói thỏa đáng trong việc phân bổ ngân sách không? > Phụ nữ có nhận được cơ hội việc làm bình đẳng và công bằng trong quá trình thực hiện không? Tỷ trọng tiền lương của nam và nữ là bao nhiêu?

BẢNG 5-6: KHUNG NĂM BƯỚC VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

PHÂN TÍCH ĐẦU RA	<ul style="list-style-type: none"> > Có bao nhiêu gia đình được cung cấp nước (sản xuất / sinh hoạt)? > Bao nhiêu nam giới và phụ nữ trong các nhóm xã hội hài lòng với chất lượng dịch vụ cấp nước?
PHÂN TÍCH KẾT QUẢ	<ul style="list-style-type: none"> > chương trình/ chính sách này có làm giảm thời gian lấy nước của phụ nữ và nam giới không? > chương trình/ chính sách có mang lại lợi ích kinh tế cho phụ nữ và nam giới không?

GỢI Ý CHO GIÁNG VIÊN

Đối với khóa học nâng cao, hãy yêu cầu những người tham gia chọn một chủ đề khác và suy nghĩ về các chỉ số / thông số có thể được đánh giá cho từng bước trong năm bước?

Các kỹ thuật và công cụ về Ngân sách có trách nhiệm giới và điểm đầu vào cho tổ chức xã hội dân sự¹²

Bảng 5-6 trình bày một ví dụ về việc áp dụng khung Năm bước trong lĩnh vực về nguồn nước, tập hợp các ví dụ về các chỉ số / thông số cần được đánh giá cho từng bước.

Có nhiều công cụ và kỹ thuật được sử dụng như một phần của phân tích Ngân sách có trách nhiệm giới, nổi bật nhất là bảy công cụ do Diane Elson đề xuất. Trong phần tới, một số công cụ với các ví dụ minh họa tương ứng và khả năng ứng dụng trong lĩnh vực Tài chính Khí hậu đã được thảo luận trong bản tóm tắt

BẢNG 5-7: CÁC KỸ THUẬT VÀ CÔNG CỤ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**CÔNG CỤ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH CÓ NHẬN THỨC VỀ**

MÔ TẢ	KỸ THUẬT
<p>Bao gồm một phân tích phản ánh sự hiểu biết về các hàm ý theo giới của chính sách bằng cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> > Xác định các vấn đề giới tiềm ẩn và rõ ràng; > Xác định các phân bổ nguồn lực cho các bên; > Tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa chính sách và phân bổ nguồn lực; và > Đánh giá liệu chính sách sẽ duy trì dự bất bình đẳng hay thay đổi sự bất bình đẳng hiện có giữa nam giới và phụ nữ (và các nhóm nam giới và phụ nữ khác trong xã hội) và các mô hình quan hệ giới. 	<ul style="list-style-type: none"> > Danh sách các câu hỏi kiểm tra để đánh giá chính sách, bao gồm kiểm tra các giả định về giới của chính sách so với các bằng chứng; > Thảo luận về các sự kiện, hoạt động và phân bổ ngân sách liên quan do chính sách tạo ra; và > Kiểm tra chính sách so với các mục tiêu hoạt động và mục đích đã đưa ra trong chính sách

ỨNG DỤNG TRONG BDKH/GNRRTT

Nhiều quốc gia có văn bản luật, chính sách hoặc chiến lược về BDKH/GNRRTT. Ngay cả khi không có những điều này, vẫn có nhiều cam kết chính sách khác nhau được thực hiện như một phần của NDCs, SDGs và Khung Sendai. Phân tích chính sách có nhận thức về giới sẽ giúp nhấn mạnh các cam kết về giới (hoặc thiếu) trong các cam kết này; đồng thời giúp theo dõi những cam kết nào về giới vẫn còn trên giấy và phân bổ đủ nguồn lực để hỗ trợ các cam kết này.

12. Phần này chủ yếu dựa vào (Budlender và Sharp, Cách thực hiện phân tích ngân sách nhạy cảm giới: Nghiên cứu và thực hành đương đại 1998)

BẢNG 5-7: CÁC KỸ THUẬT VÀ CÔNG CỤ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**BÁO CÁO VỀ NGÂN SÁCH GIỚI****MÔ TẢ**

Báo cáo về Ngân sách giới thường được mô tả như một tài liệu về trách nhiệm giải trình cụ thể về giới do cơ quan chính phủ cung cấp để chỉ ra những chương trình và ngân sách của cơ quan đó đang thực hiện liên quan đến giới. Các báo cáo như vậy thường được đưa ra bàn trong quốc hội, thường cùng với các tài liệu ngân sách mẫu. Các tài liệu này nhằm thông báo về việc ưu tiên ngân sách. Những báo cáo có thể được công bố đầy đủ, hoặc thông tin mà báo cáo này đưa ra có thể chỉ xuất hiện ở dạng tóm tắt trong các tài liệu được đưa ra để bàn tại quốc hội hoặc được công bố công khai theo những cách khác. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, thông tin trong báo cáo ngân sách giới này có thể không được công khai.

KỸ THUẬT

Bản báo cáo Ngân sách giới có thể mang tính định lượng cũng như định tính. báo cáo này thường là một mẫu đính kèm với giấy báo kêu gọi các bộ và ban ngành cung cấp thông tin về ngân sách giới. Một số Tuyên bố của Ngân sách giới được thiết kế để bao gồm các câu hỏi về các mối quan tâm và ưu tiên về giới trong bộ / sở, trong khi các báo cáo khác bao gồm phân loại các Dự toán / Phân bổ / Chi tiêu Ngân sách của Chính phủ; Hoặc là một sự kết hợp của cả hai.

ỨNG DỤNG TRONG BDKH/GNRRTT

Các mục và Mẫu Báo cáo của Ngân sách giới có thể dễ dàng áp dụng cho tài chính BDKH/GNRRTT trong nước, đặc biệt là các tài liệu Đánh giá về Đầu tư và Chi tiêu Công (CIPER) về Khí hậu

ĐÁNH GIÁ NGƯỜI THỤ HƯỞNG CÓ NHẬN THỨC VỀ GIỚI ĐỐI VỚI VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG VÀ ƯU TIÊN NGÂN SÁCH**MÔ TẢ**

Công cụ này nhằm thu thập và phân tích ý kiến của phụ nữ và nam giới về mức độ mà các chính sách, chương trình và dịch vụ của chính phủ dành các ưu tiên và đáp ứng nhu cầu của những nhóm đó. Những câu trả lời này được phân tích để đánh giá mức độ mà ngân sách hiện tại của chính phủ đáp ứng các ưu tiên của phụ nữ và nam giới. Về bản chất, phụ nữ và nam giới tham gia các nghiên cứu về thụ hưởng đang được "Hỏi: Nếu họ là bộ trưởng bộ Tài chính họ sẽ phân chia các phần ngân sách của quốc gia như thế nào". Ví dụ, nhận thức của phụ nữ và nam giới đối với chất lượng dịch vụ từ các trung tâm phụ hoặc trung tâm y tế ban đầu trong khu / huyện cung cấp có thể được xác định bằng cách sử dụng công cụ này. Hạn chế của công cụ này là: i) Công cụ này chỉ nắm được nhận thức của người thụ hưởng chứ không thể nắm bắt được nhận thức của người không sử dụng hoặc nhà cung cấp dịch vụ; ii) tốn thời gian; và iii) Công cụ này thường chỉ giải quyết một dịch vụ tại một thời điểm nhất định.

KỸ THUẬT

- > Thăm dò ý kiến,
 - > Khảo sát thái độ,
 - > Đánh giá nhanh có sự tham gia,
 - > Thảo luận nhóm tập trung,
 - > Phỏng vấn qua cuộc trò chuyện và
- Xếp hạng ưu tiên và cho điểm

ỨNG DỤNG TRONG BDKH/GNRRTT

Đánh giá người thụ hưởng có nhận thức về giới cũng có thể trở thành một công cụ quan trọng, đặc biệt đối với các tổ chức nghiên cứu làm việc về BDKH/GNRRTT. Điều tra thường xuyên về nhận thức của người dân (không phân biệt giới tính) về phân bổ ngân sách cho BDKH/GNRRTT, đặc biệt là những điều tra được báo cáo trong Đánh giá về Đầu tư và Chi tiêu công (CIPER) có thể trở thành một công cụ vận động quan trọng để tạo ra nguồn ngân sách cho BDKH/GNRRTT.

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CHI TIÊU CÔNG CÓ NHẬN THỨC VỀ GIỚI**MÔ TẢ**

Mục tiêu của công cụ này là phân tích mức độ mà nam giới và phụ nữ được hưởng lợi từ chi tiêu cho các dịch vụ do nhà nước cung cấp. Phân tích thống kê được thực hiện để xác định sự phân bổ chi tiêu giữa nam giới, phụ nữ, trẻ em gái và trẻ em trai. Phân tích này có thể được thực hiện cho bất kỳ lĩnh vực hoặc chương trình nào. Cách tiếp cận này yêu cầu những điểm sau: i) tính toán đơn giá cung cấp dịch vụ (ví dụ: chi phí vận hành một trường tiểu học trong một năm); ii) tính toán số trẻ em gái và trẻ em trai được hưởng lợi; và iii) tính toán tỷ lệ lợi ích bằng cách nhân chi phí đơn vị với số trẻ em gái và một lần nữa với số trẻ em trai.

KỸ THUẬT

Công cụ định lượng này cho thấy sự phân bổ lợi ích từ các dịch vụ công theo các giới cụ thể trong lịch sử như thế nào. Công cụ này đặc biệt có giá trị cho việc thiết lập thông tin cơ sở và thiết lập hệ thống giám sát. Điều này yêu cầu phép đo:

- i) Đơn giá của việc cung cấp một dịch vụ cụ thể - ví dụ, chi phí cung cấp cho một trường tiểu học trong một năm;
- ii) Số đơn vị dịch vụ được sử dụng bởi nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái.

Tỷ lệ lợi ích sau đó có thể được tính bằng giá trị của đơn vị chi phí nhân với số đơn vị được sử dụng bởi các cá nhân có liên quan. Tỷ lệ lợi ích phụ thuộc vào: i) phân bổ chi tiêu công trong việc cung cấp các dịch vụ công; và ii) hành vi của các hộ gia đình trong việc sử dụng các dịch vụ công. Ví dụ, tỷ lệ lợi ích của chi tiêu công cho giáo dục tiểu học là: i) đối với trẻ em gái, giá trị của chi tiêu công cho giáo dục tiểu học nhân với tỷ lệ trẻ em gái đi học tiểu học trên tổng số trẻ em gái đi học tiểu học; ii) đối với trẻ em trai, giá trị của chi tiêu công cho giáo dục tiểu học nhân với tỷ lệ trẻ em trai đi học trên tổng số trẻ em đi học tiểu học. Hạn chế của công cụ này là nó cho rằng giá dịch vụ của nam và nữ, giàu và nghèo, nông thôn và thành thị là như nhau. Công cụ này chỉ có thể được thực hiện cho các dịch vụ mà mục tiêu là hướng đến những cá nhân được thụ hưởng.

BẢNG 5-7: CÁC KỸ THUẬT VÀ CÔNG CỤ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**ỨNG DỤNG TRONG BDKH/GNRRTT**

Phân tích tỷ lệ công chúng có nhận thức về giới là một công cụ kỹ thuật hơn, nhưng có thể được áp dụng tốt cho các dự án năng lượng, hệ thống cảnh báo thông tin sớm và các dự án khác, trong đó số lượng người dùng cuối cùng có thể được tính toán.

PHÂN TÍCH NGÂN SÁCH CÓ TÁCH BIỆT THEO GIỚI TÍNH VỀ MẶT SỬ DỤNG THỜI GIAN**MÔ TẢ**

Công cụ này nhằm mục đích chỉ ra mối liên hệ giữa ngân sách của chính phủ (trong một lĩnh vực cụ thể, ví dụ, cấp nước cho các làng) và cách các thành viên nam và nữ sử dụng thời gian của họ liên quan đến sự hiện diện hoặc vắng mặt của dịch vụ đó (ví dụ: thu tiền nước cho hộ gia đình). Điều này giúp so sánh giá trị quy định của công việc chăm sóc không được trả lương với số tiền ngân sách. Ví dụ, nó cho phép so sánh chi phí cung cấp nước cho một ngôi làng / khu vực, theo ngân sách và chi phí tiềm ẩn thông qua việc lấy nước. Công cụ này cũng giúp đảm bảo rằng thời gian dành cho công việc không được trả lương của phụ nữ được tính đến trong phân tích chính sách. Đó là việc thu thập thông tin về cách các thành viên trong hộ sử dụng thời gian của họ thông qua các cuộc điều tra hộ gia đình. Dữ liệu sử dụng thời gian, được phân tách theo giới tính (và độ tuổi), sau đó có thể được sử dụng để tiết lộ mối liên hệ giữa ngân sách của chính phủ và ngân sách thời gian của hộ gia đình.

KỸ THUẬT

- > Cách tính "thuế tái sản xuất", được định nghĩa là tỷ lệ thời gian của một người dành cho công việc tái sản xuất không được trả công để duy trì xã hội. Sau đó, những thay đổi về thuế tái sản xuất có thể liên quan đến những thay đổi về các loại thuế khác.
- > Tính toán ma trận yếu tố đầu vào - đầu ra của các khu vực trong xã hội bao gồm yếu tố đầu vào và đầu ra của công việc chăm sóc không được trả công, cũng như chi tiêu công của khu vực xã hội.
- > Tính toán chi tiêu thời gian và tiền bạc của hộ gia đình cho các dịch vụ bao gồm y tế, giáo dục, vệ sinh, giao thông. Những thay đổi trong chi tiêu thời gian sau đó có thể liên quan đến những thay đổi trong chi tiêu công.

ỨNG DỤNG TRONG BDKH/GNRRTT

Xét thấy biến đổi khí hậu và thiên tai có ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng nghèo đói theo thời gian của phụ nữ, phân tích sử dụng thời gian theo giới tính sẽ là một công cụ quan trọng để đánh giá sự đóng góp của phụ nữ và trẻ em gái trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu và phục hồi sau thiên tai. Ví dụ, người ta có thể thực sự tính toán thêm thời gian phụ nữ và trẻ em gái dành cho việc lấy nước và đặt nó về mặt kinh tế để xác định trường hợp cho các dự án cấp nước như một phần của quá trình phục hồi thiên tai. Tương tự, vai trò chăm sóc của phụ nữ có thể được xác định số lượng để đánh giá một trường hợp để việc phân bổ về y tế được tăng lên.

LẬP NGÂN SÁCH CÓ SỰ THAM GIA

Lập ngân sách có sự tham gia (PB) là một quá trình cho phép người dân quyết định cách thức phân bổ các quỹ ngân sách nhất định. Bằng cách đưa người dân vào quá trình ra quyết định, lập ngân sách có sự tham gia có tiềm năng: i) Ai trở thành một tác nhân chịu trách nhiệm giải trình, giúp xác minh ngân sách của chính phủ; ii) Những cử tri trở thành những người đóng góp tích cực và người giám sát được thông báo về tiến trình của chính phủ; và iii) hỗ trợ các nỗ lực công khai ngân sách một cách chủ động. Như ngày nay, PB giúp người dân tìm thấy những cơ hội này và công cụ này đóng vai trò như một cửa ngõ quan trọng để nhiều nhóm dân cư tham gia với chính quyền địa phương, đặc biệt là các nhóm truyền thống ít đại diện. Đó là một quá trình biến đổi, một quá trình có thể khiến các chính phủ hầu như không mất gì, vì nó chỉ tái phân bổ các khoản tiền hiện có. Trên thế giới có một số hình thức lập ngân sách có sự tham gia, nhưng mỗi hình thức đều nhằm mục đích đảm bảo sự tham gia của người dân vào việc phân bổ nguồn quỹ công.

Có các quy trình khác nhau có thể được sử dụng cho PB:

- Chính phủ phân bổ một tỷ lệ nhất định của ngân sách cho một nhóm hoặc khu vực nhất định để lập kế hoạch và đề xuất các hoạt động trong phạm vi đó.
- Chính phủ mời các đề xuất và những yêu cầu được đưa ra từ người dân trước khi thực hiện ngân sách; và chú trọng đầy đủ, bao gồm cả nhu cầu của người dân.

PB có thể được đưa vào cụ thể như một phần của việc thực hiện Kế hoạch thích ứng của địa phương và Kế hoạch khả năng phục hồi của đô thị. Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là không phải tất cả các sáng kiến Ngân sách có sự tham gia đều mang tính đáp ứng về giới và tập trung vào việc tiếp cận phụ nữ với tư cách là các bên liên quan trong quá trình này. Việc cung cấp cho họ một nền tảng và không gian để nói lên ưu tiên và nhu cầu của họ về nhu cầu và mong muốn của họ trong các quy trình PB là rất cần thiết.

Ngân sách có trách nhiệm giới cho Tài chính Khí hậu: Báo cáo Ngân sách Giới và Khí hậu

Một công cụ Ngân sách có trách nhiệm giới quan trọng khác có thể được sử dụng trong tài chính khí hậu là Báo cáo Ngân sách Giới. Báo cáo Ngân sách Giới được sử dụng để phân tách chi tiêu dự kiến thành các danh mục có liên quan đến giới. Điều này liên quan đến việc nêu các tác động giới dự kiến trong tổng ngân sách quốc gia (chi tiêu công và thuế) và / hoặc các tác động giới trong chi tiêu của các bộ ngành. Báo cáo có thể được xây dựng dựa trên bất kỳ công cụ nào ở trên. Nó cũng có thể được xây dựng theo các hạng mục đặt trước. Dưới đây là một số ví dụ về Báo cáo Ngân sách Giới ở Châu Á (UN Women 2015):

THANG ĐIỂM VỀ NĂM THANG ĐO CỦA CHÍNH PHỦ BANGLADESH

Chính phủ Bangladesh yêu cầu các cơ quan đánh giá tất cả các chương trình và dự án của chính phủ dựa trên sự đóng góp dự kiến cho bốn tiêu chí đại diện cho các khía cạnh khác nhau của trao quyền cho phụ nữ, đó là:

- i) Quyền có lên tiếng và quyền trong xã hội;
- ii) Việc làm;
- iii) Năng suất; và
- iv) Tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ và thông tin.

Các chương trình và dự án được đánh giá là có tác động trực tiếp đến việc trao quyền cho phụ nữ sau đó phải được đánh giá về mức độ tác động theo thang điểm "tiêu cực", "không", "thấp", "trung bình" và "cao". Các hướng dẫn được cung cấp cho các bộ trong thông tư đưa ra về ngân sách bao gồm "tiêu chuẩn" (hoặc tiêu chí) để đánh giá tác động giới và xác định tỷ lệ phần trăm.

Cùng với phân loại theo định lượng này, báo cáo ngân sách giới cũng tuân theo một khung được thiết kế tốt nhằm giải quyết các vấn đề sau:

- Vai trò và trách nhiệm của bộ / bộ phận;
- Các hoạt động của bộ / bộ phận tác động như thế nào đến sự tiến bộ và quyền của phụ nữ;
- Ai được hưởng lợi hoặc có thể được hưởng lợi từ các hoạt động này và làm thế nào, theo cách phân biệt giới;
- Các mục tiêu chiến lược của các bộ / bộ phận có liên quan như thế nào đến sự tiến bộ và quyền của phụ nữ;
- Thông tin về phân bổ ngân sách phân chia theo giới trong phân bổ ngân sách của bộ / ngành;
- Mô tả về thành công của bộ / bộ phận trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến vì sự tiến bộ của phụ nữ; và

- Khuyến nghị về tăng cường vai trò của các bộ / bộ phận trong việc thực hiện các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Mỗi Bộ nộp ngân sách của mình và Bộ Tài chính lập bảng phân tích có tiêu đề "Sự tiến bộ và Quyền của Phụ nữ" cùng với ngân sách hàng năm. Báo cáo đánh giá cách các Bộ đã giải quyết các vấn đề về quyền và tiến bộ của phụ nữ trong ngân sách, với các phần khác nhau nhấn mạnh tiến bộ kết hợp của các Bộ liên quan. Phần 1 của báo cáo tổng hợp thảo luận về ngân sách của bảy bộ với tiêu đề "Trao quyền cho phụ nữ và nâng cao phẩm giá xã hội của họ". Phần 2 thảo luận về ngân sách của chín bộ được nhóm lại với tiêu đề "Cải thiện năng suất và sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động". Cuối cùng, phần 3 thảo luận về ngân sách của 24 bộ được nhóm lại với tiêu đề "Mở rộng khả năng tiếp cận hiệu quả của phụ nữ đối với các dịch vụ chung của khu vực công và các hoạt động tạo thu nhập". Báo cáo ngân sách về giới cá nhân của các bộ cũng có sẵn trên trang web của Bộ Tài chính.

PHÂN LOẠI THEO HAI HƯỚNG CỦA CHÍNH PHỦ ẤN ĐỘ

Hiện tại, Chính phủ Ấn Độ yêu cầu quan chức chính phủ sử dụng hình thức phân theo hai hướng để làm cơ sở trình bày trong báo cáo Ngân sách Giới trong Ngân sách Liên bang. Hai loại bao gồm:

- i) Ngân sách phân bổ dành riêng cho phụ nữ, trong đó 100% phân bổ dành cho phụ nữ
- ii) Ngân sách phân bổ vì sự tiến bộ của phụ nữ trong đó 30-99% phân bổ dành cho phụ nữ

Các chương trình và đề án được phân loại theo hai danh mục do các Bộ / Ban ngành tương ứng và nộp Bộ Tài chính. Sau đó, nó được đối chiếu thành một báo cáo Ngân sách Giới riêng biệt và được đưa ra trước Nghị viện cùng với Ngân sách Liên bang.

THỰC HIỆN THEO VIỆC CHẤM ĐIỂM CỦA CHÍNH PHỦ NEPAL

Đánh giá Ngân sách có trách nhiệm giới của Nepal đưa ra giá trị phân bổ theo các bộ, trên thang điểm 0-100, tùy theo mức độ mà họ đã thúc đẩy bình đẳng giới. Ba tiêu chí về sự ảnh hưởng được sử dụng:

- i) Các khoản chi mang lại lợi ích trực tiếp cho phụ nữ (đạt từ 50 đến 100 điểm);
- ii) Các khoản chi mang lại lợi ích gián tiếp cho phụ nữ (đạt từ 20 đến 50); và
- iii) Các khoản chi trung lập (nếu chương trình / sáng kiến đạt điểm dưới 20).

Năm chỉ số, mỗi chỉ số có trọng số 20% và yêu cầu điểm nhạy cảm giới từ 1 đến 20 cho mỗi chương trình, được sử dụng để tính toán tỷ lệ chi tiêu trong từng hạng mục:

- i) Nâng cao năng lực cho phụ nữ;
- ii) Sự tham gia của phụ nữ vào các chương trình lập kế hoạch và thực hiện;
- iii) Chia sẻ lợi ích cho phụ nữ;
- iv) Tăng cơ hội việc làm và tạo thu nhập cho phụ nữ; và
- v) Giảm việc sử dụng thời gian và khối lượng công việc của phụ nữ

Các chỉ số định tính liên quan đến Ngân sách có trách nhiệm giới và các trọng số liên quan đã được đưa vào công cụ ngân sách điện tử. Việc chấm điểm do đơn vị kế hoạch trong mỗi Bộ cùng với Bộ Tài chính thực hiện. Để hỗ trợ các quan chức trong nhiệm vụ của họ, một khung tóm tắt về các chỉ số Ngân sách có trách nhiệm giới chung và các chỉ số phụ đã được xây dựng; và một sách hướng dẫn (bằng tiếng Nepal) đã được xây dựng để giải thích các chỉ số và chỉ số phụ và cung cấp các ví dụ tương ứng.

BÁO CÁO NGÂN SÁCH GIỚI Ở INDONESIA

Cách tiếp cận Báo cáo Ngân sách Giới của Indonesia được xây dựng dựa trên hệ thống lập ngân sách thực hiện được đưa vào chính quyền trung ương ở Indonesia vào năm 2010. Đối với Ngân sách có trách nhiệm giới, mỗi bộ được yêu cầu lựa chọn một số hoạt động (kegiatan) hoặc các hoạt động phụ được coi là đặc biệt quan trọng từ góc độ giới, và để mô tả chúng bằng cách sử dụng mô hình thức đã lựa chọn Các tiêu đề cho hình thức này là hoạt động phụ, mục tiêu, phân tích tình hình, các hoạt động đã lên kế hoạch, ngân sách cho các hoạt động và các chỉ số đầu vào, đầu ra và kết quả. Các tiêu đề bám sát các mục tiêu đề ra có trong các tài liệu ngân sách chính. Các hoạt động được chọn phải thuộc một trong hai loại: i) Cung cấp dịch vụ mà các bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm chính; hoặc ii) Xây dựng năng lực và vận động chính sách về giới, mà trước hết là trách nhiệm của các bộ điều phối. Loại thứ hai được đưa vào vì nếu không các bộ, chẳng hạn như MOWE và Bộ Tài chính, sẽ gặp khó khăn để tìm các hoạt động phù hợp cho báo cáo ngân sách giới.

Nhiều quốc gia châu Á như Bangladesh và Nepal đã điều chỉnh khung Báo cáo Ngân sách Giới cho phù hợp với việc đánh giá đầu tư và chi tiêu công cho khí hậu. Tuyên bố Ngân sách về Giới và Khí hậu (GCBS) có nhiều tiềm năng nhất để được chấp nhận như một điểm bắt đầu để tham gia về tài chính khí hậu ở phạm vi trong nước.

ĐIỂM THẢO LUẬN

Yêu cầu những người tham gia phản ánh xem tài liệu nào là tốt nhất để bắt đầu phân tích GCBS ở các quốc gia của họ

Các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức của phụ nữ tốt nhất là sử dụng các tài liệu Đánh giá về Đầu tư và Chi tiêu Công (CIPER) để xây dựng GCBS. Hầu hết các CIPER đã được đánh giá mối quan hệ khí hậu, và các tổ chức có thể bắt đầu bằng cách phân loại các chương trình đã được xác định và phân bổ ngân sách dựa trên khả năng đáp ứng giới của các tổ chức. Một phân tích nhanh có thể là xem xét các chương trình được đề cập và phân loại các chương trình này thành ba loại: i) những chương trình giải quyết các nhu cầu thực tế về giới; ii) những chương trình giải quyết các nhu cầu chiến lược về giới; iii) và những người mà tác động / mức độ liên quan không thể được đưa vào các chương trình này. Khi các tổ chức đi vào phân tích, có thể phân tích theo các phân loại chuyên sâu như đã đề cập trong các hộp ở trên.

Một cách khác để thực hiện điều này là bắt đầu với một số lĩnh vực được lựa chọn, 10 đến 12 bộ quản lý ngành được xác định dựa trên hai tiêu chí: i) Mức độ phù hợp (hoặc dễ phân tích) của các bộ này đối với các nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ; và ii) Nhiệm vụ của họ trong ngân sách khí hậu và các khoản đầu tư. Làm việc với các lĩnh vực được lựa chọn (đặc biệt là những lĩnh vực mà tổ chức đã có hiểu biết sâu sắc và chuyên môn về vấn đề mà tổ chức đang thực hiện) giúp thực hiện phân tích Ngân sách có trách nhiệm giới sắc nét hơn.

Bài tập

BÀI TẬP 23: LẬP BẢN ĐỒ CẤU TRÚC TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TOÀN CẦU

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho học viên tổng quan về các Quỹ Tài chính Khí hậu khác nhau hoạt động ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Dụng cụ giảng dạy: Bảng trắng và bút dạ; Bản sao của Tài liệu phát tay 21.

Quy trình:

Bước 1: Bắt đầu bằng việc xem các phim ngắn của Heinrich-Böll-Stiftung Washington, DC về "Tài chính khí hậu là gì" có tại <https://www.youtube.com/watch?v=Y9vM4e9XaM>,

Bước 2: Chia học viên thành từng cặp. Cung cấp cho mỗi cặp thông tin chi tiết về bất kỳ quỹ nào từ Tài liệu phát 21. Yêu cầu họ xem qua những điều này và thảo luận. Hãy cho họ 10 phút cho việc này.

Bước 3: Yêu cầu họ hình dung rằng họ là đại diện của quỹ và sẽ trình bày về quỹ của họ tại một cuộc họp cấp quốc gia về tài chính khí hậu. Cho họ thêm năm phút để chuẩn bị cho việc này.

Bước 3: Đưa tất cả những người tham gia vào một cuộc họp toàn thể và yêu cầu từng cặp chia sẻ các đặc điểm chính của quỹ của họ. Cuối cùng, yêu cầu những người tham gia trả lời những câu hỏi sau:

- > Quỹ khí hậu chuyên dụng là những quỹ nào?
- > Quỹ nào tập trung nhiều hơn vào thích ứng và quỹ nào tập trung nhiều hơn vào giảm thiểu?
- > Quỹ nào trong số các quỹ có phạm vi tham gia của tổ chức xã hội dân sự nhiều nhất?

Bước 4: Chiếu phim về Tài chính khí hậu có đáp ứng giới" có tại <https://www.youtube.com/watch?v=YKmvdiXIDFI>. Yêu cầu những người tham gia phản ánh về "quỹ nào mà họ nghĩ có nhiều tiềm năng hơn cho việc lồng ghép giới"

Kết luận: Kết thúc phần học với một bản tóm tắt nhanh tất cả các loại quỹ đã thảo luận.

BÀI TẬP 24: PHÂN TÍCH GIỚI TRONG DỰ ÁN VỀ THÍCH ỨNG

Mục tiêu chính của bài tập này là cung cấp cho học viên cảm nhận về cách thức hoạt động của các loại quỹ thích ứng khác nhau và khiến họ có đủ quan tâm để muốn tìm hiểu chi tiết hơn về các trang web của quỹ. Bài tập này cũng tạo cơ hội cho những người tham gia khám phá cách các tổ chức của phụ nữ có thể tham gia với tư cách là quan sát và đánh giá.

Tài liệu giảng dạy: Bảng trắng và bút đánh dấu

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành các nhóm từ năm đến sáu người và cung cấp cho mỗi nhóm một bản sao của Tài liệu hướng dẫn 2 (Ví dụ về các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu khác nhau).

Bước 2: Yêu cầu các học viên đọc tài liệu đã phát và hiểu bài tập được giao. Nói với họ rằng họ sẽ cần sử dụng kiến thức của riêng mình và tìm hiểu thông tin trên internet để biết thêm thông tin.

Bước 3: Dành khoảng 30 phút để những người tham gia làm việc này với tư cách là một nhóm. Thảo luận về các câu trả lời khi cả lớp trở về nhóm lớn, lưu ý những cân nhắc sau:

- > Yêu cầu một nhóm trả lời một câu hỏi bất kỳ, các nhóm còn lại bổ sung thông tin.
- > Tập trung nhiều hơn vào các quan sát về giới.
- > Đừng dành nhiều thời gian cho việc xem xét sự đúng sai của các câu trả lời. Mục đích của bài tập không phải là để có được câu trả lời đúng mà là để những người tham gia hiểu được quy trình.

Bước 4: Thảo luận các câu trả lời. Hỏi họ những gì họ đã học được từ quá trình này. Tập trung thảo luận vào các điểm sau:

- i) Họ có thể dễ dàng xác định và tìm được đường link của trang web nào và trang web nào khó tiếp cận?
- ii) Phần nào của trang web hữu ích nhất?
- iii) Họ có tìm thấy bất kỳ thông tin bổ sung nào về bất kỳ quỹ nào không được đưa vào bài thuyết trình không?
- iv) Họ thấy tổ chức của họ liên kết nhiều hơn với những quỹ nào và đâu có thể là những cách tương tác có thể có?

Kết quả luận: Kết thúc phần học với phản hồi nhanh từ tất cả những người tham gia về những gì họ đã học được từ các nghiên cứu điển hình và các quy trình có thể áp dụng vào công việc của họ.

BÀI TẬP 25: CÂU ĐỐ POWERPOINT VỀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập này là tóm tắt lại các khái niệm về Ngân sách có trách nhiệm giới mà những người tham gia đã xem trong đoạn phim ngắn về Ngân sách có trách nhiệm giới và tăng cường hiểu biết của họ về các sắc thái của một số khái niệm.

Tài liệu: Bản trình bày PowerPoint (xem Tài liệu phát tay 1)

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành hai nhóm: “Táo” và “Cam” (tốt nhất là không làm xáo trộn việc sắp xếp chỗ ngồi).

Bước 2: Thông báo với họ rằng bây giờ họ sẽ chơi một trò chơi đố vui. Bạn sẽ hiển thị một câu hỏi liên quan đến bộ phim mà họ vừa xem trên trang chiếu PowerPoint. Sau đó, mỗi nhóm sẽ phải trả lời câu hỏi.

Bước 3: Nói với họ rằng các câu hỏi sẽ có hai lựa chọn. Mỗi nhóm sẽ nhận được 25 điểm cho mỗi câu trả lời đúng nếu họ chọn phương án 1 và 10 điểm cho mỗi câu trả lời đúng nếu họ chọn phương án 2. Hai phương án là:
 Phương án 1: Trả lời câu hỏi mà không nhìn vào gợi ý và các lựa chọn.
 Phương án 2: Trả lời bằng sự trợ giúp của các gợi ý và các lựa chọn.
 Nhóm có thể chọn một phương án sau khi xem câu hỏi. Nếu một câu hỏi được chuyển cho nhóm tiếp theo, họ cũng nhận được 10 điểm tương tự.

Bước 4: Chạy qua từng slide, đặt câu hỏi và ghi điểm lên bảng. Khi những người tham gia trả lời, họ có thể bổ sung thêm thông tin và giải thích cho câu trả lời của mình. Tính tổng và tuyên bố nhóm chiến thắng.

Kết luận: Kết thúc bằng cách xem lại khái niệm Ngân sách có trách nhiệm giới dựa trên ghi chú kỹ thuật. “Ngân sách có trách nhiệm giới là một cách tiếp cận để lồng ghép một cách có hệ thống các mục tiêu bình đẳng giới vào chính sách, lập kế hoạch, ngân sách, giám sát, đánh giá và kiểm toán của chính phủ. Nó nhằm mục đích nhấn mạnh các tác động phân bổ của ngân sách (thu và chi) đối với phụ nữ và nam giới và điều chỉnh (hoặc phân bổ lại) các nguồn lực để đảm bảo rằng cả hai giới đều được hưởng lợi như nhau từ các nguồn lực của chính phủ (UN Women 2020).”

BÀI TẬP 26: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ SỰ THAM GIA CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Mục tiêu chính của bài tập này là để những người tham gia có thể xác định các chiến lược và phạm vi tham gia của các tổ chức xã hội dân sự trong hoạt động Ngân sách có trách nhiệm giới.

Tài liệu: Bản sao của Tài liệu phát tay số 2

Quy trình:

Bước 1: Chia những người tham gia thành các nhóm từ bốn đến năm người. Nếu từ nhiều quốc gia, những người tham gia từ cùng một quốc gia nên được tạo thành một nhóm với nhau

Bước 2: Cung cấp cho mỗi nhóm một bản Tài liệu phát 2 và yêu cầu họ thảo luận về nội dung. Dành khoảng năm phút để đọc trường hợp và thảo luận chung.

Bước 3: Yêu cầu họ thảo luận cụ thể về những điều sau:

- Các chiến lược chính đã được triển khai cho sự tham gia của tổ chức xã hội dân sự trong quá trình Ngân sách có trách nhiệm giới là gì?
- Những ai là tác nhân chính và những loại quan hệ đối tác nào đã được phát triển?
- Họ dự đoán điều gì là yếu tố thúc đẩy chính và những thách thức mà các tổ chức xã hội dân sự có thể phải đối mặt khi thực hiện bài tập này?

Bước 4: Cho mỗi nhóm khoảng 15 phút để thảo luận về những câu hỏi này. Khi các nhóm trở lại nhóm lớn của lớp và yêu cầu mỗi nhóm chia sẻ một điểm chính liên quan đến mỗi câu hỏi.

Kết quả học tập: Kết thúc bằng cách yêu cầu họ chia sẻ hai điểm mà họ rút ra được từ nghiên cứu điển hình mà họ nghĩ có thể áp dụng trong công việc của họ.

BÀI 27: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÔNG VỀ KHÍ HẬU VÀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Mục đích chính của bài tập này là đưa người tham gia sử dụng Ngân sách có trách nhiệm giới để phân tích bối cảnh quỹ trong nước trong quốc gia của họ và áp dụng các lăng kính Ngân sách có trách nhiệm giới như một phần tài chính công khí hậu để thực hiện công việc vận động của họ

Thiết bị học tập: Giấy A0 và miếng dán, Máy tính xách tay (mỗi nhóm một chiếc) để phân tích dữ liệu

Quy trình:

Excel (xem tài liệu ngân sách quốc gia trên trang web).

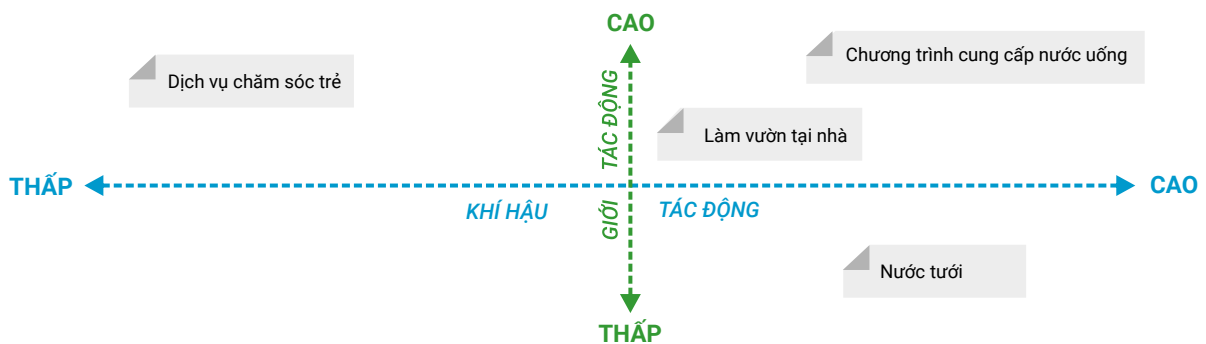
Bước 1: Chia những người tham gia thành các nhóm từ năm đến sáu. Nếu từ nhiều quốc gia, những người tham gia từ cùng một quốc gia nên tạo thành một nhóm với nhau

Step 3: Yêu cầu nhóm ghi chú và dán tất cả chương trình mà họ có một số thông tin hoặc hiểu biết.

Bước 2: Cung cấp cho mỗi nhóm tài liệu ngân sách chương trình của bất kỳ bộ nào từ quốc gia của họ trên

Bước 4: Yêu cầu nhóm phân loại tất cả các chương trình trên ma trận tác động về giới và khí hậu như hình dưới đây:

HÌNH 5-9: MẪU MA TRẬN TÁC ĐỘNG GIỚI



Bước 5: Dành khoảng 15 phút cho bài tập này, và sau đó yêu cầu những người tham gia phân loại ngân sách bộ theo ba loại-

Có mức độ liên quan cao - Những khu vực chịu tác động của khí hậu cao và tác động về giới cao;

Có liên quan - Những khu vực chịu tác động của khí hậu cao nhưng tác động về giới thấp hoặc tác động về giới cao nhưng tác động khí hậu thấp;

Không liên quan - Những nhóm thuộc tác động khí hậu thấp và tác động về giới thấp

Bước 7: Yêu cầu họ phân loại các chương trình này theo mức độ phù hợp với Giới và BDKH/GNRRTT. Nếu ba hoặc nhiều câu trả lời ở bảng trên được trả lời bằng câu trả lời Có, thì "Rất có liên quan"; nếu hai là Có, thì "Có liên quan"; và nếu ít hơn hai thì là "Không liên quan".

Bước 6: Yêu cầu họ xác định hai chương trình có phân bổ ngân sách cao nhất từ mỗi hạng mục và xác định mức độ liên quan về khí hậu và giới của chúng bằng cách sử dụng bảng kiểm sau:

Bước 8: Yêu cầu họ đánh giá lại tổng ngân sách theo ba loại: i) có liên quan cao; ii) có liên quan; và iii) không liên quan.

Bước 9: Yêu cầu họ phân tích sự khác biệt trong hai cách phân loại và những gì họ học được từ những điều tương tự.

Q1	Có mối liên hệ trực tiếp của chương trình với chính sách khí hậu quốc gia không?	Có / Không
Q2	Chương trình có giải quyết trực tiếp vấn đề thích ứng với biến đổi khí hậu không?	Có / Không
Q3	Hoạt động này có làm giảm khối lượng công việc của phụ nữ và tình trạng nghèo đói theo thời gian không?	Có / Không
Q4	Chương trình này có làm tăng thu nhập và sinh kế của phụ nữ không?	Có / Không
Q5	Phụ nữ có được tham gia vào quá trình lập kế hoạch, ra quyết định hoặc xây dựng năng lực không?	Có / Không

Kết luận: Kết luận bằng cách nói với họ rằng đây chỉ là những cách phân loại đơn giản và họ có thể xây dựng dựa trên quy trình để thực hiện những phân tích thực sự chuyên sâu trong các bộ phận/ ban ngành được lựa chọn để xây dựng Báo cáo ngân sách về giới và khí hậu của riêng họ.

KIỂM TRA KIẾN THỨC CỦA BẠN

HOÀN THÀNH PHÁT BIỂU DƯỚI ĐÂY BẰNG CÁCH ĐÁNH DẤU VÀO LỰA CHỌN CỦA BẠN

Thông qua Hiệp định Copenhagen, các nước phát triển cam kết	30 tỷ đô la Mỹ hàng năm vào năm 2020	100 tỷ đô la Mỹ hàng năm vào năm 2020
Ủy ban thường trực về tài chính có nhiệm vụ	Chuẩn bị đánh giá hai năm một lần về các dòng tài chính khí hậu	Chuẩn bị đánh giá hàng năm của các dòng tài chính
Các cơ chế tài trợ khí hậu chuyên dụng của UNFCCC có nhiệm vụ để	Cung cấp thêm kinh phí cho giảm thiểu	Cung cấp tài chính cho thích ứng và giảm thiểu
Nguồn tài chính khí hậu được hình thành đòi hỏi phải	Có hệ thống tính đến các nhu cầu, kiến thức, kinh nghiệm và ưu tiên khác biệt của phụ nữ trong tất cả các hoạt động ứng phó với khí hậu	Cung cấp một quỹ chuyên dụng về sự thích ứng với biến đổi khí hậu của phụ nữ
Tài trợ sẵn có, tài trợ cho các sáng kiến và nghiên cứu có thể được sử dụng để	Tăng cường năng lực của các đơn vị thực hiện quốc gia để tiếp nhận và quản lý nguồn tài chính khí hậu	Chuyển giao lợi ích trực tiếp cho người sử dụng năng lượng tái tạo
Lập ngân sách đáp ứng về giới	Là sự lồng ghép có hệ thống của Các mục tiêu về bình đẳng trong lập kế hoạch và ngân sách, chính sách của chính phủ	Là một thực hành kế toán phân chia ngân sách giữa nam và nữ một cách bình đẳng
Ngân sách có trách nhiệm giới được áp dụng tại	Hơn 20 quốc gia tại châu Á	Ít hơn 10 quốc gia ở Châu Á .

Tài liệu đọc thêm

- 1) ADB. (2016). Xây dựng Giới trong Tài chính Khí hậu: Kinh nghiệm của ADB với các Quỹ Đầu tư Khí hậu. Ngân hàng phát triển châu Á. tham khảo từ <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/186020/gender-climate-finance.pdf>
- 2) Buchner, B., Clark, A., Falconer, A., Macquarie, R., Meattle, C., Tolentino, R., & Wetherbee, C. (2019). Tài chính Khí hậu trong bối cảnh toàn cầu. Sáng kiến Chính sách Khí hậu. tham khảo từ <https://www.climatepolicyinitiative.org/wp-content/uploads/2019/11/2019-Global-Landscape-of-Climate-Finance.pdf>
- 3) Budlender, D., & Sharp, R. (1998). Phương pháp thực hiện phân tích ngân sách có nhạy cảm về giới: Nghiên cứu và thực hành đương đại. Ban Thư ký Khối thịnh vượng chung. tham khảo từ https://www.femtech.at/sites/default/files/How_to_do_a_gender-sensitive_budget_analysis.pdf
- 4) Hall, L. C., Granat, M., & Daniel, T. (2019). Tổ chức của Phụ nữ và Tài chính Khí hậu: Tham gia vào các quy trình và tiếp cận các nguồn lực. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). tham khảo từ https://wedo.org/wp-content/uploads/2019/06/WomensOrgsClimateFinance_EngaginginProcesses.pdf
- 5) Kanwar, S. (2016). Lập ngân sách đáp ứng theo giới ở Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Báo cáo Hiện trạng. UN Women. tham khảo từ https://asiapacific.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2016/12/grb_report-for-web-s.pdf?la=en&vs=1520

TRANG GHI CHÚ CHO GIẢNG VIÊN

MÔ ĐUN _____

KẾ HOẠCH BÀI GIẢNG _____

TRANG _____

CHƯƠNG TRÌNH

LƯU Ý



A large grid of small dots for taking notes, spanning the width of the page below the header and above the footer.

THAM GIA CHÍNH SÁCH
BĐKH/GNRRTT VÀ QUỐC GIA

TÀI LIỆU PHÁT TAY

MÔ ĐUN

5

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

CÁC KÊNH ĐA PHƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU:

- ✓ Thường phá vỡ cấu trúc quản trị do quốc gia đóng góp chi phối, điển hình trong các tổ chức tài chính phát triển.
- ✓ Mang lại cho chính phủ các nước đang phát triển tiếng nói và đại diện lớn hơn trong việc ra quyết định.
- ✓ Trong những năm qua, để tăng cường sự bao hàm và trách nhiệm giải trình trong quản lý quỹ khí hậu đa phương các quốc gia đã thực hiện nhiều bước khác nhau, bao gồm cả việc tạo ra vai trò cho các bên liên quan phi chính phủ với tư cách là quan sát viên tham gia các cuộc họp tài trợ.

A. QUỸ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU (GEF)

Loại	Năm	Cơ sở Quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Cơ chế tài chính của UNFCCC Hỗ trợ cho nhiều công ước đa phương Cơ quan ra quyết định của quỹ này là Hội đồng GEF. GEF hiện bao gồm đại diện của 182 chính phủ thành viên và làm việc với 18 đối tác thực hiện, hoạt động như một ban thư ký để chuyển tiền cho các tổ chức này. GEF cũng cung cấp tài trợ cho các dự án môi trường khác như đa dạng sinh học và sử dụng đất cùng với biến đổi khí hậu	1991	<ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung lần thứ 6 (2014-2018): 30 quốc gia tài trợ cam kết 1,26 tỷ USD cho Biến đổi khí hậu • Giai đoạn bổ sung lần thứ 7 (2019-2022): 30 quốc gia cam kết tài trợ 654 triệu đô la Mỹ cho biến đổi khí hậu 	Dự án đã được GEF phê duyệt về quy mô, lên đến 1 triệu đô la Mỹ cho "Các hoạt động tạo điều kiện", từ 1-2 triệu đô la Mỹ cho các dự án "quy mô trung bình" và hơn 2 triệu đô la Mỹ cho "quy mô đầy đủ". Tính đến tháng 12 năm 2019, thông qua Quỹ ủy thác thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy, GEF đã phê duyệt hơn 750 dự án trong các lĩnh vực trọng tâm của biến đổi khí hậu với trị giá 2,8 tỷ đô la Mỹ.

A1. QUỸ CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN NHẤT (LDCF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Cơ chế UNFCCC do GEF quản lý để hỗ trợ xây dựng và thực hiện kế hoạch thích ứng quốc gia, mặc dù phần lớn thông qua các dự án quy mô nhỏ hơn	2001	Mức trần tài trợ của quốc gia là 20 triệu đô la Mỹ	Tính đến tháng 12 năm 2019, LDCF đã chuyển tiền mặt cho các dự án với số tiền là 534 triệu đô la Mỹ.

A2. QUỸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẶC BIỆT (SCCF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Cơ chế UNFCCC do GEF quản lý để hỗ trợ xây dựng và thực hiện kế hoạch thích ứng quốc gia, mặc dù phần lớn tài trợ thông qua các dự án quy mô nhỏ hơn	2001	Mức trần tài trợ của quốc gia là 20 triệu USD	Tính đến tháng 12 năm 2019, SCCF đã chuyển tiền mặt là 181 triệu USD.

B. QUỸ THÍCH ỨNG

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Dự án được hỗ trợ
Cơ chế UNFCCC, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, cũng bắt đầu thực hiện Thỏa thuận Paris, phù hợp với Chiến lược trung hạn 5 năm 2018-2022 mới được phê duyệt, dựa trên các trụ cột là Hành động, Đổi mới, Tri thức và Chia sẻ. Quỹ được quản lý bởi Hội đồng Quỹ thích ứng, họp nhóm hai lần một năm. Cung cấp khả năng tiếp cận trực tiếp đến tài chính khí hậu cho các nước đang phát triển thông qua các Cơ quan Thực hiện Quốc gia được công nhận có khả năng đáp ứng và đồng ý các tiêu chuẩn ủy thác cũng như các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và giới. ¹	2011	Được tài trợ thông qua khoản thu 2% đối với việc bán các khoản tín dụng phát thải từ Cơ chế Phát triển Sạch của Nghị định thư Kyoto, cùng với đóng góp viện trợ không hoàn lại của các nước phát triển	Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, 84 dự án với tổng số tiền là 560,6 triệu đô la Mỹ đã được phê duyệt để tài trợ. Ngoài ra, Hội đồng đã phê duyệt 56 khoản tài trợ lập dự án với tổng giá trị là 2,3 triệu đô la Mỹ. 60 dự án hiện đang được thực hiện với tổng số tiền tài trợ là 384,8 triệu đô la Mỹ. Tổng cộng 350,20 triệu đô la Mỹ (62,8% số tiền được phê duyệt) đã được chuyển cho các đơn vị thực hiện.

¹ Trái với việc chỉ làm việc thông qua các cơ quan của Liên hợp quốc hoặc các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDB) với tư cách là các cơ quan thực hiện đa phương.

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

C. QUỸ KHÍ HẬU XANH

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
<p>Cơ chế UNFCCC cũng được giao nhiệm vụ tuân thủ Thỏa thuận Paris</p> <p>Được kỳ vọng là kênh chính cho tài chính khí hậu công quốc tế</p> <p>Quỹ lớn nhất tính theo số vốn dự kiến và hiện có.</p> <p>Cam kết về sự cân bằng 50:50 giữa thích ứng và giảm thiểu</p> <p>Các nước đang phát triển có thể tiếp cận Quỹ khí hậu xanh thông qua các Ngân hàng Phát triển Đa phương (MDB), các ngân hàng thương mại quốc tế và các cơ quan của Liên hợp quốc, cũng như trực tiếp thông qua các Cơ quan Thực hiện Quốc gia, Khu vực và Địa phương được công nhận.</p> <p>Quỹ khí hậu xanh được thành lập với trọng tâm là nguyên tắc quốc gia làm chủ. Mỗi quốc gia có một cơ quan được quốc gia chỉ định (NDA), thường là một bộ tài chính hoặc môi trường, với một đầu mối được chỉ định làm đại diện giữa NDA và Quỹ khí hậu xanh.</p>	2010	Bổ sung lần 1(2020-2023): 29 quốc gia cam kết được tài trợ lên đến 9,78 tỷ USD cho biến đổi khí hậu	<p>Đến tháng 10 năm 2019, đã tăng mạng lưới đối tác triển khai của Quỹ khí hậu xanh lên 95 Tổ chức được Công nhận.</p> <p>Quỹ khí hậu xanh đã hỗ trợ 126 quốc gia đang phát triển xây dựng sự sẵn sàng để thực hiện tài chính khí hậu và cam kết 5,21 tỷ đô la Mỹ cho 111 dự án tại 99 quốc gia.</p> <p>Tổng cộng có 65 dự án trị giá 2,82 tỷ đô la Mỹ với sự tài trợ của Quỹ khí hậu xanh đang được thực hiện và giúp các nước đang phát triển chuyển đổi kỳ vọng về khí hậu của họ thành hành động.</p>

D. QUỸ ĐẦU TƯ KHÍ HẬU

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
<p>Cơ chế phi UNFCCC do Ngân hàng Thế giới quản lý</p> <p>Hoạt động hợp tác với các ngân hàng phát triển khu vực bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng Phát triển Châu Phi (AfDB) Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (EBRD) Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ (IDB) <p>Chương trình can thiệp tài chính ở các nước đang phát triển nhằm mục đích hiểu cách thức tài chính công có thể được triển khai tốt nhất để hỗ trợ các chu trình phát triển chuyển đổi</p> <p>Có một điều khoản sắp kết thúc bị hoãn vô thời hạn vào năm 2019</p>	2008	<p>14 quốc gia cam kết đóng góp 8,3 tỷ đô la Mỹ</p> <p>Do hoạt động theo cơ cấu đồng tài trợ, nên quỹ dự đoán rằng danh mục đầu tư của hơn 300 dự án đã tạo ra thêm 58 tỷ đô la Mỹ đồng tài trợ.</p>	Cung cấp nguồn lực cho 72 quốc gia

D1. QUỸ CÔNG NGHỆ SẠCH

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Cung cấp cho các quốc gia có thu nhập trung bình các nguồn lực ưu đãi cao để mở rộng quy mô trình diễn, phát triển và chuyển giao công nghệ các-bon thấp trong năng lượng tái tạo, năng lượng hiệu quả và giao thông bền vững.	2008	5,4 tỷ đô la mỹ đóng góp	Đến tháng 12 năm 2019, 818 triệu đô la Mỹ đã chuyển tiền mặt cho các dự án

D2. QUỸ KHÍ HẬU CHIẾN LƯỢC (SCF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Projects Supported
Hỗ trợ Chương trình thí điểm về khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu (PPCR), Mở rộng chương trình năng lượng tái tạo (SREP) ở các nước có thu nhập thấp và Chương trình đầu tư vào rừng (FIP).	2008	Đóng góp 2,61 tỷ đô la Mỹ	Đến tháng 12 năm 2019, 818 triệu đô la Mỹ đã chuyển tiền mặt cho các dự án

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

D 2.1 CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM VỀ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI KHÍ HẬU (PPCR)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
<p>Giúp các nước đang phát triển kết hợp khả năng ứng phó với khí hậu vào phát triển quy hoạch và cung cấp các khoản ưu đãi tài trợ và hỗ trợ để tài trợ các khoản đầu tư của khu vực công và tư nhân thực hiện</p> <p>PPCR đầu tư vào một số quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới. Các quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của biến đổi khí hậu đó là các quốc đảo nhỏ đang phát triển (SIDS).</p>	2008	1,2 tỷ đô la mỹ	PPCR đã hỗ trợ SIDS 250 triệu đô la mỹ cho 9 quốc đảo Caribe và Thái Bình Dương, cung cấp 20% nguồn PPCR. PPCR cũng đầu tư hơn 200 triệu đô la Mỹ cho các quốc gia dễ bị tổn thương nhất để nâng cấp dữ liệu khí hậu và dịch vụ cho thiết kế dự án thông minh với khí hậu.

D 2.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ VÀO RỪNG (FIP)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
<p>Hỗ trợ các nỗ lực của các nước đang phát triển nhằm giảm mất rừng và suy thoái rừng, và thúc đẩy quản lý rừng bền vững dẫn đến giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD +)</p> <p>Ngoài ra còn có Cơ chế tài trợ dành riêng cho Người bản địa và Cộng đồng địa phương (DGM) được thực hiện trong chương trình cung cấp các khoản tài trợ trực tiếp ở quy mô nhỏ hơn cho các tổ chức xã hội dân sự (CSO) thay vì thông qua các chính phủ quốc gia.</p>	2008	775 triệu USD	Cho đến nay, DGM đã phê duyệt 51 triệu USD cho 10 dự án khác nhau trên khắp thế giới. Ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, DGM chỉ hoạt động ở các quốc gia thí điểm, bao gồm Indonesia, Nepal và CHDCND Lào.

D 2.3 MỞ RỘNG CHƯƠNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CHO CÁC QUỐC GIA THU NHẬP THẤP (SREP)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Giúp triển khai các giải pháp năng lượng tái tạo để tăng cường tiếp cận năng lượng và tăng trưởng kinh tế ở các nước nghèo nhất thế giới	2008	720 triệu USD	SREP là một trong những nhà tài trợ lớn nhất toàn cầu cho các mạng lưới nhỏ với hơn 200 triệu đô la Mỹ cho các dự án ở 14 quốc gia.

E. NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN ĐA PHƯƠNG (MDBS)

E1. QUỸ CÁC-BON RỪNG (FCPF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Do Ngân hàng Thế giới quản lý để tìm hiểu cách thức khai thác nguồn thu từ thị trường các-bon để giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD +), bảo tồn rừng, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng các-bon rừng.	2008	1,3 tỷ đô la Mỹ từ 17 nhà tài trợ	FCPF hỗ trợ REDD + nỗ lực thông qua quỹ Sẵn có (400 triệu đô la Mỹ) và Quỹ các-bon (900 triệu đô la Mỹ) tại 47 quốc gia đang phát triển trên khắp Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ Latinh và Caribe.

E2. QUAN HỆ ĐỐI TÁC ĐỂ SẴN SÀNG CHO THỊ TRƯỜNG (PMR)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Do Ngân hàng Thế giới quản lý, PMR nhằm mục đích giúp các nước đang phát triển thiết lập các cơ chế dựa trên thị trường để ứng phó với biến đổi khí hậu	2010	Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số tiền đã cam kết đóng góp là khoảng 126,5 triệu đô la Mỹ, trong khi tổng số tiền đóng góp nhận được là 127 triệu đô la Mỹ .	PMR quy tụ hơn 30 quốc gia, nhiều tổ chức quốc tế khác nhau và các chuyên gia kỹ thuật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giữa các quốc gia và chia sẻ kiến thức, dẫn đến tăng cường hợp tác và đổi mới.

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

E3. SÁNG KIẾN QUỸ CÁC BON SINH HỌC CHO CẢNH QUAN RỪNG BỀN VỮNG (ISFL)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Được quản lý bởi Ngân hàng Thế giới, ISFL là một đối tác công - tư. Quỹ này thúc đẩy giảm phát thải Khí nhà kính (GHG) từ lĩnh vực đất đai, bao gồm nỗ lực giảm mất rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển (REDD +), nông nghiệp bền vững, cũng như quy hoạch, chính sách và thực hành sử dụng đất thông minh hơn.	2013	355 triệu đô la mỹ	ISFL hiện đang hỗ trợ các chương trình ở Colombia, Ethiopia, Indonesia, Mexico và Zambia.

E5. QUỸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CCF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Dự án được hỗ trợ
Được quản lý bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á, CCF tạo điều kiện đầu tư vào các nước thành viên đang phát triển (DMC) để giải quyết hiệu quả các nguyên nhân và hậu quả do biến đổi khí hậu, bằng cách tăng cường hỗ trợ phát triển các-bon thấp và thích ứng với khí hậu trong các DMC.	2008	74 triệu đô la Mỹ	Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, 71,6 triệu đô la Mỹ trong tổng số 74 triệu đô la Mỹ nguồn quỹ (ròng tiết kiệm) đã được phân bổ cho 118 dự án: 44 dự án về phát triển CE, 66 dự án về thích ứng, 11 dự án về REDD + và sử dụng đất, và 1 dự án về sự sẵn có nguồn tài chính cho khí hậu

E6. QUỸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (ACLIF)

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Một quỹ ủy thác từ nhiều nhà tài trợ do Ngân hàng Phát triển Châu Á quản lý để hỗ trợ phát triển và triển khai các sản phẩm quản lý rủi ro tài chính có thể giúp mở vốn cho các khoản đầu tư về khí hậu và cải thiện khả năng ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.	2017	33,3 triệu đô la mỹ	Không có sẵn

E 7. Quỹ Biến đổi Khí hậu Châu Á - Thái Bình Dương

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Một quỹ ủy thác từ nhiều nhà tài trợ do Ngân hàng Phát triển Châu Á quản lý để hỗ trợ các thành phố đang phát triển nhanh ở Châu Á với mục đích nhằm giảm thiểu rủi ro mà những người nghèo và dễ bị tổn thương phải đối mặt do lũ lụt, bão lụt hoặc hạn hán, bằng cách giúp lập kế hoạch và thiết kế cơ sở hạ tầng tốt hơn để đầu tư chống lại những tác động từ biến đổi khí hậu	2013	150 triệu đô la Mỹ	Tính đến tháng 12 năm 2019, 130 triệu đô la Mỹ đã được cam kết từ quỹ được cung cấp cho các thành phố khác nhau ở Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Myanmar, Nepal, Pakistan, Philippines và Việt Nam.

F. CƠ QUAN LIÊN HỢP QUỐC

F 1. CHƯƠNG TRÌNH TÀI TRỢ NHỎ CỦA UNDP GEF

Loại	Năm	Cơ sở quỹ và Quy mô	Các dự án được hỗ trợ
Do UNDP quản lý, tổ chức này cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các dự án bảo tồn và phục hồi môi trường đồng thời nâng cao đời sống và sinh kế của người dân. Chương trình cung cấp các khoản tài trợ lên tới 50.000 đô la Mỹ trực tiếp cho các cộng đồng địa phương, bao gồm người dân bản địa, các tổ chức dựa vào cộng đồng và các nhóm phi chính phủ khác cho các dự án về Đa dạng sinh học, Giảm nhẹ và Thích ứng với Biến đổi Khí hậu, Suy thoái Đất và Quản lý Rừng Bền vững, Nước và Hóa chất Quốc tế .	1992	526 triệu đô la Mỹ	Khoảng 5.391 dự án với tổng số vốn tài trợ là 159 triệu đô la Mỹ đã được hỗ trợ để giảm thiểu biến đổi khí hậu. Khoảng 798 dự án với vốn tài trợ 24 triệu đô la Mỹ đã được hỗ trợ cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng.

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

F 2. CHƯƠNG TRÌNH UN-REDD			
Loại	Năm	Cơ sở và Quy mô Quỹ	Các dự án được hỗ trợ
Được điều hành bởi UNDP, UNEP và FAO để hỗ trợ các hoạt động REDD +, với cơ cấu quản trị đem đến tiếng nói chính thức cho các đại diện của các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức của Người bản địa	2008	Không có	trong thập kỷ qua, Chương trình đã làm việc với 64 quốc gia đối tác để đạt được thành công đáng kể về biến đổi khí hậu, rừng và các mục tiêu phát triển bền vững.
F 3 CHƯƠNG TRÌNH THÍCH ỨNG CHO CÁC HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NHỎ (ASAP)			
Loại	Năm	Cơ sở và Quy mô Quỹ	Các dự án được hỗ trợ
Được quản lý bởi Quỹ Nông nghiệp và Phát triển Quốc tế (IFAD) để hỗ trợ nông dân sản xuất nhỏ mở rộng quy mô sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu trong các chương trình phát triển nông thôn	2012	ASAP 1 (2012-17): 316,2 triệu USD ASAP2: 100 triệu USD	Tính đến tháng 8 năm 2018, 42 dự án đã ký thỏa thuận của chính phủ, 37 dự án được phê duyệt đã bắt đầu giải ngân với tổng trị giá 80 triệu USD. 292,6 triệu đô la Mỹ đã được chuyển đến ít nhất tám triệu nông dân sản xuất nhỏ để xây dựng khả năng ứng phó của họ đối với các cú sốc và căng thẳng liên quan đến khí hậu.
CÁC KÊNH SONG PHƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU			
<ul style="list-style-type: none"> ✓ Dòng vốn trực tiếp từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển dưới hình thức Hỗ trợ Phát triển Nước ngoài hoặc Viện trợ Quốc tế. ✓ Được quản lý chủ yếu thông qua các cơ quan phát triển hiện có mặc dù một số quốc gia cũng đã thành lập các quỹ khí hậu song phương đặc biệt 			
A. SÁNG KIẾN KHÍ HẬU QUỐC TẾ			
Loại	Năm	Chi tiết Quỹ	
Được Đức hỗ trợ cho các dự án giảm nhẹ, thích ứng và REDD +. Sáng kiến được tài trợ đổi mới một phần thông qua việc bán các chứng chỉ phát thải có thể giao dịch tại các quốc gia, phần lớn cung cấp nguồn tài chính bổ sung cho các cam kết tài chính phát triển hiện có	2008	Cung cấp hơn 4 tỷ đô la Mỹ cho hơn 700 dự án giảm nhẹ, thích ứng và REDD +	
B. QUỸ KHÍ HẬU QUỐC TẾ			
Loại	Năm	Chi tiết Quỹ	
Được hỗ trợ bởi Chính phủ Vương quốc Anh	2016	Cam kết 5,8 tỷ đô la Mỹ từ năm 2016 đến năm 2021	
C. KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ PHÙ HỢP VỚI QUỐC GIA (NAMA)			
Loại	Năm	Chi tiết về quỹ	
Được Đức, Đan Mạch, Anh và EC hỗ trợ cho các hành động giảm thiểu phù hợp quốc gia (NAMA) ở các nước đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi có mong muốn thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro từ BĐKH .		Vào tháng 1 năm 2020, Cơ sở NAMA đã công bố cam kết tài trợ mới lên đến 60 triệu EUR từ Đức và Vương quốc Anh để hỗ trợ Lời kêu gọi lần thứ 7 về việc nộp dự thảo về NSP. Hơn nữa, để ghi nhận cả tăng cường đường lối dự án của Cơ sở NAMA và cam kết của quốc gia đối với Cơ sở NAMA, Vương quốc Anh đã công bố khoản đóng góp bổ sung lên tới 38 triệu EUR cho Cơ sở NAMA để hỗ trợ các NSP từ các lời kêu gọi đóng góp từ quá khứ và tương lai.	
D. SÁNG KIẾN KHÍ HẬU VÀ RỪNG QUỐC TẾ			
Loại	Năm	Chi tiết Quỹ	
Được sự hỗ trợ của Na Uy thông qua các quan hệ đối tác song phương, các kênh đa phương và Xã hội Dân sự	2008	Cam kết hỗ trợ 350 triệu đô la Mỹ mỗi năm. Các cam kết đáng kể đã được đưa ra cho các hoạt động REDD + ở Brazil, Indonesia, Tanzania và Guyana.	

TỔNG QUAN TÓM TẮT VỀ CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHÍ HẬU KHÁC NHAU

CÁC KÊNH KHU VỰC VÀ QUỐC GIA VÀ QUỸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- ✓ Được thành lập bởi các nước đang phát triển ở cấp khu vực và / hoặc quốc gia với nhiều hình thức và chức năng khác nhau, có nguồn lực thông qua tài chính quốc tế và / hoặc phân bổ ngân sách trong nước và khu vực tư nhân trong nước

A. QUỸ ỦY THÁC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU INDONESIA (ICCTF)

Loại	Năm	Chi tiết Quỹ
Một tổ chức tài trợ quốc gia nhằm mục đích phát triển các cách thức sáng tạo để liên kết các nguồn tài chính quốc tế với các chiến lược đầu tư quốc gia. Được thành lập bởi Chính phủ Indonesia, quỹ này hoạt động như một chất xúc tác để thu hút đầu tư và thực hiện một loạt các cơ chế tài chính thay thế cho các chương trình giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.	2009	ICCTF nhận được sự đóng góp không hoàn lại từ các nhà tài trợ song phương và đa phương. Cơ chế tài trợ chính của ICCTF là 'Quỹ đổi mới', cung cấp các khoản tài trợ cho các bộ chủ quản để hỗ trợ các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu trong GOI. Với các dự án được quản lý thông qua UNDP, đóng vai trò là người quản lý quỹ tạm thời, thời hạn dự án đủ điều kiện được thiết lập trong một năm, trong khi ngân sách dự án được giới hạn ở mức 3 triệu đô la Mỹ.

B. QUỸ ỦY THÁC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU BANGLADESH (BCCTF)

Loại	Năm	Chi tiết Quỹ
Một quỹ quốc gia được thành lập thông qua việc thông qua Đạo luật Ủy thác về Biến đổi Khí hậu, năm 2010 Được quản lý bởi Quỹ Palli Karma-Sahayak (PKSF) để tài trợ cho các tổ chức phi chính phủ địa phương cho các hoạt động trồng rừng, vệ sinh, an ninh lương thực, nâng cao năng lực và các loại hoạt động nghiên cứu khác nhau	2010	một trong những động thái đầu tiên, Chính phủ Bangladesh đã thiết lập riêng trong năm tài chính 2009-10 phân bổ ngân sách 700 crore BDT (tương đương 87,5 triệu đô la Mỹ) từ nguồn lực riêng của quốc gia cho quỹ này. Bộ tài chính, Chính phủ Bangladesh, thường xuyên phân bổ khoảng 100 crore taka (tương đương 12,5 triệu USD) mỗi năm để tài trợ cho nhiều sáng kiến của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các cơ quan nghiên cứu về biến đổi khí hậu và quản lý thiên tai. Chính phủ tiếp tục hỗ trợ quỹ này, và trong năm 2016 đã phân bổ khoảng 400 triệu đô la Mỹ tương đương với nguồn vốn ủy thác. Vào ngày 30 tháng 11 năm 2016, PKSF đã giải ngân 23,85 crore (tương đương 2,98 triệu đô la Mỹ) triệu BDT trong số 61 tổ chức phi chính phủ.

C. QUỸ ỦY THÁC CỦA LIÊN MINH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CAMPUCHIA (CCCA)

Loại	Năm	Chi tiết Quỹ
Quỹ ủy thác CCCA là một quỹ ủy thác từ nhiều nhà tài trợ, được thành lập bởi các nhà tài trợ và chính phủ của CCCA để áp dụng một cách tiếp cận chặt chẽ hơn trong hỗ trợ biến đổi khí hậu cho Campuchia. CCCA được thực hiện thông qua một loạt các khoản tài trợ nhằm tài trợ cho các hoạt động cố gắng giải quyết các thách thức về biến đổi khí hậu của Campuchia. Chương trình CCCA hỗ trợ xây dựng năng lực và tăng cường thể chế, các hoạt động này được thực hiện bởi một cơ sở tài trợ. Ban đầu, các hợp phần tài trợ tập trung vào việc xây dựng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ở các vùng ven biển, và tăng cường nhận thức về biến đổi khí hậu, giáo dục và thông tin công cộng.	2006	Quỹ ủy thác CCCA là một quỹ đầu tư, trong đó tất cả các khoản vốn đã cam kết sẽ được giải ngân vào khung thời gian cuối của dự án đã thỏa thuận. Thiết kế ban đầu có thời hạn 3 năm (2010-2012), và khoảng 8,9 triệu đô la Mỹ đã được cam kết hỗ trợ cho giai đoạn đó. Các khoản đóng góp của các nhà tài trợ cho Quỹ ủy thác được gộp chung lại và không được tính riêng. Quỹ Ủy thác có cơ chế mở để nhận các khoản đóng góp bổ sung từ các nhà tài trợ mới và hiện tại. Quỹ ủy thác do UNDP quản lý và hoạt động của Quỹ ủy thác được thực hiện theo các quy tắc và thủ tục của UNDP.

VÍ DỤ VỀ CÁC DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÔNG QUA CÁC QUỸ KHÁC NHAU

Bài tập:

Một cơ quan quốc tế đang tiến hành đánh giá có sự tham gia của người dân về khả năng trách nhiệm giới của các dự án thích ứng với biến đổi khí hậu khác nhau ở nước bạn. Là một phần của quá trình này, nhóm của bạn được chọn để

cung cấp thông tin đầu vào cho các dự án chọn lọc được thành lập ở quốc gia của bạn từ góc độ giới. Báo cáo cho mỗi dự án phải ở hình thức sau:

TÊN DỰ ÁN:	CƠ QUAN THỰC HIỆN:	NGUỒN KINH PHÍ:
Mục tiêu chính của dự án:	(Các) mục tiêu về giới của dự án:	Các kết quả chính với trọng tâm cụ thể về kết quả bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ:
Dự án có phù hợp với nhiệm vụ giới của Quỹ không? (Vui lòng giải thích ngắn gọn.)	Tất cả các quy trình liên quan đến giới đã được tuân thủ cho dự án chưa? (Vui lòng giải thích ngắn gọn.)	Các khoảng trống giới chính là gì? (Vui lòng giải thích ngắn gọn.)

Bạn đã nhận được những ghi chú ngắn gọn về các dự án nhưng vẫn rất sơ sài, vì vậy bạn có thể sử dụng kinh nghiệm và hiểu biết của mình dựa trên thông tin được cung cấp để trả lời các câu hỏi trên. Để hoàn thành tốt công việc, bạn cũng sẽ cần tìm hiểu thêm các thông tin chi tiết liên quan đến các dự án từ internet. Vui lòng vào qua các trang web về các quỹ biến đổi khí hậu khác nhau và các cơ quan thực hiện để biết thêm thông tin về các dự án để có thể đưa ra đánh giá kỹ lưỡng hơn.

DỰ ÁN 1: QUỸ THÍCH ỨNG BANGLADESH: SÁNG KIẾN THÍCH ỨNG CHO CÁC ĐẢO NHỎ NGOÀI KHƠI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG DO KHÍ HẬU VÀ VEN SÔNG CHARLAND (UNDP)

Dự án, "Sáng kiến thích ứng cho các đảo nhỏ ngoài khơi dễ bị tổn thương do khí hậu và ven sông Charland ở Bangladesh" được thực hiện bởi Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Dự án nhằm mục đích nâng cao khả năng ứng phó với khí hậu của các cộng đồng dễ bị tổn thương, những cộng đồng sống trên các hòn đảo nhỏ phù sa trên sông và Vịnh Bengal đặc biệt chịu rủi ro do biến đổi khí hậu. Dự án còn nhằm mục đích nâng cao khả năng phục hồi của các hộ gia đình thông qua nhà ở thích ứng với khí hậu, nguồn điện tái tạo và cung cấp nước uống an toàn. Dự án cũng có ý định tăng cường khả năng ứng phó với khí hậu của cộng đồng thông qua lập bản đồ rủi ro khí hậu, đề phòng bão và lũ lụt và các cơ sở hạ tầng cơ bản có khả năng chống chịu với bão và lũ lụt, đồng thời cải thiện thu nhập và an ninh lương thực của các hộ gia đình dễ bị tổn thương bằng cách giới thiệu và đổi mới các phương thức sinh kế thích hợp với khí hậu tại địa phương. Cuối cùng, dự án nhằm mục đích nâng cao kiến thức và năng lực của cộng đồng, chính phủ và các nhà hoạch định chính sách để thúc đẩy phát triển khả năng ứng phó với khí hậu trên các đảo ven sông và ngoài khơi. Ước tính có khoảng 341.000 người sống trên các khu vực ở Rangpur và Bhola dự kiến

sẽ được hưởng lợi từ những ngôi nhà chống bão và lũ lụt, nâng cao sinh kế, cải thiện khả năng phòng ngừa và cảnh báo thiên tai sớm.

Sáng kiến này sẽ nâng cao khả năng chống chịu với khí hậu của 900 hộ gia đình do phụ nữ làm chủ thông qua nhà ở thích ứng với khí hậu, điện khí hóa và cung cấp nước phù hợp với khí hậu. Ngoài ra, dự án sẽ xây dựng các khu nhà tập trung cho các hộ gia đình đặc biệt dễ bị tổn thương, các khu nhà này có chức năng là nơi trú ẩn khẩn cấp khi lũ lụt và lốc xoáy. Các khu nhà sẽ được thiết kế thân thiện với phụ nữ và trẻ em; sẽ bao gồm nước, vệ sinh và các thiết bị vệ sinh; và sẽ có hệ thống chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời. Chương trình ứng phó với bão sẽ được thực hiện có tính đáp ứng về giới bằng cách cố gắng tăng 25% số phụ nữ trong đoàn tình nguyện. Nhìn chung, việc chuyển đổi sinh kế của phụ nữ sang các phương án thích ứng với khí hậu sẽ làm giảm khả năng cần được bảo trợ xã hội và chi trả cho mạng lưới an toàn xã hội.

DỰ ÁN 2: PPCR BANGLADESH: DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG MÔI TRƯỜNG CÁC THỊ TRẤN VEN BIỂN VÀ DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG THÍCH ỨNG - KHÍ HẬU VEN BIỂN (ADB)

Dự án cơ sở hạ tầng môi trường các thị trấn ven biển Bangladesh và Dự án Cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu ven biển đang được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) thực hiện thông qua quỹ PPCR.

Đây là dự án đầu tiên áp dụng cách tiếp cận tổng hợp để cải thiện các dịch vụ đô thị nhằm tăng cường khả năng chống chịu với khí hậu và khả năng ứng phó với thiên tai ở tám vùng ven biển dễ bị tổn thương (các thị trấn vùng ven) thiếu các dịch vụ đô thị cơ bản và cực kỳ dễ bị tổn thương trước tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Dự án xác định phụ nữ và các hộ gia đình nghèo như những

VÍ DỤ VỀ CÁC DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÔNG QUA CÁC QUỸ KHÁC NHAU

người được hưởng lợi. Sản phẩm chính của dự án là cơ sở hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu với khí hậu, bao gồm các công trình cấp nước, vệ sinh, thoát nước và giao thông, bên cạnh cầu đường đô thị, quản lý chất thải rắn và cải tạo các khu ổ chuột. Trong khuôn khổ dự án việc người dân tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ đô thị đã được thực hiện bằng sự đáng tin cậy hơn và có khả năng thích ứng với khí hậu, điều này được cho là sẽ thúc đẩy sức khỏe tốt của người dân các thị trấn ven biển. Quản trị địa phương cũng sẽ được tăng cường, với việc nâng cao năng lực của địa phương trong việc cung cấp dịch vụ bền vững, quy hoạch đô thị và ứng phó với thiên tai, trên cơ sở cải thiện tổng thể về khả năng ứng phó với khí hậu và thiên tai. Do có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án đô thị do ADB hỗ trợ, Ban Kỹ thuật của Chính quyền địa phương là cơ quan điều hành và Phòng Kỹ thuật Y tế Công cộng là cơ quan đồng thực hiện dự án.

Dự án thứ hai sẽ thúc đẩy sinh kế của các cộng đồng này bằng cách nâng cấp đường giao thông nông thôn, chợ và khu trú ẩn thiên tai theo các tiêu chuẩn thích ứng với khí hậu, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của cư dân khu vực thụ hưởng lợi ích của dự án. Khả năng kết nối giao thông đường bộ sẽ được cải thiện thông qua việc nâng cấp 130 km đường huyện phụ cận trong khuôn khổ dự án, và thêm 407 km đường thôn xóm theo sáng kiến bổ sung do Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) tài trợ. Thị trường dịch vụ dự kiến sẽ được cải thiện bằng việc nâng cấp 88 trung tâm tăng trưởng và chợ lớn trong khuôn khổ dự án, và cải thiện 186 chợ cộng đồng theo sáng kiến IFAD bổ sung. Mỗi thị trường và trung tâm tăng trưởng đó sẽ có không gian dành riêng cho các hoạt động liên quan đến thị trường của phụ nữ. Ngoài ra, 37 bến đậu thuyền sẽ được xây dựng theo tiêu chuẩn phù hợp với biến đổi khí hậu. Năng lực của chính quyền địa phương trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ được cải thiện theo hai cách: i) thông qua việc tăng cường các hệ thống thu thập và chia sẻ kiến thức, đặc biệt là hệ thống thông tin địa lý của Ban Kỹ thuật chính quyền địa phương, và thiết lập mạng lưới phục vụ tất cả các chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan đến biến đổi khí hậu; và ii) thông qua việc đào tạo cán bộ chính quyền địa phương về khả năng ứng phó với khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai và các hoạt động liên quan. Trong một sáng kiến song song, ngân hàng phát triển KfW thuộc sở hữu của chính phủ Đức sẽ tài trợ cho việc mở rộng 15 hầm trú ẩn lốc xoáy đa năng, cải thiện 10 hầm trú ẩn khác và nâng cấp 15 km đường ray cung cấp khả năng tiếp cận những nơi trú ẩn này, do đó cải thiện sinh kế cho những người hưởng lợi này ở các huyện nông thôn ven biển.

Các dự án bao gồm các khu vực riêng biệt dành cho phụ nữ và nam giới trong các khu trú bão, và các thị trường

trung tâm được cải thiện với các chiến lược phân bổ dành cho phụ nữ thông qua quá trình xây dựng các con đường ứng phó với khí hậu. Các dịch vụ này được cung cấp cho phụ nữ và nam giới với tư cách là người hưởng lợi - xây dựng khả năng ứng phó với khí hậu cho phụ nữ và nam giới - điều này đã được chứng thực trong các hội thảo tham vấn quốc gia và trong các cuộc phỏng vấn sau đó với các nhà quản lý dự án trong nước. Những người tham gia hội thảo tham vấn và quản lý dự án đã báo cáo từ kinh nghiệm của họ rằng các nỗ lực của dự án PPCR đã có tác động trực tiếp có lợi đối với việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ.

DỰ ÁN 3: THỨC ĐẨY SINH KẾ CÓ KHẢ NĂNG PHỤC HỒI, KHÔI PHỤC VÀNH ĐAI XANH VÀ TĂNG CƯỜNG CẢNH BÁO SỚM DỌC THEO BỜ BIỂN BANGLADESH

Kể từ năm 2015, với sự hỗ trợ của Quỹ các nước kém phát triển nhất của Quỹ Môi trường Toàn cầu (LDCF), Cục Lâm nghiệp Bangladesh và UNDP đã làm việc với tám vùng duyên hải Upazila (các quận phụ cận) ở các quận dễ bị tổn thương như Bhola, Barguna, Patuakhali, Noakhali và Pirojpur. Với phương pháp tiếp cận các nhóm tại địa phương, Dự án ICBA-AR tập trung vào việc cung cấp cho người dân sinh kế thích ứng với khí hậu, khôi phục vành đai xanh và tăng cường cảnh báo sớm và sẵn sàng ứng phó với thiên tai.

Thúc đẩy sinh kế bền vững và đổi mới: Bằng cách cung cấp cho các gia đình có sinh kế bền vững và linh hoạt hơn, dự án giúp các gia đình có lương thực và tăng thu nhập, đồng thời giảm áp lực lên nguồn tài nguyên rừng. Theo dự án, 2.300 hộ gia đình đã nhận được hỗ trợ để áp dụng các sinh kế nông nghiệp dựa vào thiên nhiên, sáng tạo và linh hoạt hơn, bao gồm trồng lúa chịu mặn, canh tác sorjone, rau thủy canh, vườn cây ăn quả đa dạng và hạt đỗ đậu; và luân canh nuôi cá - trồng lúa. Hơn 2.500 hộ đã được tập huấn và được hỗ trợ về chăn nuôi như chăn nuôi vịt và sử dụng thức ăn gia súc thủy canh. Hơn nữa, 2.200 hộ gia đình đã nhận được hỗ trợ để phát triển nghề cá, bao gồm nuôi trồng thủy sản lồng bè và cua để thịt. 140 hộ gia đình khác đã được giới thiệu về các mô hình canh tác sáng tạo dựa trên hệ sinh thái, trong đó có mô hình "Cá - Cá và Rau rừng" (3FV) từng đoạt giải thưởng, mô hình này được thực hiện trên 28 ha đất rừng bị thoái hóa. Để điều tiết thoát nước và bảo vệ ruộng nông nghiệp khỏi bị xâm nhập mặn, dự án đã đào 2,9 km kênh mương và cải tạo các cống. Kết quả là khoảng 500.000 hộ gia đình ở Bhola đã nhận thấy sản xuất nông nghiệp được cải thiện. Khoảng 150 ống giếng đã được nâng lên trên mực nước lũ, trong khi 140 ao mới cũng đang giúp đảm bảo nước uống an toàn cho cộng đồng và giảm thời gian lấy nước của phụ nữ. Dự án đã xây dựng sáu bể đất nâng ('killa'), với khả năng che chắn cho khoảng 15.000 vật nuôi trong thời gian thiên tai.

VÍ DỤ VỀ CÁC DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÔNG QUA CÁC QUỸ KHÁC NHAU

Bảo vệ cộng đồng thông qua các quỹ xanh mạnh mẽ hơn - Phục hồi và chăm sóc rừng ngập mặn, được coi là tuyến phòng thủ đầu tiên chống lại các thảm họa khí hậu, là thành phần cốt lõi của dự án ICBA-AR. Kể từ khi thành lập, hơn 572.000 cây giống của 12 loài thích ứng với khí hậu đã được nuôi dưỡng trong các vườn ươm của nó. Dự án đã mở rộng sự đa dạng của các loài trong 650 ha rừng trồng đơn cánh trước đây, xây dựng một kế hoạch đánh giá để xác định hiệu quả của việc đa dạng hóa cây trồng. Trong khuôn khổ dự án các ủy ban đồng quản lý đã được thành lập ở tất cả 8 Upazila, hỗ trợ việc bảo vệ rừng và quản lý tài nguyên, đồng thời tạo điều kiện cho đối thoại giữa cộng đồng và chính quyền địa phương. Khoảng 600 người rất nghèo sống phụ thuộc vào rừng, chủ yếu là phụ nữ, hiện là thành viên của các Nhóm Bảo vệ Tài nguyên Rừng (FRPG) được thành lập theo dự án để đồng quản lý, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Các thành viên của FRPGs hoạt động như những người quản lý rừng, bao gồm việc tuần tra cùng với Cục Lâm nghiệp và nâng cao nhận thức chống chặt cây bất hợp pháp.

Đảm bảo sự an toàn của người dân thông qua việc nâng cao hệ thống cảnh báo sớm - Cuối cùng, với các thảm họa xảy ra trên diện rộng trong cộng đồng, dự án tập trung vào việc nâng cao năng lực cảnh báo sớm của địa phương. Để hỗ trợ Chương trình Ứng phó với Bão của chính phủ, dự án đã phân phát micro, còi báo động, cờ hiệu, áo khoác và xe máy cho các tổ chức địa phương. Khoảng 6.000 tình nguyện viên của Chương trình sẵn sàng ứng phó với bão đã được trang bị để phổ biến cảnh báo sớm và tiến hành cứu hộ người dân. Tám nữ quan sát viên cộng đồng đã được cử để làm việc chặt chẽ với các hộ gia đình để trao quyền cho phụ nữ và tạo điều kiện cho việc áp dụng các sinh kế thích ứng với khí hậu. Các tình nguyện viên của Chương trình ứng phó với bão được đào tạo trong khuôn khổ dự án đã đóng một vai trò tích cực trong việc phổ biến kiến thức và giúp người dân địa phương giảm thiểu thiệt hại khi bão Fani, Bulbul và Amphan đổ bộ vào Bangladesh. Các tình nguyện viên và nhân viên hiện đang làm việc để nâng cao nhận thức của người dân các đảo ven biển về việc phòng chống COVID-19.

Không để ai bị bỏ lại phía sau - Dự án ICBA-AR hiện đang tập trung vào việc nhân rộng mô hình Rừng - Cá và Rau (3FV) ở cấp độ trang trại; xây dựng thỏa thuận giữa Cục Lâm nghiệp và các Tổ bảo vệ tài nguyên rừng để bảo tồn rừng; và xây dựng thêm 'killas' để bảo vệ gia súc khi lốc xoáy và triều cường. Một trung tâm học tập về thích ứng với khí hậu đang được triển khai ở cấp địa phương, được liên kết với một trung tâm thích ứng khu vực sắp tới ở Dhaka, thuộc Bộ Môi trường, Rừng và Biến đổi khí hậu của Bangladesh. Ngoài việc tiếp tục hỗ trợ người dân tiếp nhận các sinh kế bền vững hơn, dự án đang chuyển sang các sáng kiến thích

ứng khác như bếp nấu ăn cải tiến, giếng ống 'ứng phó với khí hậu', tích trữ nước mưa và năng lượng mặt trời ở các ngôi làng được khôi phục cho người tị nạn bởi khí hậu.

DỰ ÁN 4: TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG NGHÈO, BỊ THIẾT THỜI VÀ DỄ BỊ TỔN THƯƠNG BỞI KHÍ HẬU Ở CÁC KHU VỰC DỄ BỊ LŨ LỤT CỦA BANGLADESH

Vành đai ven biển của Bangladesh dễ bị ảnh hưởng bởi lốc xoáy, nước dâng do bão và nước biển dâng, gần đây các hiện tượng tự nhiên này ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Sự xuất hiện ngày càng nhiều những hiểm họa này đang đẩy nhanh quá trình xâm nhập mặn vào các nguồn nước ngọt dọc theo bờ biển của Bangladesh. Dự án này tập trung vào khả năng thích ứng do cộng đồng lãnh đạo và có nhạy cảm giới. Dựa trên 5 huyện bị lũ lụt, sẽ ưu tiên các hộ do phụ nữ làm chủ hộ. Dự án dựa trên các mô hình thích ứng có sự tham vấn đã được chứng minh là thành công tại các khu vực khác.

Dự án này dự kiến tăng cường năng lực thích ứng cho người dân để giảm tác động tiêu cực đến sinh kế nông nghiệp phụ thuộc vào nguồn nước ngọt, đồng thời giải quyết tình trạng sẵn có và chất lượng nước uống ở các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương. Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong việc lập kế hoạch và quản lý cấp nước phù hợp với khí hậu hướng đến những đối tượng dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái.

Các mục tiêu của dự án bao gồm: i) cung cấp các khu vực trú bão và bảo vệ các lối đi quan trọng để bảo vệ cuộc sống ở một vùng nông thôn ven biển của Bangladesh; ii) phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và bảo vệ những cư dân thành phố dễ bị tổn thương khỏi rủi ro khí hậu; và iii) thành lập một trung tâm quốc gia có cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu vượt trội, để cung cấp thông tin và hướng dẫn phát triển cơ sở hạ tầng trong tương lai trên khắp đất nước. Bangladesh là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trên thế giới trước rủi ro khí hậu, đặc biệt là lốc xoáy và lũ lụt. Các huyện ven biển đặc biệt chịu rủi ro do thời tiết khắc nghiệt, rủi ro sẽ trở nên trầm trọng hơn do các tác động của biến đổi khí hậu như sự thay đổi theo mùa nhiều hơn, lượng mưa cao hơn và mực nước biển dâng cao. Ba trong số các huyện ven biển nghèo và dễ bị tổn thương nhất của đất nước cũng là mục tiêu của dự án gồm: Bhola, Barguna và Satkhira.

Dự án thiết lập một trung tâm quốc gia vượt trội để thu thập, phát triển và chia sẻ kiến thức về cơ sở hạ tầng thích ứng với khí hậu. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn sẽ được hỗ trợ bằng cách xây dựng 45 hầm trú bão mới và cải tạo 20 hầm trú ẩn hiện có. Những ngôi nhà được xây dựng

VÍ DỤ VỀ CÁC DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÔNG QUA CÁC QUỸ KHÁC NHAU

theo dự án này sẽ được sử dụng làm trường tiểu học trong thời gian bình thường, qua đó cung cấp thêm 45 trường học và giúp giáo dục 18.590 trẻ em. Việc cải thiện 80 km đường tiếp cận quan trọng đến các khu tạm trú ở nông thôn cũng sẽ được thực hiện để bảo vệ việc tiếp cận trong thời tiết khắc nghiệt và nâng cao năng lực thích ứng của các cộng đồng địa phương. Thí điểm các dự án cơ sở hạ tầng đô thị thích ứng với khí hậu cũng sẽ được thực hiện tại thành phố Satkhira

Dự án này do Ban Phụ nữ và Trẻ em Bangladesh lãnh đạo, dự án này tập trung vào việc tăng cường năng lực thích ứng của các cộng đồng ven biển, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái vị thành niên, để đối phó với tác động của xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu gây ra đối với sinh kế và an ninh nguồn nước của họ. Dự án kéo dài 6 năm (2018-2024) tập trung vào các huyện ven biển phía Tây Nam là Khulna và Satkhira, cả hai đều thường xuyên xảy ra lốc xoáy và ngập do triều cường và khan hiếm nước uống nghiêm trọng do nhiễm mặn. Theo dự án, các cộng đồng sẽ được trao quyền như những 'tác nhân thay đổi' để lập kế hoạch, thực hiện và quản lý các giải pháp sinh kế và nước uống có khả năng ứng phó với khí hậu. Dự án sẽ thúc đẩy sự thay đổi mô hình từ việc tập trung vào các phản ứng ngắn hạn và các can thiệp dựa trên công nghệ sang các giải pháp lấy cộng đồng làm trung tâm, nhằm xây dựng quyền sở hữu và năng lực cho nhiều bên liên quan, để duy trì và mở rộng các phản ứng thích ứng nhằm bảo vệ sinh kế và an ninh nguồn nước. Ước tính có khoảng 719.229 người (khoảng 245.516 trực tiếp và 473.713 gián tiếp) được hưởng lợi.

DỰ ÁN 5: CHƯƠNG TRÌNH THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG (CBA) CỦA BANGLADESH

Chương trình thích ứng dựa vào Cộng đồng (CBA) Bangladesh đang được UNDP và Chính phủ Bangladesh cùng với các tổ chức xã hội dân sự địa phương thực hiện ở Bangladesh. Dự án được tài trợ bởi Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID). Mục tiêu của chiến lược quốc gia chương trình CBA của quốc gia Bangladesh là "Thực hiện cải thiện quản lý tài nguyên thiên nhiên ở Bangladesh để giảm tính dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu và nâng cao năng lực của cộng đồng và các hệ sinh thái chính để thích ứng với biến đổi khí hậu". Thành công của mục tiêu này sẽ được đo lường bằng các chỉ số tác động sau:

- > Tỷ lệ thay đổi trong các nhóm sinh kế tham gia vào các thực hành quản lý tài nguyên bền vững
- > Tỷ lệ thay đổi trong các bên liên quan được hưởng lợi ích bền vững từ các sáng kiến dựa vào cộng đồng
- > Nhận thức của cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu đã tăng lên đáng kể

Việc giám sát và đánh giá dự án (M&E) dựa trên ba hệ

thống chỉ số: Đánh giá giảm tính dễ bị tổn thương (VRA), Hệ thống đánh giá tác động của chương trình tài trợ nhỏ và Khung chỉ số thích ứng với biến đổi khí hậu của UNDP.

Chương trình bao gồm năm dự án:

1. Dự án Quản lý Đất ngập nước Dựa vào Cộng đồng (BIRAM) - Người dân tộc Chakma bản địa (dân số khoảng 2.000 người) trong năm ngôi làng của Borkona Godabanne Chora Adam phải đối mặt với lượng mưa giảm, nhiệt độ tăng và mực nước ngầm do biến đổi khí hậu. Suối Godabanne Chora gần đó là nguồn cung cấp nước tưới và nuôi cá chính trong khu vực, nhưng các dự báo về biến đổi khí hậu dự đoán rằng sự thay đổi khí hậu hiện tại sẽ tiếp tục theo hướng thời tiết trở lên nóng và khô hơn, gây ra những hậu quả tiêu cực cho cả hệ sinh thái và sinh kế. Dự án này sẽ nâng cao năng lực của cộng đồng trong việc thích ứng với các điều kiện khí hậu bất lợi và quản lý bền vững khu vực đất ngập nước. Nó tập trung vào việc thúc đẩy các giống cây trồng bền vững, cải tiến thực hành nông nghiệp và cải thiện thu gom nước. Dự án cũng sẽ đào tạo các thành viên cộng đồng trong các hoạt động tạo thu nhập thay thế để giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và đa dạng hóa các nguồn thu nhập. Bảo tồn đa dạng sinh học là một thành phần quan trọng của dự án này; một ủy ban cộng đồng sẽ được thành lập để chăm sóc và bảo vệ hệ sinh thái.

2. Tăng cường khả năng phục hồi của cộng đồng ở khu vực ven biển Tây Nam (Hành động thiết thực) - Atulia Union ở vùng duyên hải tây nam của Bangladesh có mức độ nghèo đói cao và gần nguồn nước, khu vực này được coi là một trong những khu vực dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu. Trong vài thập kỷ qua, cả hoạt động trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đều trở nên kém năng suất hơn do đất bị thoái hóa, nhiễm mặn và cạnh tranh quá mức giữa những người dân trong sử dụng tài nguyên gia. Hàng năm hơn 56% dân số trong khu vực hiện thiếu lương thực từ hai đến sáu tháng. Sau khi bị thiệt hại nghiêm trọng bởi cơn bão Aila vào năm 2009, các hệ sinh thái đất và nước ở địa phương đã trở nên suy yếu và dễ bị tổn thương hơn do các tác động các hiện tượng khí hậu tiêu cực sau cơn bão. Trong cơn bão các làng trong khu vực cũng bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng, thiệt hại tài sản và mất sinh kế. Dự án này nhằm mục đích cải thiện khả năng phục hồi của các cộng đồng ven biển của Bangladesh thông qua tăng cường các chức năng hệ sinh thái và bảo vệ sinh kế của người dân. Cộng đồng sẽ được hưởng lợi từ các hoạt động nuôi trồng thủy sản được cải thiện và giảm áp lực tiêu cực lên các loài thủy sản tự nhiên, do đó nâng cao cơ

VÍ DỤ VỀ CÁC DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÔNG QUA CÁC QUỸ KHÁC NHAU

hội sinh kế cho người dân. Một mô hình phát triển bền vững thành công sẽ giúp nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng và hệ sinh thái địa phương trước các tác động của biến đổi khí hậu.

- 3. Thí điểm các Sáng kiến Phát triển và Thích ứng với Khí hậu (CNRS)**- Char Kazul là một hòn đảo ven sông bao gồm bốn ngôi làng, nằm giữa sông Bura Gaurango và sông Tetulia ở Bangladesh. Trong mùa mưa, sông Bura Gaurango có thể mở rộng tới 10 km, gây khó khăn cho cư dân đến đất liền để giao thương và tiếp cận dịch vụ. Theo dự đoán của các mô hình biến đổi khí hậu các cơn lốc xoáy thường xuyên hơn trong thời gian dài hơn, điều này sẽ làm tăng sự xuất hiện của triều cường, xói mòn bờ sông, xâm nhập mặn, triều cường bất thường, điều kiện thời tiết biến động và lượng mưa thất thường. Thay đổi mô hình thời tiết và áp lực xã hội dẫn đến suy thoái diện tích đất canh tác và tác động tiêu cực đến hệ động thực vật địa phương. Dự án này (từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012) nhằm nâng cao năng lực thích ứng dựa vào cộng đồng bằng cách thí điểm các thực hành nông nghiệp bền vững và thúc đẩy bảo tồn đất. Trình bày và quảng bá các giống lúa chịu mặn, cây trồng thay thế và thâm canh cây trồng sẽ giúp cải thiện sản xuất nông nghiệp đồng thời giảm ảnh hưởng của các rủi ro liên quan đến khí hậu. Ngoài ra, dự án sẽ nâng cao năng lực ứng phó với các hiểm họa của thời tiết tự nhiên bằng cách phục hồi rừng ngập mặn và cải tạo các công trình nhà và thuyền
- 4. Đối phó với rủi ro khí hậu bằng cách trao quyền cho phụ nữ ở các vùng ven biển (GBSS)** - Dự án này nhằm mục đích giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của những người sống trong bốn ngôi làng ở Dashmina upazila tại Bangladesh bằng cách thành lập Trung tâm Tài nguyên của Phụ nữ (WRC), dự án này sẽ thúc đẩy cách tiếp cận cộng đồng để nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và lập kế hoạch thích ứng. Các địa điểm dự án hướng tới đã phải đối mặt với tình trạng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học đang bị xói mòn, và các cơn lốc xoáy, triều cường và hạn hán có thể xảy ra đã được dự báo sẽ tăng lên. Bằng cách trao quyền cho phụ nữ yếu thế, dự án này sẽ tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực, các hoạt động sinh kế đa dạng, các nhu cầu về sức khỏe và vệ sinh cũng như sản xuất nông nghiệp của họ. Mỗi đội từ 18 đến 20 phụ nữ sẽ chịu trách

nhiệm thành lập và vận hành ngân hàng hạt giống, trồng vườn ươm, xây dựng vườn rau, chăn nuôi và điều phối các chiến dịch nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Gram Bikash Shohayak Shangstha (GBSS), tổ chức điều phối phi chính phủ (NGO), sẽ đảm bảo rằng phụ nữ được tiếp cận các tài liệu và nguồn vốn phù hợp bằng cách thiết lập mối liên kết với các nhà lãnh đạo chính phủ, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.

- 5. Thúc đẩy các hoạt động đa dạng dựa trên nông nghiệp ở Quận Jamalpur (RDOP)** - Tại các khu vực đồi núi của vùng Bakshigani Upazila, cộng đồng Adibashi phải đối mặt với lượng mưa lớn ngày càng gia tăng và hạn hán thường xuyên hơn. Kỹ thuật canh tác trên sườn đồi truyền thống của khu vực, được gọi là canh tác jhum, dần dần làm xói mòn đi môi trường sườn đồi, do đó làm tăng nguy cơ lũ quét và sạt lở đất. Những hiện tượng biến đổi khí hậu dự kiến sẽ làm trầm trọng thêm nguy cơ này, có thể sẽ làm giảm diện tích đất canh tác và đe dọa sinh kế. Các hoạt động của dự án Thích ứng dựa vào Cộng đồng nhằm giảm suy thoái đất và tăng khả năng thích ứng của bảy làng trên sườn đồi dễ bị tổn thương, nơi nguồn tài nguyên thiên nhiên đang bị cạn kiệt nhanh chóng. Các phương pháp canh tác rau hỗn hợp, trồng cây ăn quả, sản xuất cá và kỹ thuật làm ruộng bậc thang sẽ được thúc đẩy như là những giải pháp thay thế cho phương pháp jhum, đo như một cách để đảo ngược tình trạng thoái hóa đất và đa dạng hóa thu nhập. Các hoạt động nâng cao nhận thức sẽ tăng cường hơn nữa hiểu biết của cộng đồng về biến đổi khí hậu, qua đó trang bị tốt hơn cho họ để khả năng thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu.

GHI CHÚ CHO BÀI TRÌNH BÀY POWERPOINT CÂU ĐỐ VỀ LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI**NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI LÀ GÌ?**

- Ngân sách riêng biệt cho nam giới và phụ nữ
- Các ngân sách công được phân phối để giải quyết các nhu cầu khác nhau giữa nam và nữ

KHI NÀO THÌ ÁP DỤNG LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI?

- Khi bắt đầu xây dựng ngân sách của chính phủ
- Trong tất cả các giai đoạn lập kế hoạch, phân bổ ngân sách, thực hiện và giám sát

ĐÂU LÀ VÍ DỤ CỦA NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI?

- Hỗ trợ kinh tế cho các gia đình khó khăn
- Trung tâm chăm sóc trẻ em
- Đặt đèn đường
- Nhà ở cho góa phụ
- Tất cả những điều trên

LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI BẮT ĐẦU NHƯ THẾ NÀO?

- Chính sách bình đẳng giới
- Phân tích giới
- Công bố Ngân sách Giới

AI LÀ CÁC CHỦ THỂ CHÍNH THAM GIA VÀO LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI?

- Các quan chức chính phủ
- Các tổ chức xã hội dân sự
- Đại biểu quốc hội
- Những người vận động chính sách về giới
- Các học giả/nhà nghiên cứu
- Cộng đồng địa phương

LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI ÁP DỤNG PHÙ HỢP NHẤT Ở CẤP NÀO TRONG CHÍNH PHỦ?

- Cấp quốc gia
- Cấp tỉnh/huyện
- Cấp xã
- Ở tất cả các cấp

SỰ KHÁC NHAU GIỮA LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI VÀ NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI LÀ GÌ?

- Lập ngân sách giới liên quan đến sự tham gia của người dân, trong khi Ngân sách giới không liên quan đến cộng đồng mà chỉ hoạt động trong chính phủ.
- Lập ngân sách cho giới là một quá trình, trong khi Ngân sách cho Giới là kết quả của quá trình đó.

Chuyển tài liệu này thành bản trình bày PowerPoint với mỗi slide một câu hỏi. Sử dụng ứng dụng hoạt ảnh để đảm bảo rằng trước tiên chỉ câu hỏi hiện ra trên slide. Chỉ khi học viên hỏi các manh mối hoặc các đưa ra các câu trả lời thì các phương án trả lời khác mới hiện ra. Đảm bảo rằng các phương án trả lời được hiển thị từng cái một và không hiển thị cùng một lúc.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH VỀ SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ TRONG QUY TRÌNH LẬP NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Indonesia là một quốc gia có phong trào ngân sách xã hội dân sự mạnh mẽ. Một số tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế đã làm việc để tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia vào các quy trình ngân sách địa phương và công tác vận động chính sách ngân sách.

UN Women đã hợp tác chặt chẽ với Bộ Tài chính (MoF) và Bappenas trong việc lập ngân sách có trách nhiệm giới. Các chiến lược chính do UN Women triển khai bao gồm: i) sử dụng Tuyên bố Ngân sách giới là cơ sở đầu vào Lập ngân sách có trách nhiệm giới; ii) cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho chính phủ thông qua các chuyên gia tư vấn; iii) xây dựng và giới thiệu các công cụ thiết thực cho lập ngân sách có trách nhiệm giới trong quá trình lập ngân sách; iv) xây dựng chiến lược quốc gia về Lập kế hoạch và Ngân sách có trách nhiệm giới; và v) Tạo một nhóm chuyên gia về Lập ngân sách có trách nhiệm giới, bao gồm các chuyên gia quốc tế như Debbie Budlender và chuyên gia Ngân sách có trách nhiệm giới của UN Women cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Quỹ Châu Á đã làm việc với các chuyên gia trong nước như Pattiro, Diễn đàn Indonesia về Minh bạch Ngân sách (Fitra), các tổ chức xã hội dân sự địa phương và các cơ quan chính quyền địa phương ở 25 quận và tám thành phố về lập ngân sách có trách nhiệm giới và lập ngân sách vì người nghèo để cải thiện dịch vụ công. Các tổ chức đã hỗ trợ đầu tư 1 tỷ đô la Mỹ vào ba chương trình: i) Chương trình Phát triển Kecamatan, do Bộ Nội vụ quản lý; ii) Chương trình Giảm nghèo ở Đô thị do Bộ Công chính quản lý; và iii) Chương trình Phúc lợi Gia đình, do Bộ Y tế quản lý. Các chương trình này được thực hiện với phương pháp tiếp cận phát triển dựa vào cộng đồng dưới sự bảo trợ của Chương trình Nasional Pemberdayaan Masyarakat (Chương trình Trao quyền cho Cộng đồng). Các nhóm phụ nữ như Koalisi và Komnas Perempuan đã vận động để phân bổ ngân sách cụ thể sức khỏe và công lý, đặc biệt là trong bối cảnh bạo lực gia đình.

Nhiều nhóm cũng làm việc về minh bạch ngân sách và phổ cập kiến thức về ngân sách. Liên minh Nghèo đói Đô thị, với các thành viên là các cư dân khu ổ chuột thành thị, người bán hàng rong và lái xe taxi, tập trung vào

minh bạch ngân sách, sử dụng các quy trình tư pháp để buộc Thiếu tá Jakarta công khai thông tin về phân bổ chi tiêu cho nạn nhân lũ lụt (Cơ quan Phát triển Áo, 2009). Koalisi cũng đã xây dựng kiến thức cơ bản về ngân sách trong hoạt động giáo dục công dân của mình. Diễn đàn Indonesia về minh bạch ngân sách đã ra mắt một ấn phẩm giải thích chi tiết với các ví dụ về cách sử dụng Kế hoạch hành động về giới (GAP) và Tuyên bố Ngân sách giới, đồng thời khuyến khích các tổ chức xã hội dân sự sử dụng các công cụ này để thúc đẩy lập ngân sách có trách nhiệm giới ở cấp địa phương (Hasan và Azis, 2013). Một ví dụ khác là ấn phẩm: Cho tôi xem Tiền như thế nào: Vận động ngân sách ở Indonesia (Show Me the Money: Budget Advocacy ở Indonesia), được IBP và các tổ chức xã hội dân sự Indonesia đồng xuất bản vào tháng 5 năm 2011. Tài liệu ghi lại kinh nghiệm của họ khi thực hiện công việc lập ngân sách có trách nhiệm giới và mô tả các mô hình vận động chính sách của họ cũng như các vấn đề mà họ đã giải quyết.

Một chiến lược quan trọng khác là sự hợp tác giữa tổ chức của phụ nữ và các tổ chức phi chính phủ không làm về giới để hỗ trợ sự tham gia của người dân và đưa nhu cầu của phụ nữ vào diễn đàn chính trị (Cơ quan Phát triển Áo, 2009). Tương tự, một số tổ chức phi chính phủ khác cũng hợp tác với chính quyền địa phương để tiến hành đào tạo và hỗ trợ nâng cao năng lực về lập ngân sách có trách nhiệm giới. Có nhiều nghiên cứu điển hình ghi chép đầy đủ về việc các tổ chức xã hội dân sự đã làm việc với cộng đồng như thế nào để thúc đẩy các hoạt động lập ngân sách giới có sự tham gia. Các nỗ lực khác bao gồm sự tham gia của phụ nữ trong lập kế hoạch cấp huyện, phản đối ngân sách địa phương vốn không vì người nghèo, và những lo ngại về ngân sách của các nhóm vận động hành lang vì quyền của người khuyết tật.

Tài liệu Đào tạo Giảng viên Giới và Thích ứng với biến đổi khí hậu

PHẦN KẾT LUẬN



ỨNG DỤNG KIẾN THỨC ĐƯỢC HỌC – XÂY DỰNG DỰ ÁN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ GIẢM NHẹ RỦI RO THIÊN TÀI (BĐKH/GNRRTT) CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Mục đích của bài tập này là để các học viên tóm tắt lại các bài học từ khóa đào tạo và áp dụng chúng để xây dựng một dự án BĐKH/GNRRTT đáp ứng giới.

- 1) Chia những người tham gia thành các nhóm, mỗi nhóm từ bốn đến năm người. Cung cấp Tài liệu phát tay 25. Yêu cầu họ đọc kỹ. Nghiên cứu điển hình cung cấp cho họ về một số thông tin về ngôi làng giả định ở quốc gia X.
- 2) Sử dụng thông tin này, mỗi nhóm cần xây dựng một dự án BĐKH/GNRRTT đáp ứng giới. Họ có thể phát triển một dự án tổng hợp, một dự án dựa vào cộng đồng hoặc một can thiệp theo ngành do nhóm tự quyết định. Các thành viên của nhóm có thể tự do đưa ra các giả định hợp lý dựa trên kinh nghiệm của họ trong lĩnh vực này.
- 3) Điều quan trọng là mỗi nhóm áp dụng càng nhiều kiến thức đào tạo vào công việc. Đề xuất dự án cần được phát triển và lưu ý đến danh sách kiểm tra được cung cấp trong Tài liệu 26.
- 4) Mỗi nhóm cần chọn một tình nguyện viên sẽ trình bày dự án của họ trước toàn thể. Dự án cần được trình bày theo định dạng sau:

TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU DỰ ÁN	MỤC ĐÍCH
RỦI RO CHÍNH	LÝ THUYẾT THAY ĐỔI	CHIẾN LƯỢC
PHÂN TÍCH GIỚI	KẾT QUẢ	ĐẦU RA
PHÂN TÍCH TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG	HOẠT ĐỘNG	KẾ HOẠCH GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- 5) Nói cho họ biết rằng dự án sẽ được xếp hạng dựa trên ba tham số:
 - i) việc sử dụng các công cụ phân tích giới;
 - ii) đáp ứng giới và chất lượng của dự án được phát triển; và
 - iii) thông báo kết quả.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 28: TRÌNH BÀY THEO HÌNH THỨC TRIỂN LÃM TRANH

Mục tiêu chính của bài tập này là giúp đại biểu có cơ hội trình bày khả năng phân tích và kiến thức học được với người khác..

Yêu cầu về thiết bị:

tường, bảng dính, đồng hồ và chuông

Tiến trình:

Bước 1: Yêu cầu các nhóm trình bày tác phẩm của mình trên tường. Sử dụng các bức tường khác nhau cho các bài thuyết trình khác nhau. Nói với họ rằng một người thuyết trình từ mỗi nhóm sẽ có năm phút để trình bày, sau đó là hai phút hỏi đáp.

Bước 2: Chia những người tham gia khác thành bốn nhóm:

- các quan chức;
- đại diện nhóm của phụ nữ;
- các nhà tư vấn quản lý; và
- đại diện cộng đồng.

Yêu cầu mỗi nhóm xếp hạng bài thuyết trình theo ba tham số:

- việc sử dụng các công cụ phân tích giới;
- đáp ứng giới và chất lượng của dự án được phát triển; và
- thông báo kết quả.

Bước 3: Từng thành viên của nhóm mới sẽ di chuyển xung quanh, nghe các bài thuyết trình riêng biệt. (Mỗi người thuyết trình sẽ trình bày bốn lần.) Luôn có sẵn đồng hồ hẹn giờ và chuông báo để đảm bảo rằng các nhóm di chuyển nhanh chóng và không mất nhiều thời gian hơn yêu cầu.

Bước 4: Sau khi các bài thuyết trình kết thúc, hãy thảo luận về phân tích và kết quả học tập chính trong phiên thảo luận toàn thể.

Kết quả học tập: Kết luận bằng cách nói rằng “*phân tích giới và đáp ứng giới trong các dự án là rất quan trọng. Thường được coi là một hành động riêng biệt, nó thực sự nên được tích hợp trong tất cả các hành động chính liên quan đến dự án. Điều này không chỉ giúp dự án đáp ứng giới hơn mà việc sử dụng công cụ phân tích cũng sẽ giúp dự án tổng thể mạnh mẽ hơn trong thiết kế và hiệu quả hơn trong cách tiếp cận*”

NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ XÂY DỰNG DỰ ÁN GNRRTT/BĐKH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

BỐI CẢNH

Nikgram là một huyện chủ yếu là nông thôn nằm ở chân đồi của vùng miền núi của đất nước Uttar Desha. Huyện có nhiều danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xác định là có tiềm năng du lịch cao. Tuy nhiên, việc thiếu cơ sở hạ tầng và kết nối kém đồng nghĩa với việc hầu hết người dân trong huyện vẫn còn tương đối nghèo và sống dựa vào canh tác tự cung tự cấp. Thu nhập trung bình hàng năm của hầu hết các hộ gia đình là khoảng US \$ 2500. Khoảng 30% số hộ gia đình ở huyện nằm trong ngưỡng nghèo.

Lúa và rau màu là hai loại cây trồng chính của vùng. Trong số khoảng 60.000 người làm nghề nông, hơn một phần ba trong số này hoặc không có đất làm công việc nông nghiệp hoặc có diện tích đất dưới 0,5 ha không đủ lương thực cho gia đình. Chỉ có 2% số hộ nông dân có diện tích đất lớn. Những nông hộ lớn này được tiếp cận với công nghệ canh tác và thị trường tốt hơn, đồng thời sản xuất lúa và các cây trồng có giá trị khác.

Gần 80% đất nông nghiệp thuộc sở hữu của nam giới; và văn hóa quy định rằng họ hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiếm thu nhập và quản lý tài chính cho hộ gia đình. Vì vậy, hầu hết các quyết định tài chính, đặc biệt là các quyết định liên quan đến nông nghiệp, đều do nam giới d. Trên lý thuyết, nam giới và phụ nữ đều có quyền tiếp cận thị trường bình đẳng. Tuy nhiên, trên thực tế, chính người chồng thường là người quyết định khi nào, ở đâu và bán cây trồng cho ai. Phụ nữ có trách nhiệm chăm sóc và thường làm những công việc lao động không được trả công /hoặc công việc chân tay lương thấp trên các cánh đồng để hỗ trợ gia đình của họ.

Trong thập kỷ trước, chính phủ đã đầu tư vào phát triển chuỗi giá trị lúa gạo trong khu vực. Một số chủ đất lớn hiện nay cũng đang làm doanh nhân - người thu mua / buôn bán trung gian và xay xát gạo. Hầu hết các doanh nhân này là nam giới và thích giao dịch với nam giới, do phong tục địa phương. Ngoài ra, hầu hết các quyết định được đưa ra trong các cuộc họp của hợp tác xã nông dân trồng lúa, vốn chỉ cho phép kết nạp thành viên là những chủ sở hữu đất. Ngay cả những cán bộ khuyến nông địa phương cũng chủ yếu là nam giới và thích làm việc với nam giới hơn. Trong những năm gần đây, chính phủ đã thay đổi chính sách tuyển dụng phụ nữ làm cán bộ khuyến nông. Tuy nhiên, chỉ có ba cán bộ khuyến nông nữ so với hơn một trăm cán bộ khuyến nông nam.

Ba nữ cán bộ khuyến nông đã làm việc khá bận rộn trong hai năm công tác của họ. Các dịch vụ khuyến nông của họ thường gặp những thách thức về hành chính, xã hội và văn hóa. Bất chấp những trở ngại, họ đã thúc đẩy công nghệ trồng lúa thông minh với khí hậu và các kỹ thuật canh tác nông hộ khác. Mười lăm phụ nữ trong huyện hiện có thêm thu nhập thông qua việc làm vườn rau sau nhà, nuôi gia cầm và nuôi dê.

Bên cạnh sự khác biệt về giới, trong khu vực cũng có những thách thức về biến đổi khí hậu. Huyện đã trải qua những khó khăn khắc nghiệt về nước. Không có nhiều nguồn nước tưới quanh năm trên địa bàn huyện. Các chủ đất lớn hơn thường khai thác các nguồn nước ngầm và một số đã đầu tư vào hệ thống quản lý nước của riêng họ để giúp tưới tiêu quanh năm. Những người làm nông nghiệp nhỏ hơn phụ thuộc vào lượng mưa. Họ bị thiếu nước vào mùa hè và ngập lụt vào mùa mưa. Trong vài năm gần đây, vấn đề nhiễm mặn trở thành một khó khăn tiếp theo của nông dân nhỏ. Việc khai thác quá mức nước ngầm để trồng lúa là nguyên nhân chính gây ra điều này. Khó khăn về nước vẫn thường xuyên xảy ra, tuy nhiên các công nghệ quản lý nước vẫn chưa thâm nhập được vào huyện.

THIÊN TAI

Những trận lũ kinh hoàng trong mùa mưa năm trước đã tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Những ngôi làng ven biển trũng thấp đã bị ngập trong hơn 4 tháng khi nước biển tràn đến những khu vực có nhà dân. Nước mặn xâm nhập cũng ảnh hưởng đến độ phì nhiêu của đất, dẫn đến sản lượng lúa gạo liên tục giảm. Nhiều hộ gia đình bị mắc kẹt trong vòng nợ nần chồng chất do vay tiền như một chiến lược đối phó khi thiên tai và tình huống khẩn cấp xảy ra.

Nền kinh tế dựa vào nông nghiệp của huyện bị sa sút và các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nhất phải chịu cảnh thiếu đói trong vài tháng, trong đó phụ nữ bị ảnh hưởng nhiều hơn. Đặc biệt, sản lượng lúa sụt giảm do nước mặn xâm nhập; bây giờ có ít diện tích hơn để trồng rau. Tình trạng đường sá kém và những cây cầu bị hư hỏng càng khiến huyện bị cô lập với tình lý dẫn đến giá nông sản giảm. Bây giờ là tháng 11 và cơ sở hạ tầng vẫn chưa được xây dựng lại.

Cơ sở hạ tầng bị hư hại cũng làm đình trệ và cản trở nghiêm trọng các hoạt động cứu trợ và cứu trợ khẩn cấp.

NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ XÂY DỰNG DỰ ÁN GNRRTT/BĐKH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Trung tâm y tế duy nhất của huyện cũng bị hư hại. Trung tâm không được trang bị tốt để giải quyết các ca bệnh nặng, biến cố khi mang thai, tai biến, bệnh nặng; do đó, cư dân phải đến trung tâm của tỉnh. Việc chăm sóc trong quá trình sinh đẻ được thực hiện ở các làng; và các bệnh thông thường được điều trị bằng các kỹ thuật chữa bệnh truyền thống. Kế hoạch hóa gia đình, mặc dù đã được giới thiệu cách đây vài năm, nhưng các cặp vợ chồng không thực hiện; do đó, khu vực này có tỷ lệ sinh rất cao.

Vài tháng gần đây, có một số gia đình, nam di cư đến các huyện lân cận để làm thuê hoặc lao động phổ thông trong các ngành công nghiệp. Một trong những động lực chính của di cư được cho là các khoản vay trong hộ gia đình và lo ngại về việc trả các khoản vay cả chính thức và không chính thức. Một số hộ gia đình này có đặc điểm là phụ nữ lớn tuổi, không đủ kỹ năng để làm nông nghiệp và phần lớn phải chăm sóc nhiều con nhỏ. Tiền từ các con lớn làm việc thường không đủ để trang trải chi tiêu gia đình; do đó, các bà cũng đi tìm việc làm.

DỰ ÁN

Bạn là một tổ chức phi chính phủ địa phương (NGO) làm việc ở huyện bên cạnh về các vấn đề sinh kế và trao quyền cho phụ nữ. Một cơ quan tài trợ đa phương muốn đầu tư vào Nikgram cho các hoạt động nông nghiệp thích ứng với khí hậu, và có trách nhiệm giới. Dự án sẽ được thực hiện với sự hợp tác của chính phủ quốc gia và chính quyền địa phương sẽ tích cực tham gia. Đó là một dự án trị giá hàng triệu đô la; do đó, một thách thức đã được đưa ra cho các tổ chức phi chính phủ trong nước để họ nộp các đề xuất của họ.

Nhà tài trợ đã chỉ định một công ty tư vấn để làm việc lựa chọn này. Công ty được biết đến với chuyên môn của họ trong hai lĩnh vực cụ thể:

- i) Phân tích giới và các quy trình có sự tham gia; và
- ii) Quản lý dựa trên kết quả.

Vòng đầu tiên của thử thách sẽ là một cuộc thi vẽ poster, nơi tất cả các cơ quan cạnh tranh được yêu cầu trình bày đề xuất của họ. Bạn cần chuẩn bị một poster về dự án đề xuất của bạn cho khu vực.

NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ XÂY DỰNG DỰ ÁN GNRRTT/BĐKH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

TÊN DỰ ÁN	<ul style="list-style-type: none"> > Tiêu đề dự án phải hấp dẫn nhưng cũng phải thông báo về tình trạng dễ bị tổn thương khí hậu chính đang được giải quyết và nhóm mục tiêu sẽ tiếp cận. 	<p><i>Tra cứu phần - của mô-đun để đặt tiêu đề trong ngữ cảnh GNRRTT, tiếp cận dựa trên quyền, không để ai lại phía sau và giới.</i></p>
MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	<ul style="list-style-type: none"> > Mục tiêu của dự án phải có mối liên hệ rõ ràng với một trong bốn lĩnh vực chiến lược mà SGP mong muốn tập trung vào. > Nó cũng cần xác định rõ ràng nếu nó sẽ áp dụng cách tiếp cận thích ứng dựa vào cộng đồng, cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái, mô hình REDD plus và/ hoặc tập trung vào quản lý kiến thức và xây dựng năng lực. > Các khía cạnh hòa nhập xã hội cần được đưa ra một cách rõ ràng > Làm nổi bật các mục tiêu có bản chất chuyển đổi, đặc biệt là từ góc độ giới. 	<p><i>Tra cứu phần - của mô-đun để đặt mục tiêu dự án trong tổng thể các mục tiêu và chỉ số quốc tế cũng như các chính sách quốc gia.</i></p>
LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI VÀ CÁCH THỨC TÁC ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> > Chỉ ra mối liên hệ của các hoạt động dự án với các mục tiêu để xây dựng lý thuyết về sự thay đổi. Một cách đơn giản để làm điều này là: <ul style="list-style-type: none"> > NẾU dự án thực hiện (các hoạt động này) THÌ (đầu ra) này sẽ đạt được; > NẾU (đầu ra) đạt được thì điều này (kết quả/mục tiêu) sẽ đạt được > Xây dựng một sơ đồ lộ trình tác động cho dự án của bạn, giúp những người khác hiểu được mối liên hệ giữa các hoạt động và mục tiêu khác nhau. 	<p><i>Sử dụng khung nguyên nhân - hậu quả và giải pháp từ phần - của mô-đun để xây dựng lý thuyết về sự thay đổi và lộ trình tác động</i></p>
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> > Tập trung vào các hoạt động có thể thực hiện được trong khung thời gian nhất định. > Bao gồm các hoạt động có thể được thực hiện trực tiếp bởi cộng đồng thông qua các chương trình hiện có của chính phủ. > Tất cả các hoạt động phải có mối liên hệ rõ ràng với các kết quả đầu ra. > Làm nổi bật các hoạt động sẽ góp phần trực tiếp vào việc trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giới. 	<p><i>Tra cứu phần - của mô-đun để xác định các giải pháp và hoạt động có trách nhiệm giới</i></p>
CHIẾN LƯỢC	<ul style="list-style-type: none"> > Nhấn mạnh cách bạn làm để huy động cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ và các cộng đồng dễ bị tổn thương khác. Giữ ngôn ngữ đơn giản và dễ hiểu. > Làm nổi bật chiến lược lồng ghép giới của bạn. > Giải thích cách dự án của bạn bền vững và sẽ tiếp tục sau thời gian dự án 	<p><i>Sử dụng các công cụ phân tích giới trong phần - của mô-đun để lập bản đồ các lỗ hổng chính và đặt chiến lược trong bối cảnh phân tích giới</i></p>
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	<ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng khung kết quả dự án với các chỉ số rõ ràng và có thể đo lường được. (Tham khảo cơ sở dữ liệu chỉ số kết quả SGP và sử dụng càng nhiều chỉ số càng tốt.) > Tất cả các chỉ số nên được phân tách theo giới tính. > Bao gồm các chỉ số nhận thức về giới. > Có kế hoạch rõ ràng về cách thu thập dữ liệu cho các chỉ số. (Trừ khi bạn có thể thực hiện một cuộc khảo sát, rất nhiều chỉ số rất khó đánh giá. Hãy thực tế.) 	<p><i>Tra cứu phần - của mô-đun để được hỗ trợ xây dựng các chỉ số nhận thức về giới</i></p>
CHUYÊN MÔN CÓ SẴN ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG MINH	<ul style="list-style-type: none"> > Chuẩn bị một danh sách các dự án tương tự được thực hiện với chi tiết về kinh phí và kết quả. > Tập trung vào công tác huy động và gắn kết cộng đồng của tổ chức, và nhấn mạnh vào công việc với phụ nữ để huy động các nguồn lực bằng tiền hoặc hiện vật. > Làm nổi bật mối quan hệ của tổ chức với chính quyền địa phương, khu vực và quốc gia, nếu có. 	

PHỤ LỤC



DANH SÁCH GỢI Ý ĐỂ LỰA CHỌN CÁC PHIÊN VÀ BÀI TẬP

PHẦN/BÀI TẬP	Tổ chức Phụ nữ (Quyền con người)	Tổ chức phụ nữ (Sinh kế và các khía cạnh kinh tế)	Tổ chức Phụ nữ (Các khía cạnh Y tế và Xã hội)	Các tổ chức xã hội dân sự (Các khía cạnh sinh kế và kinh tế)	Các tổ chức xã hội dân sự (Các khía cạnh về sức khỏe và xã hội)	Tổ chức xã hội dân sự tập trung vào GNRRTT/BĐKH	Thực hiện ở cấp cơ sở	Tập trung vào nghiên cứu và phân tích chính sách	Tập huấn và xây dựng năng lực
Quyền con người và Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA), Không để ai phía sau (LNOB) và Bình đẳng giới và tính đan chéo	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bài tập phát triển mạng lưới về 'Quyền con người'		✓	✓	✓	✓			✓	✓
Trò chơi "Bước đi quyền lực"						✓	✓		
Thảo luận "Khái niệm giới"				✓	✓	✓	✓		
Rủi ro khí hậu toàn cầu, Thích ứng, Xây dựng khả năng chống chịu và Giảm thiểu rủi ro thiên tai	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓
'Biểu đồ' về Biến đổi khí hậu	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓
Khái niệm thích ứng phục hồi thích nghi	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Các khía cạnh giới trong GNRRTT/BĐKH	✓			✓	✓	✓		✓	
Khung Moser cho Lập bản đồ Rủi ro Khí hậu theo Giới		✓	✓						✓
Các thể đối sánh về vai trò giới và các tác động khác biệt						✓	✓		
Phụ nữ là tác nhân thay đổi – Rà soát nghiên cứu điển hình				✓	✓		✓		
Khung chính sách GNRRTT/BĐKH toàn cầu (Khung UNFCCC và Sendai) và Cam kết về giới	✓					✓		✓	
'Dấu chéo và Nút thắt' hoặc Tic Tac Toe		✓	✓	✓	✓		✓		✓
Thảo luận nhóm về việc áp dụng các khuôn khổ UNFCCC và Sendai ở cấp quốc gia	✓					✓		✓	
Khung quốc gia về GNRRTT/BĐKH và Lồng ghép giới ở cấp quốc gia	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nhiệm vụ nhóm về phân tích giới trong NAP và NDC				✓	✓	✓			✓
Nhiệm vụ nhóm về Phát triển Báo cáo Bóng cho "CEDAW và BPfA" về Tình trạng Lồng ghép Giới trong Chính sách Quốc gia	✓	✓	✓					✓	

DANH SÁCH GỢI Ý ĐỂ LỰA CHỌN CÁC PHIÊN VÀ BÀI TẬP

PHẦN/BÀI TẬP	Tổ chức Phụ nữ (Quyền con người)	Tổ chức phụ nữ (Sinh kế và các khía cạnh kinh tế)	Tổ chức Phụ nữ (Các khía cạnh Y tế và Xã hội)	Các tổ chức xã hội dân sự (Các khía cạnh sinh kế và kinh tế)	Các tổ chức xã hội dân sự (Các khía cạnh về sức khỏe và xã hội)	Tổ chức xã hội dân sự tập trung vào GNR-RTT/BĐKH	Thực hiện ở cấp cơ sở	Tập trung vào nghiên cứu và phân tích chính sách	Tập huấn và xây dựng năng lực
Khoảng cách và thách thức và chiến lược để lồng ghép giới trong các chính sách GNRRTT quốc gia	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đóng vai 'Batokas và Gonkas'				✓	✓	✓	✓		✓
Nghiên cứu điển hình về lồng ghép giới trong các chính sách GNRRTT/BĐKH quốc gia - Điểm đầu vào cho các CSO	✓	✓	✓					✓	
Lồng ghép giới trong chu kỳ dự án - Quy trình và lựa chọn các công cụ để phân tích giới	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Khung Moser cho lập kế hoạch				✓	✓	✓	✓		
Khung phân tích Harvard	✓	✓	✓					✓	✓
Công cụ đánh giá tính dễ bị tổn thương có nhận thức về giới cho các dự án GNRRTT/BĐKH						✓		✓	
Ví dụ về Đánh giá giới	✓	✓	✓	✓	✓		✓		✓
Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
Nguyên nhân, Hậu quả và Khung giải pháp							✓		
Quy trình Thực hiện có nhận thức về Giới	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
Phát triển thị trường về các công cụ và kỹ thuật có sự tham gia							✓		
Giám sát Đánh giá có nhạy cảm giới	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bài tập xếp hạng bánh xe để giám sát Nguyên tắc Không để ai lại phía sau	✓							✓	✓
Các mô hình thích ứng và đánh giá mức độ đáp ứng của giới của các dự án thích ứng	✓	✓	✓						
Thảo luận Chuyên gia giả định				✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phương pháp đánh giá trường hợp của Harvard cho Dự án khả năng chống chịu ở đô thị dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Mối liên hệ giữa giới và thích ứng với biến đổi khí hậu trong một số lĩnh vực	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓

VÍ DỤ VỀ KHÓA HỌC CƠ BẢN 4 NGÀY

SỐ THỨ TỰ PHẦN HỌC	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
KHAI MẠC	9.00-9.15	Bối cảnh	<ul style="list-style-type: none"> > Trông đợi của học viên > Chia sẻ Chương trình học 	Thảo luận mở
1 A.	9.15-11.15	Giới thiệu về quyền con người, không để ai bị bỏ lại phía sau và bình đẳng giới	<ul style="list-style-type: none"> > Quyền con người và Phương pháp Tiếp cận Dựa trên Quyền Con người (HRBA) > Không để ai phía sau (LNOB) > Giới và sự đan xen chồng chéo 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm (bất kỳ) <ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng mạng lưới Quyền con người (Bài tập 1) > Trò chơi Bước đi Quyền lực (Bài tập 2) > Thảo luận Các khái niệm về giới (Bài tập 3)
	11.15-11.30		Nghỉ giải lao	
1 B.	11.30-13.00	Biến đổi khí hậu và các rủi ro liên quan, khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> > Rủi ro khí hậu toàn cầu, khả năng thích ứng, xây dựng khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai > Những thay đổi và tác động khí hậu quan sát được 	Xem Phim và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Biểu đồ về biến đổi khí hậu (Bài tập 4) > Phim về Báo cáo đánh giá lần thứ năm của IPCC (AR5) > Thảo luận nhóm sử dụng Tài liệu phát tay 3
	13.00-14.00		Nghỉ giải lao	
1 C.	14.00- 15.45	Mối liên hệ giữa giới, biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> > Khía cạnh giới của GNRRTT/ĐDKH > Tích hợp giới trong GNRRTT/ĐDKH 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Trình bày áp phích sử dụng Hình 5 > Các thẻ đối sánh về vai trò giới và các tác động khác biệt (Bài tập 6 và Tài liệu phát tay 5)
	15.45-16.00		Nghỉ giải lao	
2 A.	16.00-17.30	Hiểu về bối cảnh chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu và GNRRTT	<ul style="list-style-type: none"> > Khung chính sách GNRRTT/ĐDKH toàn cầu (UNFCCC và Sendai) và các cam kết về giới > Áp dụng các khuôn khổ UNFCCC và Sendai ở cấp quốc gia 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > 'Đấu thập hay Nút thắt' hoặc Tic Tac Toe trên Khung GNRRTT/ĐDKH Quốc tế (Bài tập 9 và Tài liệu hướng dẫn 7) > Thảo luận nhóm (Bài tập 10 và Tài liệu phát tay 8)
	9.00-9.15		ÔN LẠI BÀI HỒM TRƯỚC	
2 B.	9.15-10.45	Lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> > Khung quốc gia về ĐDKH/GNRRTT và Lồng ghép giới ở cấp quốc gia > Kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP) và các đóng góp do quốc gia quyết định (NDC) 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Phân tích giới cho NAP và NDC bằng Bảng kiểm (Bài tập 11 và Tài liệu phát tay 9)
	10.45-11.00		Nghỉ giải lao	

VÍ DỤ VỀ KHÓA HỌC CƠ BẢN 4 NGÀY

SỐ THỨ TỰ PHẦN HỌC	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
	11.00-13.00		<ul style="list-style-type: none"> > Sự cần thiết lồng ghép Giới trong các Chính sách Quốc gia > Khoảng cách và thách thức đối với việc lồng ghép giới > Xây dựng các Chính sách GNRRTT/BĐKH Quốc gia - Điểm đầu vào cho các CSO 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Đóng vai 'Batokas và Gonkas' (Bài tập 13) > Thảo luận dựa trên nghiên cứu điển hình (Bài tập 14 và Tài liệu phát tay 11)
	13.00-14.00		Nghỉ giải lao	
3 A.	14.00-15.30	Khung và công cụ Lồng ghép giới	<ul style="list-style-type: none"> > Lồng ghép giới trong cả chu kỳ dự án > Phân tích giới: Sự cần thiết, Quy trình và Lựa chọn Công cụ 	Bài giảng / Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Khung lập kế hoạch Moser (Bài tập 15)
	15.30-15.45		Nghỉ giải lao	
	15.45-17.30		<ul style="list-style-type: none"> > Ví dụ về Đánh giá Giới > Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận nhóm nhỏ (Bài tập 17 và Tài liệu phát tay 12) > Nguyên nhân, Hậu quả và Khung giải pháp (Bài tập 18)
	9.00-9.15		ÔN LẠI BÀI HÔM TRƯỚC	
4 A.	9.15-10.45	Phương pháp tiếp cận thích ứng và Dự án phục hồi do cộng đồng dẫn dắt	<ul style="list-style-type: none"> > Mô hình thích ứng > Đánh giá mức độ đáp ứng của giới của các các dự án thích ứng 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận chuyên gia giả định I (Bài tập 21 và Tài liệu phát tay 16 và 17)
	10.45-11.00		Nghỉ giải lao	
	11.00-12.30		<ul style="list-style-type: none"> > Dự án chống chịu ở đô thị dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo 	Phương pháp nghiên cứu tình huống Harvard (Bài tập 22 và Tài liệu phát tay 18)
	12.30-13.30		Nghỉ giải lao	
4 B.	13.30-15.30	Các khía cạnh Giới và GNRRTT/BĐKH trong các ngành	<ul style="list-style-type: none"> > Mối liên hệ giữa giới và thích ứng với biến đổi khí hậu trong một số lĩnh vực > Tính dễ bị tổn thương trên cơ sở giới và các lựa chọn thích ứng trong một số lĩnh vực 	Bài giảng / Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Bài tập xây dựng đồ họa thông tin (Bài tập 21 và Tài liệu phát tay 19)
	15.30-15.45		Nghỉ giải lao	
	15.45-17.30		<ul style="list-style-type: none"> > Các giải pháp thích ứng có trách nhiệm giới 	Xếp hạng ma trận (Bài tập 22 và Tài liệu phát tay 20)
5 A.	9.15-10.45	Tài chính khí hậu và giới	<ul style="list-style-type: none"> > Kiến trúc tài chính khí hậu toàn cầu 	Xem phim và bài tập nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Làm việc nhóm (Bài tập 23 và Tài liệu hướng dẫn 21)
	10.45-11.00		Nghỉ giải lao	

VÍ DỤ VỀ KHÓA HỌC CƠ BẢN 4 NGÀY

SỐ THỨ TỰ PHẦN HỌC	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
	11.00- 12.00		> Các quỹ thích ứng chính và không gian cho sự tham gia của CSO	Bài trình bày và thảo luận
5 B.	12.00-13.30	Lập ngân sách có trách nhiệm giới và GNRRTT/BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> > Khái niệm và tầm quan trọng của lập ngân sách có trách nhiệm theo giới (GRB) > Tiến bộ về Lập ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á > Sự tham gia của CSO trong các quy trình lập ngân sách có trách nhiệm giới 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Video và PowerPoint câu hỏi (Bài tập 25 và Tài liệu hướng dẫn 23) > Thảo luận nhóm sử dụng Nghiên cứu trường hợp của Indonesia (Bài tập 26 và Tài liệu phát tay 24)
	13.30-14.30		Nghỉ giải lao	
KẾT LUẬN	14.30-16.00	Xây dựng Đề xuất Dự án GNRRTT/BĐKH	> Bài tập nhóm về vẽ áp phích dự án và đi tham quan các áp phích	
	16.00-16.15		Nghỉ giải lao	
	16.15-17.00	Đánh giá và Định hướng tương lai	<ul style="list-style-type: none"> > Cùng suy nghĩ để đánh giá lại các bài học và định hướng tương lai > Đánh giá tập huấn (điền vào biểu mẫu) 	Bài trình bày và Thảo luận nhóm

CHƯƠNG TRÌNH MẪU CHO KHÓA HỌC NÂNG CAO 5 NGÀY

SỐ HỌC PHẦN	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
KHAI MẠC	9.00-9.15	Bối cảnh	<ul style="list-style-type: none"> > Trông đợi của học viên > Chia sẻ Chương trình học 	Thảo luận mở
1 A.	9.15-10.15	Giới thiệu về quyền con người, không để ai bị bỏ lại phía sau và bình đẳng giới	<ul style="list-style-type: none"> > Quyền con người và Phương pháp Tiếp cận Dựa trên Quyền Con người (HRBA) 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm Xây dựng mạng lưới Quyền con người (Bài tập 1)
	10.15-10.30		Nghỉ giải lao	
	10.30-12.30		<ul style="list-style-type: none"> > Không để ai phía sau (LNOB) > Giới và sự đan xen chéo 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Trò chơi Bước đi Quyền lực (Bài tập 2) > Thảo luận Các khái niệm về giới (Bài tập 3)
	12.30-13.30		Nghỉ giải lao	
1 B.	13.30-15.30	Biến đổi khí hậu và các rủi ro liên quan, khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> > Rủi ro khí hậu toàn cầu, khả năng thích ứng, xây dựng khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro thiên tai > Những thay đổi và tác động khí hậu quan sát được > Khái niệm Khả năng chống chịu 	Xem Phim và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Biểu đồ về biến đổi khí hậu (Bài tập 4) > Khái niệm Khả năng chống chịu (Bài tập 5 và Tài liệu Phát tay 4)
	15.30-15.45		Nghỉ giải lao	
1 C.	15.45-18.00	Mối liên hệ giữa giới, biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> > Khía cạnh giới của GNRRTT/ BĐKH > Tích hợp giới trong GNRRTT/ BĐKH > Phụ nữ là Nhân tố của sự thay đổi 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Khung Moser để Lập bản đồ Rủi ro Khí hậu theo Giới (Bài tập 7) > Xem xét nghiên cứu điển hình (Bài tập 8 và Tài liệu phát 6)
	9.00-9.15		RECAP OF PREVIOUS DAY	
2 A.	9.15-10.00	Hiểu về bối cảnh chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu và GNRRTT	<ul style="list-style-type: none"> > Khung chính sách GNRRTT/ BĐKH toàn cầu (UNFCCC và Sendai) và các cam kết về giới > Áp dụng các khuôn khổ UNFCCC và Sendai ở cấp quốc gia 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > 'Dấu thập hay Nút thắt' hoặc Tic Tac Toe trên Khung GNRRTT/ BĐKH Quốc tế (Bài tập 9 và Tài liệu hướng dẫn 7) > Thảo luận nhóm (Bài tập 10 và Tài liệu phát 8)
	11.15-11.30		Nghỉ giải lao	
	11.30-13.00		<ul style="list-style-type: none"> > Khung quốc gia về BĐKH/ GNRRTT và Lồng ghép giới ở cấp quốc gia > Tình trạng Lồng ghép giới trong các Chính sách GNRRTT/BĐKH quốc gia sử dụng lăng kính CEDAW và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Xây dựng Báo cáo Bóng CEDAW và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh (Bài tập 12 và Tài liệu phát tay 10)
	13.00-14.00		Nghỉ giải lao	

CHƯƠNG TRÌNH MẪU CHO KHÓA HỌC NÂNG CAO 5 NGÀY

SỐ HỌC PHẦN	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
2 B.	14.00-15.30	Lồng ghép giới trong các chính sách và kế hoạch quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> > Sự cần thiết lồng ghép Giới trong các Chính sách Quốc gia > Khoảng cách và thách thức đối với việc lồng ghép giới 	Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Đóng vai 'Batokas và Gonkas' (Bài tập 13) > Thảo luận nhóm nhỏ
	15.30-15.45		Nghỉ giải lao	
	15.45-18.00		<ul style="list-style-type: none"> > Các chiến lược để Lồng ghép giới: Quản trị nhà nước và Thể chế; Chính sách quốc gia và Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) và Kế hoạch hành động về giới trong biến đổi khí hậu (ccGAP) > Xây dựng các Chính sách GNRRTT/BDKH quốc gia - Điểm đầu vào cho các CSO 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận dựa trên nghiên cứu điển hình (Bài tập 14 và Tài liệu phát tay 11)
	9.00-9.15		ÔN LẠI BÀI NGÀY TRƯỚC	
3 A.	9.15-10.45	Khung và công cụ Lồng ghép giới	<ul style="list-style-type: none"> > Lồng ghép giới trong cả chu kỳ dự án > Phân tích giới: Sự cần thiết, Quy trình và Lựa chọn Công cụ 	Bài giảng /Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thực hành về Khung phân tích Harvard (Bài tập 16)
	10.45-11.00		Nghỉ giải lao	
	11.00-13.00		<ul style="list-style-type: none"> > Công cụ cho các công cụ đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương có nhận thức về giới cho các dự án GNRRTT/BDKH > Ví dụ về Đánh giá Giới > Lập kế hoạch, chuẩn bị và thiết kế dự án có trách nhiệm giới 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận nhóm nhỏ (Bài tập 17 và Tài liệu phát tay 12)
	13.00-14.00		Nghỉ giải lao	
3 B.	14.00-16.15	Khung và công cụ Lồng ghép giới	<ul style="list-style-type: none"> > Quá trình Thực hiện có Nhận thức giới > Công cụ và Kỹ thuật có sự Tham gia 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Lập Hội chợ ý tưởng (Bài tập 19 và Tài liệu phát tay 13)
	16.15-16.30		Nghỉ giải lao	
	16.30-17.30		<ul style="list-style-type: none"> > Giám sát và Đánh giá có trách nhiệm giới 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Bài tập Xếp hạng Bánh xe (Bài tập 20 và Tài liệu 14)
	9.00-9.15		ÔN LẠI BÀI NGÀY TRƯỚC	
4 A.	9.15-10.45	Phương pháp tiếp cận thích ứng và Dự án phục hồi do cộng đồng dẫn dắt	<ul style="list-style-type: none"> > Các mô hình thích ứng và Đánh giá mức độ đáp ứng của giới của các dự án thích ứng 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Thảo luận chuyên gia giả định I (Bài tập 21 và Tài liệu phát tay 16 và 17)
	10.45-11.00		Nghỉ giải lao	
	11.00-12.30		<ul style="list-style-type: none"> > Dự án chống chịu ở đô thị dựa vào cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo 	Phương pháp nghiên cứu tình huống Harvard (Bài tập 22 và Tài liệu phát tay 18)
	12.30-13.30		Nghỉ giải lao	

CHƯƠNG TRÌNH MẪU CHO KHÓA HỌC NÂNG CAO 5 NGÀY

SỐ HỌC PHẦN	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	PHƯƠNG PHÁP
4 B.	13.30-16.00	Các khía cạnh Giới và GNRRTT/ BĐKH trong các ngành	<ul style="list-style-type: none"> > Mối liên hệ giữa giới và thích ứng với biến đổi khí hậu trong một số lĩnh vực > Tính dễ bị tổn thương trên cơ sở giới và các lựa chọn thích ứng trong một số lĩnh vực > Các giải pháp thích ứng có trách nhiệm giới 	Bài giảng / Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Bài tập xây dựng đồ họa thông tin (Bài tập 21 và Tài liệu phát tay 19) > Xếp hạng ma trận (Bài tập 22 và Tài liệu phát tay 20)
	16.00-16.15		Nghỉ giải lao	
	16.15-18.00	Xây dựng đề xuất dự án GNRRTT/ BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> > Bài tập nhóm về xây dựng poster đề xuất dự án và thuyết trình phần trưng bày 	
	9.00-9.15		ÔN LẠI BÀI HÔM TRƯỚC	
5 A.	9.15-11.15	Tài chính khí hậu và giới	<ul style="list-style-type: none"> > Kiến trúc tài chính khí hậu toàn cầu > Các quỹ thích ứng chính và không gian cho sự tham gia của CSO 	Bài trình bày và Thảo luận
	11.15-11.30		Nghỉ giải lao	
	11.30-12.30		<ul style="list-style-type: none"> > Phân tích dự án Thích ứng 	Bài tập nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Phần thực hành (Bài tập 24 và Tài liệu phát tay 22)
	12.30-13.30		Nghỉ giải lao	
5 B.	13.30-14.45	Lập ngân sách có trách nhiệm giới và GNRRTT/ BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> > Khái niệm và tầm quan trọng của lập ngân sách có trách nhiệm theo giới (GRB) > Tiến bộ về Lập ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á > Sự tham gia của CSO trong các quy trình lập ngân sách có trách nhiệm giới 	Thuyết trình và Bài tập Nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Video và PowerPoint câu hỏi (Bài tập 25 và Tài liệu hướng dẫn 23) > Thảo luận nhóm sử dụng Nghiên cứu trường hợp của Indonesia (Bài tập 26 và Tài liệu phát tay 24)
	14.45-16.15		<ul style="list-style-type: none"> > Áp dụng Lập ngân sách có trách nhiệm giới trong Tài chính Khí hậu > Khung năm bước cho Lập ngân sách có trách nhiệm giới > Các công cụ và kỹ thuật Lập ngân sách có trách nhiệm giới và các điểm đầu vào cho các CSO 	Bài trình bày và Thảo luận
	16.15-16.30		Nghỉ giải lao	
	16.30-17.30		<ul style="list-style-type: none"> > Lập ngân sách có trách nhiệm giới và Tài chính công về khí hậu: Tuyên bố ngân sách về giới và khí hậu 	Bài trình bày và Bài tập nhóm <ul style="list-style-type: none"> > Bài tập nhóm (Bài tập 27)
KẾT LUẬN	17.30-18.00		<ul style="list-style-type: none"> > Cùng suy nghĩ để đánh giá lại các bài học và định hướng tương lai > Đánh giá tập huấn (điền vào biểu mẫu) 	

CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TẬP HUẤN

BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC DÀNH CHO NGƯỜI THAM DỰ TẬP HUẤN

Tên:

Loại đánh giá: Trước tập huấn

Tổ chức:

 Sau tập huấn

Q1	Làm thế nào để cách tiếp cận “Để không ai bị bỏ lại phía sau” và Bình đẳng giới là chìa khóa để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)?
Q2	Hãy chia sẻ năm khía cạnh giới chính trong biến đổi khí hậu (BĐKH) và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT)?
Q3	Việc lồng ghép giới trong một dự án sẽ đem tới kết quả gì?
Q4	Bạn có thể chia sẻ một vài ví dụ về các dự án về BĐKH và GNRRTT mang tính biến chuyển về giới không?
Q5	Bạn có thể chia sẻ một vài công cụ phân tích giới có thể được áp dụng trong các dự án về BĐKH và GNRRTT không?
Q6	Bạn có thể chia sẻ về các khung quy phạm quốc tế chính và các cơ hội tài trợ cho các dự án về BĐKH và GNRRTT không?
Q7	Tình hình lồng ghép giới trong các chính sách quốc gia về BĐKH và GNRRTT tại Việt Nam như thế nào?
Q8	Các tổ chức của phụ nữ và tổ chức xã hội có thể tham gia như thế nào trong việc lồng ghép giới vào các chính sách liên quan đến BĐKH và GNRRTT?

BẢNG HỎI ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC DÀNH CHO NGƯỜI THAM DỰ TẬP HUẤN

TÊN:

TỔ CHỨC:

Tôi là một:

- Người thực hiện dự án
- Nhà nghiên cứu
- Quản lý chương trình
- Tập huấn viên

		Thấp		Trung bình		Cao		Không biết	
		1	2	3	4	5	0		
1. Hiểu biết tổng thể về khía cạnh giới trong BDKH và GNRRTT	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
2. Khả năng lồng ghép giới trong công việc của bạn về BDKH và GNRRTT	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
3. Khả năng thực hiện phân tích giới	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
4. Khả năng sử dụng hoặc xây dựng một dự án về BDKH và GNRRTT có đáp ứng giới	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
5. Khả năng sử dụng hoặc triển khai một dự án về BDKH và GNRRTT có đáp ứng giới	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
6. Hiểu biết về các khung quy phạm quốc tế và cơ chế tài chính liên quan đến BDKH và GNRRTT	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
7. Hiểu biết về các chính sách quốc gia về BDKH và GNRRTT và các mối liên hệ về giới	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								
8. Hiểu biết tổng thể về biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Trước tập huấn								
	Sau tập huấn								

9. Bạn thích (những) phần nào nhất?

10. Bạn ít thích (những) phần nào nhất?

11. Bạn thích (các) phương pháp nào nhất?

12. Bạn ít thích (các) phương pháp nào nhất?

TÀI LIỆU THAM KHẢO



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 100 Thành phố thích ứng; Mercy Corps Indonesia. 2016. Sách Chiến lược Semarang kiên cường. Chính quyền thành phố Semarang. https://www.acccrn.net/sites/default/files/publication/attach/semarang_resilience_strategy_-_english.pdf.
- n.d. Giới thiệu về GCF. <https://www.greenclimate.fund>.
- 2019. Về Quỹ Thích ứng. <https://www.adaptation-fund.org/about/>.
- Action Aid Bangladesh. 2008. Giới, Biến đổi khí hậu và An ninh Con người: Bài học từ Bangladesh, Ghana và Senegal. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). http://www.gdnonline.org/resources/WEDO_Gender_CC_Human_Security.pdf.
- Action Aid, Bangladesh. 2018. Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ: Bằng chứng từ các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thiên tai ở Bangladesh. Action Aid Bangladesh và Action Aid Úc. <https://actionaid.org.au/wp-content/uploads/2018/11/WRI-Bangladesh-Toolkit.pdf>.
- 2019. THÍCH ỨNG NGAY BÂY GIỜ: KÊU GỌI TOÀN CẦU CHO LÃNH ĐẠO VỀ THÍCH ỨNG KHÍ HẬU. Ủy ban toàn cầu về thích ứng. https://cdn.gca.org/assets/2019-09/GlobalCommission_Report_FINAL.pdf.
- Quỹ Thích ứng. 2020. "Tài chính Thích ứng với Khí hậu: Tiếp cận Trực tiếp." <https://www.adaptation-fund.org/wp-content/uploads/2019/11/Direct-Access-June-2020.pdf>.
- 2018. Quỹ Thích ứng Chiến lược trung hạn (2018-2022). Quỹ Thích ứng. <https://www.adaptation-fund.org/wp-content/uploads/2018/03/Medium-Term-Strategy-2018-2022-final-03.01-1.pdf>.
- ADB và GEF. 2018. Đánh giá giới: Dự án Chuỗi giá trị kinh doanh nông nghiệp thân thiện với khí hậu; Campuchia | ADB | GCF / B.19 / 22 / Rev.02. Quỹ Khí hậu Xanh.
- ADB. 2016. Xây dựng Giới thành Tài chính Khí hậu: Kinh nghiệm của ADB với các Quỹ Đầu tư Khí hậu. Ngân hàng phát triển châu Á. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/186020/uality-climate-finance.pdf>.
- ADB. 2010. Kết quả bình đẳng giới, Nghiên cứu điển hình: Nepal. Ngân hàng phát triển châu Á.
- ADB. 2015. Cẩm nang Tập huấn để hỗ trợ các Chính sách, Chiến lược và Phát triển Chương trình về Giới và Biến đổi Khí hậu do quốc gia chủ trì. Ngân hàng phát triển châu Á. <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/178959/country-driven-uality-climate-change.pdf>.
- Adger, W Neil, Nick Brooks, Graham Benthams, Maureen Agnew và Siri Eriksen. 2004. Các chỉ số mới về tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng (Báo cáo kỹ thuật 7). Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu Tyndall. <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.112.2300&rep=rep1&type=pdf>.
- AECOM. 2015. Kết hợp Thích ứng với Biến đổi Khí hậu trong Quy hoạch và Thiết kế Cơ sở hạ tầng. USAID https://www.climatelinks.org/sites/default/files/asset/document/OVERARCHING_METHODODOLOGY_CCA_ENGINEERING_DESIGN.pdf.
- Agarwal, Bina. 2009. "Giới và bảo tồn rừng: Tác động của sự tham gia của phụ nữ trong quản trị rừng cộng đồng." Kinh tế sinh thái; Tập 68, Số 11. [https://www.research.manchester.ac.uk/portal/en/publications/uality-and-forest-conservation-the-impact-of-womens-participation-in-community-forest-quản_ri\(21295e08-a96b-45f8-b934-b4b947212dcf\).html](https://www.research.manchester.ac.uk/portal/en/publications/uality-and-forest-conservation-the-impact-of-womens-participation-in-community-forest-quản_ri(21295e08-a96b-45f8-b934-b4b947212dcf).html).
- Aguilar Revelo, Lorena. 2009. Sổ tay Tập huấn về Giới và Biến đổi Khí hậu. IUCN, UNDP và GGCA. <https://portals.iucn.org/library/sites/library/files/documents/2009-012.pdf>.
- Aguilar, L., Granat, M. và Owren, C. 2015. Gốc rễ cho tương lai: Bối cảnh và con đường phía trước về Giới và Biến đổi Khí hậu. Liên minh Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên. <https://portals.iucn.org/library/sites/library/files/documents/2015-039.pdf>.
- Aguilar, Lorena, Margaux Granat và Cate Owren. 2015. Gốc rễ cho tương lai: Bối cảnh và con đường tiến lên về giới và biến đổi khí hậu. IUCN & GGCA. <https://wedo.org/wp-content/uploads/2015/12/Roots-for-the-future-final-1.pdf>.
- Ahmed, S., & Fajber, E. 2009. "Tạo ra sự thích ứng với sự biến đổi khí hậu ở Gujarat, Ấn Độ." Giới và Phát triển, 17 (1). <http://www.jstor.org/stable/27809205>.
- Alam, Sarder Shafiqul, ATM Jahangir Alam và Sowmen Rahman. 2015. "Khả năng chống chịu với khí hậu, nước và vệ sinh đô thị: Cải thiện sự hợp tác của nhiều bên ở Dhaka." Loạt tài liệu nghiên cứu về khả năng chống chịu với khí hậu của các thành phố Châu Á 25. <https://pubs.iied.org/10748IIED/>.
- Anh, Tran Tuan, Tran Van Giải Phóng, Nguyen Thi Kim Ha, and Dinh Quang Cuon. 2016. "Phân tích giới trong xây dựng khả năng thích ứng với khí hậu ở Đà Nẵng." Tập tài liệu về khả năng chống chịu với khí hậu của các thành phố châu Á 35. <https://pubs.iied.org/pdfs/10784IIED.pdf>.

- Anita Swarup, Irene Dankelman, Kanwal Ahluwalia và Kelly Hawrylyshyn. 2011. Vượt qua cơn bão: Trẻ em gái vị thành niên và Biến đổi khí hậu. Kế hoạch quốc tế. <http://www.ungei.org/weatherTheStorm.pdf>.
- anz-Barbero B, Linares C, Vives-Case C, González JL, López-Ossorio JJ, Díaz J. 2018. "Tình trạng nắng nóng và nguy cơ bạo lực do hạn hán." Khoa học tổng hợp Môi trường. [https://linkinghub.elsevier.com/retrieve/pii/S0048-9697\(18\)32444-6](https://linkinghub.elsevier.com/retrieve/pii/S0048-9697(18)32444-6).
- Arnell, Nigel và Simon Gosling. 2014. "Tác động của biến đổi khí hậu đối với nguy cơ lũ lụt trên quy mô toàn cầu." *Biến đổi khí hậu* (2016) 134: 387–401. <https://link.springer.com/content/pdf/10.1007/s10584-014-1084-5.pdf>.
- ARUP. 2015. Khung khả năng phục hồi của Thành phố. Arup International Development; Quỹ Rockefeller. <https://www.rockefellerfoundation.org/wp-content/uploads/City-Resilience-Framework-2015.pdf>.
- 019. Đánh giá khu vực Châu Á-Thái Bình Dương Kỷ niệm 25 năm Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh Hành động: Đánh giá Bắc Kinh + 25. <https://www.unescap.org/intergo-Governmental-meetings/asia-pacific-regional-review-25th-anniversary-beijing-decosystem>.
- Bartlett, Sheridan. 2008. Biến đổi khí hậu và trẻ em thành thị: Tác động và ý nghĩa đối với việc thích ứng ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế (IIED). <https://pubs.iied.org/pdfs/10556IIED.pdf>.
- Bisan, Sunitha và Goh I. 2015. Nghiên cứu phạm vi: Tập trung vào các cộng đồng bản địa MALAYSIA. Sáng kiến PENITA Malaysia; Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/05/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Malaysia.pdf.
- BNRCC. 2011. Giới và Thích ứng với Biến đổi Khí hậu: Công cụ cho cấp cộng đồng. Nhóm Hành động / Nghiên cứu Môi trường Nigeria (NEST). <https://genderinsite.net/sites/default/files/BNRCC-Gender-Toolkit.pdf>.
- Boonyabanha, S., Mitlin, D. 2012. "Giảm nghèo đô thị: vừa học vừa làm ở Châu Á." *Môi trường và Đô thị hóa* 24 (2) (Sage Publication). <https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/0956247812455770>.
- Bradshaw, Sarah và Brian Linnekar. 2014. "Giới và Biến đổi Môi trường ở các nước đang phát triển." Tài liệu làm việc IIED. <https://pubs.iied.org/pdfs/10716IIED.pdf>.
- Bradshaw, Sarah và Maureen Fordham. 2013. Phụ nữ, trẻ em gái và thảm họa - Đánh giá cho DFID. Dịch vụ Kiến thức Ứng dụng GSDRC. <https://gsdrc.org/document-library/women-girls-and-disasters-a-review-for-dfid/>.
- Brody A, Demetriades J, Esplen E. 2008. Giới và Biến đổi khí hậu: Lập bản đồ các mối liên kết. BRIDGE, Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS). <http://www.adequations.org/IMG/pdf/GenderAndClimateChange.pdf>.
- Brown, Sarah, Mirianna Budimir, David Lau, Jenny Nizama, Miluska Ordoñez, Alison Sneddon và Sujana Crawford Upadhyay. 2019. Tiếng nói bị bỏ qua: Trải nghiệm lũ lụt và cảnh báo sớm từ những phụ nữ bị thiệt thòi ở Nepal 2019. Hành động thiết thực. <https://reliefweb.int/sites/reliefweb.int/files/resources/Missing%20Voices.pdf>.
- Buchner, Barbara, Alex Clark, Angela Falconer, Rob Macquarie, Chavi Meattle, Rowena Tolentino và Cooper Wetherbee. 2019. Cảnh quan Toàn cầu về Tài chính Khí hậu. Sáng kiến Chính sách Khí hậu. <https://www.climatepolicyinitiative.org/wp-content/uploads/2019/11/2019-Global-Landscape-of-Climate-Finance.pdf>.
- Budlender, Debbie. 2000. Giới thiệu về ngân sách của phụ nữ lần thứ năm. trong Ủy ban Nghị viện về Chất lượng Cuộc sống và Địa vị của Phụ nữ, Cơ quan Cộng đồng về Điều tra Xã hội (CASE) và IDASA; Dòng ngân sách dành cho nữ.
- Budlender, Debbie. 2015. Thông tư Kêu gọi Ngân sách và Tuyên bố Ngân sách Giới ở Châu Á và Thái Bình Dương: Đánh giá. UN Women. <https://asiapacific.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2016/05/un-women-ccbgs.pdf?la=vi&vs=5635>.
- Budlender, Debbie và Rhonda Sharp. 1998. Cách thực hiện phân tích ngân sách nhạy cảm về giới: Nghiên cứu và thực hành đương đại. Ban Thư ký Khối thịnh vượng chung. https://www.femtech.at/sites/default/files/How_to_do_a_uality-sensitive_budget_analysis.pdf.
- Burns, Bridget và Bridget Burms. 2020. Sự tham gia của Phụ nữ và các Nhóm liên quan đến Giới trong các Quỹ Đầu tư Khí hậu: Đánh giá. Quỹ Đầu tư Khí hậu (CIF) và Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). https://www.climateinvestmentfunds.org/sites/cif_enc/files/knowledge-documents/wedo_final_report_7april2020.pdf.
- Byers, Alton C. và Shailendra Thakali. n.d. Khumbu, Nepal: Kế hoạch Hành động Thích ứng Địa phương (LAPA). Văn phòng Biến đổi Khí hậu Toàn cầu của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (US AID), Dự án Xây dựng Khả năng Chống chịu với Biến đổi Khí hậu. <https://www.hillarymedal.com/Khumbu-Nepal-Local-Adaptation-Plan-of-Action-report.pdf>.
- Care International. 2014. Phân tích năng lực và tính dễ bị tổn thương do khí hậu nhạy cảm với giới (GCVCA). CARE Quốc tế tại Mozambique và Mạng lưới Đối nghèo, Môi trường và Biến đổi Khí hậu Quốc tế CARE. https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2016/02/GCVCA_Practitioners-Guide-FINAL-July-2014.pdf.
- . 2012. Phân tích nhanh về giới. <https://insights.careinternational.org.uk/in-practice/rapid-uality-analysis>.
- Care International, Oxfam và SNV. nd. "Trao quyền kinh tế cho phụ nữ thông qua nâng cao chuỗi giá trị nông nghiệp (WEAVE) -

Đánh giá giữa kỳ.”

- Care Việt Nam. 2019. Thích ứng tổng hợp dựa vào cộng đồng ở Đồng bằng sông Cửu Long (ICAM). Care International tại Việt Nam. https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2019/03/ICAM_Ecompressed.pdf.
- Carmin, JoAnn & Dodman, David & Chu, và Eric. 2013. “Lãnh đạo và Thích ứng với Khí hậu Đô thị: Từ Hiểu biết về Khái niệm đến Thực tiễn.” Báo cáo công tác phát triển khu vực của OECD, 2013/26 (OECD Publishing, 10.1787 / 5k3ttg88w8hh-en.). https://www.researchgate.net/publication/304676267_Urban_Climate_Adaptation_and_Leadership_From_Conceptual_to_Practical_Understanding.
- Castro, Joan và Enrique Hernandez. 2015. Liên kết các Sáng kiến về Quyền và Sức khỏe Tình dục và Sinh sản, Dân số, Sức khỏe, Môi trường và Biến đổi Khí hậu: Nghiên cứu Phạm vi về Phụ nữ và Ngư dân ở Philippines. PATH Foundation Philippines, Inc. (PFPI); Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/05/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Philippines.pdf.
- CCAFS. 2007. Biến đổi khí hậu, nông nghiệp và an ninh lương thực (CCAFS) Việt Nam. <https://ccafs.cgiar.org/es/vietnam-0#.X4NC6GgzaUk>.
- CEDAW /C/GC/37. 2018. “Khuyến nghị chung số 37 về các khía cạnh liên quan đến giới trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu.” OHCHR / Hiệp ước. https://tbinternet.ohchr.org/Treaties/CEDAW/Shared%20Documents/1_Global/CEDAW_C_GC_37_8642_E.pdf.
- Chanthy, Sam và Hay Samchan. 2014. Tác động của lũ lụt đối với phụ nữ: Tìm hiểu khả năng lập kế hoạch Giảm nhẹ rủi ro thiên tai có nhạy cảm giới. Action Aid Campuchia. https://reliefweb.int/sites/reliefweb.int/files/resources/KHM_0601_ImpactonWomen_AA2014-01.pdf.
- Chattopadhyay, Soumya và Stephanie Manea. 2019. Chỉ số Để không bỏ ai lại phía sau. ODI. <https://www.odi.org/sites/odi.org.uk/files/resource-documents/12920.pdf>.
- 2020. Kế hoạch Hành động về Giới của CIF Giai đoạn 3 (FY 2021-2024) Đã sửa đổi. Quỹ đầu tư khí hậu. https://www.climateinvestmentfunds.org/sites/cif_enc/files/meeting-documents/ctf_scf_22_7_rev.1_cif_uality_action_plan_phase_3_final.pdf.
- 2018. Chính sách giới của CIF (Đã sửa đổi). Quỹ đầu tư khí hậu. https://www.climateinvestmentfunds.org/sites/default/files/meeting-documents/joint_ctf-scf_17_4_rev.1_cif_uality_policy_rev1_2_final.pdf.
- Clare Coffey, Patricia Espinoza Revollo, Rowan Harvey, Max Lawson, Anam Parvez Butt, Kim Piaget, Diana Sarosi, Julie Thekkudan. 2020. Thời gian Chăm sóc: Công việc chăm sóc không được trả lương và không được trả lương thấp và cuộc khủng hoảng bất bình đẳng toàn cầu. Oxfam quốc tế. <https://oxfamilibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/620928/bp-time-to-care-inequality-200120-en.pdf>.
- Viện Xây dựng Đồng thuận. 2020. Sự tham gia của các bên liên quan địa phương vào các quỹ đầu tư khí hậu: Báo cáo đánh giá. Được ủy quyền bởi Sáng kiến Đánh giá & Học tập CIF. https://www.unclearn.org/wp-content/uploads/library/evaluation_of_local_stakeholder_engagement_in_the_cif.pdf.
- Coulier, Miguel. 2015. Lập kế hoạch cho khả năng chống chịu: Sổ tay hướng dẫn để hỗ trợ cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu. Care International tại Việt Nam. <https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2016/03/Planning-for-Resilience-EN.pdf>.
- Currie, Janet và Maya Rossin-Slater. 2013. “Vượt qua cơn bão: bão và vấn đề sinh nở.” Sức khỏe Econ, 32 (3). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC23500506/>.
- Dankelman, Irene. 2016. Hành động chứ không phải lời nói: Đối đầu với Bất bình đẳng giới thông qua Hành động Biến đổi Khí hậu và Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai ở Châu Á: Tổng quan về tiến bộ ở Châu Á với bằng chứng từ Bangladesh, Campuchia và Việt Nam. Văn phòng UN Women khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. http://www.wocan.org/sites/default/files/ActionNotWords_CCDRR_130317-s.pdf.
- Dasgupta, Susmita & Huq, Mainul & Md Golam, Mustafa & Sobhan, Istiak & Wheeler, David. 2017. “Tác động của việc nhiễm mặn dưới nước đối với môi trường sống của cá và các cộng đồng nghèo trong điều kiện khí hậu đang thay đổi: Bằng chứng từ Bờ biển Tây Nam Bangladesh.” Kinh tế sinh thái. 139. https://www.researchgate.net/publication/316805886_The_Impact_of_Aquatic_Salinization_on_Fish_Habitats_and_Poor_Communities_in_a_Changed_Climate_Evidence_from_Southwest_Coastal_Bangladesh/citation/download.
- Dazé, Angie và Julie Dekens. 2017. Khung cho các quá trình lập kế hoạch thích ứng quốc gia có trách nhiệm giới. Mạng lưới toàn cầu NAP. <https://www.weadapt.org/sites/weadapt.org/files/2017/august/napgn-en-2017-uality-considerations-adaptation-planning1.pdf>.
- Daze, Angie, Anika Terton, Basanta Paudel, Aditya Bahadur và Sunil Acharya. 2018. Quá trình lập Kế hoạch Thích ứng Quốc gia (NAP) của Nepal: Phản ánh các bài học kinh nghiệm và chặng đường phía trước. Bộ Môi trường và Rừng, Chính phủ Nepal; Mạng lưới toàn cầu NAP; và Hành động trên Clomate Today (ACT). <http://napglobalnetwork.org/wp-content/uploads/2018/07/>

napgn-en-2018-nepal-nap-process.pdf.

- Dekens, Julie và Angie Dazé. 2019. Thực hiện Phân tích Giới để cung cấp thông tin cho các Quá trình lập Kế hoạch Thích ứng Quốc gia (NAP). Mạng lưới toàn cầu NAP. <https://www.iisd.org/system/files/publications/napgn-en-2019-conduct-uality-analysis-to-inform-nap-processes.pdf>.
- Demircuc-Kunt, Asli, Leora Klapper, Dorothe Singer và Peter Van Oudheusden. 2015. Cơ sở dữ liệu Findex Toàn cầu 2014: Đo lường tính toàn diện của ngân sách trên toàn thế giới. Tài liệu Nghiên cứu Chính sách 7255, Ngân hàng Thế giới. <http://documents1.worldbank.org/curated/vi/187761468179367706/pdf/WPS7255.pdf>.
- Dodman, David và Diana Mitlin. 2013. "Những thách thức đối với thích ứng dựa vào cộng đồng: Khám phá tiềm năng chuyển đổi." Tạp chí Phát triển Quốc tế. 25. 10.1002 / jid.1772. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1002/jid.1772#accessDenialLayout>.
- ECOSOC. 1997. Báo cáo của Hội đồng Kinh tế và Xã hội năm 1997. New York và Geneva: Liên hợp quốc. <https://www.un.org/womenwatch/osagi/pdf/ECOSOCAC1997.2.PDF>.
- Esplen, Justina Demetriades và Emily. 2008. "Các khía cạnh Giới của Nghèo đói và Thích ứng với Khí hậu." Bản tin IDS Tập 39 Số 4. https://www.ipcc.ch/apps/nj-lite/srex/nj-lite_download.php?id=6380.
- FAO. 2012. "Hội thảo Khu vực về Bài học Kinh nghiệm và Thực tiễn Tốt nhất: Sau thu hoạch; Tăng cường và Đa dạng hóa Sinh kế; và Lồng ghép Giới, được tổ chức tại Bangkok, Thái Lan, tháng 5 năm 2012" <http://www.fao.org/3/a-ar471e.pdf>.
- Field, C.B., V. Barros, T.F. Stocker, D. Qin, D.J. Dokken, K.L. Ebi, M.D. Mastrandrea, K.J. Mach, G.-K. Plattner, S.K. Allen, M. Tignor và P.M. Midgley (tái bản). 2012. Quản lý rủi ro của các sự kiện và thảm họa cực đoan để thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu. Báo cáo đặc biệt của Nhóm công tác I và II của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu; Nhà xuất bản Đại học Cambridge. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/03/SREX_Full_Report-1.pdf.
- Field, C.B. ; Barris, V. R; Dokken, D.J. ; Mach, K.J. ; Mastrandrea, M.D. ; Bilir, T.E. ; Chaterjee, M.; Ebi, K.L. ; Estrada, Y.O. 2014. Biến đổi khí hậu: Tác động, thích ứng và tính dễ bị tổn thương. Phần A: Các khía cạnh toàn cầu và theo ngành. Đóng góp của Nhóm công tác II cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC).
- 2015. Lâm nghiệp và Giảm nghèo. <http://www.fao.org/forestry/livelihoods/en/>.
- Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ. 1995. Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh hành động. Liên Hiệp Quốc. https://www.un.org/en/events/pastevents/pdfs/Beijing_Decosystem_and_Platform_for_Action.pdf.
- 2019. Kế hoạch hành động về giới của GCF (2020-2023). Quỹ Khí hậu Xanh. <https://www.greenclimate.fund/sites/default/files/document/uality-action-plan.pdf>.
- 2019. Chính sách giới của GCF. Quỹ Khí hậu Xanh. <https://www.greenclimate.fund/sites/default/files/document/gcf-uality-policy.pdf>.
- Gelder, Linda Van. 2020. Thu hẹp khoảng cách dữ liệu về tình trạng loại trừ nhóm LGBTI. <https://blogs.worldbank.org/europeandcentralasia/closing-data-gap-lgbti-exclusion>.
- 2016. Chính sách Giới và Kế hoạch Hành động cho Quỹ Thích ứng. Quỹ Thích ứng (Phụ lục 4 của OPG). https://www.adaptation-fund.org/wp-content/uploads/2016/04/OPG-ANNEX4_Gender-Policies-and-Action-Plan_approved-in-March-2016-1.pdf.
- GFDRR. nd. Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong khắc phục hậu quả thiên tai. Quỹ Toàn cầu về Giảm thiểu và Phục hồi Thiên tai (GFDRR). <https://www.gfdr.org/sites/default/files/publication/uality-equality-disaster-recovery.PDF>.
- GGCA và UNDP. 2016. Bình đẳng giới trong hành động vì khí hậu quốc gia: Lập kế hoạch cho các đóng góp do quốc gia xác định có trách nhiệm về giới. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. https://www.undp.org/content/dam/undp/library/uality/Gender%20and%20Enosystem/Gender_Equality_in_National_Climate_Action.pdf.
- GGCA và UNDP. 2016. Giới, thích ứng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. <https://www.undp.org/content/dam/undp/library/uality/Gender%20and%20Enosystem/UNDP%20Gender,%20Adaptation%20and%20DRR%20Policy%20Brief%202-WEB.pdf>.
- Glemarec, Yannick, Seemin Qayum và Marina Olshanskaya. 2016. Tận dụng Đồng lợi ích giữa Bình đẳng giới và Hành động Khí hậu vì Phát triển Bền vững: Lồng ghép Cân nhắc Giới trong các Dự án Biến đổi Khí hậu. UN Women. https://trainingcentre.unwomen.org/pluginfile.php/66830/mod_folder/intro/LEVERAGING%20CO-BENEFITS%20BETWEEN%20GENDER%20EQUALITY%20AND%20CLIMATE%20ACTION.pdf.
- Liên minh Giới và Khí hậu Toàn cầu. 2016. Giới và Biến đổi khí hậu: Xem xét kỹ hơn các bằng chứng hiện có. WEDO, Tổ chức Oak, GGCA. <https://wedo.org/wp-content/uploads/2016/11/GGCA-RP-FINAL.pdf>.
- 2020. Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu. Diễn đàn Kinh tế Thế giới. http://www3.weforum.org/docs/WEF_GGGR_2020.pdf.
- 2019. Bối cảnh toàn cầu về tài chính khí hậu 2019 - Phương pháp luận. Sáng kiến Chính sách Khí hậu. <https://www>.

climatepolicyinitiative.org/wp-content/uploads/2019/11/GLCF-2019-Methodology-Document.pdf.

- Golder, Bronwen. 2005. Công cụ xuyên suốt: Phân tích các bên liên quan. Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới (WWF). https://awsassets.panda.org/downloads/1_1_stakeholder_analysis_11_01_05.pdf.
- Chính phủ Nepal. 2011. "Sổ tay hướng dẫn LAPA: Các Kế hoạch Hành động Thích ứng của Địa phương." Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chính phủ Nepal. [http://www.mope.gov.np/download/Local%20Adaptation%20Plan%20of%20Action%20Manual%20\(Draft%20for%20Comment\).pdf.9ae96488f46674057b5f10932f81959e](http://www.mope.gov.np/download/Local%20Adaptation%20Plan%20of%20Action%20Manual%20(Draft%20for%20Comment).pdf.9ae96488f46674057b5f10932f81959e).
- 2017. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHÍNH SÁCH GIỚI CỦA QUỸ THÍCH ỨNG. Ban Quỹ Thích ứng. <https://www.adaptation-fund.org/wp-content/uploads/2017/03/GenderGuidance-Document.pdf>.
- Habtezion, Senay. 2016. Tài chính về Giới và Khí hậu. GGCA, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). https://www.undp.org/content/dam/undp/library/uality/Gender%20and%20Enosystem/Training%20Modules/Gender_Climate_Change_Training%20Module%205%20Finance.pdf.
- Hall, Laura Cooper, Margaux Granat và Tara Daniel. 2019. Tổ chức của Phụ nữ và Tài chính Khí hậu: Tham gia vào các quy trình và tiếp cận các nguồn lực. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). https://wedo.org/wp-content/uploads/2019/06/WomensOrgsClimateFinance_EngaginginProcesses.pdf.
- Hall, Laura Cooper, Margaux Granat và Tara Daniel. 2019. Tổ chức của Phụ nữ và Tài chính Khí hậu: Tham gia vào các quy trình và tiếp cận các nguồn lực. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). https://wedo.org/wp-content/uploads/2019/06/WomensOrgsClimateFinance_EngaginginProcesses.pdf.
- Hall, Laura Cooper, Margaux Granat và Tara Daniel. 2019. Tổ chức của Phụ nữ và Tài chính Khí hậu: Tham gia vào các quy trình và tiếp cận các nguồn lực. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). https://wedo.org/wp-content/uploads/2019/06/WomensOrgsClimateFinance_EngaginginProcesses.pdf.
- Hallegatte, Stéphane & Rozenberg, Julie. 2017. "Biến đổi khí hậu qua lăng kính nghèo đói". Tự nhiên Biến đổi Khí hậu 7. https://www.researchgate.net/publication/315977715_Climate_change_through_a_poor_lens/citation/download.
- Hameeteman, Elizabeth. 2013. (Mất) an ninh nguồn nước trong tương lai: Sự kiện, Số liệu và Dự đoán. Viện nước toàn cầu. https://img1.wsimg.com/blobby/go/27b53d18-6069-45f7-a1bd-d5a48bc80322/downloads/1c2meuvon_105010.pdf.
- He, JR, Liu, Y., Xia, XY, Ma, WJ, Lin, HL, Kan, HD, Lu, JH, Feng, Q., Mo, WJ, Wang, P., Xia, HM, Qiu, X., & Muglia, LJ 2016. "Nhiệt độ môi trường xung quanh và nguy cơ sinh non ở Quảng Châu, Trung Quốc (2001-2011)." Quan điểm sức khỏe môi trường, 124 (7). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4937853/pdf/ehp.1509778.pdf>.
- Hijjoka, Y., E. Lin, J.J. Pereira, R.T. Corlett, X. Cui, G.E. Insarov, R.D. Lasco, E. Lindgren và A. Surjan. 2014. Châu Á Tại: Biến đổi khí hậu 2014: Tác động, thích ứng và tính dễ bị tổn thương. Phần B: Các khía cạnh khu vực. Đóng góp của Nhóm công tác II cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. Nhà xuất bản Đại học Cambridge. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/WGIIAR5-Chap24_FINAL.pdf.
- n.d. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người. Truy cập tháng 5 năm 2020. <https://unsdg.un.org/2030-agenda/universal-values/human-rights-based-approach>.
- Hussain, Javed. 2015. Tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe sinh sản của phụ nữ: Các can thiệp sau thảm họa ở tỉnh Sindh. Tổ chức Cộng đồng Sindh; Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/05/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Pakistan.pdf.
- IFRC. 2020. Hướng dẫn thực tế về các Phương pháp tiếp cận nhạy cảm về giới trong quản lý thiên tai. Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (IFRC). <https://www.ifrc.org/PageFiles/96532/A%20Guide%20for%20Gender-sensitive%20approach%20to%20DM.pdf>.
- IFRC. 2018. Lập kế hoạch chiến dịch có sự tham gia để xây dựng thông điệp và kiến thức toàn diện và hòa nhập về giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở Nepal; Nghiên cứu điển hình về giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong hành động. Liên đoàn quốc tế các hiệp hội đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ. https://media.ifrc.org/ifrc/wp-content/uploads/sites/5/2018/06/CaseStudy3_Nepal-Gender-Inclusiveness-Final.pdf.
- IFRC. 2015. Chưa từng thấy, chưa từng nghe: Bạo lực trên cơ sở giới trong thảm họa (Nghiên cứu toàn cầu). Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế. https://www.preventionweb.net/files/51016_1297700gbvindicastersenlr2.pdf.
- ILO. 2018. Công việc chăm sóc và Công việc chăm sóc cho tương lai của công việc tốt. Tổ chức lao động quốc tế. https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_633135.pdf.
- ILO. 2016. Xu hướng phụ nữ tại nơi làm việc. Văn phòng Lao động Quốc tế. https://ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_457317.pdf.
- IUCN, EGI và UN Women. 2015. Sự tham gia của phụ nữ trong việc ra quyết định về môi trường toàn cầu. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). http://www.wocan.org/sites/default/files/EGL_factsheet_desicion_making_web_sept2015_0.pdf.

- Jeans, H., Oglethorpe, J., Phillips, J., & Reid, H. 2014. "Vai trò của hệ sinh thái trong thích ứng với biến đổi khí hậu: Bài học mở rộng quy mô."
- Kanwar, Sheena. 2016. Ngân sách có trách nhiệm giới ở Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Báo cáo Hiện trạng. UN Women. https://asiapacific.unwomen.org/-/media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2016/12/grb_report-for-web-s.pdf?la=vi&vs=1520.
- Keneddy, Jonathan và Lawrence King. 2014. "Nền kinh tế chính trị của những vụ nông dân tự tử ở Ấn Độ: những nông dân tồng trọt mắc nợ với chủ đất giải thích sự khác biệt trong tỷ lệ tự tử ở cấp tiểu bang. Sức khỏe toàn cầu, 10 (16). <https://globalizationandhealth.biomedcentral.com/articles/10.1186/1744-8603-10-16#citeas>.
- Khadka, Manohara, Seema Karki, Bhaskar S. Karky, Rajan Kotru và Kumar Bahadur Darjee. 2014. "Những thách thức về bình đẳng giới đối với Sáng kiến REDD ở Nepal." Nghiên cứu và Phát triển Miền núi, 34 (3). <https://bioone.org/journals/mountain-research-and-development/volume-34/issue-3/MRD-JOURNAL-D-13-00081.1/Gender-Equality-Challenges-to-the-REDD-Initiative-in-Nepal/10.1659/MRD-JOURNAL-D-13-00081.1.full>.
- Khan, AE, Ireson, A., Kovats, S., Mojumder, SK, Khusru, A., Rahman, A., & Vineis, P. 2011. "Độ mặn của nước uống và sức khỏe bà mẹ ở ven biển Bangladesh: Những tác động của biến đổi khí hậu." Quan điểm sức khỏe môi trường, 119 (9). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC3230389/>.
- Khan, M. Zakir Hossain, Mahfuzul Haque và Mohua Rouf. 2013. Đánh giá về quản trị tài chính khí hậu ở Bangladesh. Tổ chức Minh bạch Quốc tế Bangladesh. https://www.transparency.org/files/content/activity/2013_AssessmentOfClimateFinance_Bangladesh_EN.pdf.
- Khan, WA, Galagan, SR, Prue, CS, Khyang, J., Ahmed, S., Ram, M., Alam, MS, Haq, MZ, Akter, J., Glass, G., Norris, DE, Khiên, T., Sack, DA, Sullivan, DJ, Jr, & Nyunt, MM 2014. "Sốt rét do Plasmodium falciparum không có triệu chứng ở phụ nữ có thai tại các quận Chittagong Hill của Bangladesh." PLOS One, 9 (5). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4032281/pdf/pone.0098442.pdf>.
- King, Sally. 2014. Thích ứng dựa vào cộng đồng trong thực tiễn: Tổng quan toàn cầu về thực hành dựa vào cộng đồng của CARE International. CARE International <https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2019/06/cba-in-practice-lr.pdf>.
- Kirkby, Patrick, Casey Williams và Saleemul Huq. 2017. "Thích ứng dựa vào cộng đồng (CBA): bổ sung sự rõ ràng về khái niệm cho cách tiếp cận, đồng thời thiết lập các nguyên tắc và thách thức của nó." Khí hậu và Phát triển. <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/17565529.2017.1372265?src=recsys&journalCode=tclid20>.
- Kjellstrom, Tord và Kongkea Phan. 2017. TIẾP XÚC VỚI NẮNG NÓNG VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐẾN NĂNG LỰC SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY MAY Ở PHNOM PENH, CAMPUCHIA - một nghiên cứu thử nghiệm. Chương trình Nghiên cứu Tác động Nhiệt Khí hậu, Mapua, New Zealand. <https://www.climatechip.org/sites/default/files/publications/Kjellstrom%20Heat%20Exposure%20Cambodia%202017-2.pdf>.
- Kuzuya, Masafumi. 2013. "Say nắng ở người lớn tuổi." Tạp chí của Hiệp hội Y khoa Nhật Bản J 56 (3). https://www.med.or.jp/english/journal/pdf/2013_03/193_198.pdf.
- n.d. Không để lại ai phía sau. Truy cập tháng 5 năm 2020. <https://unsdg.un.org/2030-agenda/universal-values/leave-no-one-behind>.
- Lewark, S, L George và M Karmann. 2011. "Nghiên cứu về bình đẳng giới trong các chương trình cấp chứng chỉ rừng dựa vào cộng đồng ở Nepal." Tạp chí Lâm nghiệp Quốc tế Vol.13 (2). https://www.cifor.org/publications/pdf_files/articles/ACIFOR1103.pdf.
- Liane Schalatek. 2019. Tài chính về Giới và Khí hậu. Heinrich Böll Stiftung (HBS). <https://us.boell.org/sites/default/files/2019-11/CFF10%202019%20%5BENG%5D%20DIGITAL.pdf>.
- 2014. Chương trình làm việc Lima về giới. Hội nghị các bên COP-20, UNFCCC. https://ualitycc.net/fileadmin/inhalte/dokumente/6_UNFCCC/COPs/Lima_Work_Programme_on_Gender.pdf.
- Lindsey Jones, Susanne Jaspars, Sara Pavanello, Eva Ludi, Rachel Slater, Alex Arnall, Natasha Grist Sobona Mtisi. 2010. Ứng phó với biến đổi khí hậu- Tìm hiểu cách tiếp cận giảm thiểu rủi ro thiên tai, bảo trợ xã hội và sinh kế thúc đẩy các đặc điểm của năng lực thích ứng. Overseas Development Institute, tài liệu 319, từ Chambers và Conway, 1991. https://www.ipcc.ch/apps/njlite/srex/njlite_download.php?id=6393.
- nd. "Kế hoạch Hành động Thích ứng Địa phương (LAPA)." UNDP Nepal. http://www.np.undp.org/content/dam/nepal/docs/reports/NCCSP%20poster%20_%20English.pdf.
- Long, Sarou, Pol Raguénès và Jennifer Louie. 2019. Nghiên cứu phạm vi ở Campuchia. Nexus for Development, Empower Project, UN Environment Program.
- Mach, K.J., S. Planton và C. von Stechow. 2014. Báo cáo tổng hợp của IPCC: Phụ lục II: Thuật ngữ, Trong: Biến đổi khí hậu 2014: Báo cáo tổng hợp. Đóng góp của Nhóm công tác I, II và III cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến

đổi khí hậu. IPCC. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2019/01/SYRAR5-Glossary_en.pdf.

- Machado, Carolina & Machado, Elizabeth & Rohloff, Roger & Azevedo, Marina & Campos, Dayse & Bruniera, Robson & Brasil, Patrícia. 2013. "Mang thai có liên quan đến sốt xuất huyết nặng không? Đánh giá Dữ liệu từ Hệ thống Thông tin Giám sát Rio de Janeiro." Các bệnh nhiệt đới bị bỏ quên do PLOS, 7. https://www.researchgate.net/profile/Dayse_Campos/publication/236910305_Is_Pregnancy_Associated_with_Severe_Dengue_A_Review_of_Data_from_the_Rio_de_Janeiro_Surve_Giám_sát_Information_System00000/027/0200000/Is-Pregnancy-Associated-with-Severe-
- Mahila Housing SEWA Trust. 2015. "Tuyên bố Giải pháp." Đối tác Thách thức khả năng phục hồi toàn cầu. <http://www.globalresiliencepartnership.org/wp-content/uploads/2018/02/MHT-GRP-Solutions-Statement.pdf>.
- Mansuri, Ghazala và Vijayendra Rao. 2013. Địa phương hóa sự phát triển: Liệu sự tham gia có hiệu quả không?. Báo cáo Nghiên cứu Chính sách. Ngân hàng thế giới. <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/11859/9780821382561.pdf?sequence=1&isAllowed=y>.
- March, Candida, Ines Smyth và Maitrayee Mukhopadhyay. 1999. Hướng dẫn về Khung phân tích Giới. Oxfam GB. <https://oxfamilibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/115397/bk-uality-analysis-frameworks-010199-en.pdf;jsessionid=4545940CB68685897F61772456BB6411?sequence=8>.
- Masika, Rachel. 2002. "Biến đổi khí hậu". Giới và phát triển, Tập 10. No 2 (OXFAM GB). <https://www.researchgate.net/publication/274379678>.
- Mbow, Cheikh & Rosenzweig, Cynthia & Tubiello, Francesco & Benton, Tim & Herrero, Mario & Pradhan, Prajal & Barioni, et al. 2019. "Báo cáo Đặc biệt của IPCC về Đất đai và Biến đổi Khí hậu, Chương 5 An ninh Lương thực." https://www.researchgate.net/publication/335505322_IPCC_Special_Report_on_Land_and_Climate_Change_Chapter_5_Food_Security/citation/download.
- Mian, Lim Hwei và Mangala Namasivayam. 2017. Tình dục, Quyền, Giới trong Thời đại Biến đổi Khí hậu. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN LỰC CHÂU Á-PACIFIC DÀNH CHO PHỤ NỮ (ARROW). <https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2017/10/2RB-WHCC.pdf>.
- Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ. 2005. Tổng hợp hệ sinh thái và phúc lợi con người. Viện tài nguyên thế giới. <https://www.millenniumassessment.org/documents/document.356.aspx.pdf>.
- Mimura, N., R.S. Pulwarty, D.M. Đức, I. Elshinnawy, M.H. Redsteer, H.Q. Huang, J.N. Nkem và R.A. Sanchez Rodriguez. 2014. Lập kế hoạch và Thực hiện Thích ứng. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/WGIIAR5-Chap15_FINAL.pdf.
- Quỹ nhiều nhà tài trợ. 2012. "Tương lai bền vững: Di sản của tái thiết Tập 1: Báo cáo chính." http://www.multidonorfund.org/doc/pdf/MDF_report_vol_01_ENG.pdf.
- Nagrath, Kriti. 2013. Vượt qua rào cản cho xây dựng xanh ở Ấn Độ. https://cdkn.org/2013/01/overcoming-hurdles-to-alternative-construction-technologies-in-india/?loclang=en_gb.
- Mạng lưới toàn cầu NAP & UNFCCC. 2019. Bộ công cụ cho một quá trình đáp ứng giới để xây dựng và thực hiện các kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP). Dazé, A., và Church, C. (tác giả chính). Winnipeg: Viện Phát triển Bền vững Quốc tế. <https://www4.unfccc.int/sites/NAPC/Documents/Supplements/NAPGenderToolkit2019.pdf>.
- 2020. Các đầu mối quốc gia về giới và biến đổi khí hậu. <https://unfccc.int/topics/uality/resources/list-of-uality-focal-points-under-the-unfccc>.
- 2020. Cơ quan đăng ký NDC. <https://www4.unfccc.int/sites/NDCStaging/Pages/All.aspx>.
- Nellemann, C., Verma, R., và Hislop, L. 2011. Phụ nữ ở tuyến đầu của biến đổi khí hậu: Rủi ro liên quan đến giới và hy vọng. Đánh giá phản hồi nhanh. Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc. https://www.ipcc.ch/apps/nj-lite/ar5wg2/nj-lite_download2.php?id=9719.
- Nelson, Sibyl và Sophia Huyer. 2016. Phương pháp tiếp cận có trách nhiệm giới đối với nông nghiệp thông minh với khí hậu. FAO, CGIAR, CCAFS. <http://www.fao.org/3/a-be879e.pdf>.
- Neumann, Barbara, Athanasios T. Vafeidis, Juliane Zimmermann và Robert J. Nicholls. 2015. "Tăng trưởng dân số ven biển trong tương lai và khả năng tiếp xúc với mực nước biển dâng và lũ lụt ven biển - Đánh giá toàn cầu." PLOS Một, 10 (6). <https://journals.plos.org/plosone/article/file?id=10.1371/journal.pone.0118571&type=printable>.
- Neumayer, Eric và Thomas Plümper. 2007. "Bản chất Giới của Thảm họa Tự nhiên: Tác động của Sự kiện Thảm khốc đến Khoảng cách Giới trong Tuổi thọ, 1981-2002." Biên niên sử của Hiệp hội các nhà địa lý Hoa Kỳ, Vol. 97, số 3. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=874965.
- Newman, Karen và Judith Stephenson. 2010. "Ứng phó với: Trao quyền cho phụ nữ và sự thay đổi dân số của biến đổi khí hậu." Tạp chí Sức khỏe cộng đồng, Tập 32, Số 4. <https://academic.oup.com/jpubhealth/article/32/4/591/1519466>.
- Nygaard, Ivan và Ulrich Elmer Hansen. 2015. Vượt qua các rào cản đối với việc chuyển giao và lan tỏa các công nghệ khí hậu.

- Đối tác UNEP DTU, Đại học Kỹ thuật Đan Mạch. https://www.researchgate.net/publication/318109356_Overcoming_Barriers_to_the_Transfer_and_Diffusion_of_Climate_Technologies_Second_edition.
- O'Neil, Tam, Pilar Domingo và Craig Valters. 2014. Tiến bộ về Trao quyền cho Phụ nữ: Từ các bản sửa lỗi kỹ thuật đến các hành động liên quan. Tài liệu làm việc của ODI 06. <https://www.odi.org/sites/odi.org.uk/files/odi-assets/publications-opinion-files/9282.pdf>.
 - OECD. 2015. Bộ công cụ của OECD về Lồng ghép và Thực hiện Bình đẳng Giới. Thực hiện Khuyến nghị năm 2015 của OECD về Bình đẳng giới trong Đời sống Cộng đồng. <https://www.oecd.org/gov/toolkit-for-mainstreaming-and-implecting-uality-equality.pdf>.
 - MẠNG DAC OECD VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI (GENDERNET). 2016. Làm cho tài chính khí hậu hoạt động vì phụ nữ: Tổng quan về ODA song phương cho giới và biến đổi khí hậu. OECD. <https://www.oecd.org/dac/gender-development/Making%20Climate%20Finance%20Work%20for%20Women%20-%20Copy.pdf>.
 - Văn phòng Cao ủy Quyền con người của Liên hợp quốc. 2006. Các câu hỏi thường gặp về Phương pháp Tiếp cận Hợp tác Phát triển Dựa trên Quyền con người. Liên Hiệp Quốc. <https://www.ohchr.org/Documents/Publications/FAQen.pdf>.
 - OHCHR. 2015. Hiểu biết về Quyền con người và Biến đổi khí hậu. Văn phòng Cao ủy Quyền con người. <https://www.ohchr.org/Documents/Issues/ClimateChange/COP21.pdf>.
 - Oppenheimer, M., M. Campos, R. Warren, J. Birkmann, G. Luber, B. O'Neill và K. Takahashi. 2014. Rủi ro và các lỗ hổng chính. Trong: *Biến đổi khí hậu 2014: Tác động, Thích ứng và Tính dễ bị tổn thương*. Phần A: Toàn cầu và. Nhà xuất bản Đại học Cambridge. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/WGIIAR5-Chap19_FINAL.pdf.
 - Otiye Igbuzor. 2006. Lồng ghép giới vào Chiến lược phát triển trao quyền kinh tế của các quốc gia (SEEDS): Sổ tay hướng dẫn thực hành. Ủy ban Kế hoạch Quốc gia, Cộng hòa Liên bang Nigeria.
 - Otzelberger, Agnes. 2011. Các chiến lược đáp ứng giới về biến đổi khí hậu: Tiến trình và cách thức dành cho các nhà tài trợ. Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS), Bridge development-gender. https://www.gdnonline.org/resources/BRIDGE_Gender_responsive_strategies_on_CC.pdf.
 - 2018. Công việc của chúng tôi. <https://www.climateinvestmentfunds.org/>.
 - OXFAM. 2009. Ứng phó với Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Cơ hội cải thiện bình đẳng giới. UN-Việt Nam và Oxfam. <https://oxfamilibrary.openrepository.com/bitstream/handle/10546/112555/rr-resposystem-climate-change-vietnam-uality-equality-040510-en.pdf;jsessionid=6603A8269F74443DFED7E6BC8F8C3512?sequence=1>.
 - Oxfam. 2005. Tác động của Sóng thần đối với phụ nữ. Oxfam quốc tế. <https://oxfamilibrary.openrepository.com/bitstream/10546/115038/1/bn-tsunami-impact-on-women-250305-en.pdf>.
 - Pachauri, R.K. và L.A. Meyer. 2015. IPCC, 2014: Biến đổi khí hậu 2014: Báo cáo tổng hợp. Đóng góp của các Nhóm công tác I, II và III cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/SYR_AR5_FINAL_full.pdf.
 - Peniston, Brian. 2013. "Quan hệ đối tác thích ứng với vùng núi cao: Đánh giá các kế hoạch hành động thích ứng địa phương của Nepal (LAPA)." Liên kết Khí hậu (US AID). https://www.climatelinks.org/sites/default/files/asset/document/NepalLAPAs_Stocklusive_TMI-Peniston-FINAL.pdf.
 - Pratama, Isnu & Handayani, Wiwandari & Setyono, Jawoto & Prayoga, Nyoman. 2017. "Nâng cao Năng lực Cộng đồng thông qua Phương pháp Tiếp cận Thay thế Dựa trên sự Tham gia để giải quyết Sốt xuất huyết ở Semarang." Tạp chí Quy hoạch Vùng và Thành phố, 28 (1). https://www.researchgate.net/profile/Wiwandari_Handayani/publication/318613442_Community_Capacity_Building_through_an_Alternative_Approach_Based_on_Participation_in_Handling_Dengue_Hemorrhagic_Fever_DHF_in_Capacity_Building_through_an_Alternative_Approach_Based_on_Participation_in_Handling_Dengue_Hemorrhagic_Fever_DHF_in_Semarang/200a53/5a1491ae19cadlinks/5a149
 - Prebble, M., M. Gilligan, và B. Clabots. 2015. Sự tham gia của phụ nữ trong việc ra quyết định về môi trường toàn cầu: Một báo cáo bổ sung của EGI. Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). https://portals.iucn.org/union/sites/union/files/doc/egi_datasetdm.pdf.
 - Preston, Benjamin & Yuen, Emma & Westaway, Richard. 2011. "Đưa tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu lên bản đồ: Đánh giá các phương pháp tiếp cận, lợi ích và rủi ro." Khoa học bền vững. 6 (2). https://www.researchgate.net/publication/225227138_Putting_vulnerability_to_climate_change_on_the_map_A_review_of_approaches_benefits_and_risks.
 - Rasmussen, P., T. O. Sonnenborg, G. Goncear và K. Hinsby. 2013. "Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và kênh tiêu thoát nước mặn đến tầng chứa nước ven biển." Khoa học Hệ thống Trái đất và Thủy văn, 17 (Các ấn phẩm của Copernicus đại diện cho Liên minh Khoa học Địa chất Châu Âu). <https://hess.copernicus.org/articles/17/421/2013/hess-17-421-2013.pdf>.
 - Rattani, Vijeta và Yangdup Lama. 2018. Các phương pháp tiếp cận toàn cầu để lập kế hoạch thích ứng. Trung tâm Khoa học và

Môi trường. http://cdn.cseindia.org/attachments/0.75631200_1519109209_global-approaches-adaptation-planning.pdf.

- Regger, Amy và Sereyroth Lim. 2019. Cam kết chính sách để lồng ghép vấn đề Giới vào Hành động Biến đổi Khí hậu và Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai ở Campuchia. Tóm tắt chính sách; UN Women và UNEP. <https://www.empowerforclimate.org/-/media/images/unwomen/emp/attachments/2020/05/cambodia%20policy%20brief%20english%20version.pdf>.
- Reid, Hannah và Saleemul Huq. 2017. Thích ứng dựa vào cộng đồng: Một cách tiếp cận quan trọng đối với rủi ro biến đổi khí hậu đối với người nghèo. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế. https://www.researchgate.net/profile/Saleemul_Huq/publication/46093312_Community-based_adaptation_A_vital_approach_to_the_threat_climate_change_poses_to_the_poor/links/00b7d5228b5f90b0a6000000
- Reid, Hannah và Sarder Shafiqul Alam. 2016. "Phương pháp tiếp cận dựa trên hệ sinh thái để thích ứng: bằng chứng từ hai địa điểm ở Bangladesh." Khí hậu và Phát triển. <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/17565529.2016.1167663?journalCode=tclD20>.
- REID, HANNAH, MOZAHARUL ALAM, RACHEL BERGER, TERRY CANNON, SALEEMUL HUQ và ANGELA MILLIGAN. 2009. "Thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng: tổng quan." Trong học tập và hành động có sự tham gia. Viện Môi trường và Phát triển Quốc tế. https://www.researchgate.net/profile/Tim_Forsyth/publication/40644750_Community-Based_Adaptation_to_Climate_Change/links/0f31753be780e5c04e000000/Community-Based-Adaptation-to-Climate-Change.pdf.
- Revi, A., D.E. Satterthwaite, F. Aragón-Durand, J. Corfee-Morlot, R.B.R. Kiunsi, M. Pelling, D.C. Roberts, và. 2014. Khu đô thị. Tác động, thích ứng và tính dễ bị tổn thương. Phần A: Các khía cạnh toàn cầu và theo ngành. Đóng góp của Nhóm công tác II cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC). https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/WGIIAR5-Chap8_FINAL.pdf.
- RGC. 2018. Giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu đối với tăng trưởng kinh tế ở Campuchia. Bộ Kinh tế và Tài chính & Hội đồng Quốc gia về Phát triển Bền vững, Chính phủ Hoàng gia Campuchia.
- Roy, J., P. Tschakert, H. Waisman, S. Abdul Halim, P. Antwi-Agyei, P. Dasgupta, B. Hayward, M. Kanninen, D. Liverman,. 2018. Phát triển bền vững, Xóa đói giảm nghèo và Giảm bất bình đẳng. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/sites/2/2019/05/SR15_Chapter5_Low_Res.pdf.
- Sarah Parsons, Anne Maassen và Madeleine Galvin. 2019. Biến đổi đô thị: Ở Pune, Ấn Độ, Người nhặt rác đi từ Thùng rác đến Kho báu. <https://www.wri.org/blog/2019/03/urban-transformations-pune-india-waste-pickers-go-trash-treasure>.
- Schalatek, Liane. 2019. Các Nguyên tắc và Tiêu chí của Tài chính Khí hậu Công - Một Khung Định mức. Cập nhật Quỹ Khí hậu; Heinrich Böll Stiftung. <https://climatefundsupdate.org/publications/the-principles-and-criteria-of-public-climate-finance-a-normative-framework-2/>.
- Shammi, M., Rahman, M. M., Bondad, S. E., & Bodrud-Doza, M.. 2019. "Tác động của sự xâm nhập mặn đối với sức khỏe cộng đồng: Đánh giá kinh nghiệm về natri trong nước uống từ các vùng ven biển của Bangladesh." Chăm sóc sức khỏe (Basel), 7 (1). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC6473225/pdf/healthcare-07-00050.pdf>.
- Sack bên, Rhonda. 1999. "Ngân sách cho phụ nữ". Trong Elgar đồng hành với kinh tế học nữ quyền, của M Lewis và J Peterson (eds). E Elgar.
- Shazly, Aminath và Imad Mohamed. 2015. Mối liên hệ giữa Biến đổi Khí hậu và Quyền và Sức khỏe Sinh sản Tình dục (SRHR) của Phụ nữ ở Maldives. Huvadhoo Aid (HAD); Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/11/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Maldives.pdf.
- SIDA. 2015. Phân tích giới - Nguyên tắc và yếu tố. Hộp Công cụ Giới, Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển. <https://www.sida.se/contentassets/a3f08692e731475db106fdf84f2fb9bd/uality-tool-analysis.pdf>.
- Singh, Sujata. 2015. Một báo cáo nghiên cứu về biến đổi khí hậu, nông nghiệp, an ninh lương thực và sức khỏe tình dục và sinh sản ở Nepal. Trung tâm Phục hồi chức năng Phụ nữ (WOREC); Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/05/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Nepal.pdf.
- Smith P, M. Bustamante, H. Ahammad, H. Clark, H. Dong, E.A. Elsiddig, H. Haberl, R. Harper, J. House, M. Jafari, O. Masera, C. Mbow, N.H. Ravindranath, C.W. Rice, C. Robledo Abad, A. Romanovskaya, F. Sperling và F. Tubiello. 2014. Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Sử dụng đất khác (AFOLU). n: Biến đổi khí hậu 2014: Giảm thiểu biến đổi khí hậu. Đóng góp của Nhóm công tác III cho Báo cáo đánh giá lần thứ năm của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/2018/02/ipcc_wg3_ar5_chapter11.pdf.
- Sultana, Farhana. 2018. "Giới và Nước trong Khí hậu Thay đổi: Thách thức và Cơ hội." Trong An ninh nước trên toàn giới, An ninh nước trong một thế giới mới, của C. Fröhlich và cộng sự. Nhà xuất bản Quốc tế Springer. <https://www.farhanasultana.com/wp-content/uploads/2018/01/Sultana-Water-Security-book-chapter-2018.pdf>.
- Swarup A, Dankelman I, Ahluwalia K, Hawrylyshyn K. 2011. Vượt qua cơn bão: Trẻ em gái vị thành niên và biến đổi khí hậu. Kế hoạch quốc tế.

- Swithern, Sophia. 2014. Báo cáo Hỗ trợ Nhân đạo Toàn cầu. Hỗ trợ Nhân đạo Toàn cầu (GHA). <http://devinit.org/wp-content/uploads/2014/09/Global-Humani-Artificial-Assistance-Report-2014.pdf>.
- n.d. Các công nghệ để chống lại tình trạng nắng nóng. Mahila Housing Sewa Trust. https://www.mahilahousingtrust.org/wp-content/uploads/MHT_Technology-to-combat-Heat-Sosystem.pdf.
- The Economist Intelligence Unit. 2014. Chỉ số khả năng phục hồi của phụ nữ Nam Á- Đánh giá vai trò của phụ nữ trong việc chuẩn bị và phục hồi sau thiên tai. Action Aid. <http://actionforglobaljustice.actionaid.org/womens-resilience-index/download/The%20South%20Asia%20Women's%20Resilience%20Index%20Dec8.pdf>.
- Thikey, Manivone và Vanphanom Sychareun. 2015. Liên kết giữa Biến đổi khí hậu và Quyền và Sức khỏe Tinh dục và Sinh sản: Hàm ý đối với Phương pháp Tiếp cận Chính sách Y tế Công cộng ở CHDCND Lào. Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Khoa Nghiên cứu Sau Đại học; Trung tâm Nghiên cứu và Nguồn lực Châu Á - Thái Bình Dương dành cho Phụ nữ (ARROW). https://arrow.org.my/wp-content/uploads/2016/05/Climate-Change-and-SRHR-Scoping-Study_Lao-PDR-1.pdf.
- Tom Mitchell, Thomas Tanner và Kattie Lussier. 2007. Chúng tôi biết mình cần gì: Phụ nữ Nam Á lên tiếng về thích ứng với biến đổi khí hậu. Action Aid. https://reliefweb.int/sites/reliefweb.int/files/resources/4B96B48680BB519DC12573A1005007A1-actionaid_nov2007.pdf.
- Vụ Kinh tế và Xã hội của LHQ. 2007. "Báo cáo từ cuộc thảo luận Trực tuyến về Tài trợ cho bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ." https://www.un.org/womenwatch/daw/egm/financing_uality_equality/Online%20discussion%20report_FFGE-%2019%20Oct.%2007.pdf.
- Hội đồng Kinh tế và Xã hội LHQ. 1997. Báo cáo của Hội đồng Kinh tế và Xã hội năm 1997 (A / 52/3). Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, Ban Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc, Liên hợp quốc. <https://www.un.org/womenwatch/daw/csw/GMS.PDF>.
- UN Women. 2014. Hướng dẫn: Lồng ghép giới trong xây dựng chương trình. Tổ chức của Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ. <https://www.unwomen.org/-/media/head Foot/attachments/section/library/publications/2014/gendermainstreaming-issuesbrief-en%20pdf.pdf?la=en&vs=747>.
- UN Women Ấn Độ. 2015. Báo cáo cuối cùng của chương trình: Để tiếng nói và phiếu bầu của phụ nữ được tính đến (2013-15), một dự án do IT for Change, KMVS và ANANDI thực hiện. UN Women. <http://www.uality-is-citizenship.net/sites/uality-is-citizenship.net.unwomen/files/Final%20Programme%20Report.pdf>.
- UN Women. 2020. "Khóa đào tạo trực tuyến về lập ngân sách có trách nhiệm giới (Học phần 1)."
- UN Women. 2018. Biến lời hứa thành hành động: bình đẳng giới trong chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. UN Women. <https://www.unwomen.org/-/media/head Foot/attachments/section/library/publications/2018/sdg-report-uality-equality-in-the-2030-agenda-for-sustainable-development-2018-vi.pdf? la = vi & vs = 4332>.
- UN Women. 2020. Mở khóa tình trạng đóng cửa: Ảnh hưởng về giới của COVID-19 đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững ở Châu Á và Thái Bình Dương. UN Women. https://data.unwomen.org/sites/default/files/documents/COVID19/Unlocking_the_lockdown_UNWomen_2020.pdf.
- UNDP 2017. n.d. Nguồn từ Giới, Thích ứng với Khí hậu và Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai. UNDP & GGCA.
- UNDP và UN Women. 2018. Giới và Giảm thiểu rủi ro thiên tai ở Châu Âu và Trung Á: Hướng dẫn Hội thảo dành cho Người điều hành. UNDP và UN Women. http://americainagenera.org/newsite/images/cdr-documents/2018/06/Gender_and_disaster_risk_reduction_in_Europe_and_Central_Asia_Workshop_guide_English.pdf.
- UNDP. nd. "Khung đánh giá năng lực và tình trạng dễ bị tổn thương." https://www.adaptation-undp.org/sites/default/files/resources/6-capacities_and_vulnerabilities_assessment_framework_cva_framework.pdf.
- UNDP GEF. n.d. Tăng cường thông tin khí hậu và hệ thống cảnh báo sớm để hỗ trợ phát triển thích ứng với khí hậu ở Campuchia. <https://www.adaptation-undp.org/projects/ldcf-ews-cambodia>.
- UNDP. 2011. Báo cáo Phát triển Con người. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). http://hdr.undp.org/sites/default/files/reports/271/hdr_2011_en_complete.pdf.
- UNDP. 2009. Hướng dẫn về Giới và Biến đổi Khí hậu. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. https://www.un.org/womenwatch/downloads/Resource_Guide_English_FINAL.pdf.
- UNDP Sri Lanka. nd. Phương pháp tiếp cận tích hợp để khắc phục thảm họa: Công cụ về các vấn đề xuyên suốt. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. <https://www.undp.org/content/dam/undp/library/uality/Gender%20and%20CPR/Integrated%20Approach%20to%20Disaster%20Recovery-%20A%20toolkit%20on%20Cross-cutting%20Issues%20-%20Lessons%20from%20the%20Tsunami%20Recovery%20Unit.pdf>.
- UNDP. 2018. Ý nghĩa của việc không để ai bị bỏ lại phía sau- Tài liệu thảo luận của UNDP và khuôn khổ để thực hiện. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.
- UNDRR. 2016. Giảm thiểu rủi ro thiên tai ở Campuchia: Báo cáo hiện trạng. Văn phòng Liên hợp quốc về Thảm họa. <https://>

www.preventionweb.net/files/68249_682301cambodiaupdaed16oct2019.pdf.

- UNDRR. 2015. Báo cáo Đánh giá Toàn cầu về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai. Liên Hiệp Quốc. https://www.preventionweb.net/english/hyogo/gar/2015/en/gar-pdf/GAR2015_EN.pdf.
- UNEP. 2016. Báo cáo Khoảng cách Tài chính Thích ứng. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP). <https://unepdtu.org/wp-content/uploads/2018/10/unep-gap-report-2016-web-6-6-2016.pdf>.
- -. 2019. Vườn rau mang lại lợi nhuận thực sự cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi khí hậu ở Campuchia. <https://www.unenosystem.org/news-and-stories/story/vegetable-gardens-bring-vefining-gains-women-climate-struck-cambodia>.
- UNESCAP. 2019. Tuyên bố Châu Á - Thái Bình Dương về Thúc đẩy Bình đẳng giới. Liên hợp quốc ESCAP / MCBR / 2019/2 / Add.1. <https://www.unescap.org/sites/default/files/Beijing%2B25-Declaration-%28ENG%29-20200220.pdf>.
- UNESCAP. 2018. Ngân sách có trách nhiệm giới ở Châu Á và Thái Bình Dương: Các khái niệm chính và thực tiễn tốt. Liên Hiệp Quốc. https://www.unescap.org/sites/default/files/SDD_Gender-Responsive_Budgeting.pdf.
- UNFCCC COP 21. 2014. Thông qua Thỏa thuận Paris. Hội nghị các Bên COP 21, UNFCCC. <https://unfccc.int/resource/docs/2015/cop21/eng/l09r01.pdf>.
- UNFCCC. 2019. Chương trình làm việc Lima nâng cao về giới. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; COP 25. https://unfccc.int/sites/default/files/resource/cp2019_L03E.pdf.
- -. 2020. Giới thiệu về Tài chính Khí hậu. <https://unfccc.int/topics/climate-finance/the-big-picture/introduction-to-climate-finance#:~:text=Climate%20finance%20refers%20to%20local,that%20will%20address%20climate%20change.&Text=Ch%E1%BB%82ng%20mobilization%20of%20climate%20finance%20should%20represent%20a%20>.
- -. 2017. Các kế hoạch Thích ứng quốc gia đã đệ trình. <https://unfccc.int/topics/resilience/workstreams/national-adaptation-programmes-of-action/napas-renition>.
- -. n.d. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. <https://unfccc.int/>.
- UNFPA và WEDO. 2009. Tài chính tạo ra sự khác biệt. UNFPA và WEDO. https://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/climateconnections_5_finance.pdf.
- UNFPA và WEDO. 2009. Làm cho Kế hoạch Thích ứng Quốc gia có lợi cho phụ nữ. UNFPA và WEDO. https://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/climateconnections_4_napas.pdf.
- UNFPA. 2018. Tiếp cận phụ nữ mang thai bị cắt dịch vụ chăm sóc sau cơn bão Ompong. <https://www.unfpa.org/news/reaching-pregnant-women-cut-care-aftermath-typhoon-ompong>.
- UNIFEM, Pakistan. 2010. Đánh giá nhanh nhu cầu giới của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Quỹ Liên hợp quốc về Phụ nữ (UNIFEM). https://reliefweb.int/sites/reliefweb.int/files/resources/087C34F237920569492577B50005D06C-Full_Report.pdf.
- UNDP. 2019. "Báo cáo Phát triển Con người (Ngoài thu nhập, vượt mức trung bình, xa hơn ngày nay: Bất bình đẳng trong phát triển con người trong thế kỷ 21)." <http://hdr.undp.org/sites/default/files/hdr2019.pdf>.
- Văn phòng Liên hợp quốc về Giảm thiểu rủi ro thiên tai. 2017. Báo cáo của nhóm chuyên gia liên chính phủ mở về các chỉ số và thuật ngữ liên quan đến giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. https://www.preventionweb.net/files/50683_oiewgreportenglish.pdf.
- Văn phòng Liên hợp quốc về Giảm thiểu rủi ro thiên tai. 2019. Báo cáo tổng hợp và phân tích các cam kết tự nguyện trong khung Sendai 2019. Liên hợp quốc. https://www.preventionweb.net/files/submissions/65545_sfvcreport20190503light.pdf.
- Liên Hiệp Quốc. 2020. SƠ LƯỢC VỀ CHÍNH SÁCH: TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI PHỤ NỮ. Liên Hiệp Quốc. <https://www.unwomen.org/-/media/head-foot/attachments/section/library/publications/2020/policy-brief-the-impact-of-covid-19-on-women-en.pdf?la=vi&vs=1406>.
- Hội nghị thế giới của Liên hợp quốc về giảm thiểu rủi ro thiên tai. 2015. Khung Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai 2015-2030. Liên Hiệp Quốc. http://www.preventionweb.net/files/43291_sendaiframeworkfordrren.pdf.
- Liên hợp quốc: Ban Kinh tế và Xã hội. 2020. Báo cáo Xã hội Thế giới (Bất bình đẳng trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng). Liên Hiệp Quốc. <https://www.un.org/development/desa/dspd/wp-content/uploads/sites/22/2020/01/World-Social-Report-2020-FullReport.pdf>.
- UNSDG. 2019. Không để ai lại phía sau, Hướng dẫn hoạt động của UNSDG cho các Nhóm tổ chức Liên hợp quốc quốc gia (Dự thảo tạm thời). Nhóm phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
- UNSDG. 2019. Không để ai lại phía sau, Hướng dẫn hoạt động của UNSDG cho các Nhóm tổ chức Liên hợp quốc quốc gia (Dự thảo tạm thời). Nhóm phát triển bền vững của Liên hợp quốc. <https://unsdg.un.org/sites/default/files/Interim-Draft-Operational-Guide-on-LNOB-for-UNCTs.pdf>.
- n.d. Khả năng phục hồi đô thị. <http://www.100resilientcities.org/>.

- USAID. 2014. Phát triển khả năng chống chịu với khí hậu: Khuôn khổ để hiểu và giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ. <http://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/climate-resilient-development-framework.pdf>.
- V. Masson-Delmotte, P. Zhai, HO Pörtner, D. Roberts, J. Skea, PR Shukla, A. Pirani, Y. Chen, S. Connors, M. Gomis, E. Lonnoy, J.B. Matthews, W. Moufouma -Okia, C. Péan, R. Pidcock, N. Reay, M. Tignor, T. Waterfield, X. Zhou (eds.)). 2018. IPCC, 2018: Tóm tắt dành cho các nhà hoạch định chính sách Trong: Sự nóng lên toàn cầu 1,5 ° C. Một báo cáo đặc biệt của IPCC về tác động của sự nóng lên toàn cầu trên 1,5 ° C so với mức tiền công nghiệp và các con đường phát thải khí nhà kính toàn cầu liên quan, trong bối cảnh tăng cường ứng phó toàn cầu với các mối đe dọa của biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. https://www.ipcc.ch/site/assets/uploads/sites/2/2019/05/SR15_SPM_version_report_LR.pdf.
- Vincent, Katharine, Lucy Wanjiru, Adeline Aubry và Andre Mershon. 2010. Giới, Biến đổi khí hậu và Thích ứng dựa vào Cộng đồng: SÁCH HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN THÍCH ỨNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CÓ NHẠY CẢM GIỚI. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc. [https://www.undp.org/content/dam/aplaws/publication/en/publications/environment-energy/www-ee-library/climate-change/gender-climate-change-and-community-based-adaptation-guidebook-/Gender%20Climate%20Change%20and%20Community%20Based%20Adaptation%20\(2\).pdf](https://www.undp.org/content/dam/aplaws/publication/en/publications/environment-energy/www-ee-library/climate-change/gender-climate-change-and-community-based-adaptation-guidebook-/Gender%20Climate%20Change%20and%20Community%20Based%20Adaptation%20(2).pdf).
- Virginie Le Masson, Sheri Lim, Mirianna Budimir, Jasna Selih Podboj. 2016. Thảm họa và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái: Thảm họa có thể làm suy yếu các chuẩn mực xã hội và các mối quan hệ quyền lực? Viện phát triển hải ngoại. <https://www.refworld.org/pdfid/583c0c744.pdf>.
- Trung tâm VUFO-NGO, CCWG. 2017. Tóm tắt chính sách: Bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu với thiên tai ở Việt Nam. UN Women và UNDP, Việt Nam.
- 2019. Muốn Bảo vệ Rừng? Thu hút nhiều phụ nữ hơn, cho biết Thư ký chung về Rừng của Nepal. <https://www.worldbank.org/en/news/feature/2019/03/07/want-to-protect-forests-engage-more-women-says-nepals-joint-secretary-for-forests>.
- Warrick, O. C. 2011. Tiếng nói từ địa phương, Lựa chọn địa phương? Tính dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu và thích ứng dựa vào cộng đồng ở nông thôn Vanuatu. Luận án, Tiến sĩ Triết học (Tiến sĩ). Đại học Waikato, Hamilton, New Zealand. <https://researchcommons.waikato.ac.nz/bitstream/handle/10289/5828/thesis.pdf?sequence=3&isAllowed=y>.
- Watson, Charlene và Liane Schalatek. 2020. Tài chính khí hậu tóm tắt khu vực: Châu Á. Cập nhật Tài chính Khí hậu; ODI và HBS. <https://climatefundsupdate.org/publications/climate-finance-regional-briefing-asia-2019/>.
- Watson, Charlene và Liane Schalatek. 2020. Tài chính khí hậu tóm tắt khu vực: Châu Á. Cập nhật Tài chính Khí hậu; ODI và HBS. <https://climatefundsupdate.org/publications/climate-finance-regional-briefing-asia-2019/>.
- Watson, Charlene và Liane Schalatek. 2020. Tóm tắt chuyên đề Tài chính Khí hậu: Tài chính Thích ứng. Cập nhật Quỹ Khí hậu, ODI và HBS. <https://climatefundsupdate.org/wp-content/uploads/2020/03/CFF3-2019-ENG-DIGITAL.pdf>.
- Watson, Charlene và Liane Schalatek. 2020. Kiến trúc Tài chính Khí hậu Toàn cầu. Cập nhật Quỹ Khí hậu, ODI và HBS. <https://climatefundsupdate.org/wp-content/uploads/2020/03/CFF2-2019-ENG-DIGITAL.pdf>.
- n.d. Chúng tôi trao quyền cho phụ nữ. <https://www.redcross.org.uk/stories/disasters-and-emergencies/world/we-empower-women>.
- WECF. 2019. Giải pháp Khí hậu công bằng giới. Phụ nữ tham gia vì một tương lai chung (WECF). <https://womengenderclimate.org/wp-content/uploads/2020/02/GJCS-2019-eng.pdf>.
- WECF. 2017. Giải pháp Khí hậu Công bằng Giới. Phụ nữ tham gia vì một tương lai chung (WECF). <https://womengenderclimate.org/wp-content/uploads/2017/12/WGC-Solutions-Publication-COP23-ENG-Final-.pdf>.
- WECF. 2016. Giải pháp Khí hậu công bằng giới. Phụ nữ tham gia vì một tương lai chung (WECF). <https://womengenderclimate.org/wp-content/uploads/2016/12/ENG-WGCSolutionsPubFINALWEB.pdf>.
- WEDO. 2016. Giới và Biến đổi khí hậu: Phân tích các Kế hoạch Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Xác định (INDC). WEDO. https://wedo.org/wp-content/uploads/2016/11/WEDO_GenderINDCAnalysis-1.pdf.
- WEDO. 2016. Tài liệu Nghiên cứu về Giới và Biến đổi Khí hậu: Phân tích Các Đóng góp Dự kiến do Quốc gia Xác định (INDCs). WEDO. https://wedo.org/wp-content/uploads/2016/11/WEDO_GenderINDCAnalysis-1.pdf.
- WEDO. 2017. Quỹ Khí hậu Xanh: Hướng dẫn Vận động từ Tổ chức Tương lai về Quyền của Phụ nữ. Tổ chức Môi trường và Phát triển của Phụ nữ (WEDO). https://wedo.org/wp-content/uploads/2020/02/GCF_Guide_to_Advocacy_Womens_Rights_Perspective.pdf.
- WHO và IFRC. 2010. Hướng tới 100% hiến máu tình nguyện: Khung hành động toàn cầu. Tổ chức Y tế Thế giới & Liên đoàn Quốc tế về Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ. http://www.who.int/bloodsafety/publications/9789241599696_eng.pdf.
- WHO. 2011. Lồng ghép giới cho các nhà quản lý y tế: một cách tiếp cận thực tế. Tổ chức Y tế Thế giới. https://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/44516/9789241501071_eng.pdf;jsessionid=0FA6E4E2D905845BE1352BF519B3B24F?sequence=1.
- WHO. 2010. Giới, Biến đổi khí hậu và Sức khỏe. Tổ chức Y tế Thế giới. <https://www.who.int/globalchange/>

GenderClimateChangeHealthfinal.pdf?ua=1.

- WHO. 2014. Đánh giá định lượng rủi ro về tác động của biến đổi khí hậu đối với các nguyên nhân tử vong được chọn, những năm 2030 và 2050. Tổ chức Y tế Thế giới. https://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/134014/9789241507691_eng.pdf?seq.
- Williams, Casey, Danielle Falzon và Saleemul Huq. 2018. Huy động Kiến thức để Nâng cao Năng lực Thích ứng. Trung tâm Quốc tế về Biến đổi Khí hậu và Phát triển (ICCAD), Bangladesh. http://www.icccad.net/wp-content/uploads/2018/09/ICCCAD_Policy-Brief_Sept_18_Mobilizing_Knowledge_to_Enhance_Adaptive_Capacity.pdf.
- WOCAN; UN-REDD; BẠN ĐÃ NÓI. 2013. Nghiên cứu phạm vi về các Thực tiễn tốt để tăng cường sự hòa nhập của phụ nữ trong quản lý rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. WOCAN; UN-REDD; USAID-LEAF Sáng kiến khu vực chung cho sự hòa nhập của phụ nữ trong REDD +. http://www.wocan.org/sites/default/files/Scoping_Study_Gender_REDD%2B_WOCAN-UNREDD-LEAF_Oct%202013.pdf.
- Ngân hàng thế giới. 2010. Kinh tế thích ứng với biến đổi khí hậu: Báo cáo tổng hợp. Ngân hàng quốc tế. <http://documents1.worldbank.org/curated/en/646291468171244256/pdf/702670ESW0P10800EACCSynthesisReport.pdf>.
- Ngân hàng thế giới. 2011. Giới và Biến đổi khí hậu: Ba điều bạn nên biết. Nhóm Ngân hàng Thế giới. <http://documents1.worldbank.org/curated/vi/274081468183862921/pdf/658420REPLACEM00Box374367B00PUBLIC0.pdf>.
- Nhóm Ngân hàng Thế giới. 2019. Phân tích so sánh các khía cạnh kinh tế xã hội của việc loại trừ LGBTI ở Serbia. Ngân hàng thế giới. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/32395>.
- Ngân hàng thế giới. 2020. Phát triển đô thị. <https://www.worldbank.org/en/topic/urbandevelopment/overview>.
- Ngân hàng thế giới. 2020. Phụ nữ, Kinh doanh và Pháp luật. Nhóm Ngân hàng Thế giới. <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/32639/9781464815324.pdf?sequence=10&isAllowed=y>.
- Ngân hàng thế giới. 2012. Báo cáo Phát triển Thế giới- Bình đẳng giới và Phát triển. Ngân hàng quốc tế. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/4391>.
- Yanka, Dorji, Peter Newman, Vanessa Rauland và Peter Devereux. 2018. "Tính bền vững ở một quốc gia mới nổi: Nghiên cứu điển hình về Bhutan." Tính bền vững (10) (MDPI). <https://www.mdpi.com/2071-1050/10/5/1622/pdf-vor>.
- Young, C và R. Jones. 2014. Khung giải pháp vấn đề: hướng dẫn quy trình cho các nhà thực hành thích ứng. VICES Tài liệu về Biến đổi Khí hậu số 19; Viện Nghiên cứu Kinh tế Chiến lược Victoria, Đại học Victoria. <https://www.vu.edu.au/sites/default/files/cses/pdfs/2015-young-problem-solution-framework.pdf>.



www.empowerforclimate.org

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN

UN Women

Inkar Kadyrzhanova

UN Environment Programme

Annette Wallgren

UN Women khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

 empowerforclimate@unwomen.org

 asiapacific.unwomen.org/

 @unwomenasia

 @unwomenasia

 @unwomenasia

UNEP khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

 uneproap@un.org

 unenvironment.org/regions/asia-and-pacific

 @UNEPROAP

 @unep

 @unep_asiapac

**EmPower: Trao quyền cho phụ nữ vì một xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu
là chương trình hợp tác giữa:**

